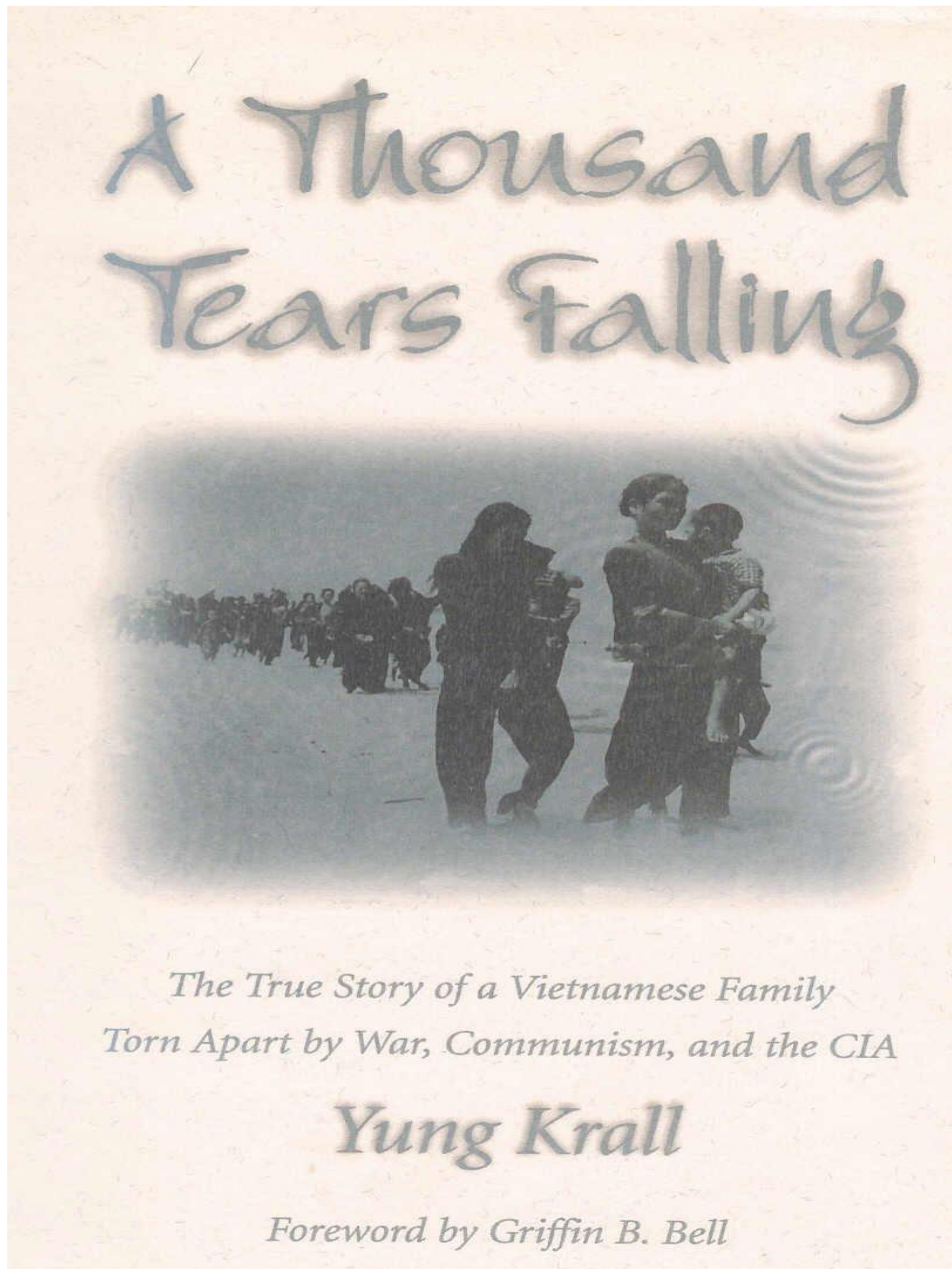
Ngàn Giọt Lệ Rơi



Chương 1

Đặng Mỹ Dung, con gái của ông Đặng Quang Minh (tên thật Đặng Văn Quang) nguyên đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam tại Liên Xô thời kỳ 1966-1972.

Đặng Mỹ Dung cộng tác với CIA và FBI để phá vỡ mạng lưới gián điệp Việt Nam hoạt động tại Mỹ thời kỳ 1976-1978, khiến ông Đinh Bá Thi, đại sứ Việt Nam tại Liên hợp quốc bị trục xuất.

Trong buổi cơm chiều hôm đó, tôi móc tờ truyền đơn trong túi quần đùi ra khoe tài biết đọc. Đọc xong, tôi hỏi ba tôi là truyền đơn nói gì. Ba tôi nói Hà Nội và Pháp đã đi đến một thoả thuận tại hội nghị Geneve, thoả thuận này mang đến hoà bình cho đất nước của chúng ta. Tây không còn giết chóc dân lành của mình nữa. Thằng Tây thua trận Điện Biên Phủ, mình thắng rồi, Tây sẽ xuống tầu về Tây.

Điện Biên Phủ, cái tên vang lừng mà tôi thuộc nằm lòng, một địa danh đem đến nhiều hy vọng cho dân tộc Việt Nam. Biết bao nhiêu chiến sĩ đã hy sinh dưới lá cờ của Việt Minh; chiến thắng, là hàng vạn quân thù đã bỏ thây nơi trận địa này, rồi mang theo giấc mơ thống trị Việt Nam trong giấc ngủ thiên thu của họ. Tướng Võ Nguyên Giáp, vị tướng lãnh chỉ huy trận đánh lịch sử này trở thành anh hùng dân tộc. Bấy giờ, gia đình nào có con em đi bộ đội, gặp nhau ồn ào ra mặt. Người người hãnh diện với chiến thắng này, với sự đóng góp và hy sinh của gia đình họ.

Má tôi đếm trên những ngón tay mềm mại của bà rồi dặn tôi, đừng quên lúc tôi lên tám, hoà bình đã trở lại trên xứ sở của mình. Bà dặn đi dặn lại đừng bao giờ quên lúc tôi lên tám Tây thua trận, dân tộc Việt Nam đuổi Tây về Tây, nước Việt Nam được

độc lập, tự do. Dù không có tám cây đèn cầy cho tôi thổi để ước được những món quà mà tôi hằng mong ước, nhưng ngược lại, những ước mơ lớn bằng bầu trời của nước Việt đã thành sự thật trên từng tấc đất của quê hương. Ngày đó, tôi hiểu được ý nghĩa của trận mưa xanh.

Hoà bình! Hoà bình! Hoà bình! Niềm vui rạng rỡ trên mặt của ba tôi, trên nụ cười, trong những bước đi lẹ làng của người, khi ông dẫn tôi và Hải Vân đến trường làng buổi sáng hôm sau. Đám học trò xếp hàng chào quốc kỳ. Đây là những việc chúng tôi làm hàng ngày, nó đã thành thói quen, nhưng sáng nay buổi chào cờ trở thành trọng đại hơn, và danh dự cho những ai đứng dưới lá quốc kỳ. Khi tụi nhỏ hát bài quốc ca, ba tôi hát với chúng tôi; tôi liếc nhìn, bắt gặp nụ cười trong mắt người. Trong

nắng ấm của buổi ban mai này, bỗng nhiên tôi nổi da gà từ đầu cho đến hết cơ thể bé nhỏ của tôi.

Trong những ngày hạnh phúc tuyệt vời đó, trời đất cũng theo nhịp điệu những con tim rạng rỡ của người dân giành lại được độc lập tự do. Trăng sáng trên sông, thủy triều lên cao, cá nhảy trước bến nhà. Gia đình tôi nói đến chuyện dọn nhà về bên ngoại. Tôi vụt nghĩ đến cậu Hai Hợi, người thợ mộc tài ba trong Xẻo Môn đã từng săn sóc, giúp đỡ gia đình tôi mỗi lần phải tản cư. Rồi cậu sẽ vô rước chúng tôi về làng; thế nào cậu cũng sẽ lặp đi lặp lại cái câu quen thuộc: “Dân mình đá đít thằng Tây”. Rồi cậu ăn mừng bằng một xị đế nặc nồng.

Đời sống của chúng tôi sẽ thay đổi kể từ giờ phút này. Dân trong làng của ông bà ngoại ở ngoài “vùng giải phóng” sẽ không còn sợ sệt, với hai tay

cầm nón cung kính khi nói chuyện với quan Tây hay quan thầy nữa. Những người trong xóm "coolie" được trở về làng mạc của họ, để sống với danh dự của nhà nông. Tôi sung sướng khi nhận thức rằng chúng tôi không còn phải chạy xuống hầm núp trốn máy bay, và tránh những trận mưa bom nữa. Từ đây không còn những trận máy bay oanh tạc, hết xác chết trôi sông, hết nhà cháy, hết thấy mấy con trâu vô tội phơi thây ngoài ruộng lúa và cả người lẫn thú hết sợ thằng Tây!

Tôi nghe trong tiếng đờn vĩ cầm của ba tôi có những sung sướng này, những tiếng nhạc từ phương xa ba tôi thường giải trí vợ con, đã lâu ông mới đờn lại. Linh hồn của những chiến sĩ đã hy sinh ở Điện Biên Phủ hình như đang lại vang đâu đây với chúng tôi, và tự do đến gần với tầm tay, mà tôi tưởng là mình có thể với tay được.

Nhưng, những người chế tạo hoà bình ở Hà Nội có những món đồ khác. Hoà bình theo ý dân chưa đủ: hoà bình giản dị như chúng tôi và người dân Việt mong muốn không phải là thứ hoà bình mà mấy người ngoài Hà Nội bàn tính với nhau. Tôi không hiểu họ muốn cái gì, khi tôi nghe lỏm những lần ba má tôi cãi lộn nhau. Rồi, tinh thần Điện Biên Phủ chết non trong gia đình tôi. Ba má tôi cãi nhau có khi đến khuya về "xã hội chủ nghĩa" hay con khỉ khô gì đó; còn nhỏ quá tôi không hiểu được. Nhưng hai người cãi nhau, chung qui về cái "xã hội chủ nghĩa". Má tôi khóc cũng tại nó. Con cái trong nhà, đứa nào cũng đau lòng về những cuộc cãi vã này. Ba tôi bắt má tôi ngồi nghe ông giảng bài cách mạng, ông lại là một người lánh nạn, với một giải thưởng đắt giá treo trên cổ ông. Vì vậy, những giờ phút được gặp vợ con thật là quý báu. Khi nào an

ninh được bảo vệ thì ông lén về thăm vợ mới, con thơ.

Một tên sĩ quan tình báo Pháp nhận đặc trách theo dõi ông. Nó tìm hiểu về những thói quen của ông, biết cặn kẽ về mối liên hệ trong gia đình, về kẻ quen người thuộc của ông. Nó còn biết đến những thứ tiêu khiển, cũng như cái say mê trong lòng của người đàn ông yêu nước này. Nó biết ông sẽ phải về thăm người cha già đang đau nặng. Rồi một buổi trưa nọ, trong khi mọi người đang nghỉ trưa, một thằng Tây và tên tay sai người Việt xóc bảng xuống đến nhà cha mẹ của ông.

Chúng tưởng chúng đến bất ngờ. Nhưng trong lúc chúng mang giầy Tây đi lụi đụi trên con đường đất dẫn vô nhà ông bang biện Cận, có một thanh niên nhận ra chúng. Anh vội phóng đường tắt về nhà

báo động. Ba tôi nhanh nhẹn lấy bộ đồ bà ba của người làm ruộng mặc vô, quấn trên đầu cái khăn sọc của người em gái, giả dạng một thôn nữ, rồi leo lên cây vú sữa, làm bộ hái trái. Tên Việt gian trờ đến, đứng dưới gốc cây, tay che mặt ngẩng đầu lên hỏi cô thôn nữ có biết "thầy giáo Quang" ở đâu không? "Chú vô hỏi vợ thầy hoặc má thầy thử coi" ba tôi trả lời.

Tên sĩ quan tình báo Tây và tay sai vội làm theo lời ba tôi. Vào nhà, chúng tỏ ra lịch sự, ngọt ngào với má tôi. Chúng nói chúng là những người mến mộ ba tôi, đến xem tác phẩm nghệ thuật của ba tôi (một vài tấm gỗ ba tôi chạm hồi còn đi học). Tên sĩ quan Tây nhìn anh Khôi gật gù khen anh giống cha nhiều lắm. Họ hỏi má, ba tôi đâu rồi. Tên tay sai cố làm cho má tôi yên lòng nên nói:

- Tôi là bạn của ảnh, chúng tôi từng dậy cùng một trường ở Vĩnh Long cho tới khi tôi đổi qua học mỹ thuật, chị ạ. Chị tin tôi đi.

Câu nói đó không lay chuyển được má tôi. Bà đáp:
- Khó mà biết ai tin được, bởi vì chó còn ăn thịt chó nữa kia, ông ơi.

Tên sĩ quan Tây vò đầu con của kẻ thù, rồi nói câu thòng trước khi bỏ đi:

- Cho cha mi hay là ta sẽ trở lại.

Sau khi họ đi rồi, ba tôi từ trên cây tuột xuống ôm lấy vợ con. Lúc đó má tôi đang mang bầu. Ba dặn má đừng bao giờ trả lời kẻ thù những gì khác hơn là "không biết". Ông ôm chặt đứa con trai vào lòng

thật lâu, rồi xin cha mẹ thương yêu săn sóc vợ con. Sau đó ông biến dạng.

Ngày tháng trôi qua, má tôi không thấy mặt cũng chẳng nghe tin tức gì của chồng. Một đồng chí tin cẩn cho biết là ba tôi đã được lịnh đi bên Xiêm mua khí giới cho cách mạng. Má tôi quyết định dẫn con về làng của bà, vì cũng sắp đến ngày sanh nở. Kỳ nghén này, sức khoẻ của má tôi rất kém; mà lại có song thai, vậy bà cần về bên ngoại để được chị của má săn sóc. Đến ngày má đi sanh, ba xuất hiện một cách bí mật và bất ngờ, lẻn vào nhà thương Cần Thơ chứng kiến một sự nhiệm mầu. Má tôi sanh hai người con gái, trước sau ba mươi phút. Đây không phải là hai cục vàng mà là hai viên kim cương; ba tôi đặt hai chị là Kim và Cương. Một lần nữa, để bảo vệ an ninh cho chính mình, ba tôi lại phải ra đi ngay lập tức.

Hai năm sau, ba tôi thật sự "biến mất". Khó mà biết ông ở đâu vì đối với ông, vắng mặt thật lâu đã trở thành thói quen. Nhưng lần này có tin cho biết ba tôi đã bị Tây bắt. Má tôi không tin, nhưng rồi cũng phải tin, vì chính tên sĩ quan tình báo đã một lần đến nhà tôi khoe rằng chính nó đã bắt ba tôi. Ba tôi bị đầy ra Côn Nôn.

Má tôi che giấu nỗi tuyệt vọng khi thằng Tây ra giá với bà: nếu bà chịu khai với mật thám Tây về những hoạt động cách mạng của ba tôi, thì bà sẽ được phép đi thăm nuôi. Nhưng bà nói là việc thăm nuôi không có ích lợi gì, vì bà đang đau và phải chăm sóc gia đình. Bà nói: Tôi là vợ, chớ tôi không là đồng chí của ổng nên hỏi tôi về việc chánh trị tôi mịt mù không biết gì đâu. Mấy chuyện tôi biết chẳng quan trọng gì với ông. Tôi chỉ biết chuyện thay tã và giờ giấc cho con bú thôi.

Mấy tháng trôi qua, không có tin tức trực tiếp gì của ba tôi và các cậu. Những người được phóng thích từ khám lớn trở về ghé thăm má tôi. Họ cho biết là ba tôi và hai người anh của ba đã chịu đựng hết các cuộc tra tấn khủng khiếp. Họ khuyên má viết thơ cho ba tôi khuyên ông nhượng bộ để tránh những cuộc khẩu cung dẫn những trận tra tấn dã man. Khi má tôi nghe họ kể tỉ mỉ về những trận tra tấn trong tù và các tù nhân khác, qua xúc động bà muốn nghe lời họ. Nhưng khi má hỏi ý kiến ông ngoại, ông nói "Con nên nghe lời nó dặn lúc nó còn ở nhà. Nó biết chuyện nó làm. Con đừng có nghe lời người ngoài chỉ biểu. Kiên nhẫn, chịu đựng và đừng viết thơ".

Từ tháng này qua năm khác, gia đình không ai nhận được một lá thơ nào của ba. Má tôi cùng hai người chị dâu, mợ Tư Diệp và mợ Năm Sắc, âm

thầm chờ chồng. Gia đình chỉ sống với những tia hy vọng mỏng manh qua lời nhắn của những người được phóng thích sớm. Nào là mấy ổng còn sống, mấy ổng còn ở trong tù, mấy ổng bị bịnh, v.v… Có người tình nguyện đem thơ và hình của má và anh chị tôi, vì ba tôi xin được thấy hình vợ con. Má tôi vội dẫn anh Khôi, và hai chị Kim, Cương đi chụp hình. Má làm được việc này hai lần trong suốt năm năm. Như ông ngoại đã dậy, má nhẫn nại nuôi con, chờ chồng. Nhờ tài may vá kiếm đủ ăn, bà còn dành dụm chút ít, với hy vọng trong tương lai sẽ cùng ba sống trong một mái ấm gia đình.

Tháng Tám, năm 1945, Đệ nhị thế chiến chấm dứt. Ba tôi cùng hàng vạn người làm cách mạng khác bị Tây giam giữ ở Côn Đảo rời khỏi địa ngục này vào khoảng trung tuần tháng Tám năm đó. Ông là một

trong số hành khách trên chuyến tầu đầu tiên cập bến Đại Ngãi, Sóc Trăng.

Cậu Năm Sắc bị lao phổi nặng. Cậu về trong chuyến tầu thứ hai cập bến tại Cần Thơ cùng với cậu Tư Diệp và 200 đồng chí của hai cậu. Những người còn đủ sức khoẻ đã cõng cậu Năm ra khỏi trại xuống tầu. Người thì chống gậy, kẻ lê lết. Họ gào thét trong sung sướng khi an vị trên tầu.

Ba tôi kể lại: nhiều người quá kiệt sức vì bịnh nặng, vì thiếu dinh dưỡng, nên đã chết trên đường về đất liền. Bởi trong tù, Tây cho ăn cá muối ướp với vôi trắng. nên bị phù thũng. Nhiều người đi không nổi, bạn bè phải dìu dắt ra khỏi những cái chuồng. Việc đầu tiên của những người bị biệt giam là chạy tìm nhau coi ai mất ai còn. Những vòng tay ôm lấy nhau trong ngày ấy cũng trở thành

những vòng tay siết chặt trong công cuộc đoàn kết đấu tranh sau này trong vùng giải phóng chống ngoại bang.

Rồi họ lần lượt xuống tầu rời Côn Đảo, trở về với mái ấm gia đình. Trong cơ thể ba tôi, nhiều ống xương bị gẫy. Bàn tay trái giầy đinh đạp gẫy mấy lóng tay. Mấy lần được thả ra khỏi hầm, ba tôi lấy than vẽ cảnh hoạt động trong sân trại. Bị bọn cai tù cấm nhiều lần, nhưng ông không nghe lời, nên bị chúng đạp lên bàn tay. Ba trải qua không biết bao nhiêu trận tra tấn đớn đau. Những trận tra tấn đó để lại những vết thẹo trên lưng, trên vai, trên tay người làm cách mạng, và sau hơn nữa, có những vết thương trong lòng người đàn ông yêu nước. Nhưng kẻ thù đã thất bại vì nhà cách mạng này không dễ bị lung lạc, không chồn bước và tinh thần lúc nào cũng vững như thành đồng. Đó là tinh thần của một

người Việt Nam yêu nước, quyết tâm giành độc lập, tự do cho quê hương mình.

Tháng chín năm 1945 lại mở đầu cho một chiến dịch mới của Việt Minh. Ba tôi và các cậu rút vô trong bưng, vợ con lần lượt tản cư theo.

Tháng 5-1946, tôi ra đời, và ba năm sau em tôi nối tiếp. Ba đặt tên em là Hải Vân vì lúc đó bộ đội vừa đánh đèo Hải Vân. Công cuộc chiến đấu của ba tôi không ngừng cũng như cuộc xâm lăng của ngoại bang vẫn tiếp diễn.

Tôi còn nhớ có một lần gia đình tôi phải bỏ chạy, vì Tây ập đến đốt nhà, phá làng. Gia đình tôi phải chạy xuống một chiếc ghe, tản cư đến một làng khác; Nơi đó, gia đình tôi lại bắt đầu cuộc sống mới trong một ngôi nhà mới.

Như một phim tài liệu trắng đen chiếu đi chiếu lại trong tâm thảm của tôi, mà má tôi là người kể chuyện. Tôi nhà hoài ngôi nhà gần ngã từ Ong Vèo, nằm trong một làng nhỏ cũng trong tỉnh Rạch Giá. Tôi năm tuổi. Hải Vân hai tuổi, má tôi đang mang bầu sắp sanh. Ngôi nhà ngói đỏ, trước hiên có bốn cây cột gỗ mun to tưởng, tôi ôm mà không hết vòng tay. Nhà này không phải là nhà riêng, mà là cơ quan hoạt động chánh trị của ba tôi. Má tôi biết Việt Minh lấy nhà của những chủ điền giầu có để làm trụ sở, các cơ quan và nhà ở cho gia đình cán bộ. Những chủ điền mất nhà phải trở về ruộng cất nhà khác, hoặc phải tạm ở đậu với tá điền.

Ba tôi không thích chủ trương cướp nhà kiểu này, mà phải âm thầm sống trong hoàn cảnh trái với lương tâm mình. Nhưng rồi má tôi xin tiền của ông bà ngoại để lén trả tiền mướn nhà và đất cho chủ

điền. Hành động “phản đường lối” này chỉ có má tôi và chủ điền biết thôi, và mỗi lần di chuyển đến địa phương khác, Việt Minh vẫn mướn nhà, mướn đất như vậy. Má tôi tiếp tục “phản đường lối”. để không bị lương tâm cắn rứt.

Khi chúng tôi ở Ong Vèo, nhà luôn luôn đông khách. Họ tới để họp với ba tôi hoặc tạm trú để đi chữa răng ở một trạm nha y gần đó. Có người từ miền xa đi công tác ghé qua ăn một bữa cơm gia đình. Con đông, khách nhiều, một mình má tôi lo không xuể. Bà nhắn về Bang Thạch xin ông bà ngoại giúp đỡ, đồng thời gửi cho ba hai người giúp việc. Bà ngoại mướn hai người em cô cậu ruột của má là Dì Mận và Dì Chi vô giúp má tôi; lại thêm chị Hiển, con của người trong làng Bang Thạch để giữ em.

Thỉnh thoảng có hai người tù đến chèo ghe cho ba tôi đi công tác. Đó là chú Hương và chú Đời. Họ cũng tá túc trong nhà chúng tôi một vài ngày chở ba tôi đi công tác. Họ không có tội gì nặng hay nguy hiểm, nên chị em chúng tôi không sợ. Tội của họ là buôn lậu những đồ từ ngoài thành đem vô.

Khách của ba tôi là các đồng chí của ông. Họ đến hội họp, ăn uống, đôi khi ngủ lại. Họ chiếm gần nửa căn nhà. Trong khi đó, má tôi chỉ có hai người khách quý, đó là ông bà ngoại của chúng tôi. Thỉnh thoảng nghe Tây bố ở trong khu, nóng ruột vì sự an ninh của con cháu, ông bà vô thăm nom, nhưng không bao giờ để lộ sự lo âu cho ba tôi thấy.

Một trong những người khách thường xuyên của gia đình là chú Lê Đức Mai. em trai của bác Lê Đức Thọ. Gia đình tôi là gia đình thứ nhì của chú,

vì gia đình của chú ở tận ngoài Bắc. Anh Khôi là người bạn tí hon của chú, và má tôi là người cho chú ăn những bữa cơm thanh đạm của miền Nam. Nhà tôi ở gần trạm nha y, nơi bộ đội và những người trong tổ chức cách mạng khắp miền Tây đến chữa răng. Cũng tại cái trạm nha y này mà Ong Vèo không còn là một nơi an cư nữa cho dân làng. Khi Tây phát giác ra trạm nha y và những trụ sở của Việt Minh chung quanh đó, Ong Vèo trở thành mục tiêu cho những trận không tạc khủng khiếp không ngừng.

Gia đình tôi phải tập đi tập lại để thuộc lòng con đường chạy trốn máy bay. Hầm núp cũng thay đổi vị trí hoài. Tất cả người dân đều được phân công rõ ràng, mỗi người có một trách nhiệm khi nghe tiếng máy bay từ xa. Dì Mận và Dì Chi có trách nhiệm mang theo những đồ quý giá trong nhà lúc chạy

máy bay. Tôi nhớ là nhà tôi trong vùng kháng chiến không có cái gì quý giá, chỉ có tánh mạng chúng tôi và cái bàn máy may của má. Lần nào chạy máy bay, cái đầu máy cũng được mang trước. Nó nằm trong bụi tre cho tới khi Tây bay đi xa rồi mới được đem vô nhà.

Tôi được dặn kỹ là phải chạy theo sát bên má, trong khi má bồng Hải Vân. Để không chết chùm, hầm trú ẩn của ai thì người này phải trốn vô đó. Riêng má tôi và Hải Vân thì cùng xuống một hầm vì nó còn nhỏ quá, không thể để nó một mình.

Có một thời, anh Khôi và hai chị Kim, Cương đi học ở một trường nội trú tỉnh Bạc Liêu. Mỗi lần máy bay của Tây tấn công Ong Vèo, má lại lo cho ba người ở xa. Rồi chính ngôi trường đó bị Tây bỏ bom cháy rụi; ba anh em phải trở về nhà, chừng đó

má và thêm ba đứa con để trông chừng mỗi lần chạy máy bay. Tóm lại cuộc sống trong bưng biền của chúng tôi, ở đâu rồi cũng sợ. Sợ chết chùm, sợ chết lẻ loi, sợ chết trôi chết nổi, sợ phơi thây ở rừng sâu nước độc. Sợ thằng Tây lông lá, sợ người Việt ngã lòng vì không khuất phục được những thử thách quá khó khăn.

Tôi thường nhớ đến tuổi thơ của tôi, đến quãng đời với nỗi sợ hãi đó. Kỷ niệm về cuộc sống ở Ong Vèo vẫn còn trong trí nhớ của tôi, vẫn còn ấm trong con tim của người fon gái đã sống với đất nước và dân tộc.

Nhà tôi ở không xa cái chợ chồm hổm, nơi dân làng tụ hội, ăn uống, đổi chác cá, khoai, gà, vịt. Người ta cũng tới đây ban đêm để nghe Việt Minh tuyên truyền, nghe đi nghe lại những khẩu hiệu

chống Pháp cứu nước. Có một lần chị Hiển, người giữ Hải Vân, bồng em và dẫn tôi theo chị ra đầu làng coi "Bà Bông". Cái Bà gì mà dơ dáy, bẩn thỉu, bị nhốt trong cái chuồng để ở giữa chợ chồm hổm cho người ta tới coi. Mặt "Bà" bị bầm tím, đầu tóc rối nùi. Một anh bộ đội mang súng trên vai đứng canh người đàn bà bất hạnh đó. Má tôi cũng không hiểu sao bá ấy cứ la: "Tui là đàn bà, chứ không phải là đàn ông, thả tui ra". Bà còn vạch áo cho người là bu chung quanh chuồng thấy áo nịt ngực, rồi la lớn hơn: "Coi nè, tui là đàn bà!".

Tôi càng không hiểu, vì người đó không có vú như mấy dì, em bà con của má. Ngực của người đó lép như ngực của chú Hương và chú Đời. Về sau tôi mới hiểu người đàn ông đó trá hình đàn bà. Nhà cầm quyền địa phương nhốt ông ta vô chuồng để

răn những ai dám phô trương họ thuộc loại đồng tính luyến ái.

Tôi không dám nói với ai là tôi thương hại người đó, và tiếng kêu gào của người trong chuồng làm tôi thao thức nhiều đêm.

Ở Ong Vèo, ba tôi có những công tác gần nhà, nên người thường có mặt ở nhà. Vì vậy, ông chơi với chúng tôi nhiều hơn trước. Ba tôi thường đờn vĩ cầm, và dậy anh Khôi những ngón đờn mà anh hay bị trật lên trật xuống. Tôi mò mẫm được mấy bài hát nho nhỏ qua cây đờn mandoline của anh Khôi. Ba tôi đã kèm cho tôi đờn được bài quốc ca. Tôi còn nhớ bàn tay bé nhỏ của Hải Vân trên những sợi dây đờn. Nó dùng ngón trỏ móc những dây cho kêu lên để cả nhà vỗ tay tán thưởng, vào thời đó, nhà tôi vui lắm, luôn luôn có tiếng đờn tiếng hát của

người lớn lẫn trẻ thơ, tiếng má ru em, tiếng mấy dì "hò khoan", tiếng chị Hiển "ù ơi, dí dầu" để ru ngủ Hải Vân trên cái võng. Anh chị em chúng tôi hay nghêu ngao hát bài "Tình đồng chí".

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau
Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn, thành đôi tri kỉ
Đồng chí!
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.
Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo
(1948)

Chúng tôi hát cho quê hương nghèo khổ, giặc giã, cho tình đồng chí trung kiên. Chúng tôi ca ngợi những chàng trai yêu nước, các anh vệ quốc quân nằm gai nếm mật, những bà mẹ chiến sĩ thương con, thương cả những người con xa gia đình. Mối thù quan xâm lăng đã vĩ đại trong từng con tim nhỏ bé của chúng tôi từ lúc ấy, và tình yêu đất nước có sẵn trong tim và nó tự nhiên như tình yêu ông ba, cha mẹ.

Sáng sớm, ba má tôi hay ra bắt sâu, nhổ cỏ trong cái vườn nhỏ sau hè. Ba tôi trồng sâm cho má uống để có thêm chất bổ, cho “mẹ tròn con vuông”, vì má tôi đang có thai.

Một hôm đi ăn giỗ về, vừa mở cửa bước vô nhà, ba tôi vui vẻ khoe rằng có người dưới xóm chỉ cách cho ông nuôi tằm lấy tơ. Má tôi nghe xong chỉ lắc đầu cười. Nhưng ba tôi như một đứa trẻ vừa có món đồ chơi mới. Ông chọn cái hiên bên hông nhà, rồi cùng anh Khôi xây dựng cho nuôi tằm, ông vừa làm vừa hát. Người nuôi tằm cho ba tôi hai vỉ tằm. Trò giải trí của ba tôi chẳng bao lâu trở thành công việc bận hàng ngày của má, dì Chi và dì Mận. Khi tằm sinh sôi nảy nở quá nhiều, má phải mướn người xắt lá dâu cho tằm ăn. Tôi thấy mỗi lần rải lá dâu lên những con tằm trong vỉ, là chúng trườn lên đống lá ngay, ăn lẹ hơn con của má tôi ăn vặt.

Ba tôi đi công tác xa đến gần Tết mới về, và dẫn theo một người con trai trạc tuổi anh Khôi, mười lăm hay hay mười sáu gì đó, tên là Nhãi. Anh Nhã ốm như cây tre miễu, tóc anh hớt ngắn, trông xấu xí như có lần anh Khôi bị một người thợ lạ làm hư mái tóc đến nỗi anh phát khóc. Khi ba tôi giới thiệu người con trai nhút nhát, nhỏ nhẹ này với má, tôi mới biết là ba má đã nhận 4 người con nuôi hồi nào má tôi không biết, nay dẫn về nhà ra mắt má và các em. Lúc vắng mặt anh Nhã, anh Khôi cho tôi biết má của anh Nhã chết trong một trận máy bay oanh tạc ở làng của anh. Còn ba anh thì bị ho lao chắc cũng sẽ chết. Kể từ ngày gia đình tan nát, anh ở với ông nội. Nay ông cũng đã quá già. Ông nội và ba anh đã xin ba má tôi nhận anh làm con nuôi. Trong những năm loạn lạc, ba má tôi làm cha mẹ đỡ đầu, cha mẹ nuôi của nhiều trẻ mồ côi. Lúc đầu, vừa nghe anh Nhã kêu má tôi là "má", tôi coi anh là đối

thủ liền. Tôi ganh với anh, vì mấy ngày đầu, ba má săn sóc anh nhiều quá. Anh Khôi hiểu được nỗi lòng của tôi qua những cử chỉ và ánh mắt của tôi, nên anh dẫn tôi ra sau hè, rầy cho một trận. Anh nói mình nên chia sẽ cái diễm phúc của gia đình mình, chia tình thương của ba má cho anh Nhã; phải thương anh ấy. Tôi lắng nghe nhưng không hứa hẹn gì hết, vì còn muốn coi anh ấy có đáng được thương không. Anh Khôi chê tôi là "đồ xấu bụng". Tôi không sợ mà chỉ biết là tôi đang ghen với "cây tre miễu" này. Những sau đó thấy anh Nhã hiền, hoà mình với tất cả mọi người trong nhà. Anh kiên nhẫn chơi với con nít. Một buổi sáng nọ, ba tôi ngồi trước mái hiên nói chuyện với con cái, trong đó có cả anh Nhã. Ba dậy cho chúng tôi biết ánh sáng của mặt trời là một nguồn năng lượng quý giá. Khi ở tù, mỗi lần bị biệt giam dưới hầm đất ẩm ướt, ba ts khổ cực vì chật chội chỉ đủ để trở mình; lúc

ngủ thì phải nằm co như cái bào thai trong bụng mẹ. Chỉ tiếp xúc được với thế giới bên ngoài nhờ một cái lỗ nhỏ đủ rộng cho cai tù đưa đồ ăn xuống. Ba tôi bị ghẻ lở đầy người. Để giữ gìn sức khoẻ, sáng nào cũng chờ mặt trời lên cao, ba tôi cởi hết quần áo ra, kiên nhẫn "tắm nắng" dưới tia sáng của mặt trời qua cái lỗ nhỏ. Cuối cùng, khi ông được kéo lên khỏi hầm, thằng Tây cai tù ngạc nhiên nhìn cái vai rám nắng của ba tôi. Nó đưa tay lên chào tỏ vẻ thán phục.

Mỗi lần nghe ba kể chuyện ở tù ngoài Côn Đảo, hai chị Kim, Cương đều ôm ba khóc. Anh Khôi thì tỏ vẻ tức giận những kẻ hành hạ ba. Tôi thầm hãnh diện về người cha can đảm của mình.

Nghe xong chuyện năng lượng rnặt trời, tôi quyết định đi kiếm chút mặt trời cho mình, vì ba còn cho

biết ánh sáng mặt trời không những bồi bổ cho da, mà còn có thể giết vi trùng lao nữa. Như những đứa trẻ khác, tôi sợ người cùi, tôi sợ ma. Nhưng chưa bao giờ tôi thấy cùi hay ma. Bây giờ tôi sợ luôn vi trùng lao, vì cậu Năm của tôi đi tù về đã chết vì bịnh lao. Từ đó tôi sợ anh Nhã đem vi trùng lao của ba anh về nhà này, những cũng không dám thổ lộ cho người lớn biết, sợ bị chê là "do xấu bụng" nữa.

Sáng hôm sau, tôi lấy chiếc chiếu trải giữa đường đi từ nhà ra hè, nhắm mắt lại (vì ba dặn không nên nhìn thẳng tia nắng sẽ làm hư mắt). Một lát sau, đang thiu thiu ngủ, tôi nghe như có tiếng của một đàn trâu đi tới từ đang nhà chú Tư Nhờ - một chủ điền giầu có trong vùng. Ông có một bầy trâu lớn lắm. Tiếng động càng lúc càng lớn hơn, gần hơn, làm tôi phải mở mắt ra mới biết rằng tôi không mơ, mà có cả trăm con trâu chen lấn nhau đi về phía tôi. Cùng một lúc, tôi nghe kêu hốt hoảng, tiếng của hai

chị xen lẫn vào tiếng chân của đàn trâu. Lại có tiếng người la lớn: “Nằm xuống, đừng nhúc nhích”. Tôi vội nằm sát xuống mặt đất, không dám cựa quậy, hé mắt nhìn bầy trâu chuyển hướng. Chúng rẽ thành hai hàng, rồi từng con trâu khổng lồ đi qua chỗ tôi nằm, nhưng con nào cũng tránh đạp lên mình tôi. Khi con trâu cuối cùng đi khỏi, anh là người đầu tiên chạy ra xớt tôi lên. Như có một sự mầu nhiệm, tôi không bị hề hấn gì.

Lớn lên tôi sống trong cảnh nồi da xáo thịt của đất nước, nhiều lận tôi hỏi Thượng đế: “Sao Ngài dậy được con trâu không giết tôi mà không dậy được con người đừng giết nhau?”.

Ở đây có giông bão, có mùa mưa nước lụt, có bầy trâu của ông Tư Nhờ mà má tôi sợ. Nhưng thiên tai không phải là nguy cơ. Tây mới là thảm hoạ, vì họ

đã khám phá ra nha y và những hoạt động của Việt Minh tại Ong Vèo. Nhà cầm quyền cách mạng bắt đầu chờ để dời các cơ quan đến một địa điểm bí mật khác. Nhưng chưa kịp tản cư thì căn cứ Ong Vèo bị oanh tạc liên tiếp mấy ngày trời. Nhiều nhà trong làng bị cháy; họ không còn chỗ nào trú ẩn nữa. Nhiều người nghĩ rằng người Pháp đem Thiên chúa giáo tới đây, có thể máy bay của chúng vị nể Chúa của họ, sẽ không bỏ bom nhà thờ. Vì vậy có nhiều người khi thấy máy bay từ xa, xúm nhau chạy vô nhà thờ trốn. Nhưng máy bay cũng bỏ bom nhà thờ; người chết đầy dưới chân Chúa.

Trong những ngày bom đạn đổ xuống làng tôi, thì ba tôi lại đi công tác chưa về. Trong nhà không có đàn ông, chỉ có anh Khôi. Một hôm, khi nghe tiếng máy bay đến gần, anh dẫn hai chị em xuống hầm núp, má bồng Hải Vân, tôi chạy sát bên má. Lúc ba

mẹ con băng qua cây cầu dừa, một chiếc máy bay sà xuống bắn, đạn bay tứ tung, cây cầu sập. Nhưng tôi chạy trước nên phóng qua bên kia bờ được. Má và Hải Vân rơi theo cây cầu xuống rạch rồi bị lún sình; Hải Vân khóc thét lên làm tôi hoảng hơn, tưởng em bị đạn. Má la lớn, cho biết là em vì sợ mà kêu, chớ không hề hấn gì. Má kêu tôi tới tiếp má bồng em để má leo lên bờ. Nhưng Hải Vân sợ quá, không chịu buông má ra. Má nhìn quanh, thấy cái vỏ đạn đồng sáng trưng, còn nóng hổi, bèn lượm lên đưa cho Hải Vân cầm chơi. Nó quên sợ, đưa tay cho tôi ẵm. Má tôi nặng nhọc với cái bụng bầu, bò lên khỏi cái rạch sình lầy.

Chúng tôi ngồi trên bờ một lát, chưa biết máy bay có trở lại nữa không. Có khi chúng quay lại bỏ bom lần nữa, có khi cả tuần dân chúng được bình yên. Bỗng lại có tiếng máy bay. Má tôi vội vàng tuột

ngay xuống mương, bồng Hải Vân theo. Tôi nằm úp như dán mình xuống sát đất. Lần này có hai chiếc máy bay nối đuôi nhau. Chúng vừa bỏ bom, vừa ria súng bắn xuống đất, đạn bay vèo vèo. Đất văng vô mặt, vô mình tôi. Tôi ép sát mình xuống đất hơn nữa. Tôi van với Trời Phật, van vái linh hồn của ông bà, những người thân thuộc đã chết về phù hộ, che chở chúng tôi. Ông bà nội tôi đã qua đời trước khi tôi ra đời, nên tôi thường van với ông bà mỗi khi chúng tôi gặp hoạn nạn.

Sau mỗi cuộc oanh tạc, biết mình được an toàn, chúng tôi thường nhớn nhác chạy tìm nhau để xem ai còn, ai mất, hoặc có ai bị thương tích gì không. Lần này cũng vậy, tôi theo má đi tìm anh Khôi, hai chị Kim, Cương, dì Mận, dì Chi và chị Hiển. Tất cả đều binh yên vô sự. Những mồ mả của gia đình ông

chủ đất bị trúng bom. Xương khô từ dưới mồ văng lên ngổn ngang trên mặt đất.

Gia đình tôi rời Ong Vèo vào một buổi chiều. Hôm đó hình như trời có sắc vàng hơn những buổi chiều trước đó. Tại sao. Chắc Ong Vèo muốn đứa bé tinh nghịch này nhớ thương mảnh đất đó suốt đời. Làm sao mà quên được! Tôi đem theo trong lòng mầu lá non của cây ổi trước nhà. Miệng tôi còn nghe vị chát đắng của những trái ổi non mà tôi không đủ kiên nhẫn chờ đến lúc chín được, và dĩ nhiên là những trái ổi chín ngọt chim ăn mất một nửa trên tán ngọn cây, tôi ăn phần còn lại. Anh Khôi cất cái nhà trên cây để tôi chơi nhà chòi. Gần như suốt ngày tôi sống trên trên cây ổi này, tôi được nghe lỏm những câu chuyện giữa chú Lê Đức Mai và anh Khôi. Có lần anh Khôi hỏi cách nào em bé ra

khỏi bụng má. Chú Mai cười với tiếng Bắc chú trả lời …

Từ cái nhà này tôi đã nghe chú dậy cho anh Khôi biết những gì về Hồ Chí Minh. Chú thường lặp đi lặp lại với anh hai những bài học “Bác Hồ” dạy.

Những đêm trăng sáng ở Ong Vèo, ba tôi hay bơi xuồng chở tôi và Hải Vân giữa sông, dậy cho chúng tôi tên của những vì sao. Lúc đó còn nhỏ quá, tôi và Hải Vân chỉ biết có chị Hằng và chú Cuội. Có một đêm trăng chưa tròn, Hải Vân nhìn mặt trăng hỏi ba:

- Nửa cái mặt trăng kia đâu rồi?

- Ba không biết.

- Con bẻ mặt trăng làm hai, con liệng nó xuống sông kia”.

Ba tôi yêu đêm đó và đứa con thông mình tuyệt vời suốt đời.

Con sông dẫn vào Ba Ngọn từ từ nhỏ lại. Dừa nước và Ô rô mọc đầy hai bên bờ. Nước đục chảy lừ đừ buồn bã. Ghe chở chúng tôi đến một thôn làng vắng vẻ. Nơi đây không có một dấu hiệu gì hứa hẹn cuộc sống của chúng tôi sẽ vui như ở Ong Vèo. Đêm cũng như ngày, tiếng muỗi kêu không dứt. Những ngôi nhà đã bị phá hủy, nền nhà cỏ mọc cao. Ngói đỏ của những mái nhà bay văng rải rác khắp nơi. Trong cảnh chết chóc của ngôi làng hoang vắng này chỉ có sự sống tầm thường mới có mặt một cách âm thầm. Đó là mấy con nòng nọc và bèo cám nở đầy trên mặt nước trong những hố

bom. Má tôi buồn bã nhìn quanh, rồi lắc đầu nhìn cảnh điêu tàn. Sau đó, bà cùng ba tôi và cậu Hai Hợi đi quanh miếng đất, tìm chỗ thích hợp để xây tổ ấm mới cho gia đình.

Ba Ngọn hoang vắng, điêu tàn, nhưng rồi như đã có hẹn trước, một người đàn ông dắt theo con chó đến gặp ba tôi. Ông dẫn ba và cậu Hai Hợi đi quan sát chung quanh. Cậu Hai sẽ cất nhà cho chúng tôi. Trong khi người lớn đi tìm đất cất nhà, thì con nít tụi tôi phải ngồi lại trong ghe. Trước khi đi, cậu Hai chặt cho một buồng dừa nước để tụi tôi có thể ngồi trong ghe vài giờ. Ở Ong Vèo vườn đất có đủ loại trái cây; Ba Ngọn chỉ có dừa nước. Anh tôi chặt từng trái dừa cho mấy đứa em ăn cho qua thì giờ.

Sợ máy bay thám thính phát giác, cậu Hai chặt lá dừa phủ lên mui ghe. Công việc này nhằm mục

đích bảo vệ tánh mạng chúng tôi. Nhưng mỗi lần gia đình tôi càng được bảo vệ, tôi càng biết là tôi có thể bị Tây bắn. Từ đó, tôi đâm ra sợ chết. Rồi tôi bị ám ảnh là mình sẽ bị máy bay bắn chết dưới sông, ba ngày sau mới nổi lên mặt nước, sình trương. Mối lo sợ của tôi bắt nguồn từ những "thằng chòng" trôi lềnh bềnh trên nhiều khúc sông mỗi khi chúng tôi đi tản cư qua.

Cậu Hai Hợi nói: "Ba Ngọn, cho chó ở, chó cũng hổng thèm". Có lẽ cậu nói đúng, bởi vì chúng tôi không được lội sông ở đây. Dân địa phương cho biết vào mùa cá Bông đẻ, nó giữ con, nên có ai lại gần, nó cắn. Anh Khôi về nhà kể chuyện về một ngư phủ đi chài với đứa con trai. Lúc cái lưới chài bị mắc kẹt dưới sông, ông lặn xuống để gỡ, thì bỗng dưng đứa con thấy máu nổi lên mặt nước. Nó kêu cứu. Khi dân làng đem được ông lên thì "chỗ

kín” của ông bị cá cắn mất tiêu! Tôi hỏi má “chỗ kín” là chỗ nào, má chỉ sau đầu gối, rồi tôi thấy người lớn cười. Anh Khôi nói, dù anh có thèm tắm sông tới đâu anh cũng không xuống cái sông đó.

Mấy tuần sau, chờ khi nước ròng, ba và anh Khôi giăng lưới quanh cái cầu dưới bến để chặn cá bông, cho anh em tôi tắm sông được an toàn. Nếu chúng tôi không được bơi lội tự do dưới sông, thì đời còn gì là thú vị nữa.

Mùa xuân năm 1952 em gái tôi ra đời. Sự có mặt của em đem lại sự sống cho con rạch đục ngầy vắng vẻ đó, cho cái xóm hoang tàn sống lại với tiếng cười, tiếng hát trong gia đình tôi. Ba đặt tên em là Hoà Bình, lấy theo tên của một tỉnh ngoài Bắc vừa giành lại khỏi tay của thực dân Pháp.

Và ba tôi nói hoà bình là hết giặc, vì ông mơ ước có hoà bình cho mọi người dân Việt Nam lúc bấy giờ. Hoà bình là hết giặc, hết chạy xuống hầm núp. Với tôi, hoà bình chỉ giản dị và ngay thật như vậy; và hoà bình đẹp như em Hoà Bình của tôi vậy.

Trong thời chiến, thảm họa có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nó không đi xa mình. Kể cả trong những ngày giờ hạnh phúc nhứt của đời người, thảm hoạ cũng có thể đến gõ của nhà mình được. Em tôi còn thơm mùi sữa thì có một người lạ đem một hung tin đến. Anh Liêm của cậu Năm Sắc (má tôi thứ tám) bị Tây bắn chết vài tháng trước. Anh đi ghe xuống Bạc Liêu để về trường Việt Minh, tiếp tục học trung học. Anh bị Tây bắn từ tầu tuần tiễu của chúng. Anh chết trong nhà một người quen cách xóm chúng tôi không bao xa. Người ta chôn anh trên đất hoang. Nhờ lời trăng trối của anh mà người

ta tìm được chúng tôi. Anh Liêm chỉ mới có mười bẩy tuổi mà đã bị chết một cách tức tưởi. Anh là con trai trưởng của cậu Năm Sắc. Ba anh mất sau khi ra khỏi nhà tù Côn Đảo. Mẹ anh theo kháng chiến để anh và ba người em cho ông bà nội nuôi. Riêng gia đình tôi còn nhiều may mắn, vì vẫn có nhau. Chúng tôi nhặt nhạnh những gì còn lại để sống; sống với thâm tình trong cái xóm mà cậu Hai Hợi gọi là "cái đất trời hại".

Má tôi dần dần quen với những người ở các làng lân cận và may vá kiếm tiền nuôi con, nuôi chồng. Cả bốn người học trò đến học may. Họ là con gái của những gia đình khá giả. Học may để may vá trong gia đình, và cũng để sửa soạn làm người vợ đảm đang khéo tay khi lấy chồng.

Chị Hồng Nga, con của cậu Tư Diệp đi học ở Bạc

Liêu, ghé thăm chúng tôi. Chị nói bác sĩ ở trong khu khuyên mỗi gia đình nên trồng sả, vì sả ngừa được nhiều bịnh, nhứt là trong thời gian đó nhiều người bị bịnh lao. Chị đi rồi, má tôi nhờ mấy người trong cơ quan trồng sả hai bên đường đi vào nhà tôi.

Chương 2

Chỉ một thời gian ngắn sau khi gia đình tôi đến "cái đất trời hại" này, nhiều cơ quan khác của Việt Minh cũng nối đuôi theo. Họ lập ra trường huấn luyện quân sự để đào tạo bộ đội trẻ. Cậu Chín Thuỷ, em của má tôi đến mở nhà in để làm báo, in truyền đơn cho những hoạt động của Việt Minh. Nhiều cơ quan khác mọc lên để huấn luyện thanh niên nam nữ. Cán bộ từ phương xa đến, có người

nói giọng Nam, có người nói giọng Huế, giọng Trung; và có cả người nói giọng Bắc. Các anh chị tôi thường bàn tán với nhau: “Chú này ở đâu, cô nọ ở miền nào”. Riêng tôi, biết là họ đến từ “bốn phương tám hướng” như lời cậu Hai Hợi nói. Cậu không thích họ, vì họ không phải là người miền Nam. Cậu kêu họ là “người Huế, người Sâm, người Bắc Kỳ”. Đối với ba tôi thì người ở miền nào đến đây cũng là đồng chí của ông.

Ba tôi cho anh Khôi và hai chị Kim, Cương biết là tổ chức sẽ mở trường học. Trong khi chờ đợi, ba bắt mấy anh chị lấy sách ra, tự mà học. Anh Khôi khao khát học hỏi, nên tự khép mình vào kỷ luật của chính anh. Nhờ vậy, anh học một cách dễ dàng và chăm chỉ. Ngược lại hai chị Kim, Cương cằn nhằn là học mà không có bạn học thì học không vô.

Nhưng hai chị cũng phải học dưới đôi mắt của ông "giám thị" Đặng Văn Khôi.



Bà Yung Krall (Đặng Mỹ Dung), năm 2010

Dọn đến Ba Ngọn khốn khổ bao nhiêu thì xa Ba Ngọn lại đau lòng gấp bội. Mấy chục bụi sả vừa bén thì ba tôi cho gia đình biết là ba sẽ dẫn chúng tôi đi một nơi khác. Ai nấy không nói một lời nào để bày tỏ sự bất mãn đối với ba. Nhưng người nói

tổ chức của người ở một nơi xa xôi chưa ai trong tổ chức đặt chân tới, tên là Kim Qui. Ba vẽ trên mặt đất cho anh Khôi thấy Kim Qui ở đâu. Nó là một khu rừng tràm sát bên rừng U Minh, có con kinh chạy ra biển, gần Đá Bạc, cũng còn trong vùng giải phóng ở Rạch Giá. Thế là có sự hiện diện của nhiều khuôn mặt “đưa đám” trong nhà. Má tôi, anh Khôi, hai chị Kim, Cương cằn nhằn rằng ba tôi coi gia đình còn thua mấy bụi sả. Rễ vừa mọc ba lại muốn nhổ đi trồng chỗ khác.

Rồi tôi không nghe ba má tôi nói chuyện với nhau như mọi bữa. Sự yên lặng giữa hai người lên đến độ khó thở cho con cái. Ba biết má giận lắm. Nhưng tôi biết, lúc đó nếu ông trời xuất hiện cấm ba tôi dọn đi, ông cũng không nghe. Đâu có ai ép buộc được ba đi Kim Qui. Ông muốn đi, vì ở đó người ta cần ông. Trong trí óc trẻ thơ tôi nghĩ rằng

khi được người ta cần, coi bộ rắc rối chớ không vinh dự gì, nhưng ba tôi thì vui như anh em tôi đón Tết.

Hành trình từ Ba Ngọn đến Kim Qui dài lê thê và tẻ nhạt như cháo trắng không đường. Tôi không nhớ đi mấy ngày thì đến Kim Qui, chỉ nhà là đêm đi, ngày nghỉ; hay nói đúng hơn là đêm đi, ngày trốn. Ghe chúng tôi chỉ đi ban đêm. Vì đi trên sông cái ban ngày sợ đụng đầu với tầu chiến hoặc máy bay thám thính. Ba và anh Khôi thay phiên nhau thức, ngồi ở mũi thuyền canh chừng mà không để đèn được. Người đi ghe nghe được tiếng mái chèo trong đêm vắng, nếu nói "bát" là đi phía bên phải, "cạy" là đi phía bên trái. Người đi trên sông ngày đêm đã ăn ý với nhau, vì vậy xuồng ghe đi ban đêm, dù không sao không trăng cũng không bị đụng nhau.

Có một đêm, anh Khôi bỏ gác để đi ngủ, chẳng may ghe chúng tôi đụng phải ghe của người khác. Đó là ghe của một cặp vợ chồng. Chúng tôi hoảng hốt thức dậy và túa ra coi. Người đàn bà ở ghe kia to tiếng chửi cậu Hai túi bụi. Nào là cậu đui, nào là cậu điếc vì không thấy ghe của bả. Cậu nói với người đàn bà kia: “Anh bụm cái miệng con vợ anh lại, không là tôi cho bả một chèo cho hết nói đó”. Sau đó, đường ai nấy đi. Anh Khôi xin lỗi cậu Hai cái tội bỏ gác. Nhưng cậu Hai cưng chúng tôi lắm. Cháu của cậu đâu có lỗi; lỗi ở cái miệng hỗn láo của con đàn bà kia.

Má tôi ru cho em ngủ lại khi ghe lại bắt đầu lướt sóng: *“Trên dòng sông Lô, thuyền tôi buông lái như xưa, sau lúc phong ba, thuyền tôi qua bến qua bờ”.*

Không ai tưởng tượng được Kim Qui là một nơi như thế nào trên mặt đất này. Anh Khôi nói Kim Qui có nghĩa là con rùa vàng. Đá Bạc là cục đá bằng bạc, như trong chuyện “Cây đèn thần”, anh Khôi lại nói có thể nơi này xấu quá, người ta đặt tên đẹp cho nó, để “đánh lừa những người dại như mình”.

Ghe từ sông cái cái rẽ vào một con kinh nhỏ. Chắc lâu lắm rồi không có ai đi qua con kinh này, nên lục bình và cỏ mọc đầy kinh. Ghe đi được một khoảng thì chèo không được nữa. Cậu Hai gác mái chèo lên. Ba tôi và anh Khôi chống xuồng bằng sào tre trong khi cậu Hai lom khom trước mũi ghe, dùng cây mã tấu khai quang cho ghe từ từ đi sâu vô rừng thẳm. Hai bên bờ lau sậy che mất chân trời. Tôi nghĩ là mình đi lạc vào một thế giới khác, như những nơi xa lạ trong truyện cổ tích mà ba má tôi

thường kể cho chúng tôi nghe. Tôi bắt đầu sợ ma, nhưng không dám cho ai biết, sợ ma nó nghe.

Người ta hay nói “muỗi đầy như trấu”. Mà thật ở đây muỗi nhiều lắm. Nhưng bấy giờ là đêm giữa ban ngày, vì chị em chúng tôi lúc nào cũng phải chui vô mùng tránh muỗi. Tội nghiệp con chó Nô, vì nó là chó nên không được vô mùng như chúng tôi. Nên bị muỗi bu đến, con nào con nấy bụng no tròn đầy máu của nó. Sau anh Khôi phải cho nó xuống nằm dưới lượm ghe. Chắc má tôi giận lắm, nhưng chỉ để bụng. Ba không hề lên tiếng trách móc than thở, chỉ vừa nấu cơm vừa hát nho nhỏ: “Rừng Kim Qui có tiếng muỗi nhiều, nó bay vi vo." Anh chị tôi nhìn nhau cười khúc khích.

Đoạn đường dài trong khu rừng già này cũng làm cho ba má tôi già theo vì vất vả. Anh Khôi, chị

Kim, chị Cương khóc than sau lưng ba. Má tôi chinh phục rừng thiêng bằng sự yên lặng chịu đựng của bà. Cậu Hai Hợi lấy hết sức mạnh của một người nông dân để đưa chúng tôi đến nơi đến chốn. Chỉ có ba tôi là người hớn hở mong cho mau tới nơi.

Bị ngồi trong mùng mấy ngày, tôi chịu hết nổi. Ra ngoài bị khói vô mắt vì trước mũi ghe có cái lò ràng hun khói bay mịt mù để đuổi muỗi. Tôi hỏi anh Khôi: "Nếu em ra ngồi sau ghe cậu Hai cho muỗi cắn, rồi bị rét rừng, anh có nghĩ là ba sẽ quay trở lại nhà ở Ngả Cũ không anh?". Anh lắc đầu: "Mình theo ba ở gần ba, cưng à". Không chịu thua, tôi nghĩ tới con rắn hổ cậu Hai chặt chết lúc lên bờ mót củi để hun. Tôi lại hỏi anh: "Nếu rắn hổ cắn em bị nọc độc, ba có trở lại không?". Lần này, anh Khôi đổ quạu, nạt tôi và cấm tôi hỏi ngu nữa.

Rồi ghe ghé lại ven một khu rừng tràm. Gốc cây mọc từ dưới nước lên, đậm đen; ngọn cây cao vút lên tận mây xanh. Nhiều tiếng chim kêu ríu rít. Anh Khôi nhại giọng chim trả lời nó; rồi lũ chim trên cành hót với nhau. Anh yêu thú vật lắm. Anh biết nhân dân loại loại chim, giống thú. Lần đầu tiên trong chuyến đi, ba tôi mới thấy nụ cười của thằng con trai cũng của ông, nên ông hài lòng lắm. Ba còn dụ anh là ở Kim Qui có mèo rừng, có cả hổ nữa, anh Khôi khoái lắm.

Có lẽ chính quyền cách mạng địa phương đã báo trước, nên nơi đến, có mấy người ra đón; đó là gia đình một ngư phủ. Họ mời chúng tôi lên nhà, rồi làm cơm thết đãi chúng tôi. Những ngày phải ăn những bữa cơm nhạt nhẽo trên ghe, phải ngồi trong mui ghe mà ăn nên cảm thấy tù túng mất ngon. Lúc này có cá lóc nướng trui, cá khô kho tiêu, có gỏi

ngó nữa. Ông bà chủ nhà còn sai người con trai lớn bắt vịt nấu cháo nữa. Mùi thơm của cá nướng cũng đã đủ làm tôi thèm chảy nước miếng rồi, nói chi đến cháo vịt. Ông chủ nhà tên là ông Tư Tháo, ông lớn hơn tuổi ba tôi nên chúng tôi kêu ông là Bác Tư. Bác Tư vận quần xà lỏn đen. Cái áo bà ba đen bạc mầu của bác có nhiều miếng vá, nhưng bác không nghèo, vì bác có nhiều hồ cá, có đất, có rừng tràm chim bay thẳng cánh. Bác khoẻ mạnh, mặt tươi vui như đang ở hội hè, đình đám. Bác gái cũng vui vẻ, đon đả với chúng tôi.

Bác Tư gái dọn cơm trên một bộ ngựa, một bên cho đàn bà và con nít, một bên cho ba người đàn ông. Ngoài ra, con mấy cái đũa để cúng người đã khuất. Gia đình tôi thì khác. Đàn ông, đàn bà, con nít và người đã khuất ngồi ăn chung một bàn. Ăn xong, ra sân chơi, tôi nói nhỏ với anh Khôi là chắc con nít ở

đây ăn uống hỗn láo nên mới bị bị hai bác Tư bắt ăn riêng. Thế là anh Khôi cú cho tôi một cái.

Tôi hỏi anh tại sao khi ăn, con bác Tư từ lớn tới nhỏ đều nhìn mình không chớp mắt. Họ chẳng nói năng gì hết, trừ hai tiếng "có", khi anh hỏi chuyện. Mấy đứa nhỏ cỡ tuổi tôi và Hải Vân thì thầm với nhau rồi cười khúc khich. Anh giải thích là chúng nó chưa bao giờ gặp người lạ nên bỡ ngỡ, rụt rè. Anh đã hiến kế dậy chúng học, vì chưa có đứa nào biết chữ, kể cả hai thằng lớn hơn tôi.

Ít ngày sau, bác Tư trai dẫn gia đình tôi đi quan sát một giải đất dọc bờ kinh để chọn một miếng đất tốt cất nhà. Đó là đất đất hoang, lau sậy mọc cao khỏi đầu người. Đi được một đỗi, bỗng cậu Hai Hợi nổi giận bỏ xuống ghe. Cậu không tin là người đàn bà nhỏ yếu cậu quý như em cậu mà đến chỗ nước mặn

đồng chua này để tìm đất cất nhà, trong khi cha mẹ ở một làng có ruộng đất phì nhiêu.

Mỗi lần buồn hay giận, cậu thường lấy rượu để giải khuây. Khi uống rượu, cậu không muốn nói chuyện với ai, chỉ khóc thôi. Má tôi phải xuống ghe năn nỉ cậu và xin cậu đừng buồn. Má cho biết sẽ mướn người đốn cây, phá rừng để cất nhà. Cậu vừa khóc vừa nói: “Làm sao cô với sắp nhỏ ở chỗ này được! Cái chỗ trời quên đất bỏ này, cô Tám?”. Má tôi trấn an cậu: “Người ta ở được thì mình ở được, anh Hai đừng lo”. Nghe má tôi nói, tôi mừng trong bụng, tin rằng khi má nói vậy với cậu Hai là má đã tìm ra bí quyết sống ở Kim Qui với bác Tư gái. Cậu cho biết cậu không bao giờ nói dối ông bà ngoại, nhưng lần này về nhà, cậu sẽ phải giấu ông bà ngoại sự thật về Kim Qui.

Sương hãy còn đọng trên cây cỏ, lau sậy, mà má đã dậy sớm cho anh chị em chúng tôi lên bờ, tại miếng đất đã chọn để cất nhà. Bà đặt mấy chén cơm và một ít muối trên mặt đất, rồi đốt nhang khấn vái. Bà xin ông Thổ thần che chở, phù hộ gia đình tôi. Bà xin vong linh của những người đã khuất, từng sống và chết trên miếng đất này, cho chúng tôi ở nhờ. Câu vái van này làm tôi sợ ma suốt thời gian ở Kim Qui và tới lớn luôn.

Những người thợ rừng từ một trại cưa đến với thợ cất nhà để gặp ba tôi và cậu Hai Hợi. Họ bắt đầu đốn cây, đốt những bụi rậm. Con nít phải ngồi dưới ghe, không được lên bờ vì thợ rừng vừa đập chết mấy con rắn hổ. Tôi không thấy rắn, những thấy có mấy con rùa bị nướng cháy, mây ông thợ mộc ăn ngon lành. Tôi mừng là ba tôi không nhập tiệc với họ, vì tối đó trong bữa cơm dưới ghe, cậu Hai kêu

họ là “đồ mọi rợ”. Cậu ăn chay mỗi tháng hai lần. Cậu Hai Hợi lớn hơn má tôi năm, bảy tuổi, là một nông dân chất phác, lễ độ, trung tín. Cậu là người cùng làng, nhưng thương má tôi như em ruột. Dù cậu không phải là họ hàng với ba má tôi, hay là một nhà cách mạng từ Bắc vào Nam để truyền bá chủ nghĩa cộng sản của Hồ Chí Minh, nhưng cái gì cậu dạy là tôi nghe, những cái gì cậu làm, tôi bắt chước. Tôi biết mài dao với nhào đất bùn là do cậu dậy.

Căn nhà mới được dựng trên một mảnh đất cao, cửa trước trông ra bờ kinh, cửa sau nhìn vào rừng tràm. Bác Tư Tháo cho cái sân nước sau hè, nằm trên cái ao cá lớn của bác. Bác cho phép chúng tôi tự do câu cá lên ăn. Chừng nào hết cá, bác sẽ cho bơm nước vào ao. Thật ra, nếu chúng tôi ở Kim Qui suốt đời chắc cũng chẳng hết cá của bác. Bác

còn một cái đìa lớn hơn, nước trong vắt. Chúng tôi tôi hay nằm trên cầu nhìn bóng mình trên mặt nước. Cá trong cái hồ này, bác đem bán ngoài chợ Kim Qui.

Vì không phải là thợ cất nhà, nên suốt thời gian thợ mộc làm, ba và anh Khôi chỉ đừng nhìn thôi. Tuy nhiên, hai người có một công tác không kém phần quan trọng, là cất cây cầu tiêu với bốn vách che cao, có nóc lợp bằng lá dừa. Một hôm, có một nhỏ tên Xom ở xóm chài hỏi vô chơi. Nó nói với anh Khôi "cái cầu tiêu của anh tốt quá làm sao ai dám?". Anh em chúng tôi cười lăn ra. Ba tôi thì hãnh diện về cái cầu tiêu "tốt quá" của mình.

Chúng tôi vừa dọn lên nhà mới thì mùa mưa tới, mưa như cầm tĩnh mà đổ, mua một trăm ngày, một trăm đêm, đúng như tôi thường than thở, mưa cho

tôi không còn thấy được rừng tràm sau hè. Trời gầm, sấm sét, làm con chó Nô ngồi đứng không yên. Đất sét trên bờ chảy xuống làm cho nước sông vừa bẩn vừa đục. Mưa như vậy cá không ăn câu, nhưng có cái thích của nước lũ là tắm sông "đã" lắm! Nước ấm thì trầm dưới nước lâu không bị lạnh. Vui hơn nữa, là nước phù sa đóng từ trên đầu xuống tới chân. Hải Vân và tôi kêu cả nhà ra coi hai con khỉ lông lá. Sau đó hai chị em đứng dưới máng xối để má tôi tắm cho sạch bằng nước mưa, rồi mới được vô nhà. Những tóc chưa khô, khi em lại nhảy xuống sông nữa. Cứ như vậy, hai chị em tôi vui chơi suốt mùa mưa.

Có thể Kim Qui đúng là nơi "trời quên, đất bỏ" như cậu Hai nói. Nhưng lúc Thượng đế bỏ Kim Qui mà đi, ngài cũng có để lại một vài tạo vật. Dù đất chai cứng, trong rừng không có một cái gì cho loài

người có thể ăn được, chỉ có trái nhãn lồng, nhưng dưới sông, dưới kinh, và trong những ao đầm, có đầy các loại cá.

Trong rừng, khi nước lụt, cá cũng lên đẻ. Một hôm anh Khôi đi rừng về, hớn hở dẫn chị em chúng tôi vào rừng bắt cá. Chúng tôi chỉ ngồi, đưa hai tay bắt. Trong chốc lát cá đã đầy cả ba cái cần xé, đến nỗi nặng quá không xách nổi. phải bỏ bớt lại.

Hạnh phúc của tôi lúc đó là tôi đã đủ lớn để biết được những phút giây đầm ấm có má, có ba, và anh chị em chúng tôi trong một mái nhà ở giữa rừng già. Những kỷ niệm do nuôi tâm hồn tôi, như má tôi nuôi tôi bằng sữa. Trong căn nhà đó, có đêm ba tôi đờn, chúng tôi hát, anh Khôi đánh muỗng. Có đêm, má tôi kể chuyện đời xua. Có đêm, ba tôi bắt chúng tôi đấm bóp cho ông rồi ông mới kể tiếp

chuyện Thần hổ xám. Thế là chúng tôi phải làm theo ý ba để nghe chuyện. Ba tôi thường kéo câu chuyện cho dài thêm ra, để hôm sau lại được đấm bóp.

Tôi cám ơn Thượng để đã cho ba tôi có một thời, dù ngắn ngủi, được cái diễm phúc làm con của ông bà nội tôi, làm chồng má tôi, làm cha chúng tôi, làm người Việt Nam có tự do yêu nước, có tự do đánh đuổi quân thù xâm lăng bờ cõi. Tôi thương ba tôi có những năm tháng dài chịu cảnh cô độc ở ngoài Hà Nội. Ông bỏ lại nơi chôn nhau cắt rún người vợ hiền và sáu đứa con thơ. Kể từ đó, tôi không biết ba tôi nghĩ gì? Lòng yêu nước của ông, một người đã dám làm cách mạng cứu nước ở tuổi còn xuân, tim ông có bị rỉ máu khi đã nhận ra sự thật của chủ nghĩa cộng sản, hay đã biến thành chai đá? Tôi hoàn toàn không biết, đến giờ này, ba tôi

đã ra người thiên cổ, tôi chỉ biết ông yêu má tôi trọn đời. Ông chung thuỷ với bà trọn vẹn, và ông yêu chúng tôi vô bờ bến. Đó là hạnh phúc của chúng tôi, và cũng là nỗi đau cho một gia đình phải xa cách để tồn tại.

Ở Kim Qui chỉ có cây chuối là sống được thôi, nhưng trái chuối thì ốm nhom như mảnh đất nghèo nàn này. Cá là món ăn trường kỳ của gia đình tôi. Sáng ăn cháo cá, trưa ăn canh cá, đến chiều ăn cá nướng, cá kho, cá muối xả ớt… Nếu có đổi món. Là đổi loại cá thôi. Thỉnh thoảng, người đi biển về ghé qua cho tôm, cho cá biển. Khi nào anh Khôi bơi xuồng đưa má đi chợ ngoài Kim Qui mới mua được thịt heo. Anh Khôi hỏi tại sao mấy con vịt nuôi lâu lớn quá. Chị Kim và chị Cương vội cho biết là con vịt đó của hai chị là súc vật nuôi làm

cảnh, không phải để ăn thịt. Nhưng tôi nhớ là mà đã làm thịt một con vịt nhân dịp ba tôi ở xa về.

Hai chị em của tôi không thích đời sống khó khăn, thiếu thốn ở Kim Qui. Ai cũng không thích ứng với đời sống của tiều phu, vì dân thị thành và ba con thân thuộc. Có lần chúng tôi hết kem răng, phải đánh bằng muối! Xá bông thì quí như thuốc men, tiếp tế chậm và thất thường. Hồi còn ở Ong Vèo, mỗi lần tắm, tôi xài xà bông thả của. Nhưng ở Kim Qui, chúng tôi phải hà tiện lại, không dám đem xà bông xuống sông, sợ lỡ tuột tay thì mất luôn.

Rồi đến cái nạn hà ăn chân. Ai cùng bị hà ăn chân, chỉ trừ má. Chúng tôi ham chơi, lội sông, lên rừng, xuống rãnh suốt ngày. Ba tôi đem phèn chua về cho hai chị ngâm chân. Tôi ham chơi không chịu ngồi ngâm. Anh Khôi đi qua đi lại, nhìn hai chị rồi ghẹo:

"Một lần cho tởn tới già. Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân". Ba tôi nó nói khi nào mình rời khỏi Kim Qui sẽ hết hà ăn chân. Nhưng lời đó chỉ làm ba bị rắc rối thêm thôi, vì chị Kim liền hỏi: "Chừng nào mình rời khỏi Kim Qui hả ba?". Ba không trả lời. Riêng tôi, tôi lại thích Kim Qui vì chúng tôi không phải chạy trốn máy bay như những nơi khác. Tôi cũng không nghe nói có người bị máy bay bắn chết trong khu rừng này.

Chúng tôi sống lẻ loi, đơn độc, mà ba tôi lại hay vắng nhà. Ông thường đi với những người từ ngoài Bắc vô. Nếu có ở nhà, ông vẫn bận rộn với công việc, và hội họp với các đồng chí của ông. Những lúc ba tôi vắng nhà, không một người khách nào tới thăm. Ngang sông, chỉ có bác Mười Cử vợ chết, người chị và người con gái của bác là chị Kỳ Hoa, thường qua lại với chúng tôi bằng cầu khỉ khi do

bác Tư và anh Khôi bắc. Anh Khôi để ý chị Kỳ Hoa, nên chỉ một mình anh âm thầm thích Kim Qui. Gần Tết, chúng tôi nhận được tin mừng là anh Chánh, con của thầy Mười, bạn của ba má tôi ở chợ Cần Thơ, sẽ về ăn Tết với chúng tôi. Cả nhà chưa ai gặp anh Chánh lần nào. Anh Khôi và tôi mong cho ngày qua mau, để sớm được gặp anh Chánh.

Không như bà con của chúng tôi ở Bang Thạch thường tới với cây trái, gạo nếp, bột đường, áo mới, anh Chánh đến với chiếc ba lô nghèo nàn của một anh bộ đội. Anh có cái khăn bàn cũ kỹ, cái áo bằng kaki, cái bàn chải đánh răng mòn hàng xương, cái chén làm bằng miếng dừa khô bóng loáng, đôi đũa vót tròn ở hai đầu. Để giữ vệ sinh chung, các anh bộ đội trở đầu đũa để gắp thức ăn. Sự thất vọng vì không có quà chỉ thoáng qua, vì được gặp anh là đủ rồi. Anh đến như Xuân về, Tết đến. Anh là áo mới.

Anh ngọt hơn mứt dừa. Anh vui như đoàn văn công về làng. Anh nồng nhiệt và gần gũi như đứa con mới đi xa về thăm cha mẹ, thăm đàn em dại.

Anh Chánh lớn hơn anh Khôi. Anh cao như ba tôi. Anh kể cho má tôi nghe những khó khăn cách trở khiến cha mẹ anh không thể đi lại thăm hỏi gia đình chúng tôi. Anh cũng cho biết, từ ngày vào chiến khu, anh chỉ có thể về thăm ba má anh có một lần ở Cần Thơ. Sau đó, hoàn cảnh không cho phép anh rời vùng giải phóng. Đã có người bị Tây bắt, mà cũng có người bị Việt Minh giữ để tra khảo. Lại có người bị lạc đạn chết khi hai bên đụng độ. Có người lặn lội tìm thăm con, tới nơi mới biết đơn vị của con đã dời đi nơi khác, mà đi đâu là điều bí mật của chính quyền Việt Minh, cho nên không ai cho biết là đi đâu. Gia đình tôi cũng không lạ gì việc thăm viếng khó khăn này, vì ba má

tôi đã cho không biết bao nhiêu thân nhân của những người đi theo kháng chiến từ ngoài thành đến tá túc.

Anh Chánh báo một tin mừng cho anh Khôi, là trường nội trú đã hoàn thành, anh Khôi nên sửa soạn ngay để đến miệt Bạc Liêu nhập học. Tin này bỗng biến anh Khôi trở thành một người con ngoan ngoan. Anh gánh vác hết mọi việc nặng, nhẹ trong nhà. Anh bửa củi xếp chung quanh nhà cho má. Anh cắt cỏ, anh dọn dẹp sạch sẽ con đường từ nhà tới cầu tiêu. Đó là việc mà hai chị Kim, Cương nằn nì anh làm cả tháng trước, nhưng anh cứ làm ngơ.

Trong dịp nghỉ phép ở nhà tôi, anh Chánh muốn câu cá lắm, vì ba tôi đã khoe là Kim Qui có cá lội đầy sông. Tôi giành dẫn anh đi câu ở cái đầm mà tôi tin anh sẽ mê lắm. Đó là cái đầm mà bác Tư

nuôi cá chớ lớn sẽ đem ra chợ bán. Anh vừa thả câu mà đã có một con cá lóc tợp mồi liền, rồi con thứ nhì, con thứ ba… Nhưng câu cá nuôi dễ dàng quá làm anh chán, không thích câu trong đầm nữa, mà muốn câu cá dưới kinh, nên chúng tôi bơi xuồng vô một con kinh nhỏ.

Anh Khôi hay nói chuyện của người lớn, chuyện giết giặc, chuyện yêu nước, chuyện quân thù… Có một bữa, anh Khôi lấy hai viên đạn của anh Chánh, cậy thuốc súng ra rồi rải một đường dài dọc mé sông, anh quẹt lửa đốt, thuốc súng cháy một đường dài sáng trưng. Tôi hít mùi thuốc súng và hiểu được bí mật của sự hăng say của các anh bộ đội khi nghe mùi thuốc súng, mà anh Chánh kể lại.

Anh ăn Tết với chúng tôi rồi trở về đơn vị. Anh đi, nhà bỗng trở nên trống vắng. Không biết tôi yêu

anh Chánh hay yêu anh bộ đội. Anh yêu nhà, yêu nước, yêu lũ em nhỏ như chúng tôi. Anh đâu biết sau này khi lớn lên tôi yêu quê hương cũng do anh đã ươm mầm cho tình yêu đó nẩy nở trong lòng tôi. Ba về nhà sau một chuyến công tác lâu ngày, nhưng tôi không nhớ chắc là bao lâu, tôi chỉ nhớ rằng khi ba tôi vừa đi khỏi, chị em chúng tôi bị nhặm mắt. Khi ông về, chúng tôi đã hết bịnh. Như vậy có thể là ông vắng nhà khoảng hai hay ba tuần lễ. Trong bữa cơm tối hôm đó, ba cho gia đình biết ba sẽ dẫn anh Khôi xuống Bạc Liêu đi học. Anh sung sướng lắm. Nhưng tôi lại thấy buồn vì sắp phải xa anh. Sự học của anh Khôi đã bị gián đoạn một năm trời. Cái chết của anh Liêm tôi trước đây còn ám ảnh tôi hoài. Vì vậy, tôi lại lo sợ vẩn vơ, rủi anh Khôi cũng bị Tây bắn đọc đường thì sao? Anh Liêm chết, gia đình không thấy xác, mà người trong làng chôn anh rồi cho ba má tôi hay tin. Đêm

đó tôi thao thức ngủ không được, nhưng tôi không dám nói với ai.

Đối với anh Khôi, việc học quan trọng hơn thức ăn, mạnh hơn kí ninh vàng trị sốt rét trong khu rừng già này. Anh có những ước mơ lớn lắm, những chiến tranh làm việc học của anh bị gián đoạn, nên những giấc mơ cũng vỡ theo, trong những cảnh sụp đổ, tan nát vì những cuộc oanh tạc của máy bay Pháp.

Cả nhà sửa soạn nhộn nhịp cho anh Khôi lên đường. Má tôi may cho anh hai chiếc sơ mi trắng cụt tay bằng xấp vải bà để dành từ lâu. Chị Kim tặng anh hai khăn tay chị đã cất kỹ. Chị Cương mở túi nhái lấy tiền cho anh. Tiền này chị để dành chờ hết giặc mua đôi bông. Tôi không có gì để tặng anh, nhưng tôi tin rằng dù ở xa đến đâu anh vẫn không quên tôi. Hoà Bình theo hôn anh hoài, và để

anh vui, nó không bỏ mứa khi anh đút cơm cho nó chiều hôm đó. Hải Vân đờn mandoline cho anh Hai nghe.

Sau khi anh Khôi đi, nhà tôi trống vắng một cách lạ thường. Không còn một dư vang nào của anh. Chúng tôi chỉ nghe tiếng má hỉ mũi; má khóc một mình. Má nhớ thương con trai cưng của má. Tôi bắt đầu gần gũi với hai chị Kim, Cương hơn trước, hai chị cho tôi vô ngủ chung một giường.

Lúc học trường nội trú ở Bạc Liêu, cả hai chị đều thích hoạt động văn nghệ và đã từng đóng kịch trong trường. Vì vậy, khi về nhà hai chị ca hát suốt ngày. Cả ba và anh Khôi vắng nhà cùng một lúc, làm chúng tôi buồn quá, không ai chịu ngủ trưa. Hai chị tập cho tôi và Hải Vân đóng kịch. Tôi được làm y tá, Hải Vân thì đóng với anh bộ đội bị

thương. Chị Kim là bác sĩ quân y, chị Cương đóng với một quả phụ, chồng là bộ đội đã hy sinh ngoài mặt trận. Mỗi lần chúng tôi đóng kịch, Hoà Bình bỏ đi theo má chắc nó không thích nghe bà quả phụ khóc chồng não nuột lắm. Mỗi lần chôn anh bộ đội, tôi hay hỏi chị tôi: "Hồn của anh ấy đi đâu?". Chị Kim trả lời rằng ảnh về phù hộ cho vợ. Chúng tôi không bao giờ nghe nói đến thiên đàng, chỉ nghe hồn người chết thường vấn vương theo người họ thương mến, đi bất cứ đâu. Hồi ở Ong Vèo, chị Hiển hay kể chuyện ma, chuyện người chết đi đâu và ở đâu cho chúng tôi nghe. Có lẽ vì không muốn chúng tôi tin những điều mê tín dị đoan ấy nên ba má tôi trả chị Hiển về gia đình chị, nhưng lại lấy cớ là muốn bảo vệ tánh mạng chị.

Mùa thu năm 1953, ba tôi lại được lịnh đổi đi nữa. Chúng tôi lại thu xếp dọn nhà. Anh Khôi phải tạm

xếp bút nghiên để về phụ má. Anh làm việc "cực như con trâu của ông Tư Nhờ". Anh nửa đùa nửa thật, nói rằng anh ước anh biến thành một thiếu nữ, để anh có thể lấy một tấm chồng, rồi bắt chồng ở rể trong mấy ngày ba má dọn nhà. Cậu Hai Hợi xuống tiếp sức với chúng tôi. Những người đàn ông ở xóm chài lưới cũng vô phụ giúp. Rồi cùng vợ con, và cái tài sản khiêm tốn và con chó, người dân đầy nhiệt tình yêu nước, xuống ghe đi theo tiếng gọi của non sông. Chúng tôi đi đến Cảng Chú Hàng.

Đây là một trong những thôn làng thuộc tỉnh Chương Thiện, dân chúng đông hơn những nơi chúng tôi đã đi qua. Cảng Chú Hàng một nơi mà mỗi buổi sáng lá cờ giải phóng ngang nhiên phấp phới trong gió. Những người yêu nước đã từ bỏ cuộc sống riêng tư, tự về đây để cùng nhau bảo vệ quê cha đất tổ.

Người ta đắp cảng bằng hàng ngàn cây tràm, cây đước, cắm ra đáy sông, chỉ chừa đủ cho ghe xuồng nhỏ đi qua. Tầu chiến của Tây không vào được vùng giải phóng. Lúc cảng mới dựng, tụi Tây lợi dụng khi nước lớn đã xấn vô trong, nhưng chúng đã bỏ thây ở đây không ít.

Tôi ở cách cảng Chú Hàng ba cây số, cũng do tay cậu Hai dựng. Nhà này giống y nhà ở Kim Qui. Chỉ nền nhà và đất là khác thôi. Bà chủ đất là một bà chủ điền giầu có. Sau khi gặp ba má tôi, ba liền bảo chúng tôi kêu bà bằng bà nội. Thì ra bà từng là một bà mẹ chiến sĩ. Ba tôi kêu bà bằng má nhưng má tôi chỉ kêu bà bằng bà thôi. Má nói chỉ có bà ngoại là má của bà thôi.

Đất này lành nên chim đậu, ca hát líu lo. Cậu Hai cất nhà gần. Anh em chúng tôi tôi chỉ chạy vài

bước là phóng ngay xuống nước vào những buổi trưa nóng bức. Ở đây lại gần làng của ông bà ngoại, nên bà con ở Bang Thạch vô thăm thường hơn. Do và con thăm viếng, má tôi bớt lẻ loi. Điều tôi mê nhứt là ai vô thăm cũng có quà mua từ ngoài thành cho anh chị em chúng tôi. Ba tôi đi công tác thường hơn, lâu hơn. Mà không hiểu sao các đồng chí của ba tôi biết giờ giấc ba về mà họ kéo đến nhà. Ba không có khách bà con, mà chỉ toàn các đồng chí đến hội họp và thảo luận. Họ "uống trà quạu" để thức khuya. Nhiều lần tôi đã ngủ ngon lành trên vế của ba tôi giữa lúc ông và các đồng chí bàn việc nước, việc nhà, việc đảng phái.

Nhiều khách từ phương xa đến, nhưng họ và ba tôi không xa lạ gì nhau. Họ cùng một chí hướng là đánh đuổi quân xâm lăng, giành độc lập cho xứ sở. Họ là bác sĩ, kỹ sư, luật sư hay dược sĩ, giáo sư,

sinh viên ở các trường đại học… Họ đến từ những thành thị, hoặc từ các vùng quê hẻo lánh. Kẻ giàu, người nghèo, đàn ông cũng có, mà đàn bà cũng nhiều. Người là trí thức, kử thuộc thành phần tư sản hay vô sản. Có những người đã từng du học bên Pháp. Họ làm việc cho Pháp nhưng lại chống đối Pháp. Họ cũng yêu nước như những người làm cách mạng trong bưng biền. Những người khách ấy dù không phải là họ hàng, thân thích, đều đem theo những niềm vui cho anh chị em chúng tôi.

Một hôm, ba tôi cho biết sẽ có một người khách rất quan trọng đến thăm. Khách chưa đến mà ba tôi đã nôn nao bàn tính với má tôi về cách đón tiếp ông. Lần đầu tiên tôi thấy má ghi chép những món ăn đặc biệt đãi khách. Má muốn chỉ có ba anh Khôi ngồi ăn cơm chung với khách thôi. Nhưng ba lại muốn cả gia đình cùng ăn. Mấy ngày sau đó, hai

chị Kim, Cương dặn đi dặn lại đến mẻ răng, ba đứa em phải ăn uống cho đàng hoàng, nghiêm chỉnh. Nào là không được ngậm đũa, nào là cấm ăn bốc. Lúc nhỏ tôi hư lắm, cầm đũa không vững, nên hay bốc đồ ăn rồi ghim vô chiếc đũa. Anh Khôi không được đánh muỗng trên bàn ăn. Hải Vân không được gõ đũa trên miệng chén khi nhà có khách. Hoà Bình không được đòi ba bồng, để ba nói chuyện với khách. Nhưng ba tôi thì nói cứ tự nhiên, với những sinh hoạt bình thường của gia đình, không cần làm mầu làm mè trước mặt khách. Ba tôi dặn tôi và Hải Vân phải bạo dạn khi khách muốn nghe chúng tôi đàn hát.

Chúng tôi mong từng ngày, đếm từng giờ, chờ người khách quý đến chơi. Rồi cái ngày trọng đại đó cũng đến. Khách ở tận ngoài Hà Nội vô thăm Nam Bộ. Đó là ông Lê Đức Thọ, anh của chú Lê

Đức Mai, người khách thường xuyên của gia đình tôi hồi còn ở Ong Vèo.

Bác Lê Đức Thọ lớn tuổi hơn ba tôi nên chúng tôi kêu bằng bác. Hai người tay bắt mặt mừng, khách vò đầu thằng em tôi rồi hỏi: “Kỷ niệm chiến thắng ở Đèo Hải Vân của chúng ta đây phải không?”. Hai ông đồng chí cùng cười. Bác Thọ đem theo một hộp nhỏ bằng cây, đẹp lắm, ông liệng cái ba lô vào một góc nhà nhưng ôm khư khư cái hộp cây rất cẩn thận. Tôi và Hải Vân tò mò, nóng lòng muốn chết, vì không biết cái hộp ấy là hộp gì. Bác Thọ hứa sẽ cho chúng tôi nghe tiếng nói của “Bác Hồ” phát ra từ cái hộp này.

Bộ óc ngây thơ non nớt của tôi cho rằng không ai có tài ảo thuật giỏi hơn anh Cầu của tôi. Hai chị em tôi sống trong vùng kháng chiến từ lúc mới sinh ra

đời nên làm sao biết được đó là máy thu thanh. Chỉ có anh Khôi và hai chị Kim, Cương là ít hỏi, vì mấy người đã sống ở ngoài thành trước khi vô kháng chiến. Lúc bác Thọ vặn máy lên, cả nhà im lặng ngồi nghe diễn văn của "bác Hồ". Những cái máy truyền thanh mới lạ đối với tôi và Hải Vân. Chúng tôi tò mò muốn biết làm sao mà ở mãi tận đây mà nghe được tiếng nói của "Bác Hồ" từ Bắc xa xôi. Lúc ông dứt lời, cả nhà vỗ tay reo mừng vì ông bảo "hoà bình sẽ tái lập từ ải Nam Quan cho đến mũi Cà Mau".

Chú Hàng là thiên đàng, nếu so với rừng Kim Qui. Ở Chú Hàng, đồng xanh cò bay thẳng cánh, dòng sông dài âu yếm mảnh đất phì nhiêu. Vườn của bà nội cây trái xum xuê. Bà cho phép chúng tôi thích trái gì cứ ra vườn mà hái. Trên miếng đất bà cho gia đình tôi cất nhà, ở phía sau có xoài, mận, ổi, vú

sữa, mãng cầu Xiêm, Le Ki Ma, Xa Bô Chê. Dù được ba đã cho má tôi vẫn cấm. Má dặn rằng nếu chúng tôi muốn ăn thì tới nhà bác Hai mà mua, hoặc hái trái xong phải đem lại nhà bác Hai tính tiền rồi mới được ăn. Nhiều khi mang rổ ổi hay quýt sang nhà bà nội, tôi đã ăn mấy trái trước rồi.

Một hôm trời nổi cơn giông bão làm con chó Nô sợ, chun xuống sàn, trong khi anh Khôi và tôi mừng quýnh, vì xoài tượng bị rụng nhiều khi gió lớn. Má tôi cho phép chúng tôi lượm những quả rụng chớ không được hái trên cây. Hai anh em tôi vội chạy đến lượm xoài. Tôi còn nhỏ nên khiêng nổi được bốn trái lớn. Anh Khôi đuổi tôi vô nhà trước. Anh Khôi lanh trí… buộc túm quần lại, rồi lượm xoài bỏ vô. Một lát sau, trong bếp có một đống xoài tượng. Lúc cả nhà ngồi ăn xoài với nước mắm, hai anh em tôi nhìn nhau cười khúc khích.

Má hỏi tại sao chúng tôi cười, anh Khôi bèn thú thật về cái "túi" đựng xoài. Má mắng yêu, trong khi cả nhà cười rộ lên.

Đã sống trong hiểm nguy như những gia đình Việt Minh khác, ơn trên, gia đình tôi cũng có những giây phút hạnh phúc trong tiếng vui cười, qua ánh mắt của cha mẹ. Có hôm, bà nội nói "Cảng Chú Hàng là đất lành, nên mặt má các con sáng như trăng rằm. Mặt má tôi "sáng như trăng rằm" vì má tôi đang mang thai.

Nhưng nơi đây cũng có một nỗi buồn, vì chúng tôi ít khi được gần gũi ba tôi, dù ôug ở nhà thường hơn đi công tác, bận hội họp liên miên, lúc thì với với các đồng chí ở trong bưng, khi thì với khách lạ từ bốn phương tới. Cứ ăn cơm chiều xong, nhà bắt đầu có khách. Tôi không biết ba tôi họp đến giờ

nào, chỉ nhớ rằng ông thường đánh thức Hải Vân, Hoà Bình và tôi, để nói "Ba thương con lắm" và hôn chúng tôi trước khi đi ngủ. Buồn ngủ cách mấy, chị em tôi cũng vừa dụi mắt vừa nói "Con cũng thương ba lắm" rồi lại lăn ra ngủ tiếp.

Nhà đông khách, đông con nhưng ba má tôi vẫn tìm được những giờ phút riêng tư êm ái để tâm sự với nhau. Hai người có thói quen dậy thật sớm, ngồi trên bộ ngựa, bên cạnh bếp lửa hồng bập bùng, nói chuyện thì thầm chờ ấm nước sôi pha trà. Điều lạ, là ban đêm ba má bất đồng ý kiến về chánh trị, cãi nhau hoài, vậy mà sáng, hai người lại cẩn trọng lời nói khi bấy giờ ngày mới, cùng những cử chỉ tử tế, ân cần với nhau. Có lẽ ba má nghĩ rằng ban đêm bọn con nít ngủ hết, nên có thể tự do tranh cãi.

Thường thường sau khi uống trà, ba tôi tập thể dục. Tập Tài Chi và ăn uống điều độ, là hai điều ba tôi giữ đúng hàng ngày. Ba tôi tin rằng nếu giữ được tinh thần minh mẫn và thân thể tráng kiện, có thể ngăn ngừa được nhiều chứng bịnh. Ba tôi thường khuyên con cái theo gương ông. Anh Khôi và chị Kim là hai môn đệ trung thành. Hồi nhỏ, tôi rất kén ăn. Con chó Nô rất mến tôi vì tôi cho nó ăn cơm của tôi mỗi bữa. Đổi lại, tôi cũng thương nó lắm, vì nó đã giúp tôi thanh toán hết chén cơm tôi bỏ mứa.

Ba tôi thường dẫn má tôi và chúng tôi ra đồng để chờ mặt trời mọc từ những mái tranh phía bên kia làng. Ngồi bên bờ đê, ba má tôi nhìn chúng tôi chạy nhảy. Tôi không sao quên được gương mặt rạng rỡ và đầy tự tin của ba, khi người ngồi cạnh má tôi, đối với tôi lúc bấy giờ, ba má tôi là sự sống, là tình yêu, là trăng, là nước, là ánh sáng, là những bài hát ru em, là những bài ca yêu nước mà anh em

chúng tôi đều được hưởng tất cả những nhiệm mầu này.

Ở cảng Chú Hàng, anh Khôi cứ mải mê với việc học. Ba tôi mang sách từ một trường ở một tỉnh khác trong vùng giải phóng về để anh tự học. Trường anh học năm trước đã bị Tây bỏ bom nát mất tiêu. Bạn học của anh kẻ chết, người tàn tật. Vì vậy, má không cho anh đi trường khác, sợ rủi ro. Vào những buổi trưa, khi cả nhà chìm trong giấc ngủ, chỉ có anh Khôi và tôi thức. Tôi không thích ngủ trưa, dù ông ngoại dặn đi dặn lại rằng "ngủ cho mau lớn, mau cao". Anh Khôi thì lợi dụng sự yên lặng này để học bài. Tôi hay năn nỉ anh ngưng học để chơi với tôi, nhưng anh không chịu. Lúc bấy giờ tôi không hiểu tại sao việc học lại quan trọng như vậy. Anh giải thích là phải có bằng trung học mới lên đại học được.

Sống giữa làn tên mũi đạn, anh tôi không sợ chết, chỉ sợ lớn nên trở thành một người đàn ông dốt nát. Anh không cần quần là áo lượt, cần xa xỉ phẩm như hai chị của tôi, mà chỉ cần có cây đàn vĩ cầm, và cần đi học.

Gia đình tôi này dời, mai đổi, ba tôi đi vắng thường xuyên, chưa bao giờ anh chị em chúng tôi phải ở nhà một mình, lúc thì có mà; khi má đi vắng, chúng tôi có ba bên cạnh. Nhưng một hôm ba tôi thay đổi hẳn chương trình làm việc, vì ông phải sửa soạn đưa má tôi đi nhà bảo sanh. Trước đó mấy hôm, má tôi đã sắp xếp mọi việc đâu vào đó, vì má đã biết gần tới ngày sinh. Những gì cần đem theo, má cho vô một cái túi vải, và ghi những điều anh, chị tôi phải làm, rồi dán lên cây cột giữa nhà. Má còn dặn anh Khôi đừng làm phiền bà nội (bà chủ đất), trừ khi có gì liên quan đến sống chết. Anh chỉ chúng

tôi mà nói "Như đám quỷ này chết đuối dưới sông". Hai chị Kim, Cương liền hăm sẽ không nấu cơm cho anh ăn. Má tôi phải giảng hoà mới yên. Nhiệm vụ của anh Khôi là giữ Hải Vân. Chị Kim và Cương coi sóc Hoà Bình. Tôi phải vâng lời ba người lớn và không được xuống sông một mình. Má dặn nhiều lắm, ban đêm khi đi ngủ phải nhớ khoá cửa, mà viết cả trang giấy dán lên cột nhà.

Rồi khi chiếc ghe chở ba má tôi mất dạng nơi khúc quanh con sông, căn nhà bỗng trở nên trống trải, im lặng một cách khác thường.

Hoà Bình chạy ngày vô buồng của ba má lấy cái gối của má đem ra bộ ngựa gỗ, úp mặt lên gối, bắt đầu khóc thút thít. Tôi bèn doạ: "Nín đi, ông cùi nghe được ông bò tới cho mà coi". Thế là nó vội liệng cái gối xuống đất, chạy lại ôm lấy chị Kim

cầu cứu. Hai mắt nó ráo hoảnh. Má tôi đã cấm tôi không được nhát em ông cùi, nhưng chỉ có ông cùi mới làm nó sợ mà nín khóc.

Nhà vắng tanh, không có gì thú vị hết, nên chiều đó hai chị cho chúng tôi ăn cơm sớm hơn mọi ngày, ăn cho qua ngày. Ăn xong, anh Khôi rủ chơi trốn kiếm, nhưng mới nửa chừng, tôi chưa kiếm được Hải Vân thì anh dẹp cuộc chơi.

Một lát sau bà nội và con Quít, cháu nội của bà tới thăm chúng tôi. Bà đem một rổ đầy bánh tét, bánh ít và trái cây. Bà dặn chúng tôi khi má đem em về nhà, chúng tôi không được nói chuyện lớn tiếng, để má ngủ, và cũng không được gây nhiều tiếng động, sợ em nhỏ giựt mình. Hai chị Kim, Cương khỏi cần nấu cơm cho má. Bà và bác Hai gái biết món nào bồi bổ cho người mới sanh, ăn cho có sữa cho em

bú. Ba lãnh phần quan trọng đó. Bà căn dặn là má cần tĩnh dưỡng kỹ lưỡng, cần ăn uống đầy đủ bổ dưỡng, cho có sữa em bú. Bà tin dị đoan lắm, nên không quên dặn chúng tôi đừng khen em bé đẹp, sợ ma quỷ nghe được, sẽ bắt em đi.

Đêm đó, Hải Vân và tôi ngủ chung giường với anh Khôi. Hoà Bình ngủ với hai chị Kim, chị Cương trên giường của ba má. Hải Vân hỏi nhỏ anh Hai: "Má đẻ em nhỏ, có khi nào má chết không anh?". Anh Khôi nạt: "Không, đừng có hỏi như vậy nữa nghe chưa!".

Anh em chúng tôi nằm bên nhau trong sự im lặng và lo âu trong cửa nhà vắng vẻ. Tiếng muỗi kêu vo vi bên ngoài mùng. Tôi nhớ má, cắn gối dằn tiếng khóc, sợ Hải Vân tưởng má chết, tội nghiệp nó.

Sáng sớm hôm sau; chúng tôi nghe tiếng ba tôi từ xa vọng lại. Chiếc xuồng chèo chậm chạp trên nước ngược. Chúng tôi chạy xuống bến. Tôi không không chờ nổi nên bứt nút áo, liệng áo trên cầu, phống xuống sông lội ra phía chiếc ghe. Vừa lội, tôi vừa nghe ba tôi reo mừng: “Má sanh em gái!”. Trên bờ tiếng anh Khôi vọng xuống: “Thôi rồi, thêm một đứa vô dụng, hung dữ vô cái nhà này nữa!”. Rồi anh cười lớn. Vô nhà, ba tôi kể lại chuyện má sanh em nhỏ. Ông trả lời hết những thắc mắc của anh chị của sức khoẻ của má. Rồi ông cho biết ông cần tắm rửa và nghỉ một lát trước khi phải đi xa ba ngày, ông cũng cho biết ông phải kịp về đón má và em bé về nhà. Chị Cương lo lắng, nếu nhỡ không kịp thì sao? Ba trả lời: “Má sẽ thông cảm cho ba”. Anh Khôi tỏ vẻ tức giận, hậm hực hỏi: “Tại sao má cứ phải là người “thông cảm” hoài vậy?”. Ba tôi tỏ vẻ không bằng lòng câu nói của

anh, ông liền bắt hết anh chị em chúng tôi ngồi xuống, kể cả Hoà Bình dù còn nhỏ xíu cũng không được miễn. người ít rầy con cái, những khi cần rầy thì chúng tôi khổ lắm vì lại giảng đạo đức dông dài, làm chúng tôi chán vô cùng. Lần này ông “thuyết” về vấn đề “Tổ quốc và gia đình”, ông muốn chúng tôi giúp ông đặt tổ quốc trên gia đình.

Ba tôi đặt nhiều tin tưởng và trách nhiệm vào anh Khôi lắm, vì anh là cn trai trưởng. Anh phải làm gương cho các em. Trong lúc đó, anh bực bội nói: “Con chán cái nghề làm gương tốt lắm rồi. Nhiều khi con có cảm tưởng con là một ông già mười bẩy tuổi. Không ai nghĩ tới chuyện học hành của con. Ba phải để cho con được đi học trước khi râu con dài tới rún”.

Ba yên lặng ngồi nghe, rồi nghiêm nghị nói: “Con là đàn ông nhà này khi ba đi vắng”. Tôi nghe mà

không hiểu ba và anh Khôi nói chuyện gì. Nhưng có một điều tôi biết, là tôi muốn anh tôi làm người lớn, vì làm người lớn là phải sống gương mẫu, phải hy sinh, phải chịu đựng, phải chia cơm, xẻ áo cho đồng chí, cho bộ đội, cho kháng chiến. Tôi chỉ muốn anh Khôi là anh hai của tôi mà thôi.

Rồi mọi việc đâu cũng vào đó. Ba tôi về kịp ngày rước má tôi về nhà. Bà nội cho ba tôi mượn chiếc ghe lớn có mui. Ba tôi cho an và Hoà Bình đi theo, con tất cả phải ở nhà để nghe bà dặn dò những việc nên và không nên làm khi má về. Bà bắt mấy ngày đầu tôi phải dẫn hai em tới nhà bà chơi với con Quít cháu nội của bà đến tối mới được về. Tôi rất thích được ăn cơm ở nhà bà vì ngon hôm cơm ở nhà tôi. Chỉ có cái kẹt là ở nhà bà không được đùa giỡn tự do như ở nhà tôi.

Ba tôi đặt tên cho em bé là Minh Tâm. Ba nói Minh là minh bạch, trong sáng. Tâm là tấm lòng, là trái tìm. Ông hãnh diện vì gia đình tôi có những tấm lòng trong sáng.

Ngày ăn đầy tháng của em tôi vui hơn hôm ngày làng được đoàn dân ca về trình diễn kỷ niệm sinh nhựt "cụ Hồ". Minh Tâm cũng sanh vào ngày 19 tháng 5. Ba nội cho rất nhiều quà. Người hàng xóm ở bên kia sông cũng sang chung vui với gia đình tôi. Tôi nhớ lời bà nội dặn là không được khen em đẹp, nhưng nhìn em, tôi thầm vui sướng vì em tôi đẹp nhứt vùng này.

Nhưng buồn thay, những giờ phút tuyệt vời ấy trong gia đình tôi không được lâu. Sau những ngày vui tươi sáng lần ấy. Gia đình tôi bị bao phủ bởi một bầu trời không trăng sao, không một ngọn

đuốc, dù chỉ sáng lẻ loi, khi ba tôi nói đến chuyện đi Hà Nội. Ông sẽ tập kết ra Bắc, chỉ đem anh Khôi theo. Má tôi và chị em chúng tôi phải ở lại trong Nam. Ông tin rằng trong hai năm sẽ trở về. Thượng đế vừa cho gia đình tôi một em bé, sao Ngài lại bắt chúng tôi xa hai người mà tôi yêu thương nhứt cõi đời này”

Chương 3

Sau một thời gian khá lâu, kể từ ngày ba tôi và anh Khôi ra Bắc, chúng tôi phải ở lại Bang Thạch, tôi vẫn nghĩ ngợi thắc mắc về sự mất mát khủng khiếp này.

Tôi đã nếm mùi khói lửa của chiến tranh. Tôi hiểu

trách nhiệm người dân yêu nước khi phải sống dưới ách đô hộ của phương Tây, qua đời sống của gia đình tôi, và tôi cũng hiểu đại khái về xã hội chủ nghĩa. Nhưng tôi không hiểu sức mạnh của nó đã đánh vào điểm nào trong trái tim của ba tôi, người mà đêm khuya vẫn dựng đầu chị em tôi dậy để nhắc nhở: “Ba thương các con lắm!”.

Lúc còn nhỏ “xã hội chủ nghĩa” ví như là một ngọn gió thổi từ xa tới. Nó trong lành. Nó vừa lạ vừa quen, quyến rũ một các lạ lùng. Nó quyến rũ vì ba tôi chính là nó, vì ba tôi là tiêu chuẩn cho những nguyên tắc cơ bản của nó. Những khúc dân ca của Đông Âu, những điệu múa của người Liên Xô, cho tới lá cờ lưỡi liềm của họ, đối với tôi cũng không có gì xa lạ, vì Liên Xô không phải là “ngoại bang” đối với ba tôi, mà nó là “đồng chí” của ông.

"Xã hội chủ nghĩa" là những tiếng thông thường trong gia đình tôi, nhưng tôi cũng biết có nhiều người trong làng, kể cả bà em của má tôi, sợ nó lắm. Lúc ba tôi vắng nhà, mấy người em bà của cô cậu má tôi nói họ sợ xã hội chủ nghĩa như ma quỷ, như dịch tả, như gió độc.

Hai chữ "Cộng sản" ít được nhắc tới. Có lẽ bốn chữ "xã hội chủ nghĩa" nghe hay hơn. Nó cũng che giấu được lối cai trị tàn bạo ở Bắc, do những lãnh tụ cộng sản chủ trương. Người em bà con của má tôi thường nói lén như vậy. Cậu kể cho má tôi ở ngoài Bắc, Cộng sản giết chủ điền, cướp tiền của người giầu. Họ dám giết cha mẹ nếu cha mẹ không nghe lời Chánh phủ. Trong khi đó, các đảng viên Cộng sản ở miền Nam còn là những Việt Minh thật thà, yêu nước, thương dân, không hung bạo như Cộng sản ngoài Bắc.

Lúc bấy giờ, nếu lớn tuổi hơn hay tinh khôn hơn một chút, có thể tôi đã hiểu, giữa ba má tôi có một con sông ngăn cách, mà hai năm ba đi tập kết về Bắc, con sông đó cũng không nhỏ lại; cũng không


Bà Yung Krall (Đặng Mỹ Dung), năm 2010

có cây cầu nào bắc được cho hai người xích lại gần nhau trong tư tưởng. Má tôi muốn tự do, tự lập.

Còn ba tôi, ông theo chủ nghĩa của ông Hồ ngoài Bắc; ông phục vụ cho đảng, dân chúng phục vụ ông để đảng được mạnh. Tuy vậy, trong tình vợ chồng, ông bà vẫn khăng khít, thương yêu nhau, vì chính sự trái ngược đã bổ túc cho nhau để có thể chung sống trong hạnh phúc gia đình. Nhờ bà gánh vác và bảo vệ gia đình, ông được tự do làm một nhà cách mạng gương mẫu. Ngoài ra, nên giáo dục cổ xưa đã đào tạo má tôi thành một vợ thuỷ chung và gương mẫu. Lấy chồng, bà chỉ biết có chồng, khi có con, bà hết lòng lo cho con cái. Đó là người đàn bà của nền nếp cổ xưa thuần tuý Á Đông. Phải nói rằng ba tôi đã may mắn lấy được má tôi, để ông có tất cả thì ông mới vững tâm làm cách mạng.

Đời sống của ba tôi trong thời kháng chiến chống Pháp luôn luôn bất ổn, nên cứ thay đổi hoài hoài. Má tôi kiên nhẫn thích ứng nhanh chóng với sự

thay đổi đó. Nhờ có mà, chúng tôi được sống êm ấm trong tình thương của cả cha lẫn mẹ. Nơi nào có mặt ba tôi, nơi đó sẽ có nhiều mầm non cách mạng. Trong khi đó, nơi nào má tôi xuất hiện, đàn bà con gái trong làng đó ham học nữ công. Nhà chúng tôi ở tươm tất, vẹn khéo. Nhờ vậy, ba tôi lúc nào cũng vui tươi, và hài lòng với hạnh phúc gia đình.

Không như những gia đình khác, gia đình tôi được tự do nói chuyện và nghe chuyện. Chúng tôi nghe đủ mọi thứ chuyện, từ chuyện đám cưới, đám hỏi, đến chuyện sanh đẻ, chết chóc… nghĩa là chẳng còn thiếu một văn học gì hết. Tuy nhiên, cũng có một vài điều mà chúng tôi không được phép nhắc tới, đó là nhu cầu ham muốn về vật chất. Thật ra, chỉ khi có mặt ba tôi là chúng tôi không dám nói tới vấn đề đó, vì ông quan niệm rằng ham muốn vật chất là còn làm nô lệ cho vật chất, còn dựa vào thế

giới bên ngoài (như thằng Tây chẳng hạn). Mình phải "tự lực cánh sinh", ba tôi nói như vậy hoài. Khi ông đi vắng, chúng tôi vẫn lén thầm thì bàn với nhau về những nhu cầu vật chất.

Kể từ ngày ba tôi cắt hết mối liên hệ với thành phố, đưa vợ con vô vùng "giải phóng", gia đình tôi đã có cuộc sống gương mẫu dưới sự điều khiển của đảng, không còn lệ thuộc vào ai, và chúng tôi đã cố gắng "tự lực cánh sinh". Nhưng thiệt thà mà nói, một người đàn bà với 6, 7 đứa con thơ đi theo ông chồng làm cách mạng, thì tay chân, sức lực và thì giờ đâu mà "tự lực cánh sinh". Mà lén ba, nhờ ông ngoại bà ngoại tiếp tế, để có thêm tiền ăn. Đi tới đâu thì dân ủng hộ đất đai nhà cửa tới đó. Vậy thì ý nghĩa của "tự lực cánh sinh" không còn trung thực nữa.

Bạn bè của ba má tôi từ thành phố vô thăm, ai nấy đến khen lối sống vô sản của gia đình cách mạng này. Tuy nhiên, họ tỏ ra gần như công khai lòng thương cảm đối với chúng tôi, nhứt là tội nghiệp cho chị em tôi.

Nhưng tôi biết, ba tôi mãn nguyện với tất cả cả những gì ông đạt được. Ông cho là ông đã có hạnh phúc gia đình, và ông hãnh diện khi chọn con đường ông đang đi! Mỗi lần anh chị em tôi than cực, than thiếu thốn và đổ lỗi cho ba đã làm gián đoạn việc học của chúng tôi, thì má lại bênh vực ba. Bà nói thời buổi chiến tranh, những người yêu nước đều phải xung phong giết giặc cho xứng với đấng nam nhi của đất Việt. Rồi bà hỏi: "Tụi con muốn ba theo Tây hay theo kháng chiến?". Thế là bọn tôi hết dám nói năng gì nữa. Nhưng không dám nói năng không có nghĩa là trở nên yêu thích cuộc

sống khổ cực, thiếu thốn trong vùng kháng chiến Vì vậy, thỉnh thoảng má tôi vẫn nghe thấy tiếng thở dài của anh chị tôi, đồng thời bà vẫn phải yểm trợ cuộc tranh đấu hăng say của ba tôi. Chúng tôi kiên nhẫn chịu đựng cuộc sống trước mắt và không thần thánh hoá ông Hồ Chí Minh như trong gia đình của đồng chí ba tôi, vì má tôi không thần thánh một ai ngoài tổ tiên và ông bà của chúng tôi.

Dần dần tôi nhận ra rằng không phải tất cả những ai bỏ thành để ra bưng biền chống Tây đều theo cộng sản. Một năm sau khi gia đình tôi dọn tới Kim Qui, có thêm bốn gia đình khác theo cách mạng cũng tới đó. Bên kia con kinh là nhà của bác Mười Cử và người con gái duy nhứt của bác, chị Kỳ Hoa. Bác Mười gái là bạn học cũ của má tôi. Bà đã qua đời ở Cần Thơ. Phía nam của kinh có gia đình bác Tư Thành. Bác là một cán bộ kinh tài cao cấp của

Nam Bộ. Ngang nhà bác Tư, có gia đình bác Nam Hưng và bác Tư Thạch Son. Má tôi cho biết các bác đều là dân "trí thức" đã từ bỏ chăn êm nệm ấm, và cuộc sống sang giầu để đi theo Việt Minh.

Bác Mười Cử theo Việt Minh, nhưng kịch liệt chống lại đường lối của cộng sản. Có lần tôi đã nghe bác nói chuyện với ba tôi mà lớn tiếng chỉ trích đường lối sai lầm của cộng sản. Trong khi đó, hai bác Tư Thành và bác Nam Hưng theo một phe với ba tôi. Bác Tư Thạch Son thì khác. Bác trung lập, theo Việt Minh, nhưng bác không theo cộng sản. Bác không dám chỉ trích hay phê bình công khai cộng sản. Vì lập trường trung lập này mà bác Thạch Sơn bị mấy bác kia kêu là "nửa người nửa ngợm".

Với sự hiểu biết non nớt của một đứa nhỏ bảy tuổi,

tôi cứ thắc mắc hoài về những người đồng tâm, đồng chí chống thực dân Pháp này. Tất cả đều có tâm huyết, đều một lòng muốn giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ của bọn thực dân, vậy mà sao giữa họ vẫn có sự ngăn cách? Hồi đó, tôi còn nhỏ quá nên không biết ai phải ai trái. Muốn hỏi ba tôi nhưng không biết hỏi cách nào, tôi không đủ chữ nghĩa để đặt câu hỏi.

Khi ngồi trên ghe nhìn thẳng về phía trước, tôi thấy chân trời và mặt nước ở cuối con sông dính liền nhau. Vậy mà ghe cứ đi hoài đi mãi cũng không đi tới được chân trời. Một hôm tôi hỏi nhỏ anh Khôi: "Chừng nào mình mới tới được chân trời?". Anh vò đầu tôi rồi nói: "Trái đất tròn, người ở đông ở tây có thể gặp nhau, nhưng không ai tới được chân trời". Tuy chưa thoả mãn với lời giải thích đó, tôi không dám hỏi thêm, vì sợ anh chê là ngu. Anh

thường khen tôi thông mình, làm tôi phổng mũi, tự đắc. Thôi thì cứ để anh tưởng tôi thông minh thiệt. Tôi nghe dân trong vùng giải phóng cũng không tin tưởng vào Chánh phủ Hồ Chí Minh, họ chỉ tin ở hai bàn tay cần cù, chai cứng của họ thôi, ông ngoại tôi càng không ưa ông Hồ Chí Minh. Có lần tôi nghe ngoại kêu Hồ Chí Minh là "thằng già râu". Tuy nhiên là ba tôi không bằng lòng lời kêu đó, nhưng ông chỉ nhăn mặt thôi, không dám có phản ứng gì.

Cậu Hai Hợi cũng có ảnh hưởng lớn với tuổi thơ của tôi. Qua cậu, tôi biết bên ngoài vùng giải phóng, không hẳn chỉ có người theo Tây hay phản quốc. Người dân trong vùng bị Tây chiếm cũng sống với gia đình riêng của họ. Có kẻ được hưởng hạnh phúc ấm no, thì cũng có người chịu cảnh cơ cực, lầm than. Tất cả đều có bổn phận và trách nhiệm đối với gia đình và tổ quốc, khác gì những người sống trong vùng giải phóng như chúng tôi.

Cậu Hai còn cho biết ngoài trách nhiệm làm con cháu "cụ Hồ", con nít còn có nhiều thú vui và niềm tin khác nữa. Theo cậu, bao giờ hết giặc, chúng tôi được trở về làng sẽ hiểu hơn.

Má tôi thờ cúng ông bà. Tôi thường nghe bà khấn vái, cầu cả người đã khuất. Cũng có khi bà cầu Trời, khấn Phật. Lời khấn của bà nhỏ quá, tôi không hiểu bà cầu xin việc gì. Cậu Hai Hợi không tin ở Trời, Phật. Cậu dậy chúng tôi rằng Trời, Phật ngự ở hai vai con người để chứng giám mọi hành vi, tư tưởng của chúng ta. Cậu vẫn nói rằng nhờ Trời cậu luôn luôn được mạnh giỏi để có sức khoẻ cất nhà cho má tôi. Cậu cũng tạ ơn Trời, Phật mỗi khi qua khỏi một tai nạn. Có lần cậu hỏi tôi đã có bao giờ tôi cầu Trời, Phật chưa? Tôi lắc đầu và cho cậu biết tôi không tin ở Trời, Phật. Không những vậy, tôi còn nói một câu làm cậu giận: "Nếu Trời,

Phật thiêng thiệt, cho cháu gặp mặt trong giấc chiêm bao của cháu". Một hôm, cậu bảo tôi rằng ông Hồ chỉ là một trong hàng tỷ chúng sinh của Trời, Phật và ông Hồ đã đi lạc đường vì ông chủ trương không thờ phượng Trời, Phật. Tất nhiên, tôi không tin lời cậu, một phần vì tôi còn quá nhỏ, phần khác làm sao tôi biết lời nói của cậu là đúng. Trong khi các nhà ái quốc Việt Nam quyết tâm tranh đấu giành độc lập cho nước nhà khỏi ách nô lệ của ngoại bang, Hồ Chí Minh và các đàn em của ông (kể cả ba tôi) lại muốn áp đặt lên đầu lên cổ dân ta một lý tưởng ngoại lai, đó là chú nghĩa cộng sản!

Anh Khôi tập kết ra Bắc, gia đình tôi, gồm người mẹ và sáu con tha, phải tranh đấu hàng ngày để tự tồn tại. Má tôi lúc đó có 38 tuổi. Chị em tôi thường hỏi lẫn nhau, bao giờ mới được gặp lại ba và anh

Khôi! Thiếu ba và anh Khôi, gia đình h tôi cảm thấy bị mát mát quá lớn. Ngày chia tay, ba ân cần dặn dò chúng tôi: "Hãy ngoan ngoãn chờ ba về!". Nhưng có ai ngờ rằng ngày ba tôi về tôi lại trở thành một nữ điệp viên chống cộng sản.

***

Những người đàn ông ra đi đã đem theo một phần lo sợ, những người ở lại cảm thấy an tâm hơn. Cuộc sống của chúng tôi trong làng Bang Thạch được ổn định nhanh chóng, nhưng không kém ồn ào của một đại gia đình nhiều con nít. Tuy là bà con ruột thịt, bọn chúng tôi cũng ganh ghét nhau. Có lần, mấy người con của cậu Tư Diệp nói với chị em chúng tôi: "Tụi tao là cháu nội của ông bà nên được ông bà thương hơn". Tôi đâu có chịu thua, liền trả miếng: "Má em là con gái út của ông bà,

còn má chị chỉ là con dâu thôi". Chị Yvonne tức quá, liền chạy đi khóc với dì Bẩy. Dì bèn bắt tôi phải xin lỗi chị. Nhưng từ đó, chị không nhắc tại chuyện cháu nội cháu ngoại nữa.

Chị Yvonne lớn hơn tôi ba tuổi, nên khôn lanh hơn tôi, biết cách khiêu khích và biết làm cho tôi bị đòn, bị phạt. Ngày xưa, người Việt thường không cho con nít nhắc đến tên tục của người lớn, vì cho như vậy là phạm thượng. Vậy mà chị dám nói "Phàm làm người ai cũng biết nhân, nghĩa, lễ, trí, tín". Phàm là tên má tôi. Tôi tức lắm, những đâu có chịu thua, nhứt định phải trả đũa dù có bị ăn đòn. Tôi nói với Hải Vân: "Chừng nào có dịp ra ngoài chơi, mình hái đu đủ ăn". Chị Yvonne oà lên khóc chạy đi méc dì Bảy. Tên ba của chị là Diệp, và má là Đu. Tôi bị phạt không được ra khỏi nhà mấy bữa.

Có những trận chiến cần phải tham dự dù biết sức mình yếu hơn đối phương, nhưng can đảm vẫn sẽ thắng.

Tội nghiệp dì Bảy, tối ngày cứ phải đi hoà giải cho cái đám cháu sống chung dưới một mái nhà. Những tranh chấp nhỏ này không bào giờ hết. Nhưng, dù có sóng gió đến chừng nào, ruột thịt vẫn là ruột thịt. Chúng tôi yêu thương đùm bọc nhau. Trong thời gian ở chung này, tôi học được bài học "Chị ngã, em nâng".

Cậu Chín Thuỷ để lại người vợ mới của cậu trước khi tập kết ra Bắc. Mợ Chín, tên con gái là Bích Loan, có thể coi như đẹp nhứt làng Bang Thạch. Mợ là con gái duy nhứt của bà Cả Ngài ngoài Cần Thơ.

Cha Mợ đã qua đời. Thỉnh thoảng bà Cả vô thăm con đi bằng một chiếc ghe lườn thật đẹp, ăn mặc cũng thật đẹp. Má nói bà không thích con gái bà mặc quần áo vải. Nhưng ở đây ai cũng mặc đồ vải hết. Chỉ khi nào có đám, có tiệc người ta mới mặc quần áo gấm. Bà ngoại tôi thương và chiều mợ Chín lắm. Mợ là vợ của người con trai út của ông bà. Mợ có phòng riêng và cửa sổ có treo màn. Bà ngoại mướn người trong làng cất thêm hai căn nhà cho chúng tôi ra ở riêng. Nhà của chị Yến được cất trước vì chị sắp sanh đứa con thứ ba. Bà ngoại muốn ổn định trước ngày sanh em bé. Ngoại còn mua một cái nôi mới toanh cho cục cưng tương lai.

Nhà riêng của gia đình tôi cất giữa nhà ông bà ngoại và nhà chị Yến. Nền nhà là nền nhà cũ của ông bà. Nhà này trước kia bị đốt rụi, khi họ vô lùng bắt hai cậu Tư Diệp và Năm Sắc. Vì bắt hụt hai cậu nên họ giận dữ, nổi lửa đốt nhà. Sau trở lại vườn

cũ, ông bà tôi không chịu cất nhà trên nền nhà bị đốt, chúng tôi không biết tại sao. Phải chăng ông muốn giữ lại nền nhà trơ trụi, cháy nám, để ghi nhớ cái thảm cảnh của bọn Tây lộng hành đốt nhà và tìm bắt con của ông.

Giữa nhà mới của chúng tôi và nhà của ông bà ngoại là cái ao thả cá, giữa nhà tôi và nhà chị Yến là một miếng vườn trồng rau cải, cây trái. Nó chỉ là miếng vườn có cây, có trái như những miếng vườn khác má tôi đã từng đi qua trong tuổi thơ của mình. Nhưng cái khác của nó là vườn riêng của ông bà tôi. Đất ở đấy mới là của mình thật sự, chứ chúng tôi không chiếm đất của người khác. Thật ra, khi chúng tôi sống trên đất của người khác, má tôi vẫn lén ba tôi trả tiền cho chủ đất. Cái cảm giác vừa lạ vừa kiêu hãnh khiến chúng tôi thấy tự do, hãnh diện vì được sống ở nhà. Má tôi cũng sung sướng

lắm. Mỗi lần dẫn chúng tôi ra vườn hái rau, bẻ trái, bà thường nói: "Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn".

Ở vùng giải phóng, con nít như tôi có bao giờ được thấy đồ chơi, ngoài cây đàn mandoline. Chị em chúng tôi vui với thiên nhiên và những gì có sẵn trên mặt đất. Khi cải xanh trổ bông vàng, ong bướm bay đầy vườn để hút mật. Chúng tôi bắt ông bầu để "phát minh" ra một cái máy hát. Bọn chúng tôi bắt mấy con ong, bỏ vô một cái keo, rồi từ từ thả ong vào một thùng thiếc, dùng khu chén đè thật nhẹ lên con ong, đẩy nó đi vòng tròn, nó sẽ phát ra một âm thanh rè rè và vui tai. Bao giờ ông mệt đến chết, chúng tôi sẽ cho vô một hộp quẹt giấy rồi đem chôn. Chơi trò "đĩa hát" này thế nào cũng bị ong chích. Bọn chúng tôi không đứa nào tránh khỏi. Nhưng càng bị ong chích, chúng tôi càng có

kinh nghiệm để có thể tạo nên những tiếng nhạc của ong hay hơn. Ong chết được chôn trong một nghĩa địa riêng mà chúng tôi đã chôn đủ loại côn trùng: thằn lằn, chuột con, rắn mối, chim con, dế mèn nhỏ xíu…

***

Mùa nhập học năm 1954 trùng với mùa cam, quít chín ở trong vườn của ngoại tôi. Nhiều lái buôn từ Sóc Trăng chèo ghe lên Bang Thạch định giá quít, cam để mua mão. Họ đi hết bờ này, qua bờ khác, chú ý xem xét từng chùm quít để phỏng đoán số trái của những cây này. Có người đếm tới đếm lui ba bốn lần, nhưng không một ai dùng giấy mực để ghi chép hay tính toán. Họ có cách tính riêng của họ, đó là cách đếm lạt tre: "Cây dài một chục, cây cụt một trăm". Đến tối, họ xuống ghe ngủ để sáng

hôm sau xem kỹ lại một lần nữa, rồi mới vào nhà gặp bà ngoại và dì Bảy để trả giá. Năm đó, người trả giá cao nhứt là 55.000 đồng. Từ nhỏ, vì sống trong vùng "giải phóng", tôi chỉ biết tiền "cụ Hồ" nên không biết giá trị của 55 ngàn đồng là bao nhiêu. Tôi chỉ nghe ông ngoại cho biết năm này trúng mùa và hứa sẽ đưa chúng tôi ra chợ mua sắm thả cửa.

Ông dẫn chúng tôi ra chợ Bang Thạch ăn mừng, và cũng sắm sửa giấy mực cho ngày tựu trường sắp tới. Mười sáu đứa cháu chắt vừa nội vừa ngoại đi theo ông. Đứa chạy trước, đứa chạy sau, mặt mày hớn hở. Mấy chị lớn đi gần ông ngoại trên con đường mòn dẫn ra chợ Bang Thạch. Tiệm ăn không đủ ghế cho tất cả chúng tôi, ông chủ tiệm phải chạy về nhà lấy thêm. Người nấu bếp nhìn đám con nít với vẻ hài lòng. Ông ngoại dõng dạc nói với chủ

tiệm: "Đứa nào muốn ăn uống món gì cứ nấu cho nó, trừ rượu với café". Mọi người nhìn anh Quốc và tôi rồi cười khúc khích. Cách đây mấy ngày, anh Quốc và tôi được nhiệm vụ đi mua rượu để cho ông ngoại ở tiệm hàng xén Bên Xáng (làng bị xáng múc thời Tây, nên người ta đặt tên là Bên Xáng). Anh Tân chủ tiệm hay khoe rượu hôm này ngon hôm rượu hôm trước, vì kỳ này có nếp tốt nên rượu ngon lắm. Một lần, hai anh em nửa đường, nổi tính tò mò nên thử, nhưng nếm hơi nhiều, rượu còn ít quá, chúng tôi lấy nước dưới rạch chế vô cho đủ. Lúc uống, ngoại chê là rượu hư, bắt anh em tôi đem trả. Hai đứa nhìn nhau rồi đành thú tội. Thế là từ đó chúng tôi bị mất việc đi mua rượu. Không được đi mua rượu nữa, chúng tôi bị thiệt hại nặng lại còn bị xấu họ với các anh chị em trong gia đình. Thiệt hại về tài chánh là chúng tôi không còn được hưởng số tiền lẻ tiệm thối lại, vậy là chúng tôi không có tiền

mua kẹo, mua dây thun và đạn cu-li. Hai anh em tôi vừa buồn vừa mắc cỡ!

Buổi đi ăn hàng đầu tiên với ông ngoại cũng là lần đầu tiên Hải Vân và tôi được thưởng thức cái ngon ngọt lạ thường của rượu xá xị. Tôi không nhớ là tôi uống mấy chai, nhưng tôi bắt đầu thấy khó chịu trong người mà không dám nói cho ai hay, cũng là lần đầu tiên ông ngoại dẫn một bầy con nít ra uống nước. Khi trả tiền xong ông lẩm bẩm nói một mình: "Lần này bà mày phải đưa thêm tiền". Thật ra, ngoại vẫn có dư tiền để trả cho chúng tôi đi sắm đồ. Khi tới trước một tiệm, ông dặn dò chúng tôi: "Nhớ sắm cái gì mình cần trước, rồi mua cái gì mình muốn sau, nghe chưa". Hải Vân và tôi có biết cái gì mình cần cho việc học đâu. Vì vậy, chúng tôi để chị Kim, chị Cương lo giùm. Từ lâu mơ ước khi hết giặc sẽ mua nhiều thứ lắm. Cuốn "sách ước" của

tôi dầy cộm, vậy mà bấy giờ tôi chỉ nhớ được có hai thứ là kẹo chanh và cây dù. À, còn đôi giầy có quai mầu đỏ nữa. Nhưng tôi tìm hoài không thấy trong mấy tiệm ở cái chợ nhỏ này. Dù thì nhiều lắm, nhưng cây nào cũng cao hơn đầu, nghĩa là chẳng có giầy mà cũng không có dù. Rốt cuộc chỉ có thể mua được kẹo chanh trong tiệm ông Sáu Em. Dù không biết một kilo là bao nhiêu, nhưng thường nghe người lớn mua đồ nói tới kilo, tôi nói với ông ngoại, tôi mua một kilo kẹo. Ông ngoại kêu ông Sáu Em cân cho cháu ông một kilo kẹo. Ôm một kilo kẹo trước ngực, tôi thầm tự hỏi không biết đến chừng nào tôi mới ăn hết cả gói kẹo này? Tôi bốc một nắm mời ông ngoại, nhưng ông từ chối, và cho biết răng ông rụng mấy cái rồi, nếu ăn kẹo có thể bị sâu răng mà rụng luôn mấy cái còn lại. Ông bào tôi chia cho mấy anh chị em. Mọi người đều thò tay vô

bọc bốc kẹo ăn. Người nào cũng bốc một nắm lớn, mà còn nói là ăn giùm tôi.

Hải Vân và anh Quốc hớn hở ra khỏi tiệm với mấy gói đạn culi và hai gói dây thun. Đó là những món cần thiết mà hai người chuẩn bị cho ngày tựu trường.

Còn các chị tôi mua nào là đồ nịt ngực, lược chải đầu, kẹp tóc, kiếng để bàn, kiếng bỏ túi. Tôi thì chưa biết trang điểm, mấy cục kẹo là vật quý giá nhứt đối với tôi rồi. Hương vị ngọt ngào của kẹo, tôi coi như hương vị của hoà bình. Khi còn ở trong bưng biền, tôi mơ ước nhiều thứ lắm, và thầm ước ao sẽ mua, sẽ hưởng khi hết giặc. Vậy mà bây giờ những thứ đó không còn quan trọng nữa. Phải chăng tôi hằng mơ ước tự do, mà cứ tưởng mình thèm muốn mấy món đồ vật chất? Bấy giờ được tự

do rồi, những thèm muốn vật chất đó bỗng không còn quan trọng nữa.

Ông ngoại tôi là xã trưởng của xã này đã về hưu, vì vậy đi đến đâu cũng gặp người quen, ông khoe đàn cháu của ông với mọi người: “Đây là con Tư Diệp, kia là con Năm Sắc, hoặc Tám Phàm…”. Suốt buổi sáng bọn tôi cứ phải khoanh tay, cúi đầu chào đến mệt luôn. Trước khi chúng tôi đi theo ông ngoại, dì Bảy và má tôi đã dặn đi dặn lại là bọn tôi phải giữ lễ phép với tất cả mọi người. Ai cũng vâng lời người lớn hết, chỉ có chị Yvonne hay bướng bỉnh cãi lại. Chị nói: “Con nít nhà này có bao giờ không lễ phép; sao cứ nhắc hoài vậy?”.

Ông ngoại dẫn chúng tôi tới Nhà Việc ở giữa làng. Nơi đây ông đã từng làm Xã trưởng. Ông Xã mới là một người con trẻ. Chúng tôi gọi ông là Cậu Hai,

ông tên là ông Hai Trứ, cũng có người kêu là ông Hào Tứ. Ông tươi cười, hãnh diện nói: “Cậu học chung với ba má tụi cháu hồi ông nội, ông ngoại tụi bay làm ông Xã ở đây”. Sau đó tôi nghe lỏm cậu Hai hỏi ông ngoại tôi, sao không cản ba và các cậu, lại để họ đi ra Hà Nội. Tôi không nghe rõ ông ngoại trả lời ra sao, chỉ nghe ông nói má tôi có thể lo nổi. Rồi ông tiếp: “Dù sao, nuôi dậy con là việc của đàn bà từ hồi xưa tới giờ”. Ông Xa trẻ nhìn chúng tôi tỏ vẻ thương hại. Nhưng thật ra trong thâm tâm tôi lại cảm thấy vui sướng và may mắn, sống ở trong bưng bao nhiêu năm trời mà không bị Tây bắn chết hoặc bị thương, bấy giờ lại được về sống với ông bà ngoại, được ông bà cưng chiều, được khoanh tay cúi đầu chào dân trong làng của ông mình. Như vậy không là hồng phước sao?

Tôi cảm thấy gần gũi ông bà ngoại, vì má tôi trước

kia thường nhắc đến ông bà. Má tôi kể, có lần má tôi bị một anh du kích xét ghe và giấy đi đường. Anh thấy trong những giấy tờ có tấm hình của ông ngoại. Anh du kích ngắm hình hỏi: "Thời buổi này mà bà còn giữ hình Tây làm gì?". Má tôi vừa giựt lại tấm hình vừa nói: "Mấy chú ơi, hình của ba tôi đấy chớ Tây với u gì đâu; vì phải xa cha mẹ, tôi chỉ có tấm hình này để coi cho đỡ nhớ". Tình thương của má dành cho ông bà âm thầm nhưng đậm đà. Có thể vì má tôi bị mặc cảm tội lỗi, đã không chăm sóc được cha mẹ già, nên lúc nào cũng xót xa khi nhắc đến ông bà.

Hồi làm xã trưởng, ông ngoại tôi là một ông xã rộng lượng. Tình thương của ông đối với gia đình và dân làng bao la như giòng sông của làng Bang Thạch. Nhờ vậy, ông được mọi người từ lớn chí nhỏ kính trọng, quý mến. Điều đó cũng không lạ, vì

ông đã nhiều lần lấy tiền lương của mình đóng thuế cho những người thiếu thuế, chẳng hạn những nhà nông bị mất mùa.

Được sống gần ông, tôi mới hiểu tại sao anh Khôi coi ông là một vĩ nhân. Tinh thần ông bao giờ cũng phấn khởi, sống gần ông, ngày nào cũng là một ngày mới, một trang sách phiêu lưu mới. Lòng ông lúc nào cũng rộng mở, nồng nàn với các cháu. Nhờ vậy, tôi dần dần vui lên và không có mặc cảm bị bỏ rơi nữa. Đi bên cạnh ông, tôi không sợ bất cứ ai. Mọi người trong làng đều là những người thân với gia đình tôi. Ông ngoại là một vị trọng tài công bằng, dù phải đương đầu với hơn một chục cháu nội, ngoại, cháu cóc. Tình thương của ông ban cho chúng tôi rất nồng nàn, rõ rệt. Ông kiên nhẫn, rộng lượng và quý các cháu như vàng. Trước kia, ông thương yêu con cái như thế nào, thì bây giờ ông

thương các cháu của ông như vậy. Cậu Năm Sắc qua đời khi được tha từ Côn Nôn về. Cậu Út mất về bịnh ban đen. Chúng tôi biết lòng ông tôi cũng đã một phần chết theo hai cậu.

Ông thường nói với chúng tôi, là ông nội hay ông ngoại khác với cha. Cha nghiêm khắc, kỷ luật để dậy dỗ con cái. Trong khi đó, ông thì thương, thì cưng các cháu. Ông không bao giờ đánh cháu. Mỗi sáng, chúng tôi chạy qua nhà ăn sáng với ông trước khi đi học. Khi đi học về, sau khi thưa với má, Hải Vân và tôi lại chạy qua nhà ngoại ăn trưa, rồi ở đó làm bài dưới sự chỉ dẫn của ông.

Lòng thương yêu các cháu của ông thì bao la như vậy, những đối với vấn đề chính trị, ông nghiêm khắc lắm. Thỉnh thoảng, khi đi chợ Bang Thạch, ông ghé Nhà Việc lấy mấy tờ báo về xem. Ông

nguyền rủa hội nghị Geneve đã chia đôi đất nước. Một nửa phía Bắc trao cho bọn cộng sản, một nửa phía Nam cho "công giáo Bắc kỳ" cai trị. Dì Bảy cũng tức giận theo ông. Dì là người nhiều tình cảm nên có lúc giận quá đến phát khóc. Ông thường hậm hực nguyền rủa: "Thằng chó đẻ biến đổi con tao". Ngoại không muốn kêu tên Hồ Chí Minh mà chỉ nói là "thằng chó đẻ" thôi. Nhưng chúng tôi biết ông muốn ám chỉ ai. Người Nam chúng tôi coi hai tiếng "chó đẻ" là một câu chửi rất nặng. Vì vậy, chúng tôi biết ông thù ghét Hồ Chí Minh đến mức nào. Có lần tôi bắt chước ông, gọi chị Yvonne là "đồ chó đẻ" thì chị nổi điên lên, khóc bù lu bù loa. Thế là tôi bị phạt hai ngày không được tắm sông với đám con nít trong gia đình.

Khi Tết sắp đến, ông mua giấy đỏ để viết liễn và câu đối. Ông còn dậy chúng tôi viết chữ Nho nữa.

Ông giảng nghĩa những câu chữ Nho ông viết. Đó là những lời chúc mừng tốt đẹp cho năm mới. Tôi không bao giờ quên được những chữ "Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín" mà ông quả quyết rằng: "Làm cháu của ông thì phải có những đức tính này". Chữ ông viết được dán trên vách, trên cột nhà đã đành, vì rất đẹp. Nhưng cả những chữ vụng về của chúng tôi cũng được ông trưng bày. Tết năm đó là cái Tết đầu tiên của tuổi thơ, tôi hưởng trong thanh bình của đất nước.

Từ ngày ba tôi và anh Khôi đi tập kết, chúng tôi về ở với bà ngoại, tôi rất sợ những buổi chiều. Ban ngày tôi ở nhà ông ngoại, được ông cưng chiều, quên đi nỗi thương nhớ cha và anh. Nhưng đến chiều, tôi phải về nhà. Cứ trông thấy má, tôi lại không khỏi nghĩ tới những người đi xa. Ban đêm, nằm một mình ôm gối mà trong lòng thấy trống

vắng lạ lùng. Tôi thường nhìn ra cửa sổ, nhắm mắt lại, khấn thầm để xin một điều: "Cầu Trời khấn Phật cho con được thấy ba con và anh Khôi khi con mở mắt ra". Đêm nào tôi cũng ước như vậy suốt mấy tháng trời liền. Cho đến một hôm, tôi bỗng nhớ lại lời nói của anh Khôi: *"Trời có hiện ra trên trần gian này khuyên ba đừng đi Kim Qui, ba cũng đi"*. Tôi biết chắc rằng ba thương yêu tôi lắm, nhưng lòng thương yêu không thể giữ chân ông ở lại miền Nam với gia đình. Vậy thì tốt hơn hết là tôi không nên làm phiền Trời Phật nữa. Từ đó, tôi mới ngưng cầu xin, mong ước được gặp lại ba và anh, mà chỉ xin hai người được bình an trở về với chúng tôi như ông đã hứa.

Điều may mắn lớn cho chúng tôi là phải xa ba, nhưng lại được hưởng tình thương của dì Bảy. Như vậy cũng an ủi được rất nhiều. Dì là người có nhiều

nhiệt tình với cách mạng. Dì không lấy chồng để thay thế các anh và em trai gánh vác việc gia đình, chăm sóc ông bà ngoại. Một tay dì lo hết việc cai quản ruộng nương. Dì hiếu thảo với cha mẹ, bao bọc đại gia đình. Dì đã làm tròn trách nhiệm của một người giữ hương hoả. Chỉ có điều đáng tiếc là tâm hồn dì đã trao trọn vẹn cho cách mạng, cho đất nước, cho dân tộc Việt Nam, kể từ ngày các anh của dì đi theo kháng chiến chống Pháp. Dì được lối xóm láng giềng, từ già đến trẻ quý mến. Dì là người mẫu mực, sống cho danh dự và tiếng tốt của gia đình. Ông ngoại tôi nhận xét về dì như sau: "Nó là tín đồ của Cộng sản, mà thằng chó đẻ đem từ nước ngoài về làm hại dân, hại nước".

Chúng tôi rất hãnh diện được làm cháu của dì Bảy. Người làng Bang Thạch đều quý mến dì, nên chúng tôi được hưởng nhiều ưu đãi. Dì tôi biết vậy, nên

thường nhắc nhở chúng tôi không nên lợi dụng lòng tốt của bà con lối xóm. Tất nhiên là chúng tôi không bao giờ dám trái lời dì.

Đi làm quần quật suốt ngày, lúc thì việc trong nhà, lúc thì việc vườn tược, điều khiển người giúp việc ruộng nương, vì vậy bàn tay dì chai cứng, không được mềm mại như của tôi. Nhưng hai bàn tay đó đã nấu những bữa cơm ngon hầu ông bà ngoại tôi, đã làm những cái bánh ngọt ngào cho lũ cháu. Dì là người đàn bà gương mẫu, trinh trắng, trung hậu với gia đình, với non sông, đất nước. Tôi thường theo phụ giúp dì khi đi tưới bờ trầu cho bà ngoại, hay lúc đi hái đậu, bẻ cà.

Đêm nào tôi được ngủ với dì, dì cho tôi thức khuya với dì. Dì đọc cho tôi nghe những bài thơ dì làm. Dì còn dạy tôi làm thơ nữa. Dì bảo tôi: "Cháu làm

thơ thầm trong lòng cháu, rồi khi có thời gian cháu viết ra giấy". Có những bài thơ của dì làm tôi không cầm được nước mắt. Tôi còn nhớ một bài tả một đứa trẻ mồ côi sống sót sau một trận mưa bom. Khi một anh Vệ quốc quân đến an ủi, em kể Tây đến đó đốt nhà giết cả cha lẫn mẹ. Lại có những bài thơ hùng tráng ca ngợi những chiến thắng vử vang của kháng chiến, như trận Đèo Hải Vân, trận Điện Biên Phủ. Thơ của dì được các phụ nữ trong vùng giải phóng chuyền tay nhau đọc.

Dì cũng biết ngâm thơ nữa. Nằm trên võng vào những buổi trưa hè nóng nực, dì ngâm thơ cho tôi ngủ.

Sau khi Tây thất trận, trong vùng Việt Minh, người ta thấy một bài thơ dài tựa đề *"Một thế kỷ, mấy vần thơ",* không biết tác giả là ai, những dì Bảy bắt tôi

học thuộc lòng, nên cho đến nay tôi vẫn còn nhớ. Theo dì, nội dung bài thơ này đã nói hết tâm sự của ba tôi, cũng như của tất cả những người yên nước. Dì ngâm bài thơ này hoài, bất cứ lúc nào, bất cứ làm việc gì. *"Một thế kỷ, mấy vần thơ"* như sau:

Ánh hồng chói rạng chân trời mới
Ngọn lửa đao binh tắt lịm rồi.
Có kẻ chiều nay về cổ quận.
Âm thầm không biết hận hay vui.
Chiều nay…
Kèn kêu tức tưởi nghẹn lời,
Tiếng ngân xúc động dạ người viễn chinh.
Chiều nay…
Trên nghĩa địa
Có một đoán tinh binh
Cờ rủ và súng xếp
Cúi đầu và lặng thinh

Nghẹn ngào giã biệt người thiên cổ
Đất lạ, trời xa sớm bỏ mình.
Thịt nát, xương tan hồn thảm bại
Nghìn năm ôm hận cõi u minh
Hỡi ai lính viễn chinh
Chiều nay bước xuống tầu binh trở về
Tàu xúp lê! Tàu xúp lê!
Cửa Hàm Tử lao xao sóng gợn,
Bến Bạch Đằng lởn vởn hồn quê
Bước đi những bước nặng nề
Ngày đi chẳng biết, ngày về chẳng hay,
Giựt mình bấm đốt ngón tay
Trăm năm một giấc mộng dài hãi kinh,
Ngày anh đến đây,
Thành Đà Nẵng tan hoang vì đại bác,
Xác anh hùng Đinh, Lý hoá tro bay
Giữ Gia Định, Duy Ninh liều mạng thác,
Ôm quốc kỳ tuẫn tiết giữa vòng vây,

Phan Thanh Giản nuốt hờn pha thuốc độc
Bởi xâm lăng bất nhượng nước non này.
Và Thăng Long máu hoà bá lớp đất
Thất kinh thành Hoàng Diệu ngã trên thây,
Hỡi ơi xương máu dẫy đầy
Chân anh dẫm đến, đất này tóc tang
Tay gươm tay súng
Bước nghinh bước ngang
Anh bắn anh giết
Anh đân anh dẫm
Anh đầy Bà Rá, Côn Nôn
Anh đoạ Sơn La, Lao Bảo
Anh đoạt hết cơm hết áo
Anh giựy hết bạc hết vàng
Chặt đầu ông lão treo hàng thịt
Mổ mật thanh niên giữa chiến trường
Côi quết trẻ thơ văng máu óc
Ở nhà vợ đợi con trông

Vắng anh tình nặng, nghĩa hồng cũng phai
Tàu xúp lê một!
Tàu xúp lê hai!
Cửa Hàm Tử lao xao sóng gợn,
Bến Bạch Đằng lởn vởn hồn quê
Bước đi những bước nặng nề
Ngày đi chẳng biết, ngày về chẳng hay,
Tàu xúp lê một!
Tàu xúp lê hai!

Dù được sống bình yên trong sự chăm sóc, yêu thương ông bà ngoại và dì Bảy, tui vẫn không sao quên được Ba tôi và anh Khôi. Vì vậy tôi rất cô đơn, hay lẽo đẽo theo dì Bảy. Muốn an ủi tôi, dì hay ca tụng Chánh phủ Hà Nội. Dì vẫn tin rằng, chỉ hai năm nữa ba tôi sẽ về đoàn tụ với gia đình, và nước nhà sẽ được độc lập, tự do. Dì lúc nào cũng

lạc quan. Dì bao dung, ruộng lượng, vị tha, và tuyệt vời nhứt là dì đem tôi gần với dân tộc và đất nước.

***

Những năm sống trong vùng giải phóng, chúng tôi không hề biết đồng bạc Đông Dương ra sao mà chỉ biết tiền "Cụ Hồ". Trước khi ba tôi và anh Khôi lên đường tập kết, má tôi gom góp còn được bao nhiêu tiền "cụ Hồ" đưa hết cho hai người, vì thứ tiền này ở thành phố không có giá trị gì hết, thua cả tờ nhật trình cũ, vì ít ra tờ nhật trình cũ còn gói được miếng thịt, con cá khi đi chợ. Dù vậy, ai còn giữ tiền "cụ Hồ" lại có thể bị "ủ tờ".

Ba đi rồi, má không còn một xu dính túi. Nhưng may là ngoại vừa bán được quít, chia cho má một phần. Nhưng má là người muốn tự lập, không

muốn nhờ vả ông bà ngoại và dì Bảy nên bà bắt đầu tìm việc làm nuôi con.

Có hai tiệm bán quần áo ở chợ Cần Thơ giao cho má tôi việc may áo dài. Mỗi tuần má ra chợ Cần Thơ nhận vải về may, rồi giao hàng cho họ. Mỗi lần má tôi đi Cần Thơ, thường đưa con, hoặc một đứa cháu của má. Chúng tôi ai cũng nao nức chờ đến lượt mình làm “nhà quê ra tỉnh”. Hồi đó, quãng đường dài 20 cây số từ làng Bang Thạch tới Cần Thơ sao mà dài lê thê. Xe đò từ Cà Mau, Bạc Liêu hay Sóc Trăng đã đầy khách trước khi tôi bót 18 hay chợ Bang Thạch mà anh lơ xe vẫn tham lam rước thêm khách ở dọc đường nên dù xe đã chật cứng, mà không bao giờ thiếu chỗ cho người lên sau.

Rồi cũng đến phiên tôi được theo má ra chợ Cần

Thơ. Đêm không sao ngủ được, chỉ mong cho trời mau sáng, tôi dậy khi gà gáy sáng. Mấy người tá điền của ông bà ngoại tôi vẻ ngạc nhiên khi tôi ngồi ăn sáng với họ. Ăn xong mọi người ra đồng, còn tôi đến ngồi cạnh bà ngoại để coi bà nấu, phụ bà đưa củi dừa vô lò. Bà chỉ cho tôi cách nấu khuyên tôi phải biết kiên nhẫn khi quấy nồi tấm; mạnh quá sẽ lủng đít nồi, vì nồi bằng đất; nhẹ tay thì tấm sẽ khét. Bà nói: "Làm gì thì con cũng phải để tâm vô thì mới thành". Lời khuyên của bà theo tôi suốt cuộc đời. Sau này, những gì tôi thích đã làm với trái tìm của bà, và bàn tay say mê việc mình làm.

Sau khi nấu tấm heo, bà dẫn tôi ra đốt nhang ngoài miễu ông Thổ thần. Miễu này được dựng lên từ ngày ông bà được ông tổ giao miếng đất làm của, nghĩa là cái miễu đã lâu đời, trên 60 năm. Bà tôi đốt nhang, khấn vái. Tôi không nghe bà xin xỏ điều

gì, chỉ nghe bà tạ ơn Ông đã cho chúng tôi được mùa năm đó.

Khi theo má tôi ra tỉnh, tôi mặc một bộ đồ mới nhứt. Tôi đội cái nón có nơ mầu hồng ông ngoại tôi mua cho trước đó. Bà cho tôi đi chợ và dặn “Con cứ mua cái gì mà hồi đó tới giờ muốn, đừng có mua thêm dây thun với đạn culi nữa nghe hông”. Điều đó bà không lo, vì tôi đã có cả keo đạn cất giấu trong nhà, sau công cuộc bắn culi ở trường.

Chợ Cần Thơ ồn ào, nào nhiệt với một rừng người tới lui mua bán. Tôi sợ bị lạc nên cứ phải nắm vạt áo của má. Nghe chung quanh tôi, tiếng rao hàng, trả giá, tiếng con nít khóc… toàn là những âm thanh xa lạ, quyến rũ tôi, làm tim tôi đập liên hồi. Tôi nhìn không chớp mắt những người quần là áo lượt trước những tiệm vàng, tiệm vải Ấn Độ.

Kỳ lên tỉnh này hoàn toàn tốt đẹp. Tôi không có bị lạc, nhưng có một điều làm cho tôi, đứa bé chín tuổi, phải hổ thẹn và tủi thân, may là chỉ có má tôi biết thôi. Sau khi giao hàng, má tôi dẫn tôi đến thăm cô giáo Chức, bạn cũ của ba má tôi trước khi ba má tôi vô vùng giải phóng. Trong lúc ngồi đợi ở phòng khách, má tôi ngồi trên một cái ghế mây, còn tôi lại ngồi vắt vẻo trên một cái bàn giữa mấy cái ghế salon. Má tôi gọi tôi lại bên bà, rồi cắt nghĩa:

"Con ngồi lên bàn nước, cái đó không phải cái ghế ngồi".

Dù chỉ có mình, mà thấy cái nhà quê của tôi, má tôi cũng xấu hổ vô cùng. Suốt buổi sáng đó tôi nghe lòng buồn man mác, cái buồn của đứa con bị bỏ

rơi. Ba tôi đã đem con bỏ chợ, không có một sự dậy bảo nào để hội nhập với đời sống quá khác xa với vùng giải phóng. Nhưng rồi chuyện đó cũng qua, khi tôi được đến tiệm bán dù. Đứng trước cả trăm cây dù trong tiệm, tôi bỗng thấy tim đập loạn xạ. Đây rồi, đây là ước mơ của đứa bé trong khu chợ, hết giặc về thành, mua cho được cây dù che nắng, che mưa. Nhưng sau một hồi coi đi coi lại mấy chục kiểu dù, tôi lại thấy mình không muốn mua nữa. Má tôi ngạc nhiên khi má hỏi tôi chọn cây nào, tôi lắc đầu: "Dòm vô kiếng, thấy mình lùn xịt, nhỏ xíu mà che cây dù, thấy con vừa ngu, vừa nhà quê, con hết muốn mua dù rồi". Nhưng đôi giầy sandale là một chuyện khác tôi phải có đôi giầy sandale mầu đỏ trước khi về Bang Thạch. Đôi giầy này cũng có trong sách ước của tôi, hồi Tây nó còn bỏ bom trên đầu trên cổ chúng tôi. Mua được đôi sandale rồi, tôi mang vô liền, lấy đôi guốc bỏ vô

cái giỏ đi chợ của má. Mỗi lần đi ngang qua tiệm nào có kiếng, tôi liếc nhìn bóng mình với đôi sandale mầu đỏ. Chừng đó tôi mới hả dạ. Tôi nhờ má giúp tôi mua cho ông ngoại cái hộp quẹt máy, vì cái họp quẹt ông đang có cũ lắm rồi. Ông vẫn nói ông thương nó nhưng mỗi lần thấy ông quẹt ngón tay cái của ông trợt lên trợt xuống cái bánh xe đã mòn láng, tôi hứa thầm sẽ mua cái mới cho ông khi có dịp.

Tôi mới ra tỉnh lần đầu, nên mùi đồng quê con vương trên tóc, trong cặp mắt mở thao láo trước những cảnh lạ, người lạ của chốn thị thành. Tôi so sánh cái nhộn nhịp của thành phố với sự cô quạnh của những khu rừng già heo lánh mà gia đình tôi đã từng sống trong vùng giải phóng. Có một lần anh Khôi nói với chúng tôi: "Ai cũng có thể sống ở thành phố được, nhưng chỉ có một số rất ít người

tìm được hạnh phúc trong đời sống của ba mình". Chị tôi trả lời rằng nếu chúng tôi có hạnh phúc là vì tôi luôn luôn có cha có mẹ bên cạnh, chớ không ai lại đi về cuộc sống tiều phu trong rừng sâu hẻo lánh này đâu.

Chiều hôm đó, trên đường về Bang Thạch, tôi nghe lòng lâng lâng với dư âm của thị thành. Chị Yvonne và chị Thảo, hai người con trung thành với cách mạng, mắng tôi khi biết tôi về nhà với bóng thị thành đầy ắp trong tim. Một chị nói "Mình ra chợ có công việc, chớ mình không phải là dân thành thị". Chị kia thì hăm he: "Thành đô khổ lắm em ơi. Vui chẳng dám cười, buồn chẳng dám than".

***

Tôi nhớ hoài một buổi chiều vàng thật bẽ bàng,

ngang trái, trên con sông trước của nhà chúng tôi. Hôm đó, hai chị Kim, Cương ngồi trên bờ sông trông chừng Hoà Bình và Minh Tâm đang tắm sông. Còn Hải Vân và tôi thì ném ngói vụn cho bay lướt trên mặt nước, hai chị em thách nhau coi đứa nào ném xa hơn. Má đã rời nhà từ hừng sáng để ra Cần Thơ tìm chỗ ở mới cho hai chị em tôi tiếp tục việc học hành, và cũng là để cho việc làm của má thêm thuận tiện. Bỗng chị Kim vùng đứng dậy, chỉ tay về hướng vườn quít. Miệng chị há hốc, nhưng không thốt nên lời, chúng tôi nhìn theo tay chị, thấy một nông dân đang đi tới. Ông bước những bước nặng nề đi về hướng chúng tôi. Hai ống quần ướt xũng tới đầu gối. Khi ông tới gần, tôi nhận ra vẻ quen thuộc nơi ông. Rồi chúng tôi cùng la lớn: "Ba về!".

Chúng tôi chạy ào tới đón ba. Ông quỳ xuống đất

ôm chầm lấy, hôn chúng tôi liên hồi như ông đã xa chúng tôi cả ngàn năm.

"Má con đâu". Ba hỏi chị Kim.

Chị nhìn xuống đất, ngập ngừng, rồi trả lời:

"Con không biết! Mà… mà má dặn… không được nói cho ai biết má đi đâu".

Ba thốt kêu lên với giọng nửa ngạc nhiên nửa trách hờn:

"Còn ai, ba đâu phải là người xa lạ. Nói cho ba biết má ở đâu đi Kim".

"Con nói thiệt, con không biết mà". Chị Kim một mực từ chối.

"Kim, ba về để rước má và các con ra Hà Nội với ba. Ba đổi ý rồi, ba muốn má và tụi con đi theo ba. Con cho ba biết má ở đâu đi". Ba năn nỉ.

Trong khi chị Kim đang bối rối thì Hải Vân chợt nói:

"Má con ở nhà cô giáo Chức".

Cô giáo Chức và ba má tôi là chỗ thân thiết với nhau trước khi ba tôi đưa gia đình vào vùng kháng chiến. Vì vậy, ba tôi biết nhà cô ở trên đường Nhà Đèn. Hai chị Kim, Cương cũng cho biết ba không thể ra chợ Cần Thơ tìm má vì rất nguy hiểm. Công An quốc gia đã nhiều lần tới nhà kiếm ba. Ba tôi trấn an con cái, rồi dẫn chúng tôi vô nhà, ông không muốn ông bà ngoại biết ông đi tìm má, chỉ có dì Bảy là biết ba tôi về thôi. Ông hoá trang thành

một người hành khất, rồi dặn chúng tôi phải ở trong nhà. Nếu má chịu theo ba ra Hà Nội, dì Bảy sẽ chèo ghe đưa chúng tôi vô Xẻo Môn. Trước khi bỏ đi, ba con dặn thêm chị Kim: “Phải nhớ lời ba, nghe con”. Rồi ba hôn Hoà Bình và ôm Minh Tâm vào lòng. Ba hôn những ngón tay bé nhỏ của em tôi và nâng niu bàn chân của em còn thơm mùi sữa. Như muốn em tôi nhận ra, cha nựng Minh Tâm: “Ba… ba nè”. Xong, ba lau nước mắt, mím môi lại rồi bước nhanh ra khỏi cửa, biến dạng trong khu vườn xanh ngắt.

Tôi hôm đó hai chị Kim, Cương đóng chặt cửa, còn chèn bàn tròn nữa. Tôi thầm thắc mắc, không biết hai chị không muốn cho ba vô nhà, hay sợ Công An? Hoà Bình nhớ má khóc hoài. Hải Vân ru Minh Tâm trên võng giăng trong mùng. Khi cả nhà đã ngủ yên, trong khoảng đêm trường tĩnh mịch, tôi

băn khoăn nghĩ lại chuyện vừa xảy ra. Tôi không hiểu tại sao chị Kim lại không muốn ba gặp má? Sự xuất hiện bất ngờ và ngắn ngủi của ba đã làm tinh thần của chị em chúng tôi bị xáo trộn. Căn nhà lúc này sao mà trống vắng, lại bao trùm một mối lo âu, sợ sệt không rõ ràng.

Trái tim nhỏ bé của tôi cũng bị xé ra làm hai. Lúc thì tôi ước ba gặp được má ở Cần Thơ, rồi lúc khác tôi cầu xin Trời Phật giấu má để ba không tìm ra. Trong tận đáy lòng, tôi không muốn đi theo ba ra Hà Nội, mà tôi cũng không muốn má bị ép buộc phải đi. Tôi đã hiểu rằng nhà cầm quyền Hà Nội sẽ không cho má tôi tự do may vá kiếm tiền nuôi con. Mà phải đi vào trong các công xưởng. Trời ơi, cái tiếng "xưởng" nghe khủng khiếp làm sao! Nó là nơi đầy đoạ kiếp con người trong cái gọi là "xã hội chủ nghĩa" mà ba tôi đang tôn thờ.

Mới đây, làm con của nhà cách mạng chống Pháp nó danh dự, nó quý giá; nay lại thấy xấu hổ, hết giá trị, khi biết Quốc gia lùng kiếm cha tôi.

Trên bộ ngựa giữa nhà, tôi suy nghĩ mông lung. Với bộ óc non nớt của đứa con nít lên chín, tôi bỗng khám phá rằng tôi lại muốn tự bảo vệ cái thân mình. Tôi cũng chưa ý thức được tôi tự bảo vệ là tôi chống lại chính quyền Hà Nội, hay chỉ chống ba tôi thôi. Tôi nhớ lại những đêm tôi nằm nghe ba má cãi nhau. Má nói đi nói lại nhiều lần là người và súc vật khác nhau. Con người có tình cảm và biết cách biểu lộ được tình cảm. Vậy mà Chánh phủ cộng sản ở ngoài Bắc không cho người ta ăn nói, tự do yêu thương nhau. Tất cả trở thành chai đá như những bức tượng đồng bên Liên Xô. Má tôi chọn đời sống giản dị của người miền Nam. Những ba tôi sống, thở, nằm ngủ và cảm thấy có hạnh phúc

với “xã hội chủ nghĩa”. Má tôi tuyệt đối không bóc lột bất cứ một ai, kể cả người giúp việc nhà. Đồng thời má cũng không muốn cho ai bức chế đời sống riêng tư của gia đình bà.

Nhưng còn đời sống của ba ở ngoài Bắc sẽ ra sao? Ông sẽ héo mòn vì nhớ vợ, nhớ con, ông sẽ cảm thấy rất cô đơn khi các đồng chí khác vui sống với gia đình của họ. Ông không còn được nghe tiếng cười, tiếng nói, tiếng khua đũa, khua chén của chúng tôi trong những bữa cơm nữa. Rồi ai đàn cho ba nghe? Ai đòi ba kể chuyện đời xưa? Chuyện Thần hổ xám ba kể chưa hết. Mấy con ma trong chuyện đường trường cách mạng đang nằm đợi trong những mái nhà tranh hoang vắng, mà ba tôi còn bỏ dở. Ba tôi thường cho biết ông đã bị nhiều cực hình khi bị Tây đầy ra Côn Đảo. Chúng biệt giam ông, chúng bẻ gẫy tay ông, một hoạ sĩ tài hoa.

Vậy mà ông cũng coi là thường. Nhưng nỗi đau phải xa vợ con thì ông không chịu nổi.

Càng nghĩ, tôi càng thấy tim tôi nhói đau, mắt tôi cay, miệng tôi đắng. Tôi ngoảnh nhìn hai chị Kim, Cương như muốn cầu cứu, nhưng hình như hai chị cũng bối rối như tôi vậy, có khi còn bối rối hơn nữa. Chị Cương nhìn cái mặt buồn xo của tôi rồi bảo "Đi ngủ đi cưng!".

Tôi vô mùng nằm, không thèm đánh răng, rửa mặt như mỗi tối nữa. Nằm trong bóng tối của màn đêm, tôi nghe tiếng tim tôi đập, nghe tiếng muỗi vo ve ngoài mùng, tiếng mấy con thằn lằn chặc lưỡi trên nóc nhà. Nằm im hồi lâu mà vẫn không ngủ được, tôi rón rén bò ra khỏi giường. Tôi bò ra khỏi nhà qua cái lỗ chó của con Nó, vì tôi không muốn làm kinh động hai chị khi tôi đụng tới cái bàn chặn cửa.

Ngoài sân, sao đầy trời. Vậy mà chẳng có ngôi sao nào có thể soi sáng lòng tôi. Chung quanh tôi, đom đóm bay lượn chập chờn, khi tối khi sáng, làm tôi nhớ đến câu chuyện “mắt ma”, mà trước kia chị vú giữ Hải Vân đã kể cho chúng tôi nghe. Tôi chạy một hơi qua nhà ông bà ngoại, chui qua lỗ chó, rồi đánh thức dì Bảy dậy. Dì bảo tôi lên giường nằm cạnh dì. Có lần dì đã khuyên tôi không nên khóc khi nhớ ba, vì khóc chỉ làm má buồn thêm mà thôi. Dì gãi lưng tôi và ru tôi ngủ bằng những câu hò gặt luá. Nhưng tôi chưa ngủ được thì dì đã ngáy.

Đến nửa đêm thì mưa bắt đầu rơi. Tôi nghe như tiếng nức nở trong lòng tôi hoà lẫn với tiếng mưa rồi ngoài trời. Có lúc tôi lại tưởng tiếng rơi của nước mắt, của ngàn giọt lệ chia ly. Ngàn giọt lệ ấy có trong gia đình tôi, trong mỗi gia đình có cha có anh đi tập kết. lệ đang rơi trên quê hương rách nát,

vì những người làm chánh trị, tự nhận là các nhà ái quốc, đã chia ranh, xé bờ đất nước thân yêu của chúng ta. Cả ngàn, cả triệu giọt lệ đang rơi ngập cả hai miền Nam Bắc.

Đến sáng, chị Kim qua nhà ông bà ngoại, dẫn tôi về để sửa soạn đi học. Tôi hỏi chị có muốn đi Hà Nội với ba không? Chị Kim lắc đầu, nhưng không nói một lời nào.

Tôi đi học về rồi mà vẫn chưa thấy má đâu. Thật tình tôi cũng không muốn má tôi về ngay sáng hôm đó, vì nếu má về có nghĩa là má đồng ý đi với ba ra Hà Nội. Tôi thấy mình tội lỗi khi mong ước như vậy. Sự thật, chúng tôi đã rất hài lòng với cuộc sống tạm yên bên cạnh ông bà ngoại rồi. Rồi chỉ vài ngày sau, tôi quên khuấy đi việc ba tôi trở về.

Tâm hồn non dại của chúng tôi dễ xúc động trước những chuyện bất ngờ xảy ra, mà cũng dễ quên đi vì những thú vui trước mắt. Ngày nào tôi cũng mong cho mau tối rồi mau sáng để được đi học. Ở trường, tôi búng dây thun vào loại siêu đẳng nên ăn hết dây thun của các bạn học. Đánh đũa, tôi chỉ thua có chị Thảo. Còn trò chơi bắn culi tôi ăn được cả trăm viên.

Chúng tôi - anh Quốc, Hải Vân và tôi - thường đến trường trễ, nhưng thầy giáo không biết, vì lớp học của chúng tôi lộn xộn lắm, chỉ có một phòng mà có tới 60 học trò của ba cấp lớp: lớp hai, lớp ba, lớp rư. Sở dĩ chúng tôi hay đi trễ, vì chúng tôi vừa đi vừa chơi trên quốc lộ. Cũng cùng một đường lộ, nhưng sáng nào cũng là một ngày mới, một con lộ mới, có biết bao nhiêu cái mới lah để tìm tòi. Mấy ngày, chúng tôi đi coi tài bắt rắn của một anh lính

Miên ở bót 21 trên quốc lộ đi Sóc Trăng. Anh ta úp một cái rọ bằng tre lên miệng một cái lỗ mà anh nghi là hang rắn rồi tìm một cái lỗ nhỏ, lấy que tre dài thọc vô lỗ đó. Thế là mấy con rắn bò ra chui hết vô rọ. Anh lính Miên nắm đầu mấy con rắn, bẻ răng và xỏ vào một cây nhọn thành một xâu. Tôi không dám đến gần phần vì sợ rắn, phần vì anh hôi mùi rượu và mùi mồ hôi khét lẹt. Mùi hôi nực nồng khiến tôi buồn nôn. Anh đưa xâu rắn ngắm nghía, rồi cười sung sướng với một vẻ tự hào, nói một câu tiếng Việt theo giọng Miên: “Coi nè, coi nè, hết bót đủ một tối ngày”. Hải Vân tò mò chạy theo anh. Anh quay lại hỏi anh Quốc và Hải Vân:

“Tụi bây có biết ăn con rắn hông?”

Anh quốc trả lời:
“Hông”

Người lính Miền nói:
"Tan học lại bót tao cho ăn".

Trưa hôm đó, anh Quốc và Hảt Vân xin phép chị Yvonne cho ở lại trường để bắn đạn culi. Nhưng tôi biết hai người đi lại đằng bót.

Hôm sau, Hải Vân cho biết thịt rắn nướng ăn ngon lắm. Những nó cũng cho biết khi ăn thịt r ắn, nó cứ nhớ đến mấy con rắn từ trong hang chui ra, da bóng lưỡng thì lại lợm giọng muốn ói. Anh Quốc lại cho biết họ hứa sẽ cho ăn thịt chó khi nào họ bắt được con chó trong làng. Từ đó, chúng tôi không dám dắt con chó Nô đến trường nữa. Nhưng dù chúng tôi đã cẩn thận đề phòng, vậy mà mấy tháng sau con Nô cũng vẫn bị lọt vô bếp ăn anh lính Miên. Nó không bị anh bắt giết, mà nó bị xe đò Nhơn Hoà đụng chết; anh đem xác nó về bót làm thịt. Má

và chị em chúng tôi khóc hết nước mắt vì cái chết thảm thương của con chó trung thành. Giận mấy người lính Miên. Rồi em bà con của má nhắc lại cũng những người Miên trên bót 18 cướp má của cậu mấy năm trước, rồi đâm ba chết, thả xuống sông gần chợ Bang Thạch. Cậu căm hờn nói: "Người nó còn đâm chết, chó nó bắt nó ăn, là chuyện thường". Đây không phải là lời an ủi, mà cậu làm chúng tôi ghét người Miên hơn nữa.

Khi má tôi từ Cần Thơ về, Hải Vân và tôi bị đuổi "ra sân chơi" để người lớn nói chuyện quan trọng. Sau đó, má cho biết má quyết định ở lại miền Nam, vì "hai năm nữa ba sẽ về". Thì tương lai của chúng tôi đã được quyết định.

Chương 4

Ông ngoại tôi thường nói với con cháu là gia đình mình là gia đình nông dân, nhưng tôi chưa bao giờ thấy ông coi sóc vườn như bà ngoại và dì Bảy. Mỗi ngày ông bách bộ ra vườn quít, rồi đi thăm mả cậu Út Thế. Trên đường dẫn ra ruộng tới cây cầu bắc ngang qua một con lạch. Cầu đã nhỏ lại yếu, khi có người bước lên, nó run rẩy như muốn sụm xuống. Ông ngoại già rồi, đi đứng cũng yếu, nên không dám leo lên cầu, sợ té xuống lạch. Vì lý do đó, miếng vườn bí mật của dì Bảy, lọt theo ruộng lúa, không bao giờ bị ông khám phá ra.

Miếng vườn này dì trồng đậu ve, đậu bắp, cà tím, cà chua, ớt hiểm, ớt sừng trâu. Miếng vườn được giữ bí mật, vì lãi tức của nó để mua thuốc men cho những cán bộ Việt Cộng. Nếu ông biết được chuyện này thì sẽ "chết cả đám". Để giữ hoàn toàn

bí mật, dì Bảy không mướn người ngoài gia đình, chỉ có đám cháu của dì thi đua với nhau phụ giúp đi hái rau, bẻ trái, làm cỏ, vun xới cho miếng vườn được tốt tươi thôi.

Thật ra, trong thâm tâm, tôi không mê cái việc cứu một tên cán bộ Việt Cộng. Tôi ra vườn tiếp dì một tay vì thấy dì quá vất vả. Nhưng tôi cũng hiểu rằng giúp dì chăm lo miếng vườn bí mật là tôi gián tiếp giúp đỡ Việt Cộng nằm vùng. Vì vậy, mỗi khi có tin Việt Cộng giết người, tôi lại thấy mình tội lỗi đầy đầu.

Một lần, tôi thắc mắc hỏi dì Bảy tại sao những cán bộ hay đắp mô, phá đường, phá cầu, làm cản trở lưu thông, thậm chí có khi giết cả đàn bà con nít, mà chưa bao giờ dám đụng đến các xe nhà binh của phe quốc gia, hoặc xe mấy ông lớn? Không phải

tôi thách thức Việt Cộng làm chuyện đó, nhưng tôi có quyền chất vấn hành động của họ, vì tôi là con của ba tôi. Dì chỉ đáp buông xuôi rằng: “Cháu còn nhỏ, làm sao hiểu được chiến tranh du kích”. Trong lòng, tôi không phục mà không dám nói ra.



Bà Yung Krall (Đặng Mỹ Dung), năm 2010

Lâu sau, má tôi cũng bị "người ta" yêu cầu ủng hộ phong trào, mà không dám vô nhà gặp thẳng má tôi, vì họ sợ đụng độ với ông ngoại, nên đã nhờ dì Bảy làm trung gian. Hồi đó, tôi không hiểu má bị ép buộc hay tự nguyện đóng góp. Rồi má ra chợ Cần Thơ mua vải về may mấy chục bộ bà ba đen.

Mỗi ngày sau giờ ngủ trưa, ông ngoại tôi thường qua nhà ngồi uống trà, trò chuyện với má tôi. Bà vừa may vừa tiếp chuyện cha. Thế rồi một chuyện bất ngờ xảy đến. Buổi trưa hôm đó, má tôi đang may đồ ba ba đen cho Việt Cộng thì ông ngoại bất chợt đi vô. Ông biết ngay là má tôi đang làm việc gì. Ông liền bước trở ra ngoài rồi réo lớn:

"Nhãn qua đây cho tao hỏi. Bay toa rập cái gì nữa đây?".

Tội nghiệp, dì tôi không đi mà chạy qua gặp ông để bị rầy. Ông hỏi:

“Ai bắt em mày nối giáo cho giặc?”.

Má tôi tìm cách gỡ cho dì Bảy, nên thưa với ông:

“Cũng không tốn kém gì nhiều đâu, cậu. Chỉ tốn có một chút vải, một chút công của con thôi”.

Đây là lần đầu tiên má và dì Bảy bị rầy, mà ông quên không đuổi đám con nít chúng tôi đi chỗ khác chơi. Ông nổi giận, la lớn:

“Bay có biết là tụi nó khủng bố em của bay không? Nó hy sinh tới mức này chưa đủ sao. Từ ngày lấy thằng Quang nó làm mọi cho thằng cộng sản, một mình lo nuôi dưỡng bảy đứa con thơ, thức khuya

dậy sớm, ngồi máy còng lưng, bay còn muốn nó làm cái gì nữa đây?”.

Dì Bảy nhìn xuống đất không dám trả lời ông, trong khi ông tiếp tục chửi lây qua cộng sản nằm vùng.

Mỗi lần ông ngoại chửi Việt Cộng, ông thường nhắc cho con cháu biết “nuôi Việt Cộng là nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà”. Ông nói bữa nay má tôi may áo che cho họ ấm lưng, dì Bảy cho họ ăn đẫy bụng, ngày mai nếu hai bà từ chối tiếp tế họ, hai bà sẽ bị ghép vô tội phản phúc. Ông chửi “cách mạng”; ông không tin có mặt nào muốn làm cách mạng thiệt tình. Họ là quân cướp có tổ chức. Ông hăm doạ hoài, ông nói Cộng sản ngoài Bắc sẽ vô đây cướp giựt, và vét tới cạn miền Nam, bắt dân miền Nam làm tôi mọi cho đảng cộng sản, ông

ngoại biết dì Bảy và Hồng Nga, Hoàng Mai hoạt động mật với Việt Cộng, nên ông ra lịnh cấm bất cứ con cháu nào của ông bước ra khỏi miếng đất này với lý do không chính đáng.

Ông ngoại kêu Việt Cộng là đồ "khát máu". Chị Yvonne lớn tuổi; 9 tuổi tôi mới vô lớp năm, còn chị đã học lớp nhì rồi, nên chị chơi chữ với tụi tôi. Chị đố tôi và chị Thuận có hiểu ý nghĩa của danh từ "khát máu" không? Tôi thì nói có nghĩa là muốn máu, muốn giết người để uống máu. Chị Thuậti thì nói "khát máu" là không cùng một dân tộc, không cùng một giống nòi. Chị Yvonne ngoe ngoảy đi, rồi nói: "Hai đứa bay đúng mà sai". Tôi ghé tai nói nhỏ với chị Thuận: "Lớn đầu mà ăn hiếp con nít".

Ông ngoại rầy la thì cứ rầy la, dì Bảy hội họp với

cán bộ nằm vùng thì cứ hội họp, nhưng kín đáo hơn, để ông ngoại không hay biết gì hết. Dì cũng không ngưng việc ủng hộ và đóng góp cho Việt Cộng.

Có lần, một ông công an nói với ông ngoại tôi:

- Ghé thử coi có gặp con rể của ông Cả về chơi không?

Ông ngoại tôi liền trả miếng:

- Tôi trọng thưởng mấy chú, nếu mấy chú bắt được con rể đem nó về đây cho vợ con nó. Làm ơn đừng có tới lui đây hoài, gây rắc rối gia đình tôi lắm.

Họ không bao giờ được mời vô nhà nghỉ chân, hay được uống một ly nước mưa, nhưng họ vẫn tới, vẫn rình rập.

Đúng như má tôi đã nói, hoàn cảnh của chúng tôi rất tế nhị, đứng giữa hai làn ranh, bị cả hai bên nghi ngờ, làm khó làm dễ. Rồi cái ngày tai hoạ giáng xuống gia đình tôi đã tới. Một hôm, má tôi đi Cần Thơ với chị Thảo. Đến chiều, chỉ có một mình chị về với bộ mặt tái mét, hớt hơ hớt hải báo tin má đã bị công an bắt giam để điều tra. Ông ngoại liền phản ứng một cách mau lẹ. Ông thuê ngay một chuyến xe đò, một mình ra Cần Thơ tìm cách cứu má tôi. Đám con nít chúng tôi sợ quá. Tôi khóc thét lên, Hải Vân lầm lì im lặng như một người câm. Tôi hôm đó, chị em tôi không dám ngủ nhà, phải chạy qua ngủ nhà bà ngoại. Bà ngoại đốt nhang cầu xin Phật Bà Quan Âm.

Lúc rời nhà, ông ngoại quả quyết là sáng hôm sau nếu đường xá an ninh, ông sẽ đem má tôi về. Dù vậy, chúng tôi vẫn mong má về sớm hơn, nên mỗi

khi nghe có tiếng động bên ngoài, chúng tôi chạy ra cửa với hy vọng thấy má về. Tối đó, tất cả lũ con ông cậu, hai dì, cùng con cháu của các ông bà ngồi đầy nhà bà ngoại chờ tin má.

Về sự ra đi của ba tôi, má dặn đi dặn lại là nếu có ai hỏi thì trả lời "Ba mất tích". Chúng tôi chỉ biết vâng lời, nhưng thật ra, không có ai thèm hỏi đám con nít chúng tôi. Bấy giờ nghe tin má bị công an bắt, Hải Vân chỉ sợ người ta giết mất má, nên sụt sịt khóc mà nói:

"Sao má không nói cho họ biết là ba đi ra Hà Nội rồi. Mà người ta đánh chết má thì làm sao?".

Chị Yến bồng Hải Vân lên, vỗ về:

"Cưng à, người ta không có đánh má đâu. Má

không có tội tình gì hết. Người ta chỉ muốn hỏi má một vài điều rồi cho má về. Đừng có lo gì hết".

Đúng như lời quả quyết trước khi ra Cần Thơ, sáng hôm sau, ông ngoại dẫn má tôi về bình yên. Ông nắm tay má tôi dẫn đi như dẫn một đứa con nít. Mặt má tôi buồn xỉu, như một con chim sẻ bị thương. Tôi thầm tự nhủ tôi sẽ phải giúp đỡ má nhiều hơn, phải giấu cái buồn, phải đừng cho má biết tôi nhớ ba và anh Khôi, và tôi cũng mong bà ngoại và mọi người an ủi má tôi bằng những lời êm dịu, ngọt ngào. Chúng tôi chợt để ý đến vẻ lo âu hiện trên gương mặt ông ngoại, tôi đoán ngay rằng phải có chuyện không êm, ông ngoại mới lo như vậy.

Má tôi được Công an cho ra về thong thả, vì ông ngoại tôi gặp thẳng ông trưởng ty Công an và cho

biết ông từng là Xã trường của Bang Thạch trong nhiều năm, có uy tín trong dân chúng. Ông xin bảo lãnh cho má tôi, ông cũng quả quyết rằng tất cả gia đình tôi không ai biết ba tôi và các cậu đi đâu và hiện ở đâu. Ông còn nói thêm rằng chúng tôi không về phe cộng sản để phá hoại nền trị an của miền Nam. Nghe ông trình bày như vậy ông trưởng ty công an bằng lòng cho má tôi được tự do.

Khi má tôi ra khỏi nhà giam, ông đưa má tôi tới nhà cậu mợ Hai Định ở gần trường canh nông để tạm nghỉ qua đêm. Ông cũng cho biết là ông không thể cản trở công an rình mò, theo dõi để kiếm cho ra ba tôi và các cậu, ông cũng không có quyền hạn gì cấm đoán họ tiếp tục làm khó dễ má tôi, hay lại bắt má tôi nữa. Ông kết luận là má tôi phải tìm cách thoát ra khỏi cảnh "chạy ông mà mắc ông mả", một bên là phe quốc gia miền Nam, một bên

là các cán bộ cộng sản nằm vùng, vừa đe doạ vừa ép buộc má tôi phải theo họ.

Chương 5

Sau khi bị công an bắt giam, má tôi quyết định rời khỏi Cần Thơ. Gia đình tôi phải đến một nơi mà không ai biết dĩ vãng của chúng tôi, để không bị quấy nhiễu nữa. Má tôi năn nỉ ông ngoại đừng buồn vì sự ra đi này. Má tôi biết ông bà ngoại không bao giờ muốn con cháu xa Cần Thơ. Nhưng má tôi cũng biết ông bà không thể bảo vệ chúng tôi được. Ông ngoại, bà ngoại tôi buồn lắm, đành chấp nhận sự xa cách. Ông thở dài dặn má tôi:

"Con đi đâu thì đi, miễn là chỗ tử tế, bình yên cho sắp nhỏ tiếp tục học hành là cậu mừng".

Muốn không ai biết lý lịch của mình, chúng tôi phải đến chỗ đông người. Chỗ ấy, ngoài Sài gòn ra, không còn nơi nào khác nữa. Sài gòn cách Bang Thạch cả 375 cây số, đủ xa để không còn bị công an phe quốc gia dòm ngó, mà bọn cán bộ Việt Cộng nằm vùng không thể uy hiếp bắt ủng hộ hay đóng góp nữa, hy vọng là được tạm yên.

Từ ngày đó, má tôi phải làm việc nhiều hơn để có dư tiền trong thời gian đầu ở nơi đất lạ. Theo sự tính toán của má, một người trong gia đình tôi phải đi Sài gòn để gặp người lo chuyện nơi ăn chốn ở. Hai chị Kim, Cương mắc đi học, khi về nhà còn phải giữ em cho má làm việc. Tôi mới học lớp năm ở trường làng. Thầy giáo Dần là bạn học của má, nên ông thông cảm cho sự vắng mặt của tôi, nghĩa là tôi sẽ không bị thầy cho "hột vịt". Tôi trở thành một giao liên tý hon, với nhiệm vụ lên Sài gòn



Bà Yung Krall (Đặng Mỹ Dung), năm 2010

trước để gặp người bạn cũ của ba má tôi là cô Ba. Tôi tin không một ai trong nhà lại có thể nghĩ rằng má tôi đã giao cho trách nhiệm nặng nề này. Suốt tuổi ấu thơ, tôi chỉ quen sống trong vùng giải

phóng rừng rú, quê mùa. Gần đây mới được đến chốn thành thị, còn bỡ ngỡ, chân chưa hết phèn, mà dám đi Sài gòn một mình. Trong lòng, tôi vừa sợ vừa mừng. Sợ, vì tôi thường nghe nói Sài gòn là nơi đô hội, nhiều cạm bẫy, lừa lọc, mà tôi chỉ là một đứa con nít nhà quê. Mừng, vì sắp được đi Sài gòn coi nó ra làm sao. Trước đó, ông ngoại có dậu qua câu "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Chị Yvonne hay chị Thảo vẫn chưa đặt chân lên Sài gòn, chưa mạo hiểm như tôi, một đứa vai em.

Cho đến nay, tôi vẫn chưa quên được cuộc phiêu lưu của đứa bé nhà quê lên tỉnh, đi tới một thành phố lớn nhứt nước, đi tới "Hòn ngọc Viễn Đông". Má và bà ngoại cho tiền bỏ túi, nên tha hồ ăn hàng suốt từ Cần Thơ tới Sài gòn! Từ Bắc Cần Thơ, Bắc Mỹ Thuận, ở bến xe Vĩnh Long, bến xe Tân An, rồi cầu Bến Lức, nơi nào tôi cũng thưởng thức món

ăn đặc biệt của nơi đó, và tôi không hiểu làm sao cái bụng nhỏ bé của một đứa con nít mới mười tuổi mà chưa được nhiều như vậy. Nào là bánh phộng khoai, bánh lá dừa, chuối nếp nướng; nào là mía, ổi, mận, trái cóc, khóm, rồi cả na muối, me ngào, v.v… ăn món nào tôi cũng ước nó có em tôi cùng ăn với mình. Khi xe đến Phú Lâm thì không còn hàng quán nữa, tôi giải trí bằng cách coi bảng quảng cáo hai bên đường, vừa hay vừa lạ. Chẳng hạn, người ta quảng cáo thuốc đánh răng Hynos bằng hình ảnh một người đen thui, nhe hai hàm răng trắng bóc ra cười. Sự tương phản của mầu sắc đã tăng giá trị của món hàng được quảng cáo. Dầu cù là Mac Phsu trị bá chứng cạnh tranh với dầu Khuynh Diệp bác sĩ Tín. Dầu nào cũng khoe mình hay, mình tốt nhứt. Lại có một tấm bảng quảng cáo thuốc lá với câu "Người sành điệu, hút thuốc Mélia". Tôi nghĩ ngay tới ông ngoại và cười thầm,

vì ông tôi chỉ hút thuốc rê, như vậy là ông không "sành điệu" rồi! Mà cần gì sành điệu ông cứ hiền từ, yêu thương, đùm bọc con cháu là chúng tôi vui rồi. Với ý nghĩ đó, tôi cười một mình.

Má tôi không có địa chỉ của cô Ba, chỉ biết địa chỉ của cô Mỹ Ngọc, chủ trường nữ công Mỹ Ngọc. Cô Mỹ Ngọc là bạn thân, cũng là những người trong đại gia đình Việt Minh trước kia. Má tin rằng tôi gặp được cô Mỹ Ngọc là sẽ gặp được cô Ba.

Khi bước ra khỏi xe ở bến xe đò Sài gòn, tôi vừa hoang mang, vừa sợ sệt. Trước đôi mắt nhỏ bé của đứa con nít như tôi, bến xe đò Sài gòn sao mà rộng mênh mông. Bến xe Cần Thơ, đối với tôi là rất lớn, vậy mà so với bến xe Sài gòn thì thua xa, tiếng động chung quanh cũng làm tôi náo nức. Tiếng rao hàng, tiếng nổ của những máy xe, tiếng chào mời

khách của các anh lơ… cũng khác lạ với tiếng ồn ào của bến xe Cần Thơ. Mùi xăng nồng nặc trộn với mùi rác rến bị đốt, cũng làm tôi có cảm giác xa lạ. Cần Thơ có xe lôi, Sài gòn thì có xích lô đạp. Chỉ nhìn mấy bác lái xe xích lô máy chạy vun vút trên đường, tôi cũng đã thấy sợ rồi. Tôi nghĩ rằng mấy người ngồi xích lô máy phải gan lì lắm, vì với tốc độ ấy, xích lô máy có thể đâm bổ vô xe taxi chạy trước bất kỳ lúc nào.

Tôi cẩn thận đưa tay nắn túi để biết chắc lá thơ má tôi viết cho cô Ba còn nằm yên trong đó, rồi kêu một chiếc xích lô đạp để tới trường nữ công Mỹ Ngọc ở đường Trần Hưng Đạo.

Cô ba Mỹ Ngọc đi vắng, nhưng may mắn là có một chị học trò của cô biết má tôi. Chị kêu tôi vô nhà tắm rửa, nghỉ ngơi chờ cô Ba, dượng Ba về. Tôi rất

áy náy về sự đón tiếp nồng hậu của dượng Ba và cô Ba. Cả hai người thay nhau vồn vã hỏi thăm má tôi và các chị em tôi. Cô Ba còn nhét tiền vô túi tôi để "ăn kẹo". Cuối cùng, cô Ba kêu xích lô, trả giá rồi trả tiền trước, bảo họ chở tôi tới nhà cô Ba.

Có Ba đẹp như những nàng tiên trong các chuyện cổ tích má tôi được nghe kể từ hồi còn nhỏ. Có ôm choàng lấy tôi như vừa được gặp lại đứa cháu yêu thất lạc từ nhiều năm, sau khi nghe lời xưng danh: "Cháu là con ông Đặng Văn Quang". Rồi cô rối rít hỏi tôi về má, về anh chị chúng tôi. Cô đặt một lúc nhiều câu hỏi quá, khiến tôi trả lời không kịp. Sau khi đóng cửa ngoài lại, cô dẫn vô phòng khách. Hai cô cháu ngồi trên một cái ghế trường kỷ. Lúc đó tôi mới gỡ cây kim tây, mở túi áo, lấy thơ của má đưa cô. Nửa chừng, cô ngưng đọc, nhìn tôi, vừa nói vừa lắc đầu: "Ba cháu dại quá, dại như mấy người theo

tiếng gọi của núi sông, kể cả dượng của cháu đây". Cô chỉ tay lên hình của một người đàn ông trên bàn thờ.

Chiều hôm đó, sau khi ăn cơm, cô để tôi ở nhà một mình, cô phải gặp mấy người bạn để nhờ họ giúp má tôi tìm nơi ăn chốn trên Sài gòn. Cô dặn tôi phải tắm rửa sạch sẽ trước khi đi ngủ. Lúc mới tới nhà cô Ba Mỹ Ngọc tôi đã tắm một lần, vì quần áo và người tôi đày bụi đường xa. Lần tắm này thật ra không cần thiết, nhưng tôi tò mò muốn biết cái nhà tắm của dân Sài gòn nó ra làm sao. Trời ai, sao nó vừa đẹp vừa thơm, ngoài sự tưởng tượng của tôi. Cái bông sen thật lớn, nước chảy mạnh ào ào. Tôi để nước xối lên đầu thật lâu mà không muốn tắt. Cái khăn lau mình có mùi thơm như mùi phấn em bé. Tôi nghĩ đến ba đứa em tôi ở nhà, đến cây đèn đốt bằng dầu lửa. Tôi bỗng nhớ nhà vô cùng. Lúc

đó, nếu cho tôi đổi mùi thơm của cục xà bông để lấy mùi dầu lửa, tôi sẽ chọn mùi dầu lửa ngay, để được gần gia đình. Chỉ mới xa nhà có một ngày mà tôi đã nhớ nhà quá rồi!

Tắm xong, tôi chợt nhận ra rằng tôi đang ở một trong căn nhà rộng thênh thang. Chung quanh chỉ có một sự im lặng đến sợ. Đâu đó, một vài con muỗi vo ve, và trên trần, con thạch thùng thỉnh thoảng lại chạc lưỡi. Hình Đức Mẹ đồng trinh treo cao, phía dưới là hình một người đàn ông trạc bốn mươi. Bỗng dưng tôi nhớ lại một chuyện ma mà ba tôi đã kể cho chúng tôi nghe. Đó là chuyện một người đàn bà sống cô độc trong một ngôi nhà lớn. Chồng và con trai ba chết sớm. Đáng lẽ bà phải chôn cất hai người đó, nhưng vì qua tiếc thương, bà ướp hai cái xác đó để trong hai cái hòm, rồi ngày ngày mở ra nhìn. Một mình đứng giữa căn nhà

trống vắng tràn ngập một sự im lặng đáng sợ, tôi là nạn nhân của trí tưởng tượng phong phú của chính tôi. Tôi bỗng tưởng như ai đang sờ ót tôi. Thế là tôi không còn hồn vía nào nữa, có giò phóng nhanh ra ngoài sân, ngồi ở bậc thêm chờ cô Ba.

Cô Ba đem một hộp cà-rem về cho tôi. Kem thơm mùi sầu riêng. Tôi thầm ước có em tôi cùng thưởng thức hương vị lạ này. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được ăn cà-rem.

Tôi đang ăn, cô Ba chợt hỏi tôi có muốn làm con nuôi của cô? Cô không có con. Có hứa sẽ yêu thương tôi như má tôi yêu thương tôi vậy. Tận đáy lòng, tôi không tin có ai trên đời này thương con bằng má tôi thương chúng tôi. Nhưng tôi không dám nói ra điều đó.

Cô Ba cố gắng thuyết phục tôi:
- Con à, má con có một mình mà phải nuôi sáu miệng ăn. Để cô tiếp má con cho nhẹ bớt cái gánh nặng.

Tôi ngây thơ thành thật trả lời:

- Con đâu phải là gánh nặng của má con. Con giúp má con nhiều chuyện lắm. Nếu con theo cô, má con nhớ con chết.

Có Ba nhìn tôi âu yếm, làm tôi cũng thấy e ngại. Nhưng tôi không thể trở thành con nuôi của cô được. Tôi đã mất ba, không lẽ bấy giờ tôi lại mất má nữa sao? Tôi không muốn trở thành một đứa bé lạc loài. Hai tiếng "con nuôi" nghe buồn quá, vì vậy tôi quyết liệt từ chối mà không sợ cô giận. Dù vậy, tôi vẫn tỏ ý cảm ơn lòng tốt của cô, và hứa khi

nào gia đình tôi dọn lên Sài gòn tôi sẽ dẫn em tôi tới thăm cô, và có thể ngủ lại với cô. Biết không thể thuyết phục được tôi, cồ đành dặn tôi phải giữ lời hứa, rồi vò đầu kêu tôi đi ngủ trước, vì cô còn phải thức để viết thơ cho má tôi.

Sáng hôm sau, có đánh thức tôi dậy sớm, dẫn tôi đến một nhà hàng Tây để ăn sáng. Tôi ăn bánh croissant và uống một ly sữa với chocolat. Đây cũng là những món ngon vật lạ, lần đầu tiên được thưởng thức. Mỗi lần được ăn ngon, tôi lại nhớ đến các em tôi. Tôi cảm thấy bồi hồi, nóng bụng, mong sao được về lại Cần Thơ lẹ lẹ, dù ở đó tôi chỉ có hột gà chiên, hoặc cháo với hạt muối mỗi buổi sáng trước khi đi học. Miếng ngon vật lạ không đủ sức quyến rũ tôi, vì lúc nào tôi cũng nặng tình với gia đình.

Ăn xong, cô Ba đưa tôi ra bến xe đò lục tỉnh. Má tôi đã đưa tiền để tôi mua giấy xe bận về, những cô Ba vẫn nhét tiền vào túi tôi. Có biểu cất đi để dành "ăn bánh". Tôi cất tiền chung với lá thơ cô viết cho má tôi vào một túi áo bên trong, rồi lấy kim ghim kỹ để khỏi bị móc túi. Trước khi tôi đi Sài gòn, mấy chị bà con của tôi căn dặn đủ điều. Nào là phải coi chừng bọn móc túi, nào là phải đề phòng người ta bỏ thuốc mê…

Trước khi xe chạy, cô Ba dặn tôi nói với má cứ an tâm mà lên Sài gòn, cô sẽ lo liệu đầy đủ cho gia đình tôi. Cô còn thêm:

- Trên Sài gòn, bạn của ba con, bạn của mấy cậu của con nhiều lắm. Ai cũng sẵn sàng giúp gia đình con.

Cô chờ cho tới khi xe đò của tôi rời bến cô mới bước đi. Nhìn theo cô từ xa, tôi thấy cô vừa đẹp, vừa phúc hậu. Tôi nghe mùi nước hoa và hơi ấm của cô hãy còn phảng phất chung quanh tôi.

Khi xe ra khỏi thành phố, tôi bỗng nghe lòng rộn rã tin vui. Một thứ tình cảm làm cho tôi thấy mình mới mẻ, lớn hơn ngày đi Cần Thơ. Tôi biết rồi, vì tôi đang mang trong túi những tin tốt về cho má tôi.

Chương 6

Cô Ba đã cho cô Ba Trần Giầu biết gia đình tôi sắp dọn lên Sài gòn. Cô Ba Giầu là má của anh Chánh, tức anh Lưu Công Chánh, bộ đội của tiểu đoàn 307. Khi chúng tôi ở Kim Qui, một anh bộ đội bị đau

bao tử phải tạm trú ở nhà tôi để chữa bịnh, đó chính là anh Chánh. Bấy giờ tới lượt Cô Ba Giầu giúp lại gia đình tôi.

Có Ba Giầu có một cửa tiệm bán quần áo và đồ thêu ở đường Lê Thánh Tôn. Như vậy, khi má tôi lên Sài gòn là có việc làm ngay. Cô Ba Giầu cho gia đình tôi ở riêng một từng trong căn nhà hai từng của cô ở đường Lê Công Kiều.

Vì nhà nhỏ nên má tôi cho hai chị Kim, Cương ở trọ nhà cô Mỹ Ngọc. Hai chị tôi và Hải Vân được đi học ngay, còn tôi phải tạm ở nhà để giữ Hoà Bình và Minh Tâm. Má tôi viết thơ về Cần Thơ, nhờ dì Bảy mướn giùm một người giữ em.

Được ở nhà, dù chỉ là tạm thời, tôi mừng thầm trong bụng. Đối với tôi, trên đời này làm gì có trường nào vui bằng trường làng Bang Thạch, có thầy nào thương học trò bằng thầy giáo Dần. Nghĩ tới chuyện phải đi học trường lạ, đêm nằm tôi thao thức không ngủ được, lật gối cả mấy chục lần, vì lo sợ ma cũ ăn hiếp ma mới, mà ma này là ma Sài gòn nữa!

Căn lầu nhỏ, chật chội, nên rất nóng bức. Những buổi trưa ở Sài gòn, trời nóng hơn Cần Thơ. Tôi thường phải dẫn em qua rạp hát bóng Cathay, vừa để hóng mát vừa coi những hình ảnh quảng cáo trên tường.

Mỗi sáng, sau khi cho chúng tôi ăn sáng, đưa Hải Vân tới trường, má tôi xuống lầu một, ngồi may cho tới tối. Rồi sau khi ăn cơm tối, chờ cho chị em

tôi đi ngủ hết, má tôi trở xuống lầu một, tiếp tục làm việc. Tôi cũng không biết má tôi đi ngủ lúc mấy giờ. Điều quan trọng là tôi thấy má vui với công việc, lại không bị công an tới làm phiền, và cũng không có người của phe kia tới quấy rầy.

Hạnh phúc của con người là biết ước mơ, và nói bất hạnh là nuôi nhiều tham vọng. Tôi có nhiều ước mơ rất bình thường khiêm tốn. Tôi ước ao được sống chung với ba má và anh chị em dưới một mái nhà, như những đứa trẻ khác. Nhưng tôi đã phải sống trong một gia đình chia cách, với những giấc mộng dở dang, từ hồi còn nhỏ xíu, tôi đã nhận ra rằng những ước mơ có thành sự thật, chỉ có trong chuyện cổ tích thần thoại thôi.

Đêm đêm khi mọi người an giấc, tôi nằm nhớ đến những xóm làng, những căn nhà mà ba má và anh

chị em chúng tôi đã sống chung. Một dĩ vãng thật êm đềm và ấm cúng. Rồi tôi cố hình dung ra đất Bắc, nơi ba tôi và anh Khôi đang sống, và tôi tự hỏi hai người đang làm gì lúc này. Nhưng tôi hoàn toàn thất bại trong sự tưởng tượng đó, vì tôi chưa hề biết đất Bắc ra làm sao, tôi chỉ còn nhớ văng vẳng bên tai lời hứa của ba tôi: “Ba đi hai năm, ba về với má và các con”. Cậu Thuỷ của tôi bỏ lại vợ mới cưới hứa với ông bà ngoại là hai năm cậu trở về để ông bà có cháu nội. Cậu hứa với mợ Chín là hai năm nữa hai người sẽ có nhà riêng!

Tôi tin lời hứa của ba tôi, vì ông là người luôn luôn giữ chữ tín với đứa con nít. Một lần ba tôi đi công tác xa, tôi xin một con két khi ông trở về. Ông đã trả lời nước đôi như sau: “Ba hứa là ba sẽ mua cho con con két, nếu ba gặp người bán, nhưng rủi nếu

ba không gặp người bán chim, thì ba sẽ không biết làm sao”.

Câu trả lời ấy đã làm tôi thất vọng và buồn. Tôi cho rằng ba không muốn mua con két cho tôi. Nhưng về sau, tôi hiểu rằng ba tôi đặt danh dự trên lời hứa. Trong căn nhà nóng như lò lửa đỏ ở đường Lê Công Kiều, trong thâm tâm, tôi bắt đầu nghi ngờ lời hứa của ba tôi. Nhờ những mẩu chuyện người lớn nói với nhau má tôi nghe lỏm, tôi hiểu rằng phe của ba tôi khó có thể trở về trong hai năm. Làn sóng di cư của người Bắc tràn vô Nam nhanh hơn nước lũ. Ai cũng muốn sống tự do. Những tinh hoa từ miền Bắc vô Nam như trăm hoa đua nở. Mỗi người một sức một tài, chen vai thích cánh với người Nam, làm cho thủ đô Sài gòn mỗi lúc một thêm phồn thịnh. Người di cư liên kết với ông Diệm để chống lại Hà Nội. Chắc là ba tôi và ông

Hồ Chí Minh không lấy miền Nam nhanh như họ mơ tưởng.
Chúng tôi sống trong cái lò lửa ở đường Lê Công Kiều được sáu tháng. Má tôi không than thở một lời nào, nlurng tôi biết là rất mệt mỏi. Bà ốm đi, đôi mắt có quầng đen vì thức khuya dậy sớm. Tôi cũng không nghe tiếng má cười, từ ngày chúng tôi rời khỏi nhà ông bà ngoại. Sự im lặng ấy làm tôi nhớ tiếng nhạc tiếng ca, tiếng đàn và tiếng anh Khôi gõ muỗng.

Quen sống tự lập, má tôi không muốn ở đậu nhà cô Ba Giầu lâu, dù cô rất tử tế với gia đình tôi. Má tôi đã dành dụm đủ tiền để dọn ra ở riêng. Má tìm được một căn nhà ở một xóm đạo. Bà viết thơ cho mợ Bích Loan và chị Hoàng Mai, con của cậu Tư Đức lên ở chung, để khi bà mở lớp dậy may, hai người có thể làm nghề may được.

Những ngày đầu sống trong xóm đạo, tôi rất ngỡ ngàng khó chịu, vì ai cũng hỏi chúng tôi "có đạo không?". Phần đông dân ở làng này "có đạo". Họ không những hãnh diện là người "có đạo", mà còn lấy làm vinh dự, vì vị lãnh tụ miền Nam cũng là người "có đạo".

Má tôi dẫn Hải Vân và tôi đi tìm trường nhà nước, nhưng trường quá xa, lại phải băng qua nhiều đường đông xe cộ qua lại, nên chị em tôi đành phải học ngay ở ngôi trường trong khu nhà thờ Huyện Sĩ. Trường cũng cho học miễn phí một số học sinh nghèo.

Dì phước tiếp má tôi trong văn phòng là một người đàn bà đẹp và dịu dàng. Nước da của dì trắng hồng, khiến tôi có cảm tưởng dì chưa bao giờ ra nắng, ra

mưa. Dì nghiêm nghị khi hỏi chúng tôi theo đạo gì? Má tôi cho biết gia đình chúng tôi "thờ ông bà". Dì lại hỏi tại sao lại cho chúng tôi học trường đạo. Má thành thật trả lời:

- Gia đình con mới dọn tới đây, mà chung quanh đây khỏi có trường nào gần.

Dì lại hỏi:

- Cô có muốn cho con có vô đạo không?

- Con của con tin đạo nào thì con cho nó theo đạo đó, thưa dì!

Dì phước mang kiếng lên mắt, ghi tên hai chị em tôi vào hai lá đơn. Tôi không biết trong đơn ghi những gì, nhưng má tôi đọc và ký tên.

Việc học của tôi đã bị gián đoạn mấy lần, cho nên tôi rất vui khi biết mình sắp được trở lại trường. Tôi mong cho mau tối, mau sáng để được đi học. Đến trường không những được học mà còn có bạn nữa. Ít nhứt tôi cũng được làm con nít mấy tiếng đồng hồ trong một ngày.

Tôi không nghĩ đến ba tôi trong lúc nhảy lò cò, đánh đũa, búng hột me với bạn. Tôi không nhớ anh Khôi khi bắn culi mà tôi là tay vô địch. Nhưng ở ngôi trường đạo này, tôi đã học được một bài học của trường đời, dù mới chỉ có mười tuổi đầu. Đó là việc để truyền đạo. Họ dụ dỗ chị em tôi, gần như là ép buộc chúng tôi phải theo đạo.

Ngày đầu tiên nhập học lớp ba, cô giáo của tôi là một dì vẻ mặt khó đăm đăm. Bà nghiêm nghị hỏi tôi:

- Có đạo không?

Tôi lễ phép đáp:

- Dạ, không.

Bà gặn giọng hỏi:

- Sao lại không?

Nhưng bà không đợi tôi trả lời mà hầm hầm bước xuống cuối lớp. Tôi phân vân không biết phải làm gì, thì nghe tiếng bà ra lịnh:

- Xuống đây. Trò ngồi chung với mấy đứa ngoại đạo, nghe chưa.

Trong một thoảng, tôi lại nhớ tới ngôi trường nhỏ bé của làng Bang Thạch, nhớ tới thầy Dần. Ở đó, học trò là học trò, không phân biệt giầu nghèo, không ai nhắc đến đạo gì vì ai cũng theo đạo thờ ông bà.

Bà phước vừa bước đi, thì con nhỏ ngồi cạnh kề tới tôi hăm:

- Mày ráng học kinh Kính Mừng, kinh Lậy Cha đi, hông thôi bà giết mày đó!

- Tao không có đạo, làm sao tao biết Kính mừng ai, ai là cha. - Tôi đáp.

Con ma cũ liền cho biết bà phước sẽ cho tôi mượn một cuốn kinh, rồi bắt tôi phải học thuộc lòng hai bài đó. Tôi bướng bỉnh hỏi:

- Rủi tao không thuộc hết có sao hông?

- Thì không được ra chơi.

Hàng ngày, lớp học bắt đầu bằng mấy phút đọc kinh. Cả lớp cùng đọc kinh Kính Mừng. Đám học trò có đạo đọc kinh nhuần nhuyễn, nghe êm tai, quyến rũ lạ lùng. Tôi cũng thấy cảm động. Trong khi đó, cái đám ngoại đạo chúng tôi phải mở quyển kinh ra, dò từng chữ, nghe thật gượng gạo, vụng về, vụng về chẳng có hồn trong lời cầu nguyện.

Giờ ra chơi đầu tiên, tôi bị bà phước bắt ở lại lớp học kinh. Bụng tôi nóng như lửa, chỉ muốn gặp em

tôi, để coi buổi học đầu tiên của nó ra sao. Tôi xin đi tiểu, nhưng bị bà phước từ chối. Bà bắt tôi phải đọc kinh theo giọng của bà. Một lát sau, biết tôi thật sự cần đi, ba mới cho phép tôi rời khỏi lớp. Ra tới cửa, tôi mới sực nhớ là không biết cầu tiêu của nhà trường ở đâu. Tôi điếng người lên, toàn thân nổi ốc. Lỡ có làm sao, chắc tôi phải bỏ trường mà đi, chả mặt mũi nào mà trở lại nữa. May là tôi tìm thấy kịp thời. Rồi giờ ra chơi thứ nhì tôi cũng bị ở lại với đám con nít ngoại đạo để học kinh. Chúng tôi tôi đọc theo bà phước kinh Kính Mừng, kinh Lạy Cha. Miệng đọc, tai nghe, nhưng lòng thì lạnh tanh, chẳng có một cảm xúc nào. Đã vậy, tôi còn nghĩ rằng mình đọc kinh như vậy là mình đã phản bội tổ tiên, ông bà mình ở dưới quê. Nhưng tôi lại nghĩ rằng hình như người lớn không quan tâm đến chuyện đọc kinh, mà điều cần thiết lúc này là bằng

mọi cách tôi phải học ở trường Huyện Sĩ, mà học ở đây là phải thuộc lòng kinh do bà phước dậy.

Tinh thần Hải Vân, em tôi, lúc nào cũng vững hơn tôi, mạnh hơn tôi. Nó bất chấp việc học kinh. Nó còn nói:

- Chỉ phải thuộc có hai bài kinh mà được học khỏi trả tiền, sao chị không ráng mà học cho thuộc đi. Lộn xộn hoài.

Tôi đành phải nghe lời Hải Vân.

Mùa hè ở căn nhà trong xóm đạo nóng như thiếu như đốt. Nhưng nóng chưa kịp chạy đã thì má tôi đã lại cho hay là gia đình tôi phải dọn nhà nữa. Trước nhà chúng tôi, có một gia đình sống một căn nhà xinh xắn. Người đàn ông, nghe nói là công

chức, nghĩa là ông làm việc cho Chánh phủ, nhưng ông luôn tỏ ra hiền lành, tử tế. Hai đứa con của ông hàng ngày vẫn đi với chúng tôi đến trường. Nhưng chính ông lại là người đã khám phá ra tông tích gia đình chúng tôi. Một hôm, ông nói với má tôi rằng ông biết mấy người đàn ông trong gia đình tôi đi tập kết, ông sẽ không tố cáo mà vẫn giúp đỡ, với điều kiện là mợ Ngọc Loan phải làm vợ nhỏ của ông. Nghe lời hăm doạ quái đản đó, má tôi sợ quá, và quyết định chúng tôi phải trở về Bang Thạch. Riêng hai chị Kim, Cương được ở lại để tiếp tục học, và trú ở nhà cô và dượng Ba ở trường Mỹ Ngọc.

Chương 7

Trở về Cần Thơ, chúng tôi lại ở chung với ông bà ngoại và dì Bảy. Người lớn trong gia đình phụ má tôi lo tính công việc làm ăn để nuôi một bầy con, bầy cháu phá gạo. Chị em tôi ví như chim sổ lòng khi được sống gần bà con thân thuộc. Má mướn một chị giữ Hoà Bình và Minh Tâm. Còn tôi, Hải Vân, anh Quốc (con cậu Tư Diệp) rong chơi từ đất của ông bà ngoại tới vườn cau của ông Mười, ông Út, em của bà ngoại. Hai ông là em ruột của ngoại tôi. Được về lại Bang Thạch, chúng tôi như chim về rừng. Tha hồ bay nhảy, tha hồ phá phách. Chúng tôi không một chút nào luyến tiếc Sài gòn. Ruộng đồng, vườn tược, mới là nơi chúng tôi vẫy vùng ngang dọc suốt ngày. Chúng tôi hết đi vớt cá thia thia ở mấy con rạch, lại đi bắt ong, bắt bướm. Ban đêm bắt đom đóm bỏ vô chai. Chúng tôi thường đi kiếm mấy cái tầu dừa khô đã rủ xuống đất để đánh đu từ bờ mương này qua kia. Con của ông Út, chỉ

có một người mười sáu tuổi là lớn hơn chúng tôi. Còn những người kia đều nhỏ hơn chúng tôi ba, bốn tuổi. Vì vai vế, chúng tôi phải kêu bằng dì, bằng cậu, nhưng vẫn chơi trò "lớn hiếp nhỏ". Tôi, anh Quốc, Hải Vân đánh đu chờ mấy tầu dừa gần đứt mới nhường cho mấy dì, mấy cậu. Dì, cậu đung đưa qua lại chỉ được mấy lần là tầu dừa đứt luôn, họ lọt xuống mương, ướt như chuột lột. Anh em tụi tôi cười lăn lộn dưới đất. Dù tinh nghịch, phá phách như vậy, chúng tôi vẫn còn là con nít. Về nhà còn kể lại cho chị Yvonne nghe thành tích nghịch ngợm ấy. Chị liền méc dì Bảy. Cả ba đứa chúng tôi ăn đòn. Cái tội chánh là vai cháu mà không biết kính nể, nhún nhịn người trên. Dì Bảy còn doạ treo chân chúng tôi lên nóc nhà. Dì doạ như vậy đã nhiều lần, nhưng chưa ai bị hình phạt đó.

Cả ba đứa chúng tôi đều biết lội, chỉ có mấy dì và cậu con nhỏ của ông Út là chưa. Mới lần xuống sông, họ phải ôm cây chuối, lời lõm bõm ở chỗ nước cạn. Tụi tôi lại âm mưu với nhau để chọc phá mấy người đó. Anh Quốc lội lại gần hai dì Nghĩa, dì Lý và cậu Cư, lúc đó mới sáu, bảy tuổi, chỉ cách cho họ mau biết lội, là nên cho chuồn chuồn cắn rún vài ba lần. Hải Vân và tôi bắt chuồn chuồn. Ba chị em dì theo chúng tôi lên vạch rún cho chuồn chuồn cắn. Cũng đau lắm, nhưng mấy người ham cho mau biết lội, nên cắn răng chịu đựng. Thấy họ nhăn mặt và đau, bọn quỷ sứ chúng tôi chạy vô bồ lúa ôm bụng cười. Sau hai ba lần cho chuồn chuồn cắn rún, họ cũng cũng chưa biết lội. Ông Út biết chuyện, liền cho kêu bọn tôi tới, la cho một trận tơi bời.

Dì Bảy là người biết thưởng phạt công minh. Tội nhỏ, dì rầy và bắt xin lỗi, rồi bắt chúng tôi hứa không tái phạm. Tội nặng dì mới dùng roi vọt. Nhưng dì không bao giờ có sẵn roi trong nhà. Dì bắt một đứa có lỗi, sắp ăn đòn, phải ra bụi mây ở ranh đất, róc một cây roi. Nhưng mà tôi ma le, chỉ lựa cây mây non, đánh ít đau hơn cây già. Chúng tôi luôn luôn tìm cách "câu giờ", vừa róc roi thật chậm chạp, tìm cách báo động cho bà ngoại biết. Bà ngoại không muốn đánh đòn đám cháu, nên sẵn sàng can thiệp và chúng tôi được tha. Nể bà, dì Bảy phải tha. Đôi khi, nếu tội nặng, dì nhứt quyết phải trừng phạt chúng tôi thì bà ngoại nói:

- Vậy thì mày đánh tao đi, đừng đánh cháu tao.

Đến nước đó thì dì Bảy phải nhượng bộ.

Ông ngoại thì không bao giờ can thiệp vào việc dì Bảy răn lũ chúng tôi. Tuy vậy, không bao giờ ông đánh các cháu. Trong gia đình tôi cháu trai hay gái đều được thương yêu, đối xử ngang nhau. Riêng đám con nít chúng tôi lại có ý cưng chiều hai người là anh Quốc và Hải Vân. Chị Thuận và tôi sẵn sàng nhận làm thế cho họ. Đã vậy, chúng tôi không bắt họ làm việc nhiều, thay nhau rửa chén và quét nhà. Có một lần tôi đề nghị với anh Quốc, khi chúng tôi xách cây roi mây về để bị đòn, anh và tôi nên bó lá chuối cho đỡ đau. Anh phì cười mà nói rằng phải lấy mo cau bó đít mới đỡ đau. Tôi cãi lại rằng nếu xài mo, lúc đánh lên đít nó kêu cái bộp, dì Bảy sẽ biết liền, thì anh thêm một tội nữa. Anh Quốc dành nghe lời tôi. Hai anh em lấy tầu lá chuối bó đít. Nhưng làm sao qua mặt dì Bảy được. Chỉ một quất roi là dì khám phá ra mưu gian của cháu dì. Dì ngạc nhiên đến phát khóc vì cháu của dì "ma quỷ"

quá, dám lừa dối cả dì. Hai anh em tôi ra sau hè cười lăn cười lộn. Nhưng lần đó cũng là lần chót mà chúng tôi làm cho dì khóc.

Tôi yêu tuổi thơ vì tình ruột thịt họ hàng đằm thắm, vì những trò chơi thú vị lành mạnh, quê mùa, vì những bó tre cao vút bao quanh làng mạc, vì hàng đậu đũa ra bông trắng nõn, thơm ngào ngạt. Tuổi thơ là cái bếp lửa hồng của dì Bảy tôi luôn luôn nóng hổi, vì đám cháu của dì "ăn như tằm ăn lên". Dì làm bánh tét, bánh ú, bánh lá dừa. Ban đêm dì nấu cám heo ngoài sân, thì đám con nít đòi ăn bánh phồng, dì nướng bánh phồng. Tôi không quên loại cỏ tên là "cỏ cứt heo". Dù có tên xấu như vậy, nó lại ra cái bông mầu xanh lá cây, chung quanh mầu vàng. Tụi tôi thấy mợ Bích Loan được bà ngoại cho một đôi bông cẩm thạch vàng, cũng giống như bông cỏ cứt heo. Tôi còn nhỏ nên bà chưa cho đeo

bông, nhưng đã xỏ lỗ tai rồi. Tôi và chị Thuận tự trang điểm bằng bông của cỏ cứt heo. Đôi này héo lại có đôi khác thế vô.

Hai bên bờ đê thì một bên là ruộng lúa xanh rì, một bên là đầm sen. Anh em tôi tha hồ hái gương sen để ăn hột. Mỗi lần hái sen, chị Thảo cũng đem bông về cho bà ngoại chưng trên bàn thờ.

Tôi yêu nước tôi, vì tôi biết một cách thâm thuý những hy sinh cao cả của những người chống Pháp, trong đó có cậu Năm Sắc của tôi. Cậu bị bịnh lao ở trong tù, rồi khi được tự do thì bịnh đã quá nặng, không sao cứu chữa được nữa. Cậu chết, bỏ lại bầy con thơ cho ông bà ngoại tôi nuôi. Trong khi đó, mợ Năm vẫn miệt mài theo kháng chiến.

Tôi yêu mảnh đất của ông bà tôi, vì nơi đây bà con bên ngoại của tôi đã lần lượt theo nhau đi vào lòng

đất, trong đó có cậu Thế. Tôi thường nghe má tôi kể về cậu Út. Cậu học giỏi, đẹp trai. Cậu tôi hiếu thảo, hiền lành, luôn luôn làm vui lòng cha mẹ và các các anh chị trong nhà. Vì vậy, khi cậu mất đi, cả nhà ai cũng thương tiếc. Mấy chục năm dài, ngày nào bà ngoại cũng ra thăm mộ cậu. Lúc chưa có chúng tôi về, bà đi một mình thăm mộ cậu. Khi đám con nít về, chiều nào cũng có một hai đứa cháu đi theo bà.

Sau ngày cộng sản xâm chiếm Miền Nam, nghĩa trang quân đội Biên Hoà bị phá bỏ, mộ của em Hải Vân tôi phải chuyển về Bang Thạch, nằm dưới chân ông ngoại và cậu Út Thế.

Tôi thương người Việt, vì tôi nhớ hoài cảnh chạy giặc, cảnh lính Tây bắt người dân quê trói như trói heo đem ra chợ bán. Tôi yêu người Việt, vì trong

đó có ba tôi, người đàn ông chỉ biết có gia đình và lấy gia đình làm sức mạnh để bảo vệ đất nước.

Mùa hè qua, chúng tôi sửa soạn cho niên học mới, thì má tôi mua được một căn nhà ở gần sân banh trên đường Lý Thái Tổ, Cần Thơ. Ở đây phố xá tấp nập, dân cư đông đúc, nhưng không náo nhiệt như Sài gòn. Hai dẫy phố từ sân banh xuống chợ Tham Tướng, nhà nào cũng đẹp, trước sân nhiều nhà có cây ăn trái, lại có nhà trồng kiểng. Cũng có những nhà đặt bàn thờ ông Thiên ở trước cửa.

Tôi thương khu phố thanh tịnh này lắm. Nếu có đi xa, tôi vẫn nhớ hàng cây trứng cá bên kia đường và mấy cây chùm ruột trước tiệm hàng xén. Mỗi lần tôi qua tiệm hàng xén, thể nào tôi cũng hái một nắm chùm ruột, trái thì chua, trái thì chát, nhưng tôi cũng ăn từ bên này qua bên kia đường.

Nhà chúng tôi ở là tiệm may của má tôi. Bấy giờ má tôi phải nuôi thầm mấy cháu, vì trường làng đã hết lớp cho mấy chị con của cậu Tư và cậu Nam. Đó là các chị Thảo, Thuận, Yvonne và Quốc. Đám con nít chúng tôi ở với má từ thứ hai tới thứ sáu, về Bang Thạch đến chiều Chúa nhựt. Mợ Bích Loan và chị Hoàng Mai cũng ra ở chung để học may. Tiệm chưa chính thức khai trương mà đã có thêm sáu người xin học may.

Má tôi vừa làm mẹ, vừa làm cha, vừa dậy học, vừa may vá cho khách hàng, bận rộn suốt ngày. Nhưng bà hài lòng lắm, vì đây là bước đầu để tạo an cư lạc nghiệp. Có đêm mọi người đi ngủ, một mình má ngồi cắt sẵn quần áo mẫu để ngày mai dậy học trò. Tôi nghe bà hát nhỏ nhỏ*: "Ngày trở về, anh bước lê trên quãng đường đê bên bên luỹ tre. Nắng vàng*

hoe, đến bên luỹ tre, vườn rau trước hè vui đón người về. Mẹ lần mò, ra trước ao... nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ... Tiếc rằng ta, đôi mắt đã lòa vì quá đợi chờ"… Lần nào hát đến đây má tôi cũng nghẹn lại, rồi không hát tiếp được nữa. Tôi cắn môi để dằn tiếng khóc vào sâu trong trái tim thổn thức của mình.

Trong bưng, người ta loan truyền rằng những người đi tập kết có chương trình nhắn tin từ ngoài Bắc về cho vợ con còn ở Miền Nam. Má tôi, mợ Bích Loan và chị Hoàng Mai hùn tiền mua một cái radio. Đêm khuya thanh vắng, năm người gồm có má tôi, mợ Bích Loan và các chị Thảo, Yvonne, Hoàng Mai dụm lại nghe radio phát đi từ Hà Nội xem có nhận được tin tức gì của ba tôi và các cậu, các anh không. Tuyệt nhiên không! Vậy mà người trong khu quả quyết đã nghe ba tôi nhắn tin về cho gia đình mấy chục lần. Họ khuyên chúng tôi rằng kiên

nhẫn đón nghe mỗi đêm. Đã vậy, họ còn khoe là đã nghe được tiếng người thân của họ. Thậm chí họ còn khen tiếng vĩ cầm của anh Khôi rất điêu luyện. Anh đàn để tặng Hải Vân và tôi.

Vào thời buổi đó, nghe đài phát thanh hạ Hà Nội phạm pháp. Nhưng nghe được tiếng nói của người thân nơi xa xôi là một điều rất quyến rũ cho những gia đình có người đi tập kết. Mỗi lần nghe đài Hà Nội, má tôi cắt một người đứng canh ở bên cửa nếu thấy xe công an, phải lập tức báo động.

Một đêm, khi đám con nít chúng tôi đã ngủ yên, bỗng có người đập cả cửa trước lẫn cửa sau. Hết cả nhà hoảng hốt chồm tỉnh dậy. Mấy ông công an ào vô. Trong cảnh hỗn loạn đó, không biết có tất cả bao nhiêu người. Họ tịch thâu cái radio, đưa cho má tôi và mợ Bích Lan mỗi người một tờ giấy mời

lên bót Công an sáng hôm sau. Khi má tôi và mợ Bích Loan đi chị em chúng tôi chờ đợi ở nhà trong lo sợ Những chỉ một lát sau, hai người trở về tươi cười cho biết công an chỉ tịch thu radio, và bắt hứa sẽ không lén nghe đài Hà Nội nữa.

Chỉ mấy ngày sau, mấy bà lại hùn tiền mua một cái radio khác. Rồi đêm này qua đêm khác, mọi người chờ đợi nghe lén nhắn tin từ Hà Nội. Cuối cùng chỉ là nỗi thất vọng ê chề. Nhiều đêm, sau khi chương trình chấm dứt, má tôi tức giận nói:

- Uổng công tao quá, lần này là lần chót, tao không có làm mọi cho cái radio mắc dịch này nữa đâu!

Nhưng đêm sau, khi mọi người xúm quanh cái radio, má tôi cũng chen vô ngồi với họ, mắt bà

nhắm, tai bà kề sát máy phát nghe tiếng nói của chồng, con mình.

Má tôi than với ông ngoại là tại sao ai cũng nghe ba tôi nhắn tin mà má tôi lại không nghe được. Ông giải thích:

- Tụi đó là đồ lưu manh, một mặt bắt con nuôi hy vọng, một mặt nghe nó tuyên truyền.

Từ đó má tôi mới thôi không nghe lén đài phát thanh Hà Nội nữa.

Hai mươi năm sau, tôi mới biết ông ngoại tôi là người nhìn xa thấy rộng, hiểu thấu tâm địa của cộng sản. Khi chúng tôi gặp nhau ở Luân Đôn vào năm 1977, má tôi nhắc lại những chuyện vui buồn trong khoảng thời gian xa cách ấy, chúng tôi mới

vỡ lẽ ra rằng từ năm 1954 đến năm 1960, ba tôi vẫn còn ở miền Nam để vận động và tổ chức cho Mặt trận giải phóng miền Nam thành hình. Năm 1961, khi được bầu vào trung ương Đảng, ông mới ra Bắc. Làm sao một đứa trẻ mới lên mười như tôi có thể hiểu được những man trá, gian manh của cộng sản, của chánh trị. Tuổi thơ của chúng tôi gánh chịu tất những ảnh hưởng của sự man trá, lừa bịp đó.

Chương 8

Cuộc sống ở căn nhà gần sân banh qua đi như một giấc chiêm bao ngắn ngủi. Công việc làm ăn của má tôi trôi chảy tốt đẹp. Từ ngày gia đình tôi chia cách, lần đầu tiên má tôi không thiếu hụt. Mà mướn người từ Bang Thạch ra giữ Hoà Bình, Minh Tâm để Hải Vân và tôi được cắp sách tới trường. Chị em chúng tôi có nhiều quần áo mới. Hải Vân còn được mua cái cặp mới. Trong khi má tôi đang làm ăn

phát đạt, đám nữ cán bộ cộng sản nằm vùng móc nối với các chị Thảo, Yvonne, Hoàng Mai để vận động công tác thành. Chị Hồng Nga từ Cái Nhum lên, bắt đầu họp hành bí mật. Các chị là những thiếu nữ trẻ vô tư, không bị công an dòm ngó, nghi ngờ. Họ không làm phiền tôi. Họ cũng không choán nhiều chỗ, vì họ thường tới vào lúc chúng tôi đã đi ngủ. Đôi khi họ bất ngờ đến vào giữa bữa cơm nhưng không bao giờ họ chịu ngồi ăn với chúng tôi, dù má tôi mời. Nhưng sự có mặt của các nữ cán bộ này làm không khí trong gia đình tôi căng thẳng, ngột ngạt. Tôi bắt đầu có cảm tưởng nhà tôi đã trở thành một nước Việt Nam thu nhỏ, có tranh chấp giữa Nam và Bắc. Điều nguy hiểm cho cả hai phía nhà tôi không có một cây cầu Hiền Lương, nên chúng tôi cứ ở chung chạ, lẫn lộn. Má tôi hoàn toàn bất lực trước những hoạt động của các cô cháu gái.

Phía trước nhà tôi là cửa tiệm, nơi má tôi dậy may vá. Khách hàng của bà là những công chức trong toà hành chánh, là vợ các sĩ quan trong mấy trại lính gần nhà. Cả vợ các ông công an cũng thích tới tiệm má tôi may quần áo. Con phía sau cửa tiệm là cái ổ bí mật của các nữ cán bộ Việt Cộng nằm vùng chống "Mỹ Diệm".

Tôi không hiểu má tôi sẽ phải đối phó với hoàn cảnh khó khăn này như thế nào. Thường thường, các gia đình có người tân đi tập kết phải tuân theo những đòi hỏi của các cán bộ cộng sản nằm vùng. Họ bắt "hy sinh" tiền bạc, ruộng vườn, nhà cửa cho "cách mạng", thì phải đáp ứng ngay, nếu không sẽ bị quy là thành phần "phản động". Khi đám cộng sản nằm vùng rêu rao nào rằng làng nào

đã hậu thuẫn cho “cách mạng”, mọi người nên hiểu rằng dân của những làng, những ấp đó đã bị ép buộc phải “chống Mỹ cứu nước”. Dân quê miền Nam đã phải sống một cổ đôi tròng. Ban ngày, họ phải tuân theo những luật lệ của phe quốc gia, ban đêm lại phải học tập chính sách, chủ trương để chống “Mỹ Diệm”. Cứ phải sống hai mặt riết như vậy rồi cái bản chất thật thà của người dân quê biến đổi bản năng tự tồn làm họ thành những con người giá dối, cũng như tôi, dù sống ở thị thành, được phe quốc gia bảo vệ, thành con người có hai cuộc sống khác nhau. Đến sáng phải chào lá quốc kỳ mầu vàng ba sọc đỏ, trong khi đó đêm đêm các nữ cán bộ Việt Cộng vẫn họp hành bí mật ở gác nhà tôi.

Trong khi Việt Cộng nằm vùng vẫn lén lút vào cửa sau, phía trước cửa tiệm may của má tôi, công an quốc gia đã bắt đầu nghi ngờ. Cũng vào dịp này,

những người có thân nhân đi tập kết đã biết tin chồng con họ chưa ra Bắc. Họ lén lút vô bưng thăm chồng hay con. Gần nhà tôi có một bà cũng lén đi thăm chồng. Lúc về, vài tháng sau cái bụng của bã mỗi ngày một lớn. Rồi bà bị công an đưa về ty thẩm vấn, nhưng được ra về thong thả. Còn má tôi, một hôm có mấy người công an mặc thường phục bất thình lình vào tiệm may, đuổi hết khách hàng và các chị học may ra khỏi tiệm. Chúng tôi ngồi bên cạnh má khi các nhân viên công an thẩm vấn bà. Họ hỏi rằng mới đây má tôi có gặp ba tôi không? Má tôi trả lời một cách bình tĩnh:

- Trước mặt con tôi, không bao giờ tôi nói dối bất cứ một việc gì. Vậy xin thưa để các ông rõ là kể từ ngày chúng tôi dọn về đây đã hai năm, tôi chưa hề gặp ba nó lần nào.

Tôi không biết họ có tin lời má tôi không, nhưng họ muốn má chứng minh không có liên lạc gì với cộng sản nữa, bằng cách báo họ biết những ai lén vào bưng thăm chồng con. Má liền trả lời là má tôi không thể làm được việc đó, vì hàng ngày bận kiếm gạo nuôi con. Sau đó họ còn trở lại nhiều lần. Việc qua lại của họ làm cho công việc làm ăn buôn bán của má tôi gặp khó khăn. Học trò của má tôi là những cô gái miệt vườn, rất có thể họ cũng có người thân đi tập kết, hay là cán bộ Việt Cộng, vì vậy họ đâm sợ, nên bỏ học. Khách hàng thấy công an đến tiệm hoài cũng sợ, tìm tiệm khác an toàn hơn. Mợ Bích Loan bỏ má để lên Sài gòn sống với người em trai của mợ. Chị Hoàng Mai trở về Bang Thạch…

Má tôi không còn cách nào hơn là bán nhà, bán cửa tiệm. Ông bà ngoại tôi cho người nhắn má tôi về

Băng Thạch ở, với bản tánh cương nghị và tự lập, má từ chối. Bà giải thích rằng từ nhỏ, bà đã được ông bà ngoại nuôi nấng đàng hoàng, bây giờ gia đình riêng, phải tự lo lấy, không thể là một gánh nặng được nữa.

Riêng đối với Hải Vân và tôi, việc má dẹp tiệm may là một biến cố lớn. Những ngày tươi đẹp của tuổi thơ sao quá ngắn ngủi. Hồi đó, hai chị em tôi đang học trường tiểu học Minh Đức. Hải Vân lớp tư, tôi lớp ba. Chúng tôi đang được thầy thương mến, bấy giờ lại phải dọn đi nơi khác, sao mà không luyến tiếc cho được! Hải Vân là học trò của thầy Thành, một bạn học của má tôi hồi nhỏ. Khỏi cần nói, ai cũng biết nó được thầy cưng. Còn cô giáo lớp ba của tôi là có Công Tằng Tôn Nữ Mai Hương, Cô vừa đẹp, vừa hiền, rất thương yêu học trò. Tôi học với cô giáo mới hết một niên khoá mà

hình ảnh cô in sâu vào tâm tưởng tôi đến ngày nay. Một chuyện làm tôi nhớ hoài. Ngày ấy, tôi với một cái cặp da rách nên thường bị mất viết mà không biết. Một hôm cô Mai Hương hỏi tôi tại sao tôi cứ làm mất viết hoài, tôi thành thật trả lời là cái cặp da của tôi quá cũ, bị rách nên viết rớt hồi nào tôi không hay. Mấy bữa sau, vào giờ ra chơi, tôi gọi ở lại lớp để cho tôi một cái cặp đã cũ nhưng còn lành lặn. Cặp đó của người con trưởng của cô, anh Tăng Bảo Can nay học trung học, không cần cái cặp nhỏ này nữa. Nhìn cái cặp tôi cảm động nghẹn ngào cám ơn cô.

Năm đó là năm 1956, năm mà ba tôi hứa sẽ trở về trong vinh quang. Nhưng trên thực tế, năm đó tình thế có vẻ gay go hơn năm trước nữa. Chánh phủ của tổng thống Ngô Đình Diệm quyết tâm diệt Cộng và nhứt định không hợp tác với Chánh phủ

Hà Nội để tổ chức tổng tuyển cử như hiệp định Geneve dự liệu, cộng sản ở trong Nam cũng ráo riết tổ chức cuộc chống đối quốc gia.

Để sống và tồn tại và cũng để tránh bọn cộng sản nằm vùng quấy nhiễu, đường chúng tôi lại phải dọn lên Sài gòn lần nữa.

Chúng tôi lên tạm trú tại nhà ông bà hội đồng Huỳnh Ngọc Nhuận ở đường Chi Lăng, Gia Định. Bà Nhuận trước là trưởng trường Như Vân ở Cần Thơ. Trước khi có gia đình, bà là nữ sinh nội trú của trường này. Trước khi lên Sài gòn, má tôi có thơ nhờ bà tìm giúp cho một căn nhà nhỏ để năm mẹ con chúng tôi tạm trú. Bà cho biết má tôi cứ đưa chúng tôi lên Sài gòn ở chỗ bà cũng tiện, vì ông bà đang ở trong một biệt thự rộng. Bên cạnh

biệt thự, có một căn nhà đầy đủ tiện nghi. Đó là nơi cho gia đình tôi.

Khi gặp chúng tôi, sau với câu chuyện mở đầu, bà Nhuận coi chúng tôi như con cháu trong gia đình. Bà bảo chúng tôi kêu ông bà là ông bà ngoại. Tôi nghe vậy, lòng không yên, nói nhỏ với má:

- Mình có ông bà ngoại ở Bang Thạch rồi, làm sao có thêm ông bà ngoại nữa.

Hải Vân trả lời:

- Chỉ mất có tiếng gọi ông bà mà được ở nhà rộng rãi không hà? Chị lộn xộn hoài.

Sống với ông bà Huỳnh Ngọc Nhuận được ít lâu, tôi biết ông bà đã yểm trợ Việt Minh trước đó, và

bấy giờ thì có liên lạc với cộng sản nằm vùng. Ông bà vẫn đóng góp tiền bạc ủng hộ họ. Từ khi có gia đình tôi đến ở, ông bà ngưng việc giúp ấy và cho rằng giúp một gia đình có người đi tập kết là có đóng góp rồi.

Ngoài ra, trong biệt thự của ông bà, từng lầu hai có một phòng trống. Một phòng dành cho cậu Amin, cháu gọi bà nội, đã từng hoạt động cho Việt Minh. Sức khoẻ đã không cho phép cậu tập kết ra Bắc. Nhưng cậu vẫn hoạt động ngầm. Để bảo vệ an ninh cho cậu, mỗi khi cậu bịnh, ông bà cho mời bác sĩ đến tận nhà để khám bịnh và cho toa mua. Ngay chính ông bác sĩ này cũng là người thân Cộng. Hàng bữa ăn chung với ông bà Nhuận, những khi nhà có khách, một người hầu phải bưng cơm lên phòng riêng của cậu.

Trong một phòng khác của từng lầu này, có bác Hồ Thu cũng ngấm ngầm hoạt động cho cộng sản. Bác đã từng du học bên Pháp và đỗ đạt thành tài. Khi về nước, bác hoạt động cho Việt Minh. Bác là đồng chí của ba tôi. Bác không tập kết ra Bắc mà bác được tổ chức gài lại để hoạt động cho tổng tuyển cử năm 1956. Cũng như những người theo Việt Minh trong thời Pháp, bác Hồ Thu cũng đã từng vào tù ra khám. Đến thời quốc gia của ông Ngô Đình Diệm, bác có tên trong sổ bìa đen của công an. Vì vậy không bao giờ bác ra khỏi phòng khách hay phòng ăn, hàng ngày, người hầu phải đem cơm vào phòng riêng cho bác. Khi sai bảo một việc gì, bác rung chuông để gọi anh Oanh, người giúp việc. Muốn đi đâu, bác dùng một con đường bí mật, qua một khu đất có trồng nhiều cây cao su gần hồ tắm Chi Lăng. Bác về không một ai biết.

Từ ngoài nhìn vào ngôi biệt thự, người ta chỉ hình dung những người giầu có, sống phân biệt với kẻ nghèo, với xã hội đau khổ đang chìm trong chiến tranh khói lửa. Không ai ngờ biệt thự đồ sộ giầu sang đó mang linh hồn của con sông Bến Hải. Chúng tôi là những người sống bên này bờ sông; bác Hồ Thu, cậu Amin và ông bà ngoại Nhuận là những người sống bên kia bờ Bến Hải.

Vào một buổi trưa, khi mọi người trong biệt thự đang ngủ ngon, riêng má tôi vẫn miệt mài làm việc (vì bà làm việc suốt ngày), có bốn xe Jeep chở đầy cảnh sát có những người mặc áo thường đến trước cổng biệt thự. Họ vừa đập cửa vừa rung chuông ầm ĩ. Má tôi ngưng làm việc, đi ra cổng. Tôi lon ton chạy theo bà. Cảnh sát cho biết là họ có lịnh xét nhà, bắt má tôi phải mở cổng ngay lập tức. Má tôi trì hoãn bằng cách bảo họ chờ để má tôi trình với

ông bà chủ. Họ đành phải nghe lời má tôi, nhưng hối thúc phải lè lẹ để trở ra mở cổng cho họ. Trong khi đó, má tôi sai tôi lên lầu báo cho bác Hồ Thu biết. Hàng ngày phòng bác đóng kín nên không ai được đến gần nếu không có phép. Mỗi lần đi qua phòng bác, tôi lại tưởng tượng bên trong có một người lông mọc đầy mình, bị gia đình nhốt kín như trong một truyện giả tưởng mà tôi đã từng được đọc. Hôm nay thì tôi có quyền gọi cửa phòng bác Hồ Thu, xem bác có giấu người mọc lông lá hay bác là người lông lá? Tôi vừa gõ cửa nhè nhẹ, vừa ghé trông vào khe cửa gọi bác. Từ bên trong vọng ra tiếng bác hỏi:

- Ai đó?

Tôi đáp khẽ:

- Thưa bác, cảnh sát đang ở ngoài cổng đòi xét nhà.

Bác liền nói:

- Cháu giỏi lắm! Bác đi ngay bây giờ.

Tôi xuống dưới nhà định tìm má tôi, thì một đàn chó dữ sủa vang làm tan đi sự yên tĩnh của buổi trưa. Từ ngày đến ở đây tôi vừa ghét vừa sợ lũ chó dữ này. Nhưng hôm này tôi tự thấy nó có ích quá.
Má tôi vừa từ trong phòng của bà ngoại Nhuận bước ra, là đi thẳng về khu nhà riêng với Hoà Bình và Minh Tâm. Còn tôi thì đi theo bà ra cổng. Bà nắm tay tôi dắt đi một cách chậm rãi. Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy bà tỏ ra rất lịch sự với viên cảnh sát cầm giấy xét nhà:

- Chào đại uý! Đại uý tới thăm có việc chi đây?

Trước lời nói ôn tồn của bà, viên đại uý không còn hung hăng nữa, đáp lại bằng một giọng ôn tồn:

- Thưa bà, chúng tôi được lịnh đến xét nhà bà.

Ông ta đưa cho bà ngoại tờ giấy đang cầm tay. Bà tìm kiếng trong hai túi áo bà ba trắng mà không thấy, nên phải nói với viên đại uý tạm chờ bà một lúc. Bà dắt tôi đi trở vô nhà. Viên đại uý vội nói theo:

- Xin bà nhốt mấy con chó lại cho chúng tôi nhờ!

Tôi phải giúp bà nhốt bầy chó lại. Tôi không sợ cảnh sát, mà chỉ sợ mấy con chó này thôi. Con nào con nấy đầu to, miệng đầy răng dài như răng cọp. Khi đã vào hẳn trong nhà, bà ngoại đóng kịch nữa,

vội vàng chạy ngay lên phòng bác Hồ Thu. Phòng trống không, chăn gối cũng đã được bác giấu đi mất tăm. Bà ngoại sai tôi dắt một con chó nhốt trong phòng bác.

Khi đã thu xếp xong xuôi, bà mới ra mở cổng cho cảnh sát uà vào. Viên đại uý ra lịnh cho cấp dưới:

- Xét tất cả các phòng, không chừa một miếng gạch nào.

Lúc ấy, ông ngoại mới ngủ dậy, ông thong thả từ trên lần xuống, thấy đám cảnh sát đang hùng hổ ùa vào các phòng để khám xét, ông thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Tôi đoán ông bà đã quá quen với cảnh xét nhà này rồi. Đã vậy, ông còn nói với bà:

- Có mấy chú cảnh sát bảo vệ, mình thấy yên tâm trong xã hội rối ren này, bà nó hen.

Sau cuộc khám xét không kết quả, viên đại uý cảnh sát đòi coi tờ khai gia đình. Họ đếm từng người, kể cả cậu Amin. Nhưng cậu là người không có tì vết gì đối với cảnh sát. Cuối cùng họ phải bỏ đi tay không. Cổng biệt thự lại được khoá chặt. Sự im lặng bao trùm khắp nơi trong nhà. Ai nấy đều có vẻ lo âu.

Buổi chiều hôm đó, chúng tôi được kêu lại cho ông bà căn dặn, là cổng phải luôn khoá kín, dù chỉ ra trước cửa để mua mấy cây cà-rem. Không được mở cửa cho người lạ mắt. Nếu thấy bóng cảnh sát ngoài cổng, phải thả ngay bầy chó ra sân.

Mấy hôm sau, bác Hồ Thu trở về nhà. Sau vụ báo cho bác đi trốn kịp thời, tôi được bà ngoại tín nhiệm, giao cho việc mang nước trà và báo lên phòng cho bác. Lần đầu tiên tôi đem báo lên, bác giữ tôi lại nói chuyện. Thoạt tiên, bác nói về ba tôi:

- Cháu phải hãnh diện về ba cháu, phải noi gương ba.

Lần sau bác sai tôi đi mua phấn trắng để đánh giầy và kẹo mè. Bác chỉ giữ lại phấn đánh giầy, còn kẹo bác cho chị em chúng tôi. Sau nhiều lần tiếp xúc, tôi bắt đầu mến bác, vì tôi thường nghe bác nhắc đến tên ba tôi.

Trong khi đó, bọn tôi, Hải Vân, Hoà Bình và tôi vẫn đi học. Tôi học lớp ba, Hải Vân lớp tư và Hoà Bình lớp năm. Trường chúng tôi học là trường Đạt

Đức ở hẻm Trần Kế Xương, rất gần nhà bà ngoại (ở bên kia đường Chi Lăng. Hiệu trưởng là một mục sư. Chúng tôi không biết tên ông, chỉ kêu ông là ông Sư biết rằng ông rất hiền lành, ông được học sinh trong trường mến.

Trong các giờ học giáo lý, ông giảng rằng nhân loại đã được Thượng đế tạo nên trong sự yêu thương của Ngài, không ai giống ai. Mục sư là một người tượng trưng cho hoà bình, cho tình yêu, cho một người cha kiên nhẫn. Ông dậy học trò lớn phải giúp đỡ các em nhỏ, vào những buổi trời mưa ướt át, ông mang cây dù lớn ra để đón mấy đứa học trò vừa từ trong xe xích lô bước ra.

Ông đã dậy chúng tôi những bài học về nhân, nghĩa, lễ, trí và không cho cô giáo đánh học trò; đứa nào đáng bị phạt thì đưa vô phòng hiệu trưởng.

Tôi rất sợ phải lên văn phòng của của ông vì phải chứng kiến nét mặt thất vọng, buồn hiu của ông, vì phải ngồi im lặng nghe ông giảng đủ mọi điều về luân lý, giáo lý. Ông thường nhắc nhở chúng tôi phải làm tròn bổn phận công dân, phải tôn kính lá quốc kỳ miền Nam Việt Nam. Những điều ông giảng về luân lý, tôi đều nhập tâm và nguyện vâng lời, nhưng khi ông nói về lá cờ, tôi bỗng thấy có một cái gì vướng ở trong lòng. Từ nhỏ, tôi sống trong vùng "giải phóng", quá quen thuộc với lá cờ đỏ sao vàng và bài "Tiến quân ca", bây giờ ngược lại. Hàng ngày, khi đi học, tôi đi ngang qua Trụ sở Uỷ ban kiểm soát đình chiến. Ở trước sân của trụ sở rất nghiêm trang đó có lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió. Ngày đến trường Đạt Đức đầu tiên, tôi chợt thấy một người lính trương lá cờ đỏ lên, đồng thời nghe có tiếng nhạc "Tiến quân ca", tôi tưởng tôi vẫn còn ở trong bưng với ba tôi, nên vội

vàng đứng nghiêm để chào cờ. Người lính gác đuổi tôi đi. Sau đó, mỗi buổi sáng tôi cố dàn xếp thì giờ để đi qua đó đúng 7giờ 45 là lúc trương kỳ, rồi tôi lẽn gỡ nón xuống để ngầm chào lá cờ đỏ. Có mấy anh học trò lớn cho tôi biết là tôi không cần chào cờ cộng sản. Họ tưởng tôi là dân quê mới lên tỉnh, không phân biệt cờ nào là quốc kỳ của miền Nam, có nào là cờ cộng sản.

Mỗi lúc tan học về, tôi đợi cho đường vắng vẻ, không còn những học sinh cùng trường để lén nhìn vô khe hở của bức tường. Cách tôi chỉ một khoảng cách ngắn, có những cái nón cối, những bộ đồng phục kaki vàng quen thuộc, lòng tôi lại nao nao nhớ về dĩ vãng, trong đó tràn ngập hình ảnh của ba tôi. Đôi khi, tôi muốn vào hẳn bên trong để nói chuyện với mấy anh bộ đội vì tôi tin rằng họ biết tên ba tôi. Cả vùng giải phóng, nói đến Đặng Văn

Quang ai mà không biết! Nhưng trở ngại lớn của tôi là người linh quốc gia canh gác ở ngoài cửa, có thể vừa biết ý muốn của tôi, anh đã gọi cảnh sát đến bắt tôi ngay. Nếu chẳng may bị bắt, tôi sẽ làm phiền má tôi và ngoại Nhuận lắm. Trong khi đó, má tôi đã gặp quá nhiều khó khăn trong cuộc vật lộn với đời sống vật chất để nuôi dậy một lũ con sáu đứa. Nhưng bóng dáng của những người trong trụ sở của Uỷ hội quốc tế đình chiến đã làm cho tôi bớt nhớ ba đi nhiều.

Chương 9

Má tôi luôn luôn dặn con cái phải tiết kiệm để má có tiền mua nhà rộng hơn. Khi có nhà rộng, chị Kim, chị Cương sẽ về ở chung cho ấm cúng. Nhà hiện nay chật chội, lại xa trường hai chị đang theo

học bên Sài gòn. Hai chị chỉ có thể về chơi vào cuối tuần. Má cũng vừa nhớ vừa xót xa, vì phải sống xa hai người con lớn khá lâu. Cứ đến chiều thứ sáu là chị em chúng tôi ra cổng đứng chờ hai chị về. Rồi chiều chúa nhựt, khi hai chị sửa soạn đi, Hoà Bình bắt đầu khóc thút thít cho tới khi khuất bóng hai chị ở phía xa. Hải Vân phải dỗ thật lâu em mới chịu nín. Một gia đình mà đã kẻ Nam, người Bắc, lại không được ở chung nhau dưới một mái nhà, thì con gì buồn hơn nữa. Má tôi thương và tiếc cho hai chị tôi lắm, dù vẫn biết hai chị tôi là những người biết làm và học hành siêng năng. Má tôi cũng tin ở sự săn sóc của cô Mỹ Ngọc.

Hồi đó, tôi còn nhỏ, chưa biết giá trị của đồng tiền, nên không hiểu má tôi phải để dành bao nhiêu tiền mới mua được nhà mới. Nhưng một biến cố mới

xảy ra bất ngờ, làm cái mộng mua nhà của má tôi tan thành mây khói.

Cũng như mỗi cuối tuần, khi hai chị tôi về thăm nhà Hoà Bình và Minh Tâm không rời hai chị nửa bước. Hoà Bình theo chị Kim, trong khi đó Minh Tâm đeo sát chị Cương.

Chúng tôi không sao quên được buổi chiều chúa nhựt buồn ấy. Buổi trưa, chị Cương ru Minh Tâm ngủ trên võng, em thức dậy, cất tiếng khóc. Má tôi bồng em lên, thấy người em nóng như lửa. Má tôi kêu lớn hai tiếng "Trời ơi!" thật thảm thiết. Chị em chúng tôi vội chạy tới, thấy mặt em đổi khác hẳn đi, Lúc em khóc, mặt em bị méo một bên, bắp thịt bên mặt không còn cử động được nữa!

Các bác sĩ ở nhà thương Chợ Rẫy cho má tôi biết là em Minh Tâm bị bịnh polio. Tôi chưa bao giờ nghe nói tới căn bịnh này, nhưng má tôi thì hiểu hết, nên bà lo lắm. Bác sĩ cho biết mặt của em Minh Tâm sẽ bị bại luôn, và phải đợi một thời gian nữa mới biết còn bộ phận nào trong người em bị ảnh hưởng không, vì lúc đó em tôi mới có bốn tuổi. Nghe nói như vậy, cả gia đình ai cũng buồn và thương em. Nhưng, riêng má tôi, bà không chịu thua một cách dễ dàng. Bà cho Minh Tâm đi hết bác sĩ này đến bác sĩ khác. Cả ông bác sĩ được hỏi ý kiến đều cho rằng chưa có phương thuốc trị được polio. Hết Tây y rồi đến Đông y, rồi thầy châm cứu, thầy thuốc Nam, ai cũng ráng trị cho bên mặt của em cử động lại được. Những tất cả đều vô hiệu quả. Trong thời gian ấy, bà ngoại tôi ở Cần Thơ lên ở với chúng tôi. Bà nóng ruột vì má tôi bỏ ăn, bỏ ngủ, chạy ngược chạy xuôi tìm thầy trị cho Minh Tâm. Bà khuyên

không được, đành bỏ về lại Cần Thơ. Sau đó, đến lượt ông ngoại tôi viết thơ khuyên má tôi, ông khuyên má tôi hãy chấp nhận bịnh trạng của Minh Tâm, rồi dành nhiều thời gian chăm sóc cho nó. Hãy bình tĩnh lại, đừng nghe ai mách ở đâu có thầy thuốc hay là mò đến đó, rồi tiền mất, tật mang, rồi thất vọng.

Bịnh hoạn của Minh Tâm đã làm má tôi suy sụp tinh thần nghiêm trọng. Bà bỏ may vá, bỏ luôn giấc mộng có một mái nhà cùng sống đoàn tụ với đàn con dại. Mỗi ngày đi học về tôi lại thấy má ôm em Minh Tâm vào lòng với vẻ mặt đau khổ tột cùng, do thiếu ngủ, mắt bà có quầng đen. Giọng nói đầy nghị lực của bà không còn nữa, tiếng hát trong nhà cũng không còn nữa. Tôi giựt mình khi nhận ra vẻ già đi trên nét mặt của ba. Sự đổ thay này làm tôi nghĩ mông lung. Tôi nhớ lại ngày ba tôi đi tập

kết. Hồi đó mắt ông xanh đen, bước đi của ông trẻ trung, ông tràn đầy sức sống. Khi ba tôi cười, cặp mắt sáng long lanh của ông cũng cười theo. Nhớ lại hình ảnh đó của ba tôi, tôi bỗng thấy một mối lo vu vơ thầm lén đi vào lòng tôi. Mà cực khổ quá, sẽ già trước tuổi, không xứng đôi vừa lứa với ba tôi nữa, dù bà nhỏ hơn ba hai tuổi.

Sáu tháng ròng rã, chúng tôi sống trong ác mộng giữa ban ngày. Đêm thì trằn trọc trong cái nóng như thiêu như đốt của Sài gòn và nỗi lo buồn về bịnh tật của Minh Tâm. Hằng đêm, tôi cầu nguyện sao cho có phép lạ để em khỏi bịnh, hoặc may mắn được đưa sang Mỹ chữa trị.

Cuối cùng, má tôi không sao tìm được thầy thuốc chữa bịnh cho em, mà tiền dành dụm để mua nhà mới cũng đã cạn.

Hè năm đó, hai chị Kim, Cương nghỉ học, về ở với gia đình. Tôi mừng lắm vì đã có người lo việc nhà thay tôi. Sáu tháng qua, một mình tôi chịu đựng hết những ưu phiền, những lời than thở của má. Thêm vào đó, từ ngày cho chị người làm về quê, tôi phải gánh hết mọi việc lớn nhỏ trong gia đình. Bấy giờ có hai chị được nghỉ ngơi đôi chút. Vườn sau nhà bà ngoại Nhuận có cây khế ngọt mà Hải Vân hay leo lên để hái trái. Một hôm, tôi theo Hải Vân, leo lên thật cao để tìm trái chín, bất ngờ vịn phải một cành khô, tôi té xuống đất. Nhưng may không hề hấn gì. Leo cây khế, nhảy lò cò trên sân xi măng chỉ là thú tiêu khiển của một đứa trẻ mới trên dưới mười tuổi. Tôi cần thú tiêu khiển đó để tạm thời thoát ra khỏi bầu không khí ngột ngạt của gia đình đââ buồn phiền, u uất.

Một buổi trưa chúa nhựt, ông bà ngoại dẫn Hải Vân và tôi đi sang Thủ Đức ăn sinh nhật của cháu ông kinh lý Nhơn, bạn của ông bà. Chưa bao giờ chúng tôi được dự một cuộc vui như vậy. Nhưng khi những niềm vui còn rộn rã trong lòng, vừa về đến nhà tôi đã chạm trán với nỗi đau buồn riêng tư của gia đình mình, nghe má tôi nói với hai chị Kim, Cương:

- Hồi đó, khi tụi con bập bẹ tập nói, thường gọi ba trước. Ngày nay, má sợ Minh Tâm sẽ không bao giờ biết nói tiếng ba.

Nghe má nói như vậy, tôi hiểu rằng cả trái đất này không có ngọn núi nào cao hơn nỗi tuyệt vọng của má, kể cả đỉnh Everets trong dãy Hy Mã Lạp Sơn.
Rồi má nói thêm là má kiệt sức rồi, má không thể nào tiếp tục làm người lánh nạn được nữa, ông bà

ngoại Nhuận tử tế, giúp đỡ gia đình chúng tôi, cho mấy em đi học, má biết ơn ông bà lắm. Nhưng gia đình tôi không thể sống nhờ ở đậu hoài như vậy. Dù trong hoàn cảnh nào chúng tôi cũng phải biết tự lập. Má không đi Hà Nội để tránh cảnh ăn nhờ ở đậu, sao mình lại ăn nhờ ở đậu ông bà ở đây? Vì vậy, má quyết định phải trở về Cần Thơ sống gần ông bà ngoại. Nếu hoàn cảnh bắt buộc, má sẽ phải đổi khai sanh của tụi tôi để bảo vệ ba.

Tôi nghĩ thầm trong bụng, ba ở tuốt ngoài Hà Nội với ông Hồ Chí Minh, ba ngon lành quá, sao mình lại bảo vệ ba? Ai ăn hiếp được ba, mà mình phải bảo vệ? Tôi không dám hỏi má, những đó là chuyện của người lớn, bảo vệ ba suốt đời rồi, ai mà dám chất vấn nữa.

Nói xong, má tôi khóc, hai chị em khóc theo. Tôi vội vàng nắm tay Hải Vân kéo ra sân. Tôi dẫn em

đi ra cửa sau. Nơi đây có một hầm mộ bỏ hoang, từ lâu không thấy ai tới thăm nom. Tôi ngồi sau lưng một cái cái mộ bia, rồi để mặc cho nước mắt trào ra. Hải Vân nhìn tôi một lúc, rồi hỏi:

- Chị có nhớ ba không?

Tôi giấu mặt vô hai đầu gối, im lặng. Hải Vân lại hỏi:
- Sao chị không trả lời em?

- Tại tao sợ!

- Sợ cái gì?

- Sợ khóc, má buồn.

Em tôi lấy tay chùi nước mắt, nói:

- Em hết nhớ ba rồi, tại ba xấu với má.

Hai chị em tôi ngồi bên nhau cạnh mấy nấm mộ hoang rất lâu nhưng chẳng nói với nhau một lời nào. Tê tái buồn, sẵn sàng khóc, một không dám nhịn. Tôi không dám trách em tôi, vì nó đã nói đúng. Đôi khi cũng như em, tôi cũng giận ba tôi.

***

Buổi chia tay với ông bà ngoại Nhuận không buồn thảm như đối với hai chị Kim, chị Cương. Má vẫn để hai chị ở lại chỗ cô Mỹ Ngọc để tiếp tục đi học. Nếu nghỉ hè, hai chị sẽ về nữ công.

Tôi có cảm tưởng, chuyến trở về Cần Thơ này, gia đình chúng tôi phải trốn chạy một nỗi đau khổ, mà rồi đây nó cũng đi qua sau lưng. Chúng tôi cần bà con ruột thịt để nâng đỡ lẫn nhau. Nhưng làm sao

chúng tôi quên được sự cưu mang, giúp đỡ của ông bà Nhuận. Ông bà đã dậy cho tôi bài học nhân ái, mà con người phải đối xử với nhau. Tôi không bao giờ quên được bài học quý giá này. Tình thương mà ông bà dành cho chúng tôi đã dậy chúng tôi về sự đoàn kết và chung thuỷ giữa những người cùng một chí hướng. Ông bà đã dẫn Hải Vân và tôi đến những nơi sang trọng của những người "ăn cơm quốc qia, thờ ma cộng sản".

Ông ngoại Nhuận qua đời vào năm 1972 sau một thời gian dài vật lộn với bịnh ung thư ruột già. Bà ngoại Nhuận ở một mình trong cái biệt thự rộng mênh mông đó, con trai của bà là kỹ sư Huỳnh Ngọc Châu; cậu làm việc cho hãng Esso, thường lui tới thăm bà, vào một ngày sau 30 tháng 4 năm 1975, tôi nghe tin cộng sản tịch thu biệt thự của ông bà ngoại Nhuận, đuổi bà ra khỏi nơi đã dung dưỡng bao nhiêu cán bộ cộng sản.

Chương 10

Trở về Bang Thạch, tôi thấy lòng thơ thái, thấy mình yên tâm, không còn lo sợ. Tôi vui chơi trong khu vườn rộng quen thuộc của ông bà ngoại. Tôi lại được nghe những tiếng cười giòn rã của chị em tôi, như những mùa hè trước. Má tôi làm việc ít hơn mọi năm, nên ông bà ngoại và dì Bảy lo hết cho chúng tôi, từ miếng cơm đến manh áo để má tôi lo chạy chữa cho Minh Tâm.

Ở nhà thương Cần Thơ, các bác sĩ đang thí nghiệm một phương pháp mới chữa cho những đứa trẻ bị bịnh tê liệt. Má tôi đem Minh Tâm đến đó, với nhiều hy vọng em trở lại bình thường, xong rồi má tôi cũng lại thất vọng, vì các bác sĩ đã bó tay.

Mùa thu năm đó, vườn của ông bà ngoại tôi được mùa, ông dành trọn số tiền bán cam, quít cho má tôi mua một căn nhà để lập lại sự nghiệp một lần nữa.

Hải Vân được đi theo má tôi ra Cần Thơ để tìm nhà. Má tìm được một căn ở Cầu Cá Dài trên đường Võ Tánh. Nhà nằm ở giữa đường đi từ trường nam và trường nữ tiểu học.
Một lần nữa, những người em họ của má tôi từ trong Bang Thạch ra, sửa nhà cho thành một tiệm may, gia đình chúng tôi ở bên trong. Cậu Khai, con ông Mười, khéo tay nên giành đóng cái kiếng để chưng các kiểu quần áo. Cậu Hai Định, con nuôi, con người bạn ông bà ngoại, cậu là ba của anh Ba Tuyền, đại tá không quân Nguyễn Hồng Tuyền, lên Sài gòn mua một người giả làm mẫu, có hình dạng

một phụ nữ phương Tây tóc vàng, mắt xanh thật đẹp.

Nhà sửa xong, má tôi cho tôi chọn mầu. Tôi đề nghị mầu đỏ, má không chịu, cho rằng mầu đỏ chỉ có thể sơn một cái ghế, hoặc cửa sổ, không ai sơn hết cái nhà mầu đỏ. Mợ Bích Loan thích mầu vàng. Chị Hoàng Mai lại đòi màu xanh lá mạ. Cuối cùng, má sơn mầu xanh da trời do chị Yến chọn. Chị nói: "Mầu xanh là mầu của hy vọng".
Tên tiệm thì má lấy tên tôi, "Nhà May Mỹ Dung", tôi bỗng trở thành "người lớn" dù tôi mới mười hai, mười ba.

Ngày "Nhà May Mỹ Dung" ở đường Võ Tánh khai trương có mặt ông bà ngoại tôi, các cậu con của ông Mười, các chị con của cậu Tư Diệp, con cậu Nam Sắc, mợ Bích Loan và cậu Hai Định.

Ngay ngày hôm sau, nhà may Mỹ Dung đã có bốn người ghi tên học may, và khách tới đặt may quần áo thật đông. Tôi thấy má hơi lo. Làm sao một mình má tôi quán xuyến được hết công việc! Quả nhiên, mấy tuần sau bà ngoại tôi ra chơi, bèn nói nhỏ với tôi:

- Má con ốm quá, bà lo!

Tôi nhận ra điều này từ lâu, những biết làm sao bây giờ. Tôi cố gắng làm tròn những việc má tôi sai khiến cũng đủ mệt rồi. Nào là tính sổ, kiểm kê đồ dùng trong tiệm; nào là mua chỉ, nút, giao hàng cho khách… Có ngày tôi đã phải đi bộ ba, bốn cây số. Nhưng cũng may là chỉ ít lâu sau má tôi mua cho tôi một chiếc xe đạp. Đó là phương tiện giúp công việc của tiệm trôi chảy đều đặn. Hết chỉ, tôi phóng

ngay xuống chợ vải, vào nhà lồng mua đem về ngay. Hết kim, chỉ mấy phút sau tôi đã có mặt ở tiệm của mấy chú Tầu bán dụng cụ cho tiệm may. Chiếc xe được việc cho tiệm may mà cũng "được việc" cho riêng tôi khi rảnh rỗi, tôi đi vòng quanh để biết phố xá ở Cần Thơ. Không lâu, tôi biết hết những hang cùng ngõ hẻm, từ xóm dưới lên xóm trên.

Rồi tới ngày tựu trường. Khi niên học mới sắp bắt đầu, tôi chợt lo lắng, vì chúng tôi sẽ vô học trường công. Muốn vô trường công, chúng tôi phải có khai sanh. Nếu chúng tôi nộp khai sanh thật cho nhà trường, thì sẽ lộ diện với các giới chức trong tỉnh. Lý lịch của chúng tôi mà bị lộ, thì chuyện gì sẽ xảy ra cho chúng tôi nữa đây? Bây giờ đã tới lúc má tôi không thể trù hoãn việc làm lại khai sanh mới cho

chúng tôi. Sở dĩ má chần trừ vì bà không muốn bỏ tên ba tôi ra khỏi cuộc đời của con cái bà.

Má tôi đành phải đến gặp một ông chánh án ở Cần Thế là bạn học cũ của cậu Tư Diệp ở trường Bassac. Ông khuyên má tôi làm giấy "thế vi khai sanh" cho chúng tôi, bỏ họ cha lấy họ mẹ và cha thì khai "vô danh".

Hai chữ "vô danh" làm tôi trằn trọc suốt đêm hôm trước. Tô cảm thấy vừa mắc cỡ vừa cô đơn. Trong khi đó, Hải Vân, em trai coi giấy thế vi khai sanh chỉ là một tấm giấy lộn để qua mặt giới chức nhà nước. Nó là con trai, nên cứng rắn và thực tế, có thể bất chấp một vài đổi thay trên giấy tờ. Còn tôi, lòng xót xa, buồn tủi. Rõ ràng tôi có cha, có mẹ, bây giờ thành đứa bé không cha. Tôi thương cái thân tôi, rồi tôi thương cho ba má tôi nữa.

Buổi ra toà thật mau lẹ, chỉ có mười phút là xong. Má tôi, ông toà, đưa tay lên thề, là bà nói "thật" là chồng bà "mất tích". Rồi từ đó, con của ông Đặng Văn Quang đã trở thành đứa bé không cha. Để cho sự thay đổi được trọn vẹn, họ tên chúng tôi cũng không được giữ nguyên vẹn như cũ. Hải Vân trở thành Trần Văn Vân và Đặng Mỹ Dung là Trần Ngọc Dung. Chỉ có Hoà Bình và Minh Tâm vẫn được giữ nguyên.

Buổi sáng hôm ấy, như để đền bù cho sự mất mát to lớn đó, chúng tôi có thêm hai người chị. Má tôi chánh thức làm khai sinh để chị Thuận và chị Thảo làm con của má.

Kể từ ngày ba tôi ra đi, tôi biết rằng cuộc đời chúng tôi không thể nào bằng người ta được, vì một mình

má tôi, có cố gắng lắm chỉ đủ sức lo cho chúng tôi khỏi đói, khỏi rách mà thôi, trong thâm tâm, chúng tôi vẫn ngầm hãnh diện, vì ra đời trong một gia đình ái quốc, có cha đi làm cách mạng rồi. Nhưng rồi, khi chúng tôi phải thay họ đổi tên, niềm hãnh diện biến mất. Là những đứa con không cha, thì còn hãnh diện ở chỗ nào? Thỉnh thoảng, để tự an ủi, tôi thầm nhắc đi nhắc lại của Hải Vân: “Đó chỉ là những tấm giấy lộn để qua mặt giới chức”.

Tôi biết rằng nếu không có những “tờ giấy lộn” ấy, chúng tôi không thể vô học trường công được. Thôi thì đành phải chấp nhận, vì hoàn cảnh bắt buộc phải như vậy, nếu chúng tôi muốn yên thân.

Chương 11

Bấy giờ trong gia đình có thêm chị Thảo, chị Thuận, tôi khắp khởi mừng thầm là sẽ có thêm người giúp tôi lo việc nhà. Nhưng rồi tôi thất vọng ngay vì mà nói hai chị làm con má để có giấy tờ đi học, chớ không phải làm khai sanh con của má để gánh việc vặt trong nhà. Hai chị mồ côi cả cha lẫn mẹ. Ba của anh chị là là anh ruột của má. Má tôi thương yêu hai chị qua tình yêu của anh má. Má tôi bắt chúng tôi phải thương yêu hai chị như chị ruột, phải nhường nhịn và phải nghe lời hai chị. Mỗi chị có cá tính. Chị Thảo là người cứng rắn, cương quyết, bướng bỉnh. Một mặt chị rất hiếu thảo với ông bà nội, một mặt chị lén liên lạc với những người ở trong mật khu Việt Cộng. Ngược lại. Thuận yếu đuối, nhút nhát và rụt rè.

Tựu trường, Hải Vân và anh Quốc được học trường nam Tiểu học. Chị Yvonne, chị Thảo, chị Thuận. Hoà Bình, Minh Hoàng con gái lớn của chị Yến và tôi cùng học trường nữ học ở đại lộ Hoà Bình. Chị Thuận và tôi học chung lớp nhì, cô giáo của chúng tôi là cô Xuân Phương. Cái duyên từ đâu không biết, trong lớp có hơn 50 học trò, nhưng cô Xuân Phuong coi tôi làm học trò cưng của cô. Chỉ có học sinh Cần Thơ mới có danh dự được làm học trò cưng của thầy hoặc cô.

Cô Xuân Phương không có chồng; cô ở chung với ba má và mấy người em, người cháu. Nhà cô ở bên kia đường Hoà Bình, đối điện với trường nữ tiểu học. Đó là một ngôi nhà xinh đẹp, trước nhà có trồng kiểng, có giàn hoa bông giấy tím. Sân lót gach Tàu, được người làm săn sóc vén khéo, sạch sẽ. Mỗi ngày đi học, tôi phải ghé nhà có Xuân

Phương để mang sổ điểm, bình mực tím và cây viết lá tre của cô tới trường. Sáng nào tới sớm, tôi thấy cô mặc áo mầu tím, tụng kinh vừa xong. Gia đình cô là Phật tử trong hội Phật học. Nhiều lần cô mời tôi vào hội, nhưng tôi đều từ chối, vì không có thì giờ. Đi học về, tôi còn phải giúp má tôi việc nhà, và lo cho tiệm may. Đến năm 2001 bạn học cùng trường cho biết, sau 30-4-1975 mọi người mới rõ cô Xuân Phương là cô Ba Phương, đảng viên cao cấp của cộng sản.

Vì tôi là học trò cưng của cô giáo, được giữ sổ điểm điểm, bạn bè thường nài nỉ tôi cho coi điểm. Tôi cũng muốn chiều bạn, nhưng lại sợ làm mất lòng tin của cô, nên đành phải từ chối, mà từ chối thì mất bạn. Mất bạn thì mất, nhưng không thể mất lòng tin.

Những gì trường dậy hay, tôi biên vô cuốn tập riêng để thực hành. Không có ba thì có trường, có cô giáo; tôi nghĩ như vậy.

Tôi gõ từng chữ trong cuốn tập "Học làm người":

Không phá của công:
Không xả ngoài đường;
Phải nhường ghế cho người già, đàn bà có thai trên xe đò;
Dắt em bé hay cụ già qua đường;
Phải dừng lại dỡ nón chào khi xe tang đi qua;
Không gian lận.

Tôi thường phạm một tội trong bài học quý giá này, đó là bẻ cành bẻ cảnh của người ta. Tôi nhớ hoài nụ cười chất phác, thiệt thà của những người lớn tuổi, cười với tôi khi tôi nhường ghế cho họ. Tôi dỡ nón

dừng lại chào xe tang đi qua trong khi những người lớn hơn tôi họ vô tình bước đi nhanh nhẹn; tôi thầm biết ơn trường Nữ Tiểu học.

Hồi còn học ở Sài gòn, mỗi lần đến trường, Hoà Bình khóc. Bấy giờ thì nó thích trường này lắm, vì có nhiều hàng quà dưới tầng Ô Môi ở sân trường. Cứ giờ ra chơi là nó và Minh Hoàng ra mua quà. Chị Thảo học lớp nhì; cô giáo của chị là cô Hiếu Đức, thầy giáo là Lưu Khôn, giám học trường trung học Phan Thanh Giản, vì lớn nhứt nhà, nên má giao cho chị việc dẫn các em tới trường. Mỗi lần qua đường, qua lộ, chúng tôi phải nắm tay đi theo chị cho an toàn.

Cho đến nay, tôi vẫn chưa quên cái cảm giác khi tôi viết tên tôi lên cuốn tập mới đầu tiên. Cái tên Trần Ngọc Dung lạ hoắc đối với tôi. Nắn nót viết xong,

tôi nhìn đi nhìn lại mà không sao quen được với cái tên đó, đủ rằng họ Trần là họ của ông ngoại, chớ phải của ai xa lạ đâu. Nlung tôi vẫn nhớ họ Đặng của ba tôi. Mấy ngày sau, tôi mới quen dần với cái họ mới, tên mới.

Tôi là trưởng lớp nên thường lên văn phòng của hiệu trưởng để nhận thông cáo, rồi cùng mấy trò khác đi phân phát cho các lớp. Một hôm, tôi tới văn phòng hiệu trưởng vào lúc không có bà ở đó, nhưng lại gặp một bà khác. Tôi nhận ngay ra bà là người quen cũ mà tôi đã từng gặp ở Bang Thạch. Bà có người thân theo Việt Cộng. Sau khi nhận ra người quen, tôi đến khoanh tay chào bà: “Thưa dì Ba!”. Bà giật mình nhìn tôi kéo ghế ra xa, rồi hỏi: “Con nhà ai đây? Làm sao biết tôi?”. Tôi đáp ngay: “Con có gặp dì trong Bang Thạch khi dì ghé thăm ông ngoại, bà ngoại của con”. Bà có vẻ hốt hoảng,

mặt sa sầm xuống rồi hỏi nhỏ: “Mày là con của ai?”. Tôi ngây thơ, cứ tưởng bà là người cùng phe với mình, nên nhanh nhảu đáp: “Ba con là Đặng Văn Quang”. Mặt bà bỗng tái hẳn đi, rồi lạnh lùng nói: “Nè, mình chưa quen nhau, chưa từng gặp nhau ngoài cái trường này, hiểu chưa?”.

Tôi vừa mắc cỡ, vừa cảm thấy nhục nhã quá. Chắc bà tưởng tôi “thấy người ta làm quan, bắt quàng làm họ”. Tôi chỉ muốn chạy ra khỏi văn phòng, nhưng không hiểu sao tôi vẫn đứng chôn chân ở đó, rồi nuốt nước miếng đáp: “Thưa bà, con không hiểu ý bà”. Tôi nhớ, nhớ hoài suốt hai năm học ở đó. Tôi vẫn làm trưởng lớp, vẫn phải lên văn phòng hiệu trưởng, nhưng cố tránh né bà Ba Thông.

Tôi không dám kể lại cho má tôi nghe chuyện bà Ba Thông, sợ má đau lòng cho con. Những khi về

Bang Thạch, tôi đã kể lại cho dì Bảy nghe. Dì khuyên tôi hãy quên chuyện bà Ba Thông đi, vì mỗi người có một hoàn cảnh riêng, em của bà đi tập kết, mà bà thì làm việc cho Bộ giáo dục của Quốc gia, nếu công an biết được thì khổ thân bà, như công an đã biết về má tôi. Hãy thông cảm cho bà. Tôi biết dì tôi là người có tính vị tha, nên sẵn sàng tha thứ mọi lỗi lầm của người khác.

Buổi trưa hôm đó, dì Bảy ôm tôi vào lòng khi chúng tôi ngồi trên bờ đê. Gió hây hây nhẹ, lùa vào tóc tôi như sóng lướt trên luống mạ non giữa cánh đông bát ngát. Cảnh đẹp trước mặt làm tôi yêu Bang Thạch quá. Tôi ao ước tôi cứ nhỏ bé như vậy, để không phải rời xa khu vườn của ông bà ngoại. Nhưng thực tế bao giờ cũng khác hẳn với mộng mơ, tôi cứ phải lớn lên, phải đối phó với mọi chuyện phũ phàng trước c mặt. Nếu mà tôi vững

tinh thần như Hải Vân thì cũng đỡ khổ phần nào. Em thường khuyên tôi nên bỏ qua những cái "lặt vặt" để sống vui. "Hoàn cảnh đem cái buồn tới cho mình, chớ nó không phải là mình; biết bao nhiêu người tử tế, dìu dắt mình từ ngày ba bỏ mình giữa đường". Em là một đứa con nít rất thông minh và rất thực tế, khôn trước tuổi, em rất ít khi nhắc tới ba tôi. Tôi không rõ sự vắng mặt của ba tôi có để lại vết thương gì trong lòng em từ khi còn nhỏ, tôi cũng ý thức được rằng đời người có nhiều biến đổi, như con sông có lúc nước lớn, nước ròng. Rồi tôi sẽ lớn, trở thành một người đàn bà, phải gánh vác việc đời, sẽ đương đầu với những khó khăn như má, có những lúc gặp hên có khi bị xui. Nhưng tôi thầm cầu xin, tôi sẽ không bị cô đơn như má tôi, và tôi cũng mong ước được ở mãi ở hoài trong Bang Thạch, rồi lâu lâu ra chợ Cần Thơ chơi như ông ngoại bà ngoại thì sướng biết bao nhiêu. Bang

Thạch, một nơi cho tôi sống bình an. Những trên thực tế. Bang Thạch dần dần mất an ninh. Tôi đã thấy có mặt của những cán bộ Việt Cộng khi tôi về chơi. Họ len lỏi trong vườn của ông bà ngoại tôi càng ngày nhiều. Họ lấy nơi đây làm địa điểm liên lạc với những người làm công tác thành. Họ là những cán bộ tuyên truyền, tình báo, phá hoại và khủng bố. Họ đã tổ chức bắt cóc thầy giáo, cô giáo từ quê xuống dậy trường làng. Họ cũng âm mưu ám sát các viên chức phe Quốc gia. Mấy chị bà con của tôi và dì Bảy Nhãn đã nhận nhiều mật lệnh của Việt Cộng. Họ giấu cán bộ trong mấy cái chòi, và ngay cả trong nhà ông bà tôi. Họ bắt mọi người, con nít, phải nói dối để che giấu cán bộ. Chính tôi, vào một buổi trưa chúa nhựt, đã phải nói dối một anh lính Quốc gia khi anh tới sân nhà ông bà tôi. Trong vườn ai cũng sợ lính, vậy mà trưa hôm đó tôi phải vui vẻ nói rằng anh là người là đầu tiên tới nhà

tôi. Bỗng dưng tôi cảm thấy buồn một cách lạ lùng. Tôi xấu hổ vì đã biết nói dối như Việt Cộng. Anh lính còn trẻ lắm, có thể là hai mươi. Anh xin tôi chở quá giang xuồng qua sông, tôi bằng lòng ngay. Đã vậy, tôi còn chạy vô nhà lấy một cái bánh tét cho anh. Tôi có hành động này, là chỉ muốn cho lương tâm mình đỡ bị cắn rứt phần nào.

Tất cả những người trong vườn của đại gia đình tôi đều dính líu với Việt Cộng, trừ ông bà ngoại. Chị Thảo và chị Yvonne dặn tôi không nên cho ông bà ngoại và má tôi biết những hoạt động ngấm ngầm của Việt Cộng ngày tại khu đất của ông bà. Nhưng bí mật nào cũng không thể giữ lâu được. Quân đội quốc gia đã bắt đầu nghi ngờ. Họ tuần tiễu nhiều hơn và không còn tử tế với gia đình tôi nữa. Họ lấy đồ ăn hoặc bắt gà vịt công khai. Nếu không kịp rượt gà vịt, thì lấy súng bắn chết một cách ngang

nhiên. Họ bất chấp cả những lời khiếu nại của bà tôi. Rõ ràng họ muốn dùng súng để hăm doạ, dằn mặt gia đình tôi. Họ coi tất cả những người ở đây đều là những người đáng nghi.

Một hôm, Hải Vân, Hoà Bình và tôi về thăm ông bà ngoại. Chúng tôi vừa xuống xe Lambrerta ngay cây cầu ván để vào nhà, thì một toán lính Quốc gia đi tới. Hai người lính chĩa súng thẳng vào ngực chị em tôi, một người khác lên cò lách cách. Tiếng thép va chạm nhau làm tay chân tôi sợ rã rời. Hoà Bình vừa klóc thút thít vừa ôm chân tôi cứng ngắc. Tôi nhìn nòng súng và gương mặt của người cầm súng, có cùng một mầu đen tối, lạnh lùng nhưng đầy quyền lực. Hai đầu gối của tôi run lên bần bật, làm tôi muốn té. Nhưng tôi phải thu hết can đảm nói với anh lính cầm súng:

- Tụi em đi thăm ông ngoại bà ngoại, mấy anh muốn đi chơi không?

Mặt người lính vẫn lạnh như nòng súng, rồi ra lịnh:

- Để cái giỏ xuống đất cho tao coi.

Tôi vội vàng đổ tất cả đồ trong cái giỏ này xuống cỏ, có một ổ bánh mì cho ông ngoại, một gói xá-xíu và mấy cái bánh ú nước tro cho bà ngoại, và một tờ báo cho dì Bảy. Người lĩnh chĩa súng vô Hải Vân, bước lại xét mấy món đồ dưới đất. Anh lấy tờ báo liệng từ tung, rồi lấy mũi súng mà vít qua vít lại miếng thịt xa-xíu. Hải Vân đưa tay chặn người lính, khi thấy anh vừa lấy giầy đinh đạp lên mấy cái bánh ú nước tro, nhưng tôi gạt tay em ra. Rồi một người lính khác khoát tay đuổi chị em tôi đi. Chị em tôi mau mau nắm tay nhau lính quýnh đi về

phía nhà ông bà ngoại. Tiếng cười khả ố của họ còn đuổi theo chúng tôi. Cho tới lúc chúng tôi không còn nghe thấy gì nữa, mới biết mình còn sống. Hoà Bình sợ quá, không đi nổi, Hải Vân và tôi thay phiên nhau cõng em cho tới ranh của ông bà.

Bà ngoại tôi có cất một cái miễu thờ ông Thổ Thần nơi giáp với đất của dượng Ba Đậu trong xóm. Đến trước miễu, tôi khấn vái cám ơn ông Thổ Thần đã che chở chị em tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn thờ kính ông Thổ Thần.

Chương 12

Năm 1958, tôi học lớp nhứt ở trường Nữ Tiểu học. Cô giáo của tôi là cô Nguyễn Thị Hoa, người Bắc. Có có mái tóc dài đen mượt, nước da cô ngăm đen. Cô đẹp, khả ái và đặc biệt rất quý học trò của cô.

So với cô Xuân Phương, cô Hoa dễ tánh hơn. Ngày cô lấy chồng, chúng tôi tò mò hỏi dò mấy đứa bạn có chị em bạn của cô Hoa, thì được biết người đã lọt mắt xanh của cô là một ông phi công. Nhưng cô chưa vui được lâu. Một hôm, chúng tôi đã thấy cô khóc nức nở vào giờ ra chơi. Tin sét đánh là chồng cô đã tử trận. Rồi từ đó, mỗi lần máy bay trực thăng bay ngang trời, cô quay mặt vô vách. Chúng tôi thấy vậy đều giữ im lặng như muốn tôn trọng nỗi đau khổ của cô. Hôm nào có nhiều máy bay, cô ra sân đứng, không cho chúng tôi thấy cô khóc. Từ đó cho tới cuối niên học, cả lớp bỗng trở nên ngoan ngoãn, không đứa nào dám làm cô phật ý. Không biết cô có hiểu chúng tôi làm như để chia buồn cùng cô không?

Năm đó là năm cuối cùng của bậc tiểu học, nên tôi rất chăm chỉ để sửa soạn thì vô trường trung học Phan Thanh Giản, năm đó cũng là năm gia đình tôi nhận được một tin quan trọng. Lần đầu tiên trong năm năm, chúng tôi được tin của ba tôi, người đàn ông lạ mặt đến tìm má tôi với mật khẩu chỉ riêng má tôi biết thôi. Ông tự giới thiệu: "Hai Lồi kêu tôi tới gặp chị!". Vừa nghe nói đến "Hai Lồi", má tôi giựt mình. "Hai Lồi" tên lóng của anh Khôi, vì lúc nhỏ anh bị lồi rún. Sau khi nói mật khẩu, sứ giả bí mật cho biết ba tôi muốn gặp má tôi ở Nam Vang. Ông ta cũng chỉ dẫn mọi đường đi nước bước để má có thể đến chỗ hẹn an toàn. Ông còn dặn thêm là má tôi phải đến đúng hẹn vì ba tôi không thể cho lâu được. Nghe tin này, đứa nào cũng muốn đi gặp ba. Những tiền đâu mà dẫn hết đám con nít đi Nam Vang. Đường đi từ Cần Thơ lên Nam Vang trong thời ấy rất nguy hiểm, má tôi cho biết, nếu đi cả

nhà, lúc về sẽ không còn tiền để làm ăn nữa, phải bắt đầu lại từ con số không. Riêng tôi, tôi rất muốn gặp ba bằng xương bằng thịt, cho nên sẵn sàng chấp nhận con số không. Tôi thầm sửa soạn tinh thần để đi gặp ba.

Vì là một việc quá quan trọng, má tôi phải về Bang Thạch nói với ông bà ngoại và dì Bảy trước khi quyết định. Khi má trở về Cần Thơ, sự việc đã đổi khác. Mấy ngày sau, má cho biết mọi người khuyên nên để một hay hai đứa ở lại trông cửa tiệm, trong số có tôi. Tôi biết đo ni tấc cho khách hàng. Hải Vân cũng phải ở lại vì sợ phiền chủ nhà trên Nam Vang nếu có đông người tới, nhưng điều quan trọng hơn hết là sợ Công an để ý, nếu đóng tiệm may nhiều ngày. Trong thời gian này có nhiều vợ con của những tập kết cũng kéo nhau vô bưng để gặp chồng con họ. Một người đàn bà có người anh

rể làm cảnh sát ở Cần Thơ đi thăm chồng ở vùng Cả Mau, rồi mang bầu. Khi bụng đội áo, bà bị công an kêu lên điều tra. Để giữ bí mật cho Việt Cộng và cho chính chồng mình, bà phải nói dối là bà làm bé một người có chức vụ trong tỉnh. Bà năn nỉ nhà cầm quyền đừng lôi xấu xa này ra ánh sáng để bảo vệ đứa con gái lớn của bà, cảnh sát công an mắc mưu nên bỏ qua.

Đất nước chìm trong khói súng. Hoàn cảnh trở nên phức tạp trong đời sống của người dân. Nguyên tắc đạo đức của con người bị đe doạ, nhân cách không được tôn trọng; phải tuỳ cơ ứng biến, tôi sợ lắm. Cứ sợ nhân-nghĩa-lễ-trí-tín rồi cũng đi theo cái đà ấy, làm cho dân tộc mình mất gốc. Nơi tôi ở, đi qua khỏi đường Cầu Ông Cả Đài, sâu bên trong có một con sông. Đi dọc bên bờ sông có thể tới Bến Xe Mới. Trên đường đi, có mấy cây cầu tre, cầu ván

mà tôi thường ra đó một mình, ngồi thõng chân xuống nước để nhớ về Ong Vèo, Ba Ngọn. Kim Qui, những mật khu kháng chiến. Không biết còn di tích nào của ba tôi ở những nơi đó không, nhưng tôi đi đâu những nơi này cũng đi theo tôi tới đó, nơi đào tạo người ái quốc. Tôi nhìn bóng tôi trong dòng nước chảy lờ đờ, rồi nghĩ tới những mất mát của cuộc đời mình trong cuộc chiến, ví như nước chảy qua cầu, không biết mấy ai ngồi ôn lại để nhớ, để ghi, cho con cháu sau này đừng mắc mưu Cộng sản.

Má tôi nhờ một người bạn gái thân tín thỉnh thoảng tới thăm nom chúng tôi, trong khi bà phải "lên Sài gòn thăm bà ngoại chân đang đau". Sự việc xảy ra trong chớp nhoáng. Má dẫn Hoà Bình và Minh Tâm theo cho ba biết mặt Minh Tâm; ba cưng Hoà Bình lắm, nên má đem em theo. Tôi và Hải Vân ở

lại nhiệm vụ tới nhà cậu Hai, con cô Chức, chụp hình năm chị em tôi để má đem lên Nam Vang cho ba biết Hải Vân và tôi đã lớn. Tiếc là không kịp chụp hình hai chị Kim, Cương vì hai chị học trên Sài gòn. Khi má tôi đi được mấy ngày, tôi mới nghĩ tới việc viết thơ hoặc mua quà biếu ba tôi. Tôi tự trách tôi vô tình, ngu quá! Hải Vân an ủi tôi là quà cáp không quan trọng đối với ba tôi đâu. Em nhắc tôi nhớ lại hồi còn ở "vùng giải phóng" ba không thích những đồ từ ngoài thành gởi vô, mà ông cho đó là đồ "xa xỉ phẩm".

Không được theo má đi gặp ba, hai chị em tôi buồn vô cùng. Để phản ứng lại chuyện bị "bỏ rơi", chúng tôi mưu toan sẽ bỏ mọi luật lệ, sẽ rủ nhau ngày thì đi chơi cho đã, nhưng không dám trốn học, tối thì thức thật khuya… Mấy chị học trò của má dù ở chung nhà cũng không có quyền rầy la chúng tôi…

Nhưng sao, cứ tan học là hai chị em về nhà ngay. Học bài xong, chúng tôi dọn dẹp cửa tiệm, nhà cửa cho sạch sẽ. Hải Vân con tháo mấy bàn máy may, chùi sạch, cho dầu giùm mấy chị học trò của má. Chiều tối, cả hai đứa đều ru rú ở trong nhà, bạn tới rủ cũng không đi. Mấy chị học trò lấy làm lạ khi thấy chúng tôi không đi chơi. Vì vậy, một chị nói: "Cô Tám nên đi vắng thường hơn; mấy bữa này hai đứa này hiền như cục bột!".

Rồi cũng tới ngày má tôi trở về. Bà buồn bã, thất vọng như chim gẫy cánh. Bà không được gặp ba tôi. Má tôi kể rằng khi lên tới Nam Vang, bà được vợ một đồng chí của ba tôi ân cần đón về nhà bà ấy. Hai ngày sau bà dẫn má tôi tới một bờ sông thật xa, lên một chiếc ghe có mui đã có ai chất mấy buồng chuối Xiêm sẵn đó rồi. Hai bà giả trang là

hai bà bán chuối. Bà ấy làm theo chỉ dẫn của liên lạc viên, cứ giả dạng chèo trên sông bán chuối. Ghe của ba tôi sẽ tìm họ, sẽ nhận ra họ. Nhưng không thấy ba tôi đâu hết; cũng không có ai tới nhận diện hai bà để nhắn nhủ câu nào. Má tôi và bà bạn đi tìm nhiều ngày như vậy, sáng đi tối về rồi cũng đành thất vọng mà bỏ cuộc. Má tôi buồn bã dắt hai con trở về Cần Thơ, sau khi đưa mấy tấm hình của chúng tôi cho bà bạn chuyển giùm nếu gặp được ba tôi.

Mười tám năm sau, khi ba má tôi gặp nhau ở London, má nhắc chuyến đi mạo hiểm lên Nam Vang và hỏi sao ba không đến chỗ hẹn gặp má, ba mới cho biết rằng năm 1954 dù nói là đi ra Bắc, nhưng ông vẫn ở trong Nam. Đến năm 1958, ông mới được lịnh ra Bắc thật sự. Ông muốn trước khi ra Hà Nội, ghé, rước má và sáu đứa con ra Bắc với

ông, nên nhắn cả gia đình lên Nam Vang. Nhưng không may, dự định của ông bị tình báo phe quốc gia phát giác, cho nên ông và các đồng chí phải đưa ba tôi đi đường khác ra Hà Nội. Má tôi lắc đầu nói: "Trời ơi, chớ không thì mẹ con tôi đứa thì bị đầy vô rừng sâu nước độc, đứa bị đi chống Mỹ cứu nước chết hết rồi!".

Bà dành thì giờ cho con cái ăn học đến nơi đến chốn. Một việc mà má không chịu bỏ cuộc, là phải tìm thầy chữa bịnh cho Minh Tâm. Cứ nghe ai chỉ có thầy hay, dù xa xôi đến mấy bà cũng bồng em đến đó. Lần ông ngoại ra thăm chúng tôi. Ông nói: "Tụi cháu có chết đi sống lại mấy kiếp cũng không làm sao trả ơn má cháu nổi. Kiếp này ráng mà hiếu thảo với má".

Chị Thảo không thích việc may vá, vì chị không kiên nhẫn, mà cũng không khéo tay. Đơm một cái nút áo mà chị còn làm rối chỉ thì làm sao trở thành một thợ may được. Thường thường, cuối tuần chị về vườn săn sóc ông bà. Ngoài tình yêu dành cho ông bà nội và miếng vườn, chị còn một tình yêu khác. Vì vậy chị nói dối cả má lẫn ông bà. Với má, chị xin phép về vườn đến chúa nhựt sẽ trở ra Cần Thơ để đi học. Nhưng với ông bà, chị nói phải ra Cần Thơ sáng chúa nhựt để học bài.

Từ má tôi tới ông bà đều không ai biết sự thật về chị Thảo. Chị có trọn một ngày chúa nhựt hoàn toàn tự do. Chị dành ngày đó cho tình yêu thầm lén của chị. Tình yêu đó là những hoạt động của Việt Cộng. Chị Thảo được các cán bộ cộng sản huấn luyện để làm công tác học sinh, sinh viên. Một hôm, Hải Vân nói với tôi "Óc của chị Thảo bị rửa

bằng xà bông Liên Xô rồi”. Chúng tôi đều biết chị đi đâu và làm gì, nhưng chúng tôi không dám cho người lớn biết. Bịnh của chị Thảo là một thứ bịnh không có thuốc chữa, dù ông bà ngoại và má tôi có biết, cũng không thể thay đổi được chị, chỉ thêm đau buồn vì thất vọng thôi.

Khác với các học trò lớp Nhứt bình thường, chị Thảo không muốn thi đậu để vô trường Phan Thanh Giản, vì Việt Cộng không cho phép. Họ sợ chị bị công an để ý theo dõi nếu học trường công. Chị vẫn đi thi nhưng cố tình làm cho mình rớt. Thật ra, là người thông minh, học rất giỏi. Bà ngoại tôi, vì muốn các cháu gái cũng được học hành đến nơi đến chốn như các cháu trai, sẵn sàng trả học phí trường tư cho chị. Việt Cộng muốn chị học Anh văn là sinh ngữ chánh, để sau này có thể giúp đỡ nhiều “cách mạng”.

Rồi chị Thảo bắt đầu nói đến “Mỹ-Diệm” với một giọng hằn học, đầy hận thù. Mỗi thứ hai, trong lúc mọi người ngồi quanh bàn tròn dưới bếp để học bài, thì chị thao thao bất tuyệt kể tội lỗi của “đế quốc Mỹ”. Những danh từ chị dùng cũng mới lạ đối với chúng tôi. Đó là kết quả của ngày hôm qua, chúa nhựt, khi chị họp với các cán bộ Việt Cộng.

Đã nhiều lần chị Thảo rủ tôi đi theo chị để gặp những cán bộ lớn tuổi đời, tuổi đảng. Nhưng lần nào tôi cũng trả lời chị một câu quen thuộc: “Mấy ông Cha bên đạo Thiên Chúa dụ em đi nhà thờ ngày chúa nhựt để được lên thiên đàng em còn từ chối: đâu có ngu mà đi xuống địa ngục với Việt Cộng”. Chị không giận, chỉ cười, rồi tuần sau lại rủ nữa, và tôi cũng trả lời y như trước.

Nhưng rồi có một hôm tôi đã nghe lời chị, vì chị dụ tôi rằng: “Nếu em giúp chị việc này, ba mà biết được ba vui lắm”. Thế là tôi nghe bùi tai, đi theo chị. Hôm ấy nhằm buổi sáng chúa nhựt chị sửa soạn ra Cần Thơ trước bọn chúng tôi, để “học bài” như chị nói với ông ngoại bà ngoại. Tôi theo chị ra Cần Thơ sớm. Lúc đầu, chị và tôi đi xe đò, nhưng chưa tới Cái Tắc chị đã đòi xuống ngang giữa đường, để đứng bên đường chờ xe khác. Rồi đi gần tới Cái Răng chị lại xuống xe một lần nữa, và lại đứng bên đường đón xe khác. Chị không đón xe đò dù có xe vừa đi qua. Lần này chị bắt tôi phải chờ xe Lam, lên xe Lam ngồi, tôi giận chị lắm, không thèm nói chuyện với chị nữa. Hồi nhỏ, tôi nghĩ cách đối xử tàn nhẫn nhứt, là khi giận không nói chuyện với nhau. Xe Lam vừa chật chội vừa chạy chậm rì rì. Tôi bắt đầu cằn nhằn: “Chị làm mất hết ngày giờ của em. Nếu mình đi xe đò thì mình tới

lâu rồi”. Chị không nói gì mà chỉ lấy cùi chỏ thúc vô hông tôi, bắt tôi im lặng. Khi đến giữa khoảng từ cầu Rạch Ngỗng đến cầu Tham Tướng, tôi thấy chị có vẻ lo sợ, ngồi không yên trên băng xe chật cứng, động đậy hoài. Xe bị kẹt một đoạn thật sự. Tôi không biết là có tai nạn xe, hay cảnh sát công an xét thẻ căn cước, thẻ học sinh. Cũng có thể quân cảnh xét lính. Tôi biết rõ hai chục cây số của con đường này, còn rành hơn biết người cha của tôi đi theo Việt Cộng. Lúc xe Lam ngưng lại, tắt máy, chị Thảo biểu tôi đi bộ lên coi chuyện gì mà bị kẹt cứng ở đó. Tôi nghe lời chị đi quan sát; lúc trở lại tôi cho chị hay là công an, cảnh sát, quân cảnh, hiến binh, có người mặc thường phục, có người quân phục, đang xét giấy ở phía trước. Nghe nói vậy, chị Thảo vội đưa cái cặp da của chị cho tôi giữ, cầm cái túi vải, rời xe, đi băng qua đường, mất dạng sau hàng tre trên bờ đê. Bà già ngồi trước mặt

chúng tôi lấy khăn chùi cổ trầu quanh miệng, rồi nói: “Chờ giọng này có nước đái trong quần; con nhỏ này khôn, đi trước cho rồi”.

Khi người tài xế cho xe nổ máy rồi từ từ chạy theo xe trước, nhìn quanh để tìm chị Thảo, nhưng không thấy chị đâu. Một lúc lâu, tôi thấy một bóng người quen quen đứng bên kia đường. Nhìn kỹ, tôi nhận ra chị Thảo. Chị Thảo bấy giờ không giống chị Thảo hồ sáng. Chị bỏ guốc, đi chân không, bộ quần áo cũ mèm thay cho bộ đồ sạch sẽ. Mái tóc thề của chị bị cắt cụt ngủn, như một bà xẩm bán hẹ. Chị băng qua đường, đến bên tài xế để trả tiền xe đi Cần Thơ, dù hồi nẫy chị đã trả rồi. Chị không nhìn tôi. Tôi không dám nhận chị. Chị không trở lại chỗ ngồi cũ bên cạnh tôi, mà tới ngồi ghế phía trong, cạnh một người đàn ông nhà quê. Hình dáng của chị thay đổi, cử chỉ cũng khác thường. Chị gãi đầu

hoài, như đầu chị bị chí cắn. Hết gãi đầu, chị lại bẻ mấy lóng tay kêu lóc cóc. Chị còn móc lỗ mũi nữa. Thấy chị làm, tôi nói thầm: "Người này không phải chị Thảo!" Má tôi cấm ngặt việc móc lỗ mũi nơi công cộng. Tôi đoán ngay là chị đóng kịch để che mắt mọi người, tôi thầm phục chị lanh trí, và đóng kịch hay hơn cô Kim Cương. Sau khi Quân cảnh và cảnh sát kiểm soát giấy tờ của hành khách, một người mặc thường phục đưa ra ba tấm hình, hỏi tài xế có bao giờ gặp ba người trong hình không? Tôi nghển cổ lên nhìn, nhận ra một hình của chị Yvonne, giống như hình trong thẻ học sinh của chị. Tôi sợ điếng lên. Khi một người mặc thường phục khác xét cái cặp da của Thảo tôi đang ôm khư khư, tôi nín thở mở cặp ra. Bên trong chỉ có một cuốn từ điển Anh-Việt, ông lấy ngón tay cái lật một cái rù, rồi thấy không có gì ngoài mấy trăm trang từ

điển, ông trả cuốn từ điển lại cho tôi. Tôi hoàn hồn khi chiếc xe Lam từ từ lăn bánh.

Chúng tôi xuống xe ở góc đại lộ Hoà Bình và Ngô Quyền. Tôi giận chị Thảo quá nên ráng đi lẹ hơn chị cho hả giận. Cứ đi như vậy mà trong bụng tôi tức cành hông. Đến khi chúng tôi băng qua lộ để về cầu Cả Đài, chị Thảo mới lên tiếng:

- Hồi nãy chị vái cho em đừng nói chuyện với chị, hỏi chị trong ruộng trở ra. Em nín thinh, chị mừng quá.

Tôi nói:
- Em không biết ai phù hộ cho chị bữa nay?

Chị chỉ cười, im lặng. Tôi nói:

- Hồi nãy em thấy hình chị Yvonne.

- Đừng lo, chỉ ra ngoài chợ trước mình rồi!

- Còn phần chị? - Tôi lo sợ hỏi.

- Hổng biết… đừng lo.

Tôi nhìn đầu chị, doạ:

- Ông ngoại không cho tụi mình cắt tóc cụt, chết chị rồi!

Chị nhún vai:
- Đừng lo, chị không về thăm ông nội bà nội ít tuần thì tóc dài lại.

Chị đưa tay lấy lại cái cặp da từ tay tôi, rồi nói:

- Chị cho cưng biết là cưng đã làm một công việc vô cùng quan trọng để giúp chị. Em giỏi thiệt.

Tôi tức giận nói:

- Em có làm cái gì đâu ngoài chuyện sợ muốn đái trong quần.

Chị nghiêm giọng:

- Cái này không phải là chuyện giỡn, Dung à. Cưng cầm trong tay phân nữa cái kế hoạch Công tác Thành; nữa phần kia được đem ra ra ngoài này trước rồi.

Tôi mau mau lấy tay che mắt, che tai, che miệng một hơi, rồi lắc đầu lia lịa:

- Em không muốn biết, muốn nghe, muốn thấy mấy cái việc chị làm đâu!

Nhưng chị tiếp tục nói cho tôi biết là một nửa bản kế hoạch được dán trong cái bìa cứng của cuốn từ điển. Dù không còn ôm cái cặp da trong tay nữa, nhưng khi nghe chị nói vậy tôi bỗng tim đập mạnh lên, cổ tôi khô, hai bàn tay đổ mồ hôi. Trong tôi, nhiều tình cảm lẫn lộn. Nào là tình cốt nhục giữa chị và tôi, nào là ngôi trường mà tôi vừa nhập học; nào là tình thầy trò vừa chớm nở. Tôi thầm thán phục sự can đảm của người con gái nhà quê này. Mới hôm qua chị hái rau, bẻ trầu cho bà nội, hôm nay đã đi làm cán bộ cho Việt Cộng. Tôi muốn can đảm như chị, nhưng dùng sự can đảm đó để đưa gia đình tôi ra khỏi khó khăn, chứ không lấy nó mà chung sức với Việt Cộng được.

Tối hôm đó, sau bữa cơm chiều, má tôi kiên nhẫn tỉa tóc cho chị Thảo, để chị có mái tóc gọn gàng, ngay ngắn lại. Trong nhà ai cũng tội nghiệp cho chỉ vì chỉ nói láo rằng lúc thổi lửa nấu tấm heo, lửa cháp phừng bắt qua tóc chị. Đêm đó, lúc chỉ có hai chị em tôi học bài, tôi nói nhỏ với chị là khi chị chết xuống âm phủ chị sẽ bị bọn quỷ sứ kéo lưỡi chị dài cả cây số vì cái tội nói láo. Chị Thảo cười vị tha mà không giận tôi, vì chị biết tôi thương chị.

Hai chị Thảo và Yvonne càng ngày càng bị siết chặt vào vòng của Việt Cộng. Hai chị không khác gì những kẻ mê muội tin vào một tà đạo, đem hết của cải, bản thân mình dâng hiến cho tà đạo ấy. Hai chị tôn thờ chủ nghĩa cộng sản một cách mù quáng, mà thờ ơ với các bổn phận trong gia đình. Họ nói dối, họ qua mặt ông bà, để phục vụ cho cộng sản.

Chị Thảo miệt mài trong Thư viện Việt-Mỹ, để tìm hiểu về "kẻ thù" của chị qua sách vở.

Người bạn hàng xóm của tôi là anh Chu Dung. Anh là người Bắc làm việc ở nhà thuốc tây Lương Xuân Đẩu. Anh lớn hơn tôi chừng mười lăm tuổi, nhưng đám con nít chúng tôi mến anh lắm, có thể vì anh là người phương xa đến Cần Thơ làm ăn. Anh hiếu khách mà khách cũng quý mến anh, kêu anh là "anh Bắc kỳ". Anh vui vẻ, thân mật với tất cả mọi người, từ trẻ con đến người lớn. Anh đẹp trai và là người duy nhứt ở Cần Thơ lúc bấy giờ có chiếc xe đạp bằng nhôm bóng láng. Qua anh Dung, chúng tôi quen chị Hằng và em chị là anh Hùng. Cả hai chị em cùng làm việc ở Thư viện Việt Mỹ. Hai người cũng quý mến chị Thuận, Hải Vân và tôi. Chị Thảo biết chúng tôi quen với anh Hùng, nên một hôm chị nhờ tôi hỏi dò anh, để biết chừng nào

ông giám đốc người Mỹ của Thư viện từ Sài gòn xuống Cần Thơ? Chị muốn biết rõ tên họ và chức vụ của ông. Chị Thảo và tổ chức của chị tin rằng chức giám đốc thư viện chỉ là bề ngoài, nhưng thật ra ông là nhân viên cao cấp của cơ quan tình báo CIA. Tôi từ chối săn tin cho chị Thảo. Tôi nói thẳng cho chị biết là tôi không thể lợi dụng bạn như vậy được. Chị liền nổi giận, nói: "Mấy người đó không phải là bạn của em được, họ là tay sai của Mỹ". Tôi giận, nạt lại: "Nếu chị không phải là chị của em, em kêu công an bắt chị liền". Chị liền lên mặt dậy đời tôi: "Đừng quên mình là con cháu của những người làm cách mạng; bổn phận của mình là ủng hộ cách mạng". Tôi không chịu thua, la lớn lên: "Công tác đó là giựt mìn xe buýt, giết ông già bà cả chớ gì!". Tôi dám thẳng thắn trả lời chị, vì tôi biết, ba tôi không đành lòng cho con mình đi làm kẻ giết người.

Chuyện tranh cãi giữa chị Thảo và tôi đến đó tạm ngưng. Nhưng con đường chỉ đi con dài lắm. Hai ngày sau, người ta liệng lựu đạn vô sân thư viện; người lính Việt Nam gác cổng thiệt mạng.

Chương 13

Mỹ viện trợ Việt Nam, gởi cố vấn Mỹ qua càng ngày càng nhiều. Những ngôi nhà rộng lớn cất hồi thời Pháp thuộc, bấy giờ chủ nhà sửa sang lại cho Mỹ mướn. Gia đình tôi có biết chú Tư là người trước kia theo Việt Minh. Hết giặc, chú về thành làm ăn lương thiện để nuôi vợ, nuôi con. Thím Tư có sập bán cá ở chợ Cần Thơ, còn chú làm nghề thợ mộc cho hãng cây ở gần cầu Cả Đài. Hãng mộc của chú trúng thầu sửa dẫy nhà gần phòng mạch bác sĩ

Chuẩn. Chú Tư tới sửa nhà cho hãng thầu không đầy hai ngày thì bị bom nổ, chết tại chỗ khi chú đang cưa cây. Người dân vô tội chết vì miếng cơm manh áo. Chú Tư chết, nhưng việc sửa nhà cho Mỹ mướn vẫn được tiến hành. Rồi người Mỹ cũng dọn vô ở, mướn người Việt giữ an ninh cho họ. Việt Cộng bắt người vô tội hy sinh tánh mạng để dằn mặt người Mỹ, và chống lại sự tham chiến của quân đội Mỹ.

Lúc đó tôi còn nhỏ quá, nên không có ý kiến gì về cuộc chiến này. Tuy nhiên tôi cũng muốn gia đình tôi được đoàn tụ, không kẻ thắng người bại, mà chỉ mong cho hai bên ngừng bắn giết lẫn nhau.

Những người theo Việt Cộng tuyên truyền "Mỹ là kẻ thù của dân tộc Việt Nam", nhưng tôi lại thấy

người Mỹ đem ánh sáng văn minh tới cho người Việt. Chỉ riêng trong tỉnh Cần Thơ, tôi đã thấy các Hội thiện nguyện Mỹ giúp xây cất công viên. May cái ghế đá ở bến Ninh Kiều đều có dấu tích của tổ chức CARE với hai bàn tay nắm lấy nhau. Họ xây cầu, sửa đường lộ, mở rộng, cất thêm trường học, chủng ngừa cho học sinh. Mức sống của người dân từ thành thị đến thôn quê được thoải mái hơn qua những chương trình viện trợ này. Trong khi đó, ban đêm Việt Cộng lại đặt mìn phá bỏ những công trình này để đưa đời sống người dân trở lại tối tăm, u ám như những hang hố họ đào cho họ.

Tôi không muốn cũng không đòi hỏi gì ở người Mỹ. Họ muốn gì? Họ sẽ làm gì tới dân tộc Việt Nam? Họ có xúc phạm tới nền văn hoá cổ truyền của người Việt không? Nhiều người tự nhận là đồng chí hoặc bạn của ba tôi cảnh giác chúng tôi là

Mỹ sẽ xâm lăng Việt Nam như Tây đã làm hồi thế kỷ trước. Do đó, tôi phải có trách nhiệm cộng tác với họ để chống lại cuộc xâm lăng của Mỹ. Nhưng tôi là một đứa con nít cứng đầu, không tin những lời tuyên truyền đó. Tôi cũng không tin ai hết, tôi muốn tự mình nhận xét coi ai thật sự yêu nước, và ai đang hại dân. Tôi khi dễ những hành động phá hoại của Việt Cộng. Tôi hãnh diện về dân tộc mình, nên không muốn bất cứ ai nhảy vào Việt Nam. Mỹ hay Nga đều là ngoại bang, làm gì có chuyện thương xót dân mình. Tôi tin rằng khi có hoàn cảnh thuận lợi, khi người dân có quyền tự chủ và tự do, Việt Nam sẽ vươn lên sánh vai với các nước văn minh trên thế giới, không thua kém ai.

Tôi không tin Hoa Kỳ với truyền thống dân chủ lại đem quân xâm chiếm một nước nhỏ bé, xa xôi, cách nhau cả một đại dương. Vào cuối chiến tranh

thế giới thứ hai, chính tổng thống Roosevelt là một trong các lãnh tụ thế giới chủ trương khuyến khích các nước thực dân như Pháp, Bỉ, Hoà Lan… nên trả lại độc lập cho các thuộc địa mà họ đang cai trị. Vậy thì không lẽ ngày nay Mỹ lại đi ngược với trào lưu mới của thế giới. Tôi nghĩ tg dân Mỹ không thể quên lời nói bất hủ của tổng thống Abraham Lincoln: *"Stand with anybody that stands right. Stand with while he is right and part with him when he goes wrong".* Chủ nghĩa cộng sản là phi nghĩa, là làm trái lòng dân. Đứa nhỏ như chị em tôi đã hiểu như vậy rồi, tại sao những người biết yêu nước lại bị mê hoặc vì cái thuyết này. Tôi ví họ như những người theo đạo khùng, như mê tín dị đoan.

Ba tôi đã làm tròn bổn phận của một người cha đời với chúng tôi, ông dậy chúng tôi yêu quê hương, yêu dân tộc Việt Nam. Tôi tin tưởng ở người, tôi

hãnh diện được làm con một nhà cách mạng, người đã hy sinh đời sống cá nhân của mình để tham gia cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp. Nhưng bước qua thập kỷ 1960, Việt Minh chỉ còn là một bóng mờ của dĩ vãng. Trên thực tế, Mặt trận giải phóng miền Nam mới được thành lập sau cuộc "Đồng Khởi". Mặt trận chỉ là một cánh tay vươn dài của Cộng sản Hà Nội mà thôi.

Bên này của con sông Bến Hải là Chánh phủ của ông Ngô Đình Diệm. Hồi còn học tiểu học, học trò chúng tôi thường phải đứng hai bên đường từ cầu Cái Khế tới đại lộ Hoà bình để đón chào tổng thống khi ông xuống thăm Cần Thơ. Chờ đợi từ sáng cho đến trưa, tay cầm cờ, lòng nôn nóng, bụng đói, khát nước. Một hôm một ông cán bộ Việt Cộng lớn tuổi, tôi kêu bằng chú, đánh đố đám con nít chúng tôi xem có đứa nào can đảm dám nhổ nước miếng vô

mình tổng thống, khi ông xuống xe nhận hoa do học trò choàng cho ổng không? Sau một hồi suy nghĩ, tôi trả lời ông:

- Tôi là con ông Đặng Văn Quang chớ không phải vừa ở lỗ nẻ chui lên, nên không ngu dữ vậy đâu, chú.

Chị Yvonne vội lấy tay bụm miệng tôi lại, rồi bắt tôi xin lỗi. Tôi đã không xin lỗi, mà còn nói thêm:

- Chú hy sinh con của chú đi, cha cháu có huy chương rồi!

Ông giận tái mặt, hỏi:

- Cháu làm gì mà được huy chương?

Tôi vênh mặt đáp:

- Cháu sống ở rừng U Minh mấy năm mà không bị ai kêu là quân rừng, vì quân rừng mới ngu đi nhổ nước miếng vô mình người mà phe quốc gia coi như ông trời!

Tối hôm đó, chị Yvonne kể lại cho dì Bảy nghe câu chuyện tôi trả môi trả miếng ông cán bộ. Tôi bị dì Bảy cho là "đồ khó bảo", không kính trọng người lớn, làm mất mặt ba tôi, mất mặt dì. Dì còn cấm không cho tôi về vườn nữa. Tôi tủi thân việc không được dì binh vực, mà dì còn nghe lời chị Yvonne, rầy tôi trước mặt mọi người làm tôi mất mặt. Tôi khóc lóc, giãy giụa, ói mửa cho đã giận. Khi đã hết khóc, tôi làm bộ rên rỉ cho cả nhà sợ một phen. Chị ba Hồng Nga dẫn tôi ra sau vườn vỗ về.

Ngay từ hồi còn nhỏ, tôi đã hiểu những lời tuyên truyền lừa dối của cộng sản là mị dân. Họ hứa hẹn sẽ chia cho tá điền nghèo ruộng đất mà họ tịch thâu của chủ điền giầu. Những dân nghèo tin Việt Cộng, nghèo là phải, vì họ là những người khờ dại lắm, làm biếng, không có tinh thần tự lập.

Giữa năm 1954, hơn 800 ngàn người Bắc di cư vào Nam Hiệp định Geneve. Họ là những người cần cù, đáng làm gương cho những kẻ làm biếng. Sự chọn lựa "đi Nam" của họ là một chọn lựa mạo hiểm nhưng khôn ngoan. Họ đã dám lìa bỏ quê cha, đất tổ để vô Nam tìm tự do, tìm cuộc sống thoải mái, hơn là ở với cộng sản. Trong khi đó, chỉ có chừng khoảng 180.000 người Nam tập kết ra Bắc.

Nhân chi sơ, tính bổn thiện, cho nên lúc đó tôi chưa biết kỳ thị "Bắc kỳ di cư". Tôi còn hãnh diện vì có

nhiều người Bắc kỳ chọn Cần Thơ là quê hương thứ hai của họ.

***

Giữa đường Võ Tánh, từ nhà tôi tới trường nam tiểu học có một cái nhà ngói đỏ. Sáng nào đi ngang, tôi cũng đứng lại nhìn thật lâu. Sao mà giống cái nhà ở Ong Vèo vậy, dù bốn cái cột trước nhà không phải bằng gỗ mun! Tôi nói với má tôi về cái nhà này, nhưng má không tin, vì hồi ở Ong Vèo tôi mới có 5 tuổi, làm sao mà nhớ được. Nhưng má cũng đi coi, rồi công nhận tôi nhớ dai. Tôi còn nhớ chính tôi tiếp chị Hiển giăng một cái võng trước nhà, giữa hai cây cột mun. Ba tôi thường đưa Hải Vân ngủ trên cái võng đó. Những kỷ niệm êm đềm ấy, làm sao tôi quên được. Có thể đây là lần đầu tiên ở Cần Thơ, má tôi và tôi nhắc đến Ong Vèo, nhắc đến ba tôi, và những ngày vui ở đó.

Từ ngày em Minh Tâm tôi bị bịnh, hầu như không bao giờ má tôi cười nữa. Nhưng khi tôi nhắc tới Ong Vèo, má tôi sẽ kể lại những kỷ niệm cũ, cứ một điều "ba con" hai điều "ba con" như một người vợ trẻ nhắc đến chồng.

Trong tiệm may Mỹ Dung, chúng tôi không có những phút riêng tư. Cuộc sống chung chạ với các chị học may làm gia đình tôi mất đi phần nào tự do. Tôi không dám nhắc tới ba tôi trước mặt mọi người, vì ai cũng tin là ba tôi mất tích.

Dù còn là con nít, tôi quen nhiều người trên đường Võ Tánh. Vì vậy, những chuyện xảy ra trên con đường này, vui buồn, như những đổi thay, tôi đều biết. Một hôm, có người cho tôi biết ông chủ của căn nhà số 18 trên đường Võ Tánh là một ông cai

ngục sắp đổi ra Phú Quốc, nên muốn bán căn nhà đó trước khi khi đến nhiệm sở mới. Tôi về cho má hay. Vì muốn ở căn nhà đó, tôi “tán” má:

- Má à, có khi mình dọn vô nhà này mình gặp hên đó, má… nó giống y như cái nhà hồi đó mình ở với ba. Không chừng khi mình vô nhà này ba với anh Khôi về.

Nghe tôi nói, má chỉ cười, nhưng cũng bằng lòng đi coi căn nhà ông cai ngục. Rồi má quyết định mua căn nhà đó, không phải vì lời tán tỉnh của tôi, mà vì mà muốn được sống thoải mái hơn. Má bán tiệm may Mỹ Dung cho một người làm nghề giặt rũ, cho học trò về nhà nghỉ xả hơi hai tuần, trong khi dọn tới nhà mới. Nhà có sân trước thật rộng, nên má mướn người sửa cái sân đó thành một tiệm may. Khi tiệm mở cửa má còn giữ sổ sách.

Vì sửa nhà quá tốn kém, má tôi thiếu tiền để trả nốt cho người bán, mà đã đáo hạn. Má sai tôi về vườn xin phép bà ngoại cho tôi bán đôi bông, hai chiếc vòng đeo tay, và sợi dây chuyền mà bà cho tôi. Má tôi thì luôn luôn coi những gì ông bà cho là bảo vật, là kỷ niệm quý báu. Riêng tôi, tôi cho những thứ đó chỉ là những của cải vật chất, không cần thiết, vì tôi có đeo nó bao giờ.

Kỷ niệm đối với tôi là nụ cười vị tha, hiền hoà của bà, là đôi tay bà vuốt mái tóc che hai con mắt của tôi: "Tóc dài sao con không hớt?". Bà thường hỏi tôi: "Có nghe chừng nào ba con về không?". Còn bảo vật đối với tôi là tình yêu vô bờ bến của ông bà.

Chiều chúa nhựt, tôi đem vàng ra bán cho tiệm kim hoàn Mỹ Trang ở bến Ninh Kiều để có tiền trả cho ông chủ nhà.

Chương 14

Tôi nghe loa phóng thanh oang oang réo tên Trần Ngọc Dung làm tôi vừa mừng vừa hồi hộp. Tim tôi đập nhanh hơn, người tôi nóng bừng. Lúc đó, tôi không còn suy nghĩ được điều gì khác ngoài việc có giò chạy lẹ về nhà để báo tin cho má tôi hay là tôi đã thì đỗ vào lớp đệ thất trường trung học Phan Thanh Giản. Không phải chỉ là một vinh dự vì được học ở một trường công lớn của tỉnh Cần Thơ, mà điều quan trọng hơn đối với riêng tôi là má tôi không phải trả học phí suốt bảy năm dài cho một trường tư nếu tôi thì rớt vô trường công.

Tôi chạy như bay về nhà. Nửa đường tôi sực nghĩ đến trùng tên: “Rủi có con nhỏ nào cũng tên là Trần Ngọc Dung, cũng sanh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm với tôi thì sao?”. Tôi chậm lại. Tôi thầm tự hỏi, trong trường hợp này tôi sẽ phải làm sao? Nhưng chỉ mấy giây sau, tôi nghĩ đến số báo danh. Hai người có thể trùng nhau mọi chi tiết, những chắc chắn không trùng số báo danh. Như vậy thì còn sợ là ai khác nữa! Tôi thất vọng nhiều lần, nhiều hơn số tuổi của một đứa con nít, làm sao tránh khỏi mất tự tin.

Về đến nhà, tôi thấy má tôi ngồi may miệt mài như quanh năm ngày tháng má vẫn làm. Tôi rón rén lén vô sau lưng rút sợi dây điện ra khỏi ổ cắm điện; tức thì máy may ngưng. Má giựt mình quay lại thấy tôi, nhưng tôi không để bà hỏi, tôi vội nói: “Con đậu

rồi!”. Bà không nói gì, nhưng vẻ mặt bà tươi lên, đôi mắt sáng ra, với nụ cười mãn nguyện. Tôi choàng tay sau lưng má, như để truyền niềm hạnh phúc tôi đang có sang cho bà.

Đó là kết quả của những ngày đêm cặm cụi học thi dưới nhà bếp, ở trường St. Paul, và ở lớp toán đặc biệt của thầy Ú. Những ngày cực hình đã qua. Hè này đi chơi cho thả cửa trả thù.

Mấy chị học trò của má cũng vui lây, giành nhau may áo dài cho tôi. Nhưng tôi lại không tha thiết với việc mặc áo dài, nghĩ rằng áo dài chỉ dành cho người lớn, còn mình thì cứ quần cụt bằng kaki cho gọn.

Một lát sau, tôi trở lại trường Phan Thanh Giản, chen chúc trong đám đông các phụ huynh và thí

sinh, có đến gần tám bảng danh sách các thí sinh trúng tuyển, để coi cho bằng mắt tên tôi trên giấy trắng mực đen cho thêm an tâm. Tôi nhẩm cả chục lần tên Trần Ngọc Dung, sanh ngày 24 tháng 3 năm 1946 tới Long Thạnh, Cần Thơ.

Chị Thuận cũng có tên trên bảng vàng. Điều đó đối với tôi là lẻ tự nhiên, vì chị học rất chăm chỉ và thông minh. Chị luôn trong số ba người đứng đầu lớp. Tôi phục chị lắm, nên đã nghĩ rằng cuộc thi tuyển này đối với chỉ như ăn cơm bữa. Chị thi một con mắt cũng đậu. Trong khi đó, tôi không làm biếng, nhưng ham chơi, cứ vui trước, rồi trả nợ sau. Khi gần đến ngày thi tôi phải học dồn học ép, mất ăn mất ngủ cả tháng trời. Điều dợ thứ nhứt là làm má tôi buồn, và điều sợ thứ hai là phải học nhồi nhét mắc cỡ với chị Thuận. Tôi hay thầm vái trời đừng bị học lớp với chị.

Chiều hôm đó, chị Thuận và tôi rủ nhau đi quanh quẩn trong khu trường mới. Tôi nghe lòng vừa bồi hồi vừa hãnh diện. Bồi hồi vì vào một giai đoạn mới, tương lai mở rộng trước trước mắt, hãnh diện vì biết rằng mình không phải là… “đồ bỏ”. Thế là tôi đã nối gót những người đi trước trong gia đình này. Đó là ba chị Thuận và các cậu, tôi ngồi trong hành lang của trường, bên cạnh cánh cổng. Từ hành lang này, chúng tôi có thể nhìn thấy nhà tôi bên kia đường Võ Tánh.

Chị Thuận là hình ảnh của người con gái dậy thì, dịu dàng. Chị thích làm thơ và mê đọc sách. Chị mong đến ngày đến trường để được mặc áo dài và được mang guốc cao gót, còn tôi lại chỉ mơ được vào ban thể thao để chạy đua, mang giầy mầu vàng như con ông tỉnh trường. Tôi mà được làm trưởng

ban thi đua với hy vọng được phụ thầy Trần Ngọc Nhung, dậy lại lũ bạn cùng lớp.

Trong khi chúng tôi học thi, má tôi hứa, nếu chúng tôi thi đậu thì cho mỗi đứa một món quà. Chị Thuận muốn được thưởng cây viết Pilot ở tiệm Hồng Phát. Còn tôi lại mơ được uốn tóc! Chị Thuận hay hát nho nhỏ bên tai tôi "Em ơi nếu mộng không thành thì sao?". Mộng của hai chị em tôi đã thành. Cho đến ngày nay tôi còn nghe mùi thuốc uốn tóc đâu đây, và cả cái mùi khen khét trên cái đầu nặng trĩu với mây cây kẹp nóng. Tôi chọn uốn nóng vì rẻ hơn uốn lạnh.

Mấy chị học trò của má đều khen cái đầu quăn của tôi. Nhưng mấy ngày sau, khi ông ngoại tôi ra tỉnh để dẫn đám cháu đi mua sắm giấy mực cho ngày tựu trường, và cho chúng tôi đi ăn ở Túy Huế Lầu

như mọi năm, thì cái đầu tóc quăn của tôi bị chê liền. Ông ngoại muốn cháu của ông phải giữ "tóc cha mẹ đẻ". Hôm đó tôi biết tôi sẽ bị ông ngoại giận, nên định lấy khăn trùm kín tóc. Nhưng rồi tôi đổi ý, thử làm gan cho ông thấy cái đầu quăn. Lúc ông xuống xe lôi, bước vô nhà, tôi nhanh nhẹn chạy trước nhứt, khoanh tay chào:

- Thưa ông ngoại mới ra. Cháu thi đậu vô đệ thất rồi, ngoại!

Trên khuôn mặt hiền từ của ông, nụ cười biến đi ngay khi ông nhìn thấy cái đầu quăn của lời. Ông bực bội hỏi:

- Được cái đầu quăn mà để ông ngoại buồn, có xứng không?

- Dạ không. - Tôi trả lời yếu xìu.

Nhưng ông không tha lỗi cho tôi dễ dàng như vậy đâu. Hôm đó, sau khi đi mua sắm cho các cháu, ông đưa chúng tôi tới tiệm Tuý Huê Lầu. Trước khi ngồi vào bàn, ông nói:

- Ông không ngồi gần mấy đứa đầu quăn đâu nhen!
Tôi giành ngay cái ghế kế bên ông rồi những nhẽo:

- Mà đầu quăn muốn ngồi kế ông ngoại.

Chị em tôi cười rộ lên, chỉ có ông không cười thôi. Thò vô túi áo bà ba trắng của ông, tôi lấy ra bao thuốc, vấn một điếu rồi nhét vô giữa hai ngón tay của ông để chuộc tội. Mọi người nhìn tôi lắc đầu.

***

Những ngày ở trong bưng biền ra Cần Thơ, năm đệ thất của tôi là năm đầu tiên tôi cho phép mình sung sướng, cho phép tôi vui với tuổi học trò, tôi bỏ dần lời hứa "hai năm" của ba tôi! Mấy chị học Đệ ngũ cho rằng hai lớp Đệ thất Đệ lục là hai năm học sướng nhứt của tuổi học trò bậc trung học, rồi sau đó mới bắt đầu học hành chăm chú, hai năm đó bọn tôi vừa là người lớn, vì lớn hơn đám học trò tiểu học, vừa là con nít vì nhỏ hơn mấy anh mấy chị lớp đệ ngũ trở lên.

Mới nhập hạc mà tôi đã có nhiều bạn, đủ thứ bạn. Người bạn là chị Nguyễn Thị Hiệp, trưởng lớp. Chị lớn hơn tôi những năm tuổi. Vì chiến tranh, nhiều người bị chậm trễ trong học hành, hoặc phải bỏ học để đi làm sớm, không phải chỉ có một mình chị Hiệp. Trong lớp tôi, có sáu chục học sinh đủ mọi

tuổi, từ 12 đến 19. Tôi thân với chị Hiệp nên lúc nào cũng kề sát bên chị, đến nỗi chị kêu tôi là "cái đuôi" của chị.

Cũng như ba tôi, ba chị Hiệp là Việt Minh, cùng người quyết đánh đuổi giặc Tây. Má chị dẫn chị lên Nam Vang, và cho chị học một trường trung học Tây. Do đó, khi trở về Cần Thơ chị nói tiếng Việt không rành, và thiếu nhiều ngữ vựng. Chị phải học lại từ lớp Đệ thất.

Lần đầu tiên gặp chị, tôi nói:

- Chị nói tiếng Việt như người Miên!

Chị liền phản ứng:

- Merde, tại sao mày biết? Bộ mày là Miên hả?

Chị kể cho tôi nghe về ba má chỉ. Vì mới về Việt Nam, chị không hiểu gì về vấn đề an ninh nên không sợ công an quốc gia hỏi thăm.

Chị Hiệp học giỏi, vì đã có bằng trung học Pháp ở Cao Miên, chị thường "cúp cua" giờ Pháp văn và giờ toán. Đó chính là hai môn tôi kém. Chị chăm chú nhiều nhất là môn Việt văn. Ngoài ra chị cũng cố gắng tìm hiểu thêm về phong tục, tập quán của người Việt để trở lại làm người Việt chính cống. Tôi thường thấy chị suy nghĩ như một thằng Tây; còn tánh tình chị là của một người Miên, chỉ có máu Việt Nam trong người chị mà thôi. Một hôm, trong giờ Sử, chị không trả lời được câu hỏi của giáo sư. Chờ một hồi lâu, thầy phải cho chị ngồi xuống, chị xổ ra một tràng tiếng Pháp pha tiếng

Miên. Tôi tò mò hỏi chị nói gì với thầy vậy, chị đáp:

- Tao nói: Merde! Tao đương điên cái đầu, nửa thằng Tây, nửa thằng Miên, bây giờ lại bắt tao trả bài của thằng Việt!

Nói xong, chị gục đầu xuống bàn.

Chị Hiệp và tôi thường học bài chung với nhau, có khi ở nhà chị, có khi ở dưới bếp nhà tôi. Khi chúng tôi đã thật thân rồi, tôi tiết lộ bí mật gia đình tôi cho chị hay. Đó là chuyện ba tôi tập kết ra Bắc. Tôi cứ tưởng chị ngạc nhiên lắm, không ngờ chị nói:

- Tao biết rồi, biết từ hồi mới gặp mày lần đầu kia, nhỏ à!

Tôi hỏi làm sao chị biết? Có phải chị Thới ở Rạch Ngỗng cho chị biết không? Sở dĩ tôi nghĩ chị Thới, vì chị Thới cũng thuộc gia đình Việt Cộng. Nhưng chị Hiệp chỉ một ngón tay lên trán tôi thân mật đáp:

- Nhớ là tao lớn hơn mày năm tuổi nhen.

Tình bạn giữa chị Hiệp và tôi vô cùng quý báu. Có một người bạn để tin tưởng và tâm sự ở cõi đời đầy lừa lọc, gian trá và nhiều đe doạ, không phải là dễ kiếm. Tôi đã sống nhiều năm trong cô đơn: có anh, anh đi tập kết; có chị, chị phải đi học xa nhà! Tôi khao khát tình phụ tử, nên càng rất cần có bạn. Chị Hiệp chợt xuất hiện như một vị cứu tinh của tôi lúc bấy giờ. Nhờ chị, tôi đã giành lại chỗ đứng danh dự dưới ánh sáng mặt trời; tôi không còn mặc cảm mồ côi cha. Đã vậy, cả hai chúng tôi cùng hãnh diện vì cha chúng tôi đều là những người yêu nước.

Chị Hiệp không thích nói tới chuyện thời sự. Mấy lần tôi nói chuyện nước non, chị gạt phắt đi. Chị nói:

- Mấy chuyện mắc dịch đó để cho mấy người ta lo; mình lo chừng nào đi vườn Thầy Cầu nè, vườn ổi nè.

Thế giới của chị Hiệp lúc bấy giờ thật giản dị. Chị học phong tục, tập quán của Việt Nam, nhứt là của tỉnh Cần Thơ. Chị gắng trở thành một người Việt Nam… thứ thiệt. Môn chánh là vườn Thầy Cầu, vườn ổi, bánh mì thịt của chú Lý Ngầu ở trong Cái Răng, và mấy anh học lớp Đệ nhị, Đệ nhất. Vì vậy, mới năm Đệ thất, chị Hiệp đã có bồ. Từ đó, chị không có nhiều thì giờ dành cho tôi. Nhưng mất chị Hiệp, tôi còn bạn khác. Đó là Lê Thị Bạch Tuyết,

Nguyễn Thị Mai Bắc Kỳ, Lê Kim Lệ và chị Thuận. Tuyết, Lệ đều là dân "thổ sanh" tại Cần Thơ, nên Mai đối với chúng tôi là một người bạn vừa lạ, vừa vui tươi, vừa mới toanh. Mai là dân Bắc Kỳ di cư từ Hà Nội vô. Nhiều lúc giờ chơi, Tuyết và tôi kêu Mai là "Mai Bắc kỳ". Mai không giận mà còn hãnh diện mình là "Bắc Kỳ" nữa. Mai hay trêu chúng tôi bằng cách kéo dài hai chữ "mình ên" theo giọng Nam.

Mai và gia đình di cư vào Nam năm 1954. Ba của Mai đã qua đời, chỉ còn mẹ. Chị cả của Mai là chị Thái Lan, rồi đến các anh Tuyến, Khuyến và ba người em là Minh Thu, Toàn và Hạnh. Lúc mới vào Nam, gia đình Mai ở Sài gòn. Khi chị Thái Lan bỏ về Ô Môn dậy học, cả gia đình đi theo chị. Với đồng lương nhỏ nhoi của một cô giáo tiểu học, chị Thái Lan nuôi một bầy em nhỏ. Người Nam lúc bấy giờ còn kỳ thị dân di cư, nhưng hàng xóm ai

cũng thương gia đình của Mai. Nhà thầy giáo Chín ở đầu hẻm gần nhà Mai tỏ ra mến phục chị Thái Lan lắm, ông nói với má tôi:

- Tội nghiệp cô giáo Bắc Kỳ, một mình nuôi mẹ và một bầy em phá gạo. Bà già có tướng sang, chắc cũng là gia đình khá giả ở Bắc.

Thái Lan không những là người con hiếu thảo, người chị các em, mà còn là người có nhan sắc. Trong chị như một đoá hoa Lan mầu tím. Quanh năm suốt tháng chị Thái Lan mặc áo dài mầu tím.
Việc gặp gỡ đầu tiên giữa Mai và tôi không hứa hẹn một tình bạn thân thiết. Cho đến ngày hôm nay, tôi chưa quên ngày nhập trường. Lòng dạ tôi vừa nôn nao hồi hộp, vừa sợ sệt, mến phục mấy chị Đệ lục, Đệ ngũ. Khi chúng tôi còn chờ đợi giờ vào lớp, bạn cùng lớp nói với tôi:

- Có con nhỏ Bắc Kỳ bên 7z giống mày lắm. Mới đầu, tụi tao tưởng mày đi lộn lớp.

Tôi cười:

- Trên đời này chỉ có một Trần Ngọc Dung thôi!

Tuy nói vậy, tôi cũng tò mò muốn biết mặt "con nhỏ Bắc kỳ" kia có thật giống tôi không? Giờ ra chơi, tôi chạy qua lớp 7z. Quả thật, tôi thấy con nhỏ đó giống tôi lắm; đến mái tóc cũng giống hệt tôi. Thiệt kỳ lạ! Tôi đứng ngoài cửa lớp nó một lát rồi ngoắc kêu nó ra. Lúc đầu, tôi thấy nó có vẻ hơi kiêu ngạo. Mắt nó sáng long lanh, có vẻ tinh nghịch, lém lỉnh. Nụ cười ngây thơ nhưng duyên dáng với hàm răng trắng, đều dặn của con gái "Bắc

kỳ" đã thu hút tôi. Tuy nhiên, cái vẻ thờ ơ, lạnh nhạt của nó làm tôi bực mình.

- Chị xuống đây lâu chưa? - Tôi hỏi trước.

- Năm năm. - Mai trả lời với giọng Bắc xa lạ.

Thật khó tin. Nếu tôi có người em song thai ở Cần Thơ năm năm, thì tôi phải biết nó từ lâu rồi.

- Năm ngoái chị học ở đâu? - Tôi hỏi.

Mai cho biết là nó học ở một trường tiểu học trên Sài gòn mà tôi không biết nơi đó. À, thì ra nó nói nó vô Nam năm năm chớ không phải "suổng" Cần Thơ 5 năm. Thấy nó có vẻ làm phách, tôi định không thèm làm quen với nó nữa. Nhưng khi nhìn

kỹ mặt nó, tôi không đành quên nó, vì nó giống y tôi. Tôi đành miễn cưỡng hẹn nó:

- Giờ chơi kế tụi mình gặp nhau nhen.

Mai liền trả lời:

- Giờ tan học.

Lời hứa của Mai làm tôi vui trở lại. Thế là từ chiều hôm chúng tôi thường gặp nhau sau giờ học. Dần dần, chúng tôi thành một đôi bạn thân, đi đâu cũng có nhau, như hình với bóng.

Nhà của Mai ở trong hẻm đường Võ Tánh, nhìn xéo qua trường nam tiểu học. Nhà tôi không xa nhà Mai mấy, nên hàng ngày tôi và chị Thuận đứng chờ nó trước cửa để cũng đi tới trường.

Sự thân thiết của chúng tôi giúp chúng tôi quên đi hoàn cảnh nghèo túng của cả hai gia đình. Mỗi lần gặp nhau, chúng tôi cười đùa vui vẻ như bài hát Summer Time mà tôi thường đàn cho nó hát: “My daddy is rich and my mommy is good looking”. Chúng tôi cùng yêu âm nhạc, cùng là học trò giỏi của thầy Phan Thanh Thu. Tôi là người duy nhứt trong trường được nghe tiếng hát thuỷ tinh đó, vì Mai không bao giờ cho ai nghe tiếng hát của mình.

Chúng tôi không có tiền đi coi hát bóng thường như chị em của Lê Thị Bạch Tuyết, nhưng hễ có dư đồng nào là xài hết ở hai nơi: một là tiệm sửa xe đạp; hai là nhà sách Văn Nhiều. Chúng tôi chỉ mua sách học và sách nhạc. Ngày cả khi không có một xu dính túi, chúng tôi cũng tới nhà sách Văn Nhiều, la cà cả tiếng đồng hồ, ông chủ nhà sách là cậu Hai Văn Nhiều, bạn hồi nhỏ của má tôi, nên cậu biết tôi

là con của “cô Tám”. Thỉnh thoảng đem cho sách chúng tôi. Nhưng có một người trong tiệm sách ghét chúng tôi lắm, vì chúng tôi cứ bắt anh lấy sách cho coi, hết cuốn này tới cuốn kia, rồi trả lại mà không mua. Yêu sách thì yêu lắm, nhưng tiền đâu mà mua hết những cuốn mình muốn. Coi cọp Văn Nhiều rồi lên Cái Khế mướn sách để coi tiếp tục. Chị Thuận nhiều tiền hơn tôi và Mai, nên chị mua sách, coi xong cho tôi và Mai mượn, với điều kiện là không được bẻ góc sách. Chị Thuận cưng sách lắm.

Mai nhớ Hà Nội nên thường nhắc đến Hà Nội với một giọng như tôi hãnh diện về Cần Thơ của tôi.

- Gia đình tao tạm ở đây thôi, khi nào hết cộng sản tao trở về Hà Nội.

Đó là lời chân thật của người bạn thân, nhưng tự ái của tôi cũng bị tổn thương, vì tôi vẫn nghĩ ở trên cõi đời này không có nơi nào đẹp bằng Cần Thơ, thanh tịnh bằng Cần Thơ và không có ai tử tế bằng người Cần Thơ. Vậy mà con nhỏ Bắc Kỳ này cứ đòi về Hà Nội là tại sao? Hà Nội nghèo nên người Hà Nội mới ăn cá rô cây. Dù bị chạm tự ái, tôi vẫn thương Mai lắm, nên tôi giấu kín ý nghĩ đó.
Rồi mấy chục năm sau xa quê hương, tôi lại có tâm trạng của hồi ấy. Một hôm, cùng chồng ngồi ngắm trăng, tôi đã nói: "Trăng Cần Thơ sáng hơn trăng Hawaii". Một hôm khác, vợ chồng tôi ngồi trên cầu tầu ở Monterey Bay, ngắm nghía chờ xem mặt trời lặn như hàng ngàn, hàng vạn người dân khác đã từng làm để thưởng thức cảnh đẹp của quê hương họ.

Trên đường về nhà, tôi lại nói:

- Trời chiều ở Cần Thơ đẹp hơn ở đây.

Thì ra "không đâu đẹp bằng quê hương". Buổi chiều trên đất vườn ông bà ngoại tôi đều im lặng, như để dọn đường cho mặt trời đi ngủ. Nhưng trước khi lặn hẳn, mặt trời Cần Thơ có một vẻ huy hoàng đặc biệt, mà tôi cho rằng không đâu có. Không bao giờ tôi quên được những buổi chiều vàng trên cánh đồng yên tĩnh ở Bang Thạch. Tiếng mấy con ễnh ương tình tứ gọi nhau để đi ngủ sau mặt trời lặn. Tôi nhớ tiếng gà gáy khi trời vừa thức giấc vẫn vang động trong tâm hồn tôi, một kẻ sống xa quê hương cả nửa trái đất.

Chương 15

Năm 1960 ông ngoại tôi qua đời. Trong gia đình, sự ra đi vĩnh viễn của một người thân yêu ảnh hưởng đến mỗi người một khác. Bà ngoại tôi thương tiếc cho ông không được thấy mặt người con trai trước khi nhắm mắt. Má tôi ân hận là chưa có điều kiện để báo hiếu thì cha đã ra đi. Dì Bảy ước mơng cuộc tổng tuyển cử hai miền Nam-Bắc thành hình để ông tôi không hiểu lầm "cách mạng" nữa. Tôi thì ân hận đã không chịu đấm lưng ông hơn năm phút. Trăm lần như một, tôi cứ kêu mỏi rồi bỏ đi chơi, rồi kêu đứa khác thay thế. Vậy mà không bao giờ ông giận.

Ông ra đi, tôi có cảm tưởng như rồi đây không còn trăng sao nữa, con sông trước nhà sẽ cạn, chim hết hót, đời sẽ hết vui. Tất cả chúng tôi đã dựa và trông cậy vào ông để được che chở, để được yêu thương.

Bà con xa gần đến tiễn ông, để an ủi nỗi đau thương ngập trời của chúng tôi.

Quan tài của ông đặt ở phòng khách, nơi ông hay ngồi nhìn kênh rạch, chờ mong con cháu về thăm. Trong sự mất mất kinh hoàng đó, gia đình tôi cũng mất đi tình đoàn kết. Bên ngoài, tất cả mọi người cũng vẫn một vành khăn tang, nhưng lòng mỗi người đã hướng một ngả khác nhau. Má tôi khóc, bà ngoại khóc, cả nhà đều khóc… Mới có mấy ngày thôi, trông má tôi già đi cả trăm tuổi. Mất ông ngoại, tôi đau đớn tận tim gan, nhưng tôi không khóc được.

Sau đám tang, ai về nhà nấy. Hai chị Kim, Cương trở lên Sài gòn đi học. Nhà tôi trở nên vắng vẻ, im lặng một cách lạ thường. Má tôi thức khuya hơn. Có đêm tôi thức giấc nửa khuya, còn thấy má vừa

may vừa khóc. Ban ngày, không ai dám nhắc tới ông ngoại. Tôi cũng giấu kín niềm đau đó bằng cách không để tang, vì sợ có người hỏi tôi để tang ai, làm sao tôi thốt ra rằng: ”Ông ngoại tôi mất rồi!”.

Kể từ ngày ông ngoại tôi ra đi, bao nhiêu đổi thay dồn dập. Tôi không nhớ là trước đó má tôi có đi chùa không, nhưng bây giờ bà thường tới chùa Cây Bàng. Tóc bà đã trở thành muối tiêu: tánh tình bỗng khó khăn hơn với chị em chúng tôi. Trong khi đó, sức khoẻ của bà ngoại tôi sa sút hẳn đi. Còn dì Bảy và các chị con cậu Tư Diệp hăng say hoạt động cho Mặt trận hơn, vì không còn ai ngăn cản. Dì để cán bộ Việt Cộng tự do sử dụng đất nhà. Bà ngoại không dám có ý kiến gì khi họ hội họp ngay trong trang trại của mình, vì đối với bà Mặt trận là con cháu của bà. Tinh mẹ bao giờ cũng bao la như

trời, như biển. Đã vậy, bà còn nâng đỡ, quý mến tất cả những gì do con cháu của bà tạo ra. Ông ngoại không còn nữa, là mất đi một chướng ngại cho những cán bộ Việt Cộng. Với sự khuyến khích của dì Bảy, nhà ngoại tôi đã trở thành cái ổ chứa Việt Cộng, để họ hội họp, một mảnh đất hoàn toàn tự do để đào tạo cán bộ của "xã hội chủ nghĩa" trong tương lai. Nhiều lần, tôi bắt gặp họ hội họp ngay trong phòng mà ông ngoại tôi thường ngồi hút thuốc khi còn sống.

Chị Thuận nói, miệng tôi "ăn mắm ăn muối, nói đâu có đó" vì tôi giận dì Bảy cứ chứa chấp Việt Cộng mà không nghĩ tới hậu quả hành động của dì: có ngày Quốc gia sẽ thụt canon sập nhà. Nhưng một hôm, ngày sân gạch nhà của bà ngoại bị bỏ bom. Dì Bảy phải đem bà ngoại ra chợ Bang Thạch ở đậu nhà của ông cả Phú; mỗi ngày dì Bảy tới lui

thăm nom bà. Khi nào bà nhớ nhà thì dì rước về ban ngày, rồi ban đêm đưa bà ra ở nhà ông cả Phú. Bà ngoại không chịu ra chợ ở với má. Rồi sau đó bà nói, chết sống bà cũng trở về nhà của bà.

Bà ngoại bị lao phổi nên thường phải đi bác sĩ ngoài Cần Thơ. Một buổi chiều thứ sáu, dì Bảy kêu tôi về Bang Thạch để sáng thứ bảy đưa bà đi bác sĩ. Tối hôm đó, trong khi dì Bảy nấu tấm heo, tôi lùi mấy cái hạt mít trong lò lửa ở ngoài sân, bỗng có một cán bộ từ ngoài ruộng đi vô. Sau khi anh ta nói mấy lời với dì Bảy thì kêu tôi theo anh và một anh cán bộ khác, vô xóm trên để coi chiếu bóng ngoài trời. Nghe giọng anh, tôi biết đây là mệnh lịnh, không thể từ chối được, nên đành vô nhà thay quần áo, mặc một bộ bà ba đen cho vui lòng mọi người. Mà thật, lúc tôi trở ra sân, dì Bảy nhìn tôi hài lòng. Từ ngày ông ngoại qua đời, tôi không còn đồng

minh nữa, nên không dám cãi lại mấy người bà con Việt Cộng. Trước khi chúng tôi ra khỏi nhà, dì Bảy căn dặn tôi: "Cháu phải ăn nói đàng hoàng lễ phép nghen. Mấy trăm con mắt chăm chú vô con gái của ba cháu đó".

Chúng tôi giữ im lặng một đỗi đường dài dưới ánh trăng. Hai người cán bộ đi nhẹ nhàng như lướt trên cỏ, vì đêm là thế giới của Việt Cộng. Tôi chỉ nghe có tiếng thở hổn hển của tôi trong bầu không khí im lặng và nặng nề đó. Vừa đi tôi vừa nghĩ đến cuộc đời làm cách mạng của ba tôi và các cậu của tôi. Họ đã hy sinh cả tuổi xuân để bảo vệ đất nước. Họ đã dọc ngang khắp đất nước để mưu tìm hạnh phúc cho toàn dân. Nhưng tôi không tin vào chủ thuyết cộng sản là lối thoát cho đất nước. Có lẽ tôi lẩm bẩm nói hơi lớn, nên một người quay lại hỏi tôi

nói gì. Tôi vội trả lời là tôi đã mỏi chân. Họ cho biết là sắp tôi nơi.

Thì ra buổi chiếu bóng đêm đó là chiếu phim từ Hà Nội gởi vào do các "đồng chí Cuba" thực hiện. Tôi không nhớ chủ đề của phim. Phim nói đến tình hữu nghị giữa Hà Nội và các nước anh em trên thế giới. Có đoạn chiều Hồ Chí Minh hàn huyên với Mao Trạch Đông. Có đoạn tả lại cuộc đi thăm của phái đoàn Liên Xô tới Hà Nội. Những vòng tay ân ái, những cái hôn xa lạ từ bên kia đại dương, những bàn tay nắm chặt, những nụ cười thân thiết, với mục đích tuyên truyền, dụ dỗ các anh du kích Việt Cộng ngây thơ, khờ khạo. Lại có cảnh hàng ngàn công nhân trong các hãng xưởng ở Nam Tư chào đón Hồ Chí Minh trong chuyến công du của ông hồi 1957; cảnh nông dân ở Mông Cổ, ở Bắc Hàn, Đông Đức, và Cuba… vỗ tay chào mừng ông Hồ.

Những hình ảnh ấy muốn cho người ta thấy ông Hồ được sự ủng hộ nồng nhiệt của dân tộc “bạn”.

Đó là đêm “học tập chánh trị” lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng của tôi. Sau đó, hai anh cán bộ dẫn đường đưa tôi về nhà bà tôi. Theo phép lịch sự, tôi mời họ vô nhà uống nước, nhưng cả hai đều từ chối, viện cớ vấn đề an ninh buộc họ phải trở lại mật khu. Họ bỏ một tôi một mình ở ven ruộng. Tôi sợ hết hồn, vì chung quanh tôi toàn là mồ mả, nhưng không dám nói ra, sợ bị chê là thỏ đế. Sau mặt trời lặn là tôi không bao giờ dám léo hánh ra đường, chớ đừng nói tới ra ven ruộng. Trong lúc sợ hãi, tôi chợt nhớ tới lối “bắt quyết” khi gặp ma. Mấy người em bà con của má tôi bày, là mình phải nắm hai ngón tay cái thật chặt vô lòng bàn tay rồi chạy. Tôi làm theo lời họ, rồi chạy bán sống bán chết về nhà. Tới cửa, tôi hấp tấp tông vô, chớ

không mở cửa một cách từ tốn. Tôi té nhào xuống đất, làm mấy người đang hội họp bí mật trong nhà hoảng hốt. Tôi nghĩ họ sợ tôi hơn tôi sợ ma. Như cỗ máy, những người có mặt, như: dì Bảy cùng các chị Yvonne, Thảo, Hồng Nga, Hoàng Mai và mấy người cán bộ tôi chưa gặp, nhảy ra khỏi bàn họp lẹ như những người biết khinh công ở trong các chuyện võ hiệp. Căn nhà nhỏ im lặng như tờ. Tất cả các con mắt đổ dồn vào tôi. Rồi nhận ra ngay đứa con nít sợ ma, họ liền ngồi trở lại bàn họp, trong khi tôi mắc cỡ vô cùng.

Làng Long Thạnh như cái nôi đã ru ngủ, vỗ về chúng tôi, nay đã trở thành một cái ổ của Việt Cộng. Họ đến, họ đi, họ mở lối riêng, không dùng những con đường mòn quen thuộc. Họ luông tuồng trong mảnh vườn của ông bà tôi như bày thú sút chuồng vô trật tự. Những đổi thay đó làm tôi đau

lòng xót xa. Hồi còn nhỏ, tôi đã có cảm tưởng đất đai của ông bà tôi rất thiêng liêng, có linh hồn riêng của nó, có hơi thở hoà cùng nhịp tim của gia đình chúng tôi. Giờ đây, dưới chế độ Cộng sản, mảnh đất thiêng liêng ấy chắc đã tan hoang. Nhưng tôi vẫn hy vọng cái miễu Thổ Thần vẫn còn đó, để ông che chở miếng đất của ông bà ngoại tôi. Sở dĩ tôi có niềm tin ấy, vì bà ngoại tôi cứ chiều đến là ra miễu Thổ Thần đốt nhang. Không sót một buổi chiều nào! Tôi không biết bà khấn vái những gì, nhưng lần nào bà cũng chùi nước mắt bằng vạt áo, rồi kính cẩn cắm ba cây nhang vào cái lư hương bằng sành mầu xanh có hình con rồng.

Đường về Long Thạnh càng ngày càng nguy hiểm cho xe và hành khách. Mìn nổ giữa đường từ Cần Thơ xuống Cà Mau rất thường xuyên. Không biết bao nhiêu người đã chết, thương tích, què giò, cụt

tay. Vậy mà chị em tôi vẫn về Bang Thạch thăm ngoại. Mỗi lần thấy chúng tôi, bà hay nói: "Tụi con về cho căn nhà này vui".

Chúng tôi dù sợ mìn giữa đường cũng không nỡ bỏ bà một mình hiu quạnh, nên giả đui, giả điếc để về vườn thăm bà ngoại. Phá hoại là chủ trương của những người "chống Mỹ cứu nước"; còn chuyện về thăm bà là bổn phận của chúng tôi.
Bà tôi muốn nghe chuyện tình hình ở ngoài chợ. Có lần bà hỏi chúng tôi có phải một bà lớn ở Sài gòn đã cho tay sai đốt nhà dân để bán tôn vì bà ta có một xưởng làm tôn. Khu nhà bị đốt ấy về sau Chánh phủ phá xây một trường trung học cho con em dân Khánh Hội không phải đi xa.

Bà cũng hay hỏi về ba tôi và các cậu. Tôi biết bà vẫn nuôi hy vọng con trai, con rể và cháu của bà sẽ

trở về trong vinh quang, để bù lại những năm dài chờ đợi. Thay tôi tỏ vẻ không tin tưởng, bà khuyên tôi nên kiên nhẫn, rồi sẽ có ngày gặp ba tôi. Sau khi nghe bà khuyên như vậy, tôi tội nghiệp bà ngoại tôi vô cùng. Bàn tay của bà không mềm như tay của bà ngoại Nhuận trên Sài gòn. Nhưng hai bàn tay của bà đem tình thương lại cho chúng tôi và che chở chúng tôi trước những tai hoạ bất cứ rừ đâu đến. Hai bàn tay chai cứng ấy đã đùm bọc mẹ con chúng tôi trong lúc khó khăn, đơn độc này. Bấy giờ bà già yếu, chỉ trong cậy vào dì Bảy.

Tôi mong các chị bà con cán bộ của tôi buông tha tôi, quên tôi đi, đừng tìm cách níu kéo tôi vào tổ chức của họ. Một hôm, tôi đến Bang Thạch nhân ngày giỗ đầu tiên của ông ngoại. Chị Thảo hay trước hỏi tôi có thấy truyền đơn dán trong lớp của tôi không. Tôi biết ngay là chị và chị Yvonne đã

nhúng tay vào việc rải truyền đơn trong lớp. Tôi dại dột, khờ khạo kể cho hai chị nghe về phản ứng thuận lợi của một đám học trò đã lén đọc truyền đơn. Thế là, hai chị khuyến khích tôi gia nhập Mặt trận. Chị Thảo nói:

- Dung ơi, bây giờ đất nước cần em. Bây giờ là lúc chị em mình phải phục vụ cho quê hương, tổ quốc.

Chị Yvonne nói thêm:

- Lương tâm của một người yêu nước là biết chọn con đường đúng nên theo. Dung đừng bỏ lỡ cơ hội.

Tôi thẳng thắn nói ngay:

- Chị có biết mấy trái mìn mà các đồng chí của các chị gài ở ngoài lộ đã làm em mất hết tin tưởng vào cách mạng của mấy chị không?

Tôi đã nói huỵch toẹt như vậy, mà chị Thảo vẫn cố gắng thuyết phục tôi:

- Em thông minh, em sẽ là một cán bộ hăng say, có trình độ, có hoàn cảnh thuận lợi trong trường.

Nhưng tôi vẫn từ chối:
- Em không mất công, mất tiền, mất thì giờ học luyện thi, vào được trường Phan Thanh Giản, để trở thành một cán bộ giết người, chị biết không?

Chị Yvonne không còn kiên nhẫn với tôi nữa, nên đứng dậy ôm củi đi vô nhà, vừa đi vừa nói:

- Tùy mấy người.

Đêm đó tôi tưởng hai chị tôi đã hết hy vọng vào con em cứng đầu này rồi, nên trong bụng cũng thấy mừng. Nhưng khi mọi người cùng ngồi ăn cơm, hai chị lại tìm cách thuyết phục tôi. Họ rủ tôi ra ngoài bồ lúa, yêu cầu tôi bỏ thêm truyền đơn vào lớp học. Tôi từ chối ngay, những chị Thảo vẫn nói:

- Truyền đơn sẽ được bỏ trong hộc tủ của con bạn thân nhất của em cuối tuần này. Làm ơn đừng cho nó biết để nó lấy ra kịp thời.

Tôi bỗng giận hai chị sôi gan. Tại sao hai chị lại muốn hại bạn thân của tôi? Nhưng tôi cố dằn lòng, vui vẻ hỏi:

- Bạn thân của em là đứa nào vậy?

- Con Hiệp! - Chị Thảo đáp ngay với giọng cười đắc ý.

Sáng sớm thứ hai, tôi mau mau tới trường sớm trước mọi người, nói dối với chú Hai gác gian là tuần này tới phải quản lớp. Sau đó, tôi chạy như bay vô lớp, tới ngay bàn chị Hiệp, mở ngăn ra. Tôi thấy ngay một xấp giấy mầu xanh dầy cộm chừng ba phân tây. Tôi vội bỏ cả xấp vô cặp da của tôi, rồi đi thẳng ra cổng trường. Tim tôi đập liên hồi. Hai bàn tay tôi ướt nhẹp, vì trước của trường là một đồn Công an. Tôi cố giữ vẻ mặt bình tĩnh, đi nhanh tới hẻm Ông Cả Đài để đến một nhà nuôi cá tra. Nơi đây có cầu tiêu công cộng cho dân xóm nghèo. Tôi vào nhà cầu, để xấp truyền đơn chung với đống giấy vệ sinh rồi không biết bỏ ở đâu.

Khi tôi và chị Thuận đậu vào trường Phan Thanh Giản, gia đình tôi coi đó là một thành công lớn, mở đầu cho con đường học vấn của chúng tôi sau này. Nhưng tôi tự biết tôi thua xa Hải Vân em của tôi, dù nó kém tôi hai lớp. Nhiều bài toán, tôi phải nhờ nó giải giùm. Khi Hải Vân thi vào Đệ thất Phan Thanh Giản, nó rất tự tin. Khi tôi hỏi nó về mấy bài thi, nó thản nhiên:

- Em biết em làm đúng nhiều hơn sai.

Quả nhiên Hải Vân trúng tuyển với hạng cao. Tôi hãnh diện về đứa em dễ thương, thông minh lạ thường. Bốn tháng sau khi Hải Vân học trường Phan Thanh Giản, chị Thảo tìm cách thân thiện với nó hơn trước. Chị hay nói chuyện với nó. Tôi nói chặn và dặn dò chị:

- Chị để yên cho nó học. Chị xui nó làm bậy, em méc má, và luôn cái vụ chị cắt tóc.

Hải Vân không thích tôi bảo vệ nó như gà mẹ bảo vệ gà con, nói với tôi:

- Chị lo cho chị đi, để em lo cho em.

Sự thật, tôi tin là em tôi có thể đối phó với các chị Việt Cộng của tôi. Nó sẵn sàng từ chối bất cứ điều gì có thể làm cho má tôi đau lòng. Nhưng tôi cũng không quên rằng chúng tôi đều là con của một lãnh tụ trong Mặt trận giải phóng miền Nam: sợ nó lại nghĩ rằng nó có bổn phận nối gót cha. Vì vậy, đằng sau ót của tôi, không nhiều thì ít, cũng lo về Hải Vân.

Ba tôi tập kết khi Hải Vân mới sáu tuổi. Ba tôi dậy em và chỉ cho em từng tên của các vì sao trên trời. Má và chị em tôi rất vui mừng là nó khôn trước tuổi; không ai xúi dại Hải Vân được.

Để tránh nanh vuốt của Việt Cộng, má đưa Hải Vân lên Sài gòn ở với chị Kim, chị Cương để đi học, dù lên Sài gòn em không được học trường công, mà phải đóng tiền cho em đi học

Chương 16

Hai tuần đầu của tháng 11 năm 1963, sau cái chết mờ ám của anh em cố tổng thống Ngô Đình Diệm, đất nước trở thành cái sở thú, mà thú vật là những

sĩ quan cấp cao vừa phản bội một lãnh tụ mà họ đã từng ca tụng là anh minh.

Những ai còn trung thành với Tổng thống Diệm phải giấu nỗi tiếc thương ông trong tim của họ. Tôi đã từng nghe người bán than nói chuyện với một bà già bán than:

- Bà có biết người ta nói tổng thống tự sát khi bị quân đảo chánh bao vây.

- Láo! Ông là người của Thiên Chúa, không bao giờ lại tự sát như vậy.
Nói xong ông bán than cúi đầu gạt nước mắt. Tôi thấy ông đeo cây thánh giá ở cổ bằng sợi chỉ đen.
Nỗi buồn thảm bao phủ trên các gương mặt của nhiều người Bắc trong tỉnh Cần Thơ bé nhỏ này.

Trong khi đó, các cán bộ Mặt trận giải phóng miền Nam lại huênh hoang khoe rằng họ đã nhúng tay vào việc hạ bệ anh em ông Diệm. Trong nhiều làng họ triệu tập các buổi họp do các cán bộ của Mặt trận giải phóng miền Nam vỗ ngực xưng tên, là phe họ đã "tiêu diệt anh em tổng thống Ngô".

Ông hiệu trưởng trường Phan Thanh Giản ra lệnh cho học sinh các lớp gỡ bỏ hình tổng thống Ngô Đình Diệm. Khi leo lên gỡ hình Tổng thống Diệm trên tường, tôi nhìn vào cặp mắt hiền từ của ông, thầm nói với ông:
- Ai biểu ông để cho bà Nhu làm trời làm đất, mới ra nỗi này!

Cô Thu Hương muốn giữ hình của cố tổng thống, nên tôi lấy giấy nhật trình gói lại, rồi đưa cho cô. Trong khi đó, bên trường nam, đám học sinh liệng

cả khung lẫn hình thành một đống kiếng bể, khung hình cũng bể luôn. Tự nhiên tôi cảm thấy nôn nao, tưởng như đất nước tôi cũng đang rạn nứt như khung hình đó.

Tôi thấy tôi cô đơn giữa những biến cố đột ngột của đất nước mình. Một quốc trưởng chết, hai ba phe bị nghi là thủ phạm, cho rằng mình cũng bị gán cho là thủ phạm làm sao mà tôi không thắc mắc, tôi nghiệp cho đất nước, và cho cả thân phận tôi!

Cuối tuần, chị em chúng tôi về vườn trong Bang Thạch để thăm bà ngoại và dì Bảy. Khi ra thăm mộ ông ngoại, tôi ước gì ông còn sống, vì tôi tin rằng ông có thể biết kẻ nào đã giết anh em ông Diệm.

Ba tuần sau khi ông Diệm bị ám sát, chúng tôi lại nghe tin tổng thống Mỹ John F. Kennedy bị ám sát

ở Dallas, tiểu bang Texas. Cũng như nhiều người Việt Nam, chúng tôi tin rằng tổng thống Kennedy quyết liệt chống cộng để thể giữ được ổn định và gia đình tôi được đoàn tụ, và chúng tôi sẽ sống bình thường như những gia đình khác. Rồi chúng tôi sẽ liên lạc lại với họ nội. Ba tôi và cậu tôi, vì lòng yêu nước, đã làm mất truyền thống của hai gia đình.

Có những buổi chiều đi bộ về phía chùa Cây Bàng, ngồi một mình trong chùa hoang vắng, tôi bỗng sợ một ngày nào đó có thể làm mất thể diện của ba tôi, vì tôi không đi theo chí hướng của Người. Nhưng tôi lại tin rằng ba tôi không muốn chúng tôi đi theo cộng sản đâu, vì không bao giờ ba nói với chúng tôi về chủ nghĩa đó, mà trước khi ra đi, ba cũng không có dặn dò gia đình và tôi nối gót ba. Người chỉ là một nhà ái quốc muốn đuổi giặc Tây. Vào thời Tây đô hộ Việt Nam, chỉ có Việt Minh mới đủ

sức đương đầu với bọn thực dân. Rồi “đâm lao phải theo lao", trong khi Việt Minh chưa lò đuôi là tay sai của cộng sản quốc tế. Ba tôi lo việc nước, má tôi lo việc nhà, để việc giáo dục phó mặc cho má tôi.

Một hôm, tôi hỏi ông ngoại:

- Ngoại à, nếu cháu không theo họ, mai mốt ba cháu có giận cháu không?

Ông tôi trả lời:
- Đạo Thiên chúa họ tin là nếu một người đi tu thành ông cha, thì cả nhà họ được nhờ. Tụi cháu hy sinh ba cháu cho thằng cộng sản đó rồi, không còn nợ nần ai hết.

Tôi cúi đầu quệt nước mắt vì câu trả lời này, nhưng tôi và Hải Vân lại thấy an lòng.

Đa số người Việt chúng ta thích tin theo lời đồn. Báo chỉ loan tin "nghe nói" là báo bán chạy như tôm tươi. Ít ai chịu tìm hiểu tận gốc. Khi tôi mới 15, 16, chính phủ Ngô Đình Diệm tổ chức bầu cử. Suốt ngày tôi nghe đài phát thành truyền đi những câu hát cổ động cho cuộc bầu cử, như "rủ nhau đi bầu, rủ nhau đi bầu… tay cầm lá phiếu tự do v.v…

Nhưng lại có nhiều người nói với nhau rằng: "Bầu làm chi, Chánh phủ nào cũng vậy". Tôi không đồng ý với họ. Dù còn nhỏ tuổi, tôi cũng biết không thể "chánh phủ nào cũng vậy", vì nếu cộng sản nắm được quyền, mọi sự sẽ thay đổi trong chớp nhoáng; đời sống của người dân sẽ không còn yên ổn như bây giờ. Tự do cá nhân sẽ bị tiêu diệt. Sở dĩ tôi biết

được như vậy, là vì tôi đã chứng kiến những vụ cướp vườn, cướp đất, cướp vợ, cướp con của người dân, do một số người đi "giải phóng trong vùng giải phóng".

Chuyện nước chuyện non còn nhiều lủng củng, lộn xộn, bà ngoại tôi qua đời vào mùa xuân năm 1964. Bà ngoại không còn được thấy bông bưởi, bông cam, bông quít ở vườn nữa. Bà cũng không còn hưởi tóc chúng tôi mà khen "thơm như bông bưởi" nữa. Cuộc đời của bà gắn bó với mảnh đất ông bà cố để lại. Không một tấc đất nào trong miếng vườn, không có dấu chân của bà. Mỗi lần bà ra thăm vườn, ông tôi lại nhắc bà mang dép để khỏi đạp phải gai. Ba không bao giờ cãi lại ông, nhưng bà chỉ đi dép có một đỗi rồi lại bỏ ra cầm tay, bà máng nó trên một nhánh cây. Có lần tôi hỏi:

- Sao ngoại không mang dép mà đi chân không?.

Câu trả lời của bà làm tôi ngỡ ngàng, và cho tôi hiểu tâm can của người yêu xứ sở:

- Đất đai của ông bà để lại, đi chưn không nó mới thấm!

Từ đó, mỗi lần về vườn, tôi lột đôi giầy sandale đeo lên bắt chước bà tôi "đi chưn không cho nó thấm".   Nhờ vậy, tôi biết được "cái thấm của đất dưới chân mình" và tôi yêu mảnh vườn của ông bà ngoại hơn.
Ngày xưa buổi sáng, khi người làm vườn tới nhà ăn cơm trước khi ra đồng, bà ngoại tôi lại cầm cây câu liêm (một cái dao hình lưỡi liềm) đi từ bờ này đến luống kia, kiếm điểm từng cây từng bờ, rồi về cho dì Bảy Nhẫn biết cây nào cần tỉa, bờ nào cần đắp.

Mấy người làm vườn sẽ theo chỉ dẫn của dì mà làm việc. Bà thường len lỏi đi trong vườn để tỉa mấy nhành cây, cắt mấy cây chuối khô. Nếu có con cháu đi theo, bà chỉ những cây quít trĩu quả mà hứa:

- Tới chừng bán quít bà cho con tiền của cây này.

Mấy chị bà con của tôi liền rủ nhau đi tìm những cây quít sai quả rồi buộc một sợi dây làm dấu:

- Tao xí cây này!

Nhưng khi biết được chuyện "xí" này, bà rầy:

- Đồ chết dẫm! Bỏ cái tính tham lam đó nhen!

Chị em chúng tôi mắc cỡ, mạnh ai nấy cắt bỏ dây làm dấu, chỉ có anh Quốc và Hải Vân không cần quần là áo lượt, không cần kẹp tóc, áo nịt ngực, nên không ham tiền bán quít. Nhưng cả thu đông, mùa nào họ cũng đủ ăn, đủ mặc, đủ tiền mua đồ chơi.
Hàng ngày, bà tôi làm việc không ngưng tay. Khi thì bà chẻ lạt cho thợ lợp nhà buộc lá dừa; khi thì vót đũa tre: khi chẻ củi phơi khô, hay xắt thuốc rê cho ông ngoại.

Ngày nay người ta mướn thầy phong thuỷ tới sửa đổi nhà, làm tôi nhớ lại phong thuỷ đã có trong đời sống ở nhà của bà chúng tôi rồi; nó là cách tạo cho lối sống thuận tiện.
Bà ngoại giữ cho không có đũa so le, không có chén mẻ; nếu áo rách thì vá, áo đứt nút thì đơm lại. Thúng rổ bị rách thì bà đem sợi dây luộc xải để cột thúng tát mương bị dính sình, mà phải rửa sạch sẽ,

phơi kho. Bà nói, không chăm sóc những cái đấy là "cản trở không tốt" cho nhà.

Tôi hay theo bà ra vườn hai lá trầu. Bà dậy tôi lá nào vừa ăn, lá nào là lá non, là nào già cay nồng. Hồi mười hai tuổi, tôi xin bà cho ăn thử tép trầu. Lúc đầu bà không chịu; bà nói con gái ăn nó xấu lắm. Nhưng tôi theo nịnh bà suốt ngày, nào têm trầu cho bà, nào trở cái nia cau cho mau khô ngoài nắng… cuối cùng bà đành cho tôi ăn thử.

Trưa hôm đó say trầu, tôi ngủ li bì trên võng, bỏ buổi cơm. Mấy chị con cậu Tư, cậu Năm, cười tôi quá.

Theo tục lệ xưa, bà mua trước một "cái thọ" cho ông ngoại, cái thọ đó để dưới mái hiên cho khuất nắng, khuất mưa. Khi qua đời, ông được liệm trong cái hòm gỗ tốt. Đến phiên bà qua đời, con cháu họp

nhau mua một cái hòm không được tốt bằng cái hòm của ông. Vài năm trước, lúc bà đau nhiều, thường phải đi bác sĩ, nên tôi đã lén may cho bà một bộ quần áo dưỡng già rồi.

Bà ngoại ra đi không kèn không trống, chỉ có nước mắt tiếc thương, kính trọng, và ăn năn hối hận. Tiền để dành lo hậu sự cho bà, dì Bảy đã xài hết cho "chiến dịch".

Năm 1964, đất nhà không còn an ninh nữa. Ban đêm Việt Cộng làm chủ, ban ngày lính quốc gia hành quân, phục kích, bắn, bỏ bom. Vì vậy, chỉ có hai ông em trai của bà cũng gia đình hai ông, và đám con cháu phía chúng tôi, với mấy người hàng xóm láng giềng ở Bang Thạch tới Xẻo Môn đưa bà ra tới nơi an nghỉ cuối cùng. Nhà cậu Hai Định quen lớn, nên lính quốc gia, tạm ngưng hành quân

mấy tiếng đồng hồ. Mặt khác, dì Bảy xin Việt Cộng ở Xẻo Môn án binh bất động mấy ngày, để tang gia có thể hội họp đông đủ, lo chôn cất bà.
Có điều may mắn, là từ mấy năm trước, bà ngoại đã lo xa mướn người xây hai kim tĩnh cho cả ông lẫn bà. Nếu không, ngày nay gia đình chúng tôi có thể gặp khó khăn. Dì Bảy không cho tiền làm mộ bia, đừng nói tới chôn cất. Rồi chiến tranh, rồi bom phá sập nhà, dì phải dọn ra chợ Bang Thạch. Ban ngày dì trông coi vườn tược, chiều hội họp với tổ chức, rồi tối trở ra chợ Bang Thạch ngủ.

Từ sau ngày bà ngoại tôi qua đời, dì Bảy Nhãn không còn phải nợ nhà, mà dốc lòng trả nợ nước. Dì đã hy sinh nửa cuộc đời cho gia đình, nay dành nửa cuộc đời còn lại trọn vẹn cho nước cho non, sống một cuộc đời trong sạch, gương mẫu. Dì đã thế ba tôi nuôi dậy chúng tôi, bay giờ đi làm mẹ

chiến sĩ, nâng đỡ từ tinh thần đến vật chất cho những cán bộ Việt Cộng. Từ Cái Tắc đến Bang Thạch, từ Xẻo Môn đến Cái Chanh, Cái Muồng, khắp hang cùng ngõ hẻm, người nào cũng thương mến, kính trọng dì.

Con đám con nít chúng tôi, nếu dân trong vùng Việt Cộng kiểm soát biết chúng tôi là cháu dì, chúng tôi sẽ được mọi người quý mến. Có những nơi mà chúng tôi không dám tới, dân trong vùng đua nhau noi gương dì Bảy Nhãn.

Tôi nhớ hoài bàn tay chai cứng đầy yêu thương của bà ngoại. Bàn tay ấy thường nắm lấy tay tôi, chỉ lên ngọn cây vú sữa và cây khế sau nhà con mấy trái cuối mùa, rồi nói: “Để bà kêu thang hái cho má con”.

Cậu Khương là cháu kêu bà bằng cô. Nhưng cậu chưa kịp tới, thì tôi lén bà leo bẻ trước. Thấy tôi hay leo trèo, bà thường nói là tôi “có mụ đỡ”, nếu không tôi đã té gẫy cổ chết từ lâu rồi. Tôi còn leo cả cây cau, cây dừa cao chót vót. Có lần tôi leo lên một cây cóc cao vút, chỉ vì mấy trái cóc chín vàng. Nhưng khi tôi hái trái cóc rồi, nhìn xuống đất mới hết hồn, vì đất xa quá. Tôi không dám leo xuống nữa, ôm cây mà khóc, kêu cứu. Cậu Khương phải leo lên, buộc bụng tôi vô cây cóc, ngồi lên vai cậu rồi từ từ leo xuống. Tứ đó tôi chỉ dám lượm cóc rụng, không dám leo cây cóc nữa.

Bà ra đi mà không được thấy mặt hai người con trai bà yêu thương. mong đợi mỏi mòn. Bà mất rồi, không còn ai theo hỏi tôi “Chừng nào ba con về?” hay: “Có nghe tin gì của ba con không?"

Tôi tự thầm hứa hứa với lòng, là lớn lên tôi sẽ cố gắng theo gương bà. Làm chị, làm mẹ, làm người như bà ngoại tôi. Xương máu của tôi là xương máu của bà. Bấy nhiêu cũng đủ là hành trang vào đời của tôi.

Năm ấy cũng là năm tôi học hết trung học. Huê lợi của nhà bà ngoại không còn đủ để cung cấp cho chúng tôi nữa, vì dì Bảy đã dâng hiến hết cho Việt Cộng. Má tôi không còn cha, không còn mẹ, không còn trông vào huê lợi của vườn tược, nên bà lo lắng làm việc ngày đêm. Tôi xin má cho tôi nghĩ học để đi làm giúp gia đình. Bà vừa khóc vừa nói:

- Con mới có 18 tuổi hà!

Tôi không cãi lại, nhưng bắt đầu từ đó âm thầm kiếm việc làm. Tôi tính toán coi ai có thể mướn tôi được, và tôi muốn làm cái gì, cho ai. Những năm

tôi học trung học, má tôi cấm chơi với con trai, nên chị em chúng tôi chơi với “Bạn Bốn Phương”, chúng tôi cùng ra bưu điện gởi thơ, nên đứa nào cũng thích nhà bưu điện Cần Thơ. Khi đã lớn, chúng tôi vẫn còn thích nhà bưu điện. Một hôm, tôi đến đó thử thời vận, qua lời giới thiệu của của anh bạn học, quen với con trai ông trưởng ty Bưu điện. Chánh trị và xã giao nơi tỉnh nhỏ chúng tôi là vậy.

- Cô mấy tuổi?

Ông quản lý Bưu điện vừa hỏi vừa nhìn tôi qua cặp mắt kiếng dầy cộm, đã trở mầu như có dính mỡ của ông.
Tôi lễ phép đáp:

- Dạ, cháu đã 18 tuổi tây, 19 tuổi ta.

Sở dĩ tôi phải “kê khai” cả tuổi tây lẫn tuổi ta để ông già biết tôi là người lớn. Ông lại hỏi tiếp:

- Trước đây cô đã làm việc ở đâu chưa, cô bé?

Nghe giọng Bắc kỳ của ông thật để ghét!

Khi tôi cho biết tôi mới học xong trung học, ông đẩy lá đơn trả lại cho tôi, rồi dựa lung vào ghế nói một cách lạnh lùng không thèm nhìn tôi:

- Chúng tôi không có ai rảnh dậy việc cho người mới lúc này. Chúng tôi cần người có kinh nghiệm cả.
Tôi mắc cỡ cầm lá đơn bước ra khỏi nhà Bưu điện, vừa thất vọng vừa giận ông già quá. Tôi nghĩ thầm trong bụng cho tui vô, đập “chúng tôi” một trận là có kinh nghiệm ngay!

Dáng tôi thấp nhỏ, người ốm nhom ốm nhách, mà hễ giận là muốn đánh cho người đó một trận. Đó là đặc điểm của em anh Khôi. Nhiều lần Hải Vân khuyên tôi hãy đi học võ Judo trước khi muốn đánh ai.

Mộng làm bưu điện của tôi tan vỡ nhanh chóng. Tôi tìm một vài chỗ khác, như việc bán giấy cho rạp hát Casino Huỳnh Lạc. Bà chủ rạp Casino chịu nhận tôi vô làm, người nói phải ký quỹ trước 2.000 đồng. Lúc đó tài sản của tôi mỗi một chiếc xe đạp, giá 1.500 đồng khi mới mua bốn năm về trước. Bán chiếc xe đi để có tiền ký quỹ, tôi sẽ lấy "chân" đâu để đi làm?

Như ngọn lửa vừa nhen nhóm cháy lên, chưa đủ nóng đã bị tàn. Lòng tự tin của tôi như cái bánh xe

bị xì hơi, xẹp lép. Nhưng chỉ vài ngày sau tôi thầm tự khuyến khích: “Thua keo này, ta bày keo khác, sợ gì”. Nếu không còn củi để nấu cho cái nồi hy vong đó sôi lên sùng sục, tôi cũng cố hâm cho nó nóng lại từ từ. Tôi nhớ lời bà ngoại dậy tôi kho thịt với nước dừa: “Nấu lửa nhỏ, càng chậm càng ngon”.

Hè năm này, Bang Thạch không còn là nơi yên ổn để đến chơi nữa. Chị Thuận và tôi vừa đi kiếm việc làm vừa tìm cách kiếm ra tiền để ăn hàng và mua sách đọc. Có mấy cuốn ở nhà sách Văn Nhiều, chúng tôi chưa có tiền mua, dù đã đọc ké. Chúng tôi xin với má cho chúng tôi luông và kết nút áo. Nếu tôi chịu khó, một ngày cũng làm xong được hai cái. Tiền công hai cái áo không đủ mua nửa cuốn sách. Trong khi đó, chị Thuận khéo tay hơn, nên đồ chị luôn đẹp hơn. Tôi lấy số tiền ít ỏi ấy ra

tiệm sách Văn Nhiều mua một bản nhạc. Hải Vân đàn Mandoline; tôi và Mai Bắc Kỳ song ca.

Rồi một hôm, cái duyên văn nghệ, báo chí bỗng đến với tôi. Lúc đầu, tôi chỉ muốn giúp một ông nhà báo ở sát cạnh nhà tôi, cách nhau một cái hàng rào bằng đây kẽm gai. Tôi nghe nói ông là phóng viên cho tờ báo Sóng Thần trên Sài gòn. Chung quanh gọi ông là dượng Tư Quan. Dượng là một người kỳ lạ ốm yếu như người bị ho lao. Tóc dượng hình như không chải nổi vì có mỡ. Dượng ghét con nít, vì cho con nít là “lũ quỷ ồn ào”. Dượng ở nhà với bà mẹ và một người đàn bà bán bánh cống nhà buổi trưa, đến chiều thì bán chuối chiên. Tất cả mọi người ở Cả Đại đều thương cho hoàn cảnh của “cô Tư bán chuối chiên”. Mỗi lần hai vợ chồng đánh lộn, dượng Tư Quan đánh vợ bầm mắt, chảy máu, quần áo rách tơi tả. Nhưng vợ

cũng không vừa. Cô nắm đầu, bứt tóc dượng, rồi vừa la lối, ôm theo đồ quần áo. Cô thường kể lể thật lớn:

- Từ đây tao với mầy đoạn tuyệt… Mầy hút cho hết tiền rồi về đánh tao… Tao luôn… Tao về với má tao.

Hàng xóm ai cũng thuộc lòng mấy câu trách móc. Dượng Tư cũng chạy theo, níu kéo cô trở lại mà không được. Khi cô bỏ đi, chị em chúng tôi lại nhớ món chuối chiên, Nhưng trăm lần như một, cô chỉ vắng bóng khoảng vài hôm rồi lại thấy cô ngồi cùng một xe lôi với chồng, trở lại nụ cười tươi trên môi, trên mặt. Thế là hoà bình đã được lập lại.

Riêng tôi, tôi vẫn thấy thương cô. Cô làm lụng vất vả để kiếm tiền, vậy mà dượng Tư lại đem đốt

những đồng tiền mồ hôi, nước mắt của cô trong nhà hút ở Xóm Củi. Hễ cô giấu được đồng nào, chồng cô cũng khảo cho lòi những đồng tiền đó ra mới chịu.

Vậy mà hai người đã sống bên nhau hơn mười bốn năm trời. Sở dĩ hàng xóm láng giềng biết như vậy, vì mỗi lần vợ chồng đánh lộn nhau, chính cô lại kể lể như vậy.

Một buổi tối, người ta xôn xao vì có tin Việt Cộng vừa nổ kho xăng giữa Đầu Sấu và Cái Răng. Kho xăng này chỉ cách nhà tôi độ tám cây số. Nghe được tin đó, tôi chạy qua cho ông nhà báo hay.

Nhưng ông không có nhà, vì ông lại đi kiếm cô Tư. Tôi tiếc không gặp ông, vì tin Việt Cộng phá hoại kho xăng nóng hổi. Tôi biết dượng Tư theo phe

Quốc gia, nên dượng quan tâm đến hoạt động phá hoại của Việt Cộng. Không cần phải nghĩ ngợi lâu, tôi phóng lên chiếc xe đạp, chạy đi săn tin này.

Khi đến gần kho xăng đang cháy ngùn ngụt, tôi bị sức nóng làm cay mắt. Tôi phải dùng xa xa trong khi cảnh sát không ngừng thổi tu huýt chặn những ai bén mảng đến gần hơn mấy chiếc Jeep đậu cản đường, kể cả những người ở tại phía Nam, bên kia cầu Rạch Ngỗng. Tôi phải năn nỉ mấy ông lính cho tôi sang bên kia bờ sông; nếu tôi không về đúng giờ, má tôi sẽ tưởng tui bị chết cháy. Một anh lính trẻ đành cho tôi đi.

Hai bên đường, người ta chen lấn nhau đứng chậtních chừng một cây số cách kho xăng đang cháy, tôi phải ngừng lai. Xa xa, ngọn lửa bốc lên cao vút, khói đen ngập trời. Bỗng trong đám những người bị

sơ tán, có một ông ôm một bọc lớn, vừa đi vừa chạy từ bên kia cầu, miệng chửi Việt Cộng, chửi xe chửa lửa, chửi luôn cả đứa con gái nhỏ nắm áo chạy theo cha. Ông còn lớn tiếng hăm doạ:

- Nhà tao mà cháy, tao chém chết cha thằng chó đẻ nào chủ mưu.

Cây cầu Rạch Ngỗng là chỗ cao nhứt để có thể thấy được ngọn lửa đằng xa. Nhưng rồi lính quân cảnh, cảnh sát lại ra lệnh giải tán đám người đứng trên cầu. Họ bóp kèn xe hơi, thổi tu huýt, la hét ầm ĩ.

Nhưng đám đông không chịu giải tán. Từ một chiếc xe GMC, lính nhảy xuống, dùng súng xô người khỏi cây cầu. Lúc đó tôi mới nhích đi được hơn nữa cây cầu về phía Nam. Một người lính bắn bổng một phát súng, làm mọi người hốt hoang bỏ chạy,

kẻ đi về hướng nam, người qua phía bắc. Tôi vội vàng dắt chiếc xe đạp chạy miết qua phía Nam, vì nơi đó có nhà của chị học trò của má tôi. Tôi tính trong bụng, nếu có gì nguy hiểm, tôi còn có người quen. Tôi nhứt định phải lấy được tin này đem về cho ông nhà báo bên hàng xóm.

Đến gần đám cháy, hơi nóng càng dữ dội. Tiếng lửa cháy hoà với tiếng xe chữa lửa, xe cứu thương, làm tôi bắt đầu thấy bồn chồn, nóng ruột. Bấy giờ tôi mới hiểu nghĩa câu người ta thường nói "Nóng ruột như ngồi trên đống lửa". Tôi không sợ Việt Cộng, mà chỉ sợ má tôi lo, vì lúc đi tôi không cho má biết là tôi đi coi kho xăng cháy. Trời tối, khói mù mịt chỉ có ngọn lửa bốc lên từ kho xăng làm đỏ một góc trời. Vì nhìn không rõ, tôi đụng phải ột bà già ngồi dưới đất, tôi vội vàng xin lỗi và ngồi

xuống cạnh bà. Thấy tôi, bà liền kể lại chuyện Việt Cộng pháo kích kho xăng:

- Tao thấy tận mắt nè! Pháo kích ngang qua nhà tao. Mới đầu họ bắn hụt, tới lần thứ ba, thứ tư mới trúng đích.

Bà cho biết, người con trai bà đã trở về nhà ở bờ sông để tìm cách đem mấy con heo, con gà đi tỵ nạn. Bà phải ngồi một mình vì bà bị bại liệt. Tôi liền đề nghị bồng bà đến một nơi an toàn. Bà phì cười, tiếng cười trong vắt, rồi bảo tôi:

- Bay nhỏ xíu, bồng tao đâu được.

Tôi chưa bao giờ nghĩ mình "nhỏ xíu", vì vậy tôi luồn từ mặt xuống hai chân bà, tay trái đỡ thân bà, và kêu bà ôm cổ tôi. Rồi nâng bổng bà lên, bắt đầu

đứng dậy đi. Một vài người ngó nhìn chúng tôi, nhưng không ai tiếp tay. Tất cả mọi người đều coi đám cháy. Tôi bồng bà già vô nhà một người quen của bà. Khi thấy bà đã được an toàn, tôi mới trở lại chỗ để xe đạp. Trời đã tối thui, nên tôi phải vội về nhà, vì “giờ giới nghiêm” của của má tôi dành cho chị Thuận và tôi là 9 giờ 30 tối. Sở dĩ má tôi bày đặt ra “giờ giới nghiêm”, vì một chị bạn cùng lớp bỗng hâm mộ thơ của bà Hồ Xuân Hương: “Duyên thiên chưa thấy cái đầu dọc, Phận liễu sao đà nẩy nét ngang”. Chuyện xảy ra từ mấy năm trước, con chị nay đã biết đi. Nhưng má tôi vẫn không chịu bãi bài bỏ “giờ giới nghiêm”. Có lần tôi làm gan đề nghị bà bỏ giờ giới nghiêm cho chúng tôi dễ thở, nhưng bà làm lơ.

Trên đường về, tôi hơi buồn là không tới được gần kho xăng gần hơn, hoặc hỏi thêm được nhiều chi

tiết về đám cháy, để thuật lại cho ông nhà báo biết. Đầu óc tôi nghĩ hoài tới bà già nằm giữa đường. Hai tay tôi còn mỏi nhừ vì đã bồng bà đi một khoảng khá xa. Tôi thầm tự hỏi, tại sao bà già không khóc? Tại sao bà lại bình tĩnh như vậy? Biết được những điều đó, tôi sẽ cho ông nhà báo biết rằng Việt Cộng không làm nao núng một ai, kể cả một bà già bại xuội, trơ trọi có một mình, và chắc chắn tôi sẽ kể câu chuyện một người đàn ông đã nguyền rủa Việt Cộng, đòi tru di tam tộc thằng Việt Cộng nào mà ông ta tóm được.

Về tới nhà, tôi vội xé giấy trong một cuốn tập, rồi viết tin vụ nổ kho xăng, rồi nhờ bà Hai, má của dượng, chuyển cho dượng Tư Quan.

Chiều hôm sau, cô Tư qua nhà tôi và cho biết chồng cô muốn gặp tôi. Dượng Tư Quan là người

quạu quọ, khó tánh, không bao giờ nhìn ai, hoặc chào hỏi ai, nên tôi cũng ngán gặp dượng. Nhưng tôi lại nghĩ rằng mình là con nít, không thể từ chối việc người lớn muốn nói chuyện với mình. Nếu tôi không sang gặp dượng Tư, dượng có thể nghĩ rằng má tôi không biết dậy con.

Dượng chỉ ghế kêu tôi ngồi, rồi dượng đọc bài tường thuật của tôi. Cuối cùng, dượng hỏi tôi:
- Sao cháu không viết kết luận của đám cháy?

Tôi đáp:

- Cảnh sát không cho ai lại gần đám cháy. Họ còn bắn bổng mấy lần để đuổi người ta, không cho ai đứng trên cầu.

Dượng Tư cười - đây là lần đầu tiên tôi thấy dượng cười - rồi nói:

- Phóng viên phải xông xáo, gan dạ mới lấy được tin lạ, tin hay chớ.

Tôi làm gan chọc lại dượng:

- Phải luôn luôn có mặt đúng chỗ, đúng lúc nữa, dượng Tư. Tối hôm qua, bà Hai nói dượng đi săn tin khác.

Dượng gượng cười, lấy hai trăm đưa cho tôi. Tôi từ chối, nhưng dượng cho biết dượng phải trả tiền cho người đưa tin. Cầm hai trăm trong tay, mà cứ nhìn nó hoài. Nó làm tôi nảy ra một ý kiến táo bạo: hay là làm phóng viên săn tin Việt Cộng giết người.

Một hôm, tôi nói nhỏ cho Hải Vân nghe ý định táo bạo của tôi. Nó la cho một trận:

- Chị đừng có lộn xộn. Dì Bảy mà biết được, đi méc má, má lại buồn,, má treo chưn chị lên nóc nhà, như má treo xe máy của chị mấy hôm trước đó.

Tối hôm đó, tôi lót 200 đồng dưới gối khi đi ngủ.
Tôi không ngủ được mà nghĩ ngợi miên man đến công việc dự tính làm. Tôi mơ ước làm phóng viên của đài phát thanh, để các tin tôi viết được phát trên làn sóng điện. Lúc đó, tôi sẽ ngồi trước cái radio để được nghe tin của mình được phát thanh cho cả nước nghe.

Sáng hôm sau tôi dậy trễ, mệt mỏi vì sau một đêm không ngủ với mộng mị, ước mơ tràn ngập trong

lòng. Tôi rủ chị Thuận ra bờ sông sau chùa Cây Bàng để hỏi ý chị. Thật ra không phải tôi muốn chia xẻ với chị giấc mơ của mình. Khi tôi còn đi học, nhiều lần cô Thu Hương hỏi cả lớp sau này muốn làm nghề gì? Tôi không dám trả lời thật, vì ý muốn của tôi táo bạo quá, nên m1 lần như một chỉ trả lời: "Em chưa biết!". Tôi ôm giấc mộng được là một sĩ quan trọng quân lực Việt Nam Cộng hoà, rồi trở thành một nữ tướng mũ đỏ. Làm gì mà được nối gót các anh mũ đỏ. Thôi thì thôi, đi viết tin tức cũng hay lắm rồi.

Giấc mơ của chị Thuận giản dị dễ thương hơn nhiều. Ngày từ khi học tiểu học, chị đã mơ làm cô giáo, theo nghiệp ba của chị, rồi "một mái nhà tranh hai quả tim vàng". Trong mái nhà tranh đó có một tủ, chứa đầy những sách chị đã đọc hay chưa đọc.

Từ bờ sông về nhà, chị Thuận hát nho nhỏ:

- Em ơi nếu mộng không thành thì sao?

Tôi bèn hát đáp lại:

- Em đi lấy chồng Tàu, cho nó mua cái đài radio cho em.
Hai chị em cười khúc khích bên nhau.

Từ đó, giấc mộng trở thành phóng viên, hay biên tập viên theo tôi từng bước. Tôi ăn, tôi ngủ, tôi mơ mộng, tôi tắm, tôi nấu ăn… đều có nó bên cạnh. Thật ra, giấc mộng của tôi quá viển vông. Làm sao đứa con gái mới ra khỏi trường trung học, chưa đi làm một ngày nào, chưa biết việc gì ngoài việc học, việc làm con, làm chị mà đòi theo đuổi nghề cầm

bút? Những tánh tôi lì hơn trâu, dai hơn con đỉa, cho nên tôi quyết tâm thực hiện được ước mơ này.
Nhiều lần, tôi xin phép má đi lính, nhưng má nhứt định không cho vì hai lý do. Một, tôi là con gái, không thể chịu đựng nổi đời sống quân ngũ. Hai, nếu tôi đi lính quốc gia, thể nào cũng bị dì Bảy Nhãn từ. Những nếu tôi chỉ viết tin tức cho quân đội thì chắc tội của tôi sẽ nhẹ hơn đối với dì.
Hoàn cảnh đất nước làm cho gia đình tôi gặp nhiều khó khăn nhưng bù lại, ông trời cũng ban cho tôi nhiều may mắn. Một ông trung uý người Bắc Kỳ ở trọ cạnh nhà tôi, mấy lần mon men đi qua nhà để làm quen với tôi. Những lần nào ông cũng bị má tôi "dàn chào", nên không bao giờ ông được nói chuyện riêng với tôi, hay bất cứ một chị học trò nào của má. Má tôi cương quyết cấm chị em chúng tôi đi chơi với lính. Một hôm, Hải Vân nói nửa đùa nửa thật khi cả nhà đang ngồi ăn cơm:

- Thời chiến mà má không cho mấy chị quen với lính, thì chắc con gái nhà này thành gái già hết.
Lúc bấy giờ tôi chưa có bạn trai, nhưng tôi nghĩ trung uý Phước hấp dẫn, vì nơi ông làm việc là Phòng V của Vùng IV Chiến thuật, một văn phòng mới được thành lập. Tôi cũng mới nghe nói đến phòng này khi trung uý Phước tự giới thiệu ông. Một trong nhiều chương trình của Phòng V là quân đội thiết lập một đài phát thanh ở Sóc Trăng để loan đi những tin của quân đội. Tôi ngây thơ nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để thể thực hiện giấc mơ của mình.

Trung uý Phước cho biết ông đang đi tìm nhà cho ông giám đốc của Phòng V, đó là đại uý Nguyễn Đạt Thịnh. Lại thêm người mới, từ Sài gòn xuống Cần Thơ. Trung uý Phước cũng cho biết đại uý

Thịnh là một nhà văn nổi tiếng ở Sài gòn. Ông đã xuất bản nhiều quyển tiểu thuyết và đã làm chủ bút những tờ báo của Nha chiến tranh tâm lý. Ông là một trong những nhà văn cộng tác với nhiều tờ báo trên Sài gòn, và đã viết nhiều bài phiên bản văn học có giá trị. Trung uý Phước ca tụng xếp của ông không tiếc lời. Người Sài gòn biết nhân tài Nguyễn Đạt Thịnh, nhưng dân miệt vườn của tôi chắc chưa mấy ai biết tới ông, ít nhứt là tuổi học trò có tôi.

Tôi thầm tự hứa sẽ tìm đọc sách của Nguyễn Đạt Thịnh vào mùa hè của đời tôi. Những bây giờ đang là mùa xuân, tôi cần gieo mạ, trồng cấy, nghĩa là tôi cần làm quen với đại uý Thịnh trước đã. Một hôm, tôi nói với trung uý Phước là tôi muốn nhờ ông giới thiệu tôi với đại uý Nguyễn Đạt Thịnh. Trung uý Phước cho biết là họ sẽ có mở tiệc ăn mừng ngày khánh thành phòng V. Vì ông nói hơi

lớn, tôi phải ra hiệu ông nói nhỏ lại, rồi bước ra cửa, thì thầm:

- Đừng nói lớn, má em nghe thì khỏi có đi đâu hết!

Phước cười thông cảm, rồi mời tôi đi dự buổi tiệc ấy. Tất nhiên tôi nhận lời ngay.
Ngày mở tiệc, tôi hẹn gặp trung uý Phước tại câu lạc bộ sân quần vợt, rồi chúng tôi đi bộ qua trại Lê Lợi, trên đại lộ Hoà Bình, là con đường rất quen thuộc với tôi, vì suốt những năm học tiểu học rồi trung học, tôi đã đi qua đi lại đến mòn mấy chục đôi guốc, đôi sandale, mà tôi có thèm để ý gì cái trại lính ở cạnh cái bốt canh nhỏ, có lính đứng gác. Bây giờ tôi đi vô đây để khánh thành của một văn phòng lạ hoắc. Tôi cảm thấy như đi lạc vào một nơi xa lạ, rời bỏ cái tuổi học trò, làm cho tôi hồi hộp. Vừa đi trung uý Phước vừa nhắc tôi là đừng thất

vọng nếu chưa xin được việc, vì có thể các nhân viên văn phòng của đại uý Thịnh sẽ từ Sài gòn chuyển xuống; họ toàn là sĩ quan và hạ sĩ quan. Không có nhân viên dân sự, không có đàn bà và đương nhiên là không có cả học trò mặt còn xanh. Trung uý nói thêm:
- Nếu đại uý Thịnh cho biết Phòng V không mướn biên tập viên dân sự, em có thể xin một chân thơ ký đánh máy.

Tôi đáp:

- Nhưng em không biết đánh máy!

- Em chỉ cần học một cua đánh máy là xong.

Trung uý Phước dỗ dành tôi bằng một giọng nói Bắc Kỳ quyến rũ, ngọt như mật rót vào tai.

- Em có thể làm một việc khó gấp mười lần, dại gì em phải đi học một cua để làm một việc dễ hơn hả anh?

Hôm ấy tôi không ngớt khen thầm những người dân Sài gòn xuống. Quần áo của họ đẹp hơn quần áo của tỉnh lỵ. Họ là bạn, là tình nhân, là vợ của các sĩ quan trong buổi tiệc. Riêng tôi, tôi cùng thầm hãnh diện là giữa đám ba quân ấy cũng có mặt một nữ sinh áo trắng của trường trung học Plian Thanh Giản. Tôi không có mặc cảm nhà quê hay kém cỏi. Tôi còn lên mặt chủ nhà, chào đón khách từ đường xuống Cần Thơ. Trung uý Phước không ngớt giới thiệu tôi đại tá này, trung uý kia, hay chánh văn phòng nọ. Tôi nói nhỏ với ông:

- Em chỉ muốn bắt tay đại uý Thịnh thỏi, rồi em về.

Tôi muốn trở lại ngày hôm sau để gặp đại uý Thịnh, nhưng tôi lại sợ ông cho là tôi quá hăm hở, quá ngây thơ như một đứa con nít. Mà tôi cũng không muốn để lâu quá, rủi đại uý Thịnh không nhớ tôi là ai. Tôi tính toán, rồi quyết định tôi sẽ gặp sau hai ngày là vừa đủ. Phở nóng ăn nóng mới ngon.

Sáng ngày thứ nhì sau khi được giới thiệu với đại uý Thịnh tôi đến trại Lê Lợi xin gặp ông trưởng Phòng V. Đại uý Thịnh phải ra cổng ký tên, tôi mới được vô gặp ông, vì tôi chưa có căn cước, mà thẻ học sinh vừa hết hạn, ông lính gác cổng không cho tôi vô một mình. Tôi phải xin lỗi ông, vì đã làm phiền ông phải mất công ra tận cổng đón tôi. Nụ cười dễ dãi của ông làm tôi bình tĩnh lại ngay. Ông cho biết từ đó tới giờ không có ai thăm ông mà mang thẻ học sinh. Hai hôm trước, trong buổi tiệc

ông nói toàn giọng Bắc, bấy giờ ông nói giọng Nam đặc sệt khiến tôi cảm thấy gần gũi ông hơn, và không còn hồi hộp nữa.

Hôm này quang cảnh Phòng V khác hơn ngày có tiệc, người trong văn phòng đều mặc đồng phục mầu xanh của lính, giầy đen bóng loáng. Ai cũng chăm chú làm việc, trong khi quạt trần quay kẽo kẹt trên trần nhà. Cả phòng im lặng, chỉ tiếng đánh máy và tiếng quạt mà thôi. Văn phòng của đại uý Thịnh ở trong cùng, thì khác hẳn bên ngoài. Phòng này quá phân biệt, có máy lạnh. Hình như ông đọc được ý nghĩ của tôi về khác biệt, nên đã cắt nghĩa cho tôi biết về sự khác biệt ấy. Phòng này phải kín để có thể thâu bằng. Ngoài ra, phòng này còn thêm một người nữa, đó là đại uý phóng viên người Mỹ. Ông Mỹ hiện ở ngoài chiến trường, thỉnh thoảng mới về.

Căn phòng của đại uý Thịnh có một khung kiếng để bên ngoài thể nhìn suốt quá, dù cửa đóng kín. Ông Thịnh không vô cửa ngay mà nhìn vô khung kiếng, rồi nói: “OK, boss cho phép mình vô. Mời cô bé”. “Boss” là một ông thiếu uý, ốm và cao như cây tre miễu, môi thâm đen. Tóc ông không húi ngắn nlur mấy ông nhà binh khác, có vài sợi xoã xuống chân mày, khiến ông phải lấy mấy ngón tay vuốt lên. Ông Thịnh trịnh trọng giới thiệu:

- Đây là thiếu uý Nam, một nhà thơ kiêm nhà văn, ông là linh hồn của đài Tiếng nói của Quân Lực Việt Nam Cộng hoà.

Chúng tôi bắt tay nhau, rồi thiếu uý Nam một tay mở của một tay cầm gói thuốc lá Camel bước ra ngoài.

Tôi ngồi xuống cái ghế bên cạnh bàn viết của thiếu uý Nam, nhưng đại uý Thịnh bảo tôi sang ngồi cạnh bàn của ông. Sau đó ông mở hộp xì-gà hiệu King Edwards, lấy một điếu rồi cẩn thận đóng hộp lại cất vào hộc tủ. Cái cách ông hút điếu xì-gà làm tôi tưởng đó là một lễ nghi đặc biệt. Ông từ từ nắm một góc nhỏ của thân điếu xì-gà, kéo ngược lại, xé cái giấy bóng trong suốt bọc ngoài điếu thuốc. Rồi ông lấy hộp quẹt Zippo, bật lửa lên. Ông ghìm ngón cái bên tay mặt giữ cho ngọn lửa tiếp tục cháy, còn tay trái ông xoay tròn điếu thuốc cho đến khi nó đã cháy đều và ở đầu có một vòng tán thuốc; ông đóng hộp quẹt lại. Lúc đó, ông hít một hơi thuốc rồi nhả khói. Tôi nhìn ông Thịnh đốt cuốn lá khô, mà có cảm tưởng điếu xì-gà chắc là một thứ thuốc rất ngon. Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với cái thế giới mà họ hàng Việt Cộng của tôi gọi

là “Mỹ Ngụy”. Tôi hơi ngỡ ngàng vì trong văn phòng này không có một đồ vật nào do Cần Thơ của tôi sản xuất. Tôi ngồi trên một cái ghế sắt mầu xám, cái bàn viết cùng mầu với cái ghế. Cả cái ghế xoay tròn của đại uý Thịnh cùng cái hộp để giấy tờ trên bàn đều là do “made in USA”.

Có lẽ ông Thịnh đọc được ý nghĩ của tôi, nên ông nói:

- Cái gì trong phòng này cũng là Mỹ, chỉ có tôi là không sao, cô bé tìm tôi có việc gì?

Tôi cũng biết trong quân đội người ta gọi nhau bằng cấp bậc, nhưng tôi vẫn còn là học trò, nên chưa quen cách xưng hô của lính. Thời gian đó, tôi chỉ biết có thầy, cô giáo, hoặc ông hiệu trưởng, bà hiệu trưởng mà thôi. Ngay đến ông xã trưởng Bang

Thạch, tôi cũng kêu bằng cậu. Bây giờ, đối với đại uý Thịnh, tôi gọi bằng anh cho tiện và thân mật. Tôi đi thẳng vô và để cho xong chuyện:
- Anh Thịnh, em muốn làm việc cho đài phát thanh… anh cần biên tập viên, em có thể….

Nói xong, tôi thở phào nhẹ nhõm, vì chính tôi cũng không ngờ tôi có thể trình bày ý kiến một cách dễ dàng như vậy.

- Sao em muốn đi làm, mà không đi học nữa?

Ông Thịnh ân cần hỏi.

Tôi đáp:

- Em đang cần đi làm để giúp gia đình. Cả nhà em chỉ trông vô má em thôi, nên em thấy má vất vả quá… Em phải giúp má em.

Rồi tôi kể cho đại uý Thịnh nghe những nơi tôi đã đến hỏi việc. Bưu điện thì đòi phải có kinh nghiệm, rạp hát đòi hai ngàn đồng thể chưn. Ông gật đầu tỏ vẻ thông cảm rồi nói:

- Catch-22.

Nhìn mắt tôi, ông hiểu tôi có điều thắc mắc, nên vội giải thích:

- Làm biên tập viên ở đây là việc của lính tráng chúng tôi chớ không có các cô làm.

Tôi đáp ngay:

- Trung uý Phước cũng đã nói với em như vậy. Nhưng đó là luật lệ của Sài gòn, còn đây là vùng 4 Chiến thuật. Anh có quyền đặt ra luật lệ riêng cho văn phòng của anh, vì anh là trưởng phòng mà.
Đại uý Thịnh đặt điều xì-gà lên cái gạt tàn, rồi tựa lưng ghế, mỉm cười:

- Con gái Cần Thơ có tài thuyết phục giỏi như vậy a?

Tôi mắc cỡ nhưng nói:

- Nếu Việt Cộng để Phòng V sống lâu ở Cần Thơ thì anh hiểu con gái Cần Thơ hơn.

Đại uý Thịnh đã vui vẻ trả lời:

- Tôi tin là tương lai của Phòng V không lệ thuộc vô mấy chú Việt Cộng, cô bé ơi.

Tôi mừng vì thái độ hoà nhã của ông, nên nói ngay:
- Em cũng tin như vậy.
Ông hỏi tôi bao nhiêu tuổi. Tôi liền cho tôi già thêm một tuổi:

- Em mười chín.

- Ờ, nên tin con số 19 không?.

Ông vừa hỏi vừa nghiêng đầu nhìn tôi bằng đôi mắt dò xét, tôi phải cố thuyết phục ông rằng tuổi tác không quan trọng, làm việc đúng sở nguyện mới đáng để ý. Em khó mà hình dung ra em trở thành một người bán cá hay một chị bán nước đá nhận cho con nít ở trường tiểu học.

Tôi nói vừa cười, nhưng trong lòng cảm thấy buồn đến muốn khóc.

Đại uý Thịnh cười vang lên:
- Tôi hình dung cô bé ôm tập đi học, chớ không bán cá hay bán nước đá nhận ở trường học.

Ông nói bằng một giọng Nam Kỳ đặc sệt, làm tôi ngạc nhiên, nhưng trong lúc này này tôi không có thì giờ để khen cái tài ăn nói của ông và phải giải thích cho ông rõ tại sao tôi cần việc làm.

- Chưa bao giờ em phải nói thiệt hoàn cảnh gia đình của em cho người lạ biết. Dĩ nhiên là em rất muốn đi học, vì em mê học của em lắm. Nhưng bây giờ đã tới lúc em phải giúp gia đình không được quyền làm con nít nữa…

Nói đây, tôi bỗng nghẹn ngào khóc, rồi hấp tấp đứng lên bỏ ra về.

Trên đường về nhà, tôi nghĩ rằng cái mộng cầm bút của tôi đã chết yểu trong trứng nước. Nhưng chiều hôm đó, tôi hết sức ngạc nhiên khi trung uý Phước tới nhà tìm tôi. Ông cho biết đại uý Thịnh mời ông ấy và tôi ăn cơm tối. Nhưng tôi không tin, và cho trung uý Phước biết là hồi sáng tôi đã vụng về có thể làm đại uý Thịnh giận tôi khi tôi bỗng dưng bỏ ra về. Truug uý Phước trấn an tôi, và nói đại uý muốn gặp tôi.

Hồi còn đi học, mấy đứa bạn thân của tôi và tôi thường huênh hoang cho rằng chúng tôi làm chủ Cần Thơ. Thật ra chúng tôi là con nít, chưa bao giờ ngồi ăn trong nhà hàng với con nít, chớ đừng nói là

đi ăn với mấy ông sĩ quan. Vậy mà tôi nhận lời trung uý Phước liền, phần vì muốn tống khứ ông ra khỏi nhà càng nhanh càng tốt, để má tôi khỏi bắt gặp, phần vì tôi nghĩ rằng đã đi xin việc làm thì phải can đảm. Tôi nhớ tới lời nói của em Hải Vân, là "muốn ăn phải lăn vô bếp, muốn chết phải lết về hòm!". Chưa biết việc này sẽ ăn hay sẽ chết, nhưng nếu mà ăn, tôi hẹn gặp đàn ông ở nhà hàng, thì chết là cái chắc.

Chiều hôm đó, đại uý Thịnh đem theo chai cognac, rồi gọi soda và nước đá. Tôi uống nước chanh thôi. Trong lúc ngồi chờ bồi bàn đem soda và nước đá tới, đại uý Thịnh cho biết ông cho tôi tập sự làm biên tập viên. Vì hoàn cảnh gia đình muốn bỏ học đi làm, nhưng mừng quá, tôi không hỏi đến lương bổng. Được việc trước cái đã. Đại uý Thịnh lớn hơn tôi ít nhứt 12 tuổi, nên ông sành tâm lý, đã đi

giầy nhà binh trong bụng tôi khi khi ông cho biết ông sẽ xin cho tôi làm trong chương trình Mỹ viện trợ, tiền lương là ba ngàn đông mỗi tháng. Nhưng ông nói thêm, là nếu không được chấp thuận thêm một nhân viên nữa trong chương trình này, thì tôi sẽ phải đi học lại, vì làm thư ký lương chỉ có một ngàn rưỡi một tháng, không xứng để tôi phải bỏ học. Tôi đồng ý với ông điều này.

Tôi vô nhà cho má tôi hay là có thể tôi sẽ đi làm. Má tôi không tỏ vẻ vui mừng, chỉ giữ im lặng, nhưng tôi biết má vừa muốn tôi đi học, vừa cần tôi tiếp má một tay. Căn nhà bỗng trở nên nặng nề khó thở. Tôi muốn làm một việc gì cho sự căng thẳng dịu xuống, nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Nhà cửa bề bộn quá, má tôi không biết nên dọn dẹp chỗ nào trước chỗ nào sau. Căn nhà ngổn ngang như lòng tôi đêm đó. Tôi nằm cạnh Hoà Bình mà cả

đêm trăn trở với cái quyết định đi làm, không sao ngủ được. Vài lúc, tận đáy lòng, tôi thầm mong má tôi lấy chồng, để chị em chúng tôi được đi học tới nơi tới chốn, để tôi vẫn được làm con nít, và tận hưởng cái tuổi dậy thì mới chớm nở. Nhưng đâu có ai xứng đáng làm chồng mà ngoài ba tôi, mà nghĩ tầm bậy như vậy! Tôi chưa kịp yêu ai, và cũng không có hoàn cảnh để người ta yêu mình, thì tôi đã xông vào thế giới của người lớn, còn thằng học trò nào dám để mắt xanh tới người con gái làm việc cho nhà binh nữa. Nhưng mối lo đó còn nhỏ lắm, chưa khiến mất ngủ. Thật ra, mối lo lớn nhất và được xếp hàng đầu, là cái lý lịch của tôi, phản ứng của dì Bảy và mấy chị bà con. Tôi không thể giấu được hết bà con giòng họ của tôi trong Bang Thạch, một khi tôi đi làm cho Phòng V. Ngoài ra, trước khi tôi đi làm, cảnh sát An ninh quân đội sẽ điều tra lý lịch của tôi. Rồi chuyện gì sẽ xảy ra cho

đại uý Thịnh, khi họ biết ông mướn con gái của ông Đặng Văn Quang, một cán bộ tập kết? Hầu hết tất cả những người ngoại tôi là những đoàn viên nòng cốt của Mặt trận giải phóng miền Nam. Người thay bà tôi nuôi dưỡng chúng tôi là một chiến sĩ, một người yêu mến "cụ Hồ"?

Người ta thường cho rằng những người tuổi Tuất, cầm tinh con chó, là những người có tình chung thuỷ. Đối với riêng trường hợp của tôi, điều này rất đúng. Đại uý Thịnh đã phá lệ để cho tôi việc làm, thì tôi có bổn phận phải bảo vệ ông, chớ không thể giấu nhẹm lý lịch của mình được, tôi sẵn sàng nhận những hậu quả, vì tôi quan niệm sự thật là ánh sáng, là danh dự của cá nhân tôi.

Hôm sau, tôi hẹn gặp đại uý Thịnh ở câu lạc bộ sân quần vợt. Tôi đến sớm chừng 20 phút, ngồi chờ

ông mà cứ ôn đi ôn lại những điều sẽ nói với ông. Tôi sẽ cho ông biết về cây cổ thụ cộng sản gia đình tôi. Tôi phải chỉ cho ông rõ tôi thuộc về nhánh nào trong thân cây đó. Tôi ngồi một mình bên một cái bàn sơn vàng mà lòng đầy băn khoăn, hồi hộp. Mỗi lần gặp những việc khó khăn, muốn bỏ cuộc, tôi hay nhớ lại lời khuyên của ông ngoại: "Làm người thì khó làm chó thì dễ!". Nếu muốn làm người, ta tranh đấu, phải can đảm, phải siêng năng, phải có lòng tin ở mình.

Đại uý Thịnh tới, cũng mang theo một chai cognac. Lúc ông chậm rãi nhâm nhi ly rượu, tôi cứ ngập ngừng mà không nói những điều đã sắp đặt từ trước. Tôi bẻ hết gần nửa ly tăm xỉa răng để trên bàn. Rồi cuối cùng, tôi cũng phải lấy hết can đảm để trình bầy những điều cần cho đại uý biết:

- Em nghĩ em phải nói thật với anh về ba em. Ba em tập kết ra Bắc. Không phải chỉ một mình ba em, mà cả giòng họ bên ngoại em cũng tập kết. Bấy giờ ở đây chỉ có má em và tụi em không theo cộng sản hay Mặt trận thôi. Em nghĩ anh nên biết điều này để quyết định cho em làm việc trong sở của anh.

Đại uý Thịnh hit một hỏi xì-gà dài, nâng niu điếu thuốc và nói:

- Anh cũng như em thôi… Anh có hai người em đi bộ đội.

Ông đưa tay ra bắt tay tôi. Lúc ấy, tôi có cảm tưởng ông đã cho tôi một cái phao. Tôi thở dài nhẹ nhõm. Ông hứa sẽ đối phó với các cơ quan an ninh. Trước khi chia tay, ông còn dặn dò:

- Không nên đưa lưng cho người ta coi thẹo.

Ông cho tôi bắt đầu làm việc ngày hôm sau, nhưng là ngày thứ năm. Tôi xin hoãn lại đến thứ hai đâu tuần tới. Sở dĩ tôi xin hoãn lại, vì tôi muốn hưởng thêm mấy ngày cuối cùng của học trò với con Mai, con Tuyết, chị Thuận, con Lê Kim Lệ trước khi bước chân vào cuộc đời của kẻ đi làm mướn.

Đại uý Thịnh hỏi tôi sẽ làm gì cho hết mấy ngày đó. Tôi vui vẻ trả lời:

- Tụi em lội đua.

- Tôi tưởng con gái Cần Thơ e thẹn lắm, không chơi mấy cái trò đó chớ?

- Lớn lên ở đây mà không biết Iội là có tội với sông ngòi.

Lần đầu tiên tôi thấy thoải mái khi nói chuyện với một sĩ quan, một nhà văn nổi tiếng ở Sài gòn, ông nổi tiếng ở Sài gòn chớ không nổi tiếng ở Cần Thơ. Có thể tôi là người Cần Thơ đầu tiên mà ông quen biết. Tôi hy vọng ông sẽ không nghĩ tỉnh Cần Thơ đầy Việt Cộng.

- Em có nghĩ tới ba thường không?

- Thường như nhịp tim em đập.

- Cho anh hỏi em một câu rất riêng tư nhé!

Tôi gật đầu. Ông hỏi ngay:

- Em còn thương ba không?

Tôi không trả lời đại uý Thịnh được, tôi nghẹn ngào không trả lời. Chúng tôi giữ im lặng không biết bao lâu, cuối cùng tôi lên tiếng trước:
- Hy vọng em không phải là một gánh nặng cho anh.

Ông an ủi:

- Cô bé ơi, cái gánh của cô nặng lắm rồi, để tôi gánh hộ cho.

Ông hứa sẽ tìm cách đối phó với phòng An ninh, khi cần.

Tôi về với tràn trề hy vọng. Chân tôi bước nhẹ như tôi có chắp cánh. Rồi tôi chợt nghĩ đến những

người bà con của tôi trong Bang Thạch. Không biết ăn làm sao nói làm sao với dì Bảy đây, khi dì biết tôi đi làm cho Quốc gia. Thôi thì chò, có biết bước lên bao xa mà nhảy trước. Con nhà họ Đặng cha có sợ ai.

Chương 17

Ban biên tập của chương trình phát thanh gồm có: đại uý Thịnh, chủ bút; thiếu uý Nguyễn Triệu Nam, cây viết và linh hồn của chương trình: và ba cô thơ ký đánh máy. Xướng ngôn có Thảo, một người đẹp không biết từ đâu giảng xuống Cần Thơ. Mỗi lần Thảo bước vô cổng trại Lê Lợi, xe Jeep ngừng chạy, gác cổng bị trặc cổ, lính Mỹ ở các văn phòng huýt gió, chim trên cành cũng phải giựt mình vỗ cánh bay xa.

Tôi được làm đệ tử của thiếu uý Nam. Chúng tôi ngồi cái bàn viết của ông đại uý Mỹ. Ông là nhiếp ảnh viên trưởng, nên với ba tuần ông mới về Phòng V một lần. Khi ông về, thiếu uý Nam và tôi chuyển ra cái bàn bên ngoài, hoặc chúng tôi đem giấy xuống câu lạc bộ làm việc. Tuần lễ đầu tiên, thiếu uý Nam cho tôi đọc báo quân đội do ông lựa chọn. Tôi phải đọc những bài ông làm dấu X bằng mực đỏ. Đó là những bài bình luận của cấp chỉ huy các binh chủng, và những bài của những cây viết "có tiếng" của Nha chiến tranh tâm lý. Tôi còn là học trò thò lò mũi xanh, làm sao biết được những cây viết "có tiếng" trên Sài gòn. "Có tiếng", với tôi thời đó là Khái Hung, Nhất Linh, Hồ Biểu Chánh, chuyện ma. Lê Xuyên nổi tiếng như cồn, nhưng má cấm tôi đọc. Tôi chỉ được đọc những sách má cho phép mà thôi. Thiếu uý Nam muốn tôi bỏ cách viết văn mà tôi đã học ở trường. Ông muốn tôi hít thở

cái không khí của tuyên truyền. Vì vậy, suốt tuần lễ đầu tôi phải cố gắng “nuốt” những bài báo viết khô khan trong đống báo quân đội mà thiếu uý Nam giao cho. Ông muốn tôi mau chóng “trưởng thành” như một người lính. Tôi thầm tự hỏi, một cô gái mới 18 vừa chân ướt chân ráo ra khỏi trường, dù có ăn gian thêm một tuổi cũng mới có 19, làm sao có thể rượt thời gian để trưởng thành như một người lính được. Rồi ai hưởng cái tuổi mới dậy thì giùm tôi đây? Mà làm sao tôi có thể trưởng thành như một người lính của Quân Lực Việt Nam Cộng hoà được? Các anh ra chiến trường, luôn luôn nằm kề bên cái chết với cây súng, gối đầu bằng cô đơn, với những giấc mơ gia đình, đất nước và hòa bình? Tôi biết cái can đảm của tôi lớn bằng hai lá gan, những chưa thể so sánh với cái can đảm của người lính chiến. Nghĩ vậy, tôi tự nhủ phải ráng học với ông thiếu uý để làm việc.

Tôi gọi thiếu uý Nam bằng “ông Nam”, dù ông không bằng lòng, vì tôi chưa quen dùng cấp bậc để gọi một người trong quân ngũ. Ông rất kiên nhẫn, tử tế, và thích dậy học. Sau những giờ gấp rút để hoàn tất một chương trình cho cô Thảo thâu gởi xuống đài phát thanh Sóc Trăng, thiếu uý Nam và tôi thật sự làm quen với nhau. Ông sanh trưởng trong một gia đình Nho giáo ở Hà Nội, di cư vào Nam cùng với hơn 800.000.000 người muốn sống tự do. Tôi không biết gì nhiều về quá khứ của ông, nhưng tôi có cảm tưởng ông không có nhiều cảm tình với đàn bà. Mỗi khi nói đến đàn bà, ông thường có giọng cay đắng. Một hôm, thấy tôi nhăn mặt khi nghe ông kể một chuyện tình, ông vội nói:

- Cô là con gái, chưa phải là đàn bà. Dù có già thêm vài tuổi cô vẫn giữ được cái ngây thơ của cô.

Thỉnh thoảng, ông cho tôi xem những bài thơ ông ca ngợi đàn bà. Có bài nói về một người con gái với lời thơ nhẹ nhàng, có bài với những lời âu yếm dành cho một mối tình. Ông là người đa tình, đa cảm, nên dễ rung động trước vẻ đẹp của phụ nữ. Có người đáp lại tình ông, mà cũng có người đã phụ tình ông. Tôi cũng vẫn nghĩ rằng đa tình như thơ của ông có vẻ "mết quá". Những mối tình của ông, tôi ví như những sợi dây trói buộc ông lại, làm cho ông héo hắt. Nếu cứ mỗi lần yêu là "chết trong lòng một ít", không biết lòng ông còn sống được bao lâu nữa? Hèn chi vọng cổ mới có câu hát "yêu là đau khổ, tình là dây oan". Riêng tôi, tôi nghĩ rằng tình yêu đẹp như trăng rằm, sáng như sao trên trời, vui như những ngày hội lớn, thơm như hoa bưởi, hoa cam… Khi thấy con gái Cần Thơ định nghĩa về tình yêu như trên, thiếu uý Nam chỉ nói:

- Chúc cô may mắn.

Ông hút thuốc liên miên, nên hai ngón tay vàng khè, môi thâm sì. Sau tuần lễ đầu, ông hỏi tôi có ghét khói thuốc không? Tôi nói gì bây giờ, vì tôi biết nếu không có khói thuốc là không có thầy, mà "không có thầy, đố mày làm nên". Tôi trả lời:

- Miễn ông đừng đổi hiệu thuốc khác là tôi chịu đựng được.

Từ ngày đó, ông bớt nghiêm nghị với tôi, ông tỏ vẻ thân mật với tôi hơn, coi tôi như mấy ông thượng sĩ, thiếu uý ở phòng V. Nhưng ông vẫn còn nghiêm nghị với ba cô thơ ký đánh máy và cô xướng ngôn viên. Ông cho tôi đề tài để viết; còn tin tức, tôi sẽ lấy trong báo cáo bên Trung tâm hành quân. Tôi

viết bình luận những trận đánh trong vùng Chương Thiện, Sóc Trăng. Mỗi khi viết xong, tôi đưa cho thiếu uý Nam duyệt. Trong khi ông đọc, tôi ngầm theo dõi phản ứng của ông. Có lúc ông nhíu mày, có lúc ông lắc đầu nhẹ nhẹ. Điều làm tôi mắc cỡ nhứt, là cây viết mực đỏ của ông không ngừng di chuyển trên những trang giấy tôi viết. Có trang ông vo tròn liệng vô thùng rác, sắp những trang còn lại cho ngay ngắn, rồi cất vào tủ của ông.

Ngày qua ngày như vậy cả một tháng dài. Tôi không biết ai thử tánh kiên nhẫn của ai, nhưng tôi vẫn nhớ “không thầy đố mày làm nên”. Vậy là tôi cứ tiếp tục viết, thiếu uý Nam tiếp tục liệng thùng rác, và cất giữ.

Một hôm, sau khi đưa chương trình phát thanh cho cô Thoa, thiếu uý Nam kêu tôi theo ông xuống câu

lạc bộ uống nước. Tôi thấy ông ôm một xấp giấy dầy cộm. xếp trong một bìa cứng, tôi đoán xấp giấy đó là những bài tôi viết; tôi hồi hộp đi theo ông. Một là tôi lên đoạn đầu đài; hai là tôi chính thức trở thành biên tập viên. Tôi tự trấn an: "Hổng sợ. Mình đã từng sống trong rừng U Minh, muỗi cắn không chết, rắn, cá bông chưa cắn chết, cũng không bị máy bay của thằng Tây lấy bỏ bom trúng, thì những khó khăn sắp tới nên coi nhẹ như lông hồng.

Thiếu uý Nam phê bình những bài tôi viết một cách thẳng thắn, chính đáng, và xây dựng. Vấn đề lớn nhứt là tôi viết như viết báo cáo, nghĩa là quá trung thực. Ông nói:

- Chúng tôi có cả ngàn, cả vạn tay viết báo, những tiếng nói của Quân Lực Việt Nam Cộng hoà tại vùng 4 Chiến thuật cần họ. Nếu cô chưa biết gì về cộng sản, tôi sẽ dậy cho cô biết về chúng. Nếu cô

không thù ghét cộng sản, cô cũng phải cho cả ngàn cả vạn thính giả biết quân ta nơi chiến trường can đảm mức nào để diệt chúng. Không những thế, cô còn phải cho người ta thấy rõ bộ mặt thật tàn bạo của Việt Cộng. Chúng không phải là bạn của người dân, vì chúng thẳng tay giết hại đàn bà con trẻ con.
Thiếu uý Nam chỉ một tấm hình lớn của trung sĩ Mai Hoà chụp mấy ngày trước. Đó là hình một người đàn bà nằm trên vũng máu với một bầy con nít, đứa lớn nhất chừng mười tuổi, đứa nhỏ nhất chưa biết đi, đang khóc bên xác mẹ. Tôi đã từng nếm mùi chia ly, đã chứng kiến cảnh nhà tan cửa nát, và đã thấy những xác nạn nhân chiến tranh trôi lềnh bềnh trên sông. Vậy mà chưa bao giờ tôi phải đứng trước cảnh mấy đứa con nhỏ khóc bên xác mẹ. Tôi cắn môi, cúi mặt để cố nén cơn xúc động trong lòng, và gật đầu.

Thiếu uý Nam nói tiếp:

- Cô viết được, nhưng tôi muốn cô nhớ rằng cô không phải là một nhà báo, mà là một cán bộ tuyên truyền. Chúng tôi có phóng viên chiến trường, tin tức được chuyển thẳng từ mặt trận về. Cố khai thác những tin đó để cổ vũ, động viên tinh thần người lính Quân lực Việt Nam Cộng hoà. Đồng thời, cô phải làm nản bọn cán binh Việt Cộng bằng cách cho chúng thấy tương lai của chúng mờ mịt, vì chúng tranh đấu cho một Chánh phủ ma.

Tôi giựt mình khi nghe thiếu uý Nam gọi Chánh phủ của ba tôi là "Chánh phủ ma". Nhưng tôi không dám phát biểu một lời nào. Thiếu uý Nam không biết gì về lý lịch của tôi. Ông nói tiếp:

- Cô giầu tưởng tượng, nên ngòi bút của cô có thể trở thành vũ khí sắc bén để đánh giặc này.

Tôi nhìn thiếu uý Nam bằng cặp mắt cương quyết, rồi hỏi:
- Ông muốn nói là đánh thằng giặc này?
Tôi muốn cho ông biết tôi đã hiểu nhiệm vụ của tôi.
- Cô nói đúng! - Ông trả lời bằng một giọng nửa ngao ngán, buồn rầu - Đôi khi tôi thấy mình quen với chiến tranh như quen với cái áo cũ, hay với một người đàn bà đã chung sống lâu dài, đến độ chán ngấy, nhưng nếu không có cô ta thì tôi lại không sống được.

Ông lắc đầu nhìn xuống ly café, nói thêm:

- Thật ra tôi cũng chả biết làm gì khi hết giặc!

Tôi dò ý ông:

- Ông có thể xuất bản thơ của ông hoặc ông viết tiểu thuyết và sống một cuộc đời hạnh phúc bên người đàn bà ông yêu.
Quả thật, viễn tưởng một cuộc sống như vậy cũng làm tôi ham muốn, ao ước. Sống thanh bình bên người mình yêu không phải là một cuộc sống chứa chan hạnh phúc sao? Nhưng thiếu uý Nam vẫn có giọng buồn buồn:

- Tôi làm thơ chỉ để giãi bầy tâm sự của riêng tôi. Tôi cũng không biết sống hạnh phúc là sống làm sao?

Tôi nói:

- Là không có những trái hoả châu ban đêm, không có phục kích giữa ban ngày, không còn nhận được tin những người thân của mình chết bất ngờ tức tưởi…

Thiếu uý Nam khẽ thở dài, chán nản:
- Cuộc chiến này sẽ không bao giờ dứt.

Thiếu uý Nam dạy tôi về tuyên truyền như sau:

- Tuyên truyền là một nghệ thuật, làm với đầu óc chớ không phải làm với con tim.

Rất may là tuyên truyền không làm với con tim, vì trái tim nhà thơ Nguyễn Triệu Nam mềm xèo.

Một buổi sáng, tôi ngồi ngoài phòng thâu băng để nghe Thảo đọc bản tin tôi mới viết. Tận đáy lòng,

tôi hãnh diện vô cùng. Rồi tôi cũng được chấp nhận góp sức với quốc gia mà tôi đã lựa chọn và hết lòng tin cậy. Trước đó, dù được đi học trường công, nhưng lúc nào tôi cũng thấy hai chân tôi chưa đứng vững trong xã hội này. Bất cứ lúc nào người Quốc gia cũng có thể hất chân con cái của Việt Cộng ra khỏi cuộc sống. Bất cứ lúc nào trường Phan Thanh Giản cũng có thể đuổi con cái của Việt Cộng ra khỏi trường.

Tôi đem về nhà 6,000 đồng kỳ lãnh lương đầu tiên sau tháng làm việc. Tôi đặt xấp tiền trên bàn trước mặt má tôi nói:

- Tiền này của má, con xin 200 để tụi con đi ăn bánh mì chú Lý Ngầu.

Nhưng má tôi đưa cho tôi 500, rồi cất số còn lại vô hộc của bàn máy may. Má nói hai tiếng "cảm ơn" rồi tiếp tục việc. Tôi không ngạc nhiên khi thấy mà không vui, vì tôi biết má cũng không muốn tôi đi làm mà phải tiếp tục học, nhưng vì hoàn cảnh gia đình, mẹ con tôi phải chấp nhận.

Trưa hôm đó ở Phòng V, chúng tôi nhận được tin khẩn cấp từ Quân y viện Cần Thơ cho biết thương binh từ mặt trận Chương Thiện chuyển về qua nhiều, nên bệnh viện thiếu máu. Bác sĩ Hiếu kêu gọi tất cả dân quân trong các trại chung quanh hiến máu. Tôi hưởng ứng lời kêu gọi, nên xin về sớm để tới Quân Y viện.

Tới cổng nhà thương, một rừng người nôn nóng chờ giờ mở cửa được vô thăm thân nhân. Đó là những người từ trong ra chen chúc bên những

người từ những tỉnh khác đến. Có những ông bà già mệt mỏi ngồi phệt xuống đất chờ. Có mấy bà khóc lóc vì biết thân nhân đang ở trong tình trạng nguy ngập, thập tử nhất sinh. Nghe họ than thở, tôi biết rằng có người đã không được gặp chồng hoặc con cả năm trời: khi được tin thì lại tin dữ.
Lính gác cổng mở hé cổng bệnh viện cho tôi, khi biết tôi đến hiến máu. Tôi xếp hàng sau bốn người đàn ông. Khi thấy mũi kim của cô y tá đâm vô tay một người đang nằm trên bàn, tôi rùng mình, nhắm mắt lại. Sao cây kim dài hơn kim vá bao cà ròn. Mùi nhà thương cũng làm tôi bủn rủn tay chân. Tôi thầm nghĩ rằng nếu bị bịnh tôi cũng không dám vô đây, vì có thể không có ngày về. Một cô y tá vội vàng chạy vô lấy bịch máu vừa hiến, rồi biến mất tiêu. Một cô y tá già nở nụ cười rồi hỏi tôi về loại máu. Tôi chỉ biết lắc đầu, vì tôi không biết. Cô y tá thở dài nói:

- Khó quá! Không ai biết máu mình loại máu gì.

Sau lưng tôi có tiếng một người đàn ông nói lớn:

- Loại máu tui là loại máu dê.
Mọi người trong phòng cười rần lên làm bầu không khí nặng và khó thở tan biến. Tôi quay lại nhìn mặt người đàn ông vô duy ên đó. Tôi buột miệng nói với cô y tá:

- Máu của cháu nữa Mông Cổ, nửa Việt Nam.

Tôi muốn dằn mặt người tự nhận có máu dê này cho bõ ghét. Cô y tá nhận ra tôi, vì cô là bạn học của má tôi trước kia. Cô là Tám Quán, làm y tá trưởng bên dân y viện. Nay quân y viện thiếu người, mời cô qua giúp. Có nói với tôi:

- Thôi, ngồi xuống đây!

Tôi vâng lời cô. Trong khi sửa soạn lấy máu của tôi, cô than thở:
- Cả tuần nay cái gì cũng lộn xộn, ngổn ngang hết. Cô thức trắng đêm hôm qua tới giờ.

- Sao cô không ngủ? - Tôi ngây thơ hỏi.

Bà thở dài đáp:

- Làm sao mà ngủ được. Cái gì cũng thiếu: thiếu bác sĩ, thiếu máu, thiếu giường…

Tôi nằm chờ bà lấy máu mà không dám nhìn lên cánh tay. Tôi sợ quá nên khi cô Tám đâm kim vô

tay, tôi cũng không biết đau. Rồi việc lấy máu xong lúc nào tôi cũng không hay.

Tối đó tôi trở lại quân y viện, vì tôi tò mò kiếm cô Tám Quán, muốn biết người lính nào đã được tiếp máu của tôi, cũng muốn biết sự hiến máu của tôi có cứu sống được ai không. Một lát sau, cô Tám Quán cho tôi biết số phòng và số giường của người lính đã nhận máu của tôi. Nhưng tôi đến thì đã trễ, vì tôi bước vô phòng, thấy tấm vải trải giường trắng loang lổ máu phủ lên xác một người. Tôi cảm thấy bơ vơ, tuyệt vọng và yếu đuối trước những cái chết mà biết bao nhiêu người đã có cấp cứu cũng không kịp. Chiến tranh như những cơn giông, cơn bão, những đợt sóng thần, cuốn đi không biết bao nhiêu sinh mạng.

Mười tám tuổi, tôi không có thì giờ làm con gái; cả ngày đêm chỉ suy nghĩ chuyện nước non. Tôi muốn đi lính, má không cho. Tôi muốn làm nhiếp ảnh viên chiến trường, lại nhút nhát không dám lao mình ra khỏi máy bay trực thăng.

Trong phòng, có một người đàn bà ngồi dưới đất, cạnh chân giường. Bà gục đầu lên hai cánh tay để trên đầu gối và rung theo tiếng nấc rên rỉ, thảm thiết. Tôi muốn ra khỏi phòng nhưng lại không nỡ bỏ bà ta một mình. Tôi nhẹ đặt tay lên vai bà. Bà liền ngước lên hỏi:

- Cô quen con tôi hả?

Rồi bà kéo tà áo dài lên chùi nước mắt. Tôi đáp:

- Dạ không. Cháu chỉ tới thăm.

- Làm sao cô biết con tôi?

Nỗi thất vọng hiện lên trên gương mặt người mẹ. Tôi có cảm giác bà muốn gặp một người quen của con bà, để tìm một kỷ niệm con bà để lại, tôi lại phải đính chính, tôi nói tôi không biết con của bà, nhưng tôi cho bà biết tôi đã hiến máu cứu thương binh.

Người mẹ vịn thành giường sắt đứng dậy, bước tại đầu giường giở tấm vái, vuốt tóc người con trai. Tôi không dám nhìn nỗi thương tâm đó.

- Nếu có mặt ba nó ở đây, người ta người ta cứu sống con tôi rồi. Nó 20 tuổi. Trời ơi, sao lại bắt con tôi đi? Tôi chỉ có một mình nó thôi.

Tôi không biết nói gì. Má tôi có 7 đứa con, chỉ một người theo ba tôi ra Hà Nội mà má tôi đã héo hắt cả cõi lòng vì nhớ thương rồi. Đằng này người mẹ ngồi trước xác con của mình mà không hẹn ngày trở lại.

Bà mẹ cho tôi biết chồng bà là một sĩ quan đang tham dẹ hành quân ở Chương Thiện. Chính trong cuộc hành quân này, người lính 20 tuổi đã hy sinh. Khi nhân viên của nhà thương đem băng ca tới. Họ chuyển người lính sang băng ca. Bà mẹ chạy theo, đưa hai tay phụ đỡ lấy băng ca. Tiếng nói của bà đứt quãng trong tiếng khóc. Bá đứng đó một hồi, tay vịn giường sắt nhìn người ta thay vải giường một cách nhanh nhẹn và vô tình, như họ đã làm việc này liên tục mỗi ngày mỗi tháng. Chiến tranh làm con người quen với cái chết. Không biết người ta có trân quý sự sống hay không, trong cái nhà

chứa toàn những thương binh này? Tôi, đứa con gái vừa lớn lên với nhiều tình cảm chất chứa, dễ xúc động trước sinh ly tử biệt, không thể cầm lòng được. Tôi lặng người trước cái chết của người lính trẻ vừa rồi. Tiếng khóc than của người mẹ làm tôi mất tinh thần. Khi người ta thay xong tấm vải, tôi định bỏ đi, nhưng tình cờ nhìn sang giường kế bên. Một người lính bị băng bó kín đầu, để hở hai con mắt, cái mũi, và miệng. Thân anh ta đắp một tấm vải mầu kaki. Khi thấy tôi gần, anh nhìn tôi bằng đôi mắt lờ đờ như vô thần. Tôi hỏi thăm:

- Anh có khoẻ không?

Anh không trả lời tôi mà hỏi lại:

- Nó đi rồi hả, cô? Thằng nhỏ đi rồi hả?

- Đã. Còn anh khoẻ không?

- Việt Cộng… cái kiếp chó đẻ này.

Anh thương binh vừa chửi thề vừa quờ quạng cánh tay lên thành giường làm cho giường rung rinh, rồi hậm hực nói:
- Mắt đui a? Giò tui cụt, cổ tui gãy, làm sao mà khoẻ được!

Nghe anh nói, tôi mới biết anh bị thương nặng như vậy.

Tôi không biết nói gì với người thương binh này, và bước nhanh ra cửa. Ra khỏi khu đó, thấy có một nhà thờ nhỏ trong sân nhà thương, tôi rón rén bước vô. Tôi biết biết nói gì với Chúa đây? Một đứa con của Chúa vừa chết yểu; một đứa đang giẫy giụa vì

những vết thương trầm trọng. Tôi chợy nhớ lại lời của ông ngoại tôi hồi nào: “Chúa thương yêu các con của ông, nhưng ông không có xen vô chuyện của mình ở đây”.

Chương 18

Ở đời, tôi đã trải qua nhiều nỗi đau buồn, lo sợ. Vậy mà khi nghe tin chị Yvonne bị công an bắt, tôi sợ run, như một góc nhà của tôi đổ sập. Chị Yvonne là người con thứ sáu của cậu Tư Diệp, anh của má tôi. Mợ Tư qua đời chừng hai năm trước ngày cậu tập kết ra Bắc cùng với ba tôi và cậu Chín Thuỷ.

Chị Hai Yến là con chim đầu đàn của bảy người con của cậu Tư. Chị là một cô giáo trường làng ở Cái Cui; trường do một chương trình của viện trợ Mỹ. Chồng chị Yến đi tập kết. Anh là Nguyễn Hoàng Phát, sau này cầm đầu trận tấn công vô Cần Thơ vào ngày Tết Mậu Thân. Gia đình tôi biết chị Yvonne đang bị giam ở bót công an trên đường Ngô Quyền, cách nhà chị Yến vài mét. Đó cũng là nơi chị Yvonne ở, để đi học và hoạt động. Mặt trận ra chỉ thị cấm không ai được đi thăm chị. Gia đình chúng tôi quây quần bên nhau trong lo sự. Tôi biết, trong gia đình tôi mỗi người có một mối lo sợ khác nhau. Riêng tôi, tôi có cảm tưởng cả bầu trời trên đầu chúng tôi nặng nề đầy mây xám, báo trước một cơn giông bão sắp đổ ập lên đầu. Tất cả chúng tôi đều im lặng, chờ đợi. Tôi thầm tự hỏi, rồi cơn bão sẽ cuốn đi những cái gì, và còn lại gì không?

Ngày chị Yvonne ra toà, không một ai trong gia đình chúng tôi có mặt. Chị bị kết án 5 năm.

Năm năm! Dù chị và tôi không chung một lý tưởng, nhưng mang tình bà con ruột thịt, tôi đau đớn từng thớ thịt, khi tôi nghĩ tới cửa nhà tù, nơi mà chị sẽ bị giam giữ suốt năm năm. Tôi nhắm mắt cố hình dung ra chiều dài của quãng thời gian đó. Suốt bậc tiểu học là năm năm, tức 1.825 ngày, 43.800 giờ và hơn hai triệu rưỡi phút. Trời ơi! Chị sẽ làm gì trong chuỗi ngày đó trong tù? Nếu người ta xúc phạm tới tiết trinh của chị, tôi tin chắc chị sẽ cắn lưỡi tự tử, chớ không chịu nhục. Tôi cầu trời để chị được yên thân trong những ngày buồn tủi, cô đơn trong tù. Tôi vái van cho má chị, ông ngoại, bà ngoại linh thiêng, về phù hộ cho chị.

Một hôm, một người đàn ông lạ ghé tiệm may, đưa cho má tôi một bức thơ. Mọi người đều nhận ra ngay chữ viết của chị Yvonne. Má tôi vội đem thư vô buồng đọc. Tất cả đi theo, rồi chuyền tay nhau đọc lá thư ngắn ngủi của chị. Chị viết:

"Khi nào mọi người đọc được thư này, có thể người ta đã sửa soạn đưa tôi ra ngoài đảo. Đừng lo cho tôi. Đừng thăm viếng. Tôi sẽ không nhận bất cứ một cái gì từ bên ngoài gửi vô. Hay giữ gìn sức khoẻ".

Tôi biết chị Yvonne muốn bảo vệ gia đình và tổ chức và không cho ai vô thăm nuôi. Đó là hảo ý của chị, nhưng tôi, tôi không thể làm ngơ được. Dù khác chính kiến, tôi là em của chị, không nỡ để chị ra đi mà không có một lời giã từ hay một lời hứa hẹn. Ông nội của chị là ông ngoại của tôi. Chị dậy

tôi viết chữ hoa, xài mực tím, theu point de croix. Lúc còn sống chung với nhau, đi học với nhau trong trường làng.

Tôi không muốn má tôi lo, nên đã lén đi thăm chị. Đề phòng bắt trắc, tôi tiết lộ cuộc viếng thăm này cho một mình Hải Vân biết. Nếu chẳng may không thấy tôi về, nó phải đến chỗ cậu Hai Định, ba của anh Nguyễn Hồng Tuyền, một sĩ quan không quân lúc bấy giờ. Tôi dò hỏi mấy thầy đội trong phòng giam, được biết những tù nhân sắp bị đầy ra đảo bị nhốt trong khám lớn, bên cạnh dinh tỉnh trưởng Cần Thơ.

Tôi chuẩn bị một vài thứ cần thiết để đem vô cho chị, nhưng tôi đã hoàn toàn thất vọng, vì chị cương quyết không muốn gặp tôi. Vì vậy, không một ai trong gia đình tôi thấy mặt chị, cho tới ngày chị

mãn tù sau đúng năm năm. Trong thời gian ở đảo, chị được coi là một tù nhân "gương mẫu". Nhưng tôi bằng người ta chỉ có thể cầm tù cái thân chị, chớ không tiêu diệt tinh thần của chị. Dù sao cũng phải công nhận rằng chị là một con người can đảm. Khi ở trong tù, chị vẫn hoạt động. Chị kết nạp đồng chí và dần móc nối với những cán bộ cộng sản, chờ ngày được trả tự do, lại tiếp tục tranh đấu. Rồi cũng như ba của chị, khi được tự do chị "mạnh" hơn trước và trưởng thành. Chị bình tĩnh tiếp tục công cuộc "chống Mỹ cứu nước". Từ khám lớn Cần Thơ chị đi bộ về nhà chị Hai Yến ở đại lộ Ngô Quyền, rồi sau đó đi thẳng vào mật khu.

Chị Yvonne bị tù, nhưng tinh thần chị được tự do, thoải mái. Trong khi đó, tôi lại bị ám ảnh về nỗi đau khổ của chị. Người xưa nói "Nhứt nhựt tại tù, thiên thu tại ngoại". Thế mà chị bị giam suốt năm

năm dài. Tôi có cảm tưởng chính tôi mất tự do hay ít ra tự do của tôi cũng đi đe doạ. Với tinh thần khủng bố đó tôi bấy giờ chán việc làm, không còn thích viết những bài mang tính cách tuyên truyền nữa. Hậu quả của cuộc khủng bố này là mấy bài bình luận của tôi "mất hẳn sắc bén". Một lần thiếu uý Nam tỏ vẻ bực mình, hỏi tôi:
- Cô đang yêu hay thất tình?
Tôi ngạc nhiên nhìn ông, không nói gì. Ông nói tiếp:
- Bái cô viết bết lắm đó… Chuyện tình phải để ngoài công việc, nghe cô!

Nghe ông nói vậy, tôi giựt mình vì chưa yêu ai, mà cũng chẳng có ai xứng đáng để tôi thất tình. Có một người con trai đi sau lưng, đi trước mặt, đi bên cạnh tôi mấy tháng này, không biết ba tôi đi tập kết, anh ta giận, rồi tôi không còn bận tâm nữa. Ba

không có ở nhà, ông bà đã về với tổ tiên, vườn đất vào tay Việt Cộng, bạn bè có người chết trận, có kẻ trốn lính. Trốn không được, đã có cậu phải đi Quang Trung hoặc bị đi Thủ Đức. Bạn gái thì có đứa lấy chồng, có đứa lên Sài gòn học tiếp, có đứa ra bưng "chống Mỹ cứu nước". Tôi hoàn toàn bơ vơ. Tôi nói với thiếu uý Nam cho tôi viết tin tức một thời gian nữa. Ông chấp thuận ngay.
Một thời gian ngắn sau khi tôi vào làm cho Phòng V quân đội, đại uý Thịnh được lên thiếu tá. Chúng tôi chưa kịp ăn mừng lên lon, đã nghe tin ông được đổi về Sài gòn. Đại uý Nguyễn Văn Chánh từ Sài gòn xuống thay thế.

Sau đó vài ngày, vào một buổi sáng, tôi vừa ngồi xuống bàn thì có tấm giấy mời lên phòng nhì "lập tức".

Phòng II đối diện với Phòng V, chỉ qua con đường lót sỏi trong trại Lê Lợi. Trong khi đi tới phòng nhì dưới ánh nắng chói chang, tôi tự trấn an không việc gì phải sợ hay hoảng hốt, nhưng khi nhìn thấy hai chữ “Phòng II”, cổ tôi khô và miệng tôi đắng ngắt. Nhưng tôi vẫn thầm tự nhủ: “Việt Cộng mình không sợ, sao lại sợ Phòng II”.
Tại đây, tôi được gặp trung uý Chương. Ông chỉ ghế cho tôi ngồi rồi tiếp tục đọc tập tài liệu dầy cộm trên bàn viết. Tôi ngồi đợi ông chừng hai mươi phút. Tôi nhớ lời má dậy phải kiên nhẫn để đạt tới điều mình mong muốn, và cũng để dằn sự lo sợ vừa nảy sinh trong lòng. Chị Yvonne đi tù năm năm vì chị theo Việt Cộng. Bây giờ Phòng II gọi tôi tới để điều tra, nhưng tôi theo quốc gia. Đó là khác biệt giữa tôi và chị. Không biết trung uý Bắc kỳ này có hiểu được sự khác biệt đó không? Người

Bắc kỳ có hiểu nổi tâm trạng của người Nam không?

Khi trung uý Chương ngẩng lên nhìn tôi, mặt ông nghiêm trọng, nhưng tôi nhận ra ngay cái vụng về của một người mới học diễn xuất. Ông bỗng cất tiếng hỏi một cách sống sượng:
"Này, cho tôi biết Đặng Văn Quang là ai?
Tôi bình tĩnh đáp:

- Ông Đặng Văn Quang là ba của tui.

- Cô chắc không?

- Tui hổng hiểu câu hỏi của ông.

Tôi đối đáp bằng một giọng nói nhà quê Nam kỳ để đối lại giọng Bắc kỳ của ông.

- Khai sanh của cô ghi là "Cha vô danh" - Ông gay gắt nói.

- Ông Đặng Văn Quang là ba của tui. - Tôi nhỏ nhẹ nhắc lại câu trả lời cũ.

- Đặng Văn Khôi là cái gì của cô?
- Là anh ruột tui.

Trung uý Chương đưa cho tôi một tờ giấy và một cây viết, rồi nói như ra lệnh:

- Cô ghi địa chỉ của mấy người này cho tôi.

Tôi liếc nhanh tờ giấy rồi trả lời:

- Tui hổng có địa chi của họ, thưa ông.

Trung uý Chương bỗng ngồi thẳng người lên rồi nạt tôi:

- Láo! Cô nói láo!

- Tại sao ông dám nói tui nói láo?
Tôi là con gái mới lớn lên, chưa hề nạt nộ ai, mà cũng chưa bị một người đàn ông nạt nộ bao giờ. Nay ông trung uý này nạt nộ to tiếng, khiến mặt tôi nóng lên. Tôi cho rằng ông ta là người thô lỗ, thiếu lịch sự. Tôi không còn nể nang, sợ sệt nữa. Muốn lấy lại bình tĩnh, tôi thầm đếm ngược: "Mười, chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một”.

Trung uý Chương đập mạnh tay lên bàn khiến cây viết nảy lên, rơi xuống đất, rồi la lớn:

- Trả lời câu hỏi của tôi lên giấy ngay!

Tôi bỗng nhớ lại một chuyện cũ từ hồi còn ở trong chiến khu chống Tây. Một nông dân bị tình nghi là Việt gian, ngồi trước mặt người làm việc dưới quyền ba tôi. Lúc đó, tôi mới năm tuổi, còn Hải Vân lên hai. Chị giữ em hối thúc chị em tôi ăn cho xong bữa để đi coi "Việt gian" đang bị điều tra. Thì ra, khi thì kiến ăn cá. khi thì cá ăn kiến. Trước kia, ba tôi là cá sống, bây giờ tôi lại trở thành kiến rớt xuống sông, trước một con con cá mang lon trung uý. Đúng là cái nợ đồng lần. Nghĩ vậy, tôi sửa soạn tinh thần để đối phó với ông trung uý này. Tôi bình tĩnh nói:

- Tui hổng có địa chỉ của ba tui, mà cũng hổng có địa chỉ của của anh tôi nữa.

- Họ có bảo cô nói láo nhà cầm quyền không? - Trung uý Chương gằn giọng hỏi. Tôi chưa kip trả lời, ông đã quát to:

- Trả lời tôi ngay!

Tôi bình tĩnh đáp:
- Hổng có ai xúi biểu tôi điều gì hết.

- Láo! Cô đừng có nói láo với tôi! Lần chót cô được tin tức của ba cô và anh cô là hồi nào?

Tôi bấm đốt ngón tay, rồi đáp:

- Đã chín năm rồi, thưa trung uý.

- Cô nhận được mấy cái thư của họ?

- Dạ, không có một cái nào hết"

- Cô có chắc không?

- Chắc.

- Thế là bố cô hết thương mẹ cô và chị em cô kể từ ngày ông gia nhập đảng cộng sản?

Câu nói này tôi không bao giờ muốn nghe chút nào, vì tôi lo sợ cái ý nghĩ đó vô cùng. Không biết vô tình hay cố ý, trung uý Chương đã đụng chạm tới cái điều thiêng liêng nhất trong gia đình tôi. Thế là tôi nghe mặt nóng bừng vì giận. Tôi muốn đứng bật dậy để chửi thẳng vào mặt ông, nhưng tôi chợt nhận ra tình huống khó khăn của mình, của một con cá đang nằm trên thớt. Rủi người ta chặt tôi một nhát, rồi liệng tôi cho cả lớn ăn thì sao? Rồi tôi

sẽ không bao giờ có thể gặp lại má tôi nữa thì sao? Tôi nắm chặt thành ghế để nén giận, cố gắng trả lời một cách bình tĩnh:

- Tui nghĩ là ba tui có viết thơ cho gia đình, nhưng thư không tới tay gia đình tui.
- Cô có thương ba cô không?
Tôi mỉm cười. Lần đầu tiên tôi nhìn thẳng vào mắt viên sĩ quan, đáp:

- Dạ, tui thương ba tui nhiều lắm.

- Dù ông ấy không viết thư cho cô và cho má cô 9 năm trời. Những người có chồng, có cha ở ngoài Hà Nội đã nhận được thư của người thân của họ, cô có biết vậy không?

- Họ may mắn hơn tui. - Tôi nói nhỏ.

Như một con chó săn, trung uý Chương giở trò siết cổ con mồi:

- Theo hồ sơ lý lịch này, thì bố cô mới có 55 tuổi, còn trẻ có quyền hành trong tay, chắc ông phải nổi tiếng ngoài ấy lắm. Nổi tiếng mà độc thân thì không biết bao đàn bà con gái sắp hàng chờ đợi. Cô có hiểu ý tôi nói không?

Tôi bèn lớn tiếng la:
- Ông đã xúc phạm tới danh dự gia đình tui!

Trung uý Chương làm ngơ trước lại phản đối của tôi, tiếp tục nói:

- Cô hãy trả lời câu hỏi của tôi. Cô có nghĩ là ba cô bây giờ đã có một người đàn bà khác không?

Tôi hậm hực hỏi lại:

- Ông muốn tui nói cái gì?

- Cô là con gái cưng của ba cô. Chắc cô sẽ ngoan ngoãn nối gót bố cô chớ gì?
- Tui hãnh diện vì ba tui lắm, nhưng tui không nối gót được.

- Như vậy cô là đứa con mất dậy.

Tôi thản nhiên chấp nhận:

- Việt Cộng chê tui là đứa con bất hiếu. Ông biểu tui là con mất dậy. Nhưng tui chỉ hành động theo lương tâm của chính tui thôi, thưa ông.

- Mà tại sao cô không đi theo con đường của bố cô?

Tôi trả lời chậm rãi và rành rọt từng tiếng:

- Tôi có thể cho ba tui một cánh tay, một cái chân, một lá gan, một trái thận, hay cả cuộc đời tui, nhưng tui không bao giờ dâng cho cộng sản linh hồn của tui, dù người đó là ba tui.

Trung uý Chương cười nhạt:

- Cô nói láo giỏi đây. Nào, bây giờ cô cho tôi biết ai đã giao công tác cho cô làm việc tại Phòng V?

Vừa nói ông vừa đi vòng quanh cái bàn tôi ngồi, như con thú dữ bao vây, doạ nạt con mồi. Khi ông đi sát tôi quá, mùi dầu thơm làm tôi bực mình. Cả cái cứ chỉ phách lối và cái giọng Bắc vẻ nhà quê

cũng làm tôi khó chịu. Tôi đã ở trong rừng sâu nước độc với thợ củi, thợ làm than, với dân đánh cá, với những người nuôi gà vịt, với bộ đội của Việt Minh, và với những tù nhân, tôi chưa bao giờ gặp ai có những lời nói, cứ chỉ thô bỉ như ông Trung uý này. Nhưng tôi vẫn phải bình tĩnh trả lời:
- Tôi không biết tuân lịnh, mà cũng chưa bao giờ học cách tuân lịnh ai.

Trung uý Chương trở lại bàn giấy của ông, rồi cầm một xấp ảnh thẩy lên mặt bàn trước mặt tôi, ra lệnh:

- Coi kỹ những bức ảnh này, rồi cho tôi biết họ là những ai?

Tôi thấy tự ái bị xúc phạm nặng nề, nhưng tôi vẫn phải cố nén giận, giữ bình tĩnh. Tôi liếc nhìn xấp

hình, thấy ngay đó, hình tôi ngồi trên xe bus, hình trên xe Lambretta đi về Bang Thạch thăm ông bà ngoại. Có một tấm hình tôi đi Cái Răng mua bánh mì Lý Ngầu với một thằng nhỏ cùng trường; anh nó là một Hiến binh. Tôi cũng nhận ra hình vườn ổi với sáu đứa bạn chụp ngày bãi trường năm 1963. Tôi kể tên đứa bạn trong tấm hình này, nhưng trung uý Chương không chú ý tới tên của bạn tôi, mà ông muốn biết những hành khách trên xe Lam hay xe bus là những ai. Làm sao tôi biết họ được, vì họ là những hành khách xa lạ đối với tôi, chỉ tình cờ gặp trên xe mà thôi. Nhưng trung uý Chương không tin tôi. Người của ông theo dõi tôi và những người hành khách này.

Bấy giờ tôi mới biết, tôi bị cả Quốc gia lẫn Việt Cộng theo dõi. Tôi thầm nghĩ, mình có làm gì quan trọng đâu mà sao người ta tốn công chú ý tới mình

như vậy? Lúc học ở trưởng tiểu học Cần Thơ tôi chỉ là chân sai vặt của bà hiệu trưởng, đến các lớp đọc chỉ thị của bà cho học trò nghe. Lên trường trung học Phan Thanh Giản, tôi được thầy Trần Ngọc Nhung cho làm trưởng ban thể thao. Trong khi đó, chị Hiệp, trưởng lớp, bắt tôi làm trưởng ban quét lớp. Sau đó, tôi được "thăng quan tiến chức" lên làm trưởng ban trật tự. Những "chức" này tôi giữ không lâu vì hay nói chuyện trong lớp, bị mấy thầy cho đi "công-xin" nhiều lần, nên phải trở lại làm học sinh quèn. Vậy mà cả một bầy cá mập lội theo tôi hoài?

Tôi đang suy nghĩ trong im lặng, một sự im lặng nặng nề, thì trung uý Chương bất ngờ cho tôi về Phòng V để làm việc. Tôi biết ông rình, nên tôi đi thẳng về văn phòng của mình. Rồi buổi trưa hôm ấy, tôi như con mèo mắc mưa, ngồi nghe tim mình

đập trong lòng ngực, mà không sao tập trung tư tưởng được. Đến đêm, tôi không ngủ được, vừa lo lắng vừa nghĩ ngợi, đầu óc rối beng. Tôi biết rằng buổi gặp gỡ sáng này giữa tôi và trung uý Chương chỉ mới bắt đầu; rồi sẽ còn có nhiều buổi nữa.
Đúng như tôi đoán, sáng hôm sau, phòng nhì lại kêu tôi nữa. Lại cũng như hôm qua, trung uý Chương thẩy xấp hình lên bàn. Nhưng hôm nay, xấp hình không cột dây thung, nên hình văng đầy mặt bàn. Rồi ông tằng hắng, hạ thấp giọng, bắt đầu hỏi những câu hỏi mà tôi nghĩ ông đã biết câu trả lời qua điều tra của sở Bốn.

Cuộc thẩm vấn sáng này kéo dài hơn ba tiếng đồng hồ. Tôi vừa hồi hộp vừa lo sợ lại thêm cái bụng đói vì từ sáng chưa có miếng nào dằn bụng. Đến gần trưa, tôi bắt đầu buồn nôn. Trong thâm tâm, tôi muốn mửa ngay trong văn phòng, trước mặt trung

uý Chương cho đã giận. Nhưng tôi chợt nghĩ đến Hải Vân, em của tôi. Nếu biết được cử chỉ thiếu lịch sự này, em sẽ trách tôi không biết chịu đựng. Tiếng giầy của ông trung uý vang lên trên sàn gạh trong căn phòng im lặng, làm tôi càng hồi hộp thêm, rồi thình lình ông đứng khựng lại ngay cạnh tôi, nói bằng giọng đe doạ:

- Tôi xẽ gọi cô trở lại đây, nhưng chưa biết ngày nào. Thôi, cô về đi!

Tôi nửa muốn chạy ra khỏi cái văn phòng hắc ám đó ngay, nhưng nữa muốn ông tiếp tục thẩm vấn tôi cho đến hết, dài và lâu cũng được. Tôi muốn cho xong đi, vì mỗi lần bị phòng II gọi là mỗi lần tôi bị nhân viên trong phòng V chú ý. Mấy chị xù xì với nhau. Tôi coi chuyện này như một món nợ phải trả. Rồi khi thấy trung uý Chương không có ý giữ tôi

thêm nữa, tôi đành trở về Phòng V để làm việc. Nhưng từ phút đố tôi tưởng tượng ra những chuyện thật kinh khủng có thể xảy ra cho tôi. Biết đâu có một ngày nào đó tôi sẽ bị trung uý Chương treo ngược tôi lên nóc nhà, rồi đổ nước vô mũi tôi để bắt nhận hết cả những điều tôi không biết hay không nói. Nếu tôi không khai (vì có biết gì đâu mà khai!) ông bắn vô đầu tôi, để mặc cho máu chảy ra hết. Một con bạn học cũ của tôi làm việc cho Ty Công an trên đường Ngô Quyền thường kể cho tôi nghe những đòn tra tấn khủng khiếp của các công an đối với các cán bộ Việt Cộng, nhất là các nữ cán bộ. Nghe nói họ treo ngược mấy cô lên, rồi nhét nước đá. Không một ai chịu nổi, nên phải khai hết. Không lẽ trung uý Chương sẽ dùng biện pháp đó với tôi?

Tôi cũng còn nhớ lời khuyên của bà ngoại: "Tuỳ cơ mà ứng biến". Hoàn cảnh hiện tại, tôi biết ứng biến ra sao đây? Từ đố tôi ăn ngủ không yên. Lúc nào tôi cũng hồi hộp lo sợ. Vậy mà tôi không dám hở môi cho ai biết, tôi giấu luôn cả má tôi, vì không muốn bà lo sợ lây; bà đã có cả hàng trăm hàng ngàn mối lo, ông bà ngoại tôi qua đời, nguồn tiếp tế chánh đó bị dì Bảy chia cho các cán bộ Việt Cộng hết. Ngoài ra, má còn lo ăn học cho bốn đứa con và hai đứa cháu nữa. Hàng ngày má tôi phải làm việc tới khuya mới đi ngủ. Hậu quả của sự làm việc vất vả và lo nghĩ nhiều là bịnh đau bao tử. Bác sĩ cho biết má tôi đã mắc bịnh này. Vì vậy, tôi không thể cho bà biết chuyện khó khăn của tôi ở sở.

Tôi đành tự gồng mình lên để chịu đựng. Tôi tin là tôi có đủ nghị lực làm việc này. Không ai có thể hiểu tôi bằng tôi; mà cũng không ai dám tin tôi

bằng tôi tự tin. Nghĩ như vậy, tôi cảm thấy yên tâm hơn. Tôi bèn ghi vào nhật ký của tôi như sau: “Mảnh đất này thuộc quyền sở hữu của tôi và của tất cả những người yêu nước, cũng như mặt trời là của những mảnh đất phì nhiêu và của những bàn tay nông dân. Không ai có thể phủ nhận được điều này."

Mấy ngày sau đó, tôi lại phải ngồi trước mặt trung uý Chương. Lần này ông có vẻ bồn chồn và nghiêm túc hơn, tôi ngạc nhiên khi nghe ông giở lại giọng Bắc ra nói chuyện với tôi, dù lần trước ông nói giọng Nam. Nhưng, với giọng nào ông không bẻ gẫy được cây tre ốm yếu này, ông bắt đầu:

- Sao, có đã nói với mẹ cô về cuộc gặp gỡ giữa tôi và cô chưa?

Tôi nhún vai, đáp bằng một giọng phách lối, như để tự trấn an:

- Tôi thấy không cần phải nói cho má tôi biết. Tôi không có thói quen kể lại những chuyện xảy ra ở ngoài đường cho gia đình biết.

Ông trung uý chớp mắt như đang suy nghĩ một điều gì, rồi nói:

- Tất cả đàn ông trong gia đình cô theo cộng sản. Trong nhà bây giờ chỉ có đàn bà và con nít thôi, phải không?

Tôi mỉm cười, đáp:

- Sẽ có một người đàn ông trong gia đình tôi khi em tôi lớn.

Tôi cũng ngạc nhiên về giọng hãnh diện của tôi khi tôi nhắc đến Hải Vân. Trong khi đó, trung uý Chương có giọng nghi ngờ:
- Làm sao có dám nói chắc như vậy? Nó là trẻ con?

Tôi bình tĩnh đáp:

- Bởi vì tôi biết chúng tôi là ai. Chỉ có ông là người không muốn biết về gia đình tôi thôi. Cộng sản thường nghĩ rằng đứa con của các cán bộ cộng sản sẽ trở thành cộng sản như cha mẹ nó. Nhưng rồi họ sẽ thất vọng đối với chị em chúng tôi.

- Em trai của cô bấy giờ ở đâu?

- Nó ở với chị tôi trên Sài gòn để được yên tâm học hành.

Tôi trở về Phòng V làm việc trước những cặp mắt tò mò đang nhìn tôi. Tôi cảm thấy khó chịu, và nghe như có khoảng cách giữa họ và tôi rộng thêm chút nữa.

Một hôm, trung uý Phước, người bạn duy nhất của tôi ở phòng V, mời tôi xuống câu lạc bộ uống café. Trong khi nói chuyện, tôi cho ông biết tôi đang gặp khó khăn với phòng II. Ông tỏ ý muốn giúp tôi giải quyết những khó khăn đó, nhưng tôi dứt khoát từ chối. Ông đã giúp tôi xin được việc làm ở đây, thì tôi có bổn phận phải bảo vệ việc đó. Trung uý Phước khuyên tôi:

- Đừng có thọc tay vô miệng cọp.

Tôi chỉ cười và im lặng. Nhưng trong bụng tôi thầm nghĩ trung uý Chương chỉ là một con mèo rừng, chưa đủ khả năng trở thành cọp. Tuy nhiên, ngay lúc này, mèo rừng cũng có thể làm đời tôi điêu đứng.

Một đêm, không ngủ được, tôi xuống bếp lục nồi tìm đồ ăn, khi má tôi còn đang ngồi may. Trong một giây phút yếu lòng, tôi cho bà biết việc tôi đang bị phòng II điều tra. Má tôi chăm chú nghe tôi kể, rồi bà bình tĩnh nói:

- Con nên kiếm người người nào sẵn sàng tin con, chớ đừng có bảo đảm với người chú tâm buộc tội mình. Con phải tìm gặp ông nào lớn nhứt của ông trung uý đó. Thằng trung uý nó muốn ăn hiếp con của Việt Cộng để lên đại uý.

Tôi chợt thấy con đường mới hiện ra trước mặt. Lời khuyên của má tôi thật hợp lý. Từ lâu tôi giấu bà vì không muốn làm bà buồn lòng, lo lắng, trong lúc bà có quá nhiều việc phải lo. Nhưng tôi quên rằng má tôi là một người can đảm và tháo vát, với bản tánh rất cương nghị. Một mình bà vừa làm mẹ, vừa làm cha trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn của đất nước. Tôi muốn bảo vệ má, trong khi tôi không một khí giới nào trong tay.

Lời khuyên của má tôi làm cho tinh thần tôi lên cao như diều gặp gió. Từ ngày gặp trung uý Chương, chưa bao giờ tôi vui như đêm hôm đó. Tôi ngủ một giấc ngon lành tới sáng.

Sáng hôm sau, với tâm hồn thanh thản, tôi đi làm sớm để tìm gặp trung uý Phước. Nhờ ông, tôi biết giám đốc Sở Bốn An ninh quân đội là đại uý Trần

Duy Bính, ông là người Bắc di cư, theo Thiên Chúa giáo. Tôi vội xin gặp ông ngay. Nhưng muốn gặp một ông giám đốc, nhất là giám đốc an ninh quân đội, đâu phải chuyện dễ. Tôi phải ghi tên tuổi và lý do. Cái tên Trần Ngọc Dung không nói lên được điều gì hết. Muốn cho ông giám đốc đặc biệt chủ ý, tôi phải ghi vào mục lý do: "Con gái của Đặng Văn Quang". Tôi còn nói với nhân viên văn phòng, là tôi có tin mật muốn nói riêng với đại uý giám đốc. Quả nhiên, tôi đi được mời vào văn phòng ông giám đốc.

Đại uý Bính trạc ngoài 30 tuổi. Tóc ông chải brillantine đen mượt. Bộ quân phục của ông được ủi thẳng nếp, ngay ngắn, không nhàu nát như bộ quân phục của thiếu uý Nam, ông xếp tôi. Tôi nghe thoáng mùi nước hoa cologne đặc biệt và mùi thuốc thơm. Một tay cầm ống điếu, một tay ông đưa ra

bắt tay khi tôi vừa bước vào phòng. Cặp mắt sáng của ông làm tôi hơi bối rối. Nhưng ông cười nói cởi mở, làm cho bầu không khí bớt căng thẳng ngay. Sau mấy câu xã giao, tôi đi thẳng vào vấn đề ngay:

- Thưa đại uý, tôi tin là đại uý biết tôi đang bị điều tra.

Ông trả lời:

- Tôi chưa được báo cáo kết quả.

Giọng Bắc của ông nghe hay hơn giọng Bắc của trung uý Chương. Là dân Nam kỳ nên tôi không biết ai ở tỉnh nào xứ Bắc.

Tôi có hết sức bình tĩnh nói:

- Thưa đại uý, theo ý tôi, cuộc điều tra này không giống như những cuộc điều tra lý lịch nhân viên khác trong phòng V.

Thật ra, tôi cũng không nghe nói có nhân viên nào cùng làm việc với tôi bị điều tra cả, những cứ nói liều để chứng tỏ tôi bị đối xử khác biệt.

Đại uý Bính chậm rãi trả lời:

- Trung uý Chương cho tôi biết là ông ta sẽ hỏi cô về ba cô.

- Thưa đại uý, ông ấy biết về ba tôi nhiều hơn tôi biết về ba tôi, nhưng thật sự ông không điều tra ba tôi, mà có ý buộc tôi về cái tội nằm vùng! Điều đó rõ ràng cố tìm cách vu cáo và doạ nạt.

Tôi nói bằng một giọng trách móc, giận hờn, khiến đại uý Bính có vẻ khó chịu. Nhưng tôi nghĩ rằng có thể ông hiểu người Nam chúng tôi là những người thật thà, chất phác và ngay thẳng, nghĩ gì cứ nói toạc ra hết. Vì vậy, tôi nói tiếp:

- Thưa đại uý, đây là xứ sở của chúng tôi, nơi chôn nhau cắt rún của người miền Nam. Tôi là con dân của đất Cần Thơ, Chánh phủ quốc gia có bổn phận phải tôn trọng quyền làm dân của tôi chứ. Vì vậy, không nên khơi khơi kết tội mà không có một bằng chứng cụ thể nào, như trung uý Chương đang làm. Đó là một hành động ăn hiếp dân hiền lành vô tội như tôi trong mấy hôm nay.

- Trần Thị Tố Loan có phải bà con của cô không? - Bất ngờ đại uý Bính hỏi, tôi bình tĩnh trả lời:

- Dạ, chị ấy là bà con cô cậu của tôi.
- Tôi có gặp cô ấy sau khi cổ bị bắt. Một người con gái quá lì lợm! - đại uý Bính lắc đầu.

- Chị tôi bị kêu ăn 5 năm tù!

Tôi nhìn thẳng vào mặt ông, rồi chậm rãi nói:

- Thưa đại uý, tôi tin rằng qua các cuộc điều tra và các hồ sơ An ninh đang có, đại uý đủ biết hết về gia đình, bà con của tôi. Tôi xin cam đoan với đại uý là tôi vô tội. Tôi không phải Việt Cộng mà tôi cũng không phải là tay sai của cộng sản. Vậy, xin đại uý giúp tôi.

Tôi nói vừa thầm khấn Trời, Phật phù hộ cho tôi.

Đại uý Bính yên lặng nghe tôi nói, rồi chợt hỏi:

- Cô có thích việc làm của cô ở Phòng V không?

Tôi không dám nói thật dù thích muốn chết, sợ người ta nghi ngờ, mà sợ nói một tiếng “dạ” không thôi thì lại sợ không đủ, rủi họ đề nghị làm việc khác thì sao? Nhưng tôi biết nói gì bây giờ? Tôi còn nhỏ quá, mà hành trang vào đời của tôi lại nhẹ tâng, chỉ có mấy lời giáo huấn của ông bà tôi, ba má tôi… Nào là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, nào là lòng ái quốc, nào là cách cư xử với bà con trong làng Bang Thạch…

- Cô có còn tin tưởng ở Quốc gia sau khi chị cô bị bắt không? - Đại uý Bính hỏi.

Tôi đáp ngay:

- Thưa đại uý, tôi thương chị tôi lắm, nhưng thời gian trong tù chỉ là một trở ngại nhỏ cho bước đi lớn của chị. Đối với tôi, chị là chị Tố Loan, mà tôi vẫn là tôi, người tin ở Quốc gia.

Ông đứng dậy trong khi tôi vẫn ngồi yên trên ghế, rồi nói:

- Được rồi, tôi sẽ nói chuyện với trung uý Chương.

Đại uý Bính tiễn tôi ra cửa. Ra khỏi sở An ninh quân đội II tôi thấy đời thật đáng yêu, đáng sống; lòng tôi nhẹ như được cất cánh. Tôi vội vàng về nhà báo tin mừng cho má hay. Trước khi gặp đại uý Trần Duy Bính, tôi cứ tưởng ông công an nào cũng có nanh, có vuốt. Ngược lại, đại uý Bính có hàm răng trắng thật đẹp và nụ cười thật hiền.

Sáng hôm sau, khi tôi vừa bước chân vô sở, đã thấy thiếu uý Nam có mặt trước mọi người như thường lệ. Sự có mặt rất sớm của ông khiến tôi đôi khi thắc mắc, không biết ông có về nhà ngủ, hay ông ngủ luôn trong văn phòng vì có máy lạnh.

Vừa thấy mặt tôi, thiếu uý Nam đưa cho tôi một tờ giấy hồng. Khỏi nói, tôi cũng biết cái gì đang chờ đợi tôi từ sáng tới giờ. Đó là lệnh "trình diện tại văn phòng trung uý Chương ngay lập tức!". Chữ viết tay của đại uý Chánh. Buổi gặp đại uý Bính khiến tôi bạo dạn ngồi xếp tờ giấy mầu hồng thành chiếc máy bay, rồi cho bay vô thùng rác. Thiếu uý Nam trợn mắt nhìn tôi, nói:

- Con trai của Chúa Jesus đòi gặp cô mà!

Tôi dí dỏm đáp:

- Nhưng con gái của Chúa Jesus hôm nay bận việc.

Tôi vừa nói vừa nhìn vào chồng tin tức mà thiếu uý Nam lấy từ bên trung tâm hành quân về, rồi tiếp:

- Con trai của Chúa đành phải chờ bữa khác vậy.

Thiếu uý Nam ngạc nhiên nhìn tôi một lát, rồi lắc đầu, trở về bàn làm việc của ông.

Những ai trong văn phòng biết chuyện tôi đang bị điều tra hồi hộp chờ xem tôi lăn lóc trong bão tố, rồi sẽ trôi giạt đến đâu. Còn tôi, tôi cũng mệt lả người, nên suốt ngày hôm đó tôi không tập trung được tư tưởng. Ngoài mặt tôi giả bộ bình thản, nhưng tôi cũng hồi hộp chờ chiếc xe thùng mầu đen đến hốt tôi đi. Nhưng ngày đi qua, đi qua một

cách êm ả như tỉnh nhỏ Cần Thơ. Rồi tới những ngày sau cũng không có chuyện gì xảy ra.

Cuộc sống trở lại bình thường; trung uý Chương vẫn mang lon trung uý.

Một hôm, tôi cùng trung uý Phước tới câu lạc bộ, thấy trung uý Chương đang ngồi ở đó. Nhưng vừa thấy tôi, ông liền bỏ đi ngay. Tôi nhớ câu nói của Hải Vân: “Sau cơn mưa, trời lại sáng”.

Mà trời sáng thật. Mỗi khi đi ngang qua phòng nhì, tim tôi không còn đập như trống làng nữa. Rồi hình ảnh trung uý Chương cũng mờ dần. “Con ma” Chương không còn theo ám ảnh tôi nữa.

Chương 19

Hai giờ sáng, trời không trăng, tối đen như mực. Nhờ ngọn đèn đường leo lét dọc đường Võ Tánh, tôi chạy hết con đường dài mà tìm không được một chiếc xe lôi nào. Tôi đành liều đập cửa nhà chú "Đức xe lôi" trong hẻm ông Cả Đài, để xin chú đưa má tôi vô nhà thương. Khi chú còn lui cui đi tìm đôi dép, tôi phải chạy bay về nhà, dặn dò chị Thuận nhớ cho hai đứa em ăn đúng giờ để kịp đi học. Sau cùng, tôi viết mấy chữ nhờ một học trò của má trông nom giùm khi má phải nằm nhà thương. Má tôi đau bụng, nhắm mắt, nằm rên khe khẽ, hai tay ôm chai nước nóng trên bụng, còn chai thuốc cốm trị bao tử cũng nằm lăn lóc trên giường.

Luật lệ nhà thương không cho "con nít" vô phòng khám. Tôi đành đứng chờ bên ngoài, trong bụng

nóng như lửa đốt. Đầu tiên tôi giận ba tôi. Bây giờ ba ở đâu? Ba “chống Mỹ cứu nước”, bỏ mặc vợ con sống lay lắt. Trong cơn nguy ngập, tôi ước gì có ba ở cạnh má, ba sẽ biết cách xoa dịu nỗi đau đớn của má. Tôi nhớ hồi năm tuổi, tôi chơi dao rồi bị đứt tay thật sâu, thịt lòi ra, vậy mà tôi không khóc, chỉ vì ba xức thuốc đỏ lên vết thương, băng lại rồi hun lên ngón tay tôi một nụ hun dài. Nhờ nụ hun này, vết thương lành rất nhanh mà lại không có thẹo. Tôi nhớ hoài nụ hun đó. Sao bây giờ ba không ở bên cạnh má, để má khỏi cơn đau ngặt nghèo này?

Tôi đứng ngồi không yên ngoài hành lang, chỉ cách má tôi có một cái cửa, mà sao tôi thấy xa vời vợi như hai miền Nam-Bắc cách nhau con sông Bến Hải. Mỗi lần nghe tiếng má rên, tôi nôn nóng muốn nhào vô, bất chấp cả luật lệ nhà thương, nhưng tôi

phải tự kiềm chế, không thôi người ta ghét lây qua bịnh nhân. Tôi phải đợi một hồi rất lâu; cửa phòng mở lớn, hai cô y tá đẩy một cái giường sắt, má tôi nằm trên. Vừa thấy họ, tôi hoảng hốt tưởng má tôi đã “làm sao”. Những khi định thần nhìn kỹ thấy tấm mền trắng chỉ đắp tới ngực, chớ không che kín mặt. Lúc đó tôi mới hoàn hồn. Vội chạy theo má, nắm lấy tay bà, gọi khẽ:

- Má, con nè, má! Má có nghe tiếng con không?

Má tôi chỉ đáp lại bằng một tiếng rên khẽ. Hai cô y tá đưa má vào một phòng khác, rồi chuyển má sang một chiếc giường nhỏ hơn, không có bánh xe. Trước khi bỏ đi, một người chỉ cái nút bấm trên tưởng, nói:

- Chỉ nhấn nút này chừng nào má đau dữ dội thôi nhen.

Tôi tự hỏi: “Còn trận đau nào dữ dội như trận đau hồi khuya nữa”.

Tôi vái trời cho tôi khỏi phải dùng tới cái nút này.

Họ đi đến, rồi đẩy cái giường cũ ra khỏi phòng.
Má tôi nằm thiêm thiếp, nhưng tay chân động đậy không yên, miệng nói mê sảng không thành tiếng. Tôi nắm tay má, rồi nói:

- Má, má còn đau lắm không?

Má vừa rên rỉ vừa nói:

- Má sợ quá, con ơi.

Giây phút đó, tôi tưởng như cái cột trụ cuối cùng của nhà tôi trở thành một đống gạch vụn. Từ ngày

bà tôi ra đi, chị em chúng tôi hoàn toàn trông cậy vào má. Má là người can đảm, chẳng bao giờ than thở, chẳng sợ bất cứ ai, vừa làm cha vừa làm mẹ, nuôi con thơ, cho ăn học nên người. Bây giờ má nằm nhà thương, đau đớn đâu vì cơn bịnh, và lo sợ cho mạng của chính mình.

Má tôi nói, giọng khàn khàn yếu ớt:

- Con đánh dây thép cho chị Kim, chị Cương, Hải Vân hay má đau.

Hai chị của tôi mới sang được căn phố trân lầu rạp hát Kim Châu. Bác Phạm Ngọc Thảo là đồng chí cũ của ba tôi, nên đã nhiệt tình giúp đã cho hai chị được nhận vào làm cho Ngân hàng quốc gia Việt Nam. Việt Cộng đã vỡ mộng về tôi, nên sau đó họ

nhằm Hải Vân. Đã nhiều lần các cán bộ Việt Cộng nửa khuyên, nửa ép họ Hải Vân vô bưng đi học.

“Để có một đứa con nối dõi anh Quang”, họ nói như vậy. Nhưng má tôi phản ứng ngược lại. Sau đó, má cho Hải Vân lên Sài gòn ở với hai chị Kim, Cương.

Tôi quỳ xuống đất, kề miệng, nói nhỏ bên tai má tôi:

- Má phải mạnh. Lát nữa con vô sở, xin lãnh lương sớm hơn để thuốc thang cho má.

Mắt nhắm nghiền, má đưa tay sờ soạng kiếm tay tôi, nắm chặt:

- Con phải coi sóc tiệm may, đừng để mấy chị học

trò phải gánh vác hết, tội nghiệp người ta.

- Má đừng lo cái tiệm, con biết coi trong coi ngoài; con săn sóc mấy đứa nhỏ nữa, má yên tâm.

Lúc đó, tôi sẵn sàng hứa bất cứ cái gì cho má tôi yên lòng. Nhưng má tôi có đòi hỏi gì nhiều đâu.
Rồi cơn đau trở lại. Người má tôi cong lại, hai đầu gối co lên ngực. Nhưng má tôi cắn môi chịu đựng, không rên rỉ. Tôi bấm nút chuông nhiều lần; chừng năm phút sau, một cô y tá nhanh nhẹn nước vô. Có bắt mạch, rồi chích cho má tôi một mũi thuốc. Trước khi ra khỏi phòng, cô khuyên tôi đừng quá lo; sáng bác sĩ sẽ vô coi bịnh cho má.

Chỉ mấy phút sau, má tôi ngủ thiếp đi, hơi thở điều hoà. Tôi đoán người ta vừa chích thuốc giảm đau cho má. Tôi thở ra nhẹ nhõm, ngồi dựa lung vô

vách tường cạnh chân giường. Tôi nhớ lại những lời dặn dò của ông ngoại lúc ông còn sống: “Các cháu phải nghe lời má, phải săn sóc má thay ông”. Chị em chúng tôi nhiều lần hứa với ông là chúng tôi sẽ vâng lời. Nhưng giờ tôi muốn nói lại với ông: “Ngoại ơi, bây giờ chỉ có ông trời mới giúp được nổi má cháu thôi!

Ngày xưa mỗi lần đi công tác xa, ba tôi dặn anh Khôi, chị Kim, chị Cương phải “săn sóc má cho tới ngày ba đi công tác về”. Bấy giờ, chỉ có mình tôi với má, tôi biết làm sao đây?

Hừng sáng hôm sau, dưới đường Bã Đậu, tiếng xe cộ qua lại tấp nập, ồn ào; tiếng người vùng lên cũng không đánh thức má tôi dậy được. Đến giờ làm việc, tôi phải xuống văn phòng làm tờ nhập viện cho má. Trước khi rồi khỏi phòng, tôi đưa cái

tay lên mũi má nghe ngóng. Tôi mừng khi thấy má thở đều. Tôi an tâm ra đi. Tôi không tới văn phòng bịnh viện ngay, đến bà bạn học cũ của má tôi, hiện đang làm y tá ở đây. Trong khi đau ốm phải vào nhà thương, mà có bạn làm y tá, còn hay hơn có bạn làm tổng thống. Tôi đi thẳng tới nơi làm việc của cô Tám Quan, y tá trưởng. Khi biết má tôi mới nhập viện đêm qua, cô hứa lo hết mọi việc cho má tôi.

Tôi an tâm chạy ra bưu điện gởi điện tín cho hai chị tôi. Từ khi các chị xa gia đình, tôi gởi điện tín hai lần, hai lần đều báo hung tin hết. Lần thứ nhứt, ông ngoại tôi qua đời. Lần thứ hai bà tôi ốm nặng, sắp mất. Lần này là lần thứ ba, báo tin má tôi nằm bệnh viện. Chắc chắn sẽ làm hai chị lo lắm. Tôi viết:

“Má đau nặng, tụi em cần hai chị về gấp”

Chị Kim, chị Cương và Hải Vân về tới Cần Thơ chiều hôm sau. Hai chị và em của tôi đâu có biết họ là vị cứu tinh của tôi trong những ngày đó. Mấy tháng trước, một người quen của má tôi bị xuất huyết trong bao tử, tưởng là không có gì quan trọng, ai dè mấy tháng sau bà chết. Khi má tôi bị đau bao tử, cái chết của bà ám ảnh tôi hoài, suốt ngày đêm, nhưng tôi không dám cho ai biết, sợ bị quở là nghĩ bậy. Trong khi đó, Hoà Bình cứ đòi nó và Minh Tâm vô thăm má, nhưng tôi sợ hai đứa còn nhỏ quá, thấy má đau lại vô tình nói những lời xui xẻo. Nhưng tôi không cho vô, hai đứa lại càng nghi ngờ má đã chết rồi. Đã làm chị, tôi phải bình tĩnh và can đảm để làm gương cho lũ em, nhưng tôi cũng lúng túng, yếu mềm như con mèo ướt. Trong hai ngày vừa qua, mỗi lần thấy hai đứa nhỏ khóc, tôi lại bí mật đi chỗ khác để giấu nước mắt. Mỗi lần hai đứa nhỏ hỏi: “Má chết phải không không chị?”,

tôi nghẹn ngào không biết trả lời ra sao. Mà chính những câu hỏi đó cũng thỉnh thoảng hiện ra trong óc tôi. Hoà Bình khóc hoài, rồi không chịu đi học. Khi hai chị tôi về, mọi việc được thu xếp tạm ổn định. Hoà Bình buông tôi ra mà đeo theo chị Kim, vì chị là thần tượng của nó thuở nhỏ. Chị Cương kiên nhẫn, dịu dàng với Minh Tâm, nó vui lên mà tạm quên má. Tối hôm đó, hai chị ở nhà em, tôi vô nhà thương mướn cái ghế bộ để ngủ cạnh má. Vì tôi không có kinh nghiệm gì về việc nuôi người bịnh, cách làm của bác sĩ và y tá trong nhà thương. Có Tám Quan cho biết má tôi có sạn ở mật. Họ cho má tôi uống thuốc giảm đau bao tử, và đã lấy máu để thử nghiệm. Bao giờ có kết quả mới biết chắc bịnh gì. Có Tám Quan kề tai tôi nói nhỏ:

- Yên tâm. Cô có đây, người ta săn sóc má con chu

đáo lắm. Má con có bề gì, khi ba con về ông bắt thường cô thì cô chết!

Đêm thứ tư trong nhà thương, má tôi ngủ yên nhứt, không còn nghe tiếng rên rỉ nữa. Còn tôi thì cũng mệt quá nên ngủ như chết. Đến nửa đêm má tôi kéo áo đánh thức tôi dậy, rồi vừa cười vừa nói:

- Đức Mẹ nói má sẽ hết bịnh con ơi. Đức Mẹ để tay lên bụng má, rồi chỗ đau biến mất.

Má tôi chỉ tay lên tường, nơi có treo hình Đức Mẹ Maria, mấy hôm này tôi không để ý. Tôi ngái ngủ, nói:
- Con mong chiêm bao của má thành thiệt.

Má tôi có giọng tin tưởng, đáp:
- Thiệt con ạ. Không phải chiêm bao đâu.

Sáng hôm sau, tôi không đi mà chạy xuống cầu thang, nhảy lên xe lôi, về nhà báo tin lành cho gia đình biết, đặc biệt là hai chị Kim. chị Cương, vì từ lâu hai chị đặt hết lòng tin vào Đức mẹ Maria. Khi tôi kể xong, hai chị liền quỳ xuống, làm dấu thánh và đọc kinh Kinh Mừng.

Bác sĩ nói rằng má tôi hết bịnh là một sự "mầu nhiệm", chính ông cũng không hiểu tại sao. Má tôi phải nằm thêm hai ngày nữa mới được về nhà. Trước khi rời phòng, má tôi bước tới vách tường để tay lên hình Đức Mẹ, rồi nói:

- Cảm ơn Đức Mẹ.

Hai chị tôi đồng tình nhìn nhau.

Chương 20

Chị Kim, chị Cương ở lại Cần Thơ một tuần để săn sóc má, tôi biết má đang ở trong tình cảnh đơn chiếc, nhưng mà lại muốn các chị lên Sài gòn làm việc để lo cho tương lai, hơn là ở với má; má không muốn hai chị nối nghiệp nghề thợ may của má. Hai chị về ở lâu mới hiểu rõ cuộc sinh hoạt của gia đình, thấy tận mắt má cực khổ, gian lao như thế nào, để trông nom tiệm may và lớp dạy may. Má giao cho tôi việc tìm thêm học trò, giao hàng, trả hàng và cung cấp kim chỉ, vải vóc, dụng cụ cho tiệm may…

Trong một buổi cơm vào ngày Chúa Nhựt, ngày mà học trò của má về quê thăm nhà, chị tôi bàn với má, là cả nhà dọn lên Sài gòn. Hai chị em đi làm, tiền lương cộng lại, tài chánh sẽ rộng rãi, má nên nghỉ

nghề may. Suốt ngày hôm đó, mọi người đều bàn "lên Sài gòn" nhiều lần.

Lòng tôi náo nức không yên khi nghĩ đến chuyện bỏ Cần Thơ mà ở hẳn trên Sài gòn. Dù cho chuyện đó là chuyện rất hay, nên nữa, để má tôi được nghỉ ngơi, nhưng tôi vẫn quyến luyến Cần Thơ nơi chôn nhau cắt rún. Tôi vẫn nghĩ rằng Cần Thơ là của tôi hay ngược lại, tôi là của Cần Thơ. Đã vậy, tôi đang có việc làm yêu thích đến mức độ thỉnh thoảng lại tự hỏi đây là thiệt hay mộng. Việc làm rất vừa ý tôi; lương lại cao hơn một cô giáo. Phải công nhận rằng tôi đã được người Quốc gia tin tưởng, điều mà tôi mong mỏi, có gắng để đạt được trong xã hội đó. Không phải vì đồng lương không, mà nó là một sự lựa chọn lý tưởng, để bà con của tôi biết, tôi chọn đứng về phía Quốc gia. Nghĩ đi thì như vậy, nghĩ lại thì một mình tôi và lý tưởng không thể gánh vác

nổi gia đình. Không lẽ để má tôi vất vả cực khổ. Cả nhà bàn đi tán lại mà chưa đi đến một quyết định. Má tôi hứa với hai chị là sẽ suy nghĩ kỹ.

Ông bà không còn, về thăm lăng mộ ông bà cũng không dám về, ban tối thì Việt Cộng chiếm, sáng thì Quốc gia đi bố, má tôi thôi may, má tôi quyết định dọn lên Sài gòn ở với hai chị.

Trước khi từ biệt nơi chôn nhau cắt rún, tôi đi qua tất cả con đường của Cần Thơ để nhìn nó lần cuối. Tôi cũng muốn về thăm mộ ông bà ngoại, để hưởng lại chút hơi ấm của mảnh vườn đã nuôi sống má và chị em tôi khi chúng tôi mới từ trong bưng biền trở về vùng quốc gia. Nhưng dì Bảy đã cấm không cho tôi về, khi dì biết tôi làm cho phòng V quân đoàn 4 và hiến máu cho một thương binh quốc gia.

Hồi mới về Bang Thạch với ông bà ngoại, mỗi lần nhớ ba và anh Khôi, tôi lại nhắc tới những vùng đã sống trong bưng biền như: Ong Vèo, Ba Ngọn, Kim Qui, Cảng Chú Hàng… Thấy tôi nhắc hoài tới những địa danh đó, ông ngoại tôi khuyên tôi không nên sống trong dĩ vãng, mà hãy để dĩ vãng sống trong lòng mình. Sau này tôi mới hiểu lời khuyên đó. Nhờ vậy mà tôi thấy mình minh mẫn; tôi nhớ chuyện đã qua, nhưng không tiếc nuối những gĩ đã đánh mất trong đời. Tôi nghĩ mình không có mất cái gì hết, ngược lại, dĩ vãng đó làm cho đời sống của mình thêm phong phú.

Tôi gặp đám bạn trước khi chia tay. Họ tặng tôi một món quà trong hộp thiếc bọc giấy đỏ. Bạn tôi ai cũng biết tôi thích mầu đỏ. Tôi thích mặc áo mầu đỏ; tập vở phải có bìa đỏ; ngay thước trong cặp tôi cũng sơn mầu đỏ. Họ trêu tôi là “Việt Cộng” vì

mầu đỏ, nhưng họ biết ý nghĩa mầu đỏ của tôi. Sở dĩ tôi thích mặc áo mầu đỏ là vì tôi tưởng niệm mấy người cùng trường chết trận. Rồi từ đó, mầu đỏ đối với tôi có ý những giống máu chảy trên quê hương của người lính Việt Nam Cộng hoà.

Về nhà, tôi mở hộp thiếc, mới biết các bạn tôi tặng tôi hộp đất lấy ở liếp vườn bông mà hồi học đệ thất chúng tôi vun xới.

Chương 21

Nhà thờ Đức Bà ở Sài gòn là nơi tôi hay đến, tìm một nơi yên lặng để suy nghĩ. Tôi không phải là một tín đồ Công giáo, cũng không phải là một Phật tử. Tôi chẳng theo một tín ngưỡng nào, trong khi

hàng ngày phải đối diện với biết bao nhiêu thực tế phũ phàng, nào chiến tranh, nào chết chóc, luôn luôn ám ảnh mọi người, nên cũng không biết đặt niềm tin tôn giáo vào đâu. Dù không có một lòng tin như những tín đồ Thiên Chúa giáo, mỗi lần bước vô ngôi nhà thiêng liêng này, tôi bỗng cảm thấy an tâm rất nhiều. Nơi đây, tôi có thể nói ra và nghe được hết những gì chứa chất trong lòng tôi: những mong ước, tình thương cho gia đình, cho đất nước.

Đôi khi tôi giận cả ông Trời, vì ông đã ngoảnh mặt làm ngơ trước nỗi đau thương, cực khổ của người dân Việt Nam.

Thỉnh thoảng, tôi nhìn lên tượng Chúa Jesus trên cây thánh giá thầm khấn:

- Xin Chúa bảo vệ ba và anh Khôi con…

Không bao giờ tôi cầu xin Chúa cho hoà bình trở lại, hay đưa ba tôi về gia đình, vì ông ngoại tôi đã nhiều lần nhắc nhở: Trời đất hiền lành lắm, không có xía vô việc chánh trị vì chánh trị là tàn ác, lừa dối, xảo trá.

Một chiều thứ sáu, tôi đến nhà thờ Đức Bà, thấy các con chiên ngoan đạo đang đứng sắp hàng chờ xưng tội. Tôi không có gì để xưng, mà chỉ muốn xin Chúa cho tôi có đủ can đảm và sức mạnh quyết định một việc có thể làm phật lòng má tôi và gia đình. Tôi biết tôi đã làm má tôi buồn lòng nhiều lần như hồi tôi còn đi học. Vào những đêm trăng sáng chị Thuận về tôi đã chui khỏi mùng khi mọi người đã ngủ yên. Chúng tôi ra để ngồi nói chuyện với con Mai Bắc Kỳ, con Lê và thằng Tiểng hàng xóm,

rồi còn bắc ghế cho Tiểng bẻ mận của nhà hàng xóm. Có lần Mai và tôi dám đổi ổi để lấy vú sữa trên bàn thờ của nhà nội Tiểng. Nhưng đó chỉ là những chuyện con ranh nghịch ngợm, bỏ qua được. Bây giờ là chuyện người lớn, chuyện làm ăn đàng hoàng. Từ ngày lên Sài gòn, tôi thấy cuộc sống thành thị khó khăn hơn sức của tôi. Thành đô náo nhiệt, ồn quá, tôi không chịu được, nên muốn trở về Cần Thơ để đi làm cho phòng V. Chị tôi đã xin cho tôi vào làm nhà in Đông Nam Á, lương thấp không đủ chung phần với các chị trong "công ty" của gia đình. Đã vậy, tôi lại không thích làm việc dưới quyền ông già quan liêu, khó tánh. Sau nhiều lần tìm việc khác không được, tôi đã ngỏ ý muốn trở về Cần Thơ, nhưng má tôi khó yên tâm cho tôi ra khỏi nhà một mình. Tôi năn nỉ:

- Cần Thơ là đất của mình; nếu ở đó không yên, thì

còn chỗ nào yên ổn hơn được?

Hai chị tôi hậm hực cho biết, nếu tôi trở về Cần Thơ là phụ lòng hai chị. Nhưng nếu vì hai chị mà tôi ở lại Sài gòn, thì tôi sẽ sống trong buồn bực, và lúc nào cũng bị mặc cảm, vì làm lương không đủ phụ với gia đình. Tôi quen sống nơi tỉnh nhỏ không ồn ào náo nhiệt, không thích ứng được với đời sống nơi đô thị ồn ào, chụp giựt. Thế nào tôi cũng phải trở lại Cần Thơ. Dù sao tôi hiểu rõ Cần Thơ hơn Sài gòn. Đời sống ở Sài gòn có muôn hình vạn trạng. Kẻ giầu người nghèo quá chênh lệch. Có những nhà sang trọng, cao chót vót. Trong khi đó, không thiếu những cái chòi cất tạm của những người nghèo từ dưới tỉnh chạy loạn lên. Dân Sài gòn ăn hối lộ như cơm bữa. Kiếm được việc phải mất tháng lương đầu tiên cho người giới thiệu … Biết không thể sống được ở cái đất Sài gòn đầy dối

trá, lưu manh, tôi quyết định trở về Cần Thơ, rồi mỗi tháng lãnh lương, sẽ gởi về. Tôi đã sống nhiều năm bên má để giúp đỡ má phần nào, bây giờ tới phiền hai chị tôi lo cho má.

Tôi rời nhà thờ Đức Bà, ghé mua hai chục hột vịt lộn đem về nhà "ăn lấy hên". Trong bữa cơm, tôi nói với má và hai chị:

- Hồi chiều, đi làm về, con tới nhà thờ Đức Bà…

Mới nghe tới đây, hai chị tôi mắt sáng lên, vì tưởng tôi nghe lời hai chị mà vô đạo. Tôi mỉm cười nói tiếp:

- Con hỏi Chúa về quyết định của con và Chúa đã phán cứ làm theo ý muốn của con. Vì vậy, con sẽ trở về Cần Thơ.

Má và các chị đều giữ im lặng trước giọng nói cương quyết của tôi. Mấy ngày sau đó, má tôi đi chợ mua thức ăn để làm bữa cơm tiễn đưa tôi. Hôm ấy có đủ mặt chị em trong nhà, nhưng nhiều tiếng cười, tiếng giỡn của mọi người.

Hôm tôi chia tay với mọi người, con chó của Hải Vân bỗng tru lên, khiến ai cũng ngạc nhiên.

Về đến Cần Thơ, tôi gặp may mắn liền, vì được đại uý Chánh trả lời làm việc ở phòng V. Sợ ông đổi ý, sáng hôm sau, tôi đi làm liền. Nhưng tôi lại gặp khó khăn trong việc tìm chỗ ở. Má muốn tôi ở nhà chị Yên và chị Hồng Nga trên đường Ngô Quyền. Tôi không muốn ở đó, vì tôi biết chị Hồng Nga là Việt Cộng. Chị là con gái thứ ba của cậu Tư. Người yêu của chị là anh là một cán bộ Việt Cộng, chết cách đây 5 năm. Chị không nghĩ đến chuyện chồng

con nữa, mà dành hết cuộc đời cho ý thức hệ. Trong gia đình tôi, chị em bà con rất thương yêu nhau. Chị Hồng Nga sẵn sàng cho tôi ở với chị. Các chị không từ bỏ đứa em nào, dù cho đứa đó không theo Việt Cộng, làm việc cho Quốc gia. Tình máu mủ trước sau như một. Chỉ có dì Bảy là người không tha thứ, không chấp nhận đứa cháu nào từ chối phục vụ cho Mặt trận. Hồi tôi còn nhỏ, chị đã dậy tôi thêu thùa, làm thủ công, khi tôi học lớp nữ công gia chánh ở trường Đoàn Thị Điểm. Nhưng làm sao tôi có thể ở với chị được, khi tôi làm việc cho quân đội Việt Nam Cộng hoà, còn chị "Chống Mỹ cứu nước".

Lúc còn đi học, Mai Bắc Kỳ và tôi bị bạn bè trong lớp đặt tên "Trưởng ban lục lạo". Các thầy cô mới từ Sài gòn hay tỉnh khác đổi về muốn tìm nhà trọ, đều phải nhờ hai đứa tôi. Ngay cả những sĩ quan,

hay lính tráng cũng vậy. Bây giờ trở về Cần Thơ, tôi tới ngay một nhà trọ ở gần sân banh. Mới đầu, bà vợ không nhận cho tôi ở trọ, viện cớ bà chỉ cho mấy ông sĩ quan thuê thôi; “nam nữ thọ thọ bất thân”. Bà Năm suy nghĩ như thế, nhưng tôi hứa sẽ khoá cửa kỹ lưỡng, sẽ nhìn trước ngó sau trước khi vào phòng của tôi, vả lại, tôi chỉ là đứa con nít, ai mà để ý. Con gái bà Năm nói: “Em ơi, em chưa biết mấy ông đàn ông đó nhá”. Cuối cùng chị thuyết phục ba má chị cho tôi ở, rồi biểu hết sức trông giùm tôi.

Bà Năm chủ nhà trọ trạc ngoài 60, tướng cao ráo, có dáng đi phong luu. Bà mang kiếng gọng đen, tóc muối tiêu.

Tiếng cười của bà trong vắt và trẻ trung như tiếng cười của một người con gái. Bà ăn trầu, nhổ nước

cốt trầu vào một cái ống nhổ bằng đồng. Ông Năm hơi thấp hơn bà một chút, và lớn hơn bà Năm ba tuổi, ông mạnh khoẻ, tráng kiện; mỗi bước đi của ông chắc nịch, đi như có mục đích. Ông Năm hút thuốc liền tay. Lúc bận sửa xe, ông để điếu thuốc ở gần, thỉnh thoảng ngưng tay, kéo một hơi dài, rồi nheo mắt tận hưởng khói thuốc.

Gia đình ông bà Năm ở trong một nhà Tây làm, có garage sửa xe. Những căn cho thuê, là nhà cao cẳng mới cất thêm ở phía sau. Dưới những căn nhà này có vườn rau, và sân sau có cả mấy chục sợi dây phơi quần áo. Bà Năm chỉ cho tôi nhà tắm của người trọ, nhưng chị Hai con gái của bà kêu tôi đừng xài những nhà tắm đó, mà xài nhà tắm của gia đình. Chị chỉ cho tôi chỗ giặt quần áo và cái bếp khổng lồ. Tôi có thể hình dung ra được cảnh tấp nập vào buổi chiều. Cái bếp đó làm cơm cho hai

chục người, gồm mười bốn dân ở trọ và sáu người của gia đình ông bà Năm. Ở chung với ông bà có vợ chồng người con gái, người rể và hai đứa cháu ngoại.

Bà Năm cho tôi ở căn phòng ngày đầu cầu thang, bà cho biết không ai chịu ở phòng này, vì người ta đi lên đi xuống đều đi ngang qua đó. Bà lại nói như để an ủi tôi:

- Phòng này "chắc ăn nhứt" vì ở ngay phía ngoài, không ai dám chọc ghẹo con.

Nhưng bà đâu biết, tôi tuy là gái Cần Thơ mà cũng dữ như sư tử Hà Đông; ai mà dám chọc ghẹo tôi. Phòng tôi nhỏ xíu, vuông vắn chừng 4 thước; cửa sổ nhìn xuống vườn rau. Giường nằm nhỏ như cái băng-ca, thể nào cũng có đêm tôi sẽ lọt xuống sàn

nhà. Cái bàn viết chân cao chân thấp rung rinh. Cái tủ để quần áo cao hơn đầu tôi, nên tôi chỉ dùng hai ngăn dưới cùng. Tôi miễn cưỡng nhận căn phòng này làm nhà.

Tôi ngả lưng xuống chiếc "băng ca", rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết, cho đến khi chị làm bếp gõ cửa cho hay đã tới giờ cơm chiều. Tỉnh dậy, trong khoảnh khắc tôi không biết mình đang ở đâu.

Người Mỹ có câu danh ngôn: "You can't go home again". Câu này thật đúng cho hoàn cảnh tôi lúc này. Tôi trở lại Cần Thơ trong buồn bã, trơ trọi, vì bạn bè đã đi hết. Thằng Tiểng đi lính. Hai người em bà con của tôi là Hàn Quang Truyền và Hàn Quang Thoại, lên Sài gòn làm việc cho nhà thương Cơ Đốc. Lê Thị Bạch Tuyết lấy chồng Không quân, cũng đã lên Sài gòn rồi.

Cô giáo Thái Lan được đổi về Sài gòn, nên cả gia đình con Mai Bắc kỳ cũng dọn đi luôn. Chị Thuận về làm dâu nhà Huỳnh Võ. Chị lấy Thanh, con trai thứ năm của gia đình này. Bây giờ tôi phải kêu "thằng nhỏ" này bằng anh rể. Thế là "thằng nhỏ" lên "chức", có phước lấy được chị tôi rất hiền lành, chung thuỷ. Chỉ có một điều là cộng sản luôn luôn có thành kiến với thành phần tư sản, nên dì Bảy của tôi không chấp nhận cuộc hôn nhân này. Ngày chị tôi về nhà chồng không có xe hoa, không có bà con hai họ.

Tôi rất buồn, khi trở về Cần Thơ mới biết tin này, vì sau ngày vu quy, chị bị dì Bảy ruồng bỏ, chị Thảo của chị muốn gặp em thì lén lút dì Bảy. Lúc mới về, tôi cũng không biết chị ở đâu. Còn chị Thảo, chị của chị Thuận, lại quyết tâm theo gót cha, đem hết tuổi trẻ dâng cho cách mạng.

Hồi đi học, tôi nuôi mộng trở thành một tráng sĩ, hoặc một nhà văn. Còn mong ước của chị Thuận rất khiêm nhường và giản dị. Chị chỉ muốn làm một người vợ hiền, một người mẹ hết lòng vì con. Hồi còn đi học, chị hay giành ủi những cái áo cưới mầu hồng, mầu đỏ trong tiệm may của má, rồi chị mơ ước ngày đám cưới của chị, má tôi sẽ là người may áo cưới. Nhưng rồi Việt Cộng làm tan vỡ mộng ước của người con gái mồ côi cả cha lẫn mẹ này.

Trong căn phòng nhỏ xíu, yên lặng, tôi nghe tiếng con thằn lằn chặc lưỡi. Tôi ghét thằn lằn cũng vì cái tiếng chặc lưỡi kêu than buồn đứt ruột của nó, lại thêm những cục cứt tí tẹo, đen rơi vung vãi trên giường. Tôi lấy sợi dây thun bắn lên trần nhà, con thằn lằn rớt xuống đất một cái "độp". Tôi không dám nhìn kỹ nó, chỉ lấy miếng giấy túm nó liệng ra cửa sổ.

Chiều thứ sáu, nằm một mình ở đây, tôi nhớ gia đình trên Sài gòn, Nhà tôi ở trên lầu, cạnh rạp hát Kim Châu trên đường Nguyễn Văn Sâm. Chắc giờ này má và Minh Tâm ra đứng ngoài balcon nhìn xuống đường xem người đi coi hát qua lại dập dìu.
Từ ngày ba tôi đi tập kết, má tôi khép mình không tiệc tùng, không ăn tiệc cưới, không đi coi hát. Mà chỉ ở nhà chờ ba về, nên khi ở Sài gòn, má tôi hay đứng ngoài balcon nhìn người đi kẻ lại má cùng đủ vui rồi. Chắc giờ này, hai chị của tôi đi chơi với bạn trai. Tôi không biết Hoà Bình đang làm gì, nhưng tôi biết Hải Vân đang tập tạ. Tôi biết em lúc nào cũng mơ ước hai việc: học giỏi và có một thân mình tráng kiện. Nhà không nhiều tiền, nhưng Hải Vân được đi học Nhu đạo, được đi học vẽ. Vào buổi chiều thứ sáu quạnh hiu này, tôi cũng nhớ đến ba và anh Khôi. Nhưng tôi không hình dung được cái thế giới xa vời, sâu thẳm đó. Chúng tôi không

những cách nhau vì con sông Bến Hải, mà còn khác biệt cả về tư tưởng lẫn đời sống. Có một điều tôi biết rõ về ba tôi: ông là một người yêu nước thương nòi, và lãng nạn. Lòng chung thuỷ của ông với má tôi không thua lòng chung thuỷ của ông với Hồ Chí Minh. Ba tôi chưa bao giờ ra lịnh hay khuyên nhủ con cái làm điều gì, nhưng ông lúc nào cũng nêu gương sáng của một người đàn ông yêu nước. Ông quyến rũ không biết bao nhiêu thanh thiếu niên đi vào con đường của xã hội chủ nghĩa. Có lần tôi đến thăm bác Chín của tôi, người anh cùng cha khác mẹ của ba tôi. Trên giường bịnh, bác Chín cho tôi cho biết con nhà họ Đặng chúng tôi ai cũng yêu quê hương xứ sở, và tha thiết với gia đình. Anh em nhà họ Đặng khăng khít yêu thương nhau. Bác cũng cho rằng bác yêu và quý người "em Việt Minh" của bác lắm. Tuy nhiên, bác không chấp nhận sự lựa chọn của người em yêu quý này,

sau khi em bác theo Cộng sản. Rồi bác nắm tay tôi và khuyên: “Bác không biết con theo bên nào, những con phải để tình phụ tử trên hết. Có như vậy, con mới nhận thức được sự khác biệt rắc rối trong gia tộc của mình.

Một buổi trưa thứ Bảy, năm tháng sau ngày đến ở trọ nhà ông bà Năm, tôi ra sân sau phơi quần áo, bất ngờ thấy bà Năm nằm bất tỉnh dưới đất. Lúc đó ông Năm đi vắng, chị Từ nấu ăn vừa mới đi ra chợ Tham Tướng. Vì là ngày thứ Bảy, nhà vắng vẻ, các ông sĩ quan ở trọ đều về Sài gòn thăm gia đình, chỉ còn lại bà Năm và tôi. Có muốn cầu cứu cũng chẳng kêu ai biết này, tôi đành luồn tay ôm lấy bà, bồng thẳng ra đường. Rất may là bên đường, dưới bóng cây xơ-ri, một ông già ngồi ngủ bên chiếc xe lôi. Đến lúc đó, tôi bỗng thấm mệt và mỏi tay, đành phải đặt bà Năm xuống, rồi kêu xe lôi inh ỏi. Ông

già lái xe ôm tỉnh giấc, vội chạy về phía chúng tôi, ông giúp tôi bồng bà Năm lên xe.

Bà Năm bị đứt gân máu. Kết quả là bà bị bán thân bất toại và cấm khẩu. Không có bà quản lý, ông Năm quyết định định đóng cửa nhà trọ. Nhưng ông và con của ông vẫn muốn tôi ở lại. Họ coi tôi như người ơn của gia đình, nên không nhận tiền cơm tháng cũng như tiền trọ. Tôi cảm thấy áy náy không yên, về phòng ngồi và nghĩ miên man, chợt nhớ tới má tôi. Tánh đặc biệt của má, là không làm phiền hay nhờ vả ai. Người thích tự lập và rất sòng phẳng. Nếu mà biết tôi ăn và ở nhà ông bà Năm mà khỏi trả tiền, bà không bằng lòng. Tôi xuống nhà gặp ông Năm để cảm ơn lời đề nghị của ông.

Tạm thời tôi vẫn ở đó, chờ tìm một nơi trọ khác. Mỗi lần đi làm về, tôi vào thăm bà Năm. Tôi có

cảm tưởng như bà vẫn chờ. Tôi thầm tự hỏi, không biết bà chờ đợi cái gì? Chờ đợi một phép lạ làm cho cơ thể bà phục hồi như xưa? Hay bà chờ đợi tử thần đưa bà đi, để bà thoát khỏi cái kiếp tàn phế buồn tủi. Đôi lúc tôi lại tự hỏi, nếu trưa thứ bảy ấy tôi không ra phải phơi quần áo ở sân sau, bà Năm có chết không? Cuộc đời của một con người mong manh quá! Bà đã gục ngã khi không có một người ruột thịt nào ở gần. Rồi tôi nghĩ đến má tôi. Người mẹ đã lớn tuổi, đau ốm bất thường. Tôi nhớ tới cái đêm má tôi phải vô nhà thương Cần Thơ. Bất cứ lúc nào má cũng có thể bị lại. Rủi chị tôi không có nhà, em tôi đi học… thì ai sẽ lo cho má đây. Những cái "rủi" ấy làm tôi lo sợ. Thế là tôi quyết định trở về sống bên má.

Hôm sau, tôi cho phòng V biết trước một tháng, là

tôi lên Sài gòn. Tôi nói cho ông Năm biết tại sao tôi về Sài gòn.

Ông Năm cảm thông mà nói:

- Con đi thì ông nhớ; con về ở với má con là phải.

Rồi tới ngày tôi thu xếp để về với gia đình ở Sài gòn. Một buổi tối, tôi bỗng có linh cảm rằng tôi sẽ không bao giờ trở lại Cần Thơ nữa. Tôi không giải thích được tại sao tôi lại có lính cảm như vậy. Nếu không trở lại Cần Thơ, chắc tôi cũng vĩnh viến phải xa Bang Thạch. Suốt đêm hôm đó, tôi trằn trọc, bồi hồi nghĩ tới mảnh vườn của ông bà ngoại tôi.

Tôi phải về Bang Thạch một lần nữa, trước khi lên Sài gòn với gia đình. Rủi mai này xa cách ngàn trùng, tôi cũng còn giữ được những kỷ niệm ấm áp

của quê cha đất tổ trong tâm hồn. Tôi phải về thăm mả của ông bà ngoại, của cậu Nam Sắc, cậu Út Thế. Sẽ phải leo lên cây ổi gần mả của bà Mười một lần nữa coi có còn bị ma chó cắn không? Lần nào treo lên cây ối đó cũng bị ma chó cắn bầm hai cái đùi; cả trăm lần như vậy. Tôi không sợ cộng sản có thể bắt hồn tôi được, nhưng tôi lại tin có ma chó cắn chân tôi.

Sau khi chia tay với các nhân viên phòng V, tôi lên đường đi Bang Thạch bằng xe đò. Đến bót 18, tôi xuống xe. Cảnh quen thuộc đầu tiên mà tôi gặp, là cây cầu ván dẫn vô chợ Bang Thạch. Cái cây cầu quen thuộc trong tri nhớ. Hồi nhỏ, mỗi lần về thăm bà ngoại, chị em chúng tôi đều chơi trò của tôi. Tôi bắt chị Thuận hay chị Thảo lấy khăn bịt mắt tôi lại trước khi bước lên cầu. Hai chị nắm tay tôi dẫn đi trong chợ. Tôi nghe được những tiếng nói, mùi

hương quen thuộc. Trong chợ có ba tiệm hàng xén, nhưng tiệm của ông Sau Èm có mùi đường the nặc nồng, và mùi cá mặn nghe mà chảy nước miếng. Hai tiệm kia thì cá mặn ở phía trong, đi ngang không nghe mùi gì cả. Chị Thảo dẫn tôi tới một ngôi nhà mà tôi nhận ra ngay, vì sờ vô vách, tay liền đụng mấy lỗ mắt cáo; đó là Nhà Việc, nơi cậu Hai Trứ làm xã trưởng. Chị Thảo bắt tôi mở khăn ra, rồi cả đám con nít vào Nhà Việc chào cậu Hai.

Tôi ghé qua tiệm ông Sáu Èm mua gói đường cát cho dì Bảy. Có mấy người trong tiệm nhận ra tôi là con gái cô Tám Phàm cũng đon đả hỏi thăm sức khoẻ má tôi. Ông Sáu Èm chờ khách hàng ra khỏi tiệm mới hạ giọng hỏi nhỏ: "Có tin gì của ba không cháu?". Câu trả lời của tôi làm ông chau mày thất vọng.

Khi vừa bước khỏi chợ Bang Thạch, tôi có cảm tưởng một nửa khung trời vừa sụp đổ trước tôi. Cây cầu ván bắc từ chợ qua đồn 18 không còn nữa. Bây giờ chỉ có cây cầu khỉ lắc lơ với ba khúc tre nối đuôi nhau làm tay vịn. Cái đồn kiên cố đã bị sụp đổ tan tành, không còn người lính gác cầu, gác chợ như trước kia. Tôi nín thở đi qua cây cầu khỉ. Bên dưới nước ròng, nên tôi thấy được bóng tôi, vừa đi vừa sợ té xuống sình. Hai bên đường đất trước kia cây cối xanh tươi, bây giờ cây khô trụi lá, có mầu vàng. Chiến tranh đã lan rộng khắp nước, nhưng có bao giờ thành phố biết được chiến tranh đã tàn phá xóm làng của mình như thế nào không?

Trời ơi! Bang Thạch trong điêu tàn khiến lòng tôi tan nát, còn đâu những vườn trái cây xanh mướt, ngọt ngào! Bang Thạch của thời thơ ấu nay còn đâu.

Chương 22

Vốn liếng Anh văn của tôi chỉ đủ để coi phim câm của Mỹ, vậy mà chị Kim, chị Cương của tôi cứ khuyên tôi, hay nói đúng hơn là ép tôi, phải xin việc ở một sở Mỹ. Thật ra, cả nhà sợ tôi ngồi không lâu thì chán Sài gòn, rồi lại bỏ đi lần nữa. Mà đúng vậy, chỉ mới ở có mấy ngày, tôi đã bắt đầu chê Sài gòn đủ thứ. Nào là nóng nực, nào là bụi bặm, nào là ồn ào quá… Người bán hàng ở chợ Sài gòn dữ dằn quá, khiến tôi không dám đi chợ một mình, sợ không biết trả giá, sẽ mua lầm, hoặc trả giá thấp quá bị nghe chửi. Tôi không ưa Sài gòn chút nào, nhưng tôi lại không muốn xa má tôi. Vì vậy, tôi đành phải kiếm việc làm.

Chị tôi giới thiệu cho tôi một lớp học Anh văn, học phí chừng 1.500 đồng, thời gian học khoảng ba hay

bốn tháng. Tôi cho chị biết: “Em không có 1.500 đồng đâu, mà cũng không có ba tháng để học”. Hai chị hứa sẽ cho tôi học phí, và khuyên tôi nên dành thì giờ để học, vì ba bốn tháng qua đi rất mau.

Vào thời gian đó, chị Kim có người bạn trai: đó là thầy Vệ Hoàng. Thầy Hoàng dậy Anh văn ở một trường trung học. Chị Kim nhờ thầy kèm thêm cho tôi và Hải Vân ở nhà. Vì chị Kim, thầy đồng ý dậy tôi sau giờ tan trường của thầy. Rồi thời gian học Anh văn qua mau. Thầy Hoàng là một giáo sư tuyệt vời; tôi tiến bộ rất nhanh. Chỉ tiếc rằng sau này, khi đi làm cho Mỹ, tôi mới biết giọng của thầy là giọng Anh, hơi khác chút ít với giọng Mỹ. Thật ra, sự khác biệt này cũng chẳng có gì quan trọng. Nếu tôi tìm không thấy WC, cứ vô đại Toilet hay Bathroom cũng xong. Nói cho ngay, tôi thích giọng Anh của thầy Hoàng hơn. Học Anh văn của thầy, tôi còn

học được chút giọng Bắc kỳ của thầy nữa. Tôi không quên ơn thầy Hoàng, nên khi biến cố 30-4-1975 xảy ra, tôi đã đi kiếm thầy ở nhiều nơi như Guam, Wake, Phi Luật Tân, những mãi cho đến bây giờ tôi vẫn chưa biết thầy ở đâu. Sau bốn tháng học Anh văn, tôi theo chị Kim đến sở việc làm. Chị dẫn tôi đến phòng nhân viên trong Chợ Lớn. Chị phải điền giùm tôi cả chục tờ giấy, trong khi tôi ngồi thừ ra như người ngoài cuộc. Làm đơn xong, chúng tôi phải tới nơi khác để lăn tay, để lập hồ sơ điều tra lý lịch. Tôi phải công nhận rằng chị Kim rất kiên nhẫn, nên tôi cứ phải xin lỗi chị đã mất nhiều thì giờ cho tôi, trong khi trong bụng tôi nguội ngắt, chẳng hứng thú gì khi nghĩ tới đi làm sở Mỹ. Chắc chị vừa thông cảm cho một đứa em thất nghiệp, vừa muốn chiều một đứa em nhõng nhẽo, nên không phàn nàn, trách móc gì.

Sau khi lăn tay và nộp đơn, tôi được biết họ sẽ điều tra lý lịch: quyết định có mướn tôi hay không. Nhìn có thơ ký nhận đơn, tôi đã thấy chán. Tôi nói với chị tôi là thể nào cô thơ ký cũng lấy đơn của tôi để lót ghế ngồi. Thơ ký gì mà vừa tiếp khách nhai kẹo cao su, vừa giũa móng tay dài đỏ chói. Chị cười:

- Cưng không mê đi làm sở Mỹ, nên chê nọ chê kia.

Tôi liền đáp:

- Tại em tốn cả ngày trời lo làm đơn, thì ít nhứt con nhỏ cũng phải sốt sắng nhìn đơn của em chớ.

Chị Kim cười vị tha.

Nhưng nói vậy thì nói, tôi cũng phải lo đến chuyện

điều tra lý lịch. Tôi từng đi làm cho Quân đoàn IV, tôi được đại uý Nguyễn Đạt Thịnh nâng đỡ. Bây giờ tôi không quen một ai ở cái đất Sài gòn này ngoài hai chị của tôi và thầy Hoàng. Làm sao tôi có thể qua mặt của tình báo Mỹ được? Tôi vụt nhớ tới đại uý Trần Duy Bính, người đã giúp tôi giữ được việc ở phòng V. Nếu lý lịch của tôi được đại uý Trần Duy Bính thông qua, chắc không một nhân viên tình báo Mỹ nào mà không chấp thuận. Tôi cũng còn nhớ, trước khi rời Cần Thơ, tôi có đến sở 4 chào từ biệt đại uý Bính. Ông rất vui vẻ và tiếp đón tôi niềm nở. Ông còn cho tôi địa chỉ em trai ông là trung uý Trần Duy Hinh, đang làm việc ở Sài gòn. Ông dặn tôi nên liên lạc với trung uý Hinh khi có chuyện cần. Nhớ tới đây, tôi lên tinh thần, vì tôi tin rằng lý lịch của tôi mà do anh em của thiếu tá Bính cung cấp thì thằng Mỹ nào cũng sẽ tin tôi là một công dân gương mẫu của Việt Nam Cộng hoà.

Hôm sau, tôi đi taxi đến Cục An ninh quân đội trên đường Trần Hưng Đạo để gặp trung uý Hinh. Một người lính quân cảnh đưa tôi vào phòng đợi ở cạnh văn phòng của trung uý. Chắc ông Hinh không bao giờ có khách, nên tất cả các ghế bằng nhựa mầu da cam trong phòng chờ đợi đều phủ một lớp bụi dầy. Một người đàn ông, mặc áo sơ mi trắng ngắn tay, vẻ nghiêm nghị, bước ra đón tiếp tôi. Vừa thấy nụ cười của ông, tôi biết ngay ông là em thiếu tá Trần Duy Bính. Sau khi tôi tự giới thiệu, trung uý Hinh mời tôi vô văn phòng, rồi hỏi tôi cần ông giúp vì gì? Tôi cho ông biết về chuyện điều tra lý lịch, vì tôi đang xin việc ở sở Mỹ. Tôi cũng nói thêm, rằng anh của ông ở Cần Thơ biết rất rõ về trường hợp của tôi. Nghe tôi nói xong, trung uý Hinh không hỏi thêm chi tiết gì nữa, đưa cho tôi một tờ giấy, để tôi ghi tên tuổi tôi, và sở Mỹ mà tôi đang xin việc làm. Trước khi chia tay, ông cho biết ông sẽ gọi

xuống Cần Thơ để nói chuyện với ông Bính, và nếu không có gì trục trặc, ông sẽ giúp tôi có đầy đủ giấy tờ điều tra lý lịch. Tôi đi về, nhớ giọng nói Bắc kỳ trầm ấm quyến rũ của ông trung uý, và hy vọng ông sẽ gọi anh của ông ở Cần Thơ cho tôi.

Ba tuần sau, tôi được biết cuộc điều tra lý lịch đã hoàn tất. Rồi tôi được phòng nhân viên của sở Mỹ gửi đến khách sạn để phỏng vấn. Khách sạn Rex có một phòng là câu lạc bộ hải quân Mỹ. Tại đây, tôi gặp ông Hiệp, người phỏng vấn tôi. Nhưng ông đã làm tôi thất vọng, vì ông cho biết hiện câu lạc bộ không tuyển người làm việc. Tôi rất ngạc nhiên, vì phòng nhân viên trong Chợ Lớn đã cho biết câu lạc bộ Rex đang cần một người làm cashier, và một người phụ văn phòng kế toán. Nhưng rồi mấy tuần sau đó, ông Hiệp gọi tôi lại, cho việc làm trong phòng kế toán.

Đúng là “ghét của nào trời trao của đó”. Tôi vốn dốt toán nên sợ toán, ghét toán. Khi còn đi học, đêm đêm, ác mộng của tôi là những bài toán. B â y giờ đi làm, tôi lại làm ngay nơi phải dùng đến toán. Hàng ngày, tôi ngồi bên cuốn sổ dầy cui, rồi cộng, trừ, nhơn, chia… Nào tiền lương của nhân viên, nào tiền thu, tiền chi ra… Những con số cứ nhảy loạn, cứ múa may trước mắt tôi. Chúng còn theo tôi vào cả những giấc ngủ ban đêm nữa. Nhưng nhờ có nó tôi mới được lãnh lương mỗi tháng hai lần.

Tôi nhớ, mỗi lần tôi than thở khi gặp khó khăn rắc tôi, ông ngoại tôi lại khuyến khích tôi bằng câu: “Làm người khó, làm chó dễ, cháu muốn làm gì?”. Vậy mà cũng có lần, vì làm biếng, sợ khó khăn, tôi đã liều nói với ông tôi: “Thôi, bữa nay ông cho cháu làm chó đi”. Ông nhìn tôi một lúc, tỏ vẻ thất vọng, rồi dịu dàng nói: “Hễ muốn làm chó, cháu

phải đi bốn chưn, rồi được ăn, được ngủ, được vui chơi, khỏi học bài, khỏi làm việc trong nhà, chị em và cả ông bà hầu hạ suốt ngày". Tôi mắc cỡ không dám đòi làm chó nữa.

Nhớ lại lời ông ngoại, tôi không còn thắc mắc về chuyện đi làm khó khăn nữa. Tôi tự an ủi rằng đi làm sở Mỹ để sống, chớ không phải sống để đi làm cho Mỹ, rồi thứ sáu lãnh lương. Việc làm không có lý tưởng chút nào.

Năm 1966, má tôi 50 tuổi. Nhiều đêm, tôi xót xa nghĩ đến cảnh cô đơn của má. Tôi nhìn lại quãng đời của má, từ ngày ba má có anh Khôi cho tới ngày ba đi tập kết, tôi không nhớ má có bao giờ được vui trọn một ngày không? Rồi từ khi má đau, phải đi bệnh viện Cần Thơ, cho đến ngày cả gia đình chuyển hết lên Sài gòn, tôi không thấy má vui

như những người bạn của má. Vậy mà má không hề than thở một lời, hay oán trách hoàn cảnh, hay giận hờn ba. Thì thôi, chị em tôi cũng phải tế nhị, không trách móc ông già trước mặt má.

Sau nhiều năm chị em tôi sống xa cách nhau, nay mới được xum họp, chúng tôi muốn tận hưởng niềm vui ấm cúng của sự xum họp này. Cuối tuần, trước khi đi chơi với bạn, hai chị tôi dẫn tôi đi ăn sáng, rồi về nhà quây quần bên cạnh má. Không khí gia đình thật êm đềm.

Tôi tiếp tục đi làm sở Mỹ. Hải Vân mua được chiếc xe Honda, có tiền đóng học phí lớp Nhu đạo. Em học trường Bồ Đề. Bạn thân của em là mấy cậu nhỏ ở gần trường bên chùa Bà Lai. Ali là bạn thân nhứt của em. Ali thường chuyền từ nóc nhà này sang

nóc nhà khác, trong đó có cả nóc chùa và rạp hát Kim Châu, để tới gặp Hải Vân.

Nhưng chỉ có tiếng cười, tiếng vui đùa của năm đứa con gái, tiếng đàn guitar của Hải Vân, làm cho má tôi vui thôi.

Chương 23

Sau bốn tháng làm việc trong văn phòng ở Rex, tôi được sở đổi qua làm cho Brink BOQ. Ông xếp ở Brink là một trung uý hải quân Mỹ trẻ tuổi, tên là Richard Salter. Ông Satter đã được học tiếng Việt trước khi sang Việt Nam, nên khi làm việc tại Brink ông quyết định nói tiếng Việt với hơn sáu chục nhân viên người Việt. Tiếng Việt của ông có

tiếng bể, tiếng gẫy, thiếu sót rất nhiều. Tôi nói với những người làm chung sở rằng có lẽ khi ngủ mơ ông cũng nói tiếng Việt. Nhân viên Việt Nam ít người hiểu ông, vì ông đã dùng sai chữ, lại phát âm không đúng, người ta không kiên nhẫn để tìm hiểu ông định nói gì. Khi nào phòng ăn vắng khách, ông tại trước quầy thu ngân để nhờ tôi dậy thêm tiếng Việt. Rồi tôi trở thành cô giáo của ông xếp.

Trung uý Satter là một học trò ngang bướng, lúc nào cũng thích ra lịnh, dù ông làm học trò. Học tiếng Việt và cai quản câu lạc bộ, đối với ông đều quan trọng như nhau. Là nhân viên của ông, lại nhỏ hơn ông một tuổi, nên tôi đành chịu lép vế. Vì vậy, làm cô giáo mà tôi chẳng có một chút quyền hành gì với học trò. Nhưng tôi cũng có một niềm vui, là ông "học trò" này rất thông minh và có khiếu về sinh ngữ, học tới đâu nhớ ngay tới đó. Ông thường tìm hiểu nguồn gốc của mỗi chữ, hay mỗi câu nói,

hoặc tiếng địa phương. Chẳng hạn, tại sao có người nói là "về", lại có người "dìa". Tại sao có người nói "vâng", lại có người "dạ". " "muỗng" lại là "thìa" v.v… Có lần tôi dậy bài học đi chợ, ông bắt tôi phải đi chợ với ông ngay. Tôi đành phải đưa ông đi chợ Sài gòn, để ông thực hành bài vừa học. Đến khu bán cá, ông hùng hồn nói: "Tôi muốn mua thằng cá lóc". Mọi người cười rộ lên. Người ta nhìn tôi chằm chặp, làm tôi mắc cỡ muốn độn thổ. Nào có ai biết tôi là cô giáo của ông; tôi nghĩ người ta tưởng tôi là bạn gái của anh chàng lố bịch này. Tôi vội đứng xích ra xa, ông trung uý kêu tôi lại gần, để dậy ông cách trả giá. Chỉ tiếc tôi chưa kịp "hành nghề" cô giáo, bà già bán cá đã khen ông học trò của tôi là dễ thương, và tặng không ông hai con cá. Ông Satter tức lắm, vì không được thi thố tài năng. Đến khi chúng tôi sắp ra khỏi chợ, ông bỗng gọi một người đang đi vô, để cho hai con cá, quay

ngược trở lại hàng cá. Tôi không chịu theo ông, viện cớ ông đã nói giỏi tiếng Việt, có thể mua bán một mình. Tôi đợi ông ở ngoài cửa chợ. Nửa giờ sau, ông trở ra, mỗi tay xách một "ông gà" và một "con gà".

Không biết bỏ hai con gà này vô đâu, tôi đành đề nghị đem đến nhà tôi cho dì giúp việc làm thịt. Nhưng về đến nhà tôi mới biết ý kiến này sai bét; vì ông đi theo tôi về nhà, khiến đám con nít hàng xóm bu lại nói chuyện với "ông Mỹ".

Rồi từ đó ông Satter trở thành người bạn của gia đình tôi. Khi nhớ nhà, ông lại tới nhà tôi cho khuây khoả. Gia đình ông ở Hampshire bên Mỹ, nên về cuối năm ông thường nhắc đến tuyết, Tuyết khắp mọi nơi: trên nóc nhà, trên đồi, trên sân cỏ, và nơi ông truọt tuyết. Khi nhắc đến quê hương, mắt ông

mơ màng nhìn vào xa xôi. Đôi khi tôi ngầm ganh tỵ với ông, khi tôi bằng ông cũng trạc tuổi tôi, mà sao ông có tuổi thơ tươi đẹp trong khi tôi lận đận đủ mọi bề. Tôi mơ ước được đi học lại, cũng như ông trung uý Mỹ mong cho hết nhiệm kỳ ở Việt Nam để trở về New Hampshire tiếp tục học đại học.

Cuối năm 1966, Hải quân bàn giao tất cả câu lạc bộ cho lục quân quản trị; ông xếp của tôi được về Mỹ. Tôi mất ông học trò, Brink BOQ cũng mất đi bầu không khí vui vẻ, sang trọng của hải quân. Vào dịp đó, BOQ Splendid có chỗ trống, tôi liền xin đổi đến đó để được gần nhà hơn một chút.

Xếp mới của chúng tôi là một ông chuẩn uý chừng 45 tuổi. Ông làm việc không ngừng. Ông lại nghĩ là ông có bổn phận phải "quản" nữ nhân viên trẻ chúng tôi. Ông cấm chúng tôi đi chơi với sĩ quan

Mỹ. Ông nhắc nhở chúng tôi: đi với họ rồi hết hạn trở về Mỹ, các cô ở lại một mình. Lỡ có cô nào mang một "bầu tâm sự", thì thật là một tai hoạ. Ông cấm nhân viên dưới quyền không được nhờ các sĩ quan mua hàng trong PX.

- Nếu các cô muốn gì trong PX cứ ra chợ trời là có hết. - Ông mỉa mai.

Nhân viên đều kính trọng và tuân lệnh của ông. Ông rất tử tế và thành thật với tất cả mọi người.

Tôi còn độc thân, lại khá tiếng Anh hơn những người cùng làm; ông xếp thay đổi giờ làm việc của tôi mấy lần, để đáp ứng nhu cầu của những người có gia đình, bận bịu con cái. Cuối cùng ông cho tôi làm supervisor của 5 cô giữ két.

Một trong những việc làm của tôi, là bán phiếu cho sĩ quan để họ dùng phiếu đó trả tiền ăn uống. Tất cả các câu lạc bộ Mỹ vào thời đó không xài tiền Mỹ kim, vì nạn chợ đen. Suốt hai tuần lễ liền, một đại uý Hải quân trẻ, ngày nào cũng ghé qua quầy tôi mua phiếu 10 Mỹ kim, đi thẳng vào bar uống rượu, rồi không thấy ông ghé phòng ăn bao giờ. Ngày qua ngày, ông đại uý ốm đi. Bộ đồ bay của ông mỗi ngày một rộng hơn. Tôi thắc mắc, không ăn, chỉ uống rượu thôi, làm sao có đủ sức khoẻ để bay.

Một hôm, ông lại mua một phiếu 10 đồng để uống rượu. Tôi cất 10 Mỹ kim vô tủ, nhưng không đưa phiếu cho ông, nói:

- Ông đi ăn trước đi, rồi tôi sẽ đưa phiếu cho ông đi uống rượu.

Đôi mắt xanh như nước biển Thái Bình của ông nhìn vào mắt tôi, làm tôi choáng váng, vội nhìn xuống bàn. Ông nói:

- Tôi không thích ăn một mình.

- Thì ông nói mấy bạn nhậu của ông đi ăn với ông.

- Ồ, mấy thằng đó xấu như ma. Nếu cô hứa mai đi ăn trưa với tôi, chiều nay tôi sẽ vào phòng ăn ngay cho cô vui.

Ông vừa nói vừa nhìn chằm chặp vô mắt tôi, hai bàn tay đặt nhẹ lên bàn, như hối thúc tôi phải trả lời ngay. Tôi lúng túng đáp:

- Tôi không thể đi ăn với ông được.

- Tại sao?

- Tôi không được phép đi ra đường với người Mỹ.

- Lịnh của ai?

Vừa lúc đó, ông chuẩn uý Lugent, xếp của tôi, vô phòng và đi lại bực cashier của tôi. Tôi chỉ ông, đáp:

- Lịnh của ông này.

Ông đại uý bèn nhìn thẳng mặt ông Lugent, rồi đột ngột nói:

- Ngày mai, ông cho phép cô này đi ăn trưa với tôi nhen? Tôi hứa sẽ trả cô về đây an toàn và nguyên vẹn.

Ông Lugent cười, đưa tay sửa cặp kiếng cận thị dầy cui của ông, và có vẻ hơi lủng củng, đáp:

- Đại uý Krall cứ hỏi thẳng có ấy coi!

Đại uý Krall trịnh trọng nói:

- Tôi có thể sẽ nhịn đói cho tới khi cô chịu đi ăn với tôi. Bây giờ, xin cô đưa phiếu cho tôi.

Tôi lúng túng không biết nên phản ứng thể nào. Đại uý Krall làm cho ông xếp của tôi khó chịu, lại vừa làm tôi sượng người. Giá lúc ấy có thể độn thổ được, tôi đã chui ngày xuống đất. Tôi lúng túng nói để ông đi cho khuất mắt:

- Sợ chết đói, tôi nhận lời đi ăn trưa với ông, ngày mai.

Hôm sau, tôi đến sở sớm 2 tiếng, mặc cái áo đẹp hơn áo đi làm hàng ngày. Tôi vừa bước chân lên thềm của BOQ Splendid, đại uý Krall đã đứng khoanh tay dựa lưng ở cửa, một chân dựa vách tường, một chân dưới đất. Ông nhanh nhẹn dẫn tôi lại gần xe Jeep mui trần đậu ngày trước cửa, gần chỗ người quân cảnh Mỹ đứng gác. Mặt tôi nóng hơn vỉa hè buổi trưa nắng đó. Tôi vừa bối rối, vừa vui vừa sợ, vừa tự trách mình đã nhận lời đi với người lạ, ngang hơn cua. Rồi tôi thầm tự hỏi, tại sao mình mặc đẹp, trong khi người ta chỉ mặc bộ đồ phi công rộng thùng thình? Nhưng dù thế nào, tôi vẫn nghĩ đến cặp mắt xanh như Thái Bình Dương. Đôi mắt làm cho mặt ông sáng rỡ lạ kỳ.

Tôi ngồi trên xe Jeep mà cứ phấp phỏng sợ người quen bắt gặp. Nhưng tôi lại nhớ ngay ra rằng, ở cái đất Sài gòn này tôi có quen ai đâu mà sợ. Rồi tôi lại

nghĩ tới các em tôi. Rủi Hải Vân trông thấy tôi ngồi cạnh một sĩ quan Mỹ thì sao? Có thể nhỏ sẽ đòi hối lộ: “Chị biểu anh chàng sĩ quan Mỹ practice tiếng Anh với em đi”. “Không được, cưng ơi. Chị chỉ đi ăn trưa bữa nay thôi để cứu mạng anh ta, không có lần thứ hai đâu. Kiếm thằng Mỹ khác để practice tiếng Anh cưng nhe”. Đại uý John Krall vừa lái xe vừa bắt tay tôi, rồi từ giới thiệu:

- John, John Krall.

Tôi đang ngầm nổi sung, cũng không biết tại sao lại nổi sung. Tôi cầm thẻ của sở Mỹ đưa lên cho John biết tên tôi. Ông liền nói:

- I already know your name. Cô Dung.

Ông phát âm tên tôi thật đúng. Tôi liền hỏi:

- Tại sao ông nói tên tôi đúng quá vậy?

- Biết mà. - Ông trả lời bằng tiếng Việt lơ lớ.

Tôi nói một tràng tiếng Việt, vì nghĩ rằng ông cũng giỏi như người học trò cũ của tôi là Richard Satter trước kia. Nhưng John lắc đầu tỏ vẻ không hiểu. Ông đề nghị tôi gặp ông hàng ngày và dậy ông tiếng Việt. Tôi trả lời liền: “Không có chuyện đó ông ơi”. Nhưng ông không hiểu.

Xe vừa tới cổng Cercle Sportif thì tôi cảm thấy bực mình, vì tôi ghét cái gì có dính líu tới thằng Tây. Ở cái thủ đô Việt Nam này, hết chỗ ăn trưa sao, mà lại chui đầu vô tiệm của thằng Tây. Nhưng ngay sau đó, tôi lại nghĩ rằng, thà chui đầu vô đây còn hơn là chạy dông dài ngoài đường phố. Tôi đã từng thấy nhiều cô gái Việt đi với Mỹ. Họ ngồi đầy

trong các nhà hàng, như tiệm Đô Thành trên đường Hàm Nghi, hay tiệm Mỹ Cảnh bên bờ sông Sài gòn.

Sau lần ăn trưa hôm đó, tình cảm của tôi đối với đại uý phi công John Krall đã thay đổi rất nhiều. Vì thế, tôi nghĩ rằng John có mua hai ổ bánh mì thịt, rồi rủ nhau ra ngoài đồng cỏ ngồi ăn, tôi cũng sẽ đi theo ông hết ngày này qua ngày nọ.

Vào mùa thu năm 1967, Hải Vân bỗng trở thành phát ngôn viên của trái tim tôi. Nó tuyên bố:

- Chị Dung yêu rồi. Đừng có ai lo chị ế chồng nữa. Chị làm cách mạng, yêu một anh chàng Mỹ mắt xanh. Em ghét Mỹ lắm, nhưng cái anh chàng Mỹ này là phi công, nên cũng OK.

Cho tới lúc này, John chỉ biết sơ về gia đình tôi, vì mỗi lần anh hỏi, tôi lại nói lảng sang chuyện khác. Nhưng tôi biết, đã đến lúc tôi phải, hoặc là nói thật về ba tôi, hoặc là tôi cắt đứt hoàn toàn với John. Đằng nào thì mối tình này cũng phải chết yểu. Có thể anh đại uý phi công Mỹ sẽ hết hồn, khi biết ba tôi là một cán bộ cộng sản. Không chừng anh xin về Mỹ sớm hơn thời hạn. Nhưng làm sao tôi có thể nói dối với người tôi yêu được. Thì thôi, phó mặc cho ông trời; tôi không nên ôm cái bí mật này nữa. Tôi quen với John cũng gần một năm rồi, chớ đâu phải mới hôm qua hôm kia!

Hôm đó, tối thứ sáu, John đến nhà rước tôi đi ăn ở nhà hàng La Cigale, trên đường Đinh Tiên Hoàng, Đa Kao. Chúng tôi vui vẻ nói cười suốt buổi. John còn lên yêu cầu cô nhạc sĩ đàn cho tôi nghe bài

Greensleave. Trong lúc chúng tôi ngồi cho ăn tráng miệng. John nhìn thẳng vào mắt tôi rồi nói:

- Cô không bao giờ nói về ba cô cho tôi nghe?

Tim tôi thắtt lại. Bây giờ phải nói gì đây? John vô cùng quan trọng đối với tôi. Nhưng tôi không trả lời anh ngay mà xin phép vào toilet rửa tay. Đóng cửa lại, tôi nhìn tôi trên kiếng, tìm một câu trả lời. Tôi nhớ, đã có lần một người trong gia đình cho là tôi "muốn chết", vì tôi nhứt định không bao giờ chịu nói ba tôi chết, khi ai hỏi tới Người. Các chị tôi nói "ba chết" một cách dễ dàng. Bây giờ, khoảng cách giữa tôi và câu trả lời đó chỉ có một bức tường. Chắc là tôi sẽ chết thiệt cho không phải "muốn chết", vì tôi không thể nói dối được với John.

Khi tôi trở về bàn, John đứng dậy kéo ghế cho tôi. Anh im lặng chờ tôi trả lời. Khi bão tố nổi lên trong lòng tôi, thì vẻ mặt anh cũng tươi vui như đứa con nít trong ba ngày Tết. Tôi bối rối cầm ly rượu chát uống cạn, rồi vội vàng nói thật nhanh:

- Ba tôi hiện đang ở ngoài Hà Nội. Ông là đảng viên cao cấp Đảng cộng sản. Nếu anh không muốn gặp tôi nữa, tôi sẽ hiểu.

John bình tĩnh vừa cười vừa nói:

- Tại sao tôi lại muốn làm cái việc dại như vậy?

Rồi anh hôn lên ngón tay trỏ của anh, đặt ngón tay đó lên trán tôi. Đó là một cử chỉ quen thuộc anh vẫn thường làm, khi anh gặp tôi ở sở, trước mặt đông người.

Đám mây đen bao phù thế giới nhỏ bé của tôi từ lâu, hôm nay bỗng tan biến nhanh chóng. Tôi say sưa nói về ba tôi. Từ 1954 cho tới năm 1967, tôi không kể cho ai nghe về ba tôi và anh Khôi. Nhưng tối nay, một đại uý phi công Mỹ có đôi mắt như biển Thái Bình, phải ngồi im lặng nghe tôi nói! Thỉnh thoảng, trong khi kể, tôi ngừng lại, tìm trong mắt anh một tia nghi ngờ, nhưng không thấy. Anh chăm chú nghe như nghe một chuyện thần thoại, một chuyện khó tin nhưng có thật. Mà nghe thì cứ nghe, còn có dám chấp nhận không lại là chuyện khác. Chấp nhận, có nghĩa là tiếp tục đi bên cạnh tôi suốt cuộc đời này.

Với anh John, tôi có thể vui cười, nghiêm trang, bướng bỉnh, hay ngây thơ một cách tự nhiên. Bây giờ, ngoài An ninh quân đội, chỉ có anh biết về gia đình tôi, mà tôi không sợ bị phán đoán hoặc nghi

ngờ, hoặc bị vu oan cho cái tội làm tay sai cho Việt Cộng, đặc công, nằm vùng.

Tôi chợt nhớ tới lời em trai tôi có lần đã nói: "Anh Mỹ kiểu này thông minh hơn em, chị ơi". Thỉnh thoảng tôi thấy John giải toán, lý, hoá cho nó. Thì ra hai người đã thích nhau nhưng tôi không biết. Có một lần, hai chị em đi chơi với John, Hải Vân hỏi mượn xe Jeep của John để "chạy thử một vòng". Tôi biết em tôi chưa biết lái xe. Tôi nhìn nó, thì nó nói nó không biết lái xe cho nên nó mới mượn xe để học lái. Nửa tiếng đồng hồ sau, Hải Vân trở lại, mắt sáng trưng "em lái được rồi đó". Lúc đó John mới hiểu, và mới hết hồn vì đã đưa xe của nhà binh cho thằng nhỏ chưa biết lái xe. Tôi không dám kể lại cho má chuyện này, mà Hải Vân cũng không méc tôi đi chơi với John.

Đêm đó, John và tôi là hai người khách cuối cùng của nhà hàng La Cigale. Vợ chồng ông Tây đi tới bàn chào chúng tôi để họ đóng cửa. John vội nâng ly, nói:

- Tôi sẽ không đi hỏi cưới ông bố cộng sản của cô, nhưng tôi rất muốn cưới con gái của ông. *Làm ơn "dạ" cho tôi nhờ.*

Tôi không rõ anh đã học được ở đâu cái câu nói đó. Đêm hôm đó và nhiều đêm tiếp theo, tôi thức giấc khuya, rồi băn khoăn tự hỏi: "Đây là thật hay là mộng". Rồi tôi từ trả lời: "Mà dù cho là mộng, rồi nó cũng sẽ biến thành sự thật ". Tôi tin như vậy, vì nhiều mộng của tôi đã thành sự thật. Nhưng tôi là con người lệ thuộc gia đình rất nhiều, vì thế tôi không thể không hỏi ý kiến má, dù má lúc nào

cũng sẵn sàng cho chúng tôi tự do quyết định cuộc đời mình.

Vào một buổi trưa nóng nực của mùa xuân Sài gòn, má và tôi ngồi nói chuyện trên bậc thềm trước nhà, trong khi mọi người đang ngủ trưa. Hai mẹ con nói đủ mọi thứ chuyện, bắt đầu từ chuyện thời tiết, so sánh giữa Sài gòn với Cần Thơ. Rồi chuyển sang chuyện chánh trị. Mà chánh trị là thế nào cũng có ba tôi. Má nhắc lại lời của ông ngoại, cho rằng các cậu và ba tôi bị Hồ Chí Minh và đàn em của ông ta lừa gạt. Các cậu và ba đều những người yêu nước, thật thà, chỉ biết chống Tây để giành độc lập cho nước nhà. Cũng theo ông ngoại, cộng sản phá vỡ mọi luân lý gia đình, rồi sẽ đưa Việt Nam đến suy tàn… Má cũng biết Hải Vân có ý định gia nhập Không quân. Khi tôi đang loay hoay tìm cách đổi hướng câu chuyện sang vấn đề hôn nhân giữa tôi

và John, nói lòng vòng mà không nói được hết ý trong lòng mình, má tôi nhẹ nhàng nói:

- Con lập gia đình với ai cũng được, miễn đừng có lấy chồng vì tiền, thì ba không trách ai được.

Chương 24

Tết năm nay là năm tuổi của chị Thuận. Chị cầm tinh con khỉ, tuổi thân. Tôi thường chọc chị là *"Tuổi thân Con khỉ ở hiền, trèo qua trèo lại té ùm xuống sông"*. Ước gì chị chưa có chồng để được tự do lên Sài gòn sắm Tết. Nhưng, cuộc đời chị đã đi vào một khúc quẹo buồn thương. Từ ngày lấy chồng, chị gặp những phản ứng của cả hai bên gia đình. Phía bên gia đình tôi, dì Bảy và mấy chị con

cậu Tư không nhìn chị nữa, vì chồng chị sinh trưởng trong gia đình “cường hào ác bá”. Trong khi đó, bên chồng chị, người ta ghét chị, vì gia đình chị theo Việt Cộng. Chị không phải là người họ coi là “môn đăng hộ đối”. Vì vậy, vợ chồng chị và đứa con gái sống trong sự ghẻ lạnh của cả hai phía, rất nghèo, nghèo cả tình thương lẫn vật chất.

Tết năm nay gia đình tôi cũng có nhiều thay đổi. Mấy tháng trước, chị Cương theo chồng con đi Mỹ. Rồi đến lượt chị Kim cũng đi Mỹ luôn. Chị dậy tiếng Việt cho quân đội trong Bộ quốc phòng Mỹ. Gia đình tôi còn má, ba đứa em và tôi. Chúng tôi sống cheo leo trên đất Sài gòn, không một người bà con ruột thịt. Cho đỡ cô đơn, chị em chúng tôi tính ăn Tết thật lớn, như chưa bao giờ ăn Tết. Hải Vân mua pháo. Tôi đi chợ bông Nguyễn Huệ ở Sài gòn

với má, không nhớ là mấy lần, bánh kẹo đầy bàn từ dưới bếp đi lên nhà trên, ở đâu cũng có mặt của Tết. Tôi và má rinh về nhà hai cây mai để hai bên cửa, để được may mắn suốt năm. Hải Vân đòi dì Dẽ và con Vân, con Sang làm dưa củ kiệu và phải nhớ mua tôm khô cho nó. Hải Vân mua bia, nhưng giấu không cho má biết. Chờ má ngủ, chị em tôi xuống bếp khoá của lại, uống bia, ăn củ kiệu và tôm khô.

Con Vân, con Sang ngồi cắt một thau củ kiệu, khiến tay nhăn nheo và đỏ rát vì nước phèn chua. Nhưng, làm cho anh Hải Vân ăn, thì có lở bàn tay, hai đứa "học trò" của Hải Vân cũng bằng lòng. Hải Vân bắt hai đứa giúp việc nhà phải biết đọc, tập viết, biết tính toán. Con Vân hiếu học, còn con Sang thì thường viện cớ phải làm công chuyện để trốn học. Nào là "cô Tám kéo em", nào là "em phải

ủi quần áo cho mấy chị”, v.v… Con Vân rất giỏi toán; con Sang thì vươn cổ cọp bài của bạn. Có khi nó còn nhờ cô Tám làm bài giùm. Có lần, Hải Vân la con Sang: “Mù chữ thì con trai biết chữ không thèm ngó tới”. Con Sang cứng đầu nói ngay: “Vậy em lấy thằng mù chữ cũng được”. Hải Vân bèn doạ: “Má không gả mày cho mấy thằng mù chữ đâu”. Dì Dẻ không biết chữ, nhưng dì là em bà con cô cậu ruột của má, nên Hải Vân kính nể, không dám bắt dì học.

Tết này, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cho dân chúng đốt pháo mấy ngày Tết. Hải Vân và tôi thích nhứt là không có giới nghiêm. Tết này, chúng tôi có nhiều bạn bè tới họp rất vui vẻ, cả John cũng tới nữa. Đây là lần đầu tiên anh ăn Tết Việt Nam. Từ ngày ba tôi đi tập kết, đây là cái Tết đầu tiên tôi không nhìn ra cửa với tia hy vọng, như tôi đã từng

làm cả chục năm qua, nhắm mắt lại vài giây, mở ra sẽ thấy ba đứng ngoài cửa sổ. Nhưng tôi đâu có ngờ, ba tôi về trong một hình thức khác.

Mười một giờ khuya, John và tôi phải đưa Hạnh, một người bạn tôi, về Hoà Hưng để kịp có mặt ở nhà trước giờ giao thừa. Bạn của Hải Vân cũng từ từ ra về hết, chỉ còn một mình cậu ba Ali uống hết nửa chai bia, say nằm trên divan. Vì Hạnh thích đi xe mui trần, John gỡ cái mui xe Jeep xuống. Trên đường đi, chúng tôi nói cười vui vẻ. Tôi nghe lòng rộn rã mỗi khi tiếng pháo nổ ran ở chung quanh. Tôi bỗng thấy yêu đời, vì được tự do đi trong đêm khuya, không có giới nghiêm. Tôi thầm tự hỏi, phải chăng đất nước từ đây sẽ thanh bình, và người dân sẽ được sống trong hạnh phúc, bình an.

Khi chúng tôi tới Hoà Hưng, Hạnh chỉ đường cho

John chạy tới hẻm nhà Hạnh. Nhưng chúng tôi không vô hẻm được, vì ở ngay đầu hẻm, trước mũi xe có đám con nít và vài người lớn vây kín một toán lính mặc đồng phục kaki. Họ chặn đường hẻm và chặn đường trước mặt chúng tôi nữa. Lúc đầu, tôi tưởng đám đông là người trong xóm ra đường đốt pháo. Khi nhìn kỹ, tôi thấy mấy người lính đeo súng AK và đội nón cối. Hình ảnh người bộ đội của tiểu đoàn 307 hiện ra trước mắt tôi. Tôi rùng mình. Hạnh và tôi kêu trời, rồi nó nhảy vội xuống xe, cúi gầm mặt chạy biến vô hẻm. Trong khi đó, toán lính đeo AK chặn đầu xe, khiến John phải bấm kèn inh ỏi, rồi cho xe chạy từ từ. Toán lính và bọn con nít phải dạt sang hai bên, để nhường lối cho xe đi qua. Riêng tôi, lúc đó tôi nhắm mắt, vì tưởng sẽ bị lính Bắc Việt ria cho một tràng súng. Nhưng rồi tôi mở mắt, run quá, tôi đánh hò cạp hỏi John:

- Có phải hai đứa mình thấy…

- Đúng là tụi nó rồi cưng ơi!

Anh từ từ lái chiếc xe Jeep ra khỏi đám đông. Khi chúng tôi đã ra tới đường cái, anh cho xe chạy như bay trong bóng đêm.

Trên đường về nhà ở đường Nguyễn Văn Sâm, chúng tôi giữ im lặng. Tôi thì bối rối tự hỏi làm sao bộ đội Bắc Việt đã vào trung tâm Sài gòn mà không có một tiếng súng nổ? John im lặng, vẻ mặt lo lắng, căng thẳng. Khi tới nhà, anh dắt tay tôi lên lầu, dặn tôi khoá cửa thật kỹ và đừng đốt pháo, đừng ra đường. Trước khi từ biệt, anh còn chúc: "Happy Tet!". Tôi ra balcon để nhìn hút theo anh khuất ở ngã tư Lê Công Kiều, mong cho anh trở về BOQ bình yên.

Bạn bè về nhà hết, đem theo cả tiếng nói tiếng cười. Nhà chỉ còn Ali nằm ngủ trên divan. Má ngồi với Hải Vân ở dưới bếp, nhìn nó ăn chè đậu xanh cho giã rượu. Tôi cũng cố đi cho thẳng thớm để mà không biết tôi cũng say như hai thằng nhỏ kia. Thói quen trong gia đình, là khi nói tới Việt Cộng, chúng tôi thấp giọng xuống. Tôi ngồi xuống cạnh má, rồi nói thật nhỏ, đủ để má và Hải Vân nghe thôi:

- Con không có nói xàm, nói bậy, nhen. Hồi nãy tụi con thấy lính Bắc Việt đứng trước hẻm vô nhà con Hạnh.

Má, Hải Vân cùng nhìn tôi bằng đôi mắt nghi ngờ. Trong khi má đưa cho tôi một chén chè đậu xanh, "mày cũng cần chén chè này nữa, con gái mà uống rượu, tao buồn hai đứa bay lắm!"

Hải Vân nói:

- Chị giầu tưởng tượng quá!

Tôi khoát tay, nói với má:

- Con không có say như mấy thằng này. Để dành chè cho tụi nó. Thiệt mà má, con thấy lính Bắc Việt bận đồ kaki rõ ràng; đồ lính này giống y như đồ của bộ đội hồi xưa vậy đó!

Hải Vân ngước đầu lên, mắt lim dim:

- Chị tưởng tượng rồi!

- Không tin, mai hỏi John đi. Anh cũng điếng hồn luôn. - Tôi trả lời.

Hải Vân ngẫm nghĩ giây lát rồi nói:

- Trời ơi, em nhớ rồi. Tháng trước chị Thảo lên đây, chị nói trước sẽ có một biến cố lớn trong dịp Tết này, nhớ chưa? Chị dặn tụi mình đừng đi đâu xa ba ngày Tết, về Cần Thơ cũng không được, ai ở nhà nấy, đừng ra ngoài đường. Chị dặn tích trữ đồ ăn để phòng hờ, nhớ chưa?

Bấy giờ má và tôi mới nhớ ra, hôm chị Thảo lên Sài gòn để đi bác sĩ khám mắt. Chị dặn dò nhiều lắm, nhưng bọn tôi nghe rồi bỏ qua, vì gia đình này cũng "không nghe những gì cộng sản nói", mà còn nghĩ chị Thảo nghe lời Việt Cộng, gây lo sợ, hoang mang trong lòng người dân đang sống trong sự bình yên.

Bất thình lình, một tiếng nổ long trời ngay gần đâu

đây, rồi sau đó là những tràng súng liên thanh, át cả những tiếng pháo đì đẹt. Như đã được huấn luyện trước, chúng tôi vội nằm xuống sàn nhà. Con Vân bò quýnh quáng tôi ôm má tôi, run sợ khóc:

- Dì Tám ơi, đừng để con chết không thấy mặt má con, dì Tám ơi.

Tôi nói lớn:
- Bây giờ tin tui thấy lính Bắc Việt chưa?

Hải Vân lên tiếng:

- Mà tại sao mấy thằng lính Bắc Việt nhìn chị mà không làm gì hết? Mà, sao nó không bắn anh John? Chắc tụi nó còn chờ chỉ thị. Thấy nó bắt chết là phải chết, cho sống mới được sống. Chị có nghe tụi nó bị xiềng vô trong xe thiết giáp, đánh tới hơi thở

cuối cùng không? Biết đâu số mạng anh phi công của chị được sống lâu hơn một chút, là nhờ kỷ luật của ba mình. Chờ cho hết trận này, rồi chị coi xem, em đoán có đúng không nhen.

Vừa nói Hải Vân vừa lấy tô chè đạu xanh ăn tiếp tục.

Má tôi chạy lên nhà trên, vì hai đứa em đang ở nhà trên. Bà ra dấu cho tụi tôi giữ im lặng để nghe tiếng súng gần xa từ hướng nào bắn tới. Tiếng súng máy bắn bên kia đường Lê Công Kiều.

Tiếng pháo kích rền trời, không một ai biết đâu là đâu mà có biết súng bắn từ đâu, cũng phải nằm sát đất, cũng phải chun dưới gầm ghế lánh nạn. Tôi thấy mình bất lực, thấy mình nhỏ nhoi như con kiến, khi nằm dưới sàn, giữa hòn tên mũi đạn.

- Rủi tao chết vì pháo kích, mày phải bắt chị Thảo thường nhen. - Tôi nói nhỏ với Hải Vân.

Má liền nạt tôi, khiến đám con nít cười khúc khích. Dì Mận nói:

- Miệng ăn mắm ăn muối nói bậy, không nên Dung à.

Tôi vì sợ quá nên nói bậy nói bạ cho quên sợ. Tôi lại khều Hải Vân: “Tụi mình đi thay quần lót mới đi, rủi có chết, vô nhà xác người ta không cười mình.

Dì Dẽ giận cái miệng mắm ăn muối của tôi lắm.

Các em tôi khóc thút thít, trong khi Hải Vân và tôi cứ nói lớn miệng cho đỡ sợ. Bỗng một tiếng nổ dữ

dội phát ra từ bên kia của khu phố nhà tôi, cạnh rạp hát Kim Châu. Hải Vân liền ra ban công để quan sát. Má nắm áo nó lôi lại, những không kịp. Khi chạy trở lại, nó nói lớn:

- Chưa sập hotel.

Cách nhà tôi chừng 400 thước có cái hotel đang xây cất. Hotel này cất để cho Mỹ mướn làm BEQ cho hạ sĩ quan Mỹ.

Người hàng xóm của chúng tôi, một ông thượng sĩ không quân, tới nhà, căn dặn chúng tôi đừng ra đường, vừa có lịnh giới nghiêm. Ali nóng lòng muốn về chùa Bà Lai. Nó nói rằng giới nghiêm hay không nó cũng phải về để ba má nó khỏi lo, người hàng xóm còn nói thêm, là không phải đảo chánh, mà Việt Cộng tấn công.

Hải Vân liền vọt miệng nói:

- Đảo chánh sướng hơn!

- Cái nào cũng chết dân hết, cháu ơi! - Ông hàng xóm than.

Hải Vân nói nhỏ đủ cho tôi nghe:

- Đảo chánh mình còn tự do, Việt Cộng mà thắng thì mình chết.

Tiếng súng thưa dần khi mặt trời ló dạng. Dưới đường, tiếng xe, tiếng người kêu réo nhau inh ỏi. Hàng xóm của chúng tôi phần đông là người Bắc, người Hong Kong, người Đài Loan, nhốn nháo nhưng không ai biết đi đâu, về đâu, hay lánh nạn gì?

Những người sống trên cái lầu này, đi làm ở các nhà ngân hàng trên đường Hàm Nghi. Chợ Cũ, bến Chương Dương. Họ là những người sống trên đất Sài gòn mà chiến tranh hay chánh trị không bao giờ bén mảng tới thềm nhà của họ. Họ sống trong sự che chở của người lính Việt Nam Cộng hoà. Họ là những người có liền gởi con trai ở tuổi lính đi Hong Kong, đi Đài Loan, để trốn quân dịch. Họ là những người có tiền đi lính kiểng, và là những người đã một lần bỏ chạy vô Nam lánh nạn cộng sản.

Khi tiếng súng thưa dần, có mấy người ở lầu một lên, hỏi em tôi:

- Cậu Vân ơi, chuyện gì xảy ra vậy? Lại đảo chánh, phải không?

Hải Vân cho biết là Việt Cộng đã xâm nhập trung tâm thành phố. Ai nấy đều sợ hãi, chạy vội về nhà, đóng kín cửa.

Má tôi sang nhà kế bên, nhà của bà Tơ và ông Tòng để hỏi tin tức. Hết nhà tôi tám người, kéo nhau đi theo má, vì không ai muốn ở nhà một mình. Má day lại nhìn cái đuôi dài, nở nụ cười khoan dung, rồi má cho theo má. Nhà bà Tơ chật cứng con nít. Có đứa sợ cắn vạt áo, có đứa ôm bình sữa khóc tức tưởi, lại có đứa cười khúc khích với Hải Vân.

Đến gần 7 giờ sáng, phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ lên đài phát thanh báo cho dân chúng biết cộng sản đã tấn công vô thành phố Sài gòn. Chúng tôi trở về nhà quây quần bên má. Chúng tôi dồn dập hỏi má:

- Bây giờ mình phải làm cái gì?

- Rủi Việt Cộng chun vô nhà mình thì làm sao?

- Đóng kín cửa, khoá chặt lại, và cứ bình tĩnh. - Má tôi dặn đi dặn lại.

Một lần có tiếng đại bác vọng tới, cái tủ kiếng rung rinh. Con chim cúc-cu trong cái đồng hồ chun ra kêu cúc-cu, rồi lại chun trở về.

Thấy tình hình có mỏi quan trọng, má tôi thu dọn mấy thứ quý giá cất vô cái túi bằng nhung xanh.

Hình cháu Christina, con chị Cương, hình ông bà ngoại tôi và cậu Năm Sắc trên bàn, hình má tôi chụp chung với anh Khôi, chị Kim, chị Cương gửi ra Côn Đảo cho ba tôi vào những năm 1940 đến

1945, đó là những kỷ vật quý báu của má tôi. Ai cũng lo, cũng sợ mà giữ hết những điều quan trọng cần thiết trong đời sống. Hải Vân nghĩ tới việc dự nước và đồ ăn, vì chúng tôi ở lầu ba, mỗi ngày người giữ máy bơm nước phải bơm mấy tiếng đồng hồ mới đủ cho mọi người trên lầu một và lầu hai có nước xài. Hải Vân vội đi tìm bà Hai bơm nước, nhưng bà không đi làm. Hải Vân phải lấy cưa để cưa ống khoá mới mở máy bơm được. Sau đó, nó chạy lên cả hai lầu, khuyên mọi nhà nên trữ nước. Mọi người mừng rỡ, cảm ơn "Chú Vân".

Việt Cộng tưởng kế hoạch tấn công trong ba ngày Tết sẽ làm tê liệt Sài gòn, nhưng dân Sài gòn giỏi tháo vát, nên lướt qua được những khó khăn mà chúng gây nên vào mấy ngày đó. Riêng gia đình tôi, nhờ bọn chúng tôi đòi ăn Tết lớn, nên đồ ăn trong nhà còn nhiều. Nguyên món dưa hấu, chúng

tôi có 10 trái. Ngoài ra, nào bánh ít, bánh tét, bánh chưng, thịt heo kho, thịt bò kho, cá thu kho… còn nguyên vẹn cả nồi. Bốn con gà cồ, còn nhốt trong lồng. Nếu Việt Cộng chun dưới ống cống của thành phố cả nửa tháng, dân Sài gòn vẫn chẳng có ai chết đói.

Chúng tôi ngồi quây quần bên nhau, bình tĩnh vui vẻ, Hải Vân trêu má tôi, hỏi:

- Việt Cộng làm tiêu cái Tết của mình, như vậy có phải suốt năm mình bị tiêu tùng hả má?

Má tôi cười buồn:

- Họ làm mình tiêu tùng 14 năm nay, chớ đâu đợi mùng một Tết Mậu Thân, con.

Tôi sực nhớ là tôi phải đi làm ca chiều, từ một giờ rưỡi tới chín giờ rưỡi tối. Nhưng, vừa giới nghiêm vừa đạn bay súng nổ không biết có cô thâu ngân nào dám đến sở làm sáng nay không? Cả những người làm bếp, hầu bàn, quét dọn… chắc cũng kẹt ở nhà luôn. Tuy vậy, tôi vẫn nghĩ mình có trách nhiệm với sở, với chủ, với khách hàng. Tôi nhớ lại hồi khách sạn Brink bị Việt Cộng đặt mìn, có những dân sự người Mỹ không biết tuỳ cơ ứng biến, họ cứ tưởng rằng mặt trời mọc riêng cho họ. Dưới lầu của nhà bị mìn, người ta chưa quét dọn xong, mà khách đã bắt tôi phải cho họ gặp ông chủ, để trách là cầu thang máy chạy chậm, máy lạnh ở phòng ăn không đủ lạnh, nên họ vừa ăn vừa toát mồ hôi. Tôi không dám nói thẳng với họ, chỉ day qua người bạn làm cùng: "Biểu Mỹ đánh tan Việt Cộng đi, máy lạnh sẽ chạy lạnh hơn". Không biết

hôm nay mấy người Mỹ ấy sẽ nghĩ gì khi thấy cái chết gần kề?

Lúc này muốn liên lạc với bên ngoài, chỉ có điện thoại. Má không cho chúng tôi có điện thoại, vì mà nói nhà mình không cần điện thoại, chỉ có con gái của má cần điện thoại để nói chuyện với con trai thôi. Rốt cuộc, nhà không có điện thoại khi có việc cần.

Trước cửa rạp hát Kim Châu có nhà hàng Hồng Mai. Tiệm này có điện thoại. Tôi ra balcon nhìn sang nhà hàng, chờ ông chủ người Tàu nhìn lên. Ông hay nhìn lên balcon nhà tôi, vì nhà tôi rõ đông con gái. Rồi khi ông vừa ngước nhìn lên, tôi liền hỏi to:

- Ông chủ ơi! Điện thoại của ông xài được hông? -

Tôi vừa nói vừa ra dấu.

Ông gật đầu, vui vẻ đáp với giọng lơ lớ:

- Giới nghiêm cô Hai à. Đi qua lộ người ta cấm mà!

Tôi vội hay quần áo, rồi phóng qua bên kia đường. Tôi muốn hỏi xếp có cần tôi không? Nếu có, làm sao tôi có thể đến sở vào giờ giới nghiêm này? Đi khơi khơi giữa đường, quốc gia không bắn thì Việt Cộng cũng cho phơi thây. Nếu tôi bị Việt Cộng chấm dứt cuộc đời son trẻ, chị Thảo sẽ khóc và kể là tôi đã chết cho cách mạng. Trời ơi! Nếu tôi chết, thì tôi chỉ chết vì miếng cơm manh áo cho gia đình, vì tinh thần trách nhiệm đối với sở làm, mà đó là sở Mỹ, chớ tôi không phải đặc công hay gì ráo!

Tôi liên hệ được với ông Lugent, ông cho biết cả

150 nhân viên Việt Nam không có ai vô sở. Hiện ông và ba ông thượng sĩ Mỹ đang ở trong bếp để nấu cho tất cả các sĩ quan đang ở trong Splendid. Rồi sau đó họ sẽ làm đồ ăn gởi tới một vài nơi khác. Tôi liền đề nghị ông cho MP đến đón tôi, tôi sẵn sàng giúp một tay. Mới đầu ông tỏ vẻ ngần ngại, nhưng rồi ông đổi ý. Hoà Bình, em tôi, còn đi học, chỉ làm thâu ngân viên bán thời gian trong sở tôi. Tôi hỏi em có dám đi làm với chị không? Em đáp:

- Má cho thì em theo chị!

Hai chị em tôi cho má biết chúng tôi sẽ đi làm. Lúc đầu má không bằng lòng, nhưng chúng tôi đã thuyết phục được má. Chúng tôi nói rằng tất cả 150 nhân viên người Việt không đến làm việc. Má đã dậy chị em tôi cố tinh thần trách nhiệm. Chúng tôi

đã học bài học ăn cây nào rào cây nấy. Chắc chắn người Mỹ đủ phương tiện đảm bảo an ninh bảo vệ cho mình. Má tuy không hài lòng mấy, nhưng cuối cùng má cho hai chị em tôi đi làm.

Khi hai người lính quân cảnh Mỹ đậu xe Jeep trước rạp hát Kim Châu, người nào cũng mặc áo giáp và mang súng. Má tôi buồn lắm, miễn cưỡng xuống bếp lấy cho chị em tôi bánh ít, rồi dặn đến đó nếu thấy "không êm" phải xin quân cảnh đưa về liền. Tôi hứa sẽ về thăm nhà, nội trong ngày hôm đó. Hai quân cảnh đưa cho chúng tôi hai cái nón sắt, và bắt chúng tôi phải cúi thật thấp, dù xe đã kéo mui kín mít. Xe phóng như bay trên những con đường vắng như nghĩa địa. Khoảng 10 phút, chúng tôi đến sở làm. Trước cửa sở, những bao cát chất cao từ đất lên tới nóc nhà, bên ngoài lại có thêm mấy vòng giây kẽm gai giữ an ninh cho căn cứ. Cửa ra vào có

hai quân cảnh đứng gác, ngoài súng M-16, họ đều đeo súng lục và giắt lựu đạn trên dây lưng. Trước khi vô trong, hai chị em tôi trả nón sắt cho quân cảnh.

Ông xếp giao việc giữ két cho em tôi, còn tôi phải lao vào bếp để lo việc nấu ăn. Khoảng 4 giờ chiều, ông Lugent nhớ đến việc mở cửa bar, vì có nhiều sĩ quan uống rượu trong giờ cơm. Ông đẩy tôi ra bàn rượu. Mà tôi có biết chai rượu nào với chai rượu nào đâu mà bán. Đi ngang qua chỗ Hoà Bình ngồi giữ cash, tôi vừa cười vừa nói với em tôi:

- Bấy giờ tao đi bán bar.

Hai chị em tôi cười rũ rượi.

Khi ông Lugent mở cửa bar, mấy chục sĩ quan

mừng lắm, vỗ tay vang dội, rồi tràn vô. Nhưng tôi thì lúng túng, vì tôi đâu biết pha rượu. Ông Lugent phải chỉ dẫn giúp tôi chừng 15 phút đầu tiên. Sau đó, một mình tôi phải tự lo lấy. Để công việc trôi chạy nhanh chóng mà các sĩ quan không phải chờ đợi lâu, tôi cho biết tôi chỉ có thể bán bia, rượu rum pha với coke, Gin và Tonic, rượu Whisky và rượu chát. Tôi yêu cầu khách hãy thật thà tự động bỏ tiền vô một cái hộp cho tôi, vì tôi không có thì giờ thu tiền. Ngoài việc pha rượu tôi còn phải vô kho lấy thêm rượu, và lấy thêm chanh, muối, nước đá… Hai chị em tôi làm việc liên miên quên cả ăn trưa; đến chiều thì bắt đầu mệt mỏi rã rời, trong khi đó trong nhà bếp, chỉ có 4 người, mà làm công việc của 10 nhân viên.

Buổi tối, sau khi phòng ăn đóng cửa, đáng lẽ quân cảnh lại đưa tôi về nhà thăm má để má yên tâm, rồi

sáng hôm sau đến đón chúng tôi, nhưng chúng tôi thấy việc đi về trong tình hình này rất nguy hiểm, như giỡn mặt với tử thần, nên chúng tôi xin phép má cho chúng tôi ở lại sở làm; khi tình hình bớt nguy hiểm, chúng tôi sẽ về thăm nhà. Nói vậy thì nói, chúng tôi cũng nhớ Hải Vân, Minh Tâm lắm, nhứt là trong lúc loạn lạc này. Vì thế mỗi khi có dịp, chúng tôi lại nhờ mấy ông quân cảnh đưa xe về thăm nhà. Họ cùng chiều chị em tôi, nên sẵn sàng chở đi. Khi về thăm nhà lần thứ ba, chúng tôi kêu quân cảnh chạy chậm để chúng tôi có thể quan sát hai bên đường. Thật là ghê sợ, không thể tưởng tượng được! Trên đường Công Lý, từ góc Lê Lợi tới Hàm Nghi, có nhiều nhà bị trúng đạn và người chết nằm rải rác trên lề đường. Hàng cây me cũng bị đạn, có cây đổ nghiêng, có cây gẫy nhiều cành. Nhưng chúng tôi chú ý nhất đến của hai cha con người dân An Lộc tỵ nạn lên Sài gòn từ mấy tuần

trước. Sau cuộc chiến An Lộc, gia đình này gồm ba người, hai vợ chồng và đứa con gái, chạy lên Sài gòn. Cả ba đều bị thương nên phải vô bệnh viện Sài gòn, trước chợ Bến Thành, chữa trị. Người chồng và đứa con gái bị thương nhẹ nên được ra viện sớm. Hai cha con không có họ hàng thân thích gì ở Sài gòn phải dựng một túp lều bên hàng rào của một biệt thự dưới một cây bông giấy mầu tím trên đường Công Lý, giữa Hàm Nghi và Lê Lợi. Thấy họ quá nghèo khổ, mỗi khi đi làm, chúng tôi đều ghé thăm để giúp đỡ, lúc thì tiền bạc, lúc thì đồ ăn. Khi cuộc Tết Mậu Thân bùng nổ, họ không biết trốn đi đâu, nên đành ở đó chịu trận. Xác của hai cha con bị văng tứ tung trước cổng biệt thự. Cái chân đang bị bó bột bắn ra giữa đường. Xác đứa con gái nằm úp mặt trên vũng máu khô. Trong khi đó, Sài gòn vẫn ầm tiếng súng, lúc gần lúc xa; thần

chết vẫn còn đang rình rập nơi đây. Tôi bấm bàn tay để coi đây là mộng hay đây là thật.

Đây là thật. Tôi đi giữa đổ nát và chết chóc. Tôi trách ông trời sao không bảo vệ được người ta. Nhưng cũng không quên cám ơn ông trời, cho gia đình tôi được bình yên.

Chỉ mới có một đêm không về nhà, không được ăn cơm nhà, vừa nhớ nhà vừa thèm mấy món ăn của ngày Tết. Nào nước thịt rim nước dừa ăn với dưa cải; cá lóc kho tiêu kiểu của dì Dẻ vừa ngọt, có tiêu sọ nguyên hạt, dì kho đặc kẹo. Không ai kho cá lóc ngon bằng dì Dẻ… Tôi thầm tự hỏi, nếu sau này đi xa, không có nước mắm, không có những món ăn Việt Nam, làm gì tôi sống nổi đây?

Về nhà, hai chị em tôi không những ăn cho đã

thèm, mà còn trấn an được má. Suốt từ lúc chúng tôi rời khỏi nhà, má đứng ngồi không yên. Má thuật lại, là trước đó một ngày, lúc 9 giờ sáng, không còn giới nghiêm nữa, Hải Vân liền chạy ra chùa Bà Lai gặp Ali, rồi hai đứa đi giúp đỡ người dân bị nạn. Hải Vân có vẻ căm thù cộng sản lắm. Nó tuyên bố nhứt định vào không quân, để đi diệt Cộng. Nó cho biết, chưa bao giờ nó thấy Việt Cộng tàn ác như bây giờ. Nó thấy người chết dưới nhiều hình thức, chớ không phải chết vì súng đạn.

Vì giờ giới nghiêm đã giảm bớt, dân chúng bắt đầu đi lại, mặc dù tiếng súng của hai bên vẫn còn át cả tiếng xe chạy trong thành nhỏ. Kể từ lúc Hải Vân quyết định vô không quân, má có vẻ buồn, nhưng không nói một lời. Thấy má buồn, chúng tôi cũng không vui, nên bàn nhau không ngủ lại sở làm nữa. Tết chưa kịp đón, mà mấy ngày đầu năm đã có

nhiều lộn xộn, không một chút hứa hẹn một năm mới được “An khang thịnh vượng”.

Chương 25

Mấy tháng sau Tết Mậu Thân, Hải Vân thường vắng nhà, và lúc nào cũng có vẻ suy tư. Mỗi lần tôi thắc mắc hỏi nó đang lo lắng chuyện gì, nó nói:

- Em lo chuyện tương lai của em, chớ em không nhớ tới con bé nào đâu, đừng có tò mò lộn xộn.

Thằng nhỏ trả lời cộc lốc mỗi lần tôi hỏi:

- Cưng nghĩ cái gì?

Em tôi còn hăm he trước, là nó sẽ không để cho gia đình ngăn trở những quyết định quan trọng sắp tới

của nó. Một vài lần tôi hỏi có phải Hải Vân là con trai duy nhứt trong gia đình, nên có thể được miễn quân dịch nếu nó tiếp tục đi học không? Hải Vân hậm hực trả lời:

- Không có ai được miễn phục vụ gia đình, thì làm sao mình được miễn phục vụ đất nước?

Dù Hải Vân là con, là em trong gia đình, những em được mọi người kính nể vì Hải Vân xứng đáng được như vậy.

Có lần nó tâm sự với tôi:
- Trước khúc quanh của đời người, hoàn cảnh không những thay đổi con người mình, mà còn ảnh hưởng tới tình của mình với cha mẹ. Chị đã quyết định cho cuộc đời chị, bây giờ chị phải giúp em.

Chị phải thuyết phục má, để má tin là em thương má, mà em cũng thương em.

Tội nghiệp em tôi quá! Nó bị giằng co giữa bổn phận làm con của má và bổn phận người trai yêu nước trong thời loạn ly. Một lần nó nói:

- Trong đời, em đã có nhiều lần làm cho má vui, má hãnh diện về thằng con của má. Nhưng em chỉ có một dịp làm tròn bổn phận của người trai thôi. Bây giờ, là dịp đó tới với em rồi đó.

Hải Vân đã quyết định gia nhập không quân. Tôi không ngạc nhiên, vì đã nhiều lần tôi nghe em nói chuyện với John về máy bay. Em tôi ít nhắc tới người đi xa; vậy mà trong thời gian gần đây nó nghĩ hoài tới ba và anh Khôi. Có lần em nói với tôi:

- Chừng em bay được rồi, em sẽ bỏ bom hết mấy thằng Việt Cộng bò từ ngoài Bắc vô đây. Vái trời cho bom của em không trúng ba với anh Khôi.

Khi Hải Vân đang dự lớp huấn luyện Quang Trung, tôi được tin em được gia nhập không quân nhưng không được bay. Cũng như má, con của má tôi không người nào chịu thua hay bỏ cuộc nửa chừng. Hải Vân đi tìm con của cậu Hai Định, đại tá không quân Nguyễn Hồng Tuyển. Chúng tôi có mối ngại, là chỉ sợ anh Ba không thèm nhìn chúng tôi, vì chúng tôi nhỏ bé, trong khi anh là một "ông lớn" trong không quân. Nhưng má tôi rầy, là chúng tôi chỉ lo sợ vẩn vơ. Má nói, anh Ba có đi đâu cũng không quên bà con gia đình. Má hỏi Hải Vân, chắc chắn là muốn đi bay không, chớ đừng bồng bột, rồi mai mốt đổi ý thì không được. Hải Vân nói giấc mơ làm phi công mạnh đến nỗi trong chiêm bao thấy

được làm phi công, chớ không phải đó là giây phút bồng bột. Đêm đêm, nó mơ thấy nó được lái trực thăng. Nó rất thích trực thăng, nên nghiên cứu am hiểu nhiều về loại máy bay. Nghe tiếng động cơ trên trời, nó có thể đoán biết loại trực thăng nào đang bay. Nó thích được làm phi công lái Huey.

Tôi khuyên Hải Vân dùng vội thất vọng, vì chính tôi cũng đã từng bị cơ quan tình báo làm khó làm dễ. Thôi thì đành làm sĩ quan không quân "bò" cũng được, không sợ chết sớm. Em không chịu, nhất quyết phải được bay.

Biết không thể lay chuyển nói ý muốn của Hải Vân, tôi khuyên nó nên đi tìm anh Ba Tuyển để biết nguyên nhân tại sao nó không được vô trường bay. Anh Ba Tuyển cho biết hồ sơ của Hải Vân bị An ninh quân đội giữ lại. Anh hứa anh sẽ đi gặp đại

tá Nguyễn Ngọc Loan. Là con nít ke từ Cần Thơ lên, chị em tôi nào có biết ông Nguyễn Ngọc Loan là ai, nên nghe lời anh Ba. Nhắc tới An ninh quân đội, chúng tôi liền nghĩ ngay tới đại uý Trần Duy Bính. Nhưng không biết ông đã lên chức gì, và đổi đi đâu sau một thời gian lâu; chúng tôi dọn lên Sài gòn, rồi ít có dịp gặp lại ông. Con của người tập kết, làm gì dám gặp. An ninh quân đội, nếu không có chuyện dính líu tới an ninh mình.

- Ông Bính có lên đến chức ông Trời, chị cũng phải giúp em gặp ổng.

Dò hỏi, chúng tôi biết ông vẫn còn ở Cần Thơ, và lên chức trung tá. Hải Vân vội về Cần Thơ đi tìm trung tá Bính. Ông trung tá Bính kiên nhẫn nghe em tôi trình bày trường hợp của em, rồi một lần

nữa, ông lại giúp con của má tôi ra khỏi cái vòng lẩn quẩn của An ninh quân đội.

Hải Vân được vào Không quân, được vào trường bay. Mộng của em đã thành. Cả nhà hãnh diện vui lây với em, mà quên hết những hiểm nguy của người phi công trong thời chiến.

Chuyện nước, chuyện nhà đi xong, bấy giờ đến chuyện của tôi. Ngày 20 tháng 3 năm 1968, John sẽ hết nhiệm kỳ 18 tháng ở Việt Nam. Anh muốn làm đám cưới với tôi trước khi về Mỹ. Sau nhiều đêm suy nghĩ, chuyện này nó không giản dị như chuyện một người con gái khác đi lấy chồng, vì cưới xong tôi sẽ phải theo anh về Mỹ. Lúc đó, tôi sẽ phải xa má và các em; xa nửa vòng trái đất. Đêm nằm, tôi hát nho nhỏ bài ru em xa lắc xa lơ: “Em ơi, con chim đa đa đậu nhánh đa đa, chồng gần không lấy,

đi lấy chồng xa. Một mai cha yếu, mẹ già… Chén cơm đôi đũa, bộ kỹ trà ai dưng”. Hồi xưa, hát ru em như con két hát. Nhưng bây giờ nghe lại, thật là đau xót trong lòng. Rồi ai săn sóc hai đứa em còn nhỏ quá!

Tôi đã chứng kiến cảnh chia lìa của ba má. Má can đảm chịu đựng nuôi chúng tôi thành người. Tôi đã không rời má suốt bao nhiêu năm trời vui buồn, đầy đủ, thiếu thốn có nhau. Bây giờ tôi để má lại, đi theo một người đàn ông khác họ, khác nòi giống, khác hết, mà đi xa cả 10 ngàn dặm: tình có đậm, có nồng, thì cũng vừa thôi, chớ làm gì bỏ má mình đi. Đâu có người đàn ông trên đời này xứng để cho tôi bỏ má tôi đi xa như vậy! Anh hết nhiệm kỳ thì về Mỹ, còn tôi, tình tôi đối với má, với gia đình, đâu có nhiệm kỳ nào hết. Nó là tình bất diệt mà.

Má thì khuyên, lớn lên ai cũng đi lấy chồng, sống gần hay xa gia đình không phải là điều quan trọng để quyết định cuộc hôn nhân, mà có thương nhau đủ để dám đi xa với chồng không, mới là suy nghĩ đúng.

Cuối cùng, tôi khuyên John nên đi trước, vì vấn đề lý lịch của tôi vẫn còn rắc rối. Tôi không còn mặt mũi nào mà cầu viện trung tá Bính nữa. Theo tôi đoán trước, nếu John cưới tôi trước khi trở về Mỹ, anh có thể bị rắc rối với Hải quân; nhẹ cũng vĩnh viễn không được bay, mà nặng thì có thể mất chức hay bị gán lấy con gái của cán bộ Cộng sản. Giải pháp hay nhất, John trở về Mỹ, tôi sẽ tìm cách sang sau, và hẹn sẽ gặp anh ở California vì hai chị của tôi đang ở Monterey, California.

Chắc có bàn tay sắp đặt của ông Trời, chớ làm sao

mà hai người từ hai phương trời xa lạ, bỗng gặp nhau rồi hợp tánh hợp tình, gắn bó với nhau, rồi nên duyên chồng vợ.

M khuyên tôi nên bắt đầu lo giấy tờ xuất ngoại. Đáng lẽ tôi phải mừng lắm, nhưng tôi cảm thấy mình tội lỗi vì toan tính xa má khi gia đình mới thoát khỏi những khó khăn, vừa mới được chút thoải mái. Hay vì đứng trước sự rộng lượng vô biên của lòng can đảm của má khiến tôi mủi lòng? Tôi quyết định viết thơ cho John, huỷ bỏ cuộc hôn nhân. Tôi chỉ viết vài câu vắn tắt để anh hiểu, là tôi không thể bỏ má tôi ở lại một mình. Tôi cảm ơn anh đã cho tôi biết tình yêu, cho tôi yêu, và cho tôi được yêu. Nếu chết tôi cũng mãn nguyện, nhưng tôi chưa có chết đâu, vì tôi phải sống cho má tôi và em tôi. Tôi mong anh thông cảm, và hiểu giùm

phong tục của gia đình tôi, là quá gần gũi với mẹ mình bởi vì mẹ đã sống cô đơn với chúng tôi.

Viết thơ xong, tôi để vô hộc tủ, không gởi đi, rồi khóc suốt một tuần. Khi có ai trong gia đình hỏi tại sao khóc, tôi còn khóc dữ hơn nữa. Một buổi tối, đi làm về, tôi không ăn như mỗi bữa, chui ngay lên giường ngủ. Má dựng tôi dậy để nói chuyện. Tôi khai ra đủ các thứ bịnh, má đều không tin, cuối cùng tôi phải theo má xuống bếp để nói chuyện. Má tôi nói mấy câu, mà tôi tan nát cả cõi lòng:

- Con à, cách đây mấy năm, một người bạn học của má nói là má có bông mà không có bình để chưng bông; nhớ câu nói đó má buồn lắm. Mấy lần con có bạn, tụi nó biết ba con đi tập kết nó sợ thấy bà. Thằng John nó khôn, nó hiểu, nó không sợ. Lấy chồng khôn, đừng lấy chồng dại, khổ thân con lắm.

Tôi ôm mặt khóc vì má tôi nói trúng tim đen của tôi. Hai lần bạn trai, vừa nghe tôi nói ba tôi đi tập kết, một anh cắn môi suy nghĩ, anh khác thì khuyên đừng nhắc tới ba với anh ấy…

- Con biết thằng John là người tốt, thì lấy nó đi con. Con được hạnh phúc, má mừng, má biết má làm tròn bổn phận của người mẹ!

Rồi ngày ra đi chờ tôi bên ngạch cửa. Hàng xóm tới chúc tôi "thượng lộ bình an". Mấy ông Tàu Đại Loan chặn đường chúc tôi may mắn. Ngay cả chú Hai đạp xích lô cho tôi đi làm hàng ngày cũng nhắn nhủ: "Cô Hai đi Mỹ đừng quên tui nhen!". Làm sao tôi quên được người chở tôi đi làm khi tôi dậy trễ. Chú phải chạy như bay cho tôi đến sở đúng giờ. Chị Mùi bán bánh mì thịt ở nhà tôi cũng nói: "Cô Hai đi Mỹ đừng quên bánh mì xá xiếu của em

nhen”. Tôi làm sao quên được, bánh mì xá xiếu ngon nhứt đường Nguyễn Văn Sâm của chị.

Lúc ấy tôi như cái xác không hồn. Cho đến nay, tôi không còn nhớ phút chia tay với má ra sao. Mỗi lần nghĩ lại buổi tiễn biệt ấy, tôi chỉ còn giữ lại được hình ảnh má bịn rịn nâng vạt áo lên quẹt mắt, rồi vội vã chạy lên lầu. Tôi cũng chỉ nhớ em tôi ngồi taxi với tôi, mà không nhớ có ai nói gì không. Bây giờ, hồi tưởng lại, chuyến ra đi ấy như một cuốn phim quay lẹ, không còn đủ chi tiết. Trên máy bay, tôi ngồi bên cạnh cửa sổ, âm thầm khóc cho đến lúc mệt thì ngủ thiếp đi, khi bên ngoài đã tối đen như mực. Khi thức dậy, tôi ngỡ ngàng thấy đã sáng, mà máy bay vẫn còn bay trên những cụm mây trắng, tôi hốt hoảng nhận ra rằng tôi đã xa má và các em tôi đúng nửa vòng trái đất.

Hồi tôi còn nhỏ, ít có chuyện gì làm tôi sợ, trừ sợ ma, vì ba thường kể chuyện ma hay lắm. Mỗi lần ông kể, nhiều cán bộ trẻ còn sợ, nói chi tôi, một đứa con nít. Có anh phải đốt đuốc để về cơ quan, có anh nhát quá, xin ngủ lại qua đêm. Rắn rết quanh nhà, ai cũng sợ, chỉ có tôi là không. Có lần tôi đã một mình đập chết một con, vì nó nuốt con gà của dì Bảy. Vậy mà tôi rất sợ cô đơn. Giờ đây, tôi đã xa tất cả mọi người trong gia đình. Tôi xa những gì tôi đã biết, đã quen, trìu mến, yêu thương, gắn liền với đời tôi 23 năm qua. Tôi nhìn qua vai, cố hình dung lại những kỷ niệm đã qua mà tôi đã bỏ lại đằng sau bên kia bờ đại dương trong đó có gia đình tôi, có dân tộc Việt Nam mến yêu, và có nơi chôn rau cắt rún của tôi. Rồi tôi thầm tự hỏi, không biết “người nhà quê lên tỉnh” này sẽ sống thế nào ở một nước mà hầu hết bà con giòng họ của tôi gọi nó là kẻ thù của dân tộc?

Chương 26

Những ngày đầu của tôi trên đất Mỹ như đi qua trong sương mù dầy đặc, dưới bầu trời không trăng không sao, như những ngày cuối cùng tôi ở Việt Nam. Tôi không còn nhớ gì nhiều quãng thời gian ngắn ngủi ở nhà chị Cương ở Monterey, California. Hai chị Kim, Cương dẫn tôi đi mua áo cưới ở Carmel. Chi cho biết đây là một nơi nên thơ, tình tứ, cho các cô dâu đi sắm áo cưới. Tôi chỉ lẳng lặng đi theo hai chị, vì sợ các chị lại tưởng tôi không yêu John. Tôi yêu John lắm chớ! Vì yêu mà tôi bỏ quê hương, bỏ má và ba đứa em mà bay sang xứ sở xa lạ này, xa hơn mười ngàn dặm!

Những ngày đầu ở Mỹ, tôi cứ bị câu hát ru em ám ảnh: *"Con chim đa đa đậu nhánh đa đa, chồng gần không lấy, đi lấy chồng xa. Một mai cha yếu, mẹ*

già… Chén cơm đôi đũa, bộ kỹ trà ai dưng”. Trong khi đó, chị Cương nhắc đi nhắc lại: “Cánh cửa này chỉ mở một lần, cưng không bước vô, nó đóng lại để tới lượt người khác”. Nghe chị tôi nói hoài, tôi bèn nói chơi: “Đứa nào muốn vô phải bước qua cái xác của em."

Chị Kim dẫn tôi đi nhiều tiệm bán áo cưới lắm, nhưng tôi chỉ tới một tiệm. Tôi không nhớ thử áo cưới nào, chỉ nhớ chị tôi nói áo quá dài phải lên lai, về siết eo cho nhỏ. Tôi cũng không nhờ ai trả tiền áo cho tôi. Chị tôi vui khi đi sắm sửa cho em đi lấy chồng, còn tôi thì như cái xác không hồn, đi mà miễn cưỡng, đi ở Carmel mà nhớ nắng Việt Nam, nhớ má, nhớ ba đứa em. Tỉnh Carmel nhiều cảnh đẹp, nhà đẹp, có biết bao nhiêu là du khách tôi cũng không ngắm. Chị tôi hơi bực mình vì cử chỉ thờ ơ và tôi. Tôi chỉ nhớ, khi đem áo cưới về nhà,

tôi đứng trước gương cho các chị ngắm nghía, rồi việc cắt xén các chị là, tôi không có ý kiến.

Tôi không gởi thiệp hồng mời ai đụ đám cưới, vì tôi không có một người bạn nào ở Mỹ cả. Bạn tôi đều ở Cần Thơ, người nào cũng đã có gia đình, sống êm đềm trong hạnh phúc. Chỉ có mình tôi dám mạo hiểm đi lấy chồng xa.

Bạn của hai chị tôi phần đông là các anh các chị người Việt ở trường sinh ngữ Monterey Presidio và các sĩ quan Việt Nam Cộng hoà du học ở trường Naval Postgraduate School. Bạn của John là những phi công Hải quân và Người nhái Mỹ. Họ cùng vợ con ở những phi đoàn xa tới dự. Rể phụ Goldstein, một bác sĩ quân y. Anh là bạn thân của John, các bạn của họ còn tung hoành bay nhảy ở các căn cứ trong vùng Đông Nam Á..

Ngày cưới của tôi không có ba má chứng kiến. Cái cảnh ba tôi vui vẻ bắt tay chú rể và má tôi rưng rưng nước mắt sung sướng cho con, chỉ là mộng mơ của tôi thôi. Tôi nói với chị Kim "Không có ba má chứng kiến đám cưới, biết vậy em theo trai khác rồi". Tôi bị hai bà chị lườm trách móc. John và hai chị tôi cứ giới thiệu với tôi từng người khách, mà tôi đâu có biết ai là ai, ngoài tên, tay bắt mặt mừng, đi qua rồi, họ chỉ là một người lạ.

Cha Fritzpatrick của nhà thờ trường Monterey Postgraduate School bắt chúng tôi quỳ suốt hai tiếng đồng hồ để nghe lời giảng về hạnh phúc gia đình, đạo làm người, trách nhiệm với bạn bè, với đất nước và với Thiên Chúa. Sau đó, rể phụ, người nước Thái, nửa đùa nửa thật, nói với chúng tôi là từ đây anh không làm rể phụ cho đám cưới của người Thiên Chúa giáo nữa, với ông cha là người Ái Nhĩ

Lan. Hôm đó, cha uống rượu hơi nhiều với một cha từ Trung Quốc sang thăm; 40 năm trước, họ là hai đứa nhỏ giúp lễ ở một nhà thờ nhỏ ở Trung Quốc; hôm nay ngày đoàn tụ, hai cha đã chúc tụng nhau qua nhiều chai rượu.

John đã sắp xếp trước: anh nghỉ phép một tháng, để chúng tôi vừa hưởng tuần trăng mật vừa cho tôi biết quê hương anh. Chia tay với hai chị của tôi ở Monterey, California xong, chúng tôi bắt đầu cuộc hanh trình bằng xe từ California đến Minnesota bên chồng, rồi từ đó lại về Johnsville, Pensylvania, nơi căn cứ Hải quân của John. Chúng tôi đã tới nhiều nơi trên đất Mỹ, viếng danh lam thắng cảnh, mà John hãnh diện cho tôi thấy cảnh thanh bình, trù phú của quê hương anh, nhưng lúc nào trong tôi cùng hướng về quê hương ngàn trùng xa cách, nơi có má và các em tôi. Nơi ấy, khói lửa đang ngập

trời. Nhưng tôi cũng còn bổn phận làm vợ của tôi. Hai chữ "làm vợ" thật xa lạ với tôi, xa lạ như đất Mỹ mênh mông này. Mỹ thật bao la; ánh sáng văn minh chói loà khắp nơi, nhưng không chói loà đối với tôi. Tôi không biết John có thất vọng vì tôi dửng dưng mọi thứ? Đối với tôi lúc bấy giờ, chỉ có một thứ hấp dẫn tôi, đó là hệ thống giao thông tuyệt vời, và đêm ngủ không nghe tiếng bom đạn. Những lần cắm trại trong bóng đêm; chỉ có trăng sao, tiếng côn trùng hoà nhịp, không nghe tiếng súng. Không có lính chặn đường hỏi thẻ căn cước, không có một ổ gà nào; tất nhiên không có đắp mô hay xẻ rãnh. Ông trời cho xứ này nhiều quá, mà quên không nghĩ đến xứ sở của tôi! Hồi đó, xăng dư thừa, giá rẻ rề, các cây xăng cạnh tranh nhau, tặng quà cho khách. Cứ mỗi lần cần xăng, ghé qua cây xăng Shell đổ, thì chọn được một cái đĩa, mấy cái tách

uống café; cứ như vậy, từ California tới Pensylvania, chúng tôi có được một bộ chén đĩa.

Chúng tôi về thăm má của John và bà con giòng họ của anh ở tỉnh Ely nhỏ bé của tiểu bang Minnesota. Ở Ely, ngày nào má của John cũng tổ chức ăn uống, picnic, đi hái trái cây, câu cá, săn nai, tắm ở các hồ lạnh như nước đá. Tôi có dịp gặp bạn bè, thầy cô của John từ lớp 1 cho tới lớp 12. Ai cũng dặn dò John "take good care of this young lady", làm tôi rất cảm động. Không biết người ta thương tôi vì tôi chỉ có một thân một mình nơi xứ lạ quê người? Hay là sau tuần trăng mật, tôi sẽ biết nước Mỹ lạnh lùng, cô đơn hơn nữa. Những ngày ở Ely, đêm nào tôi cũng khóc bên cạnh người chồng nằm ngủ ngon lành như một cậu nhỏ vô tư. Chúng tôi ở đó mười ngày, rồi từ giã mọi người, và hứa sẽ trở lại vào mùa câu cá tháng 5 tới.

Tháng 9 năm 1968, chúng tôi tới Johnsville, Pensylvania, một căn cứ hải quân trong một tỉnh nhỏ; nơi đây, nhiệm vụ John là lái thử những chiếc máy bay F-8 với những dụng cụ mới lạ.

Mỗi tuần tôi viết ba, bốn lá thơ về nhà cho má, cho mấy em, dì Dẽ, con Vân, con Sang. Thơ nào tôi cũng cho gia đình biết tôi vui, tôi hạnh phúc lắm, và đang học hỏi về đời sống ở Mỹ để hội nhập. Nhưng thật ra, đó chỉ là những lời không thật, hoàn toàn không thật, để làm yên lòng gia đình. Tôi đang buồn vô cùng, buồn như con chó đi ngoài xa lộ ồn ào, buồn như con chó Nô lúc chúng tôi rời Cảng Chú Hàng đi nơi khác. Tôi ngủ với những chiêm bao, mộng mị, cứ thấy mình ở Sài gòn. Có đêm tôi nghe tiếng nhạc Việt Nam khi ngủ. Lại có nhiều đêm tôi gặp ác mộng, thấy Việt Cộng âm thầm phá vỡ hạnh phúc của John và tôi. Có đêm chợt thức

giấc về khuya, tôi nghe có mùi thức ăn Việt Nam quen thuộc. Nhưng khi tỉnh dậy, chỉ thấy tuyết trắng rơi ngoài cửa sổ. John đã đi từ sáng sớm. Tôi ôm gối, rồi ngồi khóc. Vì ở nhà một mình, không sợ ai biết, không làm phiền ai, mới đầu tôi còn khóc nho nhỏ, sau khóc lớn lên, nức nở. Khóc tới mệt, rồi ngủ hồi nào không biết. Chiêm bao như vậy hết đêm này đến đêm khác. John không biết, má và các em bên nhà cũng không. Một hôm, tôi gọi chị Cương:

- Em nhớ má, cho em về Việt Nam đi, chị. - Tôi nói bằng một giọng năn mỉ như hồi nhỏ tôi đòi chị đi theo lên Sài gòn.

Chị liền an ủi:

- Chị thông cảm cưng. Hồi trước qua Mỹ, dù có

anh Wray và Tina chị cũng nhớ má, nhớ tụi cưng muốn bịnh luôn. Nhưng ráng đi cưng. Lớn rồi, mình phải lập gia đình cho má vui. Cưng may mắn là được John thương cưng. Nhớ kỹ điều này: Có thằng điên nào mà quý cưng như vàng, khen cưng không tiếc lời, nào thông minh, nào can đảm… Có anh chàng sĩ quan ngoại quốc nào dám lấy cưng khi cưng nói thiệt cho họ biết ba mình là ai không? Hai đứa gặp nhau là cười, là vui như hội. Trời cho thì nhận, ráng gìn giữ hạnh phúc, nghe cưng. Cưng mà trở về Việt Nam bây giờ là mất hết. Cưng phủi ơn Thượng đế nếu cưng trở về Việt Nam bây giờ.

Chị tôi tha thiết khuyên tôi. Tôi lắng nghe để chị khỏi buồn. Nhưng những lời của chị không thuyết phục nổi tôi, vì vậy tôi nghĩ tôi sẽ rủ John về Việt Nam với tôi.

- Em về thì má vui hơn. - Tôi cãi.

- Má vui khi thấy mặt cưng, nhưng rồi mà sẽ buồn lắm khi biết con của má yếu tinh thần. Má sẽ trách má, vì chắp cánh chim bay không nổi. - Chị tôi nói bằng một giọng vừa năn nỉ, vừa đe doạ.

Tôi vẫn ngoan cố:

- Em bay tới đây là xa lắm rồi. Em biết bay xa như vậy đủ rồi, chớ không phải tuổi con chim, mà bắt em bay tiếp.

Chị kiên nhẫn nói tiếp:

- Cưng đừng nghĩ vậy. Hồi đó, má cũng thương ông ngoại bà ngoại mình lắm, vậy mà má cũng theo ba vô trong bưng, chịu cực thân, làm cho ông bà xót xa thương má lắm. Khi má nghe nói mình ở bên này hạnh phúc má vui lắm, mà không đòi hỏi mình

lấy chồng giầu nuôi má, mà má chỉ mong cho mình hạnh phúc. Cưng trả ơn má, là cưng phải sống hạnh phúc cho mình. Sau này chị em mình sẽ tìm cách rước má với mấy em qua chơi với chị em mình.

Nghe nói đến chuyện bảo lãnh má và các em qua Mỹ sống, tôi chợt thấy một chân trời mới, có tia hy vọng sáng ngời. Lời chị Cương có một sức mạnh khiến tôi ra khỏi trạng thái buồn bã. Tôi tính ngay trong bụng: một đàng tôi về với má và các em, một đàng má và các em sang Mỹ với tôi, đàng nào hay hơn? Tôi đồng ý với chị Cương. Nếu sang Mỹ được, má tôi sẽ thoát khỏi tầm tay của Việt Cộng. Lúc đó mà sẽ không còn hát: "*Ngày trở về, anh bước lê trên quãng đường đê bên bên luỹ tre. Nắng vàng hoe, đến bên luỹ tre, vườn rau trước hè vui đón người về*".

Một hôm, John đi công tác ở Bermuda, tôi lại chiêm bao thấy mình đi trên những con đường quen thuộc ở Sài gòn, ghé qua tiệm sách trên đường Lê Lợi, rồi mở cửa nhà hàng chị Kim Hoa nhìn vào. Trông thấy anh Nguyễn Đạt Thịnh, ông Thái nhà in, ông Nguyễn Thanh Hoàng (bao Văn Nghệ Tiền Phong), anh Đặng Văn Huấn và mấy ông nhà văn bạn nhậu của anh. Tôi trở ra, tiếp tục đi nghe tiếng ồn ào quen thuộc của Sài gòn, tiếng người nói, có cả mùi đốt rác phảng phất đâu đây. Tôi giựt mình thức giấc, thấy mình vẫn đang ở trong căn nhà mới lạ. Tôi soi gương, thấy mình đổi khác. Đứa con gái tinh nghịch, ranh mãnh, thông minh biến đâu mất. Trong im lặng, tôi nghe như chính tôi cũng tự trách mình đã bỏ bê mình. Từ mấy tháng nay, tánh nết của tôi đã thay đổi nhiều. Tôi đang từ một con người chăm chỉ, thích tự lập và cứng rắn, đã trở nên lười biếng, yếu đuối, vô trách nhiệm. Tôi tự nhủ

phải cố gắng vươn lên, để trở lại con người bình thường cũ. Nếu cứ tiếp tục sống trong ươn hèn, yếu đuối sẽ bị John coi thường. Hồi chúng tôi mới quen nhau. John hãnh diện về tôi, vì anh tin là trong bất cứ hoàn cảnh nào tôi cũng đối phó được, dù phải sống xa anh. Nghĩ vậy, tôi quyết định trở về với bản tánh cũ của tôi: không thể uỷ mị, yếu hèn được, phải chấp chấp nhận xa gia đình, lìa bỏ quê hương để xây dựng tương lai hạnh phúc thì phải đi trên con đường mình đã chọn.

***

Vào đầu mùa thu năm 1970, chúng tôi nhận được một tin mừng. Hải Vân sẽ được đi Mỹ học lái máy bay, Em sẽ học ở Lackland, tiểu bang Texas, và sau đó sẽ đi trường khác để học lái trực thăng.

Em đã miệt mài học ngày học đêm để thi vào không quân. Giấc mơ của em là lái trực thăng, và được ở căn cứ Biên Hoà. Có lần tôi hỏi em sao không về Cần Thơ, quê hương mình? Em cho biết Cần Thơ không phải là đất lành, nên chim không đậu được. Tôi mới nhớ rằng gia đình tôi cũng đã tìm cành khác mà đậu, và Cần Thơ cũng không còn là "đất lành" nữa.

Vào trường huấn luyện, Hải Vân tiếp tục được bằng "xuất sắc" suốt thời gian em học. Em làm bản sao những giấy khen này để gởi cho chị Kim, chị Cương và tôi. Bản chánh cho má. Hải Vân là người thông minh, học giỏi. Hồi còn học ở trường nam Tiểu học Cần Thơ, em cũng mang nhiều giấy khen về cho má coi, sau đó má gởi bản chánh về cho ông ngoại giữ. Tôi nhớ có lần ông ngoại tôi mở ngăn tủ

bàn thờ, nơi ông cất những giấy tờ quan trọng, và giấy khen của anh Quốc và Hải Vân, rồi ông nói:

- Học trong vùng quốc gia, không giúp được nước cũng được nhà. Tụi bay mà học theo đồ "chó đẻ" ngoài Bắc thì lại làm cộng sản; nó chờ con nít có xương có thịt lớn lên một chút, thì cho học giết người, cướp của cho thằng Hồ. Nhớ ăn cây nào rào cây nấy. Đừng có nghe đám lớn trong nhà này; cả lũ vừa đi vừa hát trong họng "Ơn cách mạng bằng trời bằng bể, công Cụ Hồ phải kể bao năm". Ơn cháu mang là ơn của má cháu, công cũng là công của má cháu, chớ không phải của thằng già chó đẻ kia đâu, nhớ không?

Sau khi Hải Vân nhập ngũ, tháng 5 năm 1969, tôi rước má và Minh Tâm qua Mỹ thăm chúng tôi, với hy vọng là má sẽ thích nước Mỹ và ở lại: sau đó

chúng tôi sẽ bảo trợ Hoà Bình. Hải Vân được vào không quân. Má không còn lo thức khuya dậy sớm lo em đi chơi về nữa. Bây giờ tới lượt trung tâm huấn luyện canh giờ “giỏi nghiêm” của nó thay má tôi.

Minh Tâm sang Mỹ chỉ một vài tháng thì có tin Hải Vân cũng tới Mỹ. Chúng tôi ra gặp em. Không quân cho gia đình và em ra đi chơi nữa ngày. Chúng tôi dẫn em đi Knott Berry gần đó để tiện việc trở về đúng giờ với nhóm lính của em.

Vừa đi, hai chị em vừa líu lo chia xẻ niềm vui của mình. Tôi cho Hải Vân hay, khoảng tháng 12 em được lên chức làm cậu. Nó rất mừng, câu cổ tôi mà xúc động vô cùng. Em dặn: “Suốt đời chị lo cho má và tụi em. Bây giờ có chồng có con, mình lo mình đi nhen”.

Rồi Hải Vân lên đường tiếp tục bay qua Lackland, Texas. Mấy tuần sau, nó viết thơ không có nói gì nhiều về trường huấn luyện, mà nói đàn anh tử tế tế, chỉ huy trưởng rất tốt với mấy con em mới. Dặn gia đình đừng lo, nó đang ở thiên đàng. Rồi em nói đến những cô con gái Mỹ tóc vàng, tóc đỏ, mắt xanh nó gặp trong bữa tiệc, trong những buổi đi picnic do nhà thờ bảo trợ. Sinh viên Việt Nam được đưa đến các tư gia để biết đời sống gia đình Mỹ. Em tôi lọt vô mắt xanh của cô con gái ông mục sư. Thằng nhỏ phải đi nhà thờ mỗi chúa nhựt để sau đó được về nhà mục sư gặp cô con gái. Em vừa cười vừa khoe:

- Con nhỏ mê em quá rồi!

Tôi nửa đùa nửa thật hỏi:
- Cưng có muốn cưới nó rồi ở lại Mỹ luôn không?

Em liền trách tôi:

- Em chưa đánh giặc ngày nào, đừng có xúi bậy.

Chị đi lính không được, em đi thế cho chị nè. Được con gái mê thì cũng thích, cái tôi lớn hơn một chút cho vui, chớ ai lại để con gái làm hư đời mình!

Hải Vân nóng lòng đem những gì học được sau kỳ huấn luyện về phục vụ đất nước. Tôi thì khoe rằng cái thai trong bụng tôi khoẻ lắm, đạp tôi liên hồi. Chắc thằng nhỏ sau này thành một cầu thủ tài ba.
Từ Lackland, Texas, lớp của Hải Vân được chuyển tới Hunter Airfield ở Savannah, Georgia, để thực tập lái Huey. John và tôi rất vui mừng và hãnh diện khi Hải Vân ra trường hạng nhất. Lớp của em có nhiều sinh viên các nước, như Canada, Đại Hàn… Trung tướng giám đốc trường viết thơ riêng

cho tôi. Ông khen má tôi có thằng con học giỏi. Má tôi đã quen với những giấy khen của các thầy, cô giáo, lần nào má cũng cất và thưởng Hải Vân. Nhưng kỳ này, nhận được giấy khen của trung tướng Không quân Mỹ, má tôi lại không nhắc gì đến nó trong những lá thơ viết cho tôi hàng tuần. Khi tôi hỏi thì má tôi nói:

- Khó cho má vui được, khi nhận được cái giấy khen này. Em của con lớn lẹ quá. Trong khi ba và anh Khôi con ở ngoài Bắc. Mà thôi, Hải Vân nó chọn con đường đó, là mình chánh thức cho mấy người ngoài kia biết mình không có theo họ. Tụi con chán cộng sản hoài đâu có ai nghe; Hải Vân đăng vô không quân và tiếng đồn chắc ra tận ngoài Bắc rồi.

Ngày 9 tháng 12, 1970, con tôi chào đời ở nhà

thương Fort Ord, một căn cứ Lục quân. Nơi này giáp với tỉnh Monterey California. John đặt tên nó là Lance David Krall, Lance là tên một người bạn thân trong đội bơi lội hồi học trung học. David là tên chú rể phụ David Goldstein.



Lance Krall - con trai Yung Krall

Giáng sinh năm đó Hải Vân được đi phép, tôi rủ em đến California gặp mặt thằng cháu mới ra đời.

Nhưng Hải Vân muốn đón Giáng Sinh với chị Kim đang ở tại Washington D.C, Hải Vân nói Wahington đẹp quá, hấp dẫn quá, em phải qua thăm vì chỉ có dịp này thôi. Hải Vân còn hẹn gặp tôi với Lance vào dịp Tết sắp tới ở Việt Nam. Tôi thất vọng, vì chắc phải lâu lắm tôi mới có thể bồng con về Việt Nam thăm gia đình.

Nhưng nỗi thất vọng ấy chỉ là một mối buồn nhỏ, không đáng kể so với cái tin khủng khiếp tôi nhận được sau Giáng sinh đó. Hải Vân tử nạn! Ngày 11 tháng Giêng, năm 1971, chị Kim gọi từ Washington D.C, cho biết chiếc Huey do Hải Vân lái bị rớt trong một trận bão tuyết hiếm có ở Savannah, tiểu bang Georgia. Chị tôi và tôi, mỗi người một nơi, cùng ôm cái điện thoại mà không nói được lời nào nữa. Chúng tôi như chết nửa thân người, còn hồn tê dại đến độ không sao khóc được.

Chị tôi chờ niên trưởng của Hải Vân gọi lại. Tôi phải đưa Lance cho John bồng, vì lúc đó tôi không dám ôm nó trong lòng, cũng không muốn gần ai trong giờ phút đó.

Mấy tiếng đồng hồ sau, chị tôi gọi lại. Không quân chánh thức xác nhận em tôi và một phi công khác tên là Nguyễn Văn Bé tử nạn.

Tôi nghe như có tiếng la hét trong đầu tôi: "Không, không phải em tôi chết đâu. Không phải Hải Vân chết đâu. Người ta lộn tên rồi. Em tôi mới 21 tuổi, chỉ mơ ước được về nước đánh giặc. Giấc mộng chưa thành, em không thể chết được. Tôi ngồi co quắp dưới chân giường, cầu xin Trời, Phật, van nài Chúa Jesus cho tôi được sống, tôi sẵn sàng chết thế, sẵn sàng dâng hiến cả cuộc đời tôi cho em. Tôi đã sống trên đời này nhiều rồi, đã từng cay đắng, gian

truân, từng lao đao, cực khổ, từng nếm mùi ngon ngọt của hạnh phúc; tôi đã yêu và đã được yêu, tôi sẵn sàng chết để em tôi được sống. Tôi xin cho em lá gan, lá phổi, cánh tay, cái chân, con mắt để em được sống. Tôi tới một nhà thờ nhỏ trong khuôn viên trường Monterey Postgraduate là nơi chúng tôi đã làm hôn lễ, để cầu xin Thượng đế hãy cho biết tôi phải làm gì bấy giờ. Tôi có nên về Việt Nam với má trước khi Không quân đưa xác em về không? Hỏi Chúa, Chúa không trả lời. Tôi chạy tới nhà thờ lớn hơn ở Pacific Stewe xin cha cho tôi một người hướng dẫn, vì tinh thần tôi đang sa sút, bấn loạn. Từ khi nhận được hung tin, tôi chẳng biết gì, cứ ngồi trong xe chạy loanh quanh, lúc thì dạt vào bãi cỏ, lúc thì chạy ngoài đường tìm nhà thờ, tìm Chúa, mà không về nhà. Tôi mới sanh con có 32 ngày, tôi sợ tôi phát điên mất. Đã có lần, vì đau đớn quá, tôi đã có ý tưởng điên rồ là má và tôi cùng chết một

lượt để tránh nỗi đau thương này. Nhưng tôi lại nhận ra chết như vậy là vô trách nhiệm, là hèn nhát, là tàn nhẫn với tất cả mọi người trong gia đình. Để gạt bỏ những ý nghĩ điên rồ, tôi vô nhà thờ dung thân.

Cha trả lời tôi một câu thật ngắn gọn. Dường như ông đã biết hết nỗi lòng của tôi, biết rõ mọi chuyện trong gia đình tôi và cũng hình như ông đã nghe Đức Chúa Trời phán hồi tối hôm qua.

- Thượng đế đã chọn em của con, một đứa con xứng đáng để phục vụ Ngài.

Đã nhiều lần tôi tìm tới Chúa, tôi mong mỏi được gần Chúa, muốn đem Thiên Chúa vào đời sống của tôi, vì má tôi tin rằng muốn cho gia đình có hạnh phúc, vợ chồng nên một đạo. John chắc không bỏ

đạo Thiên Chúa, còn tôi nên theo đạo của anh để cho gia đình được hoà thuận. Tôi đã vâng lời. Bây giờ cần tới Chúa, tôi cảm thấy mình lạc lõng hơn! Không biết cha nói có đúng như vậy không? Có phải Chúa chọn đứa con xứng đáng, hay là cha chỉ muốn an ủi tôi? Có thật là Chúa chọn Hải Vân không? Nếu thật, Chúa đâu có quyền bóp chết linh hồn của gia đình tôi, của má tôi. Chúa toàn năng thì lẽ nào Chúa cho rồi nửa chừng lấy lại. Má tôi là người phàm, mà khi chờ ba, má cho luôn làm hành trang vào đời để sống, má có đòi gì đâu!

Nếu trong đời, má tôi cần tới con cái và gia đình, thì lúc này má tôi cần nhứt. Nỗi đau tôi mang trong lòng, không sao sánh được với nỗi đau của má tôi. Tôi muốn về với má và ba đứa em, nhưng tôi không về được. Visa nhập cảnh Mỹ chỉ có một lần. Về Việt Nam rồi trở qua sẽ không được vô Mỹ nữa.

Ngay việc xuất cảnh khỏi Việt Nam lần thứ nhì cũng không được, trường hợp của chị Kim tôi cũng vậy. Chị em tôi còn mang quốc tịch Việt Nam.

May mắn là anh Wray, chồng chị Cương, đang phục vụ cho Lục quân Mỹ ở Thái Lan, nên chị về được, và chị đã cho hay chị sẽ về với má và các em. Chị Kim sẽ đi Savannah nhìn Hải Vân lần cuối, và trường của em sẽ làm lễ truy điệu trước khi đưa em về cho má.

Thời gian như đông lại. Thế giới bên ngoài gia đình dường như đã tan biến hết. Bây giờ tất cả chỉ có cái chết của má tôi. Chúng tôi chờ tin Không quân cho biết ngày nào sẽ đưa Hải Vân về Việt Nam. Chờ để làm gì? Để thấy má tôi ôm cái quan tài khóc cho thằng con chết yểu? Chờ để biết rằng vận hạn không may đã chôn vùi tương lai của một thằng

con trai thông minh, yêu nước, yêu gia đình? Chờ để biết rằng ước mơ của gia đình tôi đã bị chôn vùi, chôn tiếng cười, tiếng đàn guitar của em; và một phần đời của chúng tôi cũng chôn theo em. Bảy ngày chờ đợi dài vô tận. Nhưng rồi cũng người ta đưa quan tài của em về Việt Nam.

Tim tôi tan vỡ. Tôi quá cô đơn, thấy mình yếu đuối, bé nhỏ trong tay định mệnh. Cho tới ngày nay, đã 39 năm qua, tôi vẫn còn giận khi nhớ tới lời nói của ông linh mục, vẫn còn thương nhớ em tôi mỗi lần nghĩ tới nó. Tôi đoán. Ở bên kia thế giới, em cũng giận, cũng tiếc, vì chưa một ngày nào được phục vụ đất nước. Em tôi chết rồi, mà cộng sản còn lợi dụng cái chết của nó để tuyên truyền. Chúng báo cho ba tôi biết là CIA đã giết Hải Vân vì chúng biết em là con của ba tôi. Tôi giận sôi gan,

vì ba tôi tin lời tuyên truyền đó, tin cho tới ngày ông lìa khỏi cuộc đời.

Tôi thất vọng, vì ba tôi nhìn đàn con lớn lên qua lăng kính cộng sản. Vì vậy, ông không thấy được rằng ngoài người con trai kỹ sư tên lửa, ông còn một thằng con trai khác nữa, thông minh, lanh lợi không kém anh nó.

Cuộc điều tra tai nạn máy bay của Hải Vân đã diễn ra rất chu đáo. Không có gì đáng nghi cả. Sau này chồng tôi được đổi về Ngũ Giác Đài, làm việc cho cơ quan tình báo của Hải quân. Anh xem bản kết quả của cuộc điều tra. Hải Vân bay quá thấp, và khi bão đến, muốn bay cao hơn không kịp nữa, nên bị đụng dây điện trong rừng thông.

Phải nói là em tôi bất hạnh, gia đình tôi bất hạnh,

nhưng tôi không phải là nạn nhân của bất cứ ai.

Chương 27

John thường phải công tác xa nhà cả mấy tháng trời. Tôi phải ở nhà một mình với đứa con nhỏ. Mỗi tháng có tới chín ngày không có chồng, không có má, không người thân thuộc. Tôi có gia đình hải quân, với các bà vợ sĩ quan của cùng phi đoàn. Có mấy lần John đi vắng tới sáu tháng: anh đưa mẹ con tôi về Sài gòn với má.

Tôi không giỏi như các bà vợ trong phi đoàn VP-4 của anh. Mỗi lần anh đi vắng, tôi sợ ma, sợ kẻ gian; nên dù sáng trưng chung quanh nhà. Cây súng PPK nạp sẵn sáu viên đạn tôi giấu dưới nệm giường ngủ.

Tôi thích đọc tiểu thuyết Việt Nam. Đối với tôi, đó là cách về thăm Việt Nam mà không tốn tiền. Cuốn sách đọc là cuốn "Tôi Nhìn Tôi Trên Vách" của Tuý Hồng - nhà văn Việt Nam. Tôi có thể đi qua mấy chục nơi trong thành phố Sài gòn, nhận ra những hình dáng quen thuộc, những con đường đại lộ trong trí nhớ. Trời ơi, không gì sung sướng bằng được về nhà.

Một hôm, tôi vừa định đi rước Lance ở lớp mẫu giáo, điện thoại bỗng reo. Một người đàn bà tổng đài hỏi tôi có nhận điện thoại collect của một người đàn ông tên là Jean Kaplan ở Paris không? Cái tên Kaplan lạ hoắc đối với tôi, nên tôi không ngần ngại từ chối. Nhưng chỉ mấy giây sau, điện thoại lại reo. Một người đàn ông nói tiếng Anh giọng Pháp. Câu nói đầu tiên của ông làm tôi kinh ngạc:

- Mỹ Dung, tôi là bạn của ba cô. Tôi muốn cô phải lắng nghe tôi nói. Rất quan trọng.

Tay tôi run rẩy, cố nắm chắc máy điện thoại khi người đàn ông gọi tôi là Mỹ Dung, cái tên chỉ có ba tôi gọi thôi. Chín năm trước, tôi đã thay tên này, nên không còn ai nhớ! Tiếng người đàn ông lại vang lên trong máy:

- Tôi muốn cô phải thu xếp gấp cho má và các em cô rời Sài gòn ngay lập tức!

Tôi ấp úng nói:

- Từ lâu tôi cũng muốn mà.

Kaplan cắt lời tôi, giọng ông càng có vẻ gấp rút hơn:

- Cô phải đưa má cô ra khỏi Sài gòn ngay. Chiến tranh sẽ bùng nổ bất cứ lúc nào.

Dù rất ngạc nhiên vì cái tên cũ, tôi vẫn cảnh giác, cho rằng đây là lối làm tiền của người lạ. Cách đây mấy năm, tôi về Việt Nam xin cho một đứa cháu tôi đi Mỹ. Tôi đến Bộ nội vụ để xin xuất cảnh. Một nhân viên cao cấp của bộ này đã đòi tôi đưa tiền cho ông và một vài người trong bộ. Có lẽ họ nghĩ tôi từ Mỹ về, không có thì giờ tố cáo họ, nghĩ như vậy, tôi nói với người đàn ông trong điện thoại:

- Chiến tranh đã có mặt ở Việt Nam kể từ ngày thằng Tây của ông đặt bàn chân lông lá lên quê hương của tôi. Tây về Tây rồi, nhưng chiến tranh vẫn không chấm dứt sau trận Điện Biên Phủ, ông ạ!

- Cô nghe đây! - ông bỗng nói lớn hơn - Tánh mạng của má cô đang bị đe doạ. Cô phải đem má cô ra khỏi Việt Nam càng sớm càng tốt!

Tôi đáp ngay:

- Xin cám ơn ông, nhưng tôi không có 50.000 đồng để mua giấy xuất cảnh cho má tôi đâu.

Những người bạn của ba cô sẽ tới Sài gòn trong nay mai. Như vậy má cô và các em cô sẽ không được an toàn. Cô có hiểu không?

Ông ta nhấn mạnh từng tiếng. Câu cuối cùng có giọng gắt gỏng.

Vậy mà tôi vẫn cố cãi:

- Tôi hiểu, nhưng nếu họ là bạn của ba tôi thì làm sao gia đình tôi lâm nguy khi họ vào Sài gòn?

Ông ta vẫn kiên nhẫn nói:

- Đừng giả bộ ngây ngô với tôi! Cô phải tin tôi. Hãy đem má và các em cô qua Mỹ hay qua Pháp cũng được. Họ phải đi khỏi Việt Nam!

- Xin ông chỉ cách làm sao tôi có thể đem má tôi ra khỏi Việt Nam. Bây giờ đâu có ai được phép xuất ngoại. - Tôi nói.

- Bảo chồng cô tới gặp ông đại tướng Hải quân Gaylor là Tổng tư lệnh Hải quân ở vùng Thái Bình Dương. Ông ta mới là người có thể giúp cô việc này. Nghe tôi không, cô Dung?

Bấy giờ thì tôi biết ông ta nói thật và đứng đắn. Thế là tôi bắt đầu lo. Tôi ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vô cửa. Hai lòng bàn tay tôi ướt dám mồ hôi, tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực như muốn nhảy ra ngoài. Bỗng tiếng điện thoại lại reo vang. Tôi vội chụp lấy máy nghe. Lần này, tôi nghe giọng nói vòi vĩnh của thằng con tôi ở đầu dây bên kia:

- Mom, sao không tới rước con? Con đói bụng rồi!

Tôi giựt mình nhớ đến việc tôi phải làm lúc này. Tôi rước Lance ở trường mẫu giáo. Thế là đã trễ năm phút.

Sau khi đã cho Lance ngủ trưa, tôi lục hộc tủ để thơ và nhật ký, cố tìm cho ra một cái gì có liên hệ tới tông tích ông Kaplan. Bỗng tôi thoảng thấy một bao thơ mầu vàng dầy cộm trong ngăn kéo bàn viết

của tôi. Bao thơ dán tem và đóng dấu Paris, người gởi là Jean Kaplan, nhưng lại không có địa chỉ. Tôi không biết ông ta, chỉ nhớ rằng ba năm trước ông đã gởi bao thơ cho tôi. Trong bao thơ, có hình của năm người: ba tôi, anh Khôi, chị Thu Vân, anh Trung và một người con gái lạ cỡ tuổi tôi. Hình chụp vào một mùa đông trước điện Cẩm Linh đầy tuyết phủ, với nền trời mầu xám ngắt, xám như mầu quần áo của những người trong hình. Ngoài ra, còn có cả hình ba tôi cưỡi ngựa ở Mông Cổ, hình ba tôi uống trà với Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trường Chinh, và nhiều người khác đứng sau lưng họ mà không biết là ai. Khi được những tấm hình này, tôi vừa mừng, vừa thất vọng, vì người gởi không viết một chữ nào; cũng không có cả địa chỉ người gởi nữa. Hồi đó tôi nghĩ rằng không có địa chỉ người gởi là may, vì khỏi phải liên lạc với người xa lạ. Bây giờ tôi lại nghĩ khác, thất vọng vì

không biết liên lạc cách nào để có thể hỏi thêm về gia đình tôi. Suy nghĩ thêm về lời nói của Jean Kaplan, tôi bắt đầu quan tâm đến tình hình chiến sự ở Việt Nam. Đêm đêm, tôi chờ Lance ngủ, rồi nhón gót ra khỏi phòng, xuống nhà bếp ngồi một mình ôm mối lo sợ. Tôi muốn biết tình hình Việt Nam qua báo chí Mỹ, nhưng tôi lại biết các ký giả Mỹ vốn nông nổi, hời hợt, nên không tin tưởng ở họ. Từ đầu năm 1975, tình hình Nam Việt Nam mỗi ngày một tồi tệ. Đầu tiên là việc mất Ban Mê Thuột, rồi cuộc rút quân từ Pleiku ra biển theo lệnh của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, bỏ ngỏ miền cao nguyên. Cuộc triệt thoái này gây tổn thất trầm trọng cho cả quân lẫn dân miền Nam.

Sau đó tình hình miền Nam mỗi ngày thêm suy sụp. Rồi quân Bắc Việt tràn qua Bến Hải, chiếm Quảng Trị.

Trong khi tôi lo lắng về tình hình Việt Nam, John được nghỉ phép. Anh về nhà đã mười ngày, mà tôi không dám đả động tới cú điện thoại của Jean Kaplan. Nhưng tôi vẫn tìm cách cho anh biết những tin tức liên quan đến Sài gòn. Thế rồi, một buổi tối tôi tâm sự với anh về sự sống còn của miền Nam. Tôi chỉ dám nói nho nhỏ với anh:

- Em nghĩ mình sẽ mất miền Nam.

John ngạc nhiên nói:

- Cưng ơi, lúc nào cưng cũng ca tụng người lính Việt Nam Cộng hoà, mà sao bây giờ lại nói miền Nam sắp mất? Như vậy là cưng coi thường họ quá. Cưng phải tin tưởng họ, vì chính anh biết họ là những chiến sĩ can cường.

Tôi bật khóc. Hai bên cằm tôi đau nhức, tim tôi tan nát khi phải nói thật với John:

- Mất miền Nam là một chuyện vô cùng đau khổ, những nó sẽ xảy ra. Chưa bao giờ, kể từ ngày ba em bỏ đi Bắc, em tin miền Nam lọt vào tay cộng sản. Nhưng mà bây giờ em phải tin. Em không biết nói sao và cắt nghĩa thế nào cho anh hiểu. Em cũng tin là các chiến sĩ Việt Nam Cộng hoà đánh giặc rất giỏi, nhưng họ chỉ giỏi khi được cấp trên cho phép đánh. Bây giờ họ bị trói tay rồi. Mình sẽ mất Sài gòn vì ông Thiệu không cho phép đánh, vì mấy người Mỹ của anh xỏ lá, chơi trò chính trị. Làm sao người lính có thể xông pha diệt dịch, khi mà tướng và tổng thống của họ ra lịnh rút lui? Hãy coi tin tức trong TV thì rõ. Bản đồ miền Nam mỗi ngày nhuốm thêm mầu đỏ.

Tôi nói một hơi dài, khiến John trố mắt nhìn tôi đầy vẻ kinh ngạc. Anh lẳng lặng đi rót một ly rượu. Chờ anh trở lại, tôi định đề cập tới cú phôn của Jean Kaplan. Nhưng tôi chợt nghĩ rằng nếu anh có tin thì tin lời tôi chớ không tin lời người xa lạ. Tôi rụt rè nói:

- John, anh cố tìm cách đưa má và hai đứa em rời khỏi Sài gòn nhen.

John liền nắm lấy tay tôi, bắt tôi nhìn thẳng vào mắt nói:

- Má và hai em của em cũng là má và hai em của anh. Anh sẽ lo chuyện này.

- Cám ơn John! - Tôi vừa mừng vừa cảm động, nên chỉ nghẹn ngào nói được có bấy nhiêu thôi.

John nói tiếp:

- Em có điên mới nghĩ rằng anh ngồi đây mà bỏ mặc má và hai em nhỏ bên đó khi miền Nam lọt vô tay cộng sản. Bổn phận của anh là bảo vệ em, mà bảo vệ em tức là bảo vệ gia đình em. Em lấy chồng khôn, chứ không lấy phải thằng ngu đâu. Chỉ thằng ngu mới để gia đình em kẹt lại Việt Nam. Sẽ không ai sống được với em, nếu má và hai em không qua Mỹ được.

Tôi cười ra nước mắt.

Lần đầu tiên, kể từ sau ngày nhận được cú điện thoại Jean Kaplan, tôi cảm thấy nhẹ nhõm trong người, như muốn bay bổng. Như vậy là tôi an tâm rồi.

Sau đó, vừa làm bếp tôi vừa nghĩ đến Jean Kaplan. Phải chăng ông ta là một gián điệp? Ông muốn nhờ John đưa tin cho Bộ tư lệnh hải quân Mỹ? Nếu đúng, John nên báo cho ông tướng Gaylor, Tổng tư lệnh hải quân ở Thái Bình Dương.

Nghĩ vậy, trong bữa ăn, tôi đột ngột nói:

- Em muốn cho anh biết một chuyện mà em giấu mấy ngày nay.

John liền đoán:

- Em có bầu?

- Không phải. Em ước gì em có bầu, sanh năm, sanh ba gì cũng được, em không sợ. Nhưng chuyện này mới đáng sợ.

John lại đoán mò:

- Em lại bị ticket chạy quá tốc độ trong trại, phải không?

Tôi lắc đầu, ra hiệu cho anh lắng nghe, rồi tôi từ từ kể lại cú điện thoại của người đàn ông bên Pháp. John bỏ dao, bỏ nĩa xuống bàn, chú ý lắng tai nghe, rồi tỏ vẻ bực mình tại sao tôi lại giấu kín một tin động trời như vậy.

Quả thật, tôi đã giấu kín chuyện này. Ngay cả chị Cương ở nhà chỉ cách có 5, 7 dặms, tôi cũng không cho biết. Anh Wray, chồng chị phục vụ bên Lục quân, trên đảo Hawaii này. Chị cũng giấu chồng về ba tôi. Theo lời yêu cầu của chị, John cũng không cho người anh cột chèo biết sự thật về ông già vợ.

John thắc mắc, tại sao bạn của ba tôi lại báo tin cuộc tấn công miền Nam? Nếu ba tôi trở về, lại sao phải đưa má tôi ra đi khi hai người đã sống xa nhau 19 năm trời? Tuy thắc mắc như vậy, nhưng anh không tin là quân cộng sản Bắc Việt có thể chiếm miền Nam, vì anh rất tin tưởng ở người lính Việt Nam.

Trong những ngày cuối tháng 3, đầu tháng 4, chúng tôi theo dõi sát tình hình chiến sự Việt Nam. Rồi càng ngày càng thất vọng. Khi tổng thống Thiệu ra lệnh rút khỏi vùng cao nguyên, quân dân bỏ chạy hỗn loạn. Khi quân cộng sản Bắc Việt tràn qua sông Bến Hải mà không gặp một phản ứng nào của quân đội Việt Nam Cộng hoà thì chúng tôi biết rằng tình hình đã tuyệt vọng. Lúc đó John mới vội vã tìm đường về Việt Nam đón má tôi và hai em.

John vào sở, trong căn cứ hải quân ở Pearl Harbor để xin 30 ngày nghỉ phép. Việc xin phép không có gì khó khăn, những viên thượng sĩ đánh máy cho biết Hải quân vừa có lệnh không cho ai đi Việt Nam kể từ hạ sĩ quan trở lên, nếu không có sự vụ lịnh. John hối thúc anh ta cứ đánh máy cho xong giấy phép. Anh ta vâng lời. Thế là John về nhà với tấm giấy phép còn bỏ trống nơi đi. Khi đã có giấy phép trong tay, John bắt đầu gọi điện thoại tới căn cứ không quân Hickam hỏi các chuyến bay đi Thái Lan và Việt Nam. Anh sẽ quá giang máy bay quân sự. Tôi thì gọi cho toà lãnh sự Việt Nam ở San Francisco để hỏi thủ tục nhập cảnh. Nhân viên toà lãnh sự cho biết người có quốc tịch Mỹ phải có giấy nhập cảnh nếu muốn ở Sài gòn từ ba ngày trở lên, và phải đợi chừng ba tuần sẽ được cấp visa. Nếu phải đợi tới ba tuần thì nước mất rồi. Chúng tôi phải tính xem con đường nào có thể vô Sài gòn

mà không cần giấy nhập cảnh. Chúng tôi nghĩ rằng bấy giờ người đi ra thì khó, chả có ai lại dám vô Sài gòn nữa. Chắc lúc này hỗn quân hỗn quan, ai mà đi xét coi John có ở quá hạn 3 ngày không. Chúng tôi nghĩ như vậy cho tạm an tâm để lo việc khác. Việc khác đó là tìm chỗ trên máy bay nhà binh để bay về Sài gòn.

Trưa hôm đó, John trở lại phi trường của không quân Hickam để thăm dò các chuyến bay một lần nữa. Anh được biết chuyến bay thường xuyên hàng tuần cho nhân viên của toà đại sứ Mỹ sẽ cất cánh ngày hôm sau, nhưng có thể không còn chỗ, vì tình hình biến chuyển ở Việt Nam mà nhiều dân sự lẫn quân sự phải bay qua Sài gòn để chuẩn bị. John chợt nhớ đến ông sĩ quan hải quân. Ai cũng biết rằng ông thượng sĩ của hải quân cũng tháo vát, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi mắc kẹt. May mắn là ở

đơn vị của Military Airlift Cơmmand ở căn cứ Hickam có một ông thượng sĩ của Hải quân. John vội tới gặp ông ta. Anh ghé tai thân mật nói nhỏ, anh cần đi Việt Nam gấp để đem gia đình vợ ra khỏi Sài gòn. Vừa nói anh vừa đưa giấy phép cho ông ta coi.

Ông thượng sĩ bèn đứng thẳng người lên, lấy giọng nghiêm trang nói:

- Tôi tin là thiếu tá có đủ giấy tờ cần thiết để trình cho bên kia. Chỉ ai có công vụ mới được ưu tiên qua Sài gòn trong lúc này.

Dù biết John chẳng có giấy tờ gì, ông cũng cho anh một chỗ trong chuyến bay ngày hôm sau; ông còn chỉ cho anh nơi lấy chỗ ngồi trong máy bay.

Người lính không quân ngồi ở quầy xét vé chau mày khi xem giấy đi đường của John, và giấy mầu đỏ mà ông thượng sĩ hải quân vừa phát cho John. Nhưng anh không nói gì, chỉ im lặng. Trong khi đó, John nhịp 8 ngón tay lên mặt quầy. Đó là thói quen cố hữu của anh. Hồi nhỏ anh chơi kèn clarinet nên bây giờ quen tay, hễ rảnh là bấm kèn. Có lẽ anh lính bị tiếng nhịp đều đều đó làm khó chịu, những không dám nói gì, chỉ vội vàng trao giấy tờ cho John.

Đêm đó John mới bắt đầu sửa soạn tinh thần cho chuyện đi mà chúng tôi không biết đặt cho nó cái tên gì? Anh nôn nao và mong cho mau sáng để lên đường. Trước khi rồi khỏi nhà, anh nói với tôi:

- Họ có thể đẩy anh trở lại máy bay khi tới phi trường Tân Sơn Nhứt; nhưng nếu vô thẳng Sài gòn

không được, anh sẽ bay sang Bangkok xin visa. Thế nào chồng của em cũng sẽ có mặt ở Sài gòn tuần này.

Bỗng John có vẻ đăm chiêu, rồi nghiêm giọng nói:

- Anh cần biết hai địa chỉ: một là đại tá Trần Duy Bính; và cô nhi viện Minh Trí. Anh sẽ nhờ đại tá Bính cung cấp cho một xe Jeep, một khẩu súng và một người giúp anh khi cần.

Tôi giựt mình hỏi:

- Chi vậy? Tại sao lại đến cô nhi viện?

Anhh vui vẻ hỏi lại:

- Bộ em em không muốn mấy đứa con nít mồ côi

được đi ra nước ngoài nếu có dịp?

Tôi nhớ lại mấy năm về trước, lúc John được biệt phái qua hơn sáu tháng, anh đưa hai mẹ con tôi về Sài gòn ở với má tôi. Khi rảnh rỗi tôi thường đến viện mồ côi để giúp đỡ. Cô nhi viện Minh Trí là nói tôi đã tới nhiều lần, đã đem tiền của các bà vợ sĩ quan trong phi đoàn của John để mua giường ngủ, thuốc, áo, sữa, và cất vườn chơi cho các em. Ở đây có hơn 30 em. Bây giờ nghe anh nhắc tới viện mồ côi, tôi rất xúc động. Tôi không ngờ anh lại nghĩ tới trẻ mồ côi trong giờ phút hiểm nguy này. Tôi không biết nói gì hơn là cảm ơn anh rối rít. Anh nói:

- Đừng có cám ơn. Hãy lấy giấy bút ghi địa chỉ cho anh đi, lẹ lên!

John có thói quen của một phi công, là làm việc gì cũng đúng giờ. Vì thế, anh luôn luôn có một cuốn sổ tay để ghi những việc phải làm theo thứ tự thời gian. Tôi vội lấy giấy ra ghi số điện thoại của đại tá Trần Duy Bính. Không những thế, tôi ghi luôn cả số điện thoại của bạn tôi, George Esper, hiện đang làm cho Thông tấn xã Asssociated Press. Sau đó chúng tôi đồng ý với nhau là sẽ dùng văn phòng của AP làm nơi liên lạc bằng điện thoại. Hơn nữa. John sẽ phải tới nhà báo thường xuyên để nghe tin tức thời sự. Tôi cũng cho anh địa chỉ của bà sơ Nguyễn Thị Trọng, người quản trị cô nhi viện Minh Trí lúc bây giờ. John cất cuốn sổ tay vào một cái cặp dẹp bằng da đựng tài liệu, rồi đưa cho tôi hai tờ giấy, biểu tôi viết bằng chữ Việt như sau:

"Tên tôi là John Krall. Tôi về đây để che chở cho gia đình của vợ tôi, chờ ngày ông Đặng Quang

Minh tức Đặng Văn Quang từ Hà Nội về. Ông Minh là ba vợ của tôi. Các ông nên kiếm tôi với đại tá Nguyễn Hoàng Phát, hay với gia đình bên vợ tôi là ông Trần Văn Diệp, Trần Văn Thuỷ. Họ cũng sẽ từ Hà Nội về. Tôi sẽ không nói chuyện hay thương lượng với bất cứ ai ngoài những người kể trên".

John tin đây có thể coi như một cái bùa hộ thân, phòng khi anh bị cộng sản bắt. Viết xong mấy chữ trên, tôi bỗng rùng mình lo sợ. Nếu anh bị bắt thì chuyện gì sẽ xảy ra? Mảnh giấy viết tay này có được kí lô nào không? Chúng sẽ làm gì anh, nếu chúng không tin? Trong lúc hỗn quân hỗn quan, chúng nó cứ làm liều bắn chết anh thì sao? Vì lo lắng như vậy, tôi không muốn anh đi Việt Nam nữa. Tôi ngỏ ý đó với anh, nhưng anh trấn an tôi. Anh nói:

- Anh chỉ đề phòng thôi; anh không tin sẽ có chuyện gì xảy ra cho anh, vì anh cố gắng giải quyết mọi việc trước khi cộng sản tấn công Sài gòn.

Tôi đành tin lời anh, những vẫn không yên lắm. Mọi việc bây giờ trông vào sự may rủi và tài tháo vát của anh thôi. Tôi không quên thầm vái van những người khuất mặt, khuất bóng trong gia đình, xin phù hộ cho John, để anh rước được má và hai em tôi qua Mỹ.

Để tinh thần bớt căng thẳng, tôi đưa cháu Lance đi bộ ra biển ngay trước cửa nhà. Trời đêm nay không trăng không sao tối đen. Xa xa, bờ bên kia là hải cảng Pearl Harbor, đèn sáng trưng. Tôi nắm bàn tay nhỏ bé của thằng con. Hình như nó biết được nỗi lo sợ của tôi, nên tối nay nó nắm tay tôi thật chặt, không đòi chạy đua với tôi trên bãi cát.

- Má sợ hả má? - Bỗng Lance hỏi.

- Không, má không có sợ. - Tôi cố lấy giọng bình tĩnh trả lời một cách yếu xìu.

- Ba nói mình phải can đảm, sợ quá mình sẽ thành ngu!

Thằng nhỏ năm tuổi thích dùng chữ “ngu”. Cái gì cũng “ngu”, món ăn dở cũng “ngu”, chó sủa làm nó sợ, con chó cũng “ngu”. Nhưng nếu tôi quá sợ, chắc sẽ thành ngu thiệt. Tôi nắm tay con đi trên bờ biển, nhìn lên bầu trời tối đen. Vừa đi tôi vừa khấn thầm:

Hải Vân ơi, chị cần cưng lắm. Cưng đi theo để phò hộ anh John để đưa được má và hai em Hoà Bình,

Minh Tám sang Mỹ với chị. Hãy bảo vệ má như hồi cưng còn sống nhen, Hải Vân.

Năm 1954, khi ba tôi tập kết ra Bắc, tôi mới chín tuổi. Bây giờ năm 1975, con trai tôi năm tuổi, ba nó phải liều mạng về Việt Nam để cứu bà ngoại nó chạy qua Mỹ, vì ông ngoại nó và cộng sản Hà Nội sắp xâm chiếm miền Nam. Làm sao mà cắt nghĩa bây giờ. Rồi con tôi sẽ hiểu Cộng sản trong đời sống của gia đình này. Tôi không sợ con tôi lạc đường, lạc lối khi trưởng thành đâu.

Chương 28

Ngày 15 tháng Tư năm 1975, John lên đường về Sài gòn tìm cách rước má và hai em tôi qua Mỹ.

Sau này anh kể lại với tôi rằng dù anh lúc nào cũng lạc quan, đó là bản tánh của anh, thế mà khi máy bay cất cánh khỏi phi đạo Hickam, anh cũng nôn nao, hồi hộp, vì không đoán trước được chuyện gì xảy ra bên kia bờ đại dương, trên quê hương của vợ. Quân cộng sản sắp tràn vô Sài gòn; biết anh có đủ thời gian và phương tiện đưa mẹ và hai cô em vợ ra khỏi vòng nguy hiểm không? Kinh nghiệm của một sĩ quan hải quân phi công có giúp anh được gì không? Dù sao, lái một chiếc máy bay mới sáng chế cũng đỡ nguy hiểm hơn xông vào lò lửa đầy bất trắc. Anh chỉ biết tin vào tài tháo vát của mình mà thôi.

Lộ trình của chuyến bay này sẽ ghé qua mấy nơi như căn cứ không quân Clark của Mỹ ở Phi Luật Tân, Sài gòn và trạm cuối cùng là Bangkok.

Nhưng khi đến Guam, đáng lẽ chỉ nghỉ có một tiếng, lại kéo dài gấp ba, khiến John càng bồn chồn, nóng ruột, nhưng chả biết làm thế nào hơn.

Khi mọi người trở lại máy bay và đã an vị, John thấy trong đám hành khách mới lên ở Guam có một ông tướng hải quân. Qua đồng phục, hai người nhận ra nhau ngay, họ cùng là phi công. John gật đầu chào ông tưởng, nhưng anh không biết có nên nói chuyện với ông không, khi anh ghé Sài gòn một cách bất hợp pháp. Nhưng chính ông tướng lại tới bắt tay John, và tự giới thiệu ông là trung tướng Oberg, một sĩ quan tham mưu của Lực lượng Thái Bình Dương. Thì ra hai người cùng đi Sài gòn. Tướng Oberg hỏi anh sĩ quan trẻ có nhiệm vụ gì ở Sài gòn. John nói thật là đi rước gia đình vợ ra khỏi Việt Nam.

Suy nghĩ hỏi lâu, ông tướng luu ý John là chỉ có những người có công vụ mới được qua Việt Nam. John cúi nhìn xuống đất, chỉ khẽ gật đầu mà không nói một lời. Từ đó hai người giữ im lặng.

Khi máy bay đáp xuống phi trường Clark ở Phi Luật Tân, ông Oberg nói với John:

- Tôi không nói cho ai biết hết, nhưng anh cần nhiều may mắn hơn đó!

Ông còn cho John biết ở phi trường Clark, quân cảnh sẽ kiểm tra chặt chẽ. Hành khách phải xuống máy bay để hoàn tất thủ tục đến Sài gòn.

Khi máy bay còn nằm trên trên phi đạo ở Clark, John bắt đầu xem các loại giấy tờ. Anh không có sự vụ lịnh, giấy chiếu khán nhập cảnh Việt Nam. Anh

nghĩ sẵn những lý do thật sự và khả sĩ để thuyết phục quân cảnh. Nhưng anh biết, chẳng có lý do nào khả dĩ thuyết phục bất cứ ai. Vì thế, anh lo lắm, lo có thể bị quay trở lại Guam. Nhưng có một phép lạ đã cứu anh. Vì chuyến bay đã quá trễ sau khi đã ngừng ở Guam đến ba tiếng đồng hồ, nên tất cả hành khách xuống máy bay phải đứng chờ ở một góc được giữ an ninh trật tự, không ai được ra khỏi vùng đó, nên quân cảnh không mất nhiều thì giờ xét giấy tờ lần thứ hai. John thở một hơi dài như muốn trút ra khỏi lồng ngực tất cả sự lo âu. Ông Oberg nheo mắt cười với anh, như muốn tỏ vẻ chúc mừng anh đã gặp may mắn. Máy bay cất cánh sau ba mươi phút xuống đổ xăng. Bây giờ, giữa anh và Việt Nam không còn gì xa cách nữa. Chỉ có vài trăm dặm của biển Thái Bình phía trước.

Khi chỉ còn vài phút nữa là tới phi trường Tân Sơn

Nhứt, anh vô phòng vệ sinh chật cứng thay quần áo. Anh xếp bộ đồng phục xuống tận đáy va ly. Anh mặc một bộ quần áo kaki, hoá trang thành một nhà báo dân sự, giống các nhà báo ở Sài gòn. Sau khi máy bay đáp xuống, hành khách sửa soạn đi ra, anh chưa nghĩ ra cái mẹo nào có thể qua mặt đám quân cảnh xét giấy tờ ở phía dưới. Khi bước ra khỏi máy bay, còn ở gần cầu thang, anh chợt trông thấy tướng Oberg bước vào một chiếc xe mầu đen có bảng hiệu VIP, tài xế là một quân nhân. Khi chiếc xe lướt đi trong ánh nắng tháng Tư của Sài gòn, anh chợt nảy ra một ý nghĩ táo bạo. Anh bỗng la lớn:

- Ê, họ lấy xe của tôi! Bắt họ ngừng lại!

Nhiều người nhìn anh rồi kéo nhau vô phòng trình giấy thông hành. Một người lính quân cảnh đứng

dưới đất ngước nhìn anh với vẻ ngạc nhiên, rồi nhìn hút theo chiếc xe mầu đen đã chạy một khoảng xa. Người lính trẻ với gương mặt thật thà hỏi anh:

- Ông tướng Hải quân lấy xe của ông?

John ra vẻ là một nhân vật quan trọng của toà đại sứ la lối om xòm, rồi anh bắt một người lính quân cảnh phải tìm cho anh một chiếc xe khác. Người lính hoảng sợ, chạy vô gọi DOD tìm xe cho “ông lớn”. Khi người lính vừa đi, John vội lẻn qua giữa các building, đi bộ ra khỏi cổng phi trường và mất dạng trong đám đông của Sài gòn. Khi biết chắc chẳng còn ai bắt được mình nữa, anh đi taxi về khách sạn Brink ở đường Hai Bà Trưng. Xuống xe, anh kêu cyclo về nhà má tôi ở đường Nguyễn Văn Sâm. Cả nhà vừa mừng vừa sợ khi thấy John xuất

hiện, dù tôi đã gọi điện thoại về báo trước, những không biết chắc ngày nào anh về tới. Má và em tôi có cả ngàn thắc mắc để hỏi John về chị em, con cháu chúng tôi đang ở Mỹ. Người Sài gòn lại hỏi người bên Mỹ về tình hình Sài gòn. John chợt hiểu vì thấy gia đình bên Sài gòn không có đàn ông trong nhà. má ở nhà nghe lỏm tin tức với bạn bè hàng xóm. Một ông thượng sĩ Không quân là lính kiểng ở kề bên. Ông làm sao biết tình hình đất nước lúc bấy giờ, trong khi cả tuần ông chỉ ở trường đua Phú Thọ, và lê la trong các phòng trà về ban đêm. Em tôi còn được sống ở Sài gòn, được người lính Việt Nam Cộng hoà bảo vệ, chưa nếm mùi giặc giã bao giờ. Tôi có hai em, một đứa đã đi làm, còn một đứa đang đi học.

John cho má và em tôi biết anh về để rước ba người đi Mỹ. Nghe nói vậy, mọi người giữ im lặng. Ai

cũng muốn bám lấy Việt Nam theo những lý do riêng của họ, cùng mối tâm sự hoang mang mang. Má tôi thì nghĩ tới chuyện được gặp ba tôi và anh Khôi. Tôi nghĩ rằng có thể má cũng nghĩ đến một ngày được an hưởng tuổi già bên cạnh chồng con. Hoà Bình thì nhứt định đi Mỹ, Minh Tâm cũng vậy. Con Vân, người giúp việc của má, muốn đi Mỹ. Má tôi vội viết thơ để lại cho anh Khôi. Trong khi đó, con Vân cũng đổi ý, muốn về Cần Thơ sống với má nó. Má tôi cho nó một số tiền đủ xài hai tháng và một số đồ đạc trong nhà, kể cả bàn máy may. Mà cũng không quên ghi rõ trong thơ là cho anh Khôi nhà của má. Sở dĩ má cho Vân tiền đủ xài trong hai tháng, vì má cho rằng vào khoảng thời gian đó, ba tôi cũng đã vào Sài gòn. Ngoài số tiền mặt, mà cũng cho nó hầu hết đồ đạc trong nhà, chỉ dành lại cho anh Khôi có bộ chén kiểu Noritaki.

Tối hôm đó John gọi tôi, cho hay anh đã tới nơi và đang xúc tiến những chuyện cần thiết. Đoạn đường trước mặt còn gian nan hàng trăm ngàn lần đoạn đường từ Mỹ qua Việt Nam. Trong khi ở Mỹ tôi lo sợ từng giờ từng phút. Có lúc tôi lại hối hận đã để John dấn thân vào chỗ nguy hiểm, mà nơi đó người ta đang tìm đường trốn đi.

Kể từ ngày John đi Sài gòn, tôi chầu chực bên cạnh điện thoại suốt ngày, trừ những giờ phải đưa Lance đi học và đón nó. Mỗi lần điện thoại reo tôi lại giựt bắn người lên. Chị Cương ở cách tôi chừng năm, bẩy dặm, thấy tôi quá lo lắng, ban ngày tới nhà tôi chơi. Ban đêm, chị muốn tôi về nhà chị ngủ, nhưng tôi từ chối, ở nhà trông ngóng tin Sài gòn.

Chị Cương và tôi đã tới sở ngoại kiều làm giấy bảo trợ má và hai em Hoà Bình và Minh Tâm. Tôi báo

cho John biết số hồ sơ giấy tờ quan trọng cần cho việc đưa má và hai em ra khỏi Việt Nam.

Có một lúc John ngừng gọi cho tôi mấy ngày liền khiến tôi nóng ruột muốn phát điên lên. Tôi phải gọi ông Esper ở văn phòng Thông tấn xã The Associated Press. Nhưng tôi lại gặp xui, vì tổng đài của hãng thông tấn quá bận, nên tôi không liên lạc được với ông. Tôi phải chờ mất hơn ba tiếng đồng hồ mới nói chuyện được với ông. Như muốn trấn an tôi, ông cho biết sẽ gặp John, nhưng không có tin tức gì mới lạ. Ông cũng nói thêm rằng John sẽ làm đủ mọi cách để có thể đưa gia đình tôi sang Mỹ, ông khuyên tôi cứ an tâm chờ đợi.

Vì lo lắng cho má, cho Sài gòn, tôi mất ngủ, mất ăn. Một buổi sáng, tôi nhìn tôi trên kiếng, bỗng thấy tôi già hẳn đi, dù lúc đó tôi mới 29 tuổi đầu.

Sài gòn có thể mất trong nay mai. Người miền Nam sẽ đạp lên nhau mà chạy đi tìm tự do. Rồi đây, những người di cư từ miền Bắc năm 1954 sẽ lại phải dắt díu vợ con chạy trốn cộng sản một lần nữa. Người miền Nam sẽ phải chịu cảnh chia ly như người miền Bắc 20 năm trước. Trăm ngàn nỗi khổ, người dân của các nước tự do làm sao hiểu nổi. Nghĩ đến những nỗi buồn thảm trong tương lai, tôi thấy xót xa trong lòng nên không dám nghĩ tiếp nữa.

Tôi ngước nhìn lên cao, hỏi ông trời: "Không lẽ dân tôi cứ đau khổ triền miên mãi như vậy sao?
Tôi theo dõi tình hình miền Nam trên truyền hình từ sáng đến khuya. Lance đi học về đòi coi truyền hình, tôi phải tìm nhiều đồ chơi khác cho con chơi, nhưng cũng phải nhường TV cho nó khi có phim

hoạt hoạ của Nhựt. Đó là hai phim Kikaida và Rainbor Man. Có lần Lance hỏi:

- Sao nhà mình không mua ba cái TV cho ba người, như nhà thằng Mark, thằng Zachery?

Tôi phải trả lời khéo:

- Tại má muốn coi TV chung với Lance.

- Má thằng Mark coi movie hay lắm, con mà coi tin tức chắc muốn chết!

Tôi lại phải giải thích:

- Tại bà ngoại của thằng Mark ở Ohio, bình yên, không chiến tranh, chỉ cần tin thời tiết là đủ. Còn

bà ngoại của Lance ở Việt Nam, giặc đánh tới nơi, má muốn biết tin tức bên Sài gòn.

- Giặc là ai? - Lance hỏi.

- Là VC.

- Ô!

Lance đành xin qua nhà thằng Mark, thằng Zachary chơi. Đúng nửa tiếng đồng hồ sau, theo đúng như lời hứa thì Lance trở về, vì gần tới giờ Lance được coi phim hoạt hoạ.

Trong khi ngồi chờ TV, thình lình Lance hỏi:

- Sài gòn không yên sao mà biểu Daddy đi tới đó?

Thông thường, câu hỏi vô tư của đứa bé năm tuổi không khó trả lời, nhưng câu hỏi này của con tôi làm tôi cứng họng. Tôi cảm thấy mình tội lỗi với John, với má của anh. Tôi đay mặt đi chỗ khác để lau nước mắt. Thật tình, tôi nghĩ tới hiểm nguy cho má nhưng không nghĩ tới hiểm nguy cho tánh mạng của John. Chúng tôi chỉ nghĩ làm sao đưa má và hai em ra khỏi Việt Nam trước khi miền Nam mất vào tay cộng sản. Không biết tôi vô tình hay điếc không sợ súng, hay chúng tôi đang sống ở một nước bình yên, tự do, nên muốn người thân yêu của mình cũng được cuộc sống như mình? Cũng có thể là tất cả những lý do này.

Thấy tôi khóc. Lance lấy miếng Kleenex cho tôi chùi mắt, rồi hỏi:

- Má có sợ Việt Cộng bắt bà ngoại không?

Tôi vội la cháu:

- Đừng có nói bậy!

- Chừng nào nào bà ngoại qua. Lance xin ngủ với bà ngoại được không?

- Không, Lance lớn rồi, phải ngủ riêng.

- Sao má nói Lance còn nhỏ, không được ra bờ biển một mình. Bây giờ má lại nói Lance lớn rồi, phải ngủ một mình? Người lớn không công bằng, lúc thì nói con nhỏ, lúc thì nói con lớn.

Nói chuyện với thằng bé ngây thơ, tôi cũng bớt lo lắng phần nào.

Trong khi đó, ở Sài gòn, John đã tìm đủ mọi cách

để đưa má và hai đứa em tôi đi chánh thức. Anh đến Bộ nội vụ xin giấy xuất cảnh, nhưng ông chánh văn phòng bộ này nói không còn ai làm việc nữa, ai cũng bỏ trốn hết rồi. Ông còn đề nghị anh đưa gia đình ông đi cùng với má và hai em; ông sẽ trả tiền cho John. Nhưng anh từ chối.

Một hôm, John gọi về cho hay bữa nay anh cố nói chuyện với người "sửa điện thoại" để biết còn cái gì hư hao nữa không; "sửa điện thoại" là mật hiệu riêng giữa chúng tôi. John đi "sửa điện thoại", có nghĩa là anh sẽ vào toà đại sứ Mỹ để gặp nhân viên CIA cho biết ba tôi là ai. Nếu John bảo tôi đi "sửa điện thoại", là tôi phải đi gặp đại tướng Gaylor.

John cố tránh tại toà đại sứ Mỹ, vì anh là người đến Sài gòn bất hợp pháp. Chỉ một cú điện thoại, là anh có thể bị lính thuỷ quân lục chiến ở toà đại sứ bắt,

rồi đưa anh lên phi trường, đuổi về Hawaii ngay lập tức. Trước khi quyết định gặp nhân viên CIA, John gọi điện thoại cho đại tá Trần Duy Bính. Bây giờ là tới lúc John trả cái ơn của gia đình tôi cho đại tá Bính. Anh nói với đại tá Bính là anh biết chắc quân Cộng Sản sẽ vô Sài gòn, nên đề nghị đại tá Bính chuẩn bị gấp cho ông và gia đình ông đi Mỹ. Anh sẵn sàng giúp đỡ mọi phương tiện. Những đại tá Bính chỉ cảm ơn mà không có ý định bỏ chạy. Ông vẫn còn lạc quan, tin là chưa đến nỗi nào. Sau đó, John nhờ đại tá tìm cho một cây súng. Đại tá Bính đưa liền cho John một cây revolver. Anh thấy súng lớn quá, khó giấu trong người, nên xin một cây nhỏ hơn. Đại tá hứa sẽ tìm cho trong vòng vài ngày. Những tình hình không cho phép "vài ngày".

John tới cô nhi viện Minh Trí gặp sơ Nguyễn Thị Trọng, sơ cho biết một số trẻ mà John và tôi đã

gặp, chết vì bị bịnh hoạn. Một số khác còn sống, nhưng không khóc. Sơ cũng cho biết, nhiều người Mỹ muốn đưa trẻ mồ côi ra khỏi Việt Nam, chẳng hạn như ông Ed Dailey, chủ hãng máy bay World Airways. Ông xin phép toà đại sứ Mỹ cho ông dùng máy bay riêng của ông để đưa trẻ mồ côi đi Mỹ, nhứt là những đứa con lai. Những toà đại sứ không cho phép.

Một hôm, John may mắn gặp bà Shirley Clark, nhân viên của tổ chức từ thiện Friends Service Committee. Bà khuyên John kiên nhẫn chờ đợi; trong vài ngày sắp tới có thể có tin vui với anh. Đúng như lời bà, hai ngày sau, ông Ed Dailey tổ chức chuyến bay cho trẻ em mồ côi, mà không có phép của toà đại sứ Mỹ. Việc này làm cho nhân viên của toà đại sứ Mỹ tức giận. Họ kêu ông Ed

Dailey là người bắt cóc con nít, giống như giọng điệu của cộng sản Bắc Việt.

Nhưng sau đó, nhờ vận động khéo, ông Ed Dailey được đại sứ cho phép đưa con lai ra khỏi Việt Nam. Ông cấp tốc chuyển các trẻ mồ côi lên phi trường, trong đó có cả các em ở cô nhi viện Minh Trí.

Chuyến đầu tiên, gồm có 300 em ở cô nhi viện Minh Trí, tới Úc Đại Lợi. Các nhà báo Úc chê mấy em này dơ dáy, bịnh hoạn, thế mà vẫn có cả ngàn gia đình xin nhận nuôi. Mọi người đều mừng rỡ, vui vẻ.



Đại sứ Đặng Quang Minh (tên thật Đặng Văn Quang) trong thời gian ở Moscow, Liên Xô

Nhưng chuyến thứ hai không may mắn. Ở Mỹ, tôi xem TV, được biết chiếc máy bay C-5A chở 243 em và chừng 45 người lớn, cất cánh ở phi trường Tân Sơn Nhứt bị rớt. Tôi lặng người đi, đau đớn đến tê dại, không khóc được.

TV cũng cho biết Đà Nẵng rơi vào tay cộng sản. Hàng vạn người tỵ nạn từ miền Trung đổ tới các tỉnh miền Nam. Già trẻ, em bé hè nhau đi, dẫn theo cả súc vật. Họ gồng gánh một nhúm tài sản nhỏ nhoi. Họ cõng mẹ già, con thơ. Trông thật thê thảm đáng thương. Như vậy, rõ ràng trái với lời tuyên truyền láo của cộng sản là dân miền Nam hân hoan đón chờ cuộc "giải phóng" của họ. Tôi nhớ hồi 1954, có hơn 800.000 người từ miền Bắc di cư vào Nam. Trong khi đó, chỉ có khoảng 180.000 cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc.

John có thói quen từ ngày cưới, kêu tôi bằng “Nhà” (phát âm tiếng Việt). Anh cho biết anh thích chữ “Nhà”, vì nó có vẻ ấm cúng và bình an trong tâm hồn.

Một hôm, từ Sài gòn, anh đến văn phòng của hãng thông tấn AP (Associated Press) để gọi điện thoại cho tôi. Với giọng mệt mỏi, anh cho biết không có tin gì hay. Nhưng muốn trấn an tôi, anh nói:

- Nhà ơi, anh sẽ làm tất cả những gì anh làm được”.

Nhưng anh đâu có biết rằng, nghe được tiếng anh lúc đó, là quá tốt rồi. Tôi an tâm vì biết chắc má tôi và hai đứa em không có mặt trên chiếc máy bay C-5 gẫy cánh mấy ngày trước đó, mà tất cả hành khách đều bị thiệt mạng. Nhưng tôi vẫn chưa hoàn toàn an tâm khi nghĩ đến những cảnh chạy loạn ở

Việt Nam mà TV Mỹ chiếu hàng ngày. Dân miền Trung lếch thếch, bồng bế dắt díu nhau chạy trốn làn sóng tấn công của giặc cộng. Từ đó, tôi liên tưởng đến má tôi và hai em. Vì vậy tôi nói với John, giọng năn nỉ:

- Cưng ơi, đừng về Mỹ mà không có má và hai đứa nhỏ nhen.

Nói xong, tôi nhận ra ngay là mình đã lỡ lời một cách ngu ngốc. Rất may là John hiểu rõ tâm trạng tôi lúc bấy giờ.

Chương 29

Cửa toà đại sứ Mỹ đóng kín để giữ an ninh, nên công việc đi lại và liên lạc với nhân viên bên trong

càng khó khăn cho John. Đã nhiều lần người lính thuỷ quân lục chiến gác cổng rất lịch sự phải mời anh đi chỗ khác, vì biết các nhân viên không muốn tiếp anh. Họ chỉ làm tròn nhiệm vụ của họ, nên John không giận. Nhưng anh phải vô được toà đại sứ thì mới hoàn thành nhiệm vụ… do tôi uỷ nhiệm. Một hôm, anh nghĩ ra một kế để có thể lọt vô bên trong. Anh ngồi chờ cho đến khi có một chiếc ce chở đầy người Mỹ chạy tới cổng. Những người này bước xuống đều có vẻ là nhân viên của toà đại sứ. Họ mặc bộ safari vàng, cũng xách cặp da như John. Thế là anh nhập với bọn họ vô toà đại sứ. Khi đã vô được bên trong, anh phải tỏ ra mình là người quen thuộc trong toà đại sứ. Anh tìm ngay ra được văn phòng của ban tình báo. Anh mới ló đầu vô, thì một nhân viên ngẩng đầu lên nhìn anh với một vẻ rất ngạc nhiên. John mạnh dạn bước vô, tự giới

thiệu về mình. Khi nhân viên ngồi trong phòng chưa hết ngạc nhiên, anh nói:

- Ba vợ tôi là đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam tại Moscow.

Câu tiết lộ này đã làm cho anh nhân viên tình báo tên Joe McBride chú ý. Thế là anh mời John ngồi xuống ghế để họ nói chuyện. John kể hết mọi chuyện liên quan đến gia đình tôi, bây giờ từ cuộc điện đàm của tôi với người tên Jean Kaplan, cho đến công việc của anh tại Sài gòn lúc này. Anh còn nói thêm cho biết, chỉ còn không tới 30 ngày nữa thì toà đại sứ Mỹ sẽ trở thành villa của quân Bắc Việt. Joe đồng ý với anh, nhưng ông nói nhỏ là toà đại sứ cấm nhân viên không được tiết lộ sự thật này. Ông vừa nghe vừa đánh máy ghi lại lời John, để báo cáo thẳng lên cho xếp của ông. Sau mấy lần

tới lui để bổ túc chi tiết về trường hợp của gia đình bên vợ, John được cấp trên của toà đại sứ mời vào để nói chuyện. Nhưng anh thất vọng, vì cả ông "xếp lớn" lẫn ông Shep Lowman là phó đại sứ đều không biết ông Đặng Quang Minh là đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam ở Liên Xô. Như vậy, làm sao John có thể chứng minh má tôi - bà Trần Thị Phàm - là vợ chính thức của ông Minh, và đã có 7 con với ông. Từ bao nhiêu năm nay, Mỹ đánh nhau với kẻ thù mà không biết rõ kẻ thù kể cũng lạ. Ông Lowman còn cảnh cáo John, không được tiết lộ cho dân Sài gòn biết tin cộng sản Việt sẽ chiếm Sài gòn trong một thời gian ngắn. Nếu không, họ có thể nổi loạn. Lời cảnh cáo này đã làm John ngỡ ngàng, vì toà đại sứ Mỹ cố tình lừa gạt người Việt Nam trong cơn hấp hối của Sài gòn. Trong giờ phút này, người làm ngoại giao không

còn chỗ đứng nữa; các nhân viên trong toà đại sứ chỉ chú trọng việc bảo vệ toà đại sứ.

Trong suốt cuộc chiến tranh Nam - Bắc Việt Nam, ai cũng nghĩ các nhân viên tình báo Mỹ CIA "đi trên nước, bước trên lửa". Nhưng thiệt ra, họ là những kẻ mộng du, lúc nào cùng mơ mơ màng màng, không nắm vững tình hình thực tế. Họ không biết kẻ thù của họ là những ai.

Nhưng may quá, khi CIA ở Sài gòn gửi điện về trung ương ở Langley, Virginia, tường trình cuộc gặp gỡ giữa họ với John, thì một sĩ quan cấp thấp, tên là Robert Hall, nhận ra ba tôi. Thế là việc đưa má và hai em tôi bắt đầu tiến nhanh hơn xe tăng của Bắc Việt tiến vào dinh Độc lập.

Sau này tôi mới biết, người sĩ quan CIA này đã

nhiều năm liền nghiên cứu về hoạt động của Mặt trận giải phóng miền Nam, nhưng rồi không biết vì lý do gì, ông chuyển sang mặt trận Lào, khi nước này rơi vào tay cộng sản, ông về làm việc ở trung ương. Ông là người sĩ quan tình báo làm việc với tôi sau này.

Trong khi dân Sài gòn nhốn nháo tìm đường chạy ra khỏi nước, thì John cũng không biết làm cách nào cho má và hai em đi Mỹ được, dù đã được toà đại sứ chấp thuận. Tôi hay, nói cho John biết, xứ sở tôi, người dân phải nghe lời đồn ở ngoài đường, rồi suy diễn để biết tin tức chính xác hơn. John nhớ lại lời tôi, nên bắt đầu la cà tại mấy cái bar hay quán rượu, nơi má các nhà báo, cả Việt lẫn Mỹ, cùng người dân ngồi lê đôi mách của Sài gòn tung ra những tin nóng hổi và đặc biệt. Nhờ vậy, chỉ một thời gian ngắn, anh có đủ tin tức về việc bốc các

nhân viên sở Mỹ và gia đình của họ, khi Sài gòn bước vào giai đoạn nguy khốn.

John mang theo hai ngàn Mỹ kim, giấu kín trong giầy, nhưng anh biết rằng vào giai đoạn đó, số tiền nhỏ nhoi ấy không giúp được việc gì hết. Những ngày cuối cùng của Sài gòn, người ta tiêu tiền như trong cơn mê loạn. Ai ai cũng sẵn sàng vung tiền ra để mua hai chữ "tự do". Nỗi lo sợ hiện ra trên gương mặt người dân Sài gòn. Cho đến nay, John vẫn không quen được những gương mặt lo sợ ấy.

Nhiều hôm, đứng từ balcon nhà má tôi, John để ý bên kia đường Nguyễn Văn Sâm, có một người đàn ông thường ngồi cái bàn đầu tiên của nhà hàng Hồng Mai, thỉnh thoảng nhìn lên nhà má tôi. John lo lắng nói cho má tôi biết. Má kể lại chuyện một cán bộ của Mặt trận giải phóng miền Nam, hồi

tháng Ba đã lén gặp má tôi, mời bà đi theo hắn để nhận tin của ba tôi từ ngoài Bắc gởi vô. Má tôi không đi, chỉ nói nếu có tin gì thì hãy nói cho bà biết. Cuối cùng, hắn khuyên má tôi không nên bỏ Sài gòn đi, đừng lo sợ gì, vì hắn có trách nhiệm bảo vệ má tôi cho tới ngày ba tôi trở về. Người ngồi ở quán Hồng Mai chính là tên cán bộ cộng sản, đang làm nhiệm vụ canh gác của hắn.

Trong khi đó ở Mỹ, tôi xem TV, thấy người ta loan tin cộng sản có thể phá hệ thống dẫn nước của Sài gòn. Tôi vội báo cho John hay, và đề nghị anh khuyên má tôi dùng hết nồi niêu xoong chảo, các thùng và các lu để chứa nước, phòng hờ bị phá hoại. Tôi vừa nói dứt lời, thì một người đàn bà trong tổng đài của Tiger bỗng lên tiếng, hỏi tin đó có chắc không? Thì ra bà ta nghe lén chuyện của chúng tôi. Tôi chắc hôm đó nhà bà ta cũng vội

vàng tích trữ nước. Bấy giờ nhắc lại chuyện 34 năm cũ, chúng tôi còn cười.

Ông George Esper cho John xem những phân tích của hãng thông tấn. Hai người đồng ý về những biến chuyển sắp tới. Họ bắt tay nhau như để cùng thương tiếc trong im lặng một thành phố sẽ mất tên trong chớp nhoáng. Họ cũng thông cảm lẫn nhau, vì cả hai đều có một nhiệm vụ nặng nề. Ông Esper phải đưa tất cả vợ con và nhân viên, cả Việt lẫn Mỹ, ra khỏi Việt Nam. Trong khi đó, ông định ở lại để chứng kiến cái chết của Sài gòn.

John thì vẫn đi tới đi lui toà đại sứ Mỹ để gặp ông Joe McBride. Trong khi anh như người ngồi trên đống lửa, thì nhân viên toà đại sứ lại lạnh lùng một cách quan liêu. Phải chăng đó là tính chung của những người làm ngoại giao nhà nghề? Rồi một

hôm ông McBride đưa cho John số diện thoại của một người tên là Grant Ichikawa; ông nói nhỏ cho anh biết họ cùng làm việc chung cho một tổ chức. John liền liên lạc với ông Ichikawa và kể hết mọi chuyện gia đình tôi. Ichikawa hứa sẽ cho John biết những dự tính của họ.

Trong khi đó, ở Hawaii, ngày nào tôi cũng ngồi bên cạnh điện thoại để chờ nghe tin tức bên nhà. Đã mấy trăm lần tôi gọi cho má và hai em, thì cả mấy trăm lần đường dây bận. Rồi một hôm, vào khoảng nửa đêm, tôi đánh thức má tôi dậy. Nghe tiếng nói yếu ớt, xa xôi của má, tôi có cảm tưởng như má tôi ở một nơi xa xôi nào đó, và tôi sẽ không bao giờ được gặp má nữa. Má tôi nói: "Con ơi. John phải về bên đó với tụi con. Nó đã ráng hết sức rồi. Bây giờ ở đây không còn an ninh nữa. Nếu có chuyện gì

xảy ra cho má và mấy em, ít nhứt con còn John và Lance.

Đêm đó, John ngủ lại nhà má tôi, nên cả nhà đánh thức anh dậy để nói chuyện với tôi. Anh nhắn tôi một điều mà tôi đã chờ anh ra lịnh cả mấy tuần nay. Anh bảo tôi phải "sửa điện thoại", nghĩa là đi gặp trung tướng Gaylor. Bấy giờ John không còn gì để giấu hải quân nữa, bởi vì toà đại sứ Mỹ và CIA đã biết rõ ràng về người sĩ quan hải quân và cái gia đình "không bình thường" của anh rồi. Chúng tôi cũng không biết ông trung tướng sẽ giúp gì được cho gia đình tôi, hay ông lại xé thây làm thịt người sĩ quan của ông, khi anh trở về Mỹ? Nhưng, thôi thì chuyện tới đâu cứ giải quyết tới đó. Lạy trời cho tôi sáng suốt để đối phó với thử thách, với khó khăn.

Trong những ngày tàn của một đồng minh của Mỹ trong Đông Nam Á, ông trung tướng Tổng tư lệnh Thái Bình Dương dĩ nhiên là một nhân vật quan trọng và bận rộn nhứt hơn hòn đảo thần tiên này. Sáu giờ sáng sớm hôm nay, tôi thấy ông họp báo tại Pearl Harbor. Theo ký giả của NBC, trung tướng đã mệt mỏi sau gần 17 tiếng đồng hồ theo dõi tình hình Việt Nam, cần về nhà nghỉ ngơi mấy tiếng, trước khi điều khiển cuộc di tản nhân viên Mỹ ra khỏi Việt Nam. Tôi nghĩ tôi không nên gọi ông khi đang cần một giấc ngủ. Tôi biết người thiếu ngủ thường quạu quọ, như tôi chẳng hạn. Nhưng nếu tôi không liên lạc với ông đúng lúc ông vừa tỉnh táo, để ông trở lại căn cứ hải quân thì khó có dịp nói chuyện với ông. Tôi chợt nhớ tới bà Gaylor. Tôi đã từng nghe các bà vợ sĩ quan hải quân ở Hawaii ca tụng bà Gaylor rất dễ thương; bà quan tâm tới gia đình hải quân. Tôi hy vọng lời đồn

đó sẽ là sự thật khi tôi quyết định gọi cho bà lúc 10 giờ sáng này.

Sau khi đưa Lance tại trường, tôi chạy vội về nhà, ngồi bên máy điện thoại. Tôi nhìn đồng hồ, đã 10:05. Tim tôi đập hơn, cổ tôi khô, khi tôi quay số tư gia của ông tướng. Người hầu cận là một thượng sĩ trả lời, giống tiếng của người Phi Luật Tân, hạ thấp giọng nói nhỏ:

- Ông tướng còn ngủ, tôi không dám đánh thức ông.

Tôi xin được nói chuyện với phu nhân của trung tướng. Viên thượng sĩ cho biết phu nhân cũng đang bận, tôi đành năn nỉ:

- Thưa ông, tôi cũng là vợ của sĩ quan hải quân. Tôi

cần sự giúp đỡ của trung tướng. Tôi cũng biết trung tướng mới về nhà nghỉ ngơi sau một đêm không ngủ. Thì thôi, ông cứ cho tôi nói chuyện với bà Gaylor đi.

Viên thượng sĩ ngập ngừng một lát, rồi tôi nghe tiếng của bà Gaylor bên kia đầu dây. Bà hỏi tôi có chuyện gì cần? Tôi biết vào giờ phút này không ai có thì giờ nghe tôi nói dông dài. Vì thế, đi thẳng vô vấn đề một cách đột ngột, với giọng nói hấp tấp, lủng củng:

- Tôi là con gái của một ông đại sứ tại Liên bang Xô Viết, ba tôi ở Hà Nội.

- Ba của bà là người nước nào?

- Ba tôi là người Việt Nam. Tôi biết bà sẽ ngạc

nhiên lắm, nhưng tôi phải nói chuyện với trung tướng, cho ông biết một tin quan trọng liên quan tới Việt Nam, và tôi cũng cần ông cứu gia đình tôi.

Ba Gaylor nói với giọng điềm tĩnh và ân cần:

- Hãy an tâm. Tôi sẽ đánh thức ông. Khi có chuyện quan trọng như thế này, ông phải thức dậy.

Trung tướng Gaylor tằng hắng, giọng khàn khàn trong điện thoại, tôi bỗng có cảm tưởng mình nằm mơ. Tôi lính quýnh xin lỗi vì đã đánh thức ông dậy, ông vui vẻ nói dù sao ông cũng phải dậy để trở lại căn cứ ở Pearl Harbor, rồi hỏi tôi:

- Bà cho biết tôi có thể giúp bà được chuyện gì?

Tôi mừng quá khi nghe ông hỏi, vội vã đáp:

- Thưa trung tướng, ba tôi là đại sứ của Mặt trận Trận Giải phóng miền Nam tại Liên Xô, còn chồng tôi là một sĩ quan hải quân của trung tướng.

Rồi tôi nói tiếp ngay:

- Tôi nhận được tin là quân đội Bắc Việt sẽ chiếm miền Nam. Họ vô tới thì má tôi sẽ ở trong một hoàn cảnh rất ngặt nghèo.

Sau hiệp định Paris, năm 1973, khi Hà Nội trao trả tù binh, trung tướng Gaylor là người đầu tiên ra tận phi trường Honolulu chào đón tù binh. Tôi còn nhớ hôm đó là ngày đau buồn của dân tộc Mỹ. Như mọi người ông cũng không khỏi xúc động cùng cực khi nhìn bạn đồng ngũ của ông, lính và sĩ quan ông xơ xác trong bộ bà ba đen bước xuống máy bay. Người què phải chống nạng gỗ, người đi không nổi

phải nằm trên băng ca. Tất cả tù binh đều được ghé Hawaii để khám sức khoẻ, rồi ai về nhà nấy với gia đình. Tôi nghĩ rằng khi nhắc đến Hà Nội, ông sẽ nhớ lại hình ảnh những người tù binh trở về từ Hà Nội Hilton, sẽ có phản ứng mạnh.

Trung tướng Gaylor vội ngắt lời tôi:

- Một trong những phụ tá của tôi sẽ liên lạc với bà nội trong hôm nay.

Đúng như lại trung tướng hứa, chỉ trong vài giờ đồng hồ sau, trung tá Dave Smith gọi tôi, ông muốn tôi vào căn cứ hải quân ở Pearl Harbor để gặp ông. Nhưng khi nghe tôi nói tôi phải đi đón con cho chị tôi rồi mới có thể ghé qua văn phòng của ông, thì ông đổi ý, hẹn sẽ đến nhà tôi buổi chiều hôm đó.

Khi trung tá Dave Smith nghe tôi kể đến cú điện thoại của Jean Kaplan thì bỗng ngồi thẳng người lên với vẻ chú ý, bởi vì lời báo trước của Jean Kaplan quá đúng. Miền Nam Việt Nam sẽ rơi vào tay cộng sản. Tôi nói tới đâu trung tá Smith ghi nhanh vào một tập giấy mầu vàng tới đó. Ban đầu ông viết chữ thường, sau đó ông phải dùng tới tốc ký vì tôi càng đi sâu vô vấn đề càng mau lẹ hơn. Ông hứa là ông sẽ báo cáo tất cả với trung tướng Gaylor. Ông chưa biết trung tướng sẽ giúp tôi và gia đình tôi ở Sài gòn bằng cách nào, nhưng ông tin rằng trung tướng sẽ có cách giúp chúng tôi.

Tôi tin là trung tá Smith không hứa hão hứa huyền, bởi vì là vợ của một sĩ quan, tôi biết phụ tá của một ông tướng có trách nhiệm trong hành động và lời hứa. Những lúc đó, tôi quá nóng lòng, chỉ mong có một lời hứa chắc chắn hơn. Tôi đánh liều.

- Thưa trung tá, tôi muốn má tôi thoát khỏi Việt Nam càng sớm càng tốt! Tôi sẵn sàng hợp tác với chánh phủ Mỹ nếu chánh phủ cần.

Trung tá Smith không giấu được sự ngạc nhiên, khi nghe lời tình nguyện hợp tác. Ông hứa sẽ báo cáo với trung tướng ngay.

Tôi đã đánh hết những lá bài có trong tay. Tôi không còn hồi hộp hay lo sợ nữa. Bây giờ ngồi chờ. Nếu má và các em đi không được là do định mệnh an bài. Nghĩ như vậy, tôi đã ngủ được sau nhiều ngày lo lắng, ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi đánh một giấc dài không mộng mị. Nhưng đến gần sáng, Lance bỗng thức giấc vừa khóc vừa nói:

- Con thấy Việt Cộng chạy lên tới lầu nhà bà ngoại rồi.

Thế là tôi thức luôn tới sáng. Tôi gọi chị Cương để nói cho chị nghe về giấc mộng của Lance. Chị trấn an tôi:

- Tại cưng lo lắng quá làm con lo theo. Thằng nhỏ vừa thông minh, vừa nhiều tình cảm, nên bị ảnh hưởng mối lo của cưng. Đừng có tin mộng mị mà điên, cưng ơi.

Khoảng hơn 24 tiếng đồng hồ sau khi tôi gặp trung tá Dave Smith, một người đàn ông đến tìm tôi. Ông ta cho biết ông là người của ông Smith gọi tới. Ông đã trọng tuổi, người cao lớn, tóc bạc trắng, giọng nói đầy thiện cảm. Ông giới thiệu tên là Bob Jantzen. Bấy giờ nhớ lại, tôi thấy ông Jantzen có vẻ mặt và cao lớn như tổng thống Reagan. Ông không nói ông là sĩ quan CIA, nhưng hồi đó, tôi cứ nghĩ rằng đã ở trong quân đội mà không mặc quân phục,

lại đến nói chuyện với tôi về cha mẹ tôi, ắt phải là nhân viên của CIA. Ông Bob Janten cho biết, ông đã nghe "câu chuyện khá thích thú" của tôi. Ông cũng cho biết ông có trách nhiệm đưa má và hai em tôi đến nơi an toàn, chớ ông không quan tâm đến người cha cộng sản của tôi, ông cần tên, ngày sanh và địa chỉ của má và hai em tôi.

Tôi liền cho ông biết là chồng tôi đã về Sài gòn để tìm cách đưa gia đình tôi ra khỏi Việt Nam, và hiện giờ anh ấy vẫn còn ở đó. Điều hay nhứt là nhân viên của ông nên gặp chồng tôi để biết đầy đủ mọi chi tiết. Ông tỏ vẻ rất ngạc nhiên và bối rối khi tôi nói như vậy. Ông có vẻ lo lắng:

- Chắc bà biết là chồng bà mạo hiểm lắm mới dám đi Việt Nam trong lúc này?

Ông cũng biết John không có cả sự vụ lịnh. Ông để tách trà xuống bàn, rồi nói tiếp:

- Tôi muốn bà biết là chúng tôi rất quan tâm đến sự an toàn của má bà. Chúng tôi sẽ làm hết sức để giúp má bà thoát khỏi Việt Nam.

Giọng nói chắc nịch của ông khiến tôi tin tưởng ngay, nên an tâm. Tối hôm đó, nghĩ lại cuộc nói chuyện với ông Bob Jantzen tôi hơi thắc mắc một chút, vì ông không có vẻ phong trần của một sĩ quan hải quân. Ông có dáng dấp của một người có địa vị trong xã hội. Từ ngày lấy chồng cho tới lúc bấy giờ, Hải quân đối với tôi là một đại gia đình, không lẽ nào trung tướng Gaylor lại gởi người tới mưu hại gia đình tôi.

Mấy tuần sau tôi mới biết rõ Bob Jantzen là ai, ông

chính là “trùm” CIA, người điều khiển mạng lưới tình báo khắp Đông Nam Á, mà văn phòng thường trực đặt tại Honolulu, Hawaii. Tôi còn được biết, ông đang lo chuyện di tản những người làm việc cho CIA tại Việt Nam, Lào và Cao Miên. Trong cái nhìn hạn hẹp của tôi lúc bấy giờ, tôi nghĩ ai cũng sợ CIA, nhưng ai cũng muốn làm quen với CIA, và ai cũng… ghê tởm CIA. Riêng tôi, tôi không hối tiếc đã quen biết với nhân viên CIA, vì tôi đang cần họ. Tôi hiểu rằng, trên cõi đời này cái gì cũng có cái giá của nó. Tôi thầm tự nhủ sẽ tìm cách trả nợ cho CIA sau khi má và hai em tôi thoát nạn.

John đã liên lạc chặt chẽ với CIA ở Sài gòn. Bấy giờ chỉ còn chờ ông Bob Jantzen ở Hawaii bật đèn xanh là công việc được tiến hành mau lẹ. Ông Grant Ichikawa đã quả quyết với John trong lần gặp mới đây:

- Khi có người được đưa ra khỏi Việt Nam, mẹ và em vợ anh cũng sẽ được đi.

Không những thể, ông còn cho biết, hai vợ chồng ông cùng chuyến bay với má và hai em tôi, vợ chồng ông còn mời John tới nhà riêng của họ ở gần Tân Sơn Nhứt dùng cơm. Sau này John kể lại, buổi tối hôm đó, ai cũng lo lắng cho tương lai miền Nam Việt Nam. Bà Ichikawa nhiều lần tỏ vẻ thương xót khi bà thắc mắc về số phận của những người bị kẹt ở lại. Sau bữa cơm tới đó, John mới an tâm, dù anh sẽ phải về Mỹ một ngày trước.

Ngày hôm sau, thấy mọi việc kể như đâu vào đó, John đi một vòng để "nhìn Sài gòn lần cuối". Anh ghé qua Hotel Rex, trước đó là câu lạc bộ của sĩ quan Mỹ. Anh ăn trưa ở Continental rồi thong thả đi qua Brink trên đường Hai Bà Trưng, với ý định

lên bar uống rượu và nghe thêm tin ngoài hành lang, nhưng bị hai người lính quân cảnh Mỹ chặn hỏi thẻ căn cước và sự vụ lịnh. Dĩ nhiên anh không có đủ giấy tờ để có thể vào nơi này. Anh chỉ mơ hồ nói với họ là anh tới Sài gòn với công tác mật. Hai người lính quân cảnh bèn liên lạc với bộ chỉ huy của họ MACV. John nhận được lệnh phải trình diện với một trung tá quân cảnh ở đó. Ông trung tá nổi giận khi biết lý do có mặt ở Sài gòn của anh. Ông ra lịnh cho anh phải rời khỏi Sài gòn ngay ngày hôm sau. Ông còn cho biết ông đã báo cáo với hải quân những hành động bất hợp pháp của anh.

Sau này anh cho biết, lúc đó anh không sợ gì hết, nên không tuân lịnh của MACV. Dù thế nào anh cũng phải làm tròn nhiệm vụ rồi mới có thể rời Sài gòn. Trong khi đó, ông trung tá muốn buộc anh

phải rời Sài gòn; nếu không tuân lịnh, ông sẽ biện pháp. Anh nói:

- Nếu ông bắt giam tôi, tôi sẽ trốn.

Ông trung tá lại ra lệnh:

- Phải rời Sài gòn trong chuyến bay tới.

Tám ngày sau, tức là ngày 10 tháng 4, 1975, John biết chắc khi toà đại sứ Mỹ bắt đầu di tản người Việt, má và hai em tôi sẽ có người đến tận nhà rước đi. Anh dặn má và hai em không được ra khỏi nhà, mà cũng không cho ai biết mình sẽ di tản, dù thân thiết. Ngoài ra, mỗi người chỉ được xách một valise nhỏ. Khi mọi chuyện đã sắp xếp đâu vào đó, anh nghĩ rằng anh có thể rời Sài gòn trước ngày di tản, với ý định nhường chỗ của anh cho người khác trên

một chuyến bay chạy trốn. Anh đi thẳng ra phi trường Tân Sơn Nhứt, kiếm một chỗ ngồi trên một máy bay của không quân Mỹ, bay tới đâu cũng được, miễn là ra khỏi Sài gòn.

Trước khi lên máy bay, John gọi cho văn phòng quân cảnh ở MACV để nhờ người nhắn lời với ông trung tá, là anh sắp bay về Mỹ trong vài phút nữa.

Chương 30

Tôi không bao giờ có thể quên được cái ngày 23 tháng năm 1975, là ngày tổng thống Ford tuyên bố người Mỹ chấm dứt cuộc tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Đó cũng là ngày tôi nhận được điện thoại của Hoà Bình, em tôi, báo tin má và hai em

tôi đã ra khỏi Sài gòn. Giọng nói của em buồn như em khóc. Mấy tuần lễ trước, tôi nóng lòng mong đợi cái tin này, và cứ nghĩ rằng tôi sẽ reo hò mừng rỡ. Vậy mà bây giờ tôi lại cảm thấy tê tái trong lòng. Hai chị em tôi im lặng một hồi lâu. Tôi đang ở Honolulu, em tôi ở bên kia ba đại dương. Cả hai chúng tôi cùng có nỗi buồn mất nước. Cuối cùng, tôi hỏi để cho có hỏi:

- Má với tụi cưng mạnh ha?

Hoà Bình cho biết là tất cả đã tới nơi bình yên. Má mong sớm được gặp con cái của má ở Hawaii. Tôi cho Hoà Bình rất có thể tất cả phải ở Guam một thời gian ngắn để lo thủ tục nhập cảnh. Em cho biết đã ra khỏi Sài gòn thì ở đâu cũng tốt, và chờ đợi bao lâu cũng không sao. Nhưng tôi nghe trong tiếng nói em chứa chất một điều gì mà em còn giấu kín trong lòng. Tôi hỏi thì em đáp:

- Em bỏ lại hết trơn chị Dung ơi!

Em tôi khóc. Tôi an ủi:

- Rồi mình sẽ có nhau.

Tôi không biết nói gì khác. Hoà Bình bật khóc nức nở.

- Mình mất Việt Nam vĩnh viễn rồi!

Tôi nghe được niềm đau đó, vì tôi cũng như em, khóc cho đất nước lọt vào tay con cháu bác Hồ. Tôi cũng biết má tôi còn đau hơn chị em tôi nhiều. Vì trong một buổi sáng má tôi đã bỏ Sài gòn hai mươi năm chờ đợi, ước mong ngày tái ngộ cùng chồng và người con trai đầu lòng của má. Không những thế, bà còn bỏ lỡ cơ hội gặp lại anh em ruột và các

cháu của bà. Họ trở về trong chiến thắng, trong khi bà phải vội vã chạy trốn cộng sản. Rồi từ nay, hàng tuần má tôi sẽ không còn có thể đi thăm mộ Hải Vân ở nghĩa trang quân đội được nữa. Trái tim tôi nghẹn ngào, cổ họng tôi khô rát, xót thương cho má. Những trong thâm tâm, tôi phải kính phục má là người can đảm ra đi.

Em tôi chết; chỉ trong một thời gian ngắn, má tôi già đến hai chục tuổi. Bây giờ bỏ lại mồ mả không thể viếng thăm được nữa, làm sao má tôi có thể sống vui được. Gia đình tôi ai cũng biết trước, rồi đây cộng sản sẽ làm gì mồ mả kẻ thù của họ.

Tin tức về Việt Nam đều là hung tin, nhưng chúng tôi vẫn thức khuya dậy sớm theo dõi từng giờ. Đêm đêm, vợ chồng tôi thường thức giấc nửa khuya, mở TV nghe tin một vài phút, rồi đi ngủ lại. Ai cũng

biết rằng hôm nay, ngày mai hay một vài tuần nữa, Sài gòn sẽ hoàn toàn thay đổi. Rồi Sài gòn sẽ mất những tên đường cũ, mất cả những tượng đài ghi nhớ công ơn các bậc anh hùng dân tộc. Lá cờ chính nghĩa của dân tộc Việt cũng sẽ không còn nữa. Rồi từ đây, người Việt Nam của tôi sẽ phải dùng ngôn ngữ của kẻ thù, thay vào đó là lá cờ đỏ sao vàng.

Có khi nằm trên giường tới hai giờ sáng mà tôi vẫn chưa ngủ được, suy nghĩ lan man đủ mọi chuyện có thể xảy ra sau khi miền Nam sụp đổ.

Năm ngày sau khi má và hai em tôi tới Guam, chúng tôi nhận được điện thoại của Hoà Bình lúc nửa đêm, báo tin má và hai em đã tới phi trường Honolulu, vợ chồng tôi vội vã thay quần áo, rồi gọi cho chị Cương, hẹn gặp nhau ở phi trường. Tội

nghiệp Lance, nửa đêm bị dựng dậy, nhưng nó còn tỉnh táo hơn cả tôi, nó reo lên:

- Sướng quá! Bà ngoại qua, con được ngủ với bà. Ngày mai được nghỉ học, phải không mommy?

Tôi cố nhịn cười hỏi:

- Bà ngoại qua có dính dáng gì tới việc đi học của con đâu mà đòi nghỉ học?

Nó vừa cầm đôi giầy sandale vừa chạy nhanh ra garage như để trốn tôi, rồi đáp:

- Tại mommy bắt Lance thức dậy nửa đêm, sáng mai Lance buồn ngủ lắm, sao đi học được!

Trong những ngày cuối cùng buồn thảm của Việt

Nam, nếu không có thằng con kháu khỉnh và thông minh này, chắc vợ chồng tôi chơi vơi lắm. Nhờ nó mà trong nhà vẫn có tiếng cười, nhất là những tiếng cười vô tư của tuổi thơ.

***

Khi đến phi trường, tôi thấy má và hai em tôi đang xếp hàng bên quầy của sở di trú. Má tôi trông già hẳn đi, già hơn hồi tháng 2 vừa qua tôi mới về ăn Tết. Hình như tất cả những đau thương, phiền muộn đã hiện lên mắt má. Tôi bỗng chột dạ, tự hỏi không biết tất cả những cố gắng của vợ chồng tôi từ mấy tuần nay để lo cho má qua Mỹ có phải là một việc làm đúng không? Tôi muốn ôm má tôi, nhưng nhân viên sở di trú ngăn lại. Chị Cương thì bật khóc khi vừa nhìn thấy má và hai đứa em. Trong khi đó, bọn con nít, như Lance, con chị

Cương Tina, Ten và Kenneth bất chấp nhân viên sở di trú, chui luồn xuống dưới để ôm bà ngoại và hai dì của chúng nó. Cả nhân viên sở di trú lẫn hải quan bất lực trước đám con nít, nên đã cho má và hai em đi ra một cách mau chóng, hành lý chỉ phải xét qua loa. Gọi là hành lý, chớ thật ra cũng chẳng có gì.

Ba cái va-li nhỏ xíu chỉ vỏn vẹn có mấy thứ như: hai bộ quân phục không quân của Hải Vân, một kaki, một mầu xanh, một cái nón, một cuốn tập vở của Hải Vân hồi em học lớp Đệ thất, có cả cuốn truyện "Cha con nghĩa nặng" của Hồ Biểu Chánh, mấy cuốn dậy nấu ăn, hình của ông bà ngoại tôi mà má lấy trên bàn thờ, một cây đàn guitar cũ của Hải Vân… Nhìn những đồ vật đó, tôi nghẹn ngào, tim tôi rã rời. Tôi ôm mặt để giấu tiếng khóc, rồi vội

bước ra khỏi đám đông. Chị Cương kêu tôi trở lại, nhưng John nói:

- Để cho Dung yên vài phút.

Tuy nói vậy, những John lại dìu tôi trở lại với má và hai em Hoà Bình và Minh Tâm. Tôi chỉ đứng cách má có vài bước, mà sao tôi thấy chân tôi nặng nề không bước nổi. Tôi không muốn chứng kiến nét đau đớn trên gương mặt già nua của má. Thật tôi cũng không biết nói gì với má, không lẽ hỏi thăm những câu tầm thường khách sáo. Mất nước, mất nhà, mất mồ mả cha mẹ. Tôi ôm lấy má, nhưng hai mẹ con không nói nên lời một hồi thật lâu… Rồi chúng tôi lên xe đi về nhà.

John và Wray, anh rể của chúng tôi, đi một xe. Còn tất cả chui vô ngồi chung một xe với má. Chỉ có

Minh Tâm ngồi băng trước với tôi, mọi người còn ngồi chồng lên nhau ở băng sau, Kenneth và Lance mỗi đứa ngồi một bên bà ngoại. Kenneth, lúc đó mới bốn tuổi, ôm cánh tay bà ngoại rồi nói:

- Ken mừng bà ngoại sống.

Hoà Bình khóc:

- Dì Bình cũng vậy nữa, Ken ơi!

Tôi nhìn má tôi qua kiếng chiếu hậu, rồi hỏi:

- Má à, mình có làm đúng không, má?

- Mình đâu còn con đường nào nữa, con. Má sẽ tự vẫn trước khi cộng sản hành hạ má. Ai cũng biết,

không ai có thể lọt khỏi bàn tay của cái đám Hà Nội khi họ chiếm được miền Nam của mình!

- Con nghĩ tới ba. - Tôi nói.

- Ba con có đảng của ông. Ông sẽ bình yên với Cách mạng của ông. - Má tôi trả lời, giọng buồn hiu.

Tôi nói:

- Mấy đêm con ngủ không được, cứ nghĩ tới ngày về của ba. Chắc ba đau khổ và thẹn thùng với họ lắm, vì khi về tới thì má đã đi rồi!

- Con dằn vặt lương tâm của con không trúng chỗ. Khốn nạn, mình phải bỏ đi. Tụi con tin má đi. Đây là một quyết định khôn ngoan nhứt trong gia đình

mình. Tốt cho má, cho tụi con; nhứt là cho ba của tụi con nữa. Nếu má ở lại, má sẽ tiếp tục chỉ trích, phê bình Chánh phủ của ông. Rồi có thể vì má, ba bị mất mặt, sẽ khó ăn khó nói với đảng, với đồng chí của ông, vì vợ con toàn là một đám chống cộng.

Từ hôm đó cho tới ngày Sài gòn rơi vào tay cộng sản, chúng tôi cùng ngồi dựa vào nhau trước cái TV mà ngậm đắng nuốt cay, cái đắng cay của người bị cướp nước. Mỗi chiếc trực thăng bị đẩy xuống biển từ các chiến hạm, là một lần tim chúng tôi tan nát, trực thăng gợi cho chúng tôi nhớ đến Hải Vân. Em yêu nó và đã từng lái nó. Nó chính là biểu tượng lòng yêu nước của em với ý chí diệt quân thù.

Khi tướng Nguyễn Cao Kỳ dang tay cho người lính Mỹ xét thân thể của ông, lần đầu tiên tôi nếm cái

đắng cay, nhục nhã của kẻ đưa hai tay đầu hàng. Tôi thầm tự hỏi: "Ở lại để chiến đấu đến cùng, hay ra đi rồi phải chịu nhục trước đồng minh của mình. Đàng nào hơn?". Rồi tôi tự đáp: "Danh dự của một con người, liêm sỉ vẫn quan trọng".

Tôi thao thức nhiều đêm, nghĩ hoài đến tương lai, đất nước sau khi cộng sản chiếm trọn miền Nam. Rồi tất cả mọi người sẽ phải sống dưới gọng kìm sắt máu của cộng sản. Tôi thầm hận "đồng minh" Mỹ. Lần đầu tiên, tôi cảm thấy nhục nhã đã làm công dân của một nước tháo chạy trước nguy cơ.

Bốn tuần sau ngày cuối cùng của Việt Nam, ông Bob Jantzen mời hai vợ chồng tôi đến sở của ông. Văn phòng của ông trong căn cứ hải quân ở Pearl Harbor. So với văn phòng của các sĩ quan cao cấp của John khác xa nhau, như một trời một vực, nhà

trải thảm dầy mầu cam sáng rực. Bàn ghế toàn bằng gỗ quý, chớ không phải bàn ghế kiểu nhà binh bằng sắt mầu xám. Trên bàn trong phòng tiếp khách có một bình bông tươi, chân dung bà Từ Hi thái hậu chiếm khoảng một phần ba bức tường.

Đây là lần đầu tiên ông Jantzen bắt tay John. Ông khen John đã thành công trong việc cứu má tôi. Rồi quay về phía tôi, ông nói thêm:

- Vợ anh cũng là người can đảm.

Tôi ngạc nhiên về lời khen này, vì có thấy mình can đảm đâu. Chẳng lẽ nói chuyện với một sĩ quan tình báo là hành động can đảm? Hay còn một cái gì nguy hiểm chờ đợi tôi đây? Tôi nghe những chuyện đường rừng thú vị do các chị bà con Việt Cộng kể

về tội ác của CIA. Tôi cũng đã đọc sách và tiểu thuyết về tình báo Mỹ v.v…

Sau vài lời thăm hỏi xã giao, ông Jantzen hỏi tôi có bằng lòng gặp "case officer" của CIA không? Kinh nghiệm của tôi lúc bấy giờ là sáu năm làm vợ một phi công đã từng vào sanh ra tử. Ngoài ra, tôi cũng có kinh nghiệm nuôi dưỡng thằng con chưa đầy sáu tuổi. Tôi hỏi ông về "case officer", ông cho biết đó là một sĩ quan có trách nhiệm cộng tác với một người thường dân hoạt động cho CIA; là một người gián điệp của CIA. Nghe xong tôi gật đầu đồng ý.

Hôm sau, vợ chồng tôi trở lại văn phòng ông Jantzen, tôi được giới thiệu với ông Robert Hall, gọi tắt là Rob. Ông Jantzen bỏ đi, để chúng tôi ở lại nói chuyện với nhau. Có điều tôi thắc mắc, là trước đây ông Jantzen cho biết ông Robert Hall là

“case offfcer” của CIA, bây giờ ông Robert Hall lại tự giới thiệu là thiếu tá không quân? Tôi sẽ tìm cách để hiểu rõ ông ra.

Sáng hôm sau, chúng tôi lại gặp nhau để tôi nói hết về gia đình tôi. Đến 12 giờ trưa thì ông đã rành về gia đình tôi hơn cả những người quen biết chúng tôi từ mấy chục năm này. Tôi cho ông biết về đời sống của ba tôi. Ông làm nghề dậy học, nhưng bí mật hoạt động chống Pháp, nên bị Tây đầy ra Côn Đảo. Sau khi Việt Minh cướp chính quyền, ông đi thẳng vô bưng, rồi trở thành tỉnh uỷ Cần Thơ. Anh vợ, em vợ của ông đều là đồng chí của ông. Sau đó tất cả cùng đi tập kết ra Bắc. Mãi mới đây tôi mới biết ông làm đại sứ của của Mặt trận giải phóng miền Nam tại Moscow. Tôi cũng cho ông Hall biết những ai là bạn chí thân, là đồng chí của ba tôi, gồm các “chú”, các “bác”: Lê Duẩn, Trường Chinh,

Lê Đức Thọ, Lê Đức Mai… và nhiều người khác nữa. Tôi nói nhanh khiến ông viết không kịp, nhưng tôi cứ tiếp tục nói. Tôi tưởng chỉ nói qua một lần là đủ, không ngờ ngày kế tiếp ông hỏi tôi nhiều câu ông đã từng hỏi hôm trước. Trí nhớ của ông thua tôi hay ông là cái máy dò sự thật? Dù sao tôi cũng không ngại, vì những điều tôi kể đều là sự thật. Chuyện gì không muốn cho CIA biết, tôi không nói ra. Tôi không dại gì mà nói không thật với những người này.

Tôi không muốn má tôi biết có sự đổi chác với CIA để má và hai em tôi được thoát khỏi Sài gòn, nên mấy ngày gặp ông Hall, tôi đưa má và hai em tôi sang nhà chị Cương ở Pearl City, để má và chị Cương tâm tình với nhau.

Sau nhiều ngày nói chuyện với ông Hall, tôi như

cuốn sách để ông lật trang nào cũng tìm thấy sự thật thà của một người không có kinh nghiệm đương đầu với CIA. Tôi chỉ biết ông có vợ và hai con, một gái, một trai. Ông là một trong những nhân viên CIA từng hoạt động tại Lào, Việt Nam và Cao Miên. Chúng tôi không còn khách sáo nữa, mà gọi nhau là Rob và Dung.

Cuối cùng, tôi cho Rob biết một điều quan trọng, mà không hỏi tới trong những buổi phỏng vấn: tôi hãnh diện làm con của một nhà cách mạng chống Pháp, nhưng tôi là người Việt Nam yêu nước, chưa bao giờ nối giáo cho giặc cộng sản Việt Cộng, và cũng sẽ không bao giờ phản bội dân tộc hay đất nước của tôi. Tôi cũng cho ông biết, tôi mang ơn CIA suốt đời, vì đã cứu má và em tôi. Những cũng không vì vậy mà tôi sẽ làm một điều gì có hại đến ba tôi và anh tôi. Ngoài ra, nếu làm gì hại cho cộng

sản để cứu người dân Việt Nam, tôi sẵn sàng phục vụ cho CIA, đến khi nào họ không cần tôi nữa. Rob hứa là ông giữ liên lạc; khi nào cần sẽ cho tôi biết. Ông cũng dặn tôi phải chuẩn bị sẵn sàng để có dịp thuận tiện bay tới Washington, D.C. dự một lớp "huấn luyện". Nhưng, qua mấy ngày họp với Rob, biết một điều: lời hứa vội vàng với trung tướng Gaylor trong những ngày hấp hối của Sài gòn đã như một định mệnh; chỉ trời mỗi thay đổi được hướng đi này.

Chương 31

Hàng trăm chuyến bay đưa người tỵ nạn từ các đảo Guam và Wakee lên các trại tỵ nạn trên đất liền, đều phải ghé Hawaii để làm thủ tục nhập cảnh. Sau

khi Rob rời Honolulu, tôi ghi tên tình nguyện cho Hội Hồng Thập Tự để ra phi trường giúp đồng bào chạy giặc. Tôi đã ngồi ở phi trường từ sáng tới chiều. Có nhiều hôm, thiếu thông dịch viên buổi tối cho nhân viên Sở di trú, tôi sẵn sàng ở lại để giúp đỡ họ. Cứ như vậy cả mấy tuần liền, khiến tôi buồn ngủ rã rời cả người. Thỉnh thoảng, tôi phải vô văn phòng của nhân viên Hồng Thập Tự, ngồi xuống đất, dựa lưng vô vách chợp mắt độ 5, 10 phút, rồi lại phải trở ra làm việc. Tôi không muốn bỏ rơi những người tỵ nạn lạc lõng, bơ vơ. Vì không rành tiếng Mỹ, nhiều người như câm, như điếc. Trong khi đó, nhân viên sở ngoại kiều tưởng nói lớn thì đồng bào của tôi sẽ hiểu. Có bà tay bồng con, chẳng có hành lý gì, mà cũng không biết chồng ở đâu, kẹt lại hay đã thoát nạn rồi. Lại có những sĩ quan không quân hớt ha hớt hải đi tìm vợ con. Một số trẻ em được các chiêu đãi viên hàng không dẫn

xuống máy bay, ngơ ngác vì lạc mất cha mẹ, chị em. Có một thằng bé chừng bảy tuổi, ngẩn ngơ như người mất hồn; tôi dẫn em đi tắm, rồi cho em ăn. Khi đã hơi tỉnh táo, em hỏi tôi: "Rồi con đi đâu?". Tim tôi đau nhói. Tôi cũng không biết dân tộc của tôi sẽ đi về đâu! Không biết trả lời em, tôi hỏi lại: "Cưng muốn đi đâu?". Em đáp: "Con muốn tìm má con". Tôi dẫn em lên máy bay để em vô đất liền với trăm ngàn người lạc mẹ, lạc cha, mất chồng, mất vợ, mất cả đất nước.

Có một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, cầm cặp Samsonite nặng trĩu. Khi ông mở cặp cho nhân viên hải quan xét, những người đứng gần đều trố mắt nhìn. Cái Samsonite đầy ắp Mỹ kim. Người chủ của đống tiền ngượng ngập nhờ tôi thông dịch: "Số tiền này của nhiều người bên đảo nhờ tôi giữ hộ, vì họ là đàn bà chân yếu tay mềm không dám giữ tiền trong người, sợ bị cướp giật". Tôi thông

dịch rồi nói thêm: “Chắc cha này tưởng tui mới mới đẻ ngày hôm qua”. Ông bị giữ lại, không được vào đất liền ngày hôm đó. Còn biết bao nhiêu cảnh trái ngang trong hàng vạn người đi tỵ nạn. Tôi cắm đầu phục vụ, bỏ qua những chướng tai gai mắt của những người Việt mà tôi cho là không đáng được đến bờ tự do.

Không phải chỉ một mình tôi giúp những người di tản, mà gia đình tôi xúm vào, mỗi người một tay. John đăng trên báo Honolulu Star Bulletin để xin quần áo cho người tỵ nạn. Lúc đầu chúng tôi tưởng là chuyện nhỏ, ai ngờ hưởng ứng nồng nhiệt khiến chúng tôi bận túi bụi. Chúng tôi không thể vừa trả lời điện thoại, vừa đến nhà những người hảo tâm để lấy quần áo, lại vừa phải chờ người ta mang đến tận nhà. Mấy hôm sau, vì đã có kinh nghiệm, chúng tôi đổi chiến lược. John sai mấy người lính để một cái

thùng, để trước đài khí tượng ở Honolulu cho người ta bỏ quần áo, giầy dép vô đó. Mỗi ngày tan sở, John ghé lấy quần áo đem về nhà. Ở nhà, má và các em lựa quần áo xếp theo từng loại đàn bà, đàn ông, trẻ em… Giầy dép cũng được phân loại. Có điều rất cảm động, là có nhiều quần áo, giầy dép mới toanh, còn nhãn hiệu. John và nhiều người hàng xóm của chúng tôi sốt sắng chở lên phi trường hết ngày này qua ngày khác, cho đến khi hết người tỵ nạn ghé phi trường Honolulu và Hickam.

Tinh thần của những người tỵ nạn có lẽ giống nhau. Được thoát nạn cộng sản, tới được bờ tự do, khó mà đo lường được vui mừng đó. Nhưng khi nỗi vui mừng lắng đọng, niềm vui trở thành dĩ vãng, thì hiện tại là một mối lo lớn. Rồi sẽ đi đâu, làm gì trên đất lạ này? Mấy tuần qua, tôi ở phi trường với người tỵ nạn nhiều hơn ở nhà. Ngày ngày, tôi chia

sẽ niềm đau với người tỵ nạn. Tôi khóc với người mất nước, chia sẽ với người bị lạc mất gia đình. Tôi thấm thía nỗi đắng cay với người bị đồng minh phản bội. Tôi thấy thân tôi chia ra thành nhiều mảnh, không mảnh nào trọn vẹn cho ai hết. Mảnh cho John thì nhỏ xíu, cho Lance còn nhỏ hơn nữa. Phần đành cho má cũng không nhiều, cho Minh Tâm thì chẳng được bao nhiêu. Hoà Bình tháo vát, tự lập, nên em rời Hawaii mà bay qua Atlanta định cư với chị Kim. Chị Cương cho tôi nhiều hơn là nhận của tôi. Chị cho tôi sự ân cần, sự cảm thông. Thỉnh thoảng chị hỏi:

- Cưng có OK không, Dung? Chị biết cưng đau lắm; chị chịu không nổi như cưng. Nên chị đành ở nhà xếp quần áo cho họ thôi. Thông cảm cho chị nhen!

Làm sao tôi có thể "OK" được, nhưng tôi phải gật đầu. Chớ tôi cần tình thương của chị.

Mấy tuần đó tôi cũng quên mất ông Robert Hall, người của CIA từ Washington, D.C. qua, tìm hiểu mọi chi tiết về gia đình tôi. Rồi bỏ đi biệt tăm.

Một buổi sáng, tôi vừa về tới nhà, sửa soạn đi ngủ sau 16 tiếng đồng hồ ở phi trường Hickam, làm đủ mọi thứ việc để giúp người tỵ nạn, thì Rob Hall gọi, cho hay ông vừa đi công tác vùng Á châu về. Ông ghé qua Hawaii, vì ông có một tin đáng chú ý mới chia sẻ với tôi. Thật ra, giờ phút đó đối với tôi, không có gì đáng chú ý bằng giấc ngủ, nên tôi hẹn Rob đến chiều mới gặp ông. Tôi bỏ điện thoại ra ngoài để được ngủ yên. Má tôi trông Lance giùm tôi.

Buổi chiều, Rob tới nhà tôi, đưa cho tôi tờ Japan Times xuất bản ngày hôm trước. Tôi chỉ liếc qua, rồi cảm ơn ông, và hứa sẽ đọc sau. Nhưng ông cười:

- Hãy coi trang bốn, vì tôi nghĩ bà sẽ phải đọc liền bây giờ.

Bên tay mặt của trang bốn, tôi thấy có tựa đề: "*Nhóm Hà Nội, Sài gòn tham gia Hội nghị chống bom nguyên tử*". Tôi nhún vai, nói:

- Tôi là người yêu chuộng hoà bình, nên tôi tán thành những người biểu tinh chống chiến tranh.

Tôi vừa nói vừa xếp tờ báo lại. Rob ra dấu cho tôi tiếp tục đọc.

"Độ chừng 80 phái đoàn từ 21 quốc gia sẽ tham dự cuộc biểu tình chống bom nguyên tử, do Hội đồng Nhật Bản chống bom nguyên tử tổ chức hàng năm tại Hiroshima và các tỉnh lân cận vào ngày 5 tháng 8, 1975.

Trong đó có năm hội viên của phái đoàn Hà Nội và bốn người trong phái đoàn của Chánh phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Đây là lần đầu tiên hai phái đoàn từ Hà Nội và miền Nam Việt Nam cùng tham gia cuộc biểu tinh chống bom nguyên tử. Trưởng phái đoàn Hà Nội, ông Phạm Xuân Oánh, sẽ tới Tokyo vào ngày 27 tháng 7 qua ngả Bắc Kinh. Trưởng phái đoàn miền Nam do ông Đặng Quang Minh, uỷ viên trung ương Mặt trận giải phóng miền Nam…

Đọc tới đây tôi ngừng lại, hốt hoảng la lên:

- Ông này là ba tôi! Đúng là ba tôi rồi! Tôi phải đi Nhật gặp ba tôi mới được!

Ước sức lúc ấy tôi có thể leo lên nóc nhà để reo mừng, tôi cũng dám leo ngay.

Tôi cố bình tĩnh lại để tiếp tục đọc bài báo, tim tôi đập mạnh, hai lòng bàn tay tôi đổ mồ hôi.

"... sẽ tới Tokyo vào ngày 26 tháng 7 qua ngả Moscow. Ngoài ra. còn có phái đoàn Mỹ gồm 10 người, trong đó có điêu khắc gia Ethel Taylor hội viên của tổ chức "Phụ nữ đấu tranh cho hoà bình" và Sean McBride. người được giải thưởng Nobel năm 1974".

Sau khi ông Hall ra về tôi vô phòng gặp má tôi để cho bà biết tin ba tôi sắp sang Nhật. Tôi cũng ngỏ ý

là tôi sẵn sàng cùng Lance sang Nhật gặp ba tôi. Tôi rất tiếc là má tôi không thể đi cùng, một phần vì giấy tờ của má cũng chưa ổn định. Bà chưa có thẻ xanh. Một phần tôi cũng không đủ tiền cho ba người cùng đi.

Ước gi tôi có cách giữ được nụ cười của má trong cái bình pha lê để qua Nhựt cho ba tôi. Đó là nụ cười sau khi bà thấy tên ba tôi trong tờ báo. Nhưng má tôi cứ vẫn lo lắng khi tôi bàn đến cuộc hành trình của mẹ con tôi. Má tôi nắm lấy hai bàn tay tôi, như muốn kéo tôi ra khỏi giấc mơ đoàn tụ, mà suốt hai mươi năm qua gia đình tôi chưa tỉnh. Bà ôn tồn nói:

- Con phải chờ John về để tính toán kỹ càng. Hai mẹ con mình không nên tự tung tự tác rồi hư chuyện. Con phải nhớ, nó là sĩ quan của Hải quân

Mỹ. Ba con là người của họ. Chánh phủ Mỹ mới cho má qua đây tỵ nạn, rồi bây giờ con lại đi gặp một ông kẹ của Việt Cộng. Không có giản dị như gia đình người khác đâu, con.

Nghe tới đây thì tôi ngỡ ngàng, vì má tôi không biết gì về Rob, tưởng ông ấy là bạn của John. Nhưng tôi như một đứa con nít đòi đi gặp ba, tôi nói:

- Ba của con, con muốn gặp thì gặp, đâu cần xin phép ai?

Má tôi bèn nắm chặt tay tôi hơn, rồi nhìn thẳng vào mắt tôi, nghiêm giọng nói:

- Hồi đó tới giờ, má biết con thương ba con tới chừng nào rồi. Má nghĩ là không có cái gì ngăn

cách tình cha con của con được. Nhưng con đừng có quên, ba con không phải là người cha bình thường như trăm ngàn người cha khác. Con phải chờ John đi công tác về rồi bàn tính với nó”.

Hai giờ sáng hôm sau, tôi vô căn cứ hải quân ở Barbers Point để rước John về. Thấy anh vừa bước ra khỏi máy bay P-3 Orion,, tôi đã muốn báo tin mừng ngay, nhưng anh ngừng lại để nói chuyện với những người bảo trì máy bay. Mỗi lần John trở về sau những chuyến bay xa, khi thấy anh bước ra khỏi máy bay còn nguyên vẹn, dù lúc đó là 2, 3 giờ sáng, tôi vẫn thấy như có ánh hồng ló dạng nơi chân trời. Những năm John đóng ở căn cứ hải quân Barbers Point, Lance còn nhỏ xíu. Thỉnh thoảng đi học về, nó kể lại chuyện ở trường, đám con của mấy ông phi công nói với nhau rằng, ba thằng này bị rớt máy bay, ba thằng kia sẽ được về đất liền

chôn cất. Tôi cố trấn an nó, nhung trong lòng không khỏi lo âu mỗi lần thấy John bước lên máy bay. Còn Lance thì nhiều khi chơi một mình ngoài sân rồi oà lên khóc, tôi tưởng nó bị ong đánh hay kiến cắn, chạy ra hỏi tại sao thì thằng nhỏ vừa khóc vừa nói "Lance không muốn Daddy chết!".

Tôi cho John biết về chuyện ba tôi sẽ sang Nhựt, và tôi muốn Lance sang gặp ba tôi. Anh tán thành ngay, vì anh muốn cho Lance được gặp ông ngoại.
Sáng đó, khi John còn ngủ, tôi đã mua vé máy bay, rồi gọi điện thoại cho lãnh sự quán của Nhựt để xin chiếu khán. Đến trưa, thì mọi việc xong xuôi, tôi đã có vé máy bay và cả chiếu khán.

Buổi chiều tôi hối hả xếp va-li. Tôi muốn tới Tokyo vài ngày trước khi khai mạc hội nghị để quen đường đi nước bước với cái thành phố mà tôi

chưa bao giờ đặt chân tới. Thêm vào đó, tôi không biết một tiếng Nhựt nào ngoài tiếng chào tạm biệt "Sayonara". Chị Cương viết thơ cho ba, kèm tấm hình của vợ chồng chị. Mấy đứa con chị, Tina, Ten và Kenneth gởi mấy món quà thủ công mà các cháu làm trong trường để tặng ông ngoại. Mỗi cháu viết tên, tuổi, ghi rõ ràng lớp các cháu đang học: Tina lớp Hai, Teri lớp Một và Kenneth lớp mẫu giáo; và viết thêm chữ "I love you, Ông ngoại". Các cháu cũng gửi kèm mỗi đứa một tấm hình mới nhất. Trước ngày tôi lên đường, má thức rất khuya để viết thơ cho ba. Trong thơ, má chỉ gửi kèm hình Minh Tâm, Hoà Bình và Hải Vân.

Vì Lance còn nhỏ, nên tôi và cháu được lên máy bay trước các hành khách khác. Nhưng mỗi bước đi, tôi thấy nặng nề như vương vấn người ở lại. Rob đi cùng một chuyến máy bay với chúng tôi,

nhưng tôi và Rob đã dặn nhau là sẽ không nhận nhau trên máy bay. Sau khi máy bay cất cánh. Lance được tự do vì không còn phải đeo seat belt nữa. Nó đi một vòng rồi nói với tôi:

- Momma, Lance thấy ông Rob ngồi đằng sau mình kia.

Tôi vội dặn nó:

- Đừng làm phiền ông, để ông ngủ.

Thỉnh thoảng Lance đứng lên ghế nhìn xuống phía sau, rồi yên lặng ngồi xuống. Khi máy bay đã bay được nửa đường, Lance nói nhỏ:

- Lance nghi ông Rob theo dõi mình.

Tôi cười thầm, không nói gì, rồi giả bộ nhắm mắt ngủ. Lòng tôi lúc đó náo nức, rộn ràng nghĩ đến ngày được gặp lại ba tôi nếu mọi việc suông sẽ.

Ba tôi đã bỏ tôi và cả gia đình để đi theo một chủ nghĩa, mà khi tôi lớn lên với dân tộc và đất nước, thì hiểu rằng chủ nghĩa này trái lòng dân, nghịch ý trời. Suốt tuổi ấu thơ, tôi đã ngưỡng mộ ba tôi, coi ông như một thần tượng. Ngày nay, tôi là người đàn bà đã trưởng thành, hai người hai chiến tuyến, nhưng dù thế nào tôi cũng muốn gặp lại người cha, với ước mơ ba mình vẫn như xưa.

Tôi nhớ, má tôi hay lấy câu nói của nhà văn kiêm nhà giáo Nguyễn Bá Học ở đầu thế kỷ 20 mà khuyên chúng tôi như sau "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi, e sông". Tôi đã đi tới Tokyo thì kể như từ

đây không còn núi sông nào ngăn cách hai cha con tôi nữa, mà chỉ còn những chặng đường quanh co. Ý muốn gặp ba tôi mạnh hơn tất cả những gì nguy hiểm trong cái thế giới gián điệp mà Rob nhiều lần nhắc nhở phải cẩn thận. Ông sợ tôi bị KGB theo dõi, sợ phản gián Nhựt rình mò, rồi bắt tôi. Trong khi đó, tôi ngây thơ hỏi:

- Tại sao con đi tìm cha sau 20 năm xa cách, mà mọi người theo dõi, rình mò để bắt?

Rob trả lời ngày:

- Bởi vì người cha này là đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam tại Moscow, và người con gái này cách đây gần hai tháng đã ký giấy hợp tác với một cơ quan tình báo không thua gì KGB.

Sự thật này đắng cay quá, những nó là sự thật. Từ đó, tôi bắt đầu cẩn thận, dè dặt hơn trong việc liên lạc với Rob.

Tại Tokyo, tôi không biết bao giờ phái đoàn của Mặt trận giải phóng miền Nam sẽ tới Tokyo, và cũng không biết họ sẽ ở đâu. Rob cũng không hơn gì tôi, ông và CIA ở toà đại sứ Mỹ cũng không có tin tức gì.

Trước khi tôi lên đường, John đã dặn dò kỹ lưỡng: khi tới Tokyo, tôi phải ở Sanyo Hotel, vì khách sạn này là khách sạn của hải quân Mỹ. Ở đây đã an ninh, mà tiền phòng chỉ bằng nửa các khách sạn lớn như Sheraton hay Hyatt Regency. Ở đây lại có tính cách gia đình. Nếu phải ở Tokyo lâu, Lance cũng có con nít Mỹ để chơi. Nếu cần, khách sạn này lại có người trông trẻ em. Mấy ngày đầu, hai mẹ con

tôi còn lạ lẫm với thành phố Tokyo, ồn ào, phố phường người đông như kiến, đi xe điện như đi chạy đua mới lên xe được. Vì vậy, hai mẹ con tôi ít ra đường, chỉ ngồi trong khách sạn dò hết mấy trang báo để tìm tin ba tôi, cả báo sáng lẫn báo chiều. Ngày nào cũng dài vô tận. Thêm vào đó, tháng 7 trời Tokyo oi bức hơn Sài gòn. Rạp chiếu bóng trong khách sạn chỉ có hai phim hoạt hoạ. Tôi đã coi The Pink Panther ba lần, và Ronald Duck hai lần. Khi Lance chán xi-nê thì đòi ra hồ tắm. Tôi vừa đọc báo để tìm tin ba tôi vừa trong chừng Lance dưới hồ chơi giỡn với con nít khác.

Trưa thứ hai, 28 tháng 7, CIA tìm được lộ trình của ba tôi. Rob cho tôi biết là phái đoàn của Mặt trận giải phóng miền Nam sẽ tới Tokyo ngày 30 tháng 8, và có thể họ sẽ ở khách sạn Prince. Rob nói người của ông ở toà đại sứ Mỹ sẽ cho tôi biết ngày

giờ nào tôi được liên lạc với ba tôi; lúc đó tôi mới được phép đi tìm. Tôi im lặng nghe, và cũng không tỏ vẻ bất bình. Nhưng trong bụng, tôi đã có một chương trình riêng. Khi tôi hành động, chỉ có ông trời mới cản được tôi lúc này.

Tôi thay quần áo cho Lance, rồi hai mẹ con tôi lên xe đi thẳng tới khách sạn Prince, không một chút do dự. Khi taxi ngừng, tôi nắm tay Lance khoan thai đi thẳng vô cửa, tới gặp cô Nhựt ngồi sau quầy tiếp khách. Tôi nói chậm rãi cho cô biết tôi muốn đặt 15 phòng cho nhóm của tôi ngày hôm đó, cho đến ngày 15 tháng 8. Người đàn bà Nhựt nhìn vào sổ, rồi lịch sự trả lời:

- Thưa bà, chúng tôi rất tiếc là không còn phòng trống đến ngày 15 tháng 8.

Hồi còn đi học, tôi thưởng nói chơi với bạn bè rằng ông trời cho tôi giác quan thứ sáu, để biết chừng nào thầy cô kêu trả bài. Cái giác quan thứ sáu đó vẫn còn tốt, nên hôm này tôi cứ tới đây là nơi hai cha con tôi sẽ gặp nhau.

Tôi cảm ơn người đàn bà Nhựt, rồi xin một tấm danh thiệp hẹn sẽ gọi lại. Tôi đi về phía cửa mấy bước, chợt quay lại hỏi phòng vệ sinh ở chỗ nào. Tôi muốn làm quen với khung cảnh ở đây, để lần sau trở lại không bị bỡ ngỡ. Lúc đó, tôi có thể đi thẳng lên phòng của ba tôi như một người khách đang trọ nơi đây, để không bị ai chặn hỏi, nhứt là những người giữ an ninh cho các phái đoàn.

Khi đã biết sơ đường đi nước bước trong khách sạn, mẹ con tôi ra về. Tới đường chính, tôi chợt trông thấy một khách sạn lớn hơn ở gần đó, sang

trọng hơn Prince. Tôi liền dắt Lance đi về phía khách sạn tên là Takanawa Prince Hotel. Ngay lúc đó, tôi nghĩ nếu tôi ở khách sạn này, tôi sẽ được gần ba tôi, lại rộng rãi sang trọng hơn khách sạn Sanyo. Mấy hôm này,. Lance tỏ vẻ khó chịu vì nóng bức và chật hẹp. Nếu chỉ có một mình tôi, ở đâu cũng được, vì tôi đã ở trong rừng U Minh một năm rồi, tất cả chỉ là tạm bợ mà thôi. Nhưng tôi đang nuôi thằng Mỹ con, sợ chán mà đòi về nhà với ba nó thì khó cho tôi lắm. Thân phận con của một nhà cách mạng chống Pháp thua xa đứa bé con của sĩ quan Mỹ.

Hai mẹ con tôi dọn đến ở khách sạn Takanawa Prince ngay chiều hôm đó. Phòng ngủ ở đây thật rộng, giường ngủ lớn, mặc sức cho Lance nhảy nhót trên giường. Nhảy chán rồi nằm lăn quay ra. Nhìn nó ngủ một cách vô tư, tôi nhớ lại hồi chúng

tôi còn ở trong bưng biền. Tôi cũng năm tuổi như nó bây giờ. Tây bỏ bom xuống Ong Vèo tơi tả. Ba tôi hăng hái đánh Tây. Con tôi cũng năm tuổi, được nằm ngủ, mặt ngây thơ không một chút lo âu. Qua cửa phòng, tôi có thể nhìn thấy khách sạn Prince, nơi tôi sẽ được gặp ba tôi, người đã góp công "giải phóng" quê hương tôi. Bỗng dưng tôi thấy công của ba tôi là công dã tràng, vì người miền Nam chúng tôi đang cần một cuộc cách mạng khác, để thoát khỏi nanh vuốt của cộng sản Hà Nội.

Trong những giờ phút chờ đợi để được gặp ba tôi, tình phụ tử, nỗi nhớ nhung hoà với kỷ niệm mà tôi đã từng ấp ủ trong đời với ba và gia đình bỗng dưng nhẹ hơn tình yêu tôi dành cho quê hương và cho dân tộc. Rồi tôi cảm thấy tội nghiệp ba tôi và đất nước vô cùng. Trong khoảnh khắc, tôi không thấy chuyện gặp ba tôi là cần thiết nữa.

Ngày 30 tháng 8, báo Japan Times đăng hình ba tôi tươi cười, hớn hở bước xuống máy bay. Cùng đi với phái đoàn, có bà Ngô Bá Thành, cầm cờ Mặt trận giải phóng miền Nam tung bay trước gió. Tôi nhìn hình này một hồi lâu, rồi thấy mình xa lạ với người trong hình. Tuy vậy, tôi vẫn vui khi thấy ba tôi còn tráng kiện, mái tóc vẫn chải qua một bên như hồi tôi còn nhỏ. Nụ cười thân thiện, đưa hàm răng hô ra trước, như ngày xưa ông cười với người chèo ghe, với các đồng chí và với những người trong làng.

Sau khi ăn điểm tâm, tôi và Lance vừa về phòng thì ông sĩ quan CIA đã gõ cửa. Rob tươi cười khoe bài báo của Japan Times với tôi. Lance nhanh nhảu cầm tờ báo của tôi, rồi nói:

- Look Rob, my ông ngoại is in the paper. We are

going to see him, my Mom said.

Như diều mất gió, mặt Rob bí xị, ông tưởng ông đem tin lành đến cho hai mẹ con tôi, nào ngờ chúng tôi đã biết trước. Ông nghiêm giọng nói với cháu Lance:

- 1 don't think it's a good idea.

- Why not?

- Because your ông ngoại may be tired.

- Not too tired to see his grandson. - Lance trả lời một cách tự nhiên, vô tư.

Buổi trưa hôm đó tôi đứng ngồi không yên, chỉ sợ mình nóng nảy rầy oan con. Tôi dụ dỗ cho nó ngủ

trưa để “mau lớn”, khi đó sẽ được thưởng một chai nước ngọt trong tủ lạnh.

Cầm tám thiệp có số diện thoại của Prince Hotel, tay tôi run, cổ khô, miệng đắng. Tôi nghe tim đập mạnh trong lòng ngực. Tôi chợt nghĩ tới má tôi. Bà đã vượt qua biết bao nhiêu khó khăn trong cuộc đời, dầu có nhiều thời gian hay hoàn cảnh do dự hay rụt rè. Đời của chúng tôi trôi nhanh như thác lũ, khôn sống, dại thì chết. Hồi ba tôi chuẩn bị đi tập kết, chỉ có một tháng để sửa soạn. Má tôi đã quyết định ở lại miền Nam. Như vậy, chúng tôi đã được sống trong tự do. Hình ảnh của má tôi làm tôi thêm sức mạnh.

Tôi cầm điện thoại lên, gọi Prince hotel. Với một giọng nghiêm chỉnh và nhanh, tôi nói với nhân viên trực của khách sạn:

- Tên tôi là Trần, nhờ cô gọi phòng của ông Minh giùm.
Bên kia đầu dây, một người đàn bà Nhật lịch sự trả lời:

- Xin bà đánh vần tên của ông ấy.

- M.I.N.H, còn họ là D.A.N.G.

Trong hơn hai phút chờ đợi, kể cũng hai lâu, tôi bỗng có nghi ngờ. Có thật người đàn bà Nhựt đang tìm phòng của ba tôi hay bà báo với sở phản gián Nhựt tới bắt mình? Hay đặt máy cài nghe lén cuộc nói chuyện của mình với ba? Hay là họ sẽ tìm cách ngăn cản mình, không cho vô khách sạn? Vừa hồi hộp vừa nóng lòng, tôi tự nhủ thầm:

- Trời ơi, nếu mỗi lần muốn nói chuyện với ba mà phải chờ như vậy, chỉ vài lần là mình bạc hết đầu luôn.

Nhưng vừa lúc đó, nữ nhân viên khách sạn trả lời:
- Phòng của ông Minh là phòng 421, xin bà ghi nhớ. Tôi sẽ gọi cho bà ngay bây giờ.

Điện thoại tiếp tục reo, nhưng không ai trả lời.

Tôi cùng hơi rnừng là ba tôi không trả lời điện thoại lúc đó vì trong bụng tôi chen lẫn những hồi hộp, lo âu, sợ hãi. Sợ không biết bức tường của không gian, thời gian, chính kiến nó cao bao nhiêu trong lòng người cha cộng sản của mình, tôi cũng không còn sức để bình tĩnh nữa. Tôi vừa hồi hộp vừa lo sợ, vì không biết phải an ủi ba tôi như thế nào. Lỡ ba không muốn gặp tôi thì sao?

Chiều hôm đó, hai mẹ con tôi không được vui vẻ. Tôi cau có, gắt gỏng với Lance. Hai mẹ con buồn hiu. Một lát sau, tắt TV, Lance hỏi tôi:

- Tại sao Daddy đi bay về Lance vui lắm, còn Mommy được gặp ba mà quạu với Lance nhiều quá vậy?

Hồi nhỏ nói được được tiếng Việt, mà tiếng “quạu” của nó có nghĩa là ghét, không ưa, không thích, bị rầy, bực mình.

Tôi xin lỗi Lance. Thằng nhỏ trả lời y như chúng tôi trả lời nó:

- I forgive you.

Rồi vui vẻ lại như thường. Tôi yêu cái tính vị tha

của nó. Lớn lên cũng vậy, cũng vị tha, cũng gần gũi, yêu thương cha mẹ, binh người yếu đuối.

Chiều đó, tới phiên Lance chọn ăn trong phòng, vừa được ăn, vừa coi TV. Sau đó, tôi đọc sách dỗ cho Lance ngủ. Nhìn đồng hồ, tôi nghĩ nên chờ cho ba tôi về phòng nghỉ mệt một lát, sau một ngày hội họp, rồi mới gọi. 9 giờ 30, con tôi ngủ, tôi rón rén đóng cửa phòng, rồi đi ra ngoài phòng khác, nhắc điện thoại gọi khách sạn Prince. Kỳ này tôi gọi thẳng về phòng 421 không qua máy tổng đài.

Chương 32

Tôi nghe từ đầy dây bên kia có tiếng trả lời:

- Allo!

Giọng nói nửa Pháp nửa Anh, nhưng tôi biết ngay là ba tôi, dù đã hơn hai mươi năm chưa một lần tiếp xúc. Tôi nghĩ xốn xang, nghẹn ngào, chỉ muốn kêu lên thật lớn: “Ba ơi! Con đây”. Nhưng tôi có nén xúc động để bình tĩnh, kính cẩn hỏi:

- Thưa ông, có phải ông là Đại sứ Minh không?

- Phải, tôi là đại sứ Minh. Ai gọi tôi đây?

Giọng ba tôi trong, pha lẫn tiếng cười nên còn rất trẻ. Tôi thêm:

- Thưa, có phải trước năm 1954, ông là tỉnh uỷ Cần Thơ không? Tên thiệt của ông là Đặng Văn Quang? Lần này, tôi nghe một tiếng cười nổi lên trong điện thoại tưởng tượng ra hàm răng trắng tươi của ba tôi.

- Đúng rồi. Bây giờ cô phải nói, làm sao cô biết rõ tôi vậy?

- Hồi đó cháu ở Biên Hoà, gần hãng cưa Tân Mai. Cháu cô Bảy Khuê.

- Cô ấy là em ruột tôi! Vậy, cô có phải là một trong những sinh viên Việt Nam sáng nay ra phi trường đón phái đoàn của chúng tôi không?

Đến đây, tôi chịu hết nổi vì quá xúc động. Tôi nghẹn ngào kêu lên:

- Ba ơi, con đây, ba. Con là Mỹ Dung, con gái của ba nè.

Bên kia đầu dây bỗng im lặng như tờ. Tôi có cảm

tưởng ba tôi quá xúc động vì bị bất ngờ đến ngừng tim, nên tôi hốt hoảng nói:

- Ba, ba còn đó không? Ba có làm sao không?

Tôi nghe có tiếng động mạnh như tiếng máy điện thoại rơi xuống bàn, hay xuống sàn. Tôi càng hoảng sợ hơn, vì tưởng ba tôi té xỉu. Nhưng tôi chưa biết nên phản ứng ra sao, thì bên kia đầu dây có tiếng của ba tôi:

- Trời ơi! Con gái của ba.

Tôi lại giữ im lặng. Sự im lặng lần này lâu hơn, những tôi biết ba tôi không đứt tim đến té xỉu, vì tôi nghe có tiếng khóc. Tôi nghẹn ngào chờ đợi.
Rụt rè, tôi hỏi:

- Mình nói chuyện trong điện thoại được không, ba?

Tôi biết cộng sản luôn luôn rình rập đảng viên của họ. Đảng đã nghe trộm ông Hồ Chí Minh, thì tha gì ba tôi.

- Không, con à. Mình không nên nói nhiều trong điện thoại. - Ba tôi chậm rãi trả lời - Sao con biết ba ở đây vậy con?

Tên của ba trên báo Japan Times. Hình của ba trên hết báo Nhựt. - Tôi đáp với một vẻ tự hào.

- Con ơi, ba rất sung sướng được nghe tiếng con gái của ba! - Ba tôi ngập ngừng, không nói tiếp. Tôi vội hỏi:

- Con tới gặp ba bây giờ được không? Con biết đã khuya lắm rồi!

- Con đi với ai? - Ba tôi hỏi bằng một giọng nghiêm nghị.

- Con đi với thằng nhỏ của con. Mà bây giờ nó đang ngủ. Con sẽ kêu người giữ nó!

- Chỗ lạ mà con có thể tin người ta giữ con cho con sao?

Tôi vui vẻ trấn an ba tôi:

- Ông ngoại đừng lo. Con sẽ gọi người giữ trẻ trong khách sạn trông chừng cháu của ông.

Ba tôi căn dặn:

- Cứ đi thẳng lên phòng của ba, đừng ghé quầy tiếp khách, cẩn thận nhìn trước ngó sau, khi lên thang máy đến phòng của ba.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý là vẫn giữ lý lịch giả. Nếu tình cờ gặp ai trong phái đoàn, thì tôi là một sinh viên Việt Nam ở Nhựt vừa tới thăm người đại diện của Việt Nam. Cách che giấu này cũng hợp lý, vì chỉ có Việt kiều yêu nước hay gián điệp của Việt Cộng mới dám tới gặp ông đại sứ vào cái giờ khuya khoắt này. Tôi không phải Việt kiều Yêu Nước mà cũng không phải là gián điệp Việt Cộng, nhưng nếu tôi phải hoá trang với bộ râu để biến thành Hồ Chí Minh mà được gặp ba tôi lúc bấy giờ, thì tôi cũng phải hạ mình làm thôi.

Tôi để nhẹ điện thoại xuống, như sợ đặt mạnh quá thì ba tôi biến mất. Thương cho người chồng,

người cha cô đơn. Mà cũng thương cho người làm cách mạng, mà chính bản thân ông, cũng chưa được tự do, khi đảng của ông đã "giải phóng miền Nam"


Đại sứ Đặng Quang Minh (tên thật Đặng Văn Quang) tại sân bay Vnukovo, Moscow

Một người đàn bà Nhựt có nhiệm vụ trông chừng Lance, tới phòng tôi trong bộ y phục mầu trắng. Bà trông gọn gàng, vui vẻ rất lịch sự, nhã nhặn. Nhìn Lance ngủ say, bà gật đầu rồi mở của cho tôi đi.

Ngồi trong taxi trên đường đến khách sạn Prince, tôi suy nghĩ liên miên. Tôi sẽ gặp lại ba tôi sau hơn hai mươi năm xa cách. Rồi cùng một lúc, tôi cũng sẽ gặp một chánh trị gia đại diện cho chánh phủ mà trong thâm tâm tôi vẫn coi là những người cướp nước tôi. Nhưng mặt khác, tôi lại ước mong ba tôi sẽ là ngọn đèn leo lét cho một niềm hy vọng; hy vọng cho một Việt Nam tự do, thái bình, và người dân được no ấm, hạnh phúc.

Ra khỏi taxi, tôi nhanh nhẹn bước vào khách sạn, đi thẳng lên phòng ba tôi như một người khách đã quen. Ba tôi vụt mở cửa khi tôi chưa kịp gõ tới tiếng thứ ba.

- Trời ơi!

Ba tôi thốt kêu, rồi một tay ôm tôi thật chặt, một

tay khép lại. Ông ôm tôi, rồi trận mưa hôn bắt đầu phủ lên tóc, lên mặt, hai cánh tay, hai bàn tay tôi, như 20 năm về trước mỗi lần đi công tác xa về. Ba tôi có thói quen hôn tôi, Hải Vân và Hoà Bình.

Rồi hai cha con tôi ngồi xuống cái ghế salon dài. Ba tôi bỏ kiếng ra, nắm lấy hai vai tôi, rồi nhìn tôi không chớp mắt.

- Con ơi, con cưng của ba, lâu quá rồi, con ơi!

Mặt ba tôi ướt đầm đìa. Tôi lău nước mắt cho ông, mà mắt tôi khô. Tôi cảm động đến nghẹn lại, chỉ đưa tay rờ mái tóc trên vầng trán cao. Ba tôi vẫn chải đầu rẽ tóc qua bên mặt. Bây giờ tóc của ông đã ngả mầu. Hai mươi năm xa vợ, xa con! Hai mươi năm sống xa thế giới văn minh! Ngoài mái tóc bạc,

không biết tình của ba tôi dành cho gia đình có còn nồng ấm như xưa không?

Ông chậm rãi nói nho nhỏ:

- Ba không có lời nào để diễn tả đủ thứ tình cảm, nhớ thương đối với với má, chị em con và Hải Vân. Ba tôi nghẹn ngào khi nhắc đến Hải Vân, ông im lặng như để nghiêng mình trước vong lính của thằng con chết yểu. Tôi siết tay ba tôi để chia sẻ nỗi đau thương. Ít nhứt ba tôi và tôi, chia sẻ được cùng một nỗi đau, và cũng cảm thấy nỗi trống vắng lớn lao vì sự ra đi quá sớm của em tôi. Ba tôi thở dài, buồn bã nói:

- Buồn quá, ba không muốn nhắc tới Hải Vân nữa.

Ba tôi vừa nói vừa nhìn vào khoảng trống. Tôi

thắc mắc:

- Con không hiểu ý ba.

- Ba được cấp trên cho biết Mỹ giết Hải Vân.

Tôi giựt mình, nhưng không dám nhích xa khỏi ba tôi, khi tôi thấy hận thù hiện lên trong đôi mắt của người cha, tin rằng con mình bị kẻ thù hãm hại.

- Ba muốn tìm hiểu sự thật hay ba muốn chấp nhận lời bịa đặt?

Tôi vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt ba tôi, rồi tiếp:

- Con không muốn cãi với ba ngay buổi gặp đầu tiên sau hơn mươi năm xa cách. Nhưng, con phải

nói thật, là cấp chỉ huy của ba quen nghề nói láo. Em con không bị ai giết hết, chỉ là một tai nạn!

Ba tôi liền đổi đề tài:

- Hãy nói về má con, về con và các chị em con cho ba nghe!

Mắt ba tôi sáng ngời trở lại khi ông nhắc đến vợ con.

- Má khoẻ mạnh, má mong tin ba lắm. Mấy chị mấy em của con bình yên. Chị Kim, chị Cương đã có chồng; chị Cương có hai con gái. Hoà Bình có một thằng con trai bằng tuổi thằng con của con, còn Minh Tâm thì mới chân ướt chân ráo trên đất lạ, cũng như mọi người khác, phải đi học để hội nhập đời sống. Con biết, Hoà Bình sẽ nhớ Việt Nam hơn

mọi người trong gia đình. Con cũng như nó. Con cứ chiêm bao thấy trở về Việt Nam. Con còn nghe thoang thoảng mùi lúa chín ngoài đồng trong giấc ngủ. Mầu vàng rực của những trái quít chín trong vườn ông ngoại bà ngoại vẫn ám ảnh con. Con còn cảm thấy cái mát rượi của nước sông trên da thịt con. Con vẫn mơ ước cái không khí đầm ấm bình yên trong ngôi làng của ông ngoại bà ngoại. Con toàn chiêm bao thấy quê hương thôi, ba ơi!

Nghe tôi say sưa nói về quê hương Việt Nam, ba tôi vui vẻ mắt sáng ngời, nắm chặt lấy tôi, nói:

- Được như vậy quý lắm, con à.

Thấy ba tôi vui, tôi trả lời cái chết của Hải Vân:

- Ba à, con muốn cho ba biết chắc chắn là không có

ai giết em con hết. Hải Vân là người chiến sĩ, dù em chưa kịp ra trận. Em là phi công của Quân Lực Việt Nam Cộng hoà. Em chết vì tai nạn mà ai cũng đã biết rõ như vậy. Cả gia đình đều biết như vậy. Con xin ba hãy tin sự thật của gia đình, cha đừng nghe lời tuyên truyền bậy bạ của cộng sản.

Ba tôi bỗng đập bàn, nói lớn:

- Không, không phải là một tai nạn như con tưởng. Chúng dàn cảnh ra như vậy. Chúng nó cũng là bọn bắt ép má con phải bỏ Sài gòn mà đi, khi ba sắp sửa trở về. Làm sao con biết được mánh khoé lừa bịp của chúng nó.

Tôi cố giữ bình tĩnh:

- Ba tin là chị của nó để yên cho quân nào "giết"

em mình sao?

Tôi đâu có nói được chính tôi là người đi cầu cạnh CIA cứu má tôi, chớ nào có ai "ép" má tôi rời Sài gòn!

Ba tôi giữ im lặng một chút, rồi rót một ly nước đầy để uống. Không biết ông uống nước để dằn cơn giận, hay để lấy thêm sức cãi vã với đứa con gái cứng đầu cứng cổ. Uống xong, ông nhìn tôi, nở một nụ cười thân thiện, nói:

- Hai chục năm trước, ba đã hình dung ra, con sẽ là con một con người như thế nào khi con lớn. Bấy giờ, ba thấy đúng như vậy!

Tôi dịu dàng nói:

- Con rất tiếc, nếu con đã làm cho ba thất vọng về con.

Ba tôi liền đáp:

- Không, ba không thất vọng về con. Ba chỉ muốn con của ba thương ba và tin tưởng ba thôi.

Tôi vòng tay ra sau lưng ba, rồi siết chặt thật lâu. Rồi vui vẻ nói:

- Con rất mừng khi nghe ba nói vậy. Bấy giờ ba cho con biết về anh Khôi của con đi.

Mắt ba tôi lại sáng ngời, mặt ba rạng rỡ khi tôi nhắc đến anh Khôi. Từ ngày anh còn nhỏ, ba tôi đã cưng anh nhứt nhà, đã hãnh diện về anh. Ông vui vẻ nói:

- Anh con đang sửa soạn lên đường vào Nam. Khi ba về Việt Nam sẽ ghé Hà Nội đón anh hai con cùng vào Nam. Anh nhớ con nhiều nhứt đó!

Tôi nửa đùa nửa thật nói:

- Không biết ai nhớ ai hơn ai, ba ạ!

Ba tôi nhìn tôi đăm đăm, rồi hỏi:

- Chừng nào con về thăm nhà?

Tôi thầm tự hỏi có nên nói thật ý nghĩ của mình không, rồi gượng đáp:

- Không, ba à. Con chỉ có can đảm chịu đựng với những gia đình, những mất mát trong chiến tranh,

mà con không có lòng dạ nào chứng kiến người dân Việt sống nhục nhã dưới chính quyền Hà Nội.

Tức thì mặt ba tôi sầm lại, nhưng ông cố nén cơn giận, nói:

- Ba muốn đón má về với ba.

Tôi đáp ngay:

- Đó cũng là ước nguyện của má.

- Vậy thì con tìm cách đưa má qua Paris gặp ba.
Tôi biết Paris là nơi rất quen thuộc của nhiều người Việt thân Cộng, cũng là nơi hoạt động của Cộng sản Bắc Việt, nơi đó ba tôi có nhiều đồng chí, bạn bè.

Tôi mỉm cười hứa hẹn:

- Dạ, con sẽ cố gắng hết mình.

Ba tôi vui vẻ:

- Cố gắng cho ba nhen con.

Tôi trịnh trọng đáp:

- Lời hứa của người họ Đặng là một lời danh dự, ba à.

Mỉm cười một cách hài lòng, rồi ba tôi nhìn đồng hồ tay. Lúc ấy tôi mới thấy chiếc đồng hồ Omega thật đẹp. Ông bảo, tôi đã đến lúc phải về với cháu ngoại của ông. Tôi chưa muốn xa ba tôi ngay, nhưng thấy ông có vẻ mệt, và biết rằng hôm sau

ông phải dậy sớm để dự một buổi tập họp đông đảo tại một nơi trong thành phố. Tokyo. Tôi bỗng thấy khó chịu trong người. Ba tôi, một người rất thân của tôi, lại có mặt trong một cuộc biểu tình chống chiến tranh, chống bom nguyên tử. Tôi bất giác mỉm cười bâng quơ. Ba tôi thấy tôi cười thì hỏi lại sao tôi cười? Tôi liền đáp:

- Cha con mình bây giờ khác nhau quá.

Khi tôi trở về khách sạn, người đàn bà Nhựt giữ trẻ vừa ra khỏi phòng thì ba tôi gọi, ông không chỉ muốn biết xem tôi về nhà an toàn không, mà còn nói:

- Con à, lần tới, cha con mình đừng nói chuyện chánh trị nữa nhen con. Hãy nói về gia đình thôi. Con cho ba biết về má, về chị em của con, về mấy

người con rể của ba. Thời gian của cha con mình ngắn ngủi quá con à.

Nhưng tôi không chịu, liền đáp:

- Suốt đời chúng con thiếu ba chỉ vì chánh trị. Ba xa chúng con hai mươi năm. Ba biết không? Gia đình ly tán vì chánh trị. Chánh trị làm vợ xa chồng, con xa mẹ. Đời sống của mình đã bị chánh trị cầm đầu, mình phải nói tới chánh trị, ba à.

Ba tôi vừa cười vừa nói:

- Ba nhớ con gái cưng của ba dễ thương, thông minh, cứng đầu, nhưng ba không ngờ con ba lại dữ thế này… Nhưng ba biết con thương ba là đủ rồi.

Tôi đổi sang hướng khác.

- Ba, con không có giận ba, mà con giận đảng Cộng sản, giận cái tập đoàn của những người đã phản bội cách mạng thôi.

Nói xong, tôi chờ đợi cơn giận dữ của ba tôi. Nhưng ông bình tĩnh trả lời:

- Ba mong rằng sẽ có dịp cho con thấy cái mặt tốt đẹp của cách mạng. Rồi con sẽ vui vì thấy ba đi đúng đường.

- Con lúc nào cũng hãnh diện vì ba đã can đảm chiến đấu chống ngoại bang, đã từng vô tù ra khám, từng bị đầy ra Côn đảo. Nhưng con không thể chấp nhận sự có mặt của tập đoàn cộng sản Hà Nội ở miền Nam.

Tôi nói một hồi dài như sợ bị ba tôi ngắt lời. Tôi

nghe tiếng cười của ba tôi, rồi ông nói:

- Thì con cứ tiếp tục hãnh diện về ba đi. Tin rằng luôn luôn ba đem hết sức ra để phục vụ miền Nam. Con có biết không? Không chỉ chúng ta thắng cuộc chiến này, mà ngay cả người Mỹ thắng nữa…

Tôi vội ngắt lời:

- Có thể đó là mấy thằng trốn lính, mấy thẳng phản chiến, chớ đâu phải toàn dân tộc Mỹ. Con đau đớn lắm khi miền Nam của con đã mất.

Tôi nghe có tiếng cười của ba tôi, rồi ông nói:

- Nghe con nói mà thấy vui vui, vì lạ tai.

Tôi cũng cười theo và chọc ba tôi:

- Con tin là không có ai dám trả trêu với ông đại sứ của Giải phóng Miền Nam như con đâu. Nhưng con là con của ba, nên mới dám lợi dụng ba như vậy.

- Con thì tha hồ lợi dụng ba bất cứ lúc nào cũng được.

- Thiệt vậy hả ba?

- Ba nói thật.

- Con có một chuyện muốn ba giúp. Ba phải hứa là phải cố gắng hết sức nhen.

Ba tôi im lặng chờ đợi. Tôi nói tiếp:

- Hồi nãy ba nói quê hương mình hết giặc rồi. Hết

giặc có nghĩa là hoà bình, xoá bỏ hận thù, là tha thứ, là thương yêu nhau "trong tinh thần của cách mạng" phải hông?

Tôi nghe ba tôi thở dài; chắc ông biết ông cho tôi một thước, tôi lại đòi một cây số.

- Con muốn nhắc tới những người tù binh Mỹ còn bị Hà Nội cầm tù. - Tôi nghẹn ngào nói.

Thật ra vấn đề này tôi đâu có định nói với ba tôi, nhưng khi ông nói ông cho tôi lợi dụng ông, thì tôi chụp ngay cơ hội.

Ba tôi ngập ngừng đáp:

- Con à, đó là một vấn đề ba không có thẩm quyền nói tới.

Giọng ông trở nên nghiêm nghị, chậm rãi như giọng nói của một nhà ngoại giao tuyên bố trước công chúng. Tôi cũng lấy giọng nghiêm trang đáp lại:

- Con biết, nhưng con không có nói với một người có quyền hành, mà con nói với một người mà ai ai cũng mến thương, quý trọng, vì tình yêu của người đó cho dân tộc và gia đình. Con nói, với một người có trái tim, có kinh nghiệm, đã từng bị người ta nhốt vô tù vì lý tưởng. Con muốn những người tù binh Mỹ này được trả tự do để họ được về với gia đình họ, ba à. Bây giờ con lớn rồi, nhưng con vẫn còn tin ở sự mầu nhiệm, mà sự mầu nhiệm đó chỉ có từ con tim của những người đàn ông như ba!

Tôi nghe ba tôi khẽ thở dài, rồi ông nói bằng một giọng lạnh lùng:

- Con à, tại sao con lại dằn vặt con như vậy? Chuyện không liên quan gì đến cha con mình. Không liên quan gì tới 20 năm chia cách của gia đình mình.

- Ba à, làm con của ba, con hiểu thấu được thể nào là lớn lên không có cha, con còn được biết cái sung sướng vô tận khi gặp lại ba. Con biết ba sung sướng biết chừng nào khi ba nói chuyện với con. Con muốn ba giúp cho những người đàn ông, đàn bà và con trẻ được hưởng cái sung sướng mà mình đã được.

- Ba không thể nói đến chuyện này nữa.

- Ba có thể!

- Con không hiểu sao?

- Con hiểu, nhưng con không chấp nhận là ba của con lại từ chối một dịp đem hạnh phúc đến cho người khác. Ba mới là người biết tươi cười khi thấy người đàn ông đoàn tụ với gia đình mình sau một thời gian xa cách. Ba mới là người lấy tay chùi nước mắt khi khi thấy một người tù liệng cái nạng để ôm lấy con của mình. Dù là hình ảnh của ba con. Nếu ba không có dạy con đừng ích kỷ, con không có dùng thì giờ quý báu này của cha con mình mà nói chuyện hạnh phúc của người ta. Con nghĩ, ba hiểu con mà.

Tôi nói một hơi không cho ba tôi nói. Nhưng ba tôi ngắt lời:

- Con à, nghe ba nơi đây. Ba thương con vì con không ích kỷ, nhưng con phải hiểu, trên ba còn có đảng. Nó không có giản dị như con tưởng.

- Con đâu có kêu ba mở chuồng thả những tù binh Mỹ. Con chỉ xin ba tạo ảnh hưởng những người có quyền lực trong vấn đề này. Ba làm cho Liên Xô mê Mặt trận giải phóng miền Nam được, thì vì những gia đình của tù binh, ba làm cho bác Lê Duẩn mê ba đi.

- Ba nghĩ mình không nên nói chuyện này trong điện thoại. - Ba tôi nói.

- Ba làm ơn nghĩ đến những gì con nói nhen.

- Ba sẽ nghĩ đến tất cả những gì con nói với ba.

- Con muốn ba nghĩ đến vợ con của những người Mỹ mất tích mỗi khi ba nghĩ đến má và tụi con. Sự suy nghĩ của ba quan trọng lắm, nó thể thay đổi cho những người bị tù đầy.

- Ba thương con lắm con có biết không. - Ba tôi nói.

- Con thương ba nhiều lắm.

Tới đây, ba tôi đổi đề tài, ông hỏi tôi:

- Người ta nói cho ba biết chồng con là người Nam Tư. Có phải không?

- Dạ, anh là người Mỹ gốc Nam Tư. Tình yêu nói nhiều thứ tiếng lắm, ba à.

Chúng tôi cùng cười vang trong điện thoại. Rồi ba tôi ngập ngừng:

- Ba mừng. Ba chỉ sợ…

- Ba sợ con có chồng người Mỹ vì phương tiện chớ gì? Má con nói giòng họ Đặng của mình mùi mẫn lắm.

Chúng tôi cười, tiếng cười đem lại cho tôi những kỷ niệm vui tươi của gia đình lúc tôi còn nhỏ. Chúng tôi chúc nhau ngủ ngon năm sáu lần rồi mới chịu ngừng.

Chương 33

Tôi nghe hơi ấm của ánh nắng xuyên qua cửa kiếng chỗ tôi đang ngồi viết nhật ký. Ngước nhìn lên, tôi thấy mặt trời đi cao ngoài cửa sổ, 6 giờ! Thế là tôi đã thức suốt đêm.

Lance còn ngủ say, cái chân tuột khỏi chăn, một tay ôm con khỉ, tay kia để dưới đầu. Cách ngủ của nó giống ba nó như đúc. Tôi thầm nghĩ: “Giống gì mà giống dữ vậy!

Tôi bỗng nghe ê ẩm cả người vì đã ngồi suốt đêm. Tôi uể oải đứng lên và cảm thấy buồn ngủ quá. Nhưng tôi biết, nếu tôi ngả lưng nằm xuống giường, thể nào tôi cũng ngủ tới trưa. Tôi không có thì giờ để ngủ, vì đã tới giờ cho Lance ăn sáng, để con đi thăm ông ngoại. Khi hai mẹ con ngồi trong taxi đi tới khách sạn Prince tôi bắt đầu nói về ba tôi cho đứa bé 5 tuổi nghe. Ông ngoại nó là một nhân viên của Bộ ngoại giao ở Sài gòn, và bây giờ đang ở Nhật để tham dự một buổi họp quốc tế.

Nó có vẻ suy nghĩ, rồi cau mày nói:

- Nếu ông ngoại ở Sài gòn bây giờ, thì ông phải là cộng sản!

Tôi giựt mình về nhận xét của một đứa bé mới 5 tuổi, tôi phải tìm lời trấn an nó:

- Lance nói đúng. Nhưng đừng quên ông là ông ngoại Lance, và ông muốn gặp con lắm.

Nó đáp ngay:

- Lance hổng sợ.

Tôi dặn dò nó:

- Trong phòng ông ngoại có thể có người ra vào, vì họ làm việc với ông. Vậy con đừng nói gì đến Daddy của con nhen, nhớ là đừng cho ai biết

Daddy là phi công. Đây là bí mật của mình, đừng nói cho ai nghe nhen.

Lance liền hỏi:

- Daddy của Lance có bỏ bom Hà Nội không?

- Mommy không biết.

Lance nhỏ giọng:

- Má nói cho Lance biết đi. Lance hứa không nói cho ai biết đâu.

- Chừng nào mình về nhà, con hỏi Daddy nhen.

Vừa nói tôi vừa hôn lên tóc thằng nhỏ và cười thầm, vì nó cũng làm ra vẻ người lớn.

Có lẽ ba tôi đã đợi ở cửa lâu, nên tôi vừa gõ, cửa đã mở ra. Sáng nay trông ba tôi có vẻ vui hôm hôm qua. Tóc ông chải gọn gàng, áo sơ mi trắng ủi thẳng nếp, và cái cà vạt mầu xanh, sọc xám. Ba tôi xớt Lance lên tay; tôi đi sau khép cửa lại. Nhìn ba tôi hôn lên tóc Lance, tôi nhớ lại hồi tôi còn nhỏ, ba tôi cũng hay hôn lên tóc tôi, rồi nói: "Tóc con thơm như bông bưởi trong vườn bà ngoại.

Ba tôi nói chuyện với Lance bằng tiếng Việt. Rất may là lúc đó Lance còn nói và hiểu được tiếng Việt rất nhiều. Nó còn nói điều kiện một cách văn vẻ. Lance đề nghị:

- Ông ngoại về ở với Lance và má Lance được không?

Ba tôi ôm cứng Lance vào lòng nhưng không trả lời. Lance nói thêm:

- Daddy của Lance sẽ thương ông ngoại nữa. Daddy nói vậy rồi mà!

Ba tôi vui lắm, càng ôm cứng Lance vào lòng, rồi thủ thỉ bên tai nó:

- Thank you… Thank you, my grandson.

Lance tiếp tục dụ dỗ ông ngoại:

- Bà ngoại nhớ ông lắm. Bà viết thơ cho ông mà khóc.

Nói xong, Lance tuột xuống khỏi vế của ông ngoại, chạy đến mặt tôi, xoè hai tay ra để đòi lá thơ của bà

ngoại viết cho ông ngoại. Tôi vui vẻ đưa cho nó. Nhưng ba tôi không đọc ngay, bỏ vào túi áo, rồi lại ôm cháu mà hôn lên trán nó.

Nhìn hai ông cháu âu yếm nhau mà tôi cảm thấy buồn vui lẫn lộn Chúng tôi vô cùng yêu thương nhau, nhưng vì khác lý tưởng, chúng tôi đã xa cách ngàn trùng, mỗi người đi một con đường riêng. Tôi đã chịu nhiều đau đớn âm thầm từ ngày miền Nam sụp đổ, trước mắt tôi lúc này là người cha vô cùng thương yêu của tôi. Nhưng đồng thời, ông cũng là một đại diện của những người đang nắm quyền ở đất nước tôi, tức là những kẻ đã xâm chiếm miền Nam, tức kẻ thù của dân Nam.

Trong khi tôi đau buồn suy nghĩ như vậy, ba tôi vẫn thản nhiên vui với cháu ngoại.

Tôi đang suy nghĩ vẩn vơ, bỗng có tiếng gõ cửa. Ba tôi hơi giật mình, chau mày nhìn ra cửa, nụ cười tươi trên môi biến mất. Ông bước ra mở cửa. Một người đàn ông Việt Nam khoảng 30 tuổi cung kính chào ba tôi. Ông gọi anh ta là "đồng chí", mời anh ta vào phòng, rồi nói:

- Tôi muốn đồng chí gặp một người đồng hương, cùng làng với tôi ở Cần Thơ.

Tôi hiểu ý ba tôi ngay, nên từ đó tôi gọi ông là "Bác Năm". Người "đồng chí" đó là người thông ngôn của ba tôi. Anh ta có thể thông thạo ba thứ tiếng: Nhật, Anh và Pháp.

Khi anh ta thấy Lance có mặt ở trong phòng mà chúng tôi chưa kịp giới thiệu, tỏ vẻ bối rối, bắt tay cháu rồi nói:

- Bonjour!

Lance nói ngay:

- I don't speak French, only speak English, Vietnamese!

Lần đầu tiên tôi thấy con tôi rụt rè mà nóng ruột. Sau khi trở lại mấy câu hỏi xã giao của anh thông ngôn về tuổi tác, học hành, Lance nhìn người thông ngôn và hỏi lại:

- Cậu là cộng sản, phải không?

Ba tôi và tôi đều giựt mình, nhưng anh thông ngôn mỉm cười thản nhiên trả lời:

- Phải!

Thằng nhỏ bỗng có vẻ sợ, nhích ra xa anh thông ngôn ít chút vì đang cùng ngồi trên ghế dài. Nó nhìn thẳng mặt anh và hỏi:

- Cậu sẽ giết Lance và má Lance, phải không?

Anh ta nhìn tôi, nhưng tôi nhìn xuống đất. Anh quay lại Lance:

- Sao em lại hỏi vậy?

- Má của Lance giúp mấy người chạy trốn. Người ta nói người ta sợ cộng sản, người ta chạy trốn. Lance không muốn cậu giết Lance nhen.

Ba tôi ra dấu cho tôi bảo cháu ngừng nói. Tôi phải "hỏi lộ" thằng nhỏ cái bánh croissant và ly nước cam. Nó chạy sang bàn to, nhưng mắt vẫn không

rời khỏi anh thông ngôn. Anh nói nhỏ với ba tôi mấy câu rồi đứng dậy, đi về hướng cửa, Lance lại còn nói thêm:

- Lance muốn cậu tử tế với người Sài gòn, nghen cậu. Lance có ở Sài gòn rồi, người ta thương Lance lắm!

Anh thông dịch viên hơi lúng túng, rồi bước lại gần nó, nói:

- Cậu sẽ tử tế với người Sài gòn, cháu đừng lo!

- Daddy của Lance là ông Mỹ, thấy người chết ở Sài gòn thì buồn lắm. Daddy nói cộng sản giết người ta.

Người đồng chí của ba tôi nhìn tôi mà không nói

được một lời, mở cửa bước ra.

Ba tôi lắc đầu tỏ vẻ bực mình vì lời nói thẳng của thằng cháu ngoại 5 tuổi, rồi bảo tôi:

- Ngày mai con nên đến một mình. Vì sẽ có nhiều người tới đây gặp ba với nhiều việc phải làm!

- Con xin lỗi ba.

Ba tôi chép miệng:

- Khi người lớn đầu độc con nít thì con nít đâu có đáng trách.

Tôi lắc đầu, cãi:

- Ba à, con đâu có đầu độc nó. Con nói cho nó biết

cái gì con tin là sự thật, chừng nào nó lớn khôn, tự nó nó chọn. Ba dậy con trọng tinh thần cách mạng, con làm cách mạng tư tưởng, khi con dám nhận biết cái nào hiền, cái nào ác, và con không chọn cái ác.

Ba tôi im lặng, rồi kéo ghế kêu tôi ngồi vào bàn ăn điểm tâm sáng. Ba tôi vẫn giữ thói quen uống trà buổi sáng. Tôi nhớ lại hồi ở trong vùng giải phóng, sáng nào ba má tôi cũng uống nước trà trong bếp, trước bếp lửa. Ba tôi hãnh diện là có người vợ hiền, để sẵn sàng chia sẻ các khó khăn cũng chồng. Mặt ba tôi tươi hẳn lên khi tôi nhắc lại chuyện đó. Thấy ông vui, tôi nhẹ nắm tay ông, rồi hỏi:

- Ba có tin là con nói với ba với tất cả lòng chân thành từ tim con không?

Ba tôi gật đầu, đáp:

- Ba biết con chân thành, nhưng con không hiểu được cái phức tạp của nhiều vấn đề chánh trị.

Tôi ngập ngừng một chút rồi đề nghị:

- Hà Nội đã thành công trong việc xâm chiếm miền Nam, bây giờ đến lượt tụi con… giành lại ba, ba nghĩ sao?

Tức thì ba tôi bật người lên, vội đưa tay bụm miệng tôi, như sợ có ai nghe được câu nói của tôi, ông còn kéo tôi đến gần radio, vặn to lên, ghé tai tôi mà nói:

- Ba không muốn nghe con nói như vậy. Lần này ba bỏ qua cho con, vì con chưa hiểu ba chút nào. Nhưng lần sau, con không nên nói đến chuyện này.

Tôi kinh ngạc vì cơn giận của ông. Tôi cho rằng, đối với chuyện đất nước, ba tôi đã làm tròn bổn phận của một người yêu nước. Bây giờ, mọi chuyện đã xong, đất nước đã hoà bình, người ta có quyền nghĩ đến sự đoàn tụ gia đình. Vậy thì ba tôi trở về với vợ con là chuyện nên làm, có gì sai trái đâu. Tại sao ba tôi lại hoảng sợ, giận dữ, cấm đoán tôi nói tới việc đoàn tụ gia đình?

Tôi thở dài, nói:

- Con bắt đầu thấy hai chiếc xe lửa chạy trên hai đường rầy khác nhau rồi, ba ơi. Sau cuộc chiến kéo dài mấy chục năm ai cũng mơ ước được trở về với gia đình, chỉ có ba là chối bỏ con đường đó thôi.

Ông nói với một giọng cương quyết:

- Ba sẽ không tìm cách thay đổi tư tưởng của con, thì ba xin con đừng chà đạp lên lý tưởng của ba.

Tôi bật khóc, vì tôi không ngờ cái hố ngăn cách giữa ba tôi và tôi lại rộng và sâu như vậy. Tôi nghẹn ngào nói:

- Nhờ ba, con hiểu được nỗi đau của một dân tộc nhược tiểu bị ngoại bang áp bức, từ đó lòng yêu nước phát sinh. Ba đã cho con nhiều thứ lắm. Nhờ ba mà lúc nào con cũng thấy một tia ánh sáng cho quê hương, con sung sướng vô cùng. Suốt đời, ba đã hy sinh cho lý tưởng của ba, bây giờ đã đến lúc ba phải được hưởng hạnh phúc gia đình, để tụi con biết thêm về ba của con. Ba thấy hông, mình không hiểu nhau gì hết!

Ba tôi vui vẻ trở lại:

- Ba rất cảm động khi biết con quan tâm nhiều đến ba. Đó là cái danh dự của người cha. Nhưng con gái cưng của ba hãy nghe đây, nghe để con không lập lại lời yêu cầu đó nữa. Việt Nam cần tất cả những bàn tay xây dựng, để hàn gắn những vết thương do chiến tranh gây nên, phải phục hồi kinh tế để bằng người ta. Con nói con thương Việt Nam, thì con phải chia sẻ giấc mơ của ba, giấc mơ xây dựng một Việt Nam hùng cường, độc lập.

Tôi vẫn chưa chịu thua, nên lại nói:

- Làm sao mà dân có thể giầu, nước có thể mạnh, khi con người không có tư hữu, không có cả tự do, vì đảng của ba đã tước đoạt hết mọi quyền của con người.

- Ba chỉ hứa được với con, là ba sẽ phục vụ với hết

sức của mình để Việt Nam được hùng cường.

Rồi ba tôi đưa tay ra bắt tay tôi, không nói, nhưng cả hai đều hiểu rằng đây là một khế ước. Ba tôi sẽ làm phận sự của ba, còn tôi không được năn nỉ ba tôi rời bỏ đảng. Đến đây, ba tôi bỗng thay đổi đề tài:

- Bao giờ con có thể thu xếp cho má sang Paris gặp ba?

Tôi hứa:

- Con sẽ lo việc này liền khi con về Hawaii.

- Má có giận ba nhiều lắm không con?

Tôi ngạc nhiên vì giọng nói e ngại, rụt rè của ba

tôi. Giọng nói này khiến tôi nhớ đến những đứa trẻ trót lầm lỗi, muốn biết mình lỗi nhiều ít ra sao, chớ không muốn sửa chữa lỗi lầm.

- Hồi tụi con còn nhỏ, đời sống của gia đình mình thật khó khăn. Má nhọc nhằn lắm, nên nhiều khi má than thở “phải chi có ba tụi con ở nhà tiếp má”!

Ba tôi nghẹn ngào nói:

- Con có biết không? Từ ngày lấy má, ba không làm ra một xu con nào hết. Má con gánh vác hết mọi việc trong gia đình với sự giúp đỡ của ông ngoại bà ngoại. Ba mang ơn má nhiều lắm, Ba đã nhiều lần hối hận, vì hồi đó ba không đưa má và các con ra Hà Nội với ba.

Tôi giựt mình, hỏi:

- Con tưởng đó là quyết định của má?

- Đúng, đó là quyết định của má. Nhưng ba có lỗi không chịu thuyết phục má.

Tôi cười lý lắc, hỏi:

- Ba có nghĩ là nếu cả gia đình ta ra Bắc hồi đó, tụi con giờ là đảng viên cộng sản hết không?

Ba tôi lắc đầu, đáp ngay bằng một giọng nghiêm nghị:

- Không phải dễ gia nhập đảng đâu con. Anh Khôi con không được vô đảng cũng vì hạnh kiểm. Anh không phải là đảng viên. Lúc học trung học ở Bắc Kinh, anh tổ chức tuyệt thực phản đối nhà trường ngược đãi con em của cán bộ Mặt trận giải phóng

miền Nam. Lúc ở Hà Nội thì vừa làm vừa chơi, sang Liên Xô lo học đàn hơn học quân sự. Đã vậy, anh lại xin giải ngũ sau trận Hạ Lào.

Tôi lo lắng hỏi:

- Ba có thất vọng về anh Khôi không, ba?

- Không, anh của con chỉ không cố gắng để được vô đảng thôi, nhưng ba mừng cho sự học vấn của ảnh; đối với ảnh, học hành là quan trọng nhứt.

- Má lo cho anh Khôi lắm, ba à. Má cứ thắc mắc không biết ảnh ra sao? Đã trở thành con người như thế nào, sau những năm sống với cộng sản? Liệu ảnh còn là đứa con trai chân thật không, liệu ảnh có còn là thằng con trai má thương, má quý, sau thời gian ảnh sống ở Liên Xô?

Ba tôi vui vẻ trấn an:

- Má sẽ có dịp gặp lại anh con, và lúc đó sẽ biết rõ.

Chúng tôi nói chuyện đến đây thì phải chia tay, vì đã đến giờ ba tôi phải đến địa điểm tập hợp đi biểu tình. Ông hứa sẽ gọi ngay sau khi trở về khách sạn. Chúng tôi dự tính đi mua sắm lặt vặt. Ba tôi muốn mua một cây đàn guitar làm quà cho anh Khôi.

Khi ôm ông ngoại để từ biệt. Lance mời ông tới chơi khách sạn của nó. Nhưng tôi biết, với tư cách một nhà ngoại giao, đâu dễ ra khỏi khách sạn đang ở mà không có tuỳ tùng, kể cả ông thông ngôn.

Trên đường trở về khách sạn, tôi ngạc nhiên khi nghe Lance nghĩ sâu xa về hoàn cảnh của tôi và ba

tôi, và lo cho thân phận nó. Lance vừa khóc vừa nói bằng tiếng Anh:

- Con không để Daddy của con ở xa con đâu. Con sẽ khóc điên đầu luôn, nếu Daddy bỏ đi xa.

- Nếu Daddy đi xa vì một chính nghĩa, thì con cũng phải để Daddy đi. Con phải can đảm.

- Hồi đó, ông ngoại đi xa. Mommy có khóc không?

- Nếu Daddy phải đi xa, con cũng khóc, nhưng không khóc lâu, vì Daddy nói con trai không được khóc dài.

Nghe nó nói vậy, tôi nghĩ đến hoàn cảnh của tôi. Ba tôi bỏ đi được hai chục năm rồi, má tôi vẫn còn khóc, và đang khóc.

Chương 34

Tới giờ ăn chiều mà vẫn chưa thấy ba tôi gọi, nên tôi bảo khách sạn đem đồ ăn lên phòng cho chúng tôi, phòng khi ba tôi gọi. Đúng như vậy, khi hai mẹ con tôi đang ăn, ba tôi gọi. Ông tỏ ra rất vui vẻ vì đã được gặp nhiều bạn cũ, Nhựt có, Mỹ có. Đó là những người đã ủng hộ ba tôi trong thời chiến. Tôi thầm tự hỏi, loại người Mỹ nào đã làm bạn với ba tôi trong khi nước họ tham chiến ở Việt Nam.

Tôi nghe giọng nói của ba tôi có vẻ mệt mỏi, nên đề nghị sáng mai sẽ gặp lại, để ông có thì giờ nghỉ ngơi. Ba tôi đồng ý ngay. Nhưng đến 10 giờ đêm, ba tôi lại gọi. Tôi tưởng có chuyện gì quan trọng, nhưng không, ba tôi chỉ muốn nói chuyện về gia đình thôi. Tôi hiểu tâm trạng của ba tôi, một người xa gia đình hơn hai chục năm trời, thèm được biết

về những người thân mình xa cách quá lâu, đến những chi tiết nhỏ nhặt. Về phần tôi muốn biết về chú bác, cậu và các anh các chị bà con đã cùng ba tôi tập kết ra Bắc. Tôi hỏi đến những người bạn trong bưng biền của ông, kể cả “đồng chí” Lê Đức Thọ. Cuối cùng, ba tôi nói về chuyện du lịch. Ông say sưa tả cảnh mặt trời mọc ở Scandinavia. Tôi vui vẻ cho ông biết tôi mơ ước được trở về Mông Cổ. Ông tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi tôi lại sao lại “trở về” Mông Cổ. Tôi chậm rãi giải thích:

- Vì con nghĩ, con có má Mông Cổ.

Ông càng ngạc nhiên hơn:

- Tại sao?

- Ba đi rồi, con phải lớn lên một mình với nhiều

khó khăn. Con phải tin là con vừa mạnh tinh thần lẫn thể xác. Con có đọc Thành Cát Tư Hãn, con khâm phục ông đó lắm. Con chưa gặp một người Mông Cô nào, nhưng con cảm thấy con gần với họ lắm. Sẽ có một ngày nào đó con sẽ đi thăm viếng cái nước huyền bí đó!

Ba tôi im lặng nghe tôi nói một hơi dài, rồi mới lên tiếng

- Ba lại tin rằng con sẽ mê nước Nga.

Sáng hôm sau, tôi và ba tôi đi "bát phố". Tôi gởi Lance cho tuỳ viên chính trị của toà đại sứ Mỹ ở Tokyo. Ông hứa sẽ cho Lance đi hồ tắm vào buổi trưa.

Ba tôi được ban tổ chức đại hội cho một người hộ

vệ luôn luôn theo sát bên cạnh. Anh ta ngồi như một pho tượng bên cạnh tài xế. Mắt anh láo liên như một con báo. Anh rành phố xá Tokyo nên khi biết chúng tôi muốn mua một cây đàn guitar, anh xổ một tràng tiếng Nhật với tài xế. Khi chúng tôi được taxi đưa đến khu Ginza.

Tôi bỗng có linh cảm bị theo dõi. Tôi thầm tự nhủ phải thận trọng, ngó trước coi sau. Thế là tôi có cảm tưởng mình là điệp viên thứ thiệt. Tôi sử dụng ngay "kinh nghiệm của một điệp viên". Kinh nghiệm của tôi là những kinh nghiệm học được trong những cuốn tiểu thuyết và phim ảnh gián điệp. Hồi đó, tôi thích đọc sách của nhà văn Sidney Sheldon. Sau nhiều lần ngó nhanh, liếc nhìn về phía sau, tôi thấy có một người đàn ông da trắng, ăn mặc sang trọng, đi theo chúng tôi. Khi chúng tôi bước vào tiệm bán đàn, ông ta cũng vào theo. Sau

khi ba tôi mua đàn, đi thẳng vào một tiệm giải khát, người đàn ông cũng theo vào, nhưng không mua nước uống.

Khi ba tôi ngỏ ý muốn mua đồ chơi cho con nít, tôi mới biết tôi có một người chị nuôi cỡ tuổi tôi. Cha mẹ cũng tập kết ra Bắc. Nhưng không biết tại sao cả hai đều chết, rồi ba tôi nhận nuôi chị ở Hà Nội. Chị được ba tôi gởi đi học kỹ sư ở Liên Xô, cũng thời với anh Khôi, anh Trung, và chị Thu Vân. Ba tôi gả chồng chị cùng một năm tôi lập gia đình với John. Nhưng tôi chưa hỏi gì thêm về người chị nuôi, thì đã thấy người đàn ông da trắng lúc nãy lại xuất hiện. Lần này tôi quyết định nhìn rõ ông hơn. Tôi thấy ông có đôi mắt sắc bén mầu xanh, da trắng bạch như dân Âu châu. Tôi đoán ông ta là thằng Tây, hay là một nhân viên KGB. Khi thấy tôi lại gần, ông lẳng lặng bỏ đi. Khi ông ra khỏi tiệm, tôi

mới biết ba tôi cũng để ý đến người ấy. Ông nói nhỏ với tôi:

- Ba nghĩ mình bị theo dõi!

Tôi đùa:

- Người của ba hay của con theo dõi?

Ba tôi có vẻ ngạc nhiên, nhưng không nói gì. Sau đó chúng tôi trở về khách sạn của ba, tôi về khách sạn của tôi. Ba muốn tôi trở lại sau giờ ba tôi ăn trưa với những người trong phái đoàn; ba sẽ không ngủ trưa hôm đó.

Hai giờ, tôi trở lại khách sạn Prince để gặp ba tôi. Khi vào phòng ông, tôi thấy ông đang ngồi cạnh một xấp giấy, trông giống thẻ căn cước, nhưng lớn

hơn. Tôi tò mò cầm một thẻ lên coi thì biết rằng đó là giấy gọi nhập ngũ của Mỹ. Giấy này đã gởi đi vào tháng 7 năm 1969 cho một thanh niên 19 tuổi. Lúc đầu, tôi nghĩ đây là thẻ động viên của một người lính tử trận. Tôi bỗng nghe một niềm thương cảm tràn ngập trong lòng. Chết cho tổ quốc là một vinh dự. Nhưng tình thương ấy bị dập tắt ngay khi ba tôi cho biết những thẻ động viên mà ba tôi đang để trên mặt bàn là những thẻ của những tên phản chiến, chúng nhận được lệnh nhập ngũ thì bỏ trốn, rồi gởi những thẻ trên đến toà đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam. Tôi giận điên người khi biết chúng là những tên phản quốc. Như đổ thêm dầu vào lửa, ba tôi vui vẻ nói:

- Điều đó chứng tỏ rằng Mỹ đã sai lầm khi tham chiến ở Việt Nam.

Tôi chưa cần phân tích xem Mỹ sai lầm ở chỗ nào, nhưng tôi nhận ra một sự thật làm tan nát tim tôi. Đó là sự ngăn cách giữa hai cha con tôi quá lớn. Chúng tôi gặp nhau chỉ để xa nhau mà thôi. Mỗi người đã quyết định tiếp tục đi con đường riêng của mình. Lẽ thường ở đời, ai không muốn ngả theo phe thắng để mưu cầu danh lợi cho riêng mình. Nhưng tôi thì không, tôi nhất định đi con đường của tôi. Không bao giờ tôi phản lại quốc gia, phản lại lý tưởng mà gia đình tôi đã đi theo. Vì lý tưởng, em trai tôi đã chết khi mỗi chập chững bước vào binh nghiệp.

Tôi nghiêm giọng nói với ba tôi:

- Hạng người phản chiến này chỉ là những tên phản quốc, hèn nhát, nên mới gởi những thẻ quân dịch này cho kẻ thù.

Ba tôi lắc đầu:

- Mỹ nhảy vào Việt Nam là một sai lầm to lớn. Những người Mỹ trẻ này đã sáng suốt nhận ra như vậy.

Tôi cãi:

- Trong chiến tranh Việt Nam, Mỹ có một sai lầm tai hại và đáng trách. Đó là việc họ Vietnamization để rút bớt quân, mặc một mình quân lực Việt Nam Cộng hoà chiến đấu chống Bắc Việt, trong khi Bắc Việt vẫn được Liên Xô và Tàu Cộng tiếp tay. Sự sai lầm này do các chính trị gia xa lông của Mỹ chủ xướng. Họ ngay thẳng, thật thà, làm sao hiểu nói cái lưu manh của cộng sản. Vậy khi Liên Xô và Tàu Cộng viện trợ khí giới cho các du kích của Mặt

trận giải phóng giết đồng bào, thì có chính nghĩa không?

Ba tôi chưa kịp có ý kiến gì, tôi đã nói tiếp:

- Cuộc chiến này sai bét vì người Việt lại giết người Việt!

Trong khi tôi nói thao thao, ba tôi ngồi làm thinh, nên chính tôi cũng thấy tội nghiệp ông. Tôi thầm công nhận, ông hiền khô.

Ông dịu dàng nói:

- Ba không muốn tranh luận với con gái cưng của ba. Vì ba không bao giờ muốn thay đổi cách suy nghĩ của con. Nếu con hài lòng với niềm tin của con, tức là con đang có hạnh phúc. Cha mẹ nào mà

không muốn con cái mình có hạnh phúc. Đối với ba, gia đình rất đáng quý.

Ba tôi nói dịu dàng như vậy, mà tôi vẫn khiêu chiến:

- Nhưng đảng của ba còn đáng quý hơn tụi con!

Ba tôi chậm rãi:

- Đất nước trên hết đối với ba. Con can đảm, con đã tự lập, con lo cho con được. Con OK.

Nói xong hai chữ "OK" ba tôi cười vui vẻ. Thấy ông vui, tôi trả lời:

- Tất cả người dân miền Nam cũng đã OK. Vợ của ba, con cái của ba đều là hình ảnh của người dân

miền Nam sống đơn sơ và hạnh phúc. Chúng con không có gì khác biệt với mọi người. Những nhu cầu, những mơ ước của chúng con đều là nhu cầu và mơ ước của hàng triệu dân miền Nam, và mọi người đã OK, cho đến ngày Hà Nội đem quân xâm chiếm miền Nam.

Ba tôi tôi gật đầu:

- Ba biết rõ những nhu cầu của người miền Nam. Ba hứa sẽ cố gắng đem sức mình để đáp ứng những nhu cầu đó.

Tôi chưa kịp nói gì thêm, ông đã đề nghị:

- Mình nói chuyện khác đi, con.

Tôi đến ngồi cạnh ông, rồi ôm chặt lấy ông. Ba tôi

cho biết đêm qua ông thức quá nửa đêm để ngắm hình gia đình. Ông khen các cháu ngoại của ông "đẹp như tiên". Cuối cùng, ông ngỏ ý muốn má tôi về ở với ông.

Chúng tôi bàn tánh cách thức và lịch trình đưa má tôi đi Paris. Nhiệm vụ của tôi là phải xin giấy thông hành cho má. Lúc ấy, bà chưa có giấy tờ gì hết, ngoài chứng chỉ nhập cảnh tỵ nạn cộng sản. Nhiệm vụ của ba tôi có phần khó hơn một chút. Ông phải xin giấy nhập cảnh Pháp. Ba tôi sẽ phải nhờ một vài người bạn Cộng sản Pháp đang làm trong Bộ ngoại giao ở Paris.

Chúng tôi đang bàn tính, thì anh thông ngôn gõ cửa mời ba tôi đi ăn trưa. Ba tôi ngỏ ý muốn ăn ngay ở trong phòng, nhưng anh cho biết hôm nay ba tôi có khách. Đó là phái đoàn của đạo Quaker từ Mỹ

sang. Họ muốn gặp ông đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam.

***

Tôi vẫn có thói quen viết nhật ký, nhất là vào thời gian đi gặp ba tôi. Mọi việc xảy ra quá nhanh, nhiều khi như một cơn bão nếu không ghi lại làm sao tôi có thể nhớ hết được. Chính nhờ những dòng nhật ký này mà tôi hiểu được ba tôi, một nhà ái quốc chân chính, nhưng đã đi lầm đường. Bao nhiêu công sức của ông đóng góp cho đất nước đã biến thành công dã tràng.

Hồi nhỏ, năm 1972 tôi bỗng nhận được thư của ba tôi gởi từ Ý, khi ông đang đi công tác. Thơ này được một người bạn ở Paris chuyển cho tôi. Thơ viết như sau:

“Con yêu quý, ba rất hãnh diện về gia đình ta. Tất cả đối với ba đều đáng quý và đáng phục Ba rất thương má đã một mình nuôi sáu đứa con trong suốt 18 năm trời ròng rã. Ba thường trách ba, vì ba mà người vợ chung thuỷ và can đảm phi thường của ba phải sống đơn chiếc trong một quê hương nhiều xáo trộn, điêu linh… Đối với các con, ba vẫn mơ ước được trực tiếp săn sóc, dậy dỗ cho từng đứa. Vậy mà ba đã bỏ rơi các con, mặc cho các con lớn lên một mình với nhiều thử thách gay go. Ba chẳng bao giờ có thể quên được cái chết của Hải Vân.

Ba vẫn tin rằng gia đình ta sẽ có một ngày đoàn tụ, ngày ấy không xa. Mới đây, nhận được thơ con, ba cứ thẫn thờ như người đi trong mộng, không làm được việc gì hết. Suốt đêm ba mơ thấy con sang Moscow thăm ba. Rồi ba nhớ lại chuyện đã qua.

Nhớ lại ngày ba ra đi, má mới có 37 tuổi, con mới lên 9, Hải Vân 6 tuổi. Hoà Bình 2, con Minh Tâm vừa tròn 3 tháng.

Hải Vân rất thông minh, ba còn nhớ hồi nó mới 4 tuổi, một đêm ba bơi xuồng đưa nó ra giữa sông Ong Vèo để chỉ cho nó tên các ngôi sao. Bỗng nó chỉ mặt trăng mà hỏi ba có biết tại sao tối nay chỉ có một nửa mặt trăng không? Ba trả lời là ba không biết, thì nó nói nó đã bẻ làm hai, một nửa vẫn ở trên trời, còn một nửa nó ném xuống sông. Lúc đó, em con đã cho ba thấy nó có khiếu về âm nhạc. Cho tới nay, ba vẫn nhớ những ngón tay bé nhỏ của nó lướt trên mấy phím đàn mandoline mà ông ngoại đã cho các con. Ba không ngờ em con lại vắn số như vậy. Bây giờ, má các con còn có thể đi thăm mộ Hải Vân hàng tuần, còn được tự do khóc thương nó, còn được nói lên nỗi đau đớn cũng

như đắng cay vì mất nó, má con cũng còn có thể đốt cho nó nén nhang. Trong khi đó, ba không có thể làm được, chỉ âm thầm giấu nỗi đau của sự mất mát trong lòng. Ba không sao quên được gương mặt tươi roi rói đầy sự sống của em con và bên tai ba vẫn văng vẳng nghe tiếng cười của nó…"

Hai mươi năm trước, ba tôi ra đi và hứa hai năm sẽ trở về, nhưng tình hình đất nước mỗi ngày một thay đổi, khiến gia đình tôi phải chịu đựng cảnh chia cách, không những chia cách về không gian mà còn chia cách cả về tư tưởng nữa. Nhưng tôi tin ba tôi không bao giờ có ý định dụ dỗ tôi hoặc thuyết phục nghiêng về phía cộng sản. Vì thế, khi muốn đả kích cộng sản Việt Nam, tôi cùng phải biết "vuốt mặt mà nể mũi", lựa lời để ba tôi khỏi buồn hay chạm tự ái.

Khi cờ đỏ sao vàng bay trên nên trời miền Nam, ba tôi cho đó là ngày trở về. Nhưng ngày đó lại chính là ngày gia đình chúng tôi phải bỏ nước ra đi.

Ba tôi nhắc đi nhắc lại với tôi rằng:

- Người Việt Nam đã tái lập hòa bình, đã tự nắm lấy vận mạng và tương lai của đất nước mình. Bấy giờ là lúc chúng ta hàn gắn lại những vết thương do chiến tranh gây nên, để dựng lại quê cha đất tổ. Đây không phải là trách nhiệm của riêng đảng, mà là của tất cả những người yêu chuộng hoà bình ở Việt Nam. Ai ai cũng phải đóng góp vào chương trình này. Ba của con là một trong những người được giao phó nhiệm vụ này.

Nghe ba tôi nói như vậy, tôi thầm tội nghiệp cho ông, vì tôi biết cái mà ba tôi gọi là tự do, chỉ là

bánh vẽ nhằm lừa bịp mọi người. Ba tôi sẽ thất vọng.

Có lẽ vì xa chúng tôi đã lâu ngày, nên ba tôi có mặc cảm tình cha con phai lạt, nên cứ nhắc nhở:

- Hãy thương ba! Hãy chung thuỷ với ba như con chung thuỷ với dân tộc Việt Nam.

Trước khi ba tôi rời Tokyo để bay qua Pháp, chúng tôi đã được sống những ngày thần tiên trên đất nước lạ hoắc này. Trong khi nói chuyện với ông, tôi phải hết sức giữ ý giữ tứ, và lựa lời khỏi làm mất lòng ông. Chẳng hạn, nếu tôi chửi cộng sản nhiều quá, tôi có thể gặp phản ứng mạnh của ông, vì tôi đã xúc phạm tới "tôn giáo" của ông. Ở các nước tự do, chúng ta tôn trọng tín ngưỡng của

nhau, vậy tốt nhất, tôi không nên đả động gì tới "tín ngưỡng" của ba tôi.

Vì ba tôi đã coi chủ nghĩa cộng sản như một thứ "tôn giáo", mà ông lại là người rất "ngoan đạo", nên tôi biết, tôi không thể để ông đào thoát ở lại vùng tự do với gia đình. Tôi nghĩ đến người anh có tâm hồn nghệ sĩ, phóng khoáng của tôi, đó là anh Khôi. Tôi đã mấy lần xa xôi thăm dò ý kiến của ba tôi về "âm mưu" này, ông im lặng, cái im lặng thuận tình mà không dám nói ra. Thế là tôi thầm biết rằng ba tôi cũng muốn anh tôi ra khỏi Việt Nam; trường hợp này, tốt nhứt cho ba tôi là không thấy, không nghe, không nói, là tạm ổn cho ông.

Anh tôi sẽ ra đi bằng cách nào? Tôi nói chuyện với Rob Hall, một nhân viên của CIA hiện đang có mặt ở Tokyo. Tôi đề nghị CIA tuyển mộ anh, với điều

kiện là phải đưa anh sang Mỹ một thời gian ngắn. Vì chuyện này liên quan đến tính mạng của anh, nên tôi phải hết sức thận trọng. Tôi muốn làm chủ tình hình hơn là để CIA làm theo dự tính của họ. Nếu họ làm theo ý họ, tôi sẽ trở thành đui và điếc, mà đã đui và điếc thì làm sao cứu được con trai của một cán bộ cao cấp cộng sản.

Tôi cho Rob Hall biết ý định của tôi và yêu cầu ông giúp tôi. Tôi muốn viết cho anh Khôi một lá thơ, thì CIA miễn cưỡng bằng lòng. Sau đó, ông cho biết viên kỹ sư của CIA sẽ gởi một kính để đọc "micro dot" vào một máy tính, trong đó sẽ gồm cả những lời chỉ dẫn để đọc "micro film". Lúc đầu, viên kỹ sư có ý định bỏ micro film trong một máy chụp hình, nhưng tôi không chịu, vì sợ rằng cán bộ cộng sản sẽ ăn cắp mất máy hình, thì cuốn phim bí mật cũng mất theo luôn. Tôi đề nghị thay thế cái

máy hình bằng một máy tính, vì lúc đó (năm 1975) chưa có cán bộ nào biết sử dụng máy tính. Loại này chỉ dành riêng cho các kỹ sư. Họ đồng ý. Chúng tôi bắt tay ngay vào làm việc ngày đêm không nghỉ.

Tôi viết đi viết lại một cách thận trọng, nhưng rõ ràng, một bức thư, cho anh Khôi biết những gì em gái của anh có thể làm được, nhằm giải thoát anh khỏi chế độ cộng sản. Tuy nhiên, mọi quyết định vẫn ở trong tay anh. Cuối thư, tôi viết cho anh như sau:

"Em chỉ giúp anh đào thoát, đưa anh đến bến tự do, nếu anh muốn. Quyền quyết định là của anh. Em cũng xin nói để anh rõ, chúng mình không làm chuyện này vì đồng tiền, mà cũng không muốn anh phản quốc. Em chỉ muốn anh được sống trong tự do cuộc đời còn lại với má và chúng em".

Những lời nhắn kín ấy, tôi giấu kín trong những dòng nhạc đã mua cho anh ở phố Ginza mấy ngày sau khi ba tôi và tôi cho anh cây đàn guitar.

Khi chuẩn bị đưa máy tính cho ba tôi đem về Việt Nam, tôi cẩn thận hỏi xem ba tôi có bị xét hành lý không, thì ông vui vẻ cho biết:

- Không, con à. Không ai xét túi của ba đâu.

Dù sao tôi cũng phải thận trọng, vì chuyện này có thể đe doạ tính mạng của anh tôi, và tai tiếng của ba tôi.

Bây giờ tôi đã có thể thảnh thơi viết cho anh một bức thơ thường của em viết cho anh. Đây cũng là bức thơ đầu tiên tôi viết cho anh, kể từ ngày tôi mò mẫm từng chữ trong quyển tập vỡ lòng vào năm

1954. Tôi cho anh biết, má tôi hay nhắc tới "thằng con yêu quý của má" hồi mới lên 5, lên 6. Với những kỷ niệm nho nhỏ này, tôi đã cố gắng tìm cách chỉ dẫn cho anh mò ra cái bí mật mà đứa em tinh quái này gởi về cho anh. Tôi bóng gió cho anh biết trong cái máy tính, giữa những sợi dây chằng chịt có một vết đặc biệt mà anh phải cố tìm ra. Tôi nhắc lại chuyện ngày xưa, viết một câu như sau:

- "Anh có nhớ hồi anh 6 tuổi, ba cho anh một cây harmonica, anh đã làm gì ngay đêm đó không? Em muốn anh hãy làm như vậy sau khi nhận được cái máy tính này."

Tôi cầu Trời khấn Phật cho anh có đủ trí khôn và trí nhớ để biết tôi nhắc lại chuyện anh lấy dao cậy cây harmonica coi bên trong có gì mà phát ra những âm thanh thánh thót như vậy. Nếu anh cũng

làm như vậy với cái máy tính, anh sẽ biết tôi đang hợp tác với một nhõm người có thể giúp anh trốn khỏi Việt Nam qua Mỹ. Tôi cũng dặn anh là từ nay nếu nhận được quà, anh phải tìm ngay những tin mật tôi giấu trong món quà liên quan đến sự sống còn và tự do của anh. Chớ tôi sẽ không bao giờ gởi quà cáp mà không có giấu bí mật trong đó.

Ngày ba tôi rời Tokyo đi Paris cũng là ngày tôi và Lance lên đường trở về Hawaii để sửa soạn cho ngày hội ngộ của ba má tại thủ đô ánh sáng, mà cũng là thủ đô của một nước đã từng dầy xéo, đô hộ nước tôi suốt một trăm năm trời.

Chương 35

Như trời đã sắp xếp trước, khi tôi vừa trở về Hawaii một ngày thì John phải đi công tác hai tuần. Nhờ vậy, tôi có nhiều thì giờ nói chuyện với má tôi về chuyến đi gặp ba tôi ở Tokyo. Má nóng lòng nghe chuyện về người chồng đã xa cách hơn hai mươi năm, còn tôi thì chỉ muốn kể cho nhanh, cho hết, trước khi tôi quên đi những chi tiết lặt vặt. Các chị và em tôi cũng muốn muốn biết về ba. Vì vậy, tôi cứ phải nói đi nói lại, người muốn biết thêm chi tiết chuyện này, người lại thắc mắc tại sao lại thế này, thế kia… Tôi đưa cho má tôi lá thơ của ba tôi; bà cầm vào phòng riêng. Các em tôi tò mò hỏi ba viết gì cho má. Làm sao tôi biết được! Chị em tôi chỉ lo ba tôi trách má sao lại bỏ đi trước khi ba về Sài gòn. Tôi cũng vái cho ba tôi không trách má tôi

để cho con gái lấy chồng "đế quốc Mỹ". Khi má tôi mở cửa bước ra gặp chúng tôi, ai cũng chăm chú nhìn bà, chờ xem phản ứng. Nhưng má tôi không có vẻ xúc động mấy, và cũng không có vẻ giận hờn, chỉ hơi buồn một chút thôi. Vì sống lâu với má, tôi hiểu rõ nỗi buồn này. Buồn pha chút thất vọng. Khi tôi nghỉ học để làm cho Phòng V, Quân đoàn 4, má tôi buồn. Lĩnh số lương đầu tiên, đưa về cho má, bà cất ba ngàn vào hộc tủ máy may mà mắt buồn hiu. Khi chúng tôi tiễn Hải Vân lên Sài gòn ở với chị Kim, chị Cương để đi học, tránh bị đi lính Việt Cộng, má cũng buồn héo hắt. Má biểu chúng tôi ngồi vào gần quanh má để nghe thơ ba. Chị Cương mới nghe nửa đường đã ôm mặt khóc nức nở. Tôi thì không khóc, nhưng tim như bị ai bóp nghẹn. Đọc xong, má xếp lại như cũ, đưa cho chị Cương. Chị chạy vội về phòng riêng để đọc; rất lâu sau mới trở ra, hai mắt đỏ hoe. Rồi tới lượt Hoà

Bình và Minh Tâm. Tôi không đọc ngay tại chỗ, mà đem thơ về nhà.

Thơ ba làm chúng tôi khóc, mà cũng làm chúng tôi cười, khi nhắc tới những thói hư tật xấu của từng đứa con. Anh Khôi thì lúc nào cũng lo bị thất học, vì cứ phải chui rúc trong "vùng giải phóng" khỉ ho cò gáy. Hai chị Kim và chị Cương chỉ mơ ước được sống ở thành thị có nhiều tiện nghi. Hải Vân rất thông minh, còn Hoà Bình hay nhõng nhẽo. Ba cũng không quên cái tật tôi thường bỏ mứa khi ăn cơm.

Khi chúng tôi họp nhau để bàn chuyện đi Paris của má, ai cũng biết chuyến đi này có nhiều khó khăn cho má, vì má có nhiều "hành lý" nặng trĩu trên đôi vai gầy. Hơn hai chục năm xa cách chồng để một mình nuôi dạy đàn con nhỏ. Má đã gánh bổn phận làm cha, làm mẹ, làm thầy, làm bạn với chúng tôi

trong khi ba đi theo tiếng gọi của núi sông, của lý tưởng mơ hồ. Chị em chúng tôi không ai dám hỏi thẳng má, chỉ đoán với nhau, là có thể má sẽ trở về Việt Nam với ba. Thiệt ra, theo chúng tôi, nếu má chịu về Việt Nam, thì nguyên nhân chính là muốn gặp lại anh Khôi.

Chị Cương và tôi biết má đang đứng trước một sự lựa chọn quá khó khăn, tế nhị. Để má dễ dàng trong việc lựa chọn, chúng tôi đã cho má rõ là trong suốt hai chục năm qua, má đã sống và đã cống hiến hết tuổi trẻ cho các con nhiều rồi, bây giờ là lúc má hãy nghĩ đến má, đến bản thân má. Chúng tôi nói như vậy không phải để làm vui lòng hoặc trấn an má, nhưng thực tế đã đúng như vậy. Má tôi đã dành trọn tuổi trẻ và tình thương của má cho đàn con. Bà đã cho chúng tôi mái ấm gia đình, cơm no, áo ấm. Bà đã không bỏ rơi một đứa nào trong chúng tôi.

Có người bạn giầu có của má, hiếm muộn, muốn xin một đứa làm con nuôi, với hảo ý làm nhẹ bớt gánh nặng trên vai má tôi. Nhưng bà cương quyết từ chối, ôm chặt chúng tôi vào lòng những lúc khó khăn, thiếu thốn. Bà dậy dỗ chúng tôi không bằng roi vọt hay những lời trách mắng nặng nề, mà bằng những lời khuyên răn và làm gương tốt cho chúng tôi noi theo. Ngay cả vấn đề tôn giáo, má cũng không cấm đoán hay ép buộc. Hai chị tôi muốn theo đạo Thiên Chúa, má khuyên hai chị nên tìm hiểu kỹ trước khi quyết định. Theo một đạo mới, má khuyên, không giản dị như chạy theo thời trang, thay đổi một kiểu tóc, một cái áo dài hay mua một đôi giầy kiểu mới. Chừng nào thật lòng tin ở "Đức Chúa Trời" thì hãy vô đạo. Hai chị tôi vâng lời, cuối cùng đã được rửa tội. Hai chị đã trở thành con chiên của Chúa và suốt đời giữ đạo.

Chị Cương và tôi biết má không mạo hiểm gì mà trở về Việt Nam, khi vừa mới thoát nạn. Nhưng có thể vì bà nhớ đứa con đầu lòng xa cách hai chục năm dài mà đổi ý, để được gặp anh Khôi. Hiểu tâm trạng của má như vậy, chị Cương cấm các em không được ngăn cản má. Chúng tôi còn hứa với má, sẽ lo lắng, đùm bọc Minh Tâm suốt đời.

Sở ngoại kiều ở Honolulu cho chúng tôi biết phải mất chừng bốn tuần mới lấy được giấy thông hành cho má tôi (Refugee Travel Document). Trong khi đó, ba tôi không thể chờ đợi bốn tuần ở Paris được. Muốn được việc, tôi phải tìm "tay trong" giúp thì may ra mới kịp. Tôi chợt nhớ tới viên sĩ quan làm việc cho Sở ngoại kiều mà tôi đã gặp khi tôi tình nguyện giúp người tỵ nạn ở phi trường Honolulu. Ông vui vẻ nhận lời, nên chỉ hai tuần má tôi có giấy thông hành đi Paris.

Sau khi được giấy thông hành, tôi đưa má tôi tới toà lãnh sự Pháp ở Honolulu để xin chiếu khán. Một bà đầm già xem đơn xong, trả lời bằng tiếng Pháp:

- Việt Nam phải không?

Tôi hơi bực mình vì giọng nói xách mé của bà. Tôi nghĩ rằng bà cũng như nhiều người Pháp khác, thường có mặc cảm tự tôn đối với người Việt Nam. Hình như họ vẫn tự coi là kẻ cai trị dân Việt. Tôi chưa kịp trở lại thì bà lại hỏi thêm, cũng bằng tiếng Pháp.

- Có phải là thường trú nhân hợp pháp của Mỹ không?

Tôi vội trả lời bằng tiếng Anh:

- Tôi không biết tiếng Pháp.

Bà ta tỏ vẻ ngạc nhiên, hỏi bằng tiếng Anh:

- Cô là người Việt Nam mà không nói được tiếng Pháp?

Tôi nhìn thẳng mắt bà, trả lời một cách thách thức:

- Tôi là người Việt Nam, nhưng tôi không bị người Pháp cai trị.

Bà hơi giựt mình, dịu dàng:

- Cô ơi, cô không cần phải chua chát như vậy.

Bà nói đúng. Tôi không nên chua chát khi đang cần

họ giúp đỡ. Nhưng lúc đó, bỗng tôi nhớ tới những chuyện Tây ăn hiếp dân mình do má tôi kể lại.

Bà đầm bình tĩnh đọc đơn của má tôi, rồi cho biết má tôi cần hai người ở Pháp bảo trợ, và giấy chiếu khán sẽ được chấp tthuận từ 4 đến 6 tuần. Hai người bảo trợ thì không khó, vì má tôi cho biết có thể nhờ vợ chồng Cúc, bác sĩ ở Paris. Vợ chồng này con của bạn ba má tôi. Người thứ hai cũng là con của bạn má tôi. Nhưng cái thời hạn thì quá dài. Tôi phải tìm cách rút ngắn. Thoạt tiên, tôi nghĩ đến toà đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam ở Paris. Không biết họ có thể móc nối với một thằng Tây mẹ đầm nào khuynh tả trong Bộ ngoại giao Pháp không? Tôi viết thơ cho ba tôi về vấn đề này, hy vọng ba tôi có thể giải quyết nhanh chóng để gặp má tôi.

Rồi tôi nghĩ đến Rob Hall, nhân viên của CIA. Nhưng Rob cho biết tức khắc, là việc này “ngoài tầm tay” của CIA. Tôi nghĩ trong bụng “vậy mà người ta tưởng mấy anh đi trên nước, bước trên lửa!

Bối rối trước nhiều bức tường, tôi chợt nhớ tới một nhân viên toà đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam ở Paris tên là Phan Thanh Nam. Hồi tôi sang Tokyo, ba tôi cho biết, nếu cần giúp đỡ gì khi ba tôi chưa tới Paris, có thể liên lạc với ông ta và kêu ông bằng chú. Thế là tôi vội gọi cho Nam ngay. “Chú Nam” hứa sẽ nhờ một “người bạn thân” lo ngay việc này cho má. Chỉ mới hai tuần và bốn ngày sau ngày nộp đơn ở toà lãnh sự Pháp, b à đầm gọi điện thoại báo cho chúng tôi biết là má có giấy chiếu khán. Khi chúng tôi đến toà lãnh sự; bà đầm rất ngạc nhiên, vì sự nhanh chóng khác thường. Bà

đoán tôi phải quen biết nhiều người trong Bộ ngoại giao Pháp. Tôi nửa đùa nửa thật nói:

- Bây giờ tới phiên người Pháp phục vụ chúng tôi, bà ơi.

Bá đầm thắc mắc nhìn má tôi, rồi chúc:

- Bon voyage!

John và tôi quyết định để Lance ở nhà với John, vì chúng tôi không muốn dậy con nói đối. Lời nói trung thực của một đứa trẻ lên 5 có thể gây mâu thuẫn giữa người lớn. Chúng tôi gửi Lance cho bà vợ một sĩ quan cùng phi đoàn với anh. Buổi chiều đi làm về John sẽ đón Lance về nhà. John còn định xin nghỉ một tuần lễ để hai cha con đi cắm trại. Tôi yên tâm đi với má tôi sang Paris.

Khi tôi báo cho Rob Hall biết tin này qua điện thoại, ông giữ im lặng một lúc khá lâu. Không biết có phải ông giựt mình vì sự việc xảy ra nhanh chóng hơn dự tính của CIA? Mà cũng có thể ông ngạc nhiên vì tài tháo vát của người "gián điệp mới" này. Nhưng chỉ vài phút sau, tôi hiểu rằng Rob không ủng hộ chuyến đi vì lo má tôi theo ba tôi về Việt Nam thì sao. CIA đã góp công vào việc đưa má và hai em tôi sang Mỹ để bảo vệ an ninh tính mạng cho bà mới cách đó không đầy 5 tháng. Ông đề nghị tôi ghé Washington, D.C., trước khi chúng tôi lên đường sang Pháp. Tôi thắc mắc hỏi tại sao, thì ông cho biết:

- Chúng tôi cần bàn một vài chuyện quan trọng trước khi cô gặp ba cô lần này.

Trước khi lên đường, tôi viết cho Rob một bức thơ,

cảnh cáo ông không được xâm phạm tự do riêng tư của má tôi. Nếu bà quyết định về Việt nam với ba tôi thì không nên ngăn cản, không nên hù doạ má tôi. Chúng tôi biết rằng, nếu má tôi quyết định về Việt Nam thì phần lớn là bà muốn gặp anh Khôi. Nhiều lần nói chuyện nhắc đến anh, bà không cầm được nước mắt.

Ba ngày ở Washington, D.C, là thời gian dài vô tận đốt với tôi. Bà tâm sự với tôi:

- Trong thâm tâm, má muốn về với ba của con lắm. Nhưng quyết định của má còn tuỳ thuộc vào chính sách của cái Chánh phủ của ba con. Mà muốn biết tụi Bắc Kỳ Hà Nội đối xử với người Nam mình ra sao. Má không tin lời báo chí của phe quốc gia, má cũng không tin luôn cái miệng "chống cộng" của

tụi con. Người má tin nhứt là ba con. Chắc chắn ba sẽ không gạt má kỳ này. Vậy, tụi con cứ yên tâm.

Rob Hall đưa tôi đến "Nông trại" để gặp xếp lớn của CIA. "Nông trại" là tên lóng, gọi trụ sở bí mật của trùm CIA Jerrie Parker. Trên đường tới "nông trại", Rob cho biết ông trùm muốn gặp tôi để chào đón tôi mới gia nhập "công ty". Nhưng khi ngồi nói chuyện với ông Jerrie Parker tôi mới biết rằng "con mồi" mà CIA nhắm là anh Khôi của tôi.

Anh tôi đã từng học ở Hà Nội, Bắc Kinh và Liên Xô. Anh tốt nghiệp với bằng kỹ sư tên lửa. Nhưng, dù là con một nhà cách mạng, anh lại có tâm hồn phóng khoáng, thầm mơ ước cuộc sống tự do bên cạnh mẹ và các em của anh. Vì vậy, anh không phải đảng viên cộng sản.

Khi thấy Jerrie Parker quan tâm nhiều đến anh Khởi, tôi thận trọng, dè dặt khi trả lời những câu hỏi về cá nhân anh. Ông muốn anh ở lại Việt Nam vài năm, làm việc cho CIA, rồi sẽ tìm cách đưa anh ra khỏi nước. Đã hai chục năm nay, kể từ ngày ba tôi đi tập kết, tôi phải lăn xả vào đời để giành một chỗ đứng danh dự. Tôi chỉ tin có má tôi và… chính tôi thôi. Vì vậy, lời hứa của ông Parker tôi bỏ ngoài tai, không tin mà cũng không giận hờn: Tôi thầm nhắc nhở mình, rằng CIA đã có nhiều kinh nghiệm về Việt Nam. Họ đã từng đi giầy, đi guốc, đi cả dép râu trên quê hương tôi. Mỹ đã từng đem tầu há mồm đến Hải Phòng đem người Bắc di cư vào Nam cho tới ngày ông đại sứ Martin ôm lá cờ Mỹ chạy. Trong khi đó, tôi chỉ mới biết CIA không đầy 3 tháng. Ba tháng là 100 ngày, một thời gian qua ngắn ngủi, cứ như một giấc chiêm bao.

Khi tôi bắt đầu làm việc cho CIA, người ta đã bắt tôi ký một văn kiện có nhiều quy luật. Những đối với tôi, quy luật nào cũng theo được hết, miễn không làm điều gì hại đến ba tôi, dù tôi vẫn biết ba tôi luôn luôn trung thành với đất nước, mà đất nước tức là Đảng. Những đối với anh Khôi thì khác. Anh như con tầu mắc cạn, con chim bị nhốt trong lồng. Anh khao khát được sống như mọi người bình thường khác. Tôi không ngần ngại tìm cách giúp anh thoát khỏi cái nhà tù khổng lồ đó.

Chương 36

Việc đầu tiên khi chúng tôi đến Paris, là tôi phải liên lạc ngay với Rob. Rob Hall và chúng tôi đi cùng chuyến bay, nhưng nhận ra nhau ngay từ phi trường Dulles ở Washington, D.C, đến phi trường

Charles de Gaulle. Thế rồi Rob cũng ở chung khách sạn Sheraton với chúng tôi. Một tiếng đồng hồ sau khi vào khách sạn, theo chỉ dẫn của Rob, tôi xuống lầu, đi xem các cửa tiệm trong khách sạn, mua sắm lặt vặt vài thứ. Sau đó, tôi trở lại thang máy, nhưng tôi không lên tầng lầu 6, nơi chúng tôi đang tạm trú, mà lên lầu 3. Tôi lên xuống ba lần, đến lần thứ tư thì Rob đã chờ sẵn ở cửa. Nhưng chúng tôi không chào nhau, coi như không quen biết nhau. Khi mọi người đã ra hết, chỉ còn mình tôi, ông bước vào, rồi chúng tôi đi lên. Ông vừa nói "Welcome to Paris" vừa trao cho tôi một hộp diêm quẹt giấy của khách sạn. Đến tầng lầu 4, thang máy ngừng lại, mở cửa, ông bước ra, tôi tiếp tục đi lên tầng lầu 6 để về phòng. Khi đã đóng hẳn cửa, tôi mở hộp diêm để biết số phòng của ông. Năm phút sau tôi đến gặp ông để bàn về chuyện ba má tôi. Nhiệm vụ của tôi là phải quan sát và theo dõi

những cán bộ Cộng sản chung quanh hai người, rồi báo cáo cho Rob.

Về phòng, tôi hỏi má tôi đã sẵn sàng gặp ba tôi chưa, bà tươi cười đáp “Chưa!”. Chưa bao giờ tôi thấy một má tôi vui vẻ như lúc này. Má tôi trẻ hẳn lại. Có phải bà đang nao nức gặp lại người chồng đã xa cách hơn hai chục năm? Má tôi hát “Ngày trở về” không biết mấy trăm ngàn lần. Nhưng cái vẻ tươi vui, rạng rỡ của má tôi biến mất đi. Bà trở nên đăm chiêu, lo nghĩ. Tôi ngồi xuống cạnh má, hỏi nhỏ:

- Má nghĩ gì? Sao tự nhiên má buồn?

Má tôi khẽ thở dài:

- Má buồn cho hoàn cảnh ngang trái của mình. Chỉ còn vài phút nữa, má được gặp ba con, đáng lẽ mừng lắm, vậy mà má không thể dẹp qua cái giận hờn cái "đảng" của ba. Ba biết má thương ba, nhưng ba làm bộ như má cũng thích cái đảng của ba.

Tôi đề nghị:

- Má, quan trọng nhứt là mình cho ba biết, mình thương ba, nhưng mình ghét cái đảng của ba. Con nghĩ, như vậy ba sẽ hiểu thấu xương thấu tuỷ của mình.

- Nếu má có theo ba về lại Việt Nam thì cũng chỉ vì thằng con của má, anh Khôi của con thôi.

Tôi nói ngay bằng một giọng tha thiết:

- Mà sẽ không làm gì được cho anh Khôi đâu, má à. Đừng về vì ảnh, chỉ về cho má thôi.

Má tôi nghẹn ngào, nước mắt chảy dài trên má:

- Ít nhứt mà cũng chịu khổ với ảnh…

Tôi năn nỉ:

- Bây giờ má chỉ nên nghĩ tới ba thôi. Một lát nữa gặp ba, má ráng nói ngọt, ba mình ưa ngọt lắm.

Bà lấy khăn chấm nước mắt, rồi đứng lên xuôi xị:

- Được rồi, cho má gặp ba con đi.

Giọng bà đầy miễn cưỡng, không có vẻ rộn ràng

như cái áo dài mới má đã ủi thẳng máng trên móc áo.

Để sắp xếp cuộc gặp gỡ, tôi gọi toà đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam, xin nói chuyện với Phan Thanh Nam, người đã giúp chúng tôi lấy được giấy chiếu khán cho má tôi. Như tôi biết, ba tôi đã tới Paris từ ngày 14 tháng 9 và rất nôn nóng chờ tin má tôi. Khi được Nam chuyển điện thoại, ba tôi hỏi ngay địa chỉ của khách sạn, để sai nhân viên tới rước. Tôi đợi ông đến gặp chúng tôi ở khách sạn, nhưng ông cho biết theo ông phải ở trong cơ quan. Tôi nói đùa:

- Thì lâu lâu ba phạm luật một lần cũng đâu có sao!

Ba tôi cười, rồi cho biết ông và “chú Nam” sẽ đến khách sạn ngay. Tôi hơi bực mình vì “chú Nam”

chen vô cuộc gặp ba má tôi, làm mất hết ý nghĩa của phút giây đoàn tụ của hai vợ chồng.

Tôi xuống đón ba tôi và "chú Nam" để đưa lên gặp má. Tôi thấy chú Nam không có dáng của một nhà ngoại giao. Chú có dáng vẻ khắc khổ, chừng 55 hay 56 tuổi. Chú lùn, nhưng người vạm vỡ, da đen xạm, môi chì. Khi chú đưa tay ra bắt tay tôi, tôi thấy hai ngón tay chú vàng khè vì khói thuốc lá. Chú vui vẻ hỏi:

- A, cháu đây là người đã nói chuyện với chú trong điện thoại. Quite an operator.

Tôi hơi giựt mình vì tưởng bí mật của tôi đã bị… bật mí. Tôi cố giữ bình tĩnh, nhìn thẳng mắt chú như chờ đợi, thách thức. Chú Nam nói tiếp:

- Chú rất ngạc nhiên khi cháu gọi chú lần đầu.

Tôi vui vẻ hỏi:

- Bộ từ hồi nào đến giờ không có ai gọi chú từ bên Mỹ sao?

Tôi cũng muốn nhân dịp này tìm hiểu chú, để có lợi cho công tác của tôi sau này. Chú đáp:

- Có, có người gọi chú từ Mỹ chớ, nhưng không phải…

Thấy chú ngần ngừ, tôi nói tiếp để trả lời:

- Một người Việt Nam không phải là Việt Cộng?

Chúng tôi cùng cười phá lên, làm cho bầu không

khí bớt căng. Chú Nam sau đó giới thiệu anh Phạm Gia Thái, một sinh viên Hà Nội du học Pháp. Giọng Hà Nội của anh nghe thật êm tai. Anh cao hơn chú Nam, tất nhiên, người ốm yếu. Anh cận thị, mang kiếng dầy cộm như cái đít ve chai, nhưng tôi cũng nhận thấy đôi mắt lé của anh sau cặp kiếng. Anh mặc sơ mi trắng tay dài, bên ngoài khoác thêm một jacket kiểu Members Only mầu xanh dương, quần kaki xanh. Anh có dáng dấp của một thư sinh, con nhà gia giáo, lịch sự, dịu dàng, dễ thương. Nhưng tôi biết anh làm "nghề" sinh viên, vì đã trên dưới 40 tuổi. Anh sẽ lo cho chúng tôi trong thời gian chúng tôi lưu lại Paris. Sau tôi mới khám phá ra rằng tôi đã đánh giá anh quá thấp trong mọi hoạt động của Việt Cộng ở Paris.

Chú Nam đề nghị với ba tôi là chúng tôi nên dọn về sứ quán ngay đêm đó; hôm sau anh Thái sẽ đưa

chúng tôi đến biệt thự của Chánh phủ cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam ở vùng Verrieres-la-Buisson. Đây là nơi mà cộng sản đã dùng nơi trú ngụ cho phái đoàn trong thời gian có hội đàm Paris. Tất nhiên là tôi muốn biết nơi đó lắm, nhưng lại không muốn mang ơn, và không thích ngủ dưới cùng một mái nhà với cộng sản. Tôi cần tự do đi lại để có thể liên lạc dễ dàng với CIA. Ngoài ra tôi cũng ngại đó là một cái bẫy? Tôi từ chối, nói rằng tôi sợ Bộ ngoại giao Hà Nội không muốn người có quốc tịch Mỹ ngủ trong biệt thự đó. Khi về Mỹ, tôi cũng có thể bị rắc rối. Tôi hứa sẽ đi xe lửa tới thăm ba má tôi hàng ngày. Chú Nam nghe xong, tỏ vẻ bực mình, lạnh nhạt nói:

- Tuỳ Mỹ Dung, miễn sao tiện cho cháu. Nhưng chú cần cho cháu biết, là sẽ không có xe đưa rước cháu hàng ngày đâu.

Tôi trấn an:

- Chú khỏi lo. Cháu sẽ đi metro, chớ không làm phiền ai hết.

Anh Thái thì ngạc nhiên, nhìn tôi đăm đăm mà không nói gì hết. Tôi thầm nghĩ, tôi cũng liều khi dám trả treo với Việt Cộng trên xứ lạ của thằng Tây. Hai mươi năm trước, tôi mới ra sống nơi thị thành sau mười năm trong bưng biền, rừng rú. Nay mới 29 tuổi, lần đầu tiên tới thủ đô ánh sáng, chữ Tây đã trả tại thầy hết, may ra chỉ còn sót lại mấy chữ thông thường. Vậy mà dám tính di chuyển bằng xe điện ngầm. Hồi đó, ông ngoại thường nhắc nhở: "Đường đi ở cửa miệng". Cứ hỏi những người chung quanh thì cũng có thể đi đến nơi về đến chốn.

Khi tôi đưa mọi người lên phòng, cửa vừa mở, ba má tôi nhìn nhau sững sờ. Rồi ba tôi ôm choàng lấy với má tôi, cả hai cùng khóc trước mặt chúng tôi. Nhưng hai cụ phải cố kìm xúc động để thăm hỏi nhau một cách trang trọng, vì có hai người lạ. Nếu không phải là người Việt, tôi có thể thẳng thắn mời chú Nam và anh Thái đi chỗ khác chơi, để ba má tôi được tự do bày tỏ tình cảm sau một thời gian dài xa cách, nhớ nhung. Trong phút giây đầy cảm xúc này, mà có hai cán bộ cộng sản chứng kiến, quả thật bẽ bàng quá chừng đi. Đáng lẽ chính họ phải tự ý rút lui để tỏ ra mình là người lịch sự hiểu biết chớ. Nhưng họ cứ trơ trẽn đứng ỳ tại đó một cách thô bỉ. Khoảng 15 phút sau, anh Thái cho biết phải về sứ quán vì có buổi họp, chú Năm cũng về theo việc hẹn. Đáng lẽ ba tôi có thể ở lại khách sạn với chúng tôi, nhưng theo luật của cộng sản, cán bộ cao cấp phải có người bảo vệ (rình rập, kiểm soát?),

nên không thể ở lại một mình được, phải đi theo họ. Chú Nam mời má tôi cùng đi cho tiện. Má tôi từ chối hẹn ngày mai về thẳng biệt thự ở Verrieres-la-Buisson. Sau khi tiễn ba người lên xe về sứ quán, tôi phải gặp Rob Hall để báo cáo. Tôi nhớ lời dặn của ông, là khi đã gặp cán bộ cộng sản, tôi sẽ bị chính cộng sản và cơ quan phản gián Mỹ theo dõi. Tôi lại phải dùng cái mẹo vặt lần trước, là đi lên đi xuống, ra vào thang máy nhiều lần, rồi gọi cho Rob bằng điện thoại công cộng. Khi gặp Rob, tôi cho ông biết mọi chi tiết. Ông có vẻ tiếc, là tôi không đến ở biệt thự của Mặt trận giải phóng miền Nam, vì nơi đó là một kho báu chứa nhiều tài liệu bí mật về cuộc hoà đàm Paris.

Sáng hôm sau, ba tôi và anh Thái tại rước chúng tôi. Anh cho chúng tôi được đến vào thăm sứ quán của chính phủ cách mạng lâm thời, vì các nhân

viên ở đây nôn nóng muốn gặp má tôi và tôi. Trong phòng tắm, má tôi nói nhỏ với tôi, là má không muốn gặp "ông kẹ" nào hết, nhưng không thể từ chối, để ba tôi vui lòng.

Sứ quán là nhà số 44 Avenue de Madrid ở vùng Neuilly-sur-Seine. Trên đường đi, anh Thái cho biết chú Nam sáng nay bận gặp mấy người "bạn Mỹ" nên không thể đi cùng. Nhưng khi tới sứ quán, tôi thấy chú ăn mặc xuề xoà, ngồi cạnh bàn viết đọc cuốn "Inside the Company CIA Diary" của một cựu trùm CIA Phillip Agee. Quyền sách này đã gây sóng gió ở Washington nửa tháng trước, nhưng tôi chưa có dịp đọc. Tôi bước nhẹ tới sau lưng chú, rồi chỉ quyển sách hỏi:

- Ôn bài, hả chú Nam?

Chũ bẽn lẽn như con nít bị bắt quả tang đang ăn vụng. Chủ ngượng ngùng đáp:

- Không, chú thực hành Anh ngữ.

Chú vội vàng xếp quyền sách lại, cùng tôi đi ra phòng khách. Tại đây, tôi thấy ba má tôi đang nói chuyện với mấy nhân viên, trong đó có một người tên là Như Phi mà chú Nam giới thiệu "thơ ký" của sứ quán. Sau này, tôi mới biết bà là vợ của nhà vật lý Jean Kaplan, làm việc cho French National Scientific Research Center. Tôi sực nhớ hồi tháng 3, người gọi tôi từ Paris biểu tôi lo đưa má tôi và hai đứa em cũng là Jean Kaplan, không lẽ ông Jean Kaplan này? Mà thôi, cũng có thể trùng tên, cũng như Việt Nam mình có bao nhiêu ông Trần, ông Đặng. Tôi cũng được gặp ông Thanh, tài xế của toà đại sứ. Thật ra, chức vụ tài xế chỉ là bề ngoài; ông

chính là một sĩ quan tình báo, cánh tay trái của Phan Thanh Nam.

Chúng tôi cũng được giới thiệu với một số nhân viên của ngoại giao đã làm việc dưới quyền của ba tôi. Một người hãnh diện khoe rằng ông đã chăm sóc ba tôi khi ba tôi bị bịnh vào mùa đông ở Moscow, và được đưa sang Paris dưỡng sức vào mùa xuân năm 1972.

Đứng giữa phòng khách nguy nga, tráng lệ của toà đại sứ, thảm đỏ dưới chân, với những bình bông đầy hoa tươi, với những bộ bàn ghế kiểu Tây phương quý giá, tôi chợt nhớ tới phòng làm việc của ba tôi ở một xứ hẻo lánh trong vùng giải phóng trước năm 1954. Tôi cảm thấy mình xa lạ với căn phòng lộng lẫy này, dù những người chung quanh đều tỏ vẻ thân mật với tôi.

Khi ba má tôi vào phòng riêng để nói chuyện vài phút. Thái đưa tôi đi thăm sứ quán của Mặt trận giải phóng miền Nam một vòng. Anh tặng tôi một lá cờ của Mặt trận và cho biết lá cờ này đã được treo trước toà đại sứ lâu ngày. Tôi thầm nghĩ tôi đang cầm trong tay một di tích lịch sử. Vậy mà tôi không mảy may xúc động như khi tôi nhìn thấy lá cờ vàng ba sọc đỏ. Sau này tôi tặng lá cờ đó cho Rob Hall để kỷ niệm ngày tôi "vào đồn giặc". Nhưng Rob cũng không muốn giữ nó, lại đem tặng ông chánh văn phòng của CIA tại Paris. Lá cờ được treo trên tường trong mấy ngày như một "chiến lợi phẩm" của mấy tay thợ săn.

Trước khi trở lại phòng khách, tôi vào nhà vệ sinh. Khi mở đèn sàng, tôi lạnh toát người vì thấy trên sàn nhà có mấy lá cờ của Việt Nam Cộng hoà chung quanh cầu tiêu. Tôi cúi xuống, định cuốn

mấy lá cờ lại, những chúng nặng trĩu nước. Tôi bỗng nhớ đến lá cờ phủ trên quan tài của em Hải Vân và những bạn bè chết trận. Cũng là lá cờ vàng ba sọc đỏ. Tôi nghẹn ngào nuốt nước mắt. Sau đó, tôi không còn biết gì nữa.

Tôi xỉu đi không biết bao lâu, mấy người trong toà đại sứ không thấy tôi, phải chạy đi tìm. Họ gõ cửa ầm ầm phòng tắm làm tôi tỉnh lại. Tôi nghe tiếng ba tôi. Tôi vội nắm lấy áo ông, kéo vô phòng tắm, rồi đóng cửa lại ngay. Cũng chả có cần mọi người nghĩ gì lúc đó.

Tôi chỉ xuống sàn nhà tắm. Tôi nói vừa nghiến răng:

- Ba coi nè, tụi này là đồ thú vật. Con sẽ trả mối thù này. Con thề với ba đó.

Nói xong, tôi đẩy ông ra ngoài và lại đóng cửa. Tôi cố vắt cho ráo nước lá cờ bị ướt, rồi lấy lá cờ khô gói lại, cất hết vô trong bóp. Về khách sạn, sau mấy tiếng đồng hồ cân nhắc, không còn cách nào hơn là gói mấy lá cờ trong bọc nylon, rồi miễn cưỡng nhẹ nhàng để vào thùng rác, như một kẻ hèn nhát. Khi về Mỹ, chị em tôi hỏi sao tôi không giữ làm kỷ niệm? Tôi cho biết cứ mỗi lần nhìn thấy nó, tôi lại căm hờn cái đám người trong toà đại sứ quán.

Nhưng chỉ hôm sau, tôi biết rõ hơn về "ý đồ" của CIA. Khi đọc bản báo cáo của tôi về chuyện viếng thăm sứ quán Mặt trận giải phóng miền Nam. Rob tỏ vẻ thất vọng, nhất là về mấy lá cờ Việt Nam Cộng hoà. CIA đâu cần đếm xỉa gì tới sự sống còn của Việt Nam Cộng hoà, kể cả nỗi đau khổ của người dân miền Nam sống dưới ách độc tài đảng trị của cộng sản. Họ chỉ cần tôi báo cáo những gì liên

quan tới họ, những gì mà CIA muốn biết. Họ yêu cầu tôi vẽ lại sứ quán, rồi chỉ rõ cho ông biết một số chỗ như chỗ nào là phòng khách, chỗ nào Phan Thanh Nam thường ngồi ăn uống, chuyện trò riêng tư, phòng làm việc cho nhân viên, chổ để điện thoại của phòng khách, v.v… May mà tôi mới vào sứ quán ngày hôm qua, nên còn nhớ rõ mọi thứ.

Chương 37

Tối hôm đó, chúng tôi được mời dùng cơm tại một nhà hàng Việt Nam trong quận 5 Paris. Cũng đi với chúng tôi có chú Thanh và anh Thái. Chủ nhà hàng là một người đàn ông Việt Nam chừng 45 tuổi, tên là Giang. Chắc anh ở Pháp đã lâu, có vợ đầm; tên chị Giang là Simone. Chị có vẻ hiểu nhiều về

phong tục Việt Nam. Chị mừng rỡ khi thấy ba tôi bước vào nhà hàng, đã chạy ra đón, rồi hôn hai má ông. Anh Giang cùng tay bắt mặt mừng. Anh chị đều tỏ vẻ mừng rỡ khi ba tôi giới thiệu má và tôi. Anh cung kính chào má tôi, rồi nói:

- Bác Nam và chúng cháu chỉ mong có ngày hôm nay, bác ơi! Gia đình bác được đoàn tụ, rồi đây đất nước mình sẽ yên vui.

Chị Simone cung kính chắp tay lên ngực chào má tôi cung cách Việt Nam.

Anh chị bắt tay tôi, rồi anh nói:

- Chị giống bác trai quá. Chúng tôi rất mừng được chung vui bác Nam và gia đình chị ngày hôm nay. Rồi mình sẽ về quê hương với dân tộc mình, chị Dung ơi.

Niềm vui lên cao, tôi lây cái vui của anh Giang. Tôi nghe có tiếng reo vui của dân tộc tôi đâu đây. Tôi hình dung ra đêm trăng sáng không còn tiếng súng. Ba má tôi sẽ dậy sớm đun nước pha trà để đối ẩm. Ban ngày thì đi thăm bà con lối xóm Cần Thơ, bên Ba Càng. Rồi tôi sẽ về thăm Cần Thơ… Nhưng tiếng ồn ào chung quanh kéo tôi trở lại thực tế.

Simone đem ra một chai Johnny Walker đen, chưa khui, kéo một ly nhỏ để trước mặt chú Nam. Khi bắt đầu kêu món ăn, ba tôi nói:

- Đây là bữa cơm đặc biệt, tôi phải uống rượu ăn mừng.

Mọi người đều vui vẻ tán thành. Ba tôi kêu một chai Côte du Rhône. Tôi cũng hay uống rượu nhưng giấu má tôi, nên Nam định rót rượu cho tôi,

thì tôi vội từ chối. Lúc má tôi ra phòng tắm, tôi nói nhỏ với chú:

- Chú cháu mình còn nhiều dịp uống rượu với nhau khi má cháu đã về Việt Nam.

Chú gật đầu cười đồng loã.

Bữa cơm thịnh soạn, toàn những món ngon, đặc sản của miền Nam, vì anh Giang là người Sóc Trăng. Trước khi mang món ăn ra, anh nói:

- Hôm nay chúng cháu chỉ đãi hai bác và chị các món ăn của dân Nam mình, không có món Bắc kỳ nào.

Nghe giọng nói của anh, và nhớ lại thái độ của mấy người trong nhóm Mặt trận giải phóng miền Nam,

tôi đoán có chuyện lủng củng gì giữa họ với Bắc Kỳ. Còn anh Thái thì thuộc phe nào? Anh trung lập, hay là tai mắt của đại sứ Hà Nội, đi theo để dòm chừng ba má tôi?

Về công tác tình báo của tôi, cho đến lúc ấy vẫn chưa rõ rằng. Rob chỉ dặn đi dặn lại là tôi cứ theo dõi những gì đang xảy ra trước mắt. Vì vậy, suốt bữa ăn, tôi để ý nhiều đến chú Nam và anh Thái. Chỉ mới uống có một ly rượu, mắt anh đã đỏ như gấc chín. Con chú Nam thì đã uống gần một phần tư chai Whiskey mà mặt cứ tái xanh, nặng như chì.
Tôi dặn lòng là phải giữ gìn lời ăn tiếng nói, không uốn lưỡi đủ bảy lần thì cũng phải sáu lần. Tôi còn cố gắng xài những từ Việt Cộng, tuỳ cơ ứng biến, như một con cắc kè thay đổi mầu sắc tuỳ theo hoàn cảnh. Vậy mà khi chú Nam khen đi khen lại rằng tôi tài tình khi tìm ra ba tôi ở Tokyo, tôi nói phần

lớn cũng nhờ tự do báo chí mà tôi tìm được ba tôi. Báo Japan Times đã đưa tin ngay phái đoàn của Mặt trận giải phóng miền Nam đến Tokyo. Khi nghe tôi nói vậy, mọi người trong bàn đều im lặng, một sự im lặng ngột ngạt, khó chịu. Ba tôi thì nhìn tôi bằng cặp mắt nghiêm nghị, trách móc. Má tôi đá nhẹ chân tôi dưới gầm bàn.

Hồi nhỏ dì Bảy tôi dậy, trước khi nói phải suy nghĩ. Có thật không? Có cần nói không? Có tử tế không? Đúng 100%, không cần nói cho lắm. Có gì mà không tử tế, khi đó là sự thật ai cũng biết.

Phan Thanh Nam chú động trong cuộc nói chuyện. Chú đặt nhiều câu hỏi riêng tư cho người đối thoại, vì vậy, tôi khó đoán nổi trong cái đầu hoa râm của chú đang thật sự nghĩ những gì. Tôi phải thận trọng khi nói chuyện với chú.

Trước hết, chú hỏi tôi đến Mỹ bằng cách nào. Tôi cứ thật thật mà trả lời:

- Cháu nghe nói Mỹ là nước tự do, có nhiều cơ hội để tiến thân và có thể tìm đến ba cháu được. Rõ ràng là cháu đang ngồi bên ba cháu nè.

Chú đột ngột hỏi:

- Cháu làm gì ở Mỹ?

Chú nhìn tôi không chớp mắt, trong khi đó anh Thái xích lại gần chú hơn để nghe tôi trả lời.

Tôi thành thật đáp:

- Cháu dậy tiếng Việt cho quân đội Mỹ ở Fort Bliss

tại tiểu bang Texas một thời gian, rồi sau đó cháu dọn qua Monterey, tiểu bang California.

Chú lại hỏi bằng một giọng nữa tò mò nửa nghi ngờ:

- Làm sao cháu được chọn để dậy cho chánh phủ Mỹ?

Tôi đáp ngay, không một chút rụt rè, suy nghĩ:

- Chắc chú còn nhớ đại tá Phạm Ngọc Thảo, bị giết trong cuộc đảo chính ở Biên Hoà? Bà đại tá Thảo là…

Chú cướp lời tôi:
- Chị Phạm Thị Nhiệm, người của mình, Mỹ Dung biết không?

- Cháu hy vọng là như vậy, bà ấy giúp cháu khi cháu dậy học.

Phan Thanh Nam gật gù, mặt tươi hẳn lên, rồi nói với giọng đắc ý:

- Mặc dù cháu phải sống xa ba cháu, không được ba chỉ dẫn nhưng cháu đã gần gũi với những người chính đáng. Chú rất hài lòng.

- Con của ba cháu không có đi lạc đường đâu, chú!

Chú lại hỏi:

- Khi dạy lính Mỹ, cháu nói gì với họ về chiến tranh Việt Nam? Cháu có nói cho họ biết là sự có mặt của Mỹ là một sai lầm to lớn của chánh phủ họ không?

Nghe hỏi, tôi nhớ ngay đến chiến dịch tuyên truyền của cộng sản. Cán bộ được đưa vào các trường dạy tiếng Việt ở Mỹ. ngoài giờ dậy, chúng la cà làm quen với các lính Mỹ, rồi xúi bẫy họ đào ngũ. Bọn lính trẻ này là bọn bỏ học, bỏ nhà đi lính. Họ chưa bao giờ nghe nói tới Việt Nam, cũng không biết Việt Năm nằm ở chỗ nào trên trái đất nữa, thế mà khi nghe nói tới các mật khu sình lầy, rắn rết, thì họ đã hết hồn, có đường đào ngủ là thần tiên cho họ rồi. Dù sao họ cũng con là con nít, học hành dở dang.

- Đó là một chiến dịch mật, cháu không được tuyển chọn, vì cháu còn non nớt, nhưng cháu biết tới chiến dịch đó.

Phan Thanh Nam nhìn tôi chậm chạp, rồi nói với giọng nghiêm trang:

- Thôi, Mỹ Dung à, chiến tranh đã chấm dứt, những dịp cho cháu đóng góp cho đất nước vẫn còn chờ cháu, nếu cháu muốn.

- Nếu cháu muốn? Dĩ nhiên là cháu muốn chớ, chú Nam!

Tôi vội trả lời như một Việt kiều nhẹ dạ, nghe mà mắc cỡ.

Nam gật gù:

- Chú cháu mình mình cần nhiều thời giờ ngồi lại với nhau sau khi ba má cháu về thành phố Hồ Chí Minh. Sẵn đây, chú báo cho cháu biết: Sài gòn đã đổi tên.

Dù đã biết trước khi mất nước, nhưng nghe Phan

Thanh Nam nói, tim tôi đau nhói. Sài gòn mất tên; Sài gòn không còn nữa.

Sau bữa ăn, tôi hỏi nhỏ ba tôi là tôi có nên trả tiền cho anh Giang không, vì tôi biết tất cả mọi người trong sứ quán đều nghèo tả tơi? Ba tôi chưa kịp trả lời, thì Phan Thanh Nam nói:

- Anh là người trong nhà cả. Bữa nay anh chị Giang đãi ba má cháu và cháu.

Tôi không ngờ, truyền thống "dân phải nuôi đảng viên để đảng viên nuôi đảng" lại tràn sang tận Paris, dù xa cách rừng U Minh cả ngàn vạn dặm.

Trên đường về, Nam cho biết các Việt kiều ở Paris đã tích cóp, đóng góp cho cách mạng. Họ đã hiến

tiền bạc, thì giờ, phương tiện theo khả năng của họ. Có như vậy, cách mạng mới thành công.

***

Hôm sau, tôi không tới Verrieres-la-Buisson thăm ba má, ở lại Paris để dò đường, tìm cách vô toà đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam. Trước khi đi, tôi nói với Rob, nếu 12 giờ khuya mà không trở về khách sạn, tôi muốn xác của Phan Thanh Nam treo ngược đầu trong phòng làm việc của ông giám đốc CIA. Câu nói nửa đùa nửa thật của tôi đã làm Rob lo lắng. Tôi mừng thầm sự lo lắng này, vì tôi không muốn họ quá tin tưởng vào sức tôi, rồi đưa tôi vào một hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm. Cho tới lúc đó, CIA chưa chánh thức huấn luyện tôi về chuyên môn: hoàn toàn trông cậy vào cái khéo léo xử sự của tôi thôi.

Rob lo lắng hỏi:

- Nếu cô không hoàn toàn thoải mái thì đừng đi.

Tôi đáp:

- Không bao giờ tôi thoải mái khi tới gần Việt Cộng, nhưng việc phải làm thì phải làm.

Rob nhanh nhảu chúc tôi đi may mắn.

Rob lớn hơn tôi chừng 10 tuổi, nên trong thời gian chúng tôi cùng làm việc, ông thường kêu tôi là kiddo (con nhỏ).

Ở Paris, Rob chỉ dẫn tôi đủ mọi điều, nhưng lại quen không chỉ cho tôi cách đi xe điện ngầm ở Paris. Tôi phải lần mò, hỏi han người khác, rồi

cũng đi được một chuyến metro từ khách sạn Montparnasse. Rồi lại phải tìm một hồi lâu mới biết đường tới Avenue de Madrid, nhưng tìm hoài mà không biết có đi đúng đường không, đành đi về hướng Neuilly, rồi đi taxi.

Sứ quán của Mặt trận giải phóng miền Nam có bức tường cao che kín. Tôi bấm chuông ở cổng, nhưng không nghe ai trong intercome. Khi nhìn lên lầu, tôi thấy một người đàn ông đứng bên cửa sổ văn phòng chú Nam nhìn xuống. Sau đó, tôi nghe có tiếng mở khoá cổng. Chú "tài xế" Thanh đón tôi vô. Lúc này chú có vẻ trịnh trọng và khách sáo. Chú dẫn tôi vào phòng khách và chỉ một cái ghế mời tôi ngồi chờ.

Phan Thanh Nam có vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi, có thể ông lại cho là dịp tốt để khai thác tôi.

Chúng tôi rời phòng khách, đi xuống phòng ăn của cơ quan. Phòng nhỏ ở trong bếp lạnh lẽo, vừa bước vô tôi nghe mùi thuốc lá hôi hám. Mùi đồ nấu ăn, mùi nước mắm quen thuộc. Nơi đây rất yên lặng, thuận tiện cho trùm gián điệp cộng sản tìm một tài năng mới.

Không để mất thì giờ, chú đi thẳng vào vấn đề. Chú hỏi về chồng con của tôi. Tôi không biết chú biết về gia cảnh của tôi đến đâu, tôi nghĩ, nói ít và nói thật là thượng sách. Chú hỏi rất nhiều chồng tôi, hỏi cả về gốc rễ, từ đâu di cư sang Mỹ. Tôi nói bên nội, bên ngoại của John là người Nam Tư. Chú nhận định y như ba tôi đã nói: "Như vậy, anh ấy không xa lạ gì với mình". Tôi nghĩ bụng: "Ngu gì mà ngu thế! Ông bà của người ta di cư qua Mỹ để tỵ nạn cộng sản, ông Việt Cộng ơi!". Nhưng tôi không dám nói ta.

Nam tằng hắng, vẻ mặt trở nên nghiêm trọng. Tôi bình tĩnh sửa soạn tinh thần. Chú hỏi:

- Chồng cháu làm nghề gì?

Tôi giật mình và khó chịu, vì ở Mỹ không ai hỏi nhau làm việc gì. Nhưng tôi hiểu ngay rằng, dù làm trong ngành ngoại giao, Nam cũng vẫn chỉ là một kẻ xuất thân từ rừng U Minh, kinh nghiệm hơn là suốt đời lẩn lút trong bóng tối.

- Anh ấy có bằng về thiên văn học và hải dương học, hiện đang làm cho đài khí tượng ở Hawaii.

Phan Thanh Nam xoa hai tay vào nhau như thể cho ấm trong căn nhà bếp lạnh lẽo này. Nhưng nhìn mặt chú, tôi đoán biết ý muốn của chú. John Krall là một con mồi hấp dẫn của chú.

- Nếu chú cháu mình khéo léo hỏi chồng cháu giúp mình, thì anh ấy sẽ có lợi ích cho Việt Nam vô cùng.

Tôi giả bộ khờ khạo hỏi:

- Chú có thể nói rõ hơn chú muốn gì không?

- Chưa, chưa tới lúc. Chú cần nghiên cứu thêm. Những phải nói là vào địa vị ấy, chồng cháu sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam, và chú sẽ tạo cho cháu một chỗ đứng tốt trong xã hội.

Chỉ mới nghe Nam nói, tôi đã thấy mình có tội với dân tộc và những người di tản. Tôi có thể kể chuyện này cho CIA, nhưng làm sao tôi dám mở miệng nói với John. Tôi biết anh sẽ giận lắm.

Nam nhìn tôi đăm đăm, rồi hạ thấp giọng hỏi:

- Cháu có yêu nước không, Mỹ Dung?

Tôi thầm nghĩ là ông này dám chọc cọp Thị Nghè thì cũng gan dạ thiệt. Tôi liền đáp một cách dõng dạc:

- Cháu dám nói chắc với chú là cháu yêu nước hơn chú!

Mắt chú mở to ra, và đôi môi chì mím lại. Tôi tiếp tục nói:

- Cháu sanh trưởng ở miền Nam, con của một nhà cách mạng, cả gia đình cháu bên nội bên ngoại đều chống Pháp. Cháu lớn lên với đất nước, đã biết yêu, biết thương dân tộc, đã chia sẻ mọi đau khổ theo

vận nước thăng trầm. Xác của em cháu, bạn cháu, trong lòng đất nước, bạn học cùng trường của cháu mất tích trong rừng, dưới sông, dưới biển… Trong khi đó, ở bên Tây, chú theo dõi chiến tranh trên truyền hình, qua báo chí… Làm sao chú có thể yêu nước bằng cháu?

Nói xong, tôi nhìn chú không chớp mắt. Chú binh tĩnh, đáp:

- Hồi còn ở bên nhà, chú ở trong bộ đội. Như ba cháu, cũng hy sinh đời chú cho cách mạng. Chú không có thời giờ riêng cho chú, nên cũng không dám nghĩ đến chuyện vợ con.

Chớ không phải bắt chước "bác Hồ" ở không vậy nuôi con. Tôi nghĩ thầm, rồi mỉm cười.

- Không lập gia đình, chú cũng không mất mát gì lắm đâu. Vợ là nợ. Có vợ có con rồi đùm nhau để tản cư chạy giặc cực lắm!

- Sao cháu biết?

- Chú quên là trước khi đi Mỹ, cháu ở đâu sao?

Cháu chạy giặc từ hồi cháu mới chập chững biết đi mà, chú.

Phan Thanh Nam đổi đề tài:

- Cháu nên thuyết phục má cháu trở về Việt Nam. Đó là thượng sách.

Tôi đáp ngay:

- Gia đình cháu có truyền thống tự do. Bất cứ ai cũng có quyền lựa chọn theo ý mình. Má cháu muốn về Việt Nam hay ở lại Mỹ là quyền của má cháu. Chị em cháu không được xía vô, không xúi má về, cũng không giữ má lại. Chị em cháu đã bắt tay nhau đồng ý như vậy rồi.

Nam ngập ngừng:

- Đôi khi người già không đủ sáng suốt để tính toán quan trọng, mình phải giúp ý kiến…

Khi nghe Nam đánh giá thấp má tôi, coi bà như một bà già không đủ minh mẫn, tôi giận lắm, những phải cố nén xuống để khỏi đập tay lên bàn. Tôi lấy giọng ôn tồn nói:

- Chú Nam, có thể chú chỉ biết ba cháu thôi, vì hai

người là đồng chí. Bây giờ cháu xin nói về má cháu cho chú nghe, để chú biết má cháu. Bà đã tự do kết hôn với ba cháu. Khi biết ông theo cộng sản, bà vẫn lo tròn bổn phận một người vợ đảm đang, một mẹ hiền trong gia đình, dù ba cháu vắng mặt. Cháu dám quả quyết với chú là má cháu vượt xa hẳn những người đàn bà từng là "cách mạng". Mà cháu thông minh, nhìn xa, hiểu rộng, chắc chắn không phải là một "bà già trầu" như chú tưởng. Bà chưa già, mới có 60 hà. Nếu có đầu thai lại 25 lần nữa, ba cháu cũng không thể tìm được một người đàn bà nào như má cháu để làm bạn đời đâu. Má cháu cũng không thương ai bằng thương ba cháu. Vì vậy, cháu đâu cần thuyết phục má về Việt Nam với ba cháu.

- Tại sao lúc đó má cháu bỏ nước ra đi vậy?

Vừa hỏi, Nam vừa móc túi lấy một cuốn số nhỏ để ghi.

- Cháu sợ Sài gòn tắm máu như Việt Cộng doạ, nên phải tìm cách đưa bà ra khỏi chỗ nguy hiểm.

- Tự cháu về Sài gòn rước má?

Nam nhìn tôi bằng đôi mắt nghiêm nghị hỏi. Tôi lắc đầu:

- Ước gì cháu làm được việc đó. Chồng cháu phải về để cứu má và hai em cháu.

Nghe nói có cả hai đứa em, Nam nhóm người lên, nói như ra lệnh:

- Hai em cháu cũng phải trở về Việt Nam!

Tôi nhún vai:

- Tuỳ tụi nó, chú à. Gia đình cháu là gia đình tự do, dân chủ, không ai có quyền ép buộc người khác làm điều trái ý của họ. Chị em cháu sẽ ăn thịt cháu, nếu cháu định chơi trò độc tài.

Nam giữ im lặng một lát, rồi nghiêm giọng nói:

- Mỹ Dung, cháu đừng quên là hai em của cháu có bổn phận phải về Việt Nam vì danh dự của ba cháu. Chúng nó sẽ làm tổn thương danh dự của ba cháu khi con cái của ba cháu đều sống trên đất nước của kẻ thù dân tộc.

Tôi đưa hai tay lên ra dấu cho Phan Thanh Nam bỏ qua đề tài này, rồi gạt đi bằng một giọng quả quyết:

- Mình không nên để mất thì giờ cho việc này. Cháu không có ý kiến hay ảnh hưởng nào tới sự quyết định của em cháu.

Nhưng Nam vẫn nói:

- Khi má cháu vế rồi, cháu nên thuyết phục hai em cháu phải về theo.

- Tại sao?

- Ba của cháu là một vị đại sứ nổi tiếng ở Moscow. Các chị Liên Xô của ba cháu đã ký hộ chiếu cho má cháu ghé thăm Liên Xô trên đường trở về Việt Nam. Họ còn có nhã ý mời ba cháu đi máy bay Aeroflot từ Paris qua Moscow, rồi về Hà Nội không mất tiền. Cháu có thấy đó là một vinh sự lớn cho gia đình cháu không?

Tôi bướng bỉnh nói:

- Cháu hiểu. Được Liên Xô ưu đãi là một vinh dự đối với chú và ba cháu. Nó hoàn toàn vô giá trị đối với cháu.

- Khi má cháu trở về Việt Nam là một thắng lợi nữa cho chúng ta, và cho Việt Nam nữa.

Tôi đáp ngay với giọng mỉa mai:

- Má cháu ở đậu, có ăn nhậu gì đến ai. Má chỉ là một trong mấy trăm ngàn người tỵ nạn đến Mỹ mà thôi. Nếu Nguyễn Cao Kỳ xin tỵ, nạn chánh trị ở Hà Nội mới là chuyện đáng nói. Báo chí cả thế giới sẽ đăng tin này trên trang nhứt. Còn má cháu? Hay em cháu?

Nam lắc đầu:

- Mỹ Dung, cháu sai lầm rồi. Má cháu không phải là người tầm thường, mà là vợ của một vị đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam. Má cháu là nạn nhân của một cuộc bắt cóc do CIA chủ mưu. Họ bắt má cháu đi để làm mất mặt Chánh phủ cách mạng. Việc má cháu trở về có thể ví như một cái tát vào giữa mặt tổng thống Ford và chánh phủ Mỹ.

Tôi giận đến run người khi nghe Phan Thanh Nam nói má tôi là nạn nhân của một vụ bắt cóc do CIA tổ chức. Như vậy, từ nãy tới giờ, ông không tin chồng tôi đã về Việt Nam rước má qua Mỹ. Để lấy lại bình tĩnh, tôi xin phép đi vào nhà vệ sinh, ra, tôi thấy trên bàn có hai chai bia. Tôi liền từ chối. Ông rót bia ra và mời tôi.

Dường như Phan Thanh Nam đã có một loạt câu hỏi, và nóng này chờ tôi trả lời. Ông nhắc tới Hải Vân, em tôi. Tôi nghĩ rằng đời em không có gì phải giấu, vì em đã sống một cách hồn nhiên và danh dự. Nhưng tôi lại nghĩ, anh cán bộ cộng sản này không xứng đáng nghe về em tôi.

Phan Thanh Nam dựa lưng vô ghế, nhìn tôi với vẻ mặt thách đố, nói:

- Cháu đừng quên những kẻ đã giết hại em cháu. Cháu phải bắt họ phải trả một giá thật đắt, phải chịu một hình phạt cho xứng đáng cho cái tội đã làm gia đình cháu đau khổ.

Tôi không còn kiên nhẫn với nghệ thuật vụng về của Phan Thanh Nam nữa.

- Cái chết của em cháu là bi thảm của gia đình cháu, chú Nam.

Nhưng Phan Thanh Nam luôn luôn có giải pháp cho mọi vẫn đề, ông nói:

- Gia đình của ba cháu cũng là gia đình của cách mạng. Mấy chú, mấy bác rất xót xa. Bây giờ lại được gặp má cháu và cháu, thì càng tội nghiệp hơn nhiều.

Nói gì đây, với một người Cộng sản đang gieo mầm thù hận vào lòng tôi! Mục đích của tôi hôm nay là tìm hiểu con người ông, để đối phó với ông sau này. Biết đâu, có một ngày nào đó, tôi sẽ cho ông vào cái bẫy, mà chính ông đang muốn đẩy tôi vô? Nghĩ vậy, tôi phải tìm những lời nhẹ nhàng, để làm vui lòng ông:

- Cháu mừng được gặp đồng chí của ba cháu. Cháu cần học với chú nhiều lắm. Ít nhứt cháu cũng phải hiểu việc làm của ba cháu, ý nguyện của ông, mục đích của ông, để có thể tiếp tay ba, nếu cho phép.

Nam hãnh diện ra mặt, nói:

- Chú sẵn sàng chỉ dẫn cho cháu khi ba cháu vắng mặt. Cháu có thể đóng góp thật nhiều cho công cuộc xây dựng lại đất nước chúng ta, bằng cách dùng khoa học, kỹ thuật của Mỹ. Bằng cách này hay bằng cách khác, Mỹ phải có bổn phận xây dựng đất nước chúng ta.

Tôi hùa theo:

- Tối hôm qua, cháu nghe chú và ba cháu nói về

chuyện Mỹ phải bồi thường chiến tranh. Vậy, theo chú, Mỹ nợ Việt Nam bao nhiêu?

- Theo hiệp định Paris, họ nợ mình ba tỷ rưỡi Mỹ kim.

Tôi biết câu nói sắp đến không nên nói, nhưng tôi hết kiên nhẫn với người nói ngang nói ngược rồi; có bị bắt bẻ, tôi sẽ nói là tôi không biết.

- Rủi Mỹ nhắc cho Hà Nội nhớ lại là theo hiệp định Paris, Hà Nội không được thôn tính miền Nam. Chừng đó ăn làm sao, nói làm sao? -. Tôi hỏi.

- Cháu ngây thơ lắm. Mình đâu có thôn tính miền Nam. Đúng hơn là mình giải phóng miền Nam khỏi tay để quốc Mỹ và bù nhìn! - Ông cười đắc ý.

- À, cháu quên là Hà Nội giải phóng miền Nam?

Nam lại nói với một giọng hăm hở:

- Khi về Mỹ, cháu phải vận động người Mỹ đòi hỏi Chánh phủ của họ phải tôn trọng Hiệp định Paris.

Tôi thầm tự hỏi, tôi sẽ vận động ai? Bọn phản chiến đã chạy qua Gia Nã Đại? Hay vận động thượng nghị sĩ George McGovern? Thấy tôi mỉm cười vu vơ, Nam hỏi tôi nghĩ gì, tôi đáp:

- Cháu đang nghĩ xem cháu có thể vận động ai được, người đó có đủ khả năng để thức đẩy quốc hội Mỹ chấp thuận đề nghị này không?

Nam vội hỏi:
- Ai vậy?

Tôi cười:

- Thượng nghị sĩ McGovern.

Nam có giọng nghiêm trang:

- Chú đã nghiên cứu về các thượng nghị sĩ Mỹ. Chú thấy ông McGovem là một trong số ít người có tinh thần phóng khoáng. Ông là người mà chung ta có thể tin tưởng được.

Trời! Tôi thầm cầu xin tôi không phải là loại người "phóng khoáng" như ông cán bộ cộng sản này nói tới. Nếu "phóng khoáng" như vậy, tôi sẽ trở thành một thứ bù nhìn có lợi cho cộng sản. Tôi tự hỏi, không biết thượng nghị sĩ McGovem đã làm gì cho Hà Nội chưa? Tôi hỏi Nam:

- Tại sao chú nghĩ ông ấy là người phóng khoáng?

- Điều rõ ràng nhất là ông ấy chống chiến tranh.

Tôi nghĩ rằng chú Nam hơi tầm thường, nhưng tôi lại nữa đùa nửa thật nói:

- Chú à, cháu còn phải học chú nhiều lắm!

Chú không hiểu ý tôi. Vừa lúc đó, có người vào bếp để sửa soạn bữa ăn trưa. Tôi muốn ở lại để tìm hiểu chú nhiều hơn, nhưng hôm nay tôi cho như vậy là đủ rồi, nên tôi xin phép ra về, dù chú có giữ tôi lại.

Vừa ra khỏi toà đại sứ, tôi đi thật lẹ như muốn chạy cho xa chỗ này, rồi kêu xe taxi để về khách sạn. Tôi cảm thấy tôi dơ bẩn, vì đã đi vào toà đại sứ của

Mặt trận giải phóng miền Nam, nói chuyện với cộng sản bên ly trà. Việc đầu tiên khi về đến khách, tôi đi tắm gội, rồi bỏ hết quần áo vô bao để bỏ giặt ủi.

Chương 38

Cửa sổ phòng khách sạn Sheraton của tôi trông ra nghĩa trang Montparnasse. Sau khi tắm cho sạch hết những dơ bẩn của toà đại sứ, tôi đứng bên cửa sổ, đem tâm hồn trở về với cái thân mệt mỏi này. Một ý nghĩ vui vui hiện lên trong óc tôi. Trong nghĩa địa kia có người lính nào tử trận Điện Biên Phủ nằm không? Nghĩ tới cuộc chiến tranh của thực dân Pháp trên quê hương, tôi lại ghét thằng Tây nhiều nữa. Ác cảm của tôi với nước Pháp ở

ngày một tăng, trong thời gian tôi ở đây. Cho tới cái tay vịn cầu thang bằng đồng cũng làm tôi nhỏ đến đạn đồng, bom đạn quân đội viễn chinh Pháp trút lên quê hương tôi.

Tôi lắc đầu để có quên đi dĩ vãng, rồi đi ăn trưa và nghiên cứu bản đồ xe điện ngầm, tìm đường tới biệt thự của Mặt trận giải phóng miền Nam thăm ba má tôi. Khi ra khỏi trạm xe điện ở vùng ngoài ô Paris, tôi mở cửa một xe Taxi, đưa cho tài xế địa chỉ của biệt thự tại 49 đường Cambaceres.

Ông tài xế liền hỏi tôi:

- Bà định đến cơ quan của Việt Cộng?

Khi tôi xác nhận bằng tiếng Anh, ông ta hỏi tôi có biết tiếng Pháp không. Tôi phải thú thật là tôi không biết. Ông bèn vén đồ thun lên để cho tôi

thấy hai chữ “Việt Nam” xâm trên vai. Ông cũng cho biết ông đã từng ở Việt Nam năm 1952 và 1953.

Tôi hỏi ông có biết tiếng Anh không thì ông lấy tay ra hiệu “Biết chút chút”. Tôi liền hỏi:

- À. Việt Minh đuổi ông xuống tầu?

- Bà là Việt Cộng?

- Không, tôi là người Quốc gia.

Ông vui vẻ nói:

- Tốt! Tốt!

Rồi ông bắt đầu cho xe chạy. Khi đến nơi, ông cựu

lính viến chinh không chịu thối tiền cho tôi, viện cớ không có tiền lẻ. Tôi tức giận định la ông, thì chợt trông thấy ba má tôi đứng trên bao lơn biệt thự nhìn xuống. Cảnh êm đềm hiếm có ấy làm tôi nguôi giận. Tôi vội vàng mở của xe bước ra.

Má tôi đi vào phòng. Cảnh này làm tôi nhớ lại thời chúng tôi tầng lầu hai, chung cư trên đường Nguyễn Văn Sâm, Sài gòn. Má tôi thường đứng trên bao lơn đợi chúng tôi đi làm về. Khi thấy bóng chúng tôi, bà vội vào nhà để mở cửa cho con.

Một ông già, hình như là một người giúp việc, đón tôi ở cửa, và nói bằng một giọng chân tình:

- Rất vui mừng được đón tiếp cô ở đây.

Tôi chắp tay, cúi đầu chào ông theo kiểu Việt Nam.

Ông cũng cúi khom lưng để đáp lễ. Tôi kêu ông bằng “ông Các”. Nhưng sau đó ba tôi dặn tôi kêu là “bác Các” cho thân mật.

Trời tháng 9 của Paris có thể dễ chịu với người Pháp, nhưng lại lạnh đối với một người Việt Nam như má tôi. Bà đã quen khí hậu nóng ở Việt Nam và Hawaii. Bà đứng cạnh một bồn bông súng, mặc cái áo len dầy và trùm kín đầu bằng một khăn quàng mầu đỏ. Trong khi đó, ba tôi chỉ mặc một chiếc áo sơ mi tay dài. Bác Các đưa chúng tôi vào một phòng khách và mang trà nóng ra. Sau đó, bác xuống nhà bếp để sửa soạn bữa ăn tối cho chúng tôi. Bác cho biết đây là một dịp đặc biệt, nên bác tự tay nấu nướng, dù bác nấu cũng không ngon lắm. Để tăng cường cho bác, sứ quán gọi hai người đàn bà tới phụ. Họ là hội viên của Việt kiều yêu nước.

Sau khi bác ra khỏi phòng, má tôi và tôi nhìn nhau, không nói một lời, nhưng đều có ý không thích những người này ở gần chúng tôi. Má tôi chỉ muốn được ở bên ba tôi mà không bị ai nhòm ngó, rình rập. Má tôi muốn tìm hoàn toàn ba tôi hơn, sau hai mươi năm xa cách. Má tôi cũng muốn biết ba tôi nghĩ gì về cuộc "giải phóng" tại quê nhà.

Lợi dụng khi ba tôi ra khỏi phòng mấy phút, tôi hỏi má tôi thấy thể nào khi được gặp lại ba tôi. Má tôi khóc, bà nói:

- Má muốn cho con biết để con yên lòng, là ba con muốn má về Việt Nam với ba. Còn họ, tụi Nga muốn má về, nên đã làm ầm ĩ chuyện này để tuyên truyền. Ba con chưa dám nói thiệt với má, nhưng má đã biết hết rồi.

Tôi xác nhận:

- Má à, con nói chuyện với chú Nam, thì ra ý đồ của họ là như vậy. Con không quan tâm về chuyện tuyên truyền của họ; con chỉ muốn biết, khi má trở về Việt Nam, mà có được an toàn không?

Má tôi nghẹn ngào nói:

- Thằng John đã liều mạng, không kể hiểm nguy cho nghề nghiệp, để cứu má và hai đứa nhỏ. Không có một lý do nào, mà má phụ hết công lao đó của vợ chồng con.

Tôi vội lắc đầu lia lị, nói:

- Đó là bổn phận của tụi con trong giờ phút đó. Quên công lao đó đi. Đó là chuyện quá khứ. Con

nói chuyện bây giờ nè, má có về Việt Nam với ba không?

Bà chưa kịp trả lời thì ba tôi trở vào phòng, ông ngỏ ý muốn đưa tôi đi xem quanh nhà, mà ông kêu là "biệt thự lịch sử" tỏ ra hãnh diện về ngôi nhà này. Thật ra thì cũng đáng hãnh diện vì đây là nơi trú ngụ của các lãnh tụ nổi tiếng trong khi dự hoà đàm Paris. Đó là ông Lê Đức Thọ và bà Nguyễn Thị Bình và nhiều nhân vật nổi tiếng khác nữa. Cũng chẳng có gì nhiều để coi vì nhà đang sửa lại, đồ đạc chất đống trong một căn phòng Nhưng tôi phải tỏ ra thích thú và thán phục khi đi vòng quanh nhà, cho ba tôi vui.

Ngay cả khi chúng tôi nói chuyện về ngôi nhà, tôi thấy ba má tôi có vẻ buồn trong ánh mắt. Tôi thấy mình bất lực. Dù sao tôi cũng là người ngoài cuộc:

chỉ có ba má tôi mới giải quyết chuyện riêng của hai người. Khi chúng tôi còn sống ở Sài gòn chị em tôi thường kêu tôi là người có “ba đầu sáu tay”, vì tôi có khả năng giải quyết nhiều chuyện khó khăn trong gia đình. Bây giờ mà có 6 đầu 18 tay cũng bất lực, vì đây là chuyện chỉ có thể giải quyết giữa hai trái tim.

Ba tôi vui lắm bên vợ con, dù hoàn cảnh qua mong manh:

- Ba à, con mơ ước ngày đoàn tụ của mình lâu quá rồi!

Ba tôi vui vẻ nói:

- Ba phải công nhận rằng con rất có công trong việc

này. Con đã thu xếp cho má sang đây với ba, ngồi cùng một phòng nói chuyện với ba.

Má tôi nói:

- Con không thể nào chạy nửa vòng trái đất để được gặp ba con vài ngày, vài tuần, sau lưng đảng của ba con. Tới lúc con phải hiểu, những điều kiện nào hai cha con mới được gặp nhau?

Trời ơi, má tôi đi guốc trong bụng cộng sản, mới hiểu mà thắc mắc vấn đề này. Chắc má tôi nghĩ rằng, tôi đã phải tuân theo những điều kiện của cộng sản, để được gặp ba tôi. Ba tôi nhắc má tôi:

- Chuyện riêng tư thì từ từ giải quyết!

Má tôi có giọng bất mãn:

- Ở Nhựt, ông đã không dám cho “đồng chí” của ông biết nó là con gái ông. Tôi không thích như vậy!

Tôi nháy mắt ra dấu cho má tôi hãy giữ bình tĩnh, và đừng vì tôi mà trách móc ba tôi. Thật ra, hồi ở Nhựt tôi đau lắm, những tôi cho rằng đó là điều cần thiết, để ba tôi giữ uy tín với các cán bộ cộng sản, khi được chút tự do ra khỏi nước. Nếu cộng sản biết được rằng các con của ba tôi hiện sống ở Mỹ, vẫn tìm cách liên lạc với ông, thì chắc chắn họ sẽ không cho ông được hưởng chút tự do nào nữa.

Bữa ăn tối rất ngon, với nhiều món đặc biệt và thuần tuý Việt Nam. Tôi ăn như người bị đói, đến nỗi ba má tôi hỏi tôi có ăn nữa không?

Khi bác Các và hai người đàn bà dọn cơm xong, họ

đóng cửa đi xuống nhà bếp; chúng tôi nói chuyện gia đình, nhắc tới những ngày xa xưa. Ba má tôi nói tới con cái, cả những tánh tốt lẫn điều xấu. Khi má tôi khen tôi - rất hiếm khi tôi được khen như vậy - bà cho biết các con đã tận tình săn sóc bà. Khi phê bình tôi, bà nói:

- Con nhỏ này làm tôi bạc đầu, cho tới khi nó đi lấy chồng. Nó đúng là con gái của anh.

Ba tôi cười và khen má tôi đã dậy dỗ chúng tôi nên người, rồi ba tôi nói tới Hoà Bình thì hai mắt của ông sáng lên. Ông vừa nói vừa nhìn tôi:

- Ba nhớ Hoà Bình… hồi ở Kim Qui trời đẹp, mình hay ăn bên ngoài cái sân nước trước nhà. Nó cứ nhảy xuống sông, con mau mau nhảy theo với nó; ngày nào nó cũng làm vậy, và lần nào con cũng

nhanh nhẹn nhảy theo vớt nó lên. Ba nhớ con chó của mình, nó hay nằm giữ Hoà Bình lắm.

Tôi hỏi:

- Ba có nhớ có lần ba làm thử nước mắm không?

Ba tôi chưa kịp nói gì, thì má tôi đã xen vô:

- Tôi khổ vì hai cái thùng nước mắm thúi hoắc đó.

Chúng tôi cười phá lên vui vẻ. Sau đó, ba tôi hỏi má tôi làm gì hai thùng nước mắm của ông? Bà đáp:

- Anh không tin đâu, có một gia đình tới hỏi mua hai thùng nước mắm đó. Chắc họ muốn nuôi ruồi sau hè.

Ba tôi vui vẻ nói:

- Nước mắm của anh làm ngon hơn nước mắm em mua ở tiệm.

- Đúng! - Má tôi vừa cười vừa nói bằng một giọng trêu ba tôi - Tằm của anh nuôi kéo nhiều tơ hơn tằm của người ta. Còn con của anh thì khôn hơn con của người ta vùng đồng bằng sông Cửu Long. Dưa leo anh trồng lớn hơn dưa leo của anh Mười Cừ. Mía của anh cũng ngọt hơn mía của người khác trồng.

Ước gì có chị em cũng chia sẻ những giây phút thần tiên đó.

Hôm đó, có một người đàn ông ghé qua villa trong Verrieres-la-Buisson gặp ba tôi. Trong khi người

tài xế của ông ngồi đợi trong xe, ông và ba tôi kéo nhau vào phòng khách để nói chuyện. Vì phòng đang được sửa sang, nên không có bàn ghế gì hết, hai người phải đứng bên cửa sổ thì thầm.

Má tôi về phòng nằm nghỉ. Nhân lúc vắng vẻ, tôi lọt vô để xem xét, thăm dò. Trong một văn phòng sát phòng ngủ của má tôi, tôi thấy có nhiều ngăn đựng giấy tờ, có cả những ngăn chứa toàn hồ sơ cũ, giấy đã ngả sang mầu vàng. Tôi vuốt nhẹ tay những tờ giấy vàng đó, và nghĩ rằng những hồ sơ này có nhiều giá trị đối với chánh phủ Hoa Kỳ, mà tôi nên đọc qua, hoặc định chụp hình để đưa cho Rob. Nhưng phòng này không đủ ánh sáng nên máy hình của tôi không chụp được. Tôi đóng cửa phòng rồi bắt đầu quan sát. Tôi không dám bật đèn, vì sợ người tài xế Mercedes từ dưới nhìn lên có thể thấy rõ. Tôi mở một ngăn và đọc sơ qua một vài trang

giấy, thì mới biết cái bàn này là của bà Nguyễn Thi Bình, bộ trưởng ngoại giao của Chánh phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Tôi kéo ghế ngồi xuống. Tôi đọc lướt qua một vài tờ giấy nữa, rồi cảm thấy mắc cỡ vì bà ta cũng là một phụ nữ Việt Nam, mà lại phục vụ cho một tà đạo.

Trong ngăn kéo, có một lá thơ của một người đàn bà Mỹ chúc bà Bình gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp trong hội nghị hoà đàm Paris. Người đàn bà này ca tụng bà Bình là một con người bản chất yêu chuộng hoà bình. Đoạn cuối của bức thơ, ba yêu cầu bà Bình và chánh phủ Hà Nội cũng như chánh phủ lâm thời miền Nam hãy thả các tù binh Mỹ. Bà cho biết, cháu bà đã bị ép phải chiến đấu cho chánh phủ bù nhìn Nam Việt Nam và đã bị bắt làm tù binh. Bà Bình đã phê vô cuối lá thư: “Bà này điên khùng quá, không trả lời”.

Lá thơ thứ hai của bà mẹ một anh lính trẻ đang chiến đấu ở Việt Nam. Bạ tự nhận là một người "phản chiến". Bà khẩn khoản xin bà Bình và Chánh phủ Hà Nội cố gắng chấm dứt chiến tranh, và hỏi bà có thể làm gì, để giúp Mặt trận giải phóng miền Nam dứt chiến tranh.

Tôi tin rằng em trai tôi sẽ không bao giờ cho phép má tôi đi xin với kẻ thù chấm dứt chiến tranh, để nó được về nhà với má.

Bà Bình viết vào lá thơ cho thơ ký trả lời: "Bà này có thể khuyên con trai đòi bồi thường khi nó về Mỹ, nhưng đừng viết vào thư trả lời. Bảo bà ấy hãy vận động và liên kết với hàng xóm láng giềng, chống chính sách của Chánh phủ về chiến tranh tại Việt Nam, đồng ý với bà ấy là con bà phải được ở cạnh bà, chớ không phải ở Việt Nam".

Lá thơ thứ ba của một cô gái Mỹ, bầy tỏ lòng ngưỡng mộ bà Bình và "những cố gắng của bà để tiến tới hoà bình trên tổ quốc của bà. Tôi hổ thẹn làm công dân Mỹ trong giai đoạn này, Việt Nam là nước duy nhứt bầy tỏ lòng yêu chuộng hoà bình". Lá thơ còn tỏ ra thiếu dè dặt khi cô gái viết: "Tôi mong rằng nhờ dân tộc Việt Nam mà chúng tôi có thể thấy lại được ánh sáng cho nước tôi, sau những ngày đen tối. Hơn thế nữa nước Mỹ hiểu rằng, dù là một cường quốc cũng phải tôn trọng hoà bình. Bà Bình viết cho thơ ký: "Tiếp tục gửi tài liệu cho cô gái này và cho người của chúng ta tiếp xúc với cô ấy. Đây là nhân vật có thể xài được".

Tôi định đọc tiếp, thì nghe tiếng ba tôi kêu. Tôi ngó qua lỗ khoá, thấy ông đang đứng giữa nhà nhìn dáo dác tìm tôi. Tôi mở cửa, lẻn ra, và rón rén bước

xuống cầu thang ra vườn, vào nhà trở lại; tránh cho ba tôi thấy tôi trở ra từ văn phòng bà Bình.

Tôi ghẹo ba tôi:

- Việt Cộng gian ác tới gặp ba chi vậy?

Ba tôi cười nụ cười héo hắt, trả lời:

- Đó là nhân viên toà đại sứ đến lấy giấy tờ của má để chiếu khán cho má về Việt Nam, qua ngả Mạc Tư Khoa.

Tôi không hiểu ba tôi có biết tôi cất giấy tờ của má tôi trong tủ sắt trong khách sạn không? Ba tôi cho nhân viên toà đại sứ biết rằng, má tôi còn cần suy nghĩ thêm một thời gian nữa. Tôi thấy đây là một chuyện rất khó khăn cho ba má tôi, khi phải đối

mặt với thực tế. Nó có thể làm tan vỡ ảo tưởng về sự xum họp tại ngôi biệt thự này. Ba tôi có vẻ lo lắng trong khi má tôi lại tỏ ra chán nản. Tôi nhìn bà, định nói một câu gì, nhưng bà đã lên tiếng trước:

- Tui không thích bị dồn vô cái thế này… đừng có để ai ép buộc tui.

- Ai ép má? - Tôi hỏi.

Ba tôi liền đi ra khỏi phòng, mà không nói một lời nào. Tôi im lặng nhìn theo ba tôi, rồi đến ngồi lên mép giường má nằm. Bà nói:

- Họ tới cho ba con biết họ đã giữ chỗ cho ba má trên chuyến bay đi Mạc Tư Khoa, rồi về Hà Nội vào cuối tuần.

Tại sao người ta lại sắp xếp ngày giờ cho ba má tôi đi? Hai người muốn đi chừng nào thì cho họ biết, chớ tại sao họ bắt ba má tôi biết chừng nào phải đi theo chỉ thị của họ? Hồi đó đến giờ, chưa có ai biểu má tôi đi thì đi, ở thì ở bao giờ.

Chuyện này làm tôi nhớ lại một câu chuyện cổ tích đọc hồi nhỏ. Người ta tin có thiên đàng và địa ngục. Sứ giả của địa ngục là bọn quỷ sứ thường đi đón người sắp chết để về "dưới đó". Một hôm, quỷ sứ đến gặp một bà già đang ốm nặng: "Mời ba đi. Đã đến lượt bà rồi". Bà già cố ngồi gượng dậy và quát lớn: "Cút đi! Đến lượt nhà ngươi chớ không của ta. Ta đợi con trai của ta con đi đánh giặc chưa về. Con của ta sẽ trở về sau cuộc chiến tranh để lấy vợ và sanh cho ta lũ cháu nội!".

Ba tôi để hai mẹ con tôi ngồi nói chuyện, rồi lên

giường nằm ngủ.

Lại sợ "vách có tai", nên má nắm tay tôi dẫn ra ngoài sân nói chuyện. Bà kể, bà hỏi ba tôi nửa đùa nửa thật:

- Khi tôi về bên nhà, tụi "cán ngố" nó làm gì tôi hả anh?

Ba tôi nhăn mặt:

- Sao em dùng danh từ không hay chi vậy em?

- Người trong Nam của tui nói sao, tui nói vậy!

- Anh nợ em nhiều lắm, không làm sao trả hết, vì vậy, anh phải nói thật với em để sau này em không trách anh. Em về, các anh sẽ mời em lên nói

chuyện. Có thể em sẽ đi họp vài ngày, rồi em về với anh.

Má tôi nói lại rằng bà vừa tội nghiệp, vừa thương ba tôi, khi nghĩ rằng ông đã lấy hết can đảm, hết tình chồng vợ mà trút hết sự thật với má tôi, nhưng bà cũng la lên:

- Vác cái mặt lên cho mấy thằng đó mắng chưởi chớ gì!

- Không có ai dám xúc phạm em, nhưng đi học tập ít ngày rồi về! *(Cái nầy nghe quen quá , hình như đã nghe khi các binh sĩ VNCH bị kêu đi trình diện sau 1975. Đi học 10 ngày thôi! Tin bác và đảng đi, bao giờ chết hẳn hay!)*

- Tôi khôn hơn ông Hồ Chí Minh của anh, thương

dân thương nòi hơn anh Ba Duẩn của anh, thì ai mà dậy tôi để mà học với tập! Thôi, tôi không về, cho đẹp lòng hai bên.

Má tôi kể lại. Bà thấy ba tôi không nói, mà im lặng cả buổi trưa.

Tôi thầm nửa mừng, nửa xót xa khi biết má tôi đã từ chối đường về Sài gòn. Tôi can má đừng giận ba tôi, vì đó không phải là ý của ông. Công bằng mà nói, cả tuần nay ba tôi chịu đựng má, nhượng bộ hết.

***

Tôi gọi cho Rob nhiều lần, khi tôi đã trở về khách sạn vào 9 giờ tối, nhưng không gặp ông. Rỗi rảnh quá, tôi ngồi lại ngồi viết báo cáo về cuộc viếng

thăm ngôi biệt thự. Nó hơi dài, tôi thiếu loại giấy đặc biệt mà ông cho tôi hôm trước, nên tạm xài thêm giấy viết thơ.

Tôi mong Rob đến lấy bản báo cáo ngay tối hôm đó, vì không muốn để nó trong phòng tôi, lỡ bị an ninh Pháp, gián điệp Nga KGB lẽn vô phòng tìm thấy thì rất phiền phức. Tôi đi quanh phòng để kiếm một chỗ an toàn, tạm giấu bản báo cáo này trong đêm nay. Mấy bức tường thì cứng ngắc, còn thảm thì đóng chặt trên sàn. Trong chỗ máng quần áo có một giàn để máng áo phía chót của cái giàn bằng sắt tròn, có cái nắp bằng cao su đậy cái lỗ của thanh sắt, tôi gỡ cái nắp cao su đó, quấn tròn mấy trang báo cáo lại, rồi bỏ vô thanh sắt, đậy nắp lại. Xong xuôi, tôi rửa mặt, xúc miệng, lên giường ngủ, ngủ ngon như một em bé.

Khoảng mười giờ sáng Rob tôi gặp tôi. Trao ngay cho ông bản báo cáo xong, tôi cảm thấy nhẹ nhõm trong người. Ông có vẻ ngạc nhiên, vì không ngờ lại có bản báo cáo sớm như vậy. cũng có thể, tối hôm qua ông đi chơi khuya, chưa sẵn sàng làm việc sáng nay, ông gấp bản báo cáo lại, rồi cất vào túi nilon. Tôi nửa đùa nửa thật nói:

- Nếu ông bị cướp hỏi thăm, thì cho chúng nó cái Rolex và thẻ đi metro, đừng cho nó lấy bản báo cáo nhen.

Rob cũng mê tín dị đoan, nên nhăn mặt mà nói:

- Cái miệng của bà linh lắm, đừng nói vậy cho.

Khi tôi kể lại cuộc "thám hiểm" của tôi trong văn phòng bà Bình, Rob hơi giựt mình, và khuyên tôi

không tiếp tục nữa. Không phải là vì an ninh của tôi mà ông khuyên như vậy. Mãi sau này tôi mới biết rằng CIA không còn quan tâm, không muốn đã động đến đám phản chiến. Từ ngày chiến tranh chấm dứt, Mặt trận giải phóng miền Nam đã bị lu mờ và bị cộng sản Hà Nội nắm hết. Bây giờ CIA chỉ nhắm vào Phan Thanh Nam, và đã đốt nhịp cầu của Chánh phủ cách mạng lâm thời Nam Việt Nam, sau khi bước qua với chánh quyền Hà Nội chớ không để cho cái bóng ma của Chánh phủ cách mạng lâm thời nhát họ nữa.

Một buổi sáng, tôi đi xe điện ngầm từ Gaite tới trung tâm rồi đi bộ trên lề đường để xem các quầy bán sách vở. Tôi có cảm tưởng tôi đang đi trên đường Lê Lợi ở Sài gòn. Tôi thấy vui vui. Chung quanh tôi, người ta toàn nói tiếng Pháp. Sau khi ăn điểm tâm tại một tiệm café đối diện với nhà thờ

Notre Dame (Đức Bà), tôi quyết định gọi Thái. Anh ở nhà vợ ở Mcudon, ngoại ô Paris. Bà mẹ vợ chưa cưới của anh nói anh hiện đang làm việc ở toà đại sứ của Hà Nội. Thế là tôi biết Thái không phải chỉ là sinh viên, mà còn là một nhân viên của toà đại sứ.

Tôi biết rằng nếu tôi cho bà ta biết tôi là ai, thì tôi có thể biết thêm được một số tin tức khác. Tôi liền xưng danh, và nói rằng tôi tới Paris để tham viếng ba tôi là ông Đặng Quang Minh. Ba về reo lên:

- Tôi biết anh Minh. Gia đình tôi rất quý anh. Cảm ơn cháu đã cho biết cháu là con gái anh Minh!

Tôi hơi có mặc cảm tội lỗi khi nghe giọng thân mật của bà. Tôi không biết nói gì hơn nữa, chỉ xin bà cho anh Thái biết tôi đã kêu. Bà liền cho tôi số điện

thoại của toà đại sứ Hà Nội và đề nghị tôi gọi cho Thái để cùng đi ăn trưa. Tôi nói tôi không muốn phiền anh khi anh đang làm việc. Nhưng bà nói thêm:

- Cháu cứ kêu Thái đi. Anh ấy chắc chắn rất vui được gặp cháu. Cũng có thể Thái sẽ đưa cháu đến Hội Người Việt và giới thiệu với ông chủ tịch hội.

Hội người Việt này là hội của những Việt kiều theo cộng sản. Làm sao tôi có thể bỏ qua cơ hội đẹp như vậy? Tôi vội ghi số điện thoại toà đại sứ Hà Nội, và cám ơn bà rối rít. Tôi không có ý gọi cho toà đại sứ, vì không biết có bị an ninh chìm nổi của ai khác theo dõi không? Do đó, tôi nghĩ rằng phải hết sức cẩn thận. Tôi theo đám đông các du khách để đi đến nhà thờ Đức Bà.

Trong một tiệm buôn lớn trên đường Haussman, tôi dùng điện thoại công cộng để gọi cho toà đại sứ Hà Nội. Người trả lời tôi cho biết Thái đang họp với ông đại sứ, nếu tôi có việc khẩn cấp cấp, thì ông ta sẽ mời Thái ra ngay. Như vậy là thêm một chi tiết quan trọng về Thái. Anh làm việc trực tiếp với ông đại sứ. Có thể những điều anh nói với tôi là ý kiến của ông đại sứ. Như vậy, giao thiệp với anh rất có lợi. Tôi cảm ơn người trả lời điện thoại và hẹn sẽ gọi lại.

Tôi cảm thấy tôi đang gặp may. Nhưng khi tôi đi dạo trên phố phường, chợt nhớ tới ba má tôi và hoàn cảnh hiện tại của ông bà, thì mây đen kéo đến che phủ nền trời trong sáng. Không còn hứng đi chơi nữa, tôi đi xe điện ngầm về và gọi điện thoại ngay cho ba tôi. Ông tỏ ra vui vẻ và muốn tôi cũng vui như ông. Tôi đề nghị ông đưa má tôi vào Paris

cùng đi chơi, mua sắm lặt vặt. Nhưng ông cho biết, ông cũng phải đi với một người trong toà đại sứ; đó là hộ vệ viên của ông. Nhưng ông hứa, ngày mai ông có thể đi cùng với Thái và cùng má tôi và tôi đi mua sắm.

Tôi viết một bản báo cáo về những điều mới khám phá liên quan tới Thái, để trao cho Rob khi ông tới gặp tôi vào buổi chiều. Ông tỏ vẻ vui thích về khám phá này. Chúng tôi đồng ý là tôi cần đến Meudon gặp Mimi, vợ chưa cưới của Thái và gia đình cô ta. Có thể có nhiều tin tức mới lạ.. Nhưng tôi cần chờ đợi người ta mời, hơn là tự tiện đến.

Rob cho rằng tôi nên giữ thế thụ động để Thái tìm cách chỉ bảo tôi về thế giới của xã hội chủ nghĩa. Rob cho biết sẽ gửi bản báo cáo của tôi về Langlcy ngay. Sau đó, Rob mời tôi đi ăn tối, để mừng công

việc có tiến bộ. Chúng tôi đến một tiệm mà ông thích. Nhưng chúng tôi cẩn thận đi riêng, chỉ gặp nhau trạm xe điện ngầm ở Francois-Xavier. Tối hôm đó chúng tôi được ăn một bữa thật ngon, và tôi đã uống rượu hơi nhiều.

Khi tôi trở về khách sạn, người làm việc ngoài quầy tiếp khách đưa cho tôi một mảnh giấy nhỏ trong hộc để chìa khoá phòng thì tôi biết Thái kêu tôi khi tôi đi vắng.

Khi Thái kêu và cho biết anh cùng ba má tôi đang đợi ở dưới nhà, tôi vội vã chạy xuống ngày. Chúng tôi tới nhiều tiệm hàng hóa. Ba tôi mua một máy quay phim. Nhưng khi má tôi đề nghị đến một tiệm bán quần áo đàn ông để mua cho ba tôi mấy sơ mi, thì ba tôi tỏ vẻ không thích. Ba tôi nói có đủ rồi.

Tôi biết, nếu một người đàn ông chỉ cần có bốn áo sơ mi thì có thể coi như ba tôi có đủ cả rồi. Má tôi năn nỉ nhiều lần, ông mới chịu mua mấy cái áo, nhưng nhất định không chịu mua quần. Ông chỉ mua hai áo, và một vài quần lót cho anh Khôi thôi. Vì vậy tôi cũng đành đồng ý, dù trong lòng tôi hơi ghen với anh. Dù đã lớn tôi vẫn được ba tôi cưng chiều. Trong một thoáng, tôi nghĩ rằng nếu tôi ngưng hát những bài ca chống cộng thì có lẽ tôi cũng được cưng chiều như anh Khôi. Thôi rõ rồi, biết ba má thương yêu nhau, đời cưng chiều tôi đến mức này là lý tưởng vô cùng rồi.

Trong chuyến đi mua sắm đó, vào một lúc vắng vẻ chỉ có hai mẹ con, má tôi cho biết bà đã có quyết định về tương lai của hai người rồi.

Ba má tôi đã thảo luận rất lâu, và đã đi đến một kết

luận là má tôi nên trở về Mỹ với các con. Lúc đó, tôi không tiện hỏi lý do vì sợ Thái có thể nghe được. Tôi rất mừng là ba má tôi đã có một quyết định chung, dù quyết định đó có thể làm cả hai đau lòng lắm.

Sau khi mua sắm xong, bất ngờ Thái cho biết Phan Thanh Nam mời má tôi và tôi tới toà đại sứ Việt Cộng. Chúng tôi không muốn gặp Nam chút nào, nhưng lại không dám từ chối, vì Thái là người lái xe, mà chúng tôi lại không muốn tỏ thái độ thật của chúng tôi cho anh ta biết.

Khi chúng tôi tới toà đại sứ Mặt trận giải phóng miền Nam, thái độ của Nam đã thay đổi hẳn, không còn niềm nở như lần đầu gặp chúng tôi nữa, ông tỏ vẻ lạnh nhạt đối với má tôi; không cười, dù chỉ là một nụ cười xã giao. Tôi đoán ông đã mất bình tĩnh

khi phải chờ đợi quá lâu quyết định của má tôi. Ông chào đón má tôi song vẻ mặt lạnh lùng, nặng như chì. Ngay khi chúng tôi vừa tới nơi, bà Như Phi, vợ một khoa học gia người Pháp, mời ba tôi lên văn phòng của bà ở lầu hai, để hỏi ý kiến ông về cách đối phó với Chánh phủ Gia Nã Đại về một chiếc tầu mới tới Gia Nã Đại sau khi miền Nam sụp đổ. Tàu đó chở đầy đồ cổ quý giá của miền Nam, mà chính quyền mới ở Sài gòn muốn lấy lại.

Thanh, bác "tài xế", cũng đã ngồi ở phòng khách với Nam khi má tôi và tôi vào ngồi trong đó. Nhìn mặt má tôi, tôi biết bà không muốn nói chuyện với "thằng lùn" (biệt danh má tôi đặt cho Nam), nhưng bà im lặng chờ đợi. Sau khi Nam và Thanh đưa mắt nhìn nhau, Nam tằng hắng theo thói quen, rồi hỏi má đã quyết định trở về Việt Nam chưa?

Má tôi đáp:

- Tôi quyết định rồi, chú Nam à.

Bà dùng chữ "chú" để tỏ ra mình là người trên đối với kẻ ít tuổi hơn.

Thanh và Nam đưa mắt nhìn nhau tỏ vẻ vui mừng. Như cái máy, cả hai chồm tới để nghe má tôi nói, rồi cũng nhìn má tôi chờ đợi. Bà bình tĩnh nói:

- Tôi sẽ r ời Paris thật sớm, nhưng tôi không về Sài gòn.

Cả hai cùng tỏ vẻ kinh ngạc, ngồi bất động và giữ im lặng hồi lâu. Cuối cùng, Nam lên tiếng bằng một giọng yếu ớt:

- Tôi không hiểu chị nói gì.

Má tôi nói:

- Để tôi giải thích cho hai chú hiểu. Ba nó và tôi cùng phục vụ tổ quốc bằng hai đường khác nhau. Anh đi làm cách mạng, còn tôi nuôi dậy con cái. Không ai thay thế cho ai được. Cũng không thể lơ là bổn phận nặng nề của mình.

Thanh ngắt lời má tôi:

- Nhưng các con chị đã trưởng thành và hoà bình đã về trên quê hương ta.

- Chú Thanh, chú cho tôi nói hết đã. Tôi còn hai đứa nhỏ. Đành rằng Việt Nam bây giờ không còn đánh nhau nữa, ba nó và Chánh phủ mới còn nhiều

việc phải làm lắm. Tôi lớn tuổi hơn hai chú, tôi đã trải qua chiến tranh, rồi hoà bình, rồi chiến tranh, nên tôi biết, mấy tháng mấy năm sắp tới không dễ như hai chú tưởng đâu.

Hai nhà ngoại giao ngồi nín thở nghe người đàn bà Cần Thơ giản dị trình bày.

Ngưng một chút, bà tiếp:

- Không có tôi, ba nó có nhiều thì giờ rảnh rỗi để lo việc quốc gia đại sự. Trong khi đó, hai đứa con nhỏ của tôi sẽ được tôi săn sóc nơi xứ lạ quê người. Tôi xin hai chú trình bày ước vọng của tôi cho cấp trên ở Hà Nội biết.

Hai nhân viên cộng sản ngồi im lặng, cố gắng vừa nghe má tôi nói chuyện, vừa nuốt trái đắng. Tôi

nhìn lên tường có bức ảnh chân dung của Hồ Chí Minh và câu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Tôi nghĩ rằng Bác Hồ chắc phải thích má tôi lắm, bà lúc nào cũng tỏ ra có tinh thần độc lập và đang thực hành lời nói lãnh tụ để được hưởng tự do. Má tôi quay lại nói với tôi:

- Con à, mình làm mất thì giờ của chú Nam nhiều quá rồi!

Tôi biết hai chú không muốn gì hơn là “mất nhiều thì giờ” cho má tôi. Vì họ đã mất thì giờ tính toán kỹ càng chiến lược của họ để sắp xếp cho “vấn đề” của bà. Trong khi hai người đang lúng túng, tôi bỏ ra khỏi phòng, để lại một mình má tôi và hai ông cộng sản. Tôi chạy lên lầu xem ba tôi đã nói chuyện với bà Như Phi xong chưa. Bà cho biết ba tôi hiện ở trong phòng trọ của khách. Tôi vội tới

đó, thấy ba tôi đang đứng bên cửa sổ, ngắm nhìn bầu trời tháng 9 của Paris.

Tôi đến bên ông và quàng tay ôm lấy lưng ông, rồi nhìn ra ngoài. Cây dẻ trước toà đại sứ đã đổi sang mầu n âu, lá rung rinh mỗi khi cơn gió lướt qua, và lác đác rụng xuống lối đi. Tôi hỏi nhỏ:

- Ba nghĩ gì vậy, ba?

- Ba đang nhớ tới mùa thu ở quê mình. Ba nhớ tới mùa gặt trên cánh đồng của ông nội khi ba còn nhỏ. Trong khi ông nói, tôi nhận thấy nụ cười buồn man mác trên môi ông, một nụ cười của người đang nhớ nhà. Tôi nói:

- Ba ơi, con có thể nhắm mắt để nhớ lại cánh đồng ngập lúa vàng của bà ngoại vào mùa gặt.

Ông vuốt nhẹ mái tóc tôi, rồi nói:

- Ba có vào thăm cô của con khi ba từ Hà Nội vào Nam. Một buổi sáng, ba đi thăm ruộng. Không khí mát mẻ, ngọt ngào; ba nghe như có tiếng chuông reo trong gió. Lá cây lấp lánh ánh nắng bình minh. Ba không ngờ ba lại còn có may mắn được trở lại nơi nhau cắt rún. Ba bọc một nắm đất cầm chặt trong tay, rồi mơ ước được hưởng cảnh thanh bình này với gia đình ba.

Ba tôi nhìn vào xa xăm. Quê hương và người và sắp đi xa. Tôi nói:

- Lạ lắm ba, mỗi lần con nghe mùi lá cháy ngoài đồng là ruột gan con xao xuyến. Có biết bao nhiêu kỷ niệm trở lại trong óc con; kỷ niệm vui buồn, rối

beng như tơ vò, mà con chỉ biết khóc thôi. Ba à, sao yêu mà đau đớn quá vậy ba?

Ba tôi lắc đầu:

- Ba cũng không biết trả lời câu hỏi đó!

- Hồi con nhỏ, mỗi lần buồn chuyện gì, con khóc. Nếu khóc nhiều, con chỉ thấy đau ở quai hàm. Vậy mà sao người ta vẫn kêu là đau trong tim, nên thường có chữ "tan nát trái tim". Con thắc mắc về chuyện này hoài mà không biết hỏi ai.

Ông biết, tôi có ý nói lúc tôi lớn lên ông không ở gần để trả lời những câu hỏi của tôi. Vì vậy, ông nói:

- Ba tiếc đã bỏ lỡ một thời tuyệt đẹp trong đời của

ba. Đó là thời mà các con đang lớn lên. Ba không được chia sẻ với các con những nỗi đau buồn, những niềm hạnh phước, những hy vọng, những thất vọng, để có thể trả lời các con những điều thắc mắc.

- Ngày xưa ba với ông nội có thân mật với nhau không?

Ba tôi vui vẻ đáp ngay:

- Ông nội yêu ba hơn cả yêu chính bản thân ông. Nhưng giữa ba với ông nội có tính cách nghiêm trang theo lễ nghi. Ba gọi ông bằng thầy. Nhưng bà nội lại không giống những người đàn bà Việt Nam khác. Bà công khai bày tỏ tình thương, âu yếm con cái, ngay cả với ông nội nữa, không một chút e thẹn.

- Ba có biết, con đã rất buồn một thời gian dài, khi phải mang họ Trần, để được yên thân với công an dưới thời của ông Diệm không?

- Con là con của ba, về máu huyết lẫn tâm hồn, con à. Không có ai có thể chối bỏ được điều đó. - Ba tôi mỉm cười.

- Không có ai chối bỏ được, kể cả điện Cẩm Linh. Con muốn ba biết chắc như vậy.

Ba tôi cười đồng loã với tôi:

- Kể cả điện Cẩm Linh, ai cũng phải công nhận con là con của ba.

Rồi ba tôi đổi giọng nghiêm trang:
- Con săn sóc má giùm ba, nghe con.

- Dạ, con xin hứa chắc với ba điều đó.

- Còn về phần ba, ba cũng hứa cố gắng hết sức để đem lại hoà bình và thịnh vượng cho toàn dân, vì ba biết điều đó quan trọng đối với con.

Tôi biết rằng một cuộc chia ly khác đã bắt đầu trong đời tôi một lần nữa và lần này sẽ kéo dài không biết bao lâu. Tôi siết mạnh lấy ba tôi, rồi nói:

- Con rất muốn có một ngày con với ba đi dạo trên cánh đồng của ông nội, để mình nghe tiếng chuông reo trong gió, để nếm hương vị ngọt ngào trong bầu không khí trên miếng đất của ông bà nội con.

- Ba sẽ chờ con về.
Tôi liền nói:

- Đau lắm ba ơi. Tối hôm qua, con so sánh tâm trạng của con lúc này với tâm trạng của ba khi thực dân Pháp cai trị Việt Nam, con mới biết tội nghiệp cho ba hồi đó lắm…

Nói đến đây, tôi vội ngưng lại, vì nhớ ra rằng "rừng có mách, có tai". Tôi đang đứng trong sào huyệt của Việt Cộng, và người ta có thể lén đặt máy nghe khắp nơi. Tôi không thể nói thật ý nghĩ của tôi được nữa.

Ba má tôi và tôi được mời ăn tối cùng ông đại sứ Võ Văn Sung và phu nhân tại toà đại sứ Hà Nội. Nhưng sau khi má tôi cho Phan Thanh Nam biết sẽ không về Việt Nam, thì bà không muốn gặp các nhân vật của Hà Nội nữa. Khi Nam cho biết bữa tiệc tối nay là để ăn mừng ngày xum họp của ba má tôi, thì bà cũng thấy cuộc gặp gỡ càng không hợp

tình hợp lý nữa. Nam cũng không muốn là người báo tin xấu với ông đại sứ, nên nói thêm:

- Ông bà Sung muốn gặp má tôi và tôi lắm.

Nhưng má tôi đã quyết định khước từ. Phan Thanh Nam chịu luôn.

***

Chiều hôm đó. Thái lái xe đưa ba má tôi trở về biệt thự ở Verrieres-la-Buisson và đề nghị tôi đi cùng. Tất nhiên là tôi chịu vì tôi biết rằng cơ hội được gần ba má tôi sắp sửa không còn nữa. Tôi phải tận hưởng những giây phút tuyệt vời này càng nhiều càng tốt.

Tuy nhiên, trong chuyến đi này, chúng tôi không

tiện nói chuyện riêng tư, vì Thái lắng tai nghe hết. Chúng tôi chỉ nói đến chuyến đi chợ hồi sáng đó. Chúng tôi đã tới tiệm Lafayette và nhớ tới cuốn catalog đã được xem từ nhiều năm trước ở nước nhà. Trong thời Pháp thuộc, có nhiều người giầu có ở Việt Nam đã gởi mua hàng của tiệm Lafayette này.

Trên đường đi ra ngoại ô, tôi trông thấy một bảng tên mầu xanh chữ trắng, nên nói với ba má tôi là bảng tên đã làm tôi nhớ đến Sài gòn. Thế là Thái thao thao nói về "giải phóng" sẽ thay đổi bộ mặt Sài gòn bằng cách bỏ tên Sài gòn và thay tên đường. Tôi hối hận đã nhắc đến Sài gòn vì theo đà nói như cái máy. Thái say mê nói đến "cách mạng":

- Chúng ta sẽ xoá hết vết tích của thời Pháp thuộc

và thời đế quốc Mỹ dày xéo quê hương ta.

Tôi hỏi Thái có biết người ta đã làm gì với toà đại sứ Mỹ ở Sài gòn không? Thái nhanh nhẩu trả lời:

- Toà đại sứ Mỹ sẽ là nơi trưng bày hình ảnh đế quốc Mỹ trên quê hương chúng ta. Đó cũng là nơi cho biết các chiến thắng oai hùng của nhân dân ta trước sức mạnh của một siêu cường.

Thái liên tục đả kích "đế quốc Mỹ" và ca ngợi Phong trào Giải phóng. Lúc đó, mới chỉ năm tháng sau khi Sài gòn sụp đổ, anh ta đã nói tới chương trình "thống nhứt" hai miền Nam Bắc mà anh cho rằng càng sớm càng tốt.

Tôi nhận thấy ba tôi giữ im lặng trước những lời huyênh hoang của Thái. Trước đây vài hôm, khi

nói chuyện riêng má tôi, thì theo ba tôi, chương trình tái thống nhứt không phải là một ưu tiên của ông. Ba tôi nói rằng miền Nam cần có thời gian để tái thiết và mạnh hơn, trước khi thống nhứt. Ông cho rằng thống nhứt đất nước là việc của Mặt trận giải phóng miền Nam và Chánh phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam chớ không phải việc của Chánh phủ Hà Nội.

Khi nghe Thái huênh hoang khoe người Bắc tự ý giải quyết mọi việc, tôi nghĩ tới lúc ba tôi trở lại làm việc, và một lần nữa chạm mặt với thất vọng tràn trề. Lần này không phải vì vợ và con "đi lạc đường", mà vì cái chánh phủ ông hằng tin tưởng, và cái đảng ông đã phục vụ suốt đời.

Ngay sau khi cho biết sẽ không về Việt Nam, má tôi ngỏ ý muốn trở lại Mỹ càng sớm càng tốt. Thế

là không khí trở nên căng thẳng giữa ba và má tôi. Má tôi thấy có một người lạ mặt nhưng không vô nhà gặp ba tôi; chỉ vô cổng, xuống nhà bếp, nhà xe, rồi đi. Bà e ngại có thể Chánh phủ Hà Nội ép bà phải về Việt Nam để Hà Nội khỏi bị mất mặt. Một ngày trước khi má tôi lên đường như đã định, tôi đến lấy đồ đạc của bà đem về khách sạn. Khi tôi sắp sửa ra xe, bà muốn đi với tôi luôn, chớ không muốn chờ đến ngày mai.

Má tôi bay qua Atlanta để ở với vợ chồng chị Kim của tôi một thời gian.

Ba tôi lưu lại Paris thêm vài ngày với tôi. Ông không ở biết thự nữa, mà về toà đại sứ của Chánh phủ Cách mạng Lâm thời.

Ba má tôi mất nhau vì ý thức hệ. Đây là lần đầu

tiên trong đời một đảng viên Cộng sản ở địa vị của ba tôi được tự do, tự do chấp nhận, và tự do để cho một cá nhân chọn lựa giữa xã hội chủ nghĩa và dân chủ.

Sau này, má tôi mới kể lại cho tôi biết: khi bà hỏi ba tôi, nếu bà không về Việt Nam thì Chánh phủ sẽ làm gì ba, ba tôi nói, ba sẽ phải gặp một vài người có trách nhiệm để giải thích về trường hợp của bà. Trường hợp của má tôi là "cho phép" con gái kết hôn với người Mỹ, và việc má tôi bị Mỹ "bắt cóc". Má tôi buồn lắm, nhưng bà duyên dáng kể rằng, khi ba tôi nhắc đến những thằng rể Mỹ, má tôi nói: "Tôi cho đồng chí biết, những thằng đó là cha của cháu ngoại anh chớ không ai xa lạ!"

Thời gian là một liều thuốc mầu nhiệm. Má tôi là người biết rộng. Bà không nhìn lại, không nuối tiếc

về sự quyết định của bà, bà không ngừng tìm cách cho anh Hai tôi vượt biển đi tìm tự do, thỉnh thoảng má tôi nhận được thơ của ba tôi; thơ viết từ "người chị yêu thương em, yêu thương con cái của em". Thơ cám ơn người em đã chung thuỷ với gia đình, bạn bè, làm vợ, làm mẹ, làm người con hiếu thảo.

Chương 39

Ngày ba tôi rời Paris. Thái và tôi đưa ông đến phi trường. Trong khi Thái còn chạy kiếm chỗ đậu xe, ba tôi và tôi đi vô để trình vé ở quầy của hãng máy bay Aeroflot. Tôi không hiểu hết, khi ba tôi nói tiếng Nga với người đàn bà Nga ở sau quầy. Thái muốn ba tôi đi máy bay của hãng Air France, Nhưng ba tôi không chịu, chỉ muốn Aeroflot thôi.

Điều này khiến tôi nhớ lời Rob, dặn tôi chỉ nên đi máy bay Mỹ thôi.

Chúng tôi ngồi chơi với ba tôi ở phòng đợi cho đến khi ông lên đường. Khi nhân viên hàng không kêu tên ba tôi, ông không nhúc nhích mà nắm chặt tay tôi như không muốn rời.

Ông nhắc lại:

- Con săn sóc má giùm ba.

Chúng tôi cùng đứng lên, rồi ông ôm tôi thật lâu trước khi lên máy bay.

Tôi thấy mình như đứa trẻ mồ côi. Tôi đứng bên cửa sổ nhìn chiếc máy bay sắp sửa đưa ba tôi đi mất. Thái đứng cách tôi vài mét để chờ tôi. Trên đường về, tôi không biết nói gì với Thái.

Trước khi tôi rời Paris, Phan Thanh Nam đưa tôi đến gặp ông đại sứ của Hà Nội ở Paris. Nam dặn tôi kêu ông là “chú”. Càng tốt, có chú làm đại sứ của Cộng sản, có cơ hội lấy tin tức cho CIA.

Chúng tôi uống trà trong một phòng ấm cúng của toà đại sứ, và lắng nghe tất cả những câu hỏi của ông đại sứ. “Chồng cháu phải là người Mỹ tốt không?” (Đối với cộng sản, một người Mỹ “tốt” là người chống chiến tranh). “Anh ấy làm nghề gì?” (việc tốt đối với cộng sản là không làm gì hại đến họ). Không thể nói dối với họ, nhưng tôi quan niệm là không nên nói ra nếu không nói thật được, thì đừng nói; không ai đánh mà sợ.

Tôi trả lời ông đại sứ:

- Thưa chú, chồng cháu yêu nước của anh như cháu

yêu nước của mình. Điều an ủi là cháu biết anh ấy thông cảm, buồn cho đất nước mình.

Võ Văn Sung và Nam có vẻ phấn khởi khi biết chồng tôi là một nhà khí tượng học, và đang làm việc cho đài khí tượng ở Honolulu. Đại sứ Võ Văn Sung nói:

- Một ngày nào đó, chồng cháu có thể giúp ba cháu khi ông cần.

Đại sứ Võ Văn Sung không để mất thì giờ nói chuyện quanh co, mà đi thẳng vô vấn đề. Ông hỏi tôi đã có bao giờ tham gia hoạt động của Mặt Trận chưa? Cũng như đối với mọi người, tôi cho ông biết cả gia đình tôi ở miền Nam đều hoạt động cho Mặt trận. Mặt Trận đã từng lấy đất của ông bà tôi làm căn cứ hoạt động, và vì thế người anh bà con

rất trẻ của tôi đã bị giết. Tôi biết rằng những mất mát này chẳng có nghĩa lý gì đối với ông đại sứ. Có chăng, là máu của tôi hòa với máu của kẻ thù của cộng sản và trở thành thương binh một giò đứng trước mặt ông, thì may ra tôi mới là người có công với "Cách mạng". Nhưng ông cũng cho tôi một dịp nữa, là cho tôi bắt đầu đóng góp, ông nói:

- Chú có một người bạn rất tốt ở Mỹ. Ông ta sống ở Francisco. Chú muốn cháu gặp ông ta ngay khi cháu về Mỹ.

Tôi tự hỏi, không biết các viên chiếc cao cấp của chính Hà Nội có xem bản đồ của nước thù địch của họ không. Ông cán bộ có biết khoảng cách từ Hawaii đến San Francisco là bao xa không? Tuy vậy, tôi vẫn hỏi địa chỉ của người bạn tốt đó, và ghi vào sổ tay. Tôi còn xin ông đại sứ viết mấy chữ vô

sau danh thiệp ông để giới thiệu tôi với người "bạn tốt". Ông viết ngay, tôi có đủ mọi thứ cần thiết để có thể liên lạc với mạng lưới cộng sản ở nước Mỹ. Người bạn mà ông đại sứ muốn tôi gặp ở San Francisco chính là người thành lập, là chủ tịch của "Hội Việt kiều yêu nước" ở Mỹ. Một năm sau, tôi bay qua San Francisco gặp ông và thâm nhập vào hội này. Tôi còn hỏi ông đại sứ có "bạn nào ở Honolulu muốn tôi gặp không? ông hãnh diện trả lời:

- Có thể mình cũng có nhiều nguồn ở Honolulu, nhưng hoạt động bí mật nên chú không rõ.

Tôi rời Paris về Hawaii với sự tin tưởng rằng tôi vẫn được cộng đồng người Việt thân Cộng tại Paris đón tiếp nồng hậu, và chắc chắn sẽ có nhiều cuộc gặp gỡ với Nam, Thái. Tôi không hứa hẹn gì trước

khi từ biệt, nhưng tôi biết, Nam tin rằng tôi đã lọt vô lưới hoạt động của ông. Hôm tôi đến chào ông để về Mỹ, Nam nói:

- Chú biết rằng sự đóng góp sau này của cháu cho Cách mạng sẽ được những người có trách nhiệm trong nước biết. Điều này sẽ làm cho ba cháu vui lắm đó!

***

Mấy tháng sau khi tôi trở về Hawaii, CIA thương lượng với hải quân, cho John đổi về Ngũ Giác Đài. Sau đó, CIA cho tôi sang Paris theo lời mời của ông chủ tịch của Hội Việt kiều yêu nước Huỳnh Trung Đồng. Trước đó. Thái có dặn tôi nên kêu chủ tịch bằng “anh”. Thế là tôi tới trụ sở gặp anh Huỳnh Trung Đồng. Đồng là một người cô đơn,

trầm lắng, dáng người khắc khổ. Mỗi lần gặp anh, tôi có cảm tưởng như thân của anh ở đó, mà hồn của anh ở một nơi nào, đố ai biết, anh như một người phản chiến tranh, một người hết nghị lực. Anh còn có cái tật nói nhỏ, thì thầm như sợ có ai rình nghe.

Vào một buổi sáng tôi đến gặp anh Đồng, anh cho tôi xem tờ “Đoàn kết” do hội của anh xuất bản. Báo phát hành hai tuần một lần. Anh xin địa chỉ của tôi để anh gởi báo cho tôi sau đó. Tôi đề nghị anh gởi về hộp thơ của tôi ở Washington, D.C, cho tiện.
Như sực nhớ một điều gì quan trọng, anh lục lọi trong hồ sơ "USA" cho đến lúc tìm ra một danh thiệp có đánh dấu ở một góc, lẩm bẩm đọc mấy chữ trên đó, rồi hỏi tôi có biết một người đàn bà Nguyễn Thị Ngọc Thoa không? Ba Thoa hiện sống ở Washington. D.C. Tôi trả lời rằng tôi mới dọn tới

đó, nên chưa biết ai hết. Anh đọc tấm thiệp một lần nữa, rồi cho tôi biết về bà Thoa:

Bà này có chồng Mỹ, nhưng ông ấy là bạn của chúng ta. Bà tham dự phong trào chống chiến tranh rất sớm, vào đầu thập niên 60.

Tôi giả bộ khờ khạo nói:
- Vào những năm đó, em còn ngủ kỹ, không có làm gì hết.

Đồng nói:

- Tôi muốn cô gặp chị Thoa, kết bạn với chị ấy trước cái đã.

Tôi không mấy thích chuyện bắt con cá, nhử con

tôm, nhớ lời dặn của Thái là phải kiên nhẫn, nên tôi gật đầu và giữ im lặng.

Trong buổi thăm viếng đó, anh Đồng đưa tôi đến trụ sở hội. Đó là một thư viện ở tầng dưới hầm, chứa đầy "Nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản", và một nhóm thanh niên nghe một người đàn bà diễn thuyết. Nữ diễn giả dùng những từ cộng sản đầy mầu mè nhưng vô nghĩa, để giảng giải về cuốn sách mà mọi người đã đọc.

Trong một tủ kiếng gần lối ra vào của một phòng lớn lầu chánh, Đồng hãnh diện khoe với tôi "cây viết đã từng ký hiệp định Paris". Sau đó, anh cầm một miếng kim loại mầu trắng đưa cho tôi xem. Trên miếng kim loại do có vẽ hình một nữ chiến sĩ, quần xắn lên tới đầu gối, vai mặt đeo một khẩu

súng, tay bên trái có một sợi dây kéo một vật phía sau. Đồng giải thích:

- Đây là xác máy bay B-52 của Mỹ.

Rồi ông đưa cho tôi mảnh kim loại đó để xem cho rõ hơn. Tôi bỗng thấy hơi run run, nên không đưa tay ra đón nhận. Tôi chợt nghĩ tới các phi công Mỹ và những chiến binh khác. Tôi giận mình, vì không thể nói gì thay cho sự hy sinh của họ cho đất nước Việt Nam của mình.

Anh Đồng đưa cho tôi nhiều tài liệu để đem về Mỹ, đa số sách báo tuyên truyền của cộng sản bằng Anh ngữ. Tôi cám ơn ông về những tài liệu này, và nghĩ ngay trao hết cho CIA cùng với địa chỉ của bà Nguyễn Thị Ngọc Thoa, một người hoạt động cho phong trào phản chiến ở Washington D.C.

Ba tuần lễ tôi tiếp xúc với cộng sản và người Việt thân Cộng ở Paris, là thời gian xa nhà dài nhứt của tôi. Không ngày nào là tôi không gặp gỡ, chung đụng, chuyện trò, ăn uống với cộng sản. Tôi học ăn, học nói, hành động như một người thân cộng sản.

Qua chung trà, tách nước, tôi được tiếp xúc với người tỵ nạn Cộng sản, và những người trước kia đã nhiệt tâm ủng hộ Mặt trận giải phóng miền Nam, nhưng sau 1975 họ đã biết sự thật phũ phàng, thì trở lại giúp đỡ những người tỵ nạn còn chân ướt chân ráo.

***

Trở về Washington, D.C, tôi cho Rob biết là chúng tôi nên liên lạc với những người mà ông chủ tịch

của Việt kiều yêu nước ở Paris giới thiệu, vì đây là những điệp viên của Cộng sản Hà Nội hoạt động tại Mỹ, đặc biệt là Nguyễn Thị Ngọc Thoa. Nhưng Rob cực lực phản đối. Ông nói:

- Phản gián không phải là việc của chúng ta. CIA không có trách nhiệm về chuyện này.

Tôi không đồng ý với Rob vì hai lý do. Một là, ông đại sứ Võ Văn Sung và chủ tịch Huỳnh Trung Đồng đã giới thiệu họ cho tôi. Thứ hai, họ là cái chìa khoá để mở những cửa ra vào những nơi mà CIA và tôi muốn thâm nhập. Nếu tôi không gặp những người này, thì khi trở lại Paris gặp họ, tôi đâu có đề tài gì để trao đổi với mấy ông Cộng sản này. Rob thì nghĩ khác, anh nói chừng đó tính sau, tuỳ cơ ứng biến, phản gián là việc của FBI, không phải chuyện của mình.

Tôi nói:
- Rác sau nhà mình, nếu mình không quét, thì việc làm của mình có lợi ích gì cho nước Mỹ, khi mình cứ chạy hết cái địa cầu này để săn tin của địch?

Nhưng ông lại nói:

- CIA không được phép tuyển dụng người Mỹ để hoạt động trên đất Mỹ, nếu không được phép đặc biệt của Bộ tư pháp!

Thì ra CIA đã làm trái luật khi tuyển dụng tôi, một công dân hoạt động tại nước Mỹ. Luật của người lập ra khác hẳn vấn đề thiên nhiên; bởi vì người lập ra, thì người có thể thay đổi, để thích ứng với hoàn cảnh. Tôi cho Rob biết ý nghĩ của tôi, và khuyên anh nên bàn lại với thượng cấp của anh, để họ thương lượng với Bộ Tư pháp.

Rob hứa sẽ suy nghĩ về đề nghị của tôi, và dặn tôi cứ theo đúng nguyên tắc. Có thể tôi vẫn phải nghe lời ông, nhưng muốn ông hiểu tầm quan trọng của vấn đề. Vì vậy, tôi nói:

- Nếu anh không báo cho FBI biết về người đàn bà Việt Nam đó, tôi sẽ báo. Nếu không được, tôi sẽ nhờ chồng tôi chuyển tin tức này đến cho FBI.

Có lẽ như vậy dễ dàng hơn, vì John đang làm cho cơ quan tình báo Hải quân, dưới quyền đô đốc Bobby Inman. Rob phản ứng:

- Nếu cô làm như vậy, tôi sẽ đuổi cô.

Ông nói bằng một giọng cứng rắn. Tôi liền phá lên cười:

- Trước hết, anh phải chánh thức mướn tôi, rồi mới có thể đuổi tôi được.

Trên thực tế, dù đã làm việc cho CIA và cung cấp nhiều tin tức giá trị, tôi vẫn chỉ là một nhân viên không lương, căn bản là tự nguyện. Làm gián điệp không phải là cái nghề để sinh nhai. Có thể lời nói thẳng của tôi đã làm Rob chột dạ, nên đáp:

- OK, có lẽ cô và tôi nên ngồi xuống để nói chuyện việc làm của cô.

- Có như vậy anh mới có quyền đuổi tôi khi công việc không xuôi chèo mát mái. Nghề tình báo không phải lúc nào cũng suông sẻ, êm ru như ba tuần vừa qua đâu. Tôi có thể vui vẻ làm với anh, nhưng tôi cũng là một con chồn hôi khi bị ăn hiếp đó! Anh nên nhớ cái tánh xấu này của tôi.

Hải quân chuyển chồng tôi về Washington. Anh làm việc ở Ngũ Giác Đài dưới sự lãnh đạo của đô đốc Bobby Inman trùm tình báo của Hải quân Mỹ. Ở Washington, tôi và Rob Hall thường gặp nhau ít nhứt mỗi tuần một lần, khi thì ở tiệm ăn Marco Polo, trong vùng Vienna để ăn trưa, khi ở Springfield ăn điểm tâm ở McDonald; lại có khi chỉ gặp ở bãi đậu xe của một trung tâm buôn bán thuộc quận Fail để trao đổi với nhau một vài tin tức. Chúng tôi thảo luận về việc đối phó với Phan Thanh Nam, Huỳnh Trung Đồng và Phạm Gia Thái ở Paris cùng những người khác, để chuẩn bị cho những công tác tương lai. Chúng tôi nghiên cứu một kế hoạch lợi dụng chỗ quen biết với Huỳnh Trung Đồng, như một cây cầu để gặp ngoại trưởng Hà Nội Nguyễn Duy Trinh và thủ tướng Phạm Văn Đồng, khi hai ông sắp tới Paris. Cuộc viếng thăm này có thể quan trọng đối với chánh phủ Hà Nội, vì

họ muốn tái lập mối quan hệ với Pháp. Tất nhiên, CIA cũng quan tâm đến chuyện này.

Trong một buổi gặp gỡ, tôi nhắc lại chuyện “dọn dẹp rác rưởi” bằng cách báo cho FBI biết mấy cán bộ cộng sản nằm vùng tại Mỹ. Có thể Rob đã suy nghĩ kỹ về vấn đề này, ông trả lời ngay rằng ông không đồng ý với tôi, dù đây là một vấn đề quan trọng.

Tôi không thể dễ dàng chấp nhận một chuyện như vậy được. Gián điệp của Cộng sản và nhóm “Việt kiều yêu nước” chính là hậu thuẫn của phong trào phản chiến trong những năm 1960. Ngay cả bây giờ đã hoà bình, họ vẫn có thể tuyển dụng người Mỹ cộng tác với họ trên danh nghĩa “Phục vụ hoà bình qua tình hữu nghị“. Họ có thể đánh cắp những bí mật quốc gia, kể cả về công nghệ lẫn kỹ thuật

mới. Họ cũng có thể xâm nhập vào ngành tình báo, phản gián, và Bộ quốc phòng. Một chiến thuật khác của họ là tung những tin vịt trong ngành báo chí, để gây hoang mang và hiểu lầm trong các cộng đồng thiểu số, tạo nên sự căng thẳng giữa các chủng tộc. Cao hơn nữa, họ có thể gây nên rạn nứt trong quan hệ ngoại giao giữa các nước đồng minh với nhau, nếu họ moi được những mật mã trong sự liên lạc. Chiến tranh có thể bùng nổ giữa hai nước bạn.

Tối hôm đó, tôi thảo luận với chồng tôi về mối lo này. Tôi nói với John rằng tôi thông cảm với Rob về ý nghĩ của ông, khi cho rằng FBI chỉ là "bọn cảnh sát", nhưng tôi thực sự muốn ý kiến của một chuyên gia khác về vấn đề này. Tôi muốn biết đô đốc Bobby Inman, một "siêu gián điệp suy nghĩ gì về chuyện này. Riêng John thì anh cũng nghĩ rằng ngành phản gián phải biết rõ những gián điệp đang

hoạt động trên đất Mỹ. Hôm sau, John gặp ngay đô đốc Bobby Inman. Ông cho biết ông sẽ tìm hiểu hoàn toàn tình trạng này. Nhưng chỉ mấy ngày sau, John cho biết "họ không quan tâm" đến chuyện này. Tôi không thể tin như vậy được. Tôi nghĩ rằng nước Mỹ đang sai lầm quan trọng, mà tôi có bổn phận phải kiếm cách giúp đỡ để sửa đổi. Tôi vật lộn với những ý nghĩ ấy, rồi tôi lại xin chồng tôi tiếp tôi một tay, muốn anh dàn xếp cho tôi được gặp riêng đô đốc Bobby Inman, biết đâu người phương Tây học được cái khôn của người phương Đông và tôi tin rằng tôi có thể trình bày thẳng với ông một cách rõ hơn. John chiều ý tôi, và hai vợ chồng tôi đã được gặp đô đốc của Ngũ Giác Đài. Đô đốc Bobby Inman ngồi lắng nghe cẩn thận lời trình bày của tôi về hoạt động của Cộng sản trên đất Mỹ. Ông hứa sẽ trình bày chuyện này với ông giám đốc FBI Clarence Kelley ngày hôm sau, John

lại chở tôi vô Ngũ Giác Đài để được yết kiến giám đốc của FBI.

Cuộc gặp gỡ này chỉ có tôi và ông giám đốc của FBI trong một phòng hội nghị có cái bàn thật dài và hơn 10 cái ghế chung quanh bàn đó. Tôi bắt đầu kể lại cho ông Kelley cũng như đã trình bày với đô đốc Bobby Inman. Ông chăm chú nghe, cuối cùng, ông bắt tay tôi với hai bàn tay của ông, tỏ ý hài lòng về cuộc gặp gỡ này.

Tôi không biết rõ sau đó chuyện gì đã xảy ra giữa FBI và CIA, nhưng chỉ mấy ngày sau, Rob loan báo:

- Bây giờ thì cô hợp pháp rồi!

Rob Hall cho biết "họp pháp có nghĩa là tôi đã

được Bộ tư pháp cho phép CIA và tôi hoạt động ngay trên đất Mỹ. Rồi tôi sẽ được gặp một ông nhân viên FBI. Ông là người tôi sẽ tiếp xúc thường xuyên trong những hoạt động tay ba: là FBI, CIA và tôi.

Ông cho tôi biết tôi sẽ phải qua một lớp huấn luyện đặc biệt, và sẽ phải làm việc với một nhân viên CIA mới. Tôi giựt mình, vì với một người khác thì tôi lại mất biết bao nhiêu thì giờ dậy ông ta về Việt Cộng nữa, như tôi đã mất biết bao nhiêu thì giờ huấn luyện Rob Hall. Tôi ngao ngán vô cùng. Tôi hỏi Rob Hall tại sao tôi phải làm việc với một người khác, ông chữa lại:

- Có muốn gặp nhân viên FBI, thì cô sẽ gặp, sẽ toại nguyện. Cô còn đòi hỏi gì nữa?

Vì sẽ cộng tác với FBI, Rob Hall không được làm việc với tôi. Điều này, tôi hoàn toàn không hiểu lý do bên trong của CIA, những tôi chủ trương là không hỏi, khi tôi nghi là câu trả lời sẽ không được thành thật. Thà không biết, hơn là biết tin không đúng. Rob cũng có vẻ ngạc nhiên, tại sao tôi không hỏi anh câu nói đó, mà chỉ chấp nhận làm việc với người khác. Tôi hỏi ông về người mới, thì ông cho biết người này không hiểu gì mấy về Viễn Đông, và ông ta đang chờ đợi được cử sang Bangkok làm việc.

Mấy hôm sau, tôi gặp nhân viên mới của CIA. Ông tên là Bill Reardon, tuổi chừng bốn mươi. Ông lịch sự, dịu dàng, ít nói. Ông không hề hỏi tôi một điều gì trong những buổi gặp gỡ. Thật ra ông đâu có quan tâm đến những hoạt động của tôi. Ông nói thẳng cho tôi biết là ông đang chờ đợi sự vụ lịnh

đổi qua Bangkok. Được đổi đi Bangkok hai năm trước khi về hưu, là một cái post lý tưởng, còn hơn là được cơ quan thưởng tiền. Có một vài lần ông đã ngủ gục, khi tôi đọc cho ông nghe những lá thơ tôi mới nhận được từ Paris và giải nghĩa cho ông hiểu. Tôi không muốn mất thì giờ với một người chỉ tạm thời làm; với tôi: thân của ông ở đây, mà tâm ở Thái Lan. Tôi cũng có cảm tình với ông, vì ông yêu gia đình. Tôi tin rằng nếu ông thực lo cho dự án của tôi, ông sẽ là một người cộng tác đắc lực. Chúng tôi vẫn gặp nhau để ăn trưa và trao đổi ít rau tươi trong vườn chúng tôi trồng. Chỉ có vậy thôi.
Một buổi trưa nóng nực tháng 6 năm 1976, tôi được gặp một nhân viên đặc biệt của FBI tên là William Fleshman, ông còn trẻ, trạc tuổi tôi, trầm tánh, dáng thư sinh, lịch sự. Đôi lúc trong ông có dáng dấp của tài tử màn ảnh Robert Redford, nhưng mỗi lần gặp ông, tôi lại nhớ tới một ông giáo

sư dậy lịch sử. Khi đã hiểu ông, tôi rất quý ông, một con người ngay thẳng, chính xác, có tinh thần hợp tác và dễ chấp nhận các đề nghị. Ông còn là một người chân thành hiếm có, sẵn sàng thú nhận mình không biết gì hết, và ông không ngại học hỏi rèn nghề. Ông có vẻ dịu dàng và hơi lệ thuộc vào sách vở, vào kỷ luật của FBI, nhưng theo tôi, ông đúng là một nhân viên FBI chuyên nghiệp.

Hill Fleshman là một người kiên nhẫn, hiểu biết và nhạy cảm. Chúng tôi cùng quan điểm cho rằng công tác tình báo thực sự cần nhiều thời gian để đối phó với những nghiên cứu, điều tra khô khan không thú vị, từ ngày này qua tháng khác. Nó chẳng có vẻ nhộn nhịp như trong ciné (cinéma). Nó không có kết quả trong vòng hai tiếng đồng hồ như James Bond 007, và cũng không có gì vui, hay hấp

dẫn. Có hồi hộp, có cô đơn, lương tâm có bị dày vò.

Cuộc liên lạc đầu tiên của tôi với các cán bộ nằm vùng của Việt Cộng trên đất Mỹ là việc tôi gặp Nguyễn Thị Ngọc Thoa ở Washington, D.C, mà Huỳnh Trung Đồng chú tâm đến rất nhiều. Tôi yêu cầu FBI bảo vệ tôi khi tôi đến chỗ hẹn gặp chị ấy, vì tôi chưa hề đến vùng này ở Washington D.C, cũng như chưa bao giờ nghe đến tên Nguyễn Thị Ngọc Thoa.

Cầm lá thơ giới thiệu của anh Huỳnh Trung Đồng, tôi gặp Nguyễn Thị Ngọc Thoa tại địa chỉ 1300 đường 18, ở lầu 2, khi Tây Bắc Washington. D.C. Lúc tôi tới, có một người đàn ông Việt Nam đang ngồi nói chuyện với chị. Những khi thấy tôi, chị tiễn ông ta ra cửa và với vẻ e ngại, dò xét, mời tôi

vô nhà và cho biết ông khách vừa rồi là một người tỵ nạn muốn nhờ chị kiếm việc giùm.

Chị Thoa người rất nhỏ, không son phấn, ăn mặc đơn sơ, ít nói và tỏ vẻ dè dặt với tôi. Tôi ráng tỏ ra thân mật với chị nói rằng đáng lẽ tôi phải đến thăm chị từ lâu, nhưng bận dọn nhà, Lúc đầu chị chẳng nói năng gì, làm cho bầu không khí thật khó chịu, chị lẳng lặng nhìn tôi từ đầu xuống thân. Cuối cùng, chị nói:

- Có nhiều người tới đây nói với tôi là họ cùng phe với mình, nhưng chỉ ít lâu sau chúng tôi khám phá ra họ là những tên phản động.

Tôi nói:

- Tôi hiểu chị muốn nói gì. Chị muốn biết tôi thiệt

hay giả, phải như vậy không?

Chị nói, trong khi vẫn nhìn tôi chăm chú:

- Tôi lấy làm tiếc phải cẩn thận như vậy.

Tôi ra giọng người trên khen người dưới:

- Tôi rất hài lòng khi thấy chị cẩn thận như vậy. Tôi tin rằng chúng ta sẽ cộng tác với nhau rất dễ dàng.

Vừa nói tôi vừa mở bóp lấy lá bài tủ, lá thư giới thiệu của anh đưa cho chị. Thơ này đã được nhân viên FBI chụp làm bản sao trong hồ sơ của chị. Đọc hết lá thơ, chị để lại vô bao, bỏ vô túi áo, rồi bắt tay tôi với một vẻ hài lòng.

Trong buổi đầu gặp gỡ này, chúng tôi không nói

chuyện nhiều. Tôi nói với chị là tôi thường sang Paris và sẵn sàng giúp bất cứ việc gì nếu có thể. Chị ngỏ lời cảm ơn và cho biết có nhờ tôi "mang mấy thứ" qua Paris.

Lần thứ hai hẹn gặp chị, chị đề nghị đi ăn trưa. Chị hẹn tôi ở tiệm Old Stein, một nhà hàng Mỹ ở gần khu chị ở. Tôi báo cho FBI biết để họ cho người tới canh chừng khi chị và tôi ngồi ăn.

Chị cho tôi xem tờ nguyệt san "Người Việt đoàn kết". Thực ra không phải là một tờ báo theo đúng nghĩa của nó, mà chỉ là những bản tin lấy từ những tờ báo của cộng sản ở Hà Nội, được cắt dán in lại rất công phu. Tôi tự hỏi chị lấy tiền đâu để in và gởi cho gần 5.000 người, vì đó là tờ báo biếu. Chị không nói cho tôi biết về nguồn tài chánh, nhưng chị lại đề cập tới sự giúp đỡ của một **linh mục, cha**

Trần Tam Tĩnh ở Canada. Chị nói thỉnh thoảng chị qua Canada thăm vị **linh mục thân Cộng** đó.

Chị tin tưởng hoàn toàn vô chánh phủ của Mặt trận giải phóng và hãnh diện đã tham gia vào những hoạt động của Mặt trận giải phóng trong suốt thời kỳ chiến tranh. Chị không hề quan tâm tới những tiện nghi vật chất. Chị làm việc, ăn, ngủ và hoạt động chính trị trong căn phòng nhỏ xíu đó. Tấm đệm chị ngủ để ngay trên mặt sàn nhà. Căn phòng thiếu ánh sáng, bàn ghế ọp ẹp, lung lay. Cái bàn chị viết rung rinh, chị lấy hai chân kep lại cho vững khi chị viết. Chị pha café không cần đồ lược; lược bằng răng, vậy mà cũng ngon! Quần áo thì chị cho biết toàn là đồ mua ở các tiệm bán quần áo cũ. Tất cả những thứ xa xỉ không làm chị bận tâm, miễn là có đủ sức khoẻ và cơ hội để phục vụ Mặt trận giải phóng.

Khi tôi mô tả chị một cách trung thực, có ý phục sự đắc lực, kiên tâm của chị, có vài người trong cơ quan FBI chau mày. Bill hỏi tại sao tôi khen ngợi “Việt Cộng ”. Tôi nghĩ rằng tôi không làm ngơ trước một con người xuất sắc, dù người đó ở một chiến tuyến khác.

Thoa không thích nói chuyện lâu qua điện thoại. Sau khi chúng tôi đã quen biết nhau, mỗi lần gọi tôi, chị kín đáo và ngắn gọn. Chẳng hạn như: “Nè, tôi đây. Ngày mai mình có thể gặp nhau vào giờ mọi khi và ở chỗ cũ không?”. Giờ mọi khi là 10 sáng và chỗ cũ là quán ăn Old Stein. Cứ gặp nhau hoài ở nơi này, tôi quen dần và thích đồ ăn của người Do Thái. Tôi hiểu tâm trạng chị Thoa hơn. Chị hoạt động cho cách mạng thời kỳ phản chiến ở Mỹ; bây giờ chị có cảm tưởng bị cách mạng bỏ rơi. Tôi là sợi dây liên lạc giữa chị với những người đại

diện cho chánh phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Paris và cả ở Việt Nam nữa. Chị nhờ tôi nói cho Huỳnh Trung Đồng ý nghĩ và cảm tưởng của chị. Nhưng chị Thoa đâu biết là Huỳnh Trung Đồng cũng ở trong hoàn cảnh của chị, nghĩa khi Mặt trận giải phóng miền Nam giúp cho Hà Nội cưỡng chiếm miền nam Việt Nam, thì trái chanh chỉ còn có cái vỏ. Bây giờ là tới lúc Hà Nội ngồi thưởng thức nước chanh; Mặt trận giải phóng miền Nam chỉ là một đống vỏ chanh thôi.

Theo tục lệ Việt Nam, tôi có thể không lịch sự với chị Thoa nếu tôi không mời chị về nhà chơi, trong khi tôi vẫn đi ăn với chị. Nhưng cả hai chúng tôi cũng không muốn dây đưa đến đời tư của nhau. Về tôi, chị chỉ biết số điện thoại của tôi, và sự kiện quan trọng: ba tôi là một nhân vật trong Mặt trận giải phóng miền Nam. Không bao giờ tôi hỏi chị về

chồng con, không muốn chị hỏi về chồng con tôi. Những người đồng chí của chị ở Paris đã cho tôi biết về hoàn cảnh riêng tư của chị rồi. Họ còn nói: chồng chị là một "người Mỹ tốt". Chồng tôi chắc không được các cán bộ cộng sản đánh giá là "tốt". Sau nhiều lần nói chuyện với chị, tôi biết khá nhiều về những phần tử thân cộng ở nước Mỹ. Tổ chức của họ rất hạn chế, nhưng họ mạnh, nhiệt tình và đa số có học. Nhiều người trong tổ chức là những sinh viên trốn động viên dưới thời tổng thống Thiệu, tìm cách không về nước sau khi đã tốt nghiệp đại học, và những sinh viên được học bổng rồi kẹt lại sau 30 tháng 4 năm 1975. Hầu hết những người này tham dự phong trào chống chiến tranh vào những thập niên 60 và 70.

Thoa giới thiệu với tôi một người trong nhóm sinh viên đó, tên là **Trương Đình Hùng**. Chị cho biết,

anh là con của luật sư Trương Đình Dzu. Ở Việt Nam, ông Trương Đình Dzu là một người có tiếng tăm, giầu có và năm 1967 đã từng tranh cử tổng thống với ông Thiệu. Cuộc tranh cứ này khiến ông gặp tai hoạ: ông Thiệu đã ra lệnh bắt giam ông, vì ông dám chống lại ông Thiệu. Một hôm, chúng tôi tình cờ gặp nhau ở cầu thang trong nhà của chị Thoa. Chị liền giới thiệu chúng tôi với nhau. Lúc đầu Trương Đình Hùng không thèm nhìn tôi, nhưng khi chị nói: "Chị Mỹ Dung là người do anh Huỳnh Trung Đồng ở Paris giới thiệu". Trương Đình Hùng bỗng rối rít bắt tay chào tôi.

Mùa thu năm ấy, CIA lại cử tôi sang Paris lần nữa. Một tuần trước khi lên đường, tôi báo cho Thoa biết. Chị muốn nhờ tôi đem mấy thứ sang Pháp giùm chị. Nhưng chị không trao cho tôi ngay những thứ đó, mà hẹn tôi cận ngày đi ghé lấy. Tôi

đành phải nghe lời chị dù rằng CIA và FBI đều cũng muốn biết vật đó là vật gì Tôi tin rằng hai cơ quan tình báo và phản gián này có dư khả năng đối phó với mọi hoàn cảnh, cho nên tôi không hối thúc chị Thoa đưa đồ cho tôi sớm hơn.

Hai ngày trước khi rời Washington, D.C. tôi tại gặp Thoa để lấy mấy "món đồ". Thường thường, Hùng không bao giờ có mặt khi tôi gặp chị, nhưng lần này, anh đợi tôi ở đó. Tôi đậu xe ngay trước cửa, rồi chạy lên căn phòng chị ở trên lầu hai. Tôi hết hồn trông thấy món đồ chị nhờ tôi đem sang Paris. Đó là hai thùng lớn và rất nặng, toàn những giấy tờ, gồm bản tường trình các buổi họp của quốc hội và mấy chục cuốn sách bìa cứng về chính trị và kỹ thuật: có một quyển Jimmy Who? Năm đó là năm Jimmy Carter ra tranh cứ tổng thống; quyền sách viết về ứng cử viên Jimmy Carter. Trước khi tôi ra

về, Hùng đưa cho tôi một bao thơ dán kín. Tuy ngoài bao thơ đề tên người nhận là ông Nguyễn Ngọc Giao, nhưng Hùng bảo tôi đưa cho anh Đồng, đừng đưa cho anh Giao.

Hai tiếng đồng hồ sau, các nhân viên FBI và CIA đến nhà tôi xem xét hai thùng đồ của Thoa. Họ ghi lại tên các cuốn sách, nhưng họ không mở thơ dán kín của Hùng, vì họ chưa được phép của Bộ tư pháp để mở thơ của Thoa hay Hùng. Đó là thủ tục con rùa hành chánh và cũng là luật lệ của một xã hội có nhân quyền. Tôi đành phải trao cho anh Đồng lá thơ nguyên vẹn.

Tháng 4 năm 1976, tôi viết thơ cho ông Nguyễn Văn Luỹ, chủ tịch Hội người Việt yêu nước ở Hoa Kỳ, người mà ông ông đại sứ Võ Văn Sung của Hà Nội muốn tôi gặp. Ông Luỹ ngỏ ý mời tôi sang San

Francisco gặp ông và các hội viên điều hành tổ chức Việt kiều yêu nước do ông làm chủ tịch. Không những vậy, ông còn đề nghị tôi tới Christianburg, tiểu bang Virginia bí mật gặp hai "hội viên rất tích cực", đang là sinh viên trường Đại học Virginia Tech. Tôi biết Luỹ điều hành tổ chức của cộng sản dưới quyền điều khiển trực tiếp của ông bộ trưởng Bộ ngoại giao nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó tôi muốn dồn hết nỗ lực vô việc này, và cần có người chỉ dẫn tích cực hơn Bill Reardon, người chỉ mơ đến chuyện đi Bangkok.

Tôi định thử thời vận, nên liều kêu cho cấp trên của Rob, ông Roger McCarthy, xin được gặp ông. Ông đồng ý gặp tôi ở tiệm McDonald, ở Vienna, Virginia để ăn sáng. Khi gặp ông, tôi đề nghị ông cho Rob thay Bill Reardon, dù Rob và tôi nhiều lần

bất đồng với nhau về cách làm việc, cũng như về ai làm chủ tình hình, nhưng Rob rành việc, như anh rành lòng bàn tay mình.

Ông Roger mỉm cười và chỉ đầu hói của mình nói:

- Rob là nguyên nhân làm cho tôi rụng gần hết tóc rồi!

Tôi cười theo ông.

Thế là Rob trở lại làm việc với tôi. Công việc của tôi trôi chảy hữu hiệu hơn.

***

Tháng Chạp năm đó là tôi bù đầu với cái việc của người làm gián điệp, Cứ mỗi thứ Sáu, tôi lại phải

gặp hai nhân viên FBI và CIA để báo cáo về hoạt động của tôi với mấy người Việt Nam thân cộng trong vùng Virginia và Washington, D.C. Từ ngày John là một sĩ quan tuỳ viên liên lạc quốc tế, chúng tôi thường đến các toà đại sứ để dự tiếp tân, kể cả các toà đại sứ của các nước như Liên Xô, Úc, Ấn Độ, Thái Lan, Thuỵ Điển, Triều Tiên, Nam Phi, Nam Tư và Phi Luật Tân.

Trong khi đó, ở nhà, tôi phải sửa soạn tổ chức hai buổi kỷ niệm quan trọng. Thứ nhứt, là mừng sinh Lance lên sáu tuổi, vào ngày 9. Lance đòi rủ tất cả bạn trong lớp; có tất cả hai mươi hai đứa con nít học lớp Một. Tôi thầm nghĩ, một đứa con nít học lớp Một mà có khi chạy theo nó không kịp, thì hai mươi hai đứa, không biết có làm xuể không? Nhưng việc gì cũng bắt đầu bằng lần thứ nhứt mới rút ra được kinh nghiệm. Kế đó, buổi kỷ niệm lớn

nhứt là mừng lục tuần của má tôi. Em tôi phụ lập một danh sách gồm những người được mời, gồm có các bà mẹ của các bạn tỵ nạn của chúng tôi trong vùng Washington và một cô hàng xóm sát vách của chúng tôi hồi còn ở Sài gòn. Chúng tôi âm thầm tổ chức và giữ hết sức bí mật. Đến ngày 16 tháng Chạp, đại lễ. Má tôi vừa ngạc nhiên, vừa ngỡ ngàng trước đông đảo bạn bè cũ từ Sài gòn và con cháu đến chúc thọ bà.

Đến tuần lễ đầu tiên của tháng Giêng, tôi mệt mỏi quá, nên dặn các em tôi: nếu "Việt Cộng gian ác" kêu, thì cho họ biết tôi nghỉ ngơi, không họp hành gì trong tháng này.

Nhưng sự nghỉ ngơi này cũng không thể thực hiện được, vì tôi vì tôi nghe đồn rằng có một bà tên là Thu Novax đi hỏi loanh quanh tìm "người con gái

của ông đại sứ Việt Cộng ở Mạc Tư Khoa". Vào thời gian đó, ngay cả những người bạn thân của tôi cũng không biết gì về ba tôi. Tôi gọi điện thoại cho Trương Đình Hùng, hỏi anh có biết ai tên là Thu Novax không? Hùng là người biết rất nhiều. Anh khuyên tôi không nên giao du với "hạng người ấy". Anh và chị Thoa còn nói rằng Thu Novax lợi dụng sự quen thân mật với đại sứ của Việt Cộng tại Liên hợp quốc là **Đinh Bá Thi**, để khoe khoang là chị thân Cộng. Cả hai còn e ngại rằng Thu Novax có thể làm những người trong tổ chức của Việt kiều yêu nước bị tai tiếng. Tôi nói với Hùng rằng tôi muốn gặp Thu Novax để tìm cách ngăn cản bà ta tiết lộ bí mật riêng của tôi. Do đó Hùng mới cho biết, Thu Novax là một thành viên trong Hội người Việt Nam yêu nước mà Nguyễn Văn Luỹ là chủ tịch. Tôi gọi ông Luỹ, xin ông số điện thoại của bà ta.

Tôi gọi Novax và tự nhận tôi là người bà đang kiếm, thì bà vô cùng mừng rỡ. Bà cho biết bà vừa gặp ông Đinh Bá Thi, đại sứ Việt Nam ở Liên hợp quốc; chính ông Thi yêu cầu kiếm "con gái của ông đại sứ Minh". Ông tin rằng con gái ông đại sứ thế nào cũng hợp tác, hoạt động với những người theo phe cộng sản. Tôi yêu cầu bà từ nay đừng nhắc tên tôi với bất cứ ai, vì "tôi muốn ẩn danh". Tôi không chấp nhận hay phủ nhận là tôi có hoạt động trong tổ chức của Việt kiều yêu nước không.

Bà ngỏ ý muốn gặp tôi, vì bà tin rằng tôi có thể dậy bà về xã hội chủ nghĩa. Không biết những người thân cộng có hiểu chủ nghĩa Cộng sản không là một bịnh di truyền, mà là một bịnh của xã hội? Sau khi nói chuyện với bà Novax, tôi nói với nhân viên phụ trách, là tôi có thể xâm nhập phái đoàn Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên hợp quốc.

Rob tỏ ý không thích tôi làm việc nhiều cho FBI. Trong khi đó, tất nhiên FBI cho đó là một ý kiến rất hay. Tôi đề nghị để tôi điện thoại với ông Đinh Bá Thi xem ý ông ấy ra sao, rồi mình sẽ tính nên làm gì sau đó.

Khi tôi gọi ông đại sứ Thi ở New York về kêu bằng "ông" thì ông sửa ngay:

- Kêu bằng chú đi, vì chú là bạn của ba cháu.

Ông cho biết ông mới về Việt Nam và nghe các nhân viên trong Bộ ngoại giao nói chuyện về "gia đình đồng chí Đặng Quang Minh hiện ở Mỹ". Ông đề nghị tôi đến thăm, phái đoàn Việt Nam ở Liên hợp quốc, ông nói:

- Cháu có thể tới càng sớm càng tốt. Tất cả các

nhân viên ở đây đều biết ba cháu, là đồng chí của ba cháu. Không những vậy, chúng ta đều là người đồng hương.

Tôi nghĩ rằng tất cả các cơ quan tình báo Mỹ đều muốn nắm lấy cơ hội này, để biết xem các phái đoàn cộng sản hợp tác với nhau như thế nào. Nhưng một lần nữa, CIA không muốn tôi dính vô vụ này. Rob doạ sẽ "đuổi" tôi nếu tôi đi New York. Nhưng ông miễn cưỡng cho phép tôi nói chuyện với Bill Fleshman về lời mời của đại sứ Đinh Bá Thi. Tôi nói với Bill là sự xung đột giữa hai cơ quan tình báo, nên tìm cách giải quyết cho ổn thoả, đó là sự ganh ghét của hai bên có từ ngày hai cơ quan mới ra đời, không dính líu gì tới tôi, nhưng đừng để chuyện cắn đắng giữa cặp vợ chồng không xứng đôi vừa lứa này cản trở việc làm của tôi. Cuối cùng, Bộ tư pháp bật đèn xanh cho tôi đi New

York. Nhưng tôi tin rằng hai cơ quan đã có một cuộc tranh cãi gay go, mà tôi không được tham dự. Tôi muốn gặp đại sứ Thi để phục vụ cho chánh phủ Mỹ. Ngoài ra, tôi cũng muốn gặp một nhân vật đã từng tham dự hoà đàm Paris, người mà Thái và Mimi, vợ chưa cưới của Thái, kể cả những người thân cộng ở Pháp nữa, rất hâm mộ. Tôi cũng muốn gặp các cán bộ cộng sản khác ngoài Phan Thanh Nam và Huỳnh Trung Đồng. Có lẽ tôi đang kiếm một tia sáng trong bóng tối dầy đặc, một chút nhân tánh trong đám độc tài thiển cận ấy.

Trước khi đem tầu ra biển đánh cá, tôi muốn biết thêm về con cá mà tôi tính đánh trong mẻ lưới tới, nên tôi kêu cho Trương Đình Hùng, hỏi anh ta có muốn tôi mang gì cho phái đoàn Việt Nam ở Liên hợp quốc không? Anh trả lời có. Anh muốn nhờ tôi đem một lá thơ khẩn cho ông đại sứ. Tôi lái xe ra

Washington D.C, để gặp Hùng bên ngoài một tiệm ăn trên đường Connecticut; tất nhiên là tôi đã báo trước với CIA và FBI. Chủ trương của tôi là không một hành động nào giữa tôi và phe cộng sản thân Cộng, mến Cộng, mà không báo cho hai cơ quan này, để tránh mọi hiểu lầm, và để được bảo vệ an ninh cho cá nhân và gián điệp tôi.

Sau đó, tôi điện thoại cho ông đại sứ để báo tin tôi sẽ bay lên New York ngày 19 tháng Giêng, và muốn gặp ông ngay ngày đó. Ông đề nghị tôi không nên ở hotel; mỗi ngày phải vô ra trụ sở của ông, thì sẽ bị tình báo Mỹ theo dõi. Ông mời tôi cứ đến ở trọ trong nhà khách của cơ quan. Tôi vẽ ra dự tính của tôi với Fleshman và Rob Hall: trong ba ngày làm khách ông Đình Bá Thi, tôi sẽ không gọi điện thoại cho hai cơ quan tình báo của tôi nhưng tôi sẽ liên lạc với gia đình tôi bằng điện thoại. Nếu

trong ba ngày mà tôi không kêu cho gia đình được, thì cả FBI lẫn CIA phải biết là đã có chuyện gì không hay xảy ra cho tôi.

Tôi mong rằng sẽ không có trục trặc gì khi tôi đến thăm phái đoàn. Chỉ có năm người làm việc tại trụ sở này: ông đại sứ, ông phụ tá Phạm Ngạc, người đã từng cộng tác với ông đại sứ ở Pháp và Thuỵ Sĩ. Người thứ ba là ông Phạm Dương, chuyên viên kinh tế. Rồi đến ông Hùng, quản gia kiêm đầu bếp. Người cuối cùng ông Văn, tài xế kiêm vệ sĩ của ông đại sứ.

Hai ông Hùng và Văn chắc chắn không phải là nhà ngoại giao. Ông Hùng không bao giờ một mình dám ra khỏi nhà với bất cứ lý do nào, trừ khi ông đi cùng với nhân viên trong phái đoàn. Ông không biết tiếng Anh và ông thù ghét Mỹ. Ông sợ mùa

đông ở New York lắm, ghét xem quảng cáo thương mại trên truyền hình, và ghét luôn cả những tiệm bán tạp hoá lớn. Còn lái xe Văn là một người hình như pha trộn cả chất Á đông với một nông dân người Anh. Ông hút thuốc xì-gà. ăn uống và lái xe đều đội một cái nón chỉ có vành chung quanh và lưỡi trai ở phía trước, như một người đang ngồi sau tay lái một chiếc xe thể thao. Ông huênh hoang khoe "ông thích New York hơn Moscow, vì lái xe ở New York là cả một vấn đề đầy thử thách".

Ngay ngày đầu tiên tôi tới thăm, tất cả chúng tôi cùng ăn trưa, rồi mọi người biến mất để đánh một giấc ngủ trưa. Qua lời đại sứ Đinh Bá Thi, tôi tưởng là cơ quan có phòng cho khách trọ, nhưng ông Văn phải nhường phòng của ông cho tôi, chuyển đồ đạc sang phòng ông Hùng để ngủ. Dù phòng yên tĩnh và tôi có hai tiếng để ngủ trưa, mà

tôi cũng không chợp mắt được. Lâu quá rồi, tôi đã mất đi cái hạnh phúc được ngủ trưa từ ngày “Đế quốc Mỹ” sang Việt Nam. Họ thay đổi giờ làm việc của hành chánh nên ai ai cũng phải thức với người Mỹ. Tôi đành ngồi đọc tờ New Yorker cho qua giờ. Ông đại sứ Thi, sau khi ngủ trưa sang phòng gặp tôi. Ông mang theo một cái ghế để ngồi nói chuyện.

Ông mở đầu:

- Chẳng mấy khi chú có thể hỏi thăm đến má cháu. Má hồi này thế nào?

Tôi đáp:

- Sức khoẻ của má cháu tốt lắm, nhưng hoàn cảnh của ba má cháu thật éo le. Má cháu nhớ ba cháu và

anh Khôi vô cùng. Nhưng mà cháu biết rằng nếu bà về Việt Nam cũng sẽ gặp nhiều thử thách lắm.

Tôi không hiểu sao tôi lại thành thật với ông. Có thể giác quan thứ sáu của tôi rất nhạy, khi tôi ngồi trước mặt người đàn ông này với vẻ mặt đầy thiện cảm. Ông nói:

- Đây là giữa chú Thi và cháu thôi nhé. Má cháu đã làm đúng, khi không trở về Việt Nam. Không đâu có thể bình yên bằng Hoa Kỳ được. Cho tới nay, người ta vẫn bất bình với má cháu và các cháu.

- Có phải vì mấy chị em cháu lấy chồng người Mỹ không?

- Cả chuyện đó nữa, những đó chỉ là việc phụ.

Dù ông không nói ra, nhưng tôi hiểu rằng việc má tôi bỏ Sài gòn chạy đi Mỹ trước khi quân giải phóng vô, đã khiến Chánh phủ Việt Nam mất mặt. Sau giờ ngủ trưa, ông đại sứ đưa tôi đi thăm trụ sở Liên hợp quốc. Khi đi qua gian hàng bán các quà lưu niệm của nhiều nước, tôi buồn vô cùng, vì sản phẩm của các nước bày la liệt mà không có một món đồ nào của Việt Nam, ngoài mấy cái nón lá, búp bê mặc áo dài, đội nón lá, với tấm tranh sơn mài nhỏ: nếu nhà Thanh Lễ thấy tranh này, chắc động lòng mà bố thí cho họ, may ra để đẹp mặt cho ngành sơn mài của Việt Nam. Tôi hỏi ông:

- Chừng nào thì nước mình có thể trở lại bình thường như trước hả chú?

Ông nhìn tôi, rồi vội quay mặt đi mà không trả lời. Hôm sau, mọi người đi làm hết, nhưng khoảng 11

giờ, Phạm Ngạc trở về, và chúng tôi nói chuyện về cộng đồng người Việt ở Mỹ, những người tỵ nạn lẫn những kẻ thân Cộng. Anh đưa cho tôi xem xấp hình của người tỵ nạn ở khắp mọi nơi trên nước Mỹ; hình người ta sắp hàng đi biểu tình chống Cộng; hình bà con đứng chờ ở các văn phòng bảo trợ tỵ nạn như USCC, IRC, v.v… Anh nhờ tôi cố gắng nhận diện những người này. Tôi nhìn hết hàng trăm tấm hình, nhìn để biết những người Cộng sản này lên lỏi trong cộng đồng người Việt tỵ nạn sâu bao nhiêu. Hình do chính những người tỵ nạn và hội viên của Việt kiều yêu nước chụp cung cấp cho phái đoàn. Tôi hỏi Phạm Ngạc mục đích của công việc này, thì anh ta cho biết đây là "kho tàng" của họ, vì qua tấm hình này ở hải ngoại, họ sẽ tìm tới những người tỵ nạn đó, vì ai cũng có bà con thân nhân bên nhà. Hình sẽ được gửi về Việt Nam để điều tra ai có thân nhân ở Mỹ.

- Đây là một kho tàng của Bộ nội vụ của chúng tôi chị à!

Tôi thầm chửi thề trong bụng:

- Thằng Bắc Kỳ, nó là nhân viên của Bộ ngoại giao Hà Nội, đi chụp hình người tỵ nạn Cộng sản, đưa về cho “Bộ nội vụ của chúng tôi”.

Tôi kiên nhẫn xem từng tấm hình mà trong bụng buồn, ngao ngán vô cùng, vì tôi biết đây rồi người tỵ nạn cũng bị chia rẽ phân hoá, sẽ nghi ngờ nhau. Kẻ hèn sẽ theo Việt Cộng, người có trí thức sẽ đứng riêng biệt ra, rồi đánh nhau. Ông ngoại tôi đã phân tích hồi chúng tôi còn nhỏ. Ông nói:

- Thằng Tây nó tổn xương, tổn máu làm chi cho

uổng, để Việt Nam mình đánh nhau vài trăm năm là mất Việt Nam, rồi ung dung vô đây mà hưởng.

Phạm Ngạc cho biết, ông có một người bạn làm cây cầu liên lạc cho phái đoàn ngoài giới hạn 25 dặm theo luật của Liên hợp quốc. Nhân viên của phái đoàn trong Liên hợp quốc không được hoạt động quá 25 dặm ngoài thành phố New York. Vì vậy, ông cần có người liên lạc ngoài giới hạn đó, kể cả những người trong hội "Việt kiều yêu nước". Ông khoe ông có một bà bạn người Mỹ, ông cho biết:

- Bà ta rất tốt với chúng tôi. Bà không những là một người trí thức, mà còn có tinh thần phóng khoáng. Bạn của bà có nhiều người là triệu phú, trong đó có một ông là chủ nhiều tiệm bán quần áo đàn bà, trong hệ thống dây chuyền trên toàn quốc.

Ngạc cầm một lá thơ, rồi hỏi tôi về Peter Arnett, phóng viên của hãng thông tấn AP, ông này muốn được phép đi qua Việt Nam. Tôi cười mà cho ông biết rằng các nhà báo Mỹ, cũng như các chính khách Mỹ rất thích những đề tài không bình thường vậy, nếu ký giả Arnett ủng hộ cuộc chiến tranh Việt Nam, thì giới phản chiến không thèm đọc. Tôi biết ông này đã từng ở Sài gòn mấy năm để lấy tin chiến tranh. Ngạc hỏi:

- Như vậy hắn phải biết rất rõ về Việt Nam, phải không?

Tôi trả lời ngay:

- Làm sao ổng có thể hiểu rõ về Việt Nam được, khi ổng qua Việt Nam cỡi ngựa xem hoa, đi giầy Tây, mặc đồ ký giả. Đa số đám ký giả Mỹ chỉ

muốn tìm hiểu xem tiền người dân Mỹ được tiêu xài như thế nào, để đăng báo. Cũng có người muốn đề cập tới những nỗi đau khổ trong cuộc chiến. Cũng có những ký giả muốn cho người đọc của họ biết về cuộc chiến hấp dẫn kỳ lạ, những đau khổ mà người Việt Nam nghèo đói phải chịu đựng. Đa số dân Mỹ chỉ biết Việt Nam một cách hời hợt, qua mấy ông bà ký giả này. Nhiều người còn tưởng Việt Nam toàn rừng rú, đầy bệnh tất, ruồi muỗi, sình lầy, nơi nào cũng có mìn, cũng có bàn chông, và họ nghĩ rằng tất cả dân Việt Nam đều là hành khất, rách rưới, đĩ điếm; con nít thì đánh giầy, đàn ông thì làm cò mồi cho Việt Cộng. Những nông dân thiệt thà, chất phác đều ở trong vùng giải phóng và tất cả là Việt Cộng, chỉ muốn được bình yên. Rồi tôi kết luận:

- Anh không cần biết lập trường chánh trị của Peter

Arnett, vì khi nhận được thẻ nhà báo, thì nó phải quên đi lập trường riêng của nó rồi.

Ngạc nhận xét:

- Chị không ưa nhà báo, phải không?

Vào ngày thứ hai của cuộc viếng thăm, trong khi mọi người ngủ trưa, ông đại sứ Thi lại đến nói chuyện với tôi vì tôi không ngủ trưa. Tôi rất mừng được dịp này. Tôi muốn biết ông thật tình nghĩ gì về chánh phủ Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và vai trò của ông trong chánh phủ đó. Tôi và ông Thi nói chuyện về những mơ ước thầm kín của chúng tôi về tương lai nước Việt Nam. Ông tâm sự:

- Chũ đã sống xa vợ con cả nửa cuộc đời. Giấc mơ

của chú là một căn nhà nho nhỏ có vườn để trồng rau và nuôi gà… và có thể nuôi cả heo nữa.

Tôi hỏi:

- Chú thích ở đâu?

- Thủ Đức, cháu à. Chú đã đi nhiều nơi xem phong cảnh đẹp ở khắp miền Nam. Cuối cùng chú mê Thủ Đức vì con sông Đồng Nai. Bao giờ xây được căn nhà trong mộng tưởng ấy, chú có thể ngắm những con gà tranh nhau ăn. Các con chú buổi chiều tan sở của Sài gòn sẽ về nhà bằng những chiếc xe gắn máy mới và cùng chú ngắm mặt trời lên trên bờ sông ngay trước nhà.

Ông say sưa nói với nụ cười trên môi, nhưng hai

mắt đỏ hoe. Tôi cũng không giấu được tình cảm của tôi, nên tôi đặt tay tôi lên tay ông mà nói:

- Chú Thi, cháu hy vọng giấc mơ của chú sớm thành sự thực.

- Chú cũng mong được như vậy trước khi quá trễ. Thím không được khoẻ, và chú đã xin phép chánh phủ cho thím sang bên này để tìm bác sĩ chữa trị cho thím.

- Bao giờ thì thím sang?

Ông lắc đầu:

- Đơn của chú đã tới nơi cao nhứt trong chánh phủ rồi, chú chưa nhận được trả lời. Nước nào thì cũng có sai lầm trong hệ thống quản trị của một chánh

phủ. Nhưng ở nước ta, điều tệ hại nhứt là không tin nhau. Vợ không bao giờ được đi theo chồng khi chồng công tác ở hải ngoại.

Tôi nhận xét:

- Không riêng gì Việt Nam mình đâu, chú. Cháu thấy nhà ngoại giao Nga lẫn các nước cộng sản đều như vậy.

Ông cất tiếng cười, rồi hỏi:

- Cháu có hình dung được rằng một người ở trong địa vị của ba cháu, lại có thể bỏ trốn theo tư bản khi ba được làm việc ở nước ngoài, mà chánh phủ cho anh cháu đi theo không?"

Ông vừa cười vừa lắc đầu, như cho đó là một

chuyện không bao giờ xảy ra, nhưng nhà nước của chú thì lúc nào cũng sợ bị phản bội.

Lời nói của ông khiến tôi nảy ra một ý nghĩ, nên liền hỏi ông:

- Má cháu có thể xin phép được gặp anh Khôi của cháu ở hải ngoại không chú?

- Cháu cứ thử nói với má cháu viết thư cho ông Tổng bí thư Lê Duẩn xem sao; chú sẽ chuyển thư giùm má cháu.

Tôi buồn bã nói:

- Một người mẹ phải xa con trai tới hai mươi năm, đó là một thời gian dài quá chú à.

Ông sốt sắng nói:

- Nếu chánh phủ ta không đáp ứng được một nhu cầu tầm thường như vậy, thì cũng không thể thực hiện được những giấc mơ của người dân trong nước. Cháu nói với má cháu là chú sẽ hết lòng giúp má cháu.

Thực sự cảm động trước tấm lòng của ông, tôi nói:

- Bây giờ thì cháu hiểu tại sao những người cháu gặp ở Paris đều khen chú là một người đặc biệt, có tình, không như những người khác trong họ ngoại giao.

Nhưng ông nói như để cảnh cáo tôi:

- Cháu đừng có nghi ngờ lòng trung thành của chú

với đất nước Việt Nam và con đường chú đã chọn để phục vụ tổ quốc. Nhưng, chủ nghĩa xã hội hay Cộng sản đều không ngăn cấm chúng ta đem hạnh phúc lại cho dân tộc, và đưa tổ quốc tới một tương lai rực rỡ. Chú đã thoát ly gia đình để phục vụ tổ quốc. Nay, nếu sự hy sinh đó không đem lại hạnh phúc cho dân tộc, thì chắc chắn phải có sự sai lầm nào trong hệ thống mà chú đang nói.

- Chú Phan Thanh Nam giải thích về đảng khác với chú!

- Cháu nói Nam trong phái đoàn của Mặt trận Giải phóng ở Paris?

- Dạ.

Chú Thi lắc đầu tỏ vẻ chán nản, nói:

- Nam cũng là người miền Nam. Loại người theo khuôn luật, không cấp tiến trong quân đội. Chú ấy vừa được chuyển sang công tác mới nên hăng hái lắm!

- Cháu đã có dịp nói chuyện với chú Nam chung quanh việc “làm cái gì cho Việt Nam”. Có hai lần ông đề nghị cháu kêu chồng cháu ăn cắp những tài liệu giá trị của chánh phủ Mỹ. Ông còn nói là nếu cháu còn muốn gặp ba cháu nữa, thì cháu phải chứng tỏ cháu trung thành với Việt Nam. Chú Nam hứa sẽ bảo cấp trên ở Việt Nam là cháu đang làm việc cho chú.

Vẻ mặt bình tĩnh của đại sứ Thi biến mất. Ông hít một hơi dài rồi nói:

- Có thể má cháu biết ông Đỗ Mười, nhưng chú

chắc cháu thì không, vì hồi đó cháu còn nhỏ quá. Ông Đỗ Mười là bạn chí thân của ba cháu. Chú tin rằng ông không bằng lòng khi biết cháu liên lạc với Phan Thanh Nam.

Ông nói tiếp:

- Mỹ Dung, nghe chú nói đây. Cháu là con gái của ba cháu. Việt Nam là quê hương của cháu. Cháu không cần phải làm việc cho chú Nam để được cấp giấy thông hành về Việt Nam. Nếu chú ấy lại nhắc đến chuyện đó nữa, cho chú biết ngay. Chú Nam làm việc giỏi, nhưng đôi lúc cũng tàn nhẫn lắm.

Tôi thay đổi đề tài, để tìm hiểu thêm về những liên lạc của ông trong giới người Việt ở Mỹ:

- Chú đã gặp anh Trương Đình Hùng ở Washington

chưa?

- Hùng và bạn của anh ta là chị Thoa, là hai người đã tiếp đón chú khi chú tới Washington. Có việc gì vậy?

- Cháu nghĩ anh Hùng hiện đang hoạt động cho chú Phan Thanh Nam. Thỉnh thoảng cháu có gặp anh ấy.

Tôi định nói, Thoa thì không còn được Hà Nội trọng dụng như trước nữa, vì đối với Cộng sản Hà Nội, chị chỉ là dụng cụ "chống Mỹ cứu nước", chớ không phải là người được theo cộng sản. **Khi còn chiến tranh, Mặt trận giải phóng và cộng sản Bắc Việt lợi dụng tất cả mọi người, tất cả các hội đoàn, đảng phái chánh trị, sinh viên, Phật giáo, Công giáo hay bất cứ ai. Bây giờ chiến tranh đã**

chấm dứt và họ đã thắng trận; họ thanh lọc chỉ còn bè phái băng đảng của họ thôi. Chị Thoa là một nhân vật quan trọng trong phong trào phản chiến, những bây giờ Hà Nội chỉ thích loại người như ông Luỹ, đứng đầu hội Việt kiều yêu nước. Luỹ có tiền, có sự nghiệp, có nhà ngoài bờ biển San Francisco. Ông từng là điệp viên của cộng sản từ thập niên 1960. Thoa tận tuỵ "chống Mỹ cứu nước" với hai bàn tay trắng và tấm lòng. Những quý giá này không xây được nhà lầu, không tạo ra sự nghiệp, thì hết chiến tranh rồi, nó trở thành vô dụng, về trước mặt cộng sản. Luỹ và Thoa đã từng tranh chấp quyền hành và Thoa đã thua. Anh Đồng ở Paris khuyên chị nên gia nhập tổ chức của ông Luỹ như một đoàn viên mới. Đã vậy, anh còn viết thơ cho tôi, nhờ tôi khuyên chị Thoa nên đi học lại để xây dựng một cuộc đời mới. Đó cũng là một hình thức chia tay nhân đạo của người Cộng sản.

Ông đại sứ Thi nói bằng một giọng trầm tĩnh:
- Chú biết Hùng. Anh ta là người có nhiều tham vọng và sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì để đạt tới mục đích của anh. Hùng là người tình nguyện hợp tác với cơ quan của chú. Cháu không cần phải làm gì hết, nếu cháu không muốn. Khi nào cháu gặp Hùng thì biểu hắn cứ tiếp tục gởi những thứ đó lên trên này.

Tôi hỏi:

- Liệu anh có hiểu "những thứ đó" là cái gì không?

Ông Thi nhìn tôi mỉm cười gật đầu. Tôi để yên câu hỏi đó cho thời gian trả lời.

Ngày cuối cùng ở New York, tôi mời ông đi ăn tối và đi xem Ballet, vì hai ngày trước tôi nghe ông

Thi nhắc vũ Ballet ở Pháp, và ông rất thích món giải trí này: dù tôi không thích, nhưng cũng nhận lời. Tôi kêu cho một tiệm ăn Pháp để giữ chỗ. Tôi biết, tôi có thể mua vé xem vũ Ballet qua điện thoại, nhưng tôi muốn có dịp đi ra ngoài, để kêu cho văn phòng FBI ở New York, báo cho họ biết chương trình tối nay của tôi. Vì vậy, tôi nói với Thi, tôi phải đi lấy vé.

Nhưng khi tôi đã sắp sửa ra đi, ông đại sứ tới phòng tôi cho biết ông rất lấy làm tiếc không thể đi ăn tối và xem vũ Ballet được. Ông nói:

- Ông Dương nghĩ rằng chú cháu mình không nên đi riêng một mình tối nay.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao lại không thể đi được chú Thi? Tiệm ăn này đâu có vượt quá hạn đã định?

Ông đáp:

- Tụi CIA và FBI sẽ chụp hình chúng ta, rồi báo chí đồn ầm lên rằng đại sứ Đinh Bá Thi đi ăn, đi uống với một người đàn bà Việt Nam ở New York.

Vừa nói, ông vừa đưa một tờ báo lên cao, chỉ vô hàng tit lớn.

Tôi liền đề nghị:

- Thế thì tất cả mọi người cùng đi cho vui.

Ông đáp ngay:

- Như vậy thì tốn nhiều tiền lắm. Không nên.

Ông đề nghị, ông Hùng và tôi đi xuống phố Tàu để mua thức ăn về nhà làm cơm ăn chung với tất cả mọi người. Thế là ông Hùng đầu bếp và tôi cùng đi với ông tài xế Văn. Tôi nhờ ông Hùng chọn mua những thứ để làm những món ăn mà ông Thi ưa thích. Ngoài ra, tôi cũng đề nghị ông mua những thức ăn khô cần thiết để dự trữ như nấm Đông cô, gạo, mì, bún, bánh tráng, nước mắm và cả những đồ gia vị. Ông Hùng ngần ngại, nhưng tôi nói tôi trả tiền.

Cuộc sống của phái đoàn ở thành phố New York nhộn nhịp này thu gọn trong căn nhà cao ốc, mọi người bảo vệ nhau, gìn giữ nhau, kiểm soát nhau. Tôi có cảm tưởng như họ không quên được những

thói quen ở Hà Nội; hay là họ không được tự do để thích ứng với đời sống ở một xã hội tự do.

Đại sứ Thi nói, ngân khoản của phái đoàn rất eo hẹp; cho nên mọi người nhịn ăn sáng. Còn bữa trưa và tối thì quá nghèo nàn, nhưng theo ông, vẫn đủ chất bổ dưỡng.

Nếu có ai yêu cầu tôi sáng tác một bản nhạc mô tả bầu không khí sinh hoạt trong căn nhà của năm người đàn ông này đang sống, tôi sẽ gom góp lại tất cả những âm thanh của ba máy thu hình và ba cái radio cùng mở một lúc liên tục cả ngày, cộng với đó tiếng rào rạt của mấy tờ báo được lật qua lật lại trong nhà, là âm thanh của căn nhà ấy.

Thời gian hấp dẫn nhứt đối với họ, là giờ tin tức sáng, trưa, tối. Đổi đài radio và TV theo giờ; giờ tin

tức là công tác quan trọng của mấy ông Hùng, Văn và Phạm Ngạc. Họ thu vô băng cả những tin tức, rồi chuyển về nước.

Họ không có thì giờ để giải trí. Trong nhà không có một bộ bài, hay một bàn cờ tướng. Ông Thi giải thích:

- Những thứ giải trí ấy là xa xỉ. Chúng tôi phải làm việc vì chánh phủ gởi chúng tôi sang đây để làm việc.

Hầu như không bao giờ họ ra khỏi trụ sở của phái đoàn, ngoài việc đi từ nhà đến trụ sở Liên Hiệp Quốc, đi phố Tàu mua sắm. Vì vậy, những nhận xét của họ về nước Mỹ được gởi Việt Nam chỉ là những nhận xét bị đóng khung trong một căn nhà nhỏ hẹp, với những kỷ luật khắt khe. Họ xét đoán

"đế quốc Mỹ" theo những gì họ thấy trong truyền hình. Họ đã làm đúng theo cương vị của các nhân viên trong một phái đoàn Liên hợp quốc. Tôi nhớ, năm 1954, khi hoà ước Geneve đề ra Uỷ hội quốc tế kiểm soát đình chiến ở Việt Nam, ông ngoại tôi đã nhận xét:

- Tụi này chỉ làm được một chuyện, là cho giá mướn nhà và tiền mướn đầy tớ ở Sài gòn tăng vọt lên thôi

Còn ông cậu tôi thì cho rằng:

- Đám Uỷ hội này không làm được đách gì hết.

Dù tôi không có ý nghĩ hay ho nào về phái đoàn Việt Nam ở Liên hợp quốc, nhưng tôi vẫn kính phục đại sứ Đinh Bá Thi. Trước khi được nói

chuyện riêng với ông, tôi đã cố gắng tìm hiểu trước, để xem có thể vạch đường cho ông đào thoát không? Nhưng sau buổi nói chuyện đó, tôi cảm thấy mắc cỡ với chính tôi, vì đã có ý nghĩ đó. Tôi biết chắc rằng, với bất cứ giá nào, không ai có thể mua chuộc được ông, cũng như không ai mua chuộc được ba tôi. Vì vậy, tôi thành thực cầu chúc ông thực hiện được giấc mộng của ông, là xây dựng một căn nhà ở Thủ Đức, bên bờ sông Đồng Nai, để sống yên ổn với gia đình. Ông nhận lời chúc mừng, với một nụ cười trong mắt ông.

Nhưng, khi ông trở về Việt Nam, thì những ngày cuối cùng của ông khác với giấc mộng ông hằng ấp ủ.

Đã mười năm nay, đã có nhiều giai thoại về đại sứ Đinh Bá Thi, Tôi chỉ biết chắc chắn một điều về

ông, là ông đúng là một nhà ái quốc như ba tôi. Chỉ khác hơn ba tôi, là ông dám phê bình đảng. Chỉ có người ra lịnh giết ông mới biết nguyên do cái chết của ông thôi.

***

Từ ngày tôi làm việc cho CIA, đã nhiều lần Rob muốn tôi trắc nghiệm với máy dò sự thật. Tôi không hiểu tại sao ông ta muốn vậy. Tôi không nghĩ rằng CIA có một chút nghi ngờ gì tôi. Họ biết rõ tôi là ai, và tại sao tôi cộng tác với họ. Ngoài ra, tôi không tin cái máy với những dây điện tử có thể hiểu rõ tôi hơn nhân viên chỉ huy tôi, vì ông đã cùng đi xa với tôi nhiều lần, làm việc sát cánh với tôi, rồi cùng thảo luận với nhau hàng trăm tiếng đồng hồ trong nhiều trường hợp. Rob luôn luôn nói với tôi rằng điều đó có thể làm cho sự liên lạc giữa

ông và tôi dễ dàng hơn, nhưng nếu tôi không muốn làm trắc nghiệm cũng không sao. Tôi thì cực lực phản đối cách thức tìm hiểu sự trung thực cộng tác viên theo phương pháp đó.

Nhưng rồi việc phải đến đã đến. Việc thử máy nói thật trở nên bắt buộc khi tôi từ New York trở về với những bản báo cáo cuộc viếng thăm đại sứ Đinh Bá Thi của tôi. Rob nói rõ phải thử máy nói thật, nếu không thì không ai có thể chấp sự kiện tôi thản nhiên ca ngợi “kẻ thù” như vậy. Theo tôi, cơ quan tình báo không sao hiểu được rằng tôi có thể tách rời con người ra khỏi ý thức hệ và Chánh phủ của họ.

Vài ngày sau khi tôi từ New York về, Rob và tôi tới gặp Bill Fleshman để thảo luận về bản báo cáo của tôi cho FBI. Bill suy nghĩ khác. Theo anh, những

nhận xét trung thực của tôi với đại sứ Đinh Bá Thi giúp cho tình báo Mỹ biết cả tánh của ông đại sứ và từng người trong phái đoàn. Nhưng, ngay sau khi Bill vừa đi khỏi bãi đậu xe, Rob đã nhắc tới việc thử máy nói thiệt. Ông nói: "Hàng năm tôi phải làm cái việc này một lần" với ngụ ý tôi không thể ra ngoài lệ thường.

Tôi giận dữ nói một cách bướng bỉnh:

- Một năm anh làm hai lần cũng kệ anh, không mắc mớ gì tới tôi. Tôi biết tôi, nhưng có thể anh không biết anh; thì việc làm trắc nghiệm cho chắc, là phải. Khi tôi đã vô ngồi trong xe, Rob còn giữ cửa mở, nói:

- Nè nhỏ, hãy biết điều một chút! Tôi muốn cô coi việc này một cách nghiêm chỉnh hơn. Với loại tin

tức như của cô, ngay cả ông lớn nhứt trong "công ty" cũng phải thử máy nói thiệt.

Tôi vẫn không chịu, nói lớn:

- Dù có cả chục ngàn người làm như vậy, cũng không có nghĩa là điều đó đúng.

Trong đời tôi, tôi chưa nhìn thấy có bộ mặt nào để lộ nỗi thất vọng to lớn bằng một ông Rob lúc này. Nhưng chuyện này không dễ dàng bỏ qua. Sau nhiều tuần cãi cọ, tôi bắt đầu phải nhượng bộ. Tôi nghĩ rằng đây là cái lệ bắt buộc của sở; đến ngay ông xếp lớn và các nhân viên trong sở đều phải làm, thì tôi cũng phải tuân theo cho đúng lề luật. Tôi nói với Rob:

- Thôi được, nếu cần, ông cứ nói chuyên viên lấy

dây mà trói tôi lại.

Nghe tôi nói vậy, Rob tỏ vẻ mừng như muốn nhảy một vòng tango.

Nhưng nói cho ngay, trắc nghiệm cũng không có gì là ghê đối với tôi hay với các nhân viên CIA dù tôi đã làm cho họ hoảng sợ. Trong các câu hỏi ngớ ngẩn, có một câu đáng chú ý là:

- Ngoài CIA, tôi còn làm việc cho cơ quan tình báo hay tổ chức phản gián khác không?

Tôi trả lời:

- Có!

Thế là Rob và nhân viên điều khiển máy cũng

hoảng sợ.

Tôi phì cười, nói tiếp:

- Tôi còn làm việc cho FBI nữa!

Nhìn vẻ mặt hai người, tôi không rõ họ có coi FBI là cơ quan bạn hay không. Nhưng hai người nhìn nhau thở phào nhẹ nhõm. Chuyên viên đặt lại câu hỏi:

- Giữa CIA và FBI, cô còn làm việc cho cơ quan tình báo hay tổ chức nào không?

Tôi đáp ngay:

- Không, tôi không làm việc cho ai hết.

Rồi từ đó, CIA không còn nghi tôi vừa làm việc cho họ vừa lén lút hoạt động cho nhóm khác, như KGB hay Mặt trận giải phóng miền Nam, cũng như cho chánh phủ Hà Nội. Có thể họ đã biết như vậy từ trước, nhưng họ vẫn muốn bắt tôi phải làm trắc nghiệm cho chắc.

Chương 40

Sau chuyến đưa má tôi sang Paris gặp ba tôi, Rob và tôi sang đó một lần nữa. Chúng tôi tới Paris vào giữa mùa đông giá buốt. Không có tuyết trên mặt đất, nhưng lề đường trơn trượt. Người đi đường mặc nhiều lớp áo. Những người vô gia cư chui vô các nhà ga xe điện ngầm để tránh mưa gió lạnh lẽo. Những người hành khất này dù vẫn nguyền rủa trời

đất không tiếc lời, vẫn kéo mấy đứa nhỏ ra ngoài để ăn xin. Tôi cho đứa nhỏ năm Francs, thế là cả đám chạy ùa theo tôi, nhưng tôi đành lắc đầu từ chối. Đám con nít la ó um xùm lên, rồi chạy đi tìm người khác để xin tiền.

Khi còn ở Washington, trước khi bay sang Pháp. Rob hỏi tôi có muốn ở khách sạn Sheraton như trước không? Tôi cho biết là tôi không muốn trở thành khách quen của khách sạn đó, vì vậy lần này tôi ở khách sạn khác. Sau khi đi loanh quanh một chút và ăn trưa, tôi bắt đầu làm việc kêu điện thoại đến trụ sở của phái đoàn Mặt trận giải phóng nói chuyện với Phan Thanh Nam.

Nam nóng lòng muốn gặp tôi ngay, nhưng tôi cho ông biết tôi phải đi đặt hàng trước rồi mới gặp ông được.

Tôi nói dối như vậy để ông khỏi nghi ngờ. CIA quên giúp cho tôi một "cover", nghĩa là cho tôi đóng một vai gì để tôi đi đi lại lại Paris như đi chợ. Tôi biết chút ít về chén đĩa kiểu, nên mỗi lần tôi nói cho những người Cộng sản ở Paris, nghề của tôi là nhập cảng chén đĩa của Pháp và Anh Quốc. Hơn nữa, họ nghe tới cái nghề chán phèo này, dĩ nhiên không ai thèm chú ý chuyện của đàn bà.

Tôi gọi tới nhà Mimi, vợ chưa cưới của Phạm Gia Thái. Mẹ của Mimi cho biết, tôi có thể gặp Thái ở khách sạn Lutece, một nhà trọ do chánh phủ Việt Nam Cộng hoà quản lý trước khi chiến tranh chấm dứt. Bây giờ là tài sản của chánh phủ Hà Nội và Thái cai quản nó làm nơi trú cho các sinh viên Việt Nam du học.

Sau khi tiếp xúc với hai nơi đó, tôi ngủ một giấc để

chỉnh lại giờ giấc vì Paris cách Washington 6 tiếng đồng hồ. Sau đó, tôi sửa soạn để đi gặp Rob, như chúng tôi đã định từ trước. Nhớ lời ông dặn, tôi phải hết sức thận trọng, vì lần trước tôi đã công khai tiếp xúc với các cán bộ của chánh phủ Hà Nội. Như vậy, các nhân viên của cơ quan mật vụ Pháp có thể nhận ra tôi. Tôi phải tìm cách đánh lạc hướng họ, như đến một thẩm mỹ viện, hay bất cứ nơi nào đó, cho tới khi chắc là mình không bị theo dõi, thì mới tới chỗ hẹn.

Lần này, tôi quyết định không để lại chìa khoá cho nhân viên văn phòng nữa, và cũng không tới hỏi xem có thơ từ gì không, vì làm như vậy để phòng hờ, nếu có ai rình rập, không thể biết tôi hiện ở đâu. Rob tất nhiên biết tôi ở đâu, nhưng tôi không bao giờ biết phòng của anh. Tôi nghĩ rằng đó là luật lệ của cơ quan, cũng có thể đó là sự cẩn thận riêng

của anh ta. Tôi cũng phớt lờ những việc lặt vặt đó. Thiệt ra, nếu ở địa vị ông, tôi cũng phải sợ con gái của ông đại sứ của Mặt trận giải phóng miền Nam. Ngay hôm đầu tiên đi ra ngoài để gặp Rob, tôi thấy có hai người đàn ông Pháp khả nghi ngồi ở phòng đợi của khách sạn. Họ ngồi cách xa nhau. Tôi không rõ họ có phải là điệp viên của Tây không, nhưng tôi không muốn họ theo dõi tôi từ đường này tới đường khác trong thành phố Paris. Do đó, tôi phải đóng vai khách du lịch, hỏi nhân viên văn phòng về chuyện xe cộ để đi thăm thành phố. Rồi tôi cố ghi nhớ gương mặt một tên khả nghi. Tôi vào một tiệm bán đồ kỷ niệm và chờ cho hai tên đó bỏ đi. Nhưng mười phút sau họ vẫn ngồi lì ở đó.

Tôi đành vào tiệm uốn tóc trong khách sạn để làm tóc. Một tiếng đồng hồ sau, tôi ra khỏi tiệm, thấy ghế của hai tên khả nghi hồi nãy có hai người đàn

bà A Rập ngồi. Tôi cũng đoán là đàn bà A Rập thôi, chứ đâu có biết họ có thật là A Rập không, sau tấm vải đen che mặt của họ.

Khi tôi đi về phía trạm xe điện ngầm, thì trông thấy hai thằng Tây khả nghi đi theo tôi. Tôi đi chậm lại để chờ họ. Khi họ tớ gần, tôi nhìn thẳng vào mặt họ, rồi hỏi đường đi tới tiệm Printemps, một tiệm bán tạp hoá lớn.

Họ luống cuống, ngạc nhiên và giận dữ, vì tôi đã chặn đường họ lại. Một tên cáu kỉnh trả lời bằng tiếng Pháp:

- Đi mà hỏi cảnh sát, đừng làm mất thì giờ của tôi.

Tôi phản ứng bằng tiếng Anh:
- Chó săn.

Họ liền vội vã bỏ đi mất. Tôi thong thả một mình đi tới trạm xe điện ngầm.

Vì phải kiếm cách “thanh toán” hai tên khả nghi đó, tôi đến chỗ hẹn với Rob trễ bốn mươi lăm phút. Tôi phải đi hai chuyến xe điện mới tới trạm Trocadero, rồi đi bộ tới viện bảo tàng Museum of Modern Art để gặp Rob. Theo lời dặn dò trước của chúng tôi, nếu tôi thấy anh đang ngồi xem báo và hút ống điếu thì tôi có thể tới gặp anh, có nghĩa là từ xa anh nhìn kỹ, tôi không bị theo dõi thì cứ tới gặp anh và bắt tay tự nhiên. Nếu không, có thể thấy tôi đang bị một kẻ khả nghi theo dõi, tôi phải làm ngơ và đi thẳng.

Tôi thấy Rob đang ngồi trên một bực thềm trước viện bảo tàng, miệng ngậm ống điếu và đang đọc tờ

báo Pháp. Tôi mừng quá, vì từ nãy giờ đi bộ mỏi chân rồi. Thấy tôi, anh nói:

- Ê nhỏ, an toàn rồi, không có cái đuôi sau lưng. Mà sao trễ quá vậy?

Tôi cho ông biết tôi bị hai thằng Tây theo dõi, phải tìm cách chặt đứt hai cái đuôi dài đó, rồi mới leo lên xe điện được. Chúng tôi tôi vào một tiệm café nhỏ để trao đổi một số tin tức mới. Khách trong quán phần lớn là mấy ông già ngồi chơi bài quanh những chiếc bàn nhỏ. Sau khi nói chuyện, Rob đi bộ đến cầu D'Iena, còn tôi kêu taxi về khách sạn. Tại đây, tôi mua cho Phan Thanh Nam một chai Johnny Walker đen.

Nam tỏ vẻ rất thích khi nhận quà của tôi. Ông cất ngay rượu vào tủ, như cất đồ quý, rồi mời tôi vô

phòng ăn trong bếp. Ông mở một chai rượu chát để cùng uống với tôi. Ông nhớ lại lời hứa của tôi trước kia, là tôi sẵn sàng uống rượu với ông khi vắng mặt má tôi. Trong khi ông rót hai ly rượu, tôi để ý túi áo của ông có một gói thuốc lá hiệu Dunhill.

Khi ra khỏi xe taxi ở trước cửa trụ sở của Mặt trận giải phóng miền Nam, tôi không còn thấy lá cờ của Mặt trận giải phóng, mà thay vào đó là lá ờ đỏ sao vàng của chính quyền Hà Nội. Tôi hỏi Nam, tại sao có sự thay đổi như vậy, ông liền trả lời:

- Mỹ Dung, cháu phải nhớ rằng nhiệm vụ của Mặt trận giải phóng đã hoàn tất. Bây giờ cả hai miền Nam Bắc đã thống nhứt.

Tôi nghe lời ông, như một bài tuyên truyền hơn là một lời giải thích:

- Chú Nam, trên cương vị một nhân viên cao cấp của Mặt trận giải phóng, chú tán thành việc thống nhứt mau lẹ như vậy sao?

- Còn chờ đợi gì nữa?

Tôi liền nhắc lại lời ba tôi cho biết Mặt trận giải phóng miền Nam phải có thời gian để giới thiệu chủ nghĩa xã hội với dân chúng miền Nam, vì nếu thay đổi đột ngột sẽ gây phản ứng không hay trong lòng người dân.

- Cháu nói vậy là có ý gì?

Tôi đáp ngay:

- Như chú đã rõ, dân miền Nam của mình không có nhiều ý thức về chính trị. Hầu như ai cũng biết Mặt

trận giải phóng miền Nam, nhưng rất ít người tin rằng Mặt trận đã giải phóng miền Nam. Người miền Nam cho rằng họ là nạn nhân của giải phóng. Bây giờ, nếu chánh phủ Hà Nội quyết định thống nhứt ngay hai miền, thì các cán bộ ngoài Bắc sẽ vô cai trị miền Nam. Điều này sẽ làm dân chúng sợ hãi và bất mãn trong lòng. Họ cho rằng miền Nam bị miền Bắc xâm chiếm hơn là giải phóng.

Nam uống một hơi cạn sạch ly rượu, rót thêm một ly khác, nhìn tôi bằng cặp mắt bực mình, khó chịu, ông nói:

- Vậy là cháu bị bọn đế quốc tư bản phản động nhồi sọ rồi. Thực sự không phải như cháu nghĩ đâu!

Tôi nói:

- Chú Nam ơi, cháu chỉ nhắc lại lời của bác Hồ thôi. Những ý nghĩ của dân miền Nam đều đáng quan tâm. Tương lai của đất nước nằm trong tay những người mà các chú cai trị, không nằm trong tay các chú đâu.

Ông liền hạ giọng nói nhỏ:

- Mỹ Dung, cháu nghe chú nói đây. Chú nói riêng với cháu thôi. Chú khuyên cháu đừng nói cho ai nghe ý kiến vừa rồi của cháu. Người ta sẽ hiểu lầm cháu đó.

- Nhưng cháu tin là chú hiểu cháu, vì chú là người của Mặt trận giải phóng miền Nam mà!

- Cháu ơi, trong khi vắng mặt ba cháu, cháu đã giao du với những người không tốt, nên cháu mới có

cách suy nghĩ như vậy. Nhưng, chú hy vọng từ nay có chú hướng dẫn, cháu sẽ hiểu hơn.

Nói xong, ông nâng ly rượu để cụng với ly của tôi và nói:

- Mừng cho nước Việt Nam độc lập và thống nhứt!
Tôi miễn cưỡng nâng ly lên, những đặt ly xuống bàn ngay mà không uống rượu. Tôi cúi mặt xuống để tránh cái nhìn ông.

Trong khi đó, Nam đi vòng sang phía tôi ngồi, rồi nghiêm trang hỏi:
- Dung, cháu cho chú biết chồng cháu có thắc mắc gì về cháu sang bên này không?

- Anh ấy rất buồn vì cuộc chia tay của ba má cháu.

Câu trả lời trật đường rầy, vì tôi không muốn nói láo.

- Vậy chồng cháu có hỏi cháu đã gặp những ai trong phái đoàn của Mặt trận không?

- Anh ấy hỏi cháu có đưa ba má cháu đi ăn tiệm không? Má cháu và cháu ở đâu? Anh ấy cũng hỏi ba cháu có hỏi gì về đời sống của vợ chồng cháu không?

- Chồng cháu nghĩ sao về cuộc giải phóng?

- Lần trước, anh ấy nhờ cháu chuyển lời nói với ba cháu là anh ấy thành thật hy vọng dân tộc Việt Nam sớm hưởng hoà bình thật sự.

- Hai vợ chồng cháu không nói gì về chánh rrị sao?

Cháu nghĩ gì về xã hội chủ nghĩa?

- Tụi cháu nói nhiều đến chiến tranh và hoà bình ở Việt Nam. Anh ấy hiểu được những đau buồn của cháu. Anh ấy cũng biết cháu khao khát hoà bình cho Việt Nam lắm. Anh kính trọng ba cháu và rất quý má cháu.

Nghe tôi nói vậy, Nam liền hỏi:

- Cháu có nghĩ rằng chồng cháu sẵn sàng giúp các chú khi cần không?

- Chú muốn anh sự giúp các chú về việc gì?

Nam giải thích:

- Chuyên môn của chồng cháu rất cần cho Việt

Nam. Ngành hải sản cần các khoa học gia như anh ấy. Anh ấy có thể giúp chúng ta lập một đoàn nghiên cứu để khám phá những tài nguyên thiên nhiên. Anh ấy cũng có thể giúp chúng ta thiết lập một hệ thống phòng thủ trên bờ biển để ngăn chặn kẻ thù, chống lại tầu ngầm của kẻ địch…

Tin này rất đáng cho CIA biết. Phan Thanh Nam đang tìm cách thâu lượm tin tức cho chánh phủ Hà Nội, kể cả về tin chống tầu ngầm. Tôi nghĩ, họ trao đổi bí mật với Liên Xô. Câu chuyện của chúng tôi ngưng lại ở đó, nhưng Nam tỏ ra nôn nóng muốn tôi kiếm cách nói cho chồng tôi biết là ông "cần những tin tức mà các nhà khảo cứu mới phát minh cho các công ty Mỹ" biết cách dò và khai thác dầu mỏ ở bờ biển Việt Nam. Điều thứ hai ông muốn biết, là một bản đồ của Hải quân Mỹ và cơ quan hải dương học về bờ biển và tài nguyên thiên nhiên.

Cuộc nghiên cứu bao gồm cả kỹ thuật đánh cá và những thói quen của bầy cá trong vùng.

Nam huênh hoang kết luận:

- Nếu chúng ta có tất cả những tin tức đó, là chúng ta có cả một mỏ vàng.

Tôi tưởng vậy là hết rồi, nhưng không, ông lại nói thêm:

- Còn một chuyện này nữa, Mỹ Dung à. Vì chồng cháu đang ở trong vùng Washington D.C, có thể anh ấy giúp chú tìm hiểu một số tin tức. Chỉ cho cá nhân chú mà thôi, vì từ lâu chú muốn biết, làm cách nào và thế nào Hải quân Mỹ có thể đối địch được với Hải quân Liên Xô.

Tôi ngạc nhiên tự hỏi, không biết Nam đang nghĩ gì về tôi, mà dám đề nghị tôi đi ăn cắp tài liệu mật của quốc phòng Mỹ cho ông? Có thể ông cho rằng, vì tôi yêu thương ba tôi quá, nên tôi sẵn sàng làm bất cứ cái gì ông muốn; hay là trong quá khứ, ai đã gặp ông, kể cả người Mỹ phản chiến, đều sẵn sàng hăng hái làm những điều ông sai bảo. Tôi chỉ trả lời rằng, tôi sẽ nói chuyện với chồng tôi khi tôi về Mỹ.

Sau khi trao cho tôi một bản "liệt kê công tác", Nam tỏ vẻ muốn giữ độc quyền con cờ mới tuyển dụng này. Khi tôi cho ông biết Thái đã đưa tôi đến gặp ông chủ tịch Hội Việt kiều yêu nước là Huỳnh Trung Đồng, thì ông khuyên tôi không nên giao lưu với những hội viên của hội Việt kiều yêu nước ở Paris, hay bất cứ ở đâu, để "bảo vệ ba cháu cũng như sự liên lạc giữa chú với cháu". Ông còn nhấn mạnh, là tôi không giúp ích gì cho quê hương trong giai đoạn này nếu tôi gia nhập vào nhóm Việt kiều

yêu nước, bởi vì vai trò của họ sẽ thay đổi, tôi sẽ mất nhiều thời giờ quý báu để hội họp, tuyên truyền, kết nạp đoàn viên để phục vụ cho đường hướng, mà tôi sẽ bỏ phí tài nguyên tôi đang có.

Ông kết luận:

- Hãy dành những thời giờ đó để làm việc với chú. Cháu nhớ rằng có nhiều người Việt yêu nước ở Âu châu, ở Mỹ nhiều nước khác nữa, không tham gia một hội đoàn nào, nhưng lại là những người đóng góp rất nhiệt tình. Bây giờ người ta không biết quan điểm chánh trị của cháu. Họ cũng không biết gốc gác cháu ra sao. Tốt hơn hết, bên ngoài cháu cứ để họ nghĩ cháu chống cộng, chỉ có chú và những người quan trọng trong ngành của chú biết lập trường của cháu mà thôi.

Tôi hiểu rằng Nam và Thái khác nhau, khi muốn tôi cộng tác với họ. Thái có ý định đưa tôi vô bộ máy ngoại vận. Còn Nam tuyển mộ tôi làm gián điệp cho Hà Nội. Một thì muốn tôi công khai "thân Cộng", một thì buộc tôi làm ngược lại, phải "chống cộng". Dĩ nhiên, trước sau tôi vẫn là tôi, người Việt quốc gia ngạo nghễ muôn đời.

Khi báo cáo cho Rob về buổi gặp gỡ giữa tôi với Nam, tôi yêu cầu là vấn đề này chúng tôi phải ngồi xuống nói cho chồng tôi biết, vì nó liên quan đến anh. Tất cả những hoạt động, sinh hoạt với FBI và CIA, tôi không đem về nhà nói với chồng tôi và các em tôi. Má tôi tin là tôi làm thông dịch cho cơ quan an ninh của Mỹ, vậy thôi. Hai lý do mà tôi không chia sẻ được: luật lệ của hai cơ quan này; hai là tôi cố tránh cho má tôi biết đến việc làm của tôi. Dì nhiên, nếu má tôi biết nhiều, má sẽ ngăn cản, mà

làm sao má tôi ngăn cản việc này được, thì bà sẽ lo đêm lo ngày, bất cứ lúc nào tôi bước ra khỏi nhà. Cấm không được, thì má sẽ giận rồi bỏ đi ở với một trong hai chị tôi.

***

Vừa mở cửa phòng khách sạn, tôi đứng khựng lại sững sờ vì căn phòng của tôi trống trơn. Tôi nhìn cái chìa khoá, trở ra nhìn lại số phòng, rồi bước trở vô. Đồ đạc, va-li của tôi biến mất, cái phòng đã dọn sạch. Cầu tiêu, bồn tắm sạch sẽ, láng bóng như đang chờ người khách mới.

Tôi đi thẳng xuống gặp người làm việc tại quầy của khách sạn. Ông ta làm bộ không nói được tiếng Anh để khỏi tiếp tôi dù biết những người làm trong

khách sạn lớn này đều nói được tiếng Anh. Tôi hỏi ông:

- Tôi muốn biết chuyện gì xảy ra trong phòng tôi, và đồ đạc của tôi đâu mất hết rồi?

Ông ta không nói gì hết, nhưng có một viên thơ ký khác từ trong chạy ra, vừa cười gượng vừa hỏi:

- Có chuyện gì vậy thưa bà?

- Tôi muốn biết các anh làm gì trong phòng tôi, mà đồ đạc của tôi biến mất?

- Thưa bà, đây có thể là một sự lầm lẫn. - Hắn đáp với vẻ mặt như tôi là người đi lộn phòng.

Tôi đòi gặp viên quản lý, nếu hắn không giúp gì

được tôi. Nhưng hắn cho biết viên quản lý hiện không có mặt ở khách sạn, và hắn nói sẽ đi hỏi lại nhân viên.

Tôi cho ông ta biết tôi đi cả ngày, tôi mệt, tôi cần nghỉ ngơi. Tôi vào quán café của khách sạn ngồi chờ. Lúc đó tôi quá bực mình, tự hỏi không biết nên uống một ly sữa hay một ly rượu mạnh để lấy lại bình tĩnh. Tôi không biết đây là một sự lầm lẫn của bồi phòng, hay là mấy thằng Tây của tình báo Pháp lục lạo va-li của tôi bằng cách thông đồng với nhân viên của khách sạn, khiêng va-li của tôi đi một nơi khác để lục, thay vì lục trong phòng của tôi, phòng hờ tôi về phòng thình lình?

Nửa giờ sau, tôi trở lại quầy. Viên thơ ký liền nói với vẻ mặt buồn bã một cách giả tạo, rằng có một người khách ở đó đã lâu mà không chịu trả tiền hay

không có tiền gì đó, nên họ dọn đồ của người khách đó; không ngờ bồi phòng dọn lộn phòng của tôi.

Tôi nghe thì nghe, nhưng vẫn không tin lời hắn, nên nói:

- Tôi vẫn muốn gặp ông quản lý.

- Thưa bà, ông Charrière chiều mai mới có mặt ở đây, giờ thì đồ đạc của bà đã được đem về cho bà. Chúng tôi thật xin lỗi bà về sự lầm lẫn đáng tiếc này.

Tôi vẫn bực mình nói:

- Ngày mai, khi nào ông Charrière của ông tới, biểu ông gọi tôi ngay.

Nói xong, tôi hấp tấp đi về phòng. Tôi đoán, lúc đó có người đang rình ngó trộm tôi.

Tôi khoá chặt của phòng, còn chặn thêm một cái ghế cho chắc chắn. Tôi kiểm soát xem các cửa sổ đã đóng kỹ chưa, kéo màn kín mít, rồi mở va-li ra kiểm soát. Nhưng tôi ngừng lại thấy mình làm chuyện vô ích. Người nào lục va-li của tôi không phải là kẻ ăn trộm, mà là người muốn biết tôi là ai, và tôi làm gì?

Điều quan trọng là họ không thấy những bản nháp của các bản báo cáo tôi gởi cho CIA, vì mỗi lần viết xong, tôi thường đốt, bỏ tro vào cầu tiêu. Tôi chỉ có một sơ suất nhỏ, là còn để trong va-li lá thơ của cha tôi, viết năm 1972 tại Milan, Ý. Đó là lá thơ mà cho đến 1974 tôi mới nhận được, và tôi còn ấp ủ nó cho tới giờ phút đó.

Tối hôm đó, tôi sợ đến nỗi không dám đi tắm. Khi Rob tới, tôi cho ông biết chuyện gì xảy ra, mặt ông tái xanh, làm cho tôi càng lo sợ hơn. Ông hỏi tôi có muốn đổi khách sạn khác không, thì tôi lại giấu, nói là tôi không sợ, mà cũng không muốn khách sạn khác. Tôi nghĩ mình đã ở trên cái đất của thằng Tây rồi, chạy đâu cũng không khỏi. Hồi đó mình xuống hầm núp rồi mà nó còn ráng bỏ bom cho chết, thì bây giờ ngủ trên xứ của nó, nó muốn kiếm, làm sao mà trốn. Chỉ có cái khác hơn thời Tây đô hộ Việt Nam: bây giờ tôi là công dân Mỹ, và ba tôi cùng mấy ông Việt Minh đã đánh bại thằng Tây rồi. Nghĩ vậy, cho qua thì giờ cho đỡ sợ, chớ quốc tịch gì, công dân của nước nào, làm gián điệp trên đất của người ta cũng đều bất hợp pháp. Thằng Tây nó bắt nó nhốt, rồi Bộ ngoại giao Pháp mới làm màu làm mè liên lạc với toà đại sứ Mỹ, hai bên trao đổi gián điệp tép riu, rồi đâu cũng vô đó. Nhưng ít

nhứt cũng ngồi tù Tây, ăn cơm tù Tây một thời gian mới được tha trở về Mỹ. Tôi rùng mình khi nghĩ tới đó.

Sau khi Rob ra về, tim tôi đập muốn văng ra khỏi lồng ngực, vừa hồi hộp, vừa giận thằng Tây. Tôi nằm nghĩ đến việc làm của mình, nghĩ đến má, đến Lance và chồng tôi, mà thấy ngao ngán, cô đơn quá. Tôi trở cái gối không biết bao nhiêu lần đêm đó. Sáng ra, tôi quá mệt mỏi sau một đêm mất ngủ.
Tôi phải ráng hết sức lấy lại bình tĩnh, đi ăn một bụng điểm tâm, uống một tách café cho tỉnh táo, vì hôm đó tôi sẽ gặp kỹ sư Huỳnh Ngọc Châu. Cậu Châu là con trai của ông bà ngoại Huỳnh Ngọc Nhuận, người đã cho gia đình tôi tá túc, hồi ở Gia Định. Cậu Châu sang Pháp chữa bịnh ung thư do chính ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Chánh phủ Lâm thời miền Nam đích thân can thiệp, cho phép

cậu xuất ngoại. Cuộc thăm viếng của tôi có hai mục đích: cá nhân và công tác. Tôi muốn tìm hiểu thêm về tình hình Việt Nam và những người lưu vong ở bên Pháp. Má tôi cũng muốn biết tin tức của bà ngoại Nhuận còn kẹt lại, thăm sức khoẻ của cậu. Má tôi quý mến cậu Châu lắm, biểu tôi bận rộn cách mấy cũng ghé thăm và chăm sóc cậu Châu một hai ngày giùm má.

Hồi xưa, cậu Châu được coi như một vị hoàng tử của gián điệp. Cậu là một kỹ sư về dầu khí, làm việc cho hãng dầu Esso. Đối với một cô bé 12 tuổi, việc cậu Châu làm gì ngoài đời là việc người lớn, nhưng tôi biết cậu là một người quan trọng ở Sài gòn; cậu đi học bên Pháp. Biệt thự của cậu ở Sài gòn nhỏ hơn biệt thự của ông bà ngoại Nhuận, nhưng tối tân, đầy đủ tiện nghi. Đó là cậu Châu mà tôi nhớ hồi tôi mười hai tuổi, cho tới lúc 29 tuổi.

Sau khi ăn điểm tâm ở một quán ăn xinh xắn ngang cửa khách sạn, tôi mua mấy tờ tạp chí và báo hàng ngày để làm quà cậu Hai Châu, rồi đi taxi đến đường Savoie, nơi cậu đang nằm dưỡng bịnh tại nhà của nhạc phụ, ông Cao Minh Chiếm. Đường Savoie là một con đường nhỏ, nhiều chó và mèo hơn xe cộ. Nhờ sự vắng vẻ của con đường, tôi dễ dàng nhận biết tôi đang bị theo dõi. Mỗi lần tôi quẹo ở một góc đường, tôi thấy một người đàn ông theo tôi vội quẹo sang một con hẻm, rồi chỉ mấy phút lại thấy anh ta lẽo đẽo phía sau.

Tôi không muốn thằng Tây biết tôi tới nhà ông Cao Minh Chiếm. Ông không phải là một ông già vợ thuần tuý như trăm ngàn ông già vợ Việt Nam khác, ông là một người thiên Cộng. Ông từng có liên lạc với Hồ Chí Minh từ khi có cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Nhưng khi đất nước chia đôi năm

1954, ông ở lại miền Nam và thành lập *Phong trào nhân dân tự quyết* chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm và sự can thiệp của Mỹ ở Việt Nam. Khí giới của ông là cây viết, với bút hiệu Phi Bằng.

Hậu quả của những người "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản" là việc đầu tháng 3 năm 1965, thủ tướng Chánh phủ Việt Nam Cộng hoà, ông Phan Huy Quát đã cách chức gần 50 công chức. Cao Minh Chiếm là một trong hơn 30 người bị bắt giam. Thủ tướng Phan Huy Quát quyết định tống ông và vài nhânvật "thờ ma Cộng sản" ra là Hà Nội để làm gương cho những người "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản". Vài tháng sau đó, ông Minh Chiếm, bác sĩ thý y Phạm Văn Huyến và ông Tôn Thất Dương Kỵ được đưa tới cầu Hiền Lương; các bà vợ của mấy ông này còn được chánh phủ cho bay ra để chia tay chồng, trước khi họ đi qua bên kia cầu.

Sau đó ông Cao Minh Chiếm sang Paris. Sau khi miền Nam sụp đổ, ông rất đau lòng vì cách đối xử tàn bạo của cộng sản Bắc Việt đối với dân miền Nam và vợ con ông tại Sài gòn. Tôi không biết rõ mục đích của ông Cao Minh Chiếm sống để làm gì đời ông và đời người, nên tôi không nói được nữa về ông, chỉ biết là ông có liên hệ mật thiết với nhóm Việt Nam thân Cộng ở Paris và ông đi lại với những người trong hai toà đại sứ của cộng sản tại Paris. Bây giờ, đào sâu để tìm sự thật về ông Cao Minh Chiếm là việc tôi không nên làm, bởi vì ông đã qua đời, và biết đâu ông và ba tôi thỉnh thoảng từng ngồi với nhau mà tiếc thương đất nước và dân tộc.

Muốn giữ an ninh cho ông, tôi không vô nhà ông ngay, mà đi qua luôn để tới một tiệm bán thức ăn ở góc đường gần đó.

Tôi biết tôi không thể cà kê trong tiệm này lâu được, vì thế tôi cũng vô đây để mua đồ ăn rồi đi ra ngay. Tôi giả bộ kiếm món ăn muốn mua, những mắt vẫn liếc ra ngoài. Khi thấy người theo dõi đã đi qua, tôi mua vội hai hũ kem chua, rồi ra khỏi tiệm. Nhìn trước ngó sau không thấy bị theo dõi nữa, tôi an tâm gõ của nhà số 15.

Một người đàn ông trạc tuổi ba tôi, đẹp trai, cao lớn, lịch sự mở của mời tôi vô. Rồi ông vừa cười vừa nói bằng một giọng dịu dàng:

- Cháu tới chơi, cứ coi như một cuộc viếng thăm bình thường. Xin đừng nói chuyện chánh trị với bác, vì bác đã nói nhiều với người bịnh này suốt buổi sáng hôm này rồi nhen.

Dù ông tỏ vẻ rất thân mật, tôi vẫn nghe giọng nói

của ông đầy chua chát.

Cậu Châu nằm trên giường, trong cái phòng nhỏ bé đó, đắp một cái mền cũ, cái mền rằn ri của quân đội Hoa Kỳ bán ở chợ Sài gòn Sài gòn. Tôi cúi xuống, nhẹ nắm lấy bàn tay cậu ở ngoài mền.

Cậu giới thiệu tôi với ông Chiếm:

- Thưa ba, đây là Mỹ Dung, con gái anh Minh.

Ông Chiếm bỗng cười lớn một cách khác thường, rồi nói:

- Chắc ba còn chút hy vọng đây. Không lẽ con gái của một ông cộng sản lại đi nói xấu cộng sản trước mặt một người bạn cũ của ba nó, đúng không?

Tôi bối rối, vì không biết trước đó hai cha con của ông đã nói gì với nhau, và chuyện gì đã xảy ra?

Tôi nghĩ ông chỉ nói chơi với con rể, nên tôi giữ im lặng. Sau cậu Châu cho biết hai cha con đã tranh luận với nhau kịch liệt cộng sản và cuộc "Cách mạng" ở Sài gòn. Một lát sau, ông Chiếm khoác thêm áo ấm, đội nón, và cho biết ông cần ra tiệm mua đồ, ông hỏi con rể có cần gì không? Cậu Châu liền đáp:

- Nếu con cần gì. Mỹ Dung sẽ có thể giúp con được, thưa ba.

Sau khi ông Chiếm ra đi, tôi khoá cửa rồi quay lại với người bịnh đang nằm trên giường. Trên đường đi tới đây, trong lòng tôi mong cho mau tới nơi, để gặp lại người mà tôi mến phục từ lâu. Gia đình cậu

Châu đã giúp đỡ gia đình tôi rất nhiều trong thời gian ba tôi xa nhà. Nhưng bây giờ, nhìn người bịnh nằm liệt trên giường, tôi bàng hoàng tê tái trong lòng. Căn phòng nhỏ xíu, ngổn ngang một vài cái nồi, một lò điện nhỏ để nấu nướng, một chai dầu ăn cũ, một ống đũa và một cái chảo. Ngoại trừ một bàn bếp và bốn cái ghế cùng cái giường của cậu Châu, không còn đồ đạc gì khác nữa. Vậy mà cũng chật cứng rồi. Tôi nhớ tới biệt thự rộng lớn của ba má cậu, với nhiều phòng, mà không còn nghĩ được gì cho cuộc đổi đời này.

Tôi quá xúc động, nhớ mới hồi nào cậu trẻ trung, đầy sức sống, vui vẻ thân thiện với má tôi. Mỗi lần cậu tới thăm bá má cậu, cậu đều ghé qua thăm hỏi má tôi. Nhưng bây giờ cậu già quá, già cả trăm tuổi, so với lần cuối cùng tôi gặp cậu. Tôi chợt nhớ lời ông ngoại Nhuận, ba của cậu, cũng bị bịnh ung

thư ruột già rồi qua đời không lâu sau khi giải phẩu. Bây giờ cậu cũng bị ung thư như ba cậu, và cũng đã được giải phẫu trước đó vài tháng. Nhưng ông còn sống, và tôi được thăm viếng là diễm phúc của chúng tôi rồi.

Căn phòng yên tĩnh, trừ tiếng nước bắt đầu sôi trong khi tôi vừa nấu để pha trà. Tôi lên tiếng hỏi để phá tan sự im lặng:

- Có phải bác Chiếm muốn tránh mặt cháu không cậu? Chắc cháu tới không đúng lúc?

Cậu Châu đáp:

- Cậu cũng vừa nghĩ tới ổng. Đúng, ông tránh mặt cháu cũng như tránh mặt tất cả những người sống

sót sau giải phóng và có can đảm nói lên sự thật ở Việt Nam.

Cậu tiếp tục:

- Ba cháu với cháu cũng gặp khó khăn đó khi gặp nhau không? Nhắc tới ba cháu, cậu lại nhớ những ngày cậu ở bịnh viện ở Sài gòn về. Cậu biết ba cháu không hợp với chế độ mới. Theo cậu, đảng cộng sản Việt Nam thay đổi quá nhiều. Bọn cộng sản Hà Nội ức hiếp dân miền Nam. Những người trong Mặt trận giải phóng miền Nam không còn được trọng dụng. Chúng phản bội Mặt Trận vì chúng tuân lệnh bọn Nga.

Nói một hơi dài, ông có vẻ mệt, nên phải lấy gối kê lên đầu và chêm gối sau lưng.

- Ba cháu không bao giờ nói thiệt ý nghĩ của ông. Cậu tiếp tục:

- Vậy mà cậu có may mắn được biết rõ ổng. Cậu đồng ý với cháu, là ba cháu sẽ giữ im lặng. Trong chế độ đó, nếu mình tỏ vẻ bất mãn, sẽ bị kết tội "phản bội" liền. Ba cháu sẽ không thể từ bỏ được giấc mơ đem hạnh phúc lại cho toàn dân. Ông sẽ cố gắng thực hiện điều đó cho đến ngày ông chết.

- Cháu rất kính phục ba cháu, nhưng cháu không tin ba cháu sẽ thành công. Một đảng người ta sẽ loại trừ những ai không theo đường lối của đảng và nhà nước. Ba cháu biết rất rõ, rằng chánh phủ Hà Nội sẽ lừa dối, cướp bóc và hãm hiếp dân miền Nam sau khi họ ngưng tiếng hát ca tụng cách mạng. Bây giờ ông vẫn cố gắng tranh đấu cho nhân dân. Thiệt là cô đơn và vô ích.

Cậu Châu vừa chỉ vô cái thân héo mòn bịnh hoạn vừa nói: “Cháu nhìn cậu nè. Hoàn cảnh chánh trị của ba cháu cũng giống như bịnh ung thư thời kỳ cuối cùng của cậu. Chắc chắn cậu sẽ chết. Cậu có thể tự tử cho chết luôn đi, mà cậu cũng cố cứ sống để vui với những người thân yêu. Ngày nào cũng là ngày tốt đẹp đáng quý hết. Cậu đã tốn rất nhiều tiền cho thuốc men để vẫn được nhìn thấy vợ con, mẹ già dù đau đớn. Đôi khi cuộc đời dài không còn ý nghĩa gì hết nếu cậu không ăn được những món cậu thích, cậu không thể vô phòng tắm một mình như mọi người, kể cả những người đui và điếc. Nhưng cậu vẫn muốn sống, thì ba cháu cũng vậy.

Nghỉ một một chút rồi cậu Châu nói tiếp:

- Còn đối với ba cháu, nếu ông công khai tỏ vẻ bất mãn với đảng, tức là ông tự tử. Họ sẽ giam ông

trong nhà thương điên, như vậy, ba cháu còn làm được gì cho những người dân mà ông tranh đấu cho họ? Bây giờ ông còn uy tín, vẫn có thể làm những điều tốt cho dân miền Nam. Ông có được sự bình thản mà hiểu rõ những nhu cầu của nhân dân Việt Nam và quyết tâm làm những điều đó. Cháu không thể đòi hỏi nhiều hơn ở một người đàn ông.

Chúng tôi ngồi im lặng một lát, nhấm nháp chén trà tôi vừa pha. Rồi ông cho biết ba tôi đã giúp ông sang Pháp để chữa bịnh, nhưng sự giúp đỡ lớn nhứt là ông chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ. Ông Thọ còn thúc đẩy các thủ tục tiến hành thật lẹ để vợ con của cậu Châu sớm sang Paris đoàn tụ với cậu. Cậu Châu hy vọng mẹ cậu được đi một lượt với con dâu và cháu nội. Cậu được ưu tiên là đi sớm để chữa bịnh.

Cậu cho biết tất cả mọi người trong gia đình cậu đã sống trong kinh hoàng sau chiến tranh. Khi ba cậu qua đời cách đó mấy năm, gia đình cậu đã dọn về ở chung với mẹ cậu trong biệt thự của bà ở 38 đường Chi Lăng, và sống những ngày ấm cúng. Nhưng thời kỳ "trăng mật với cộng sản" chấm dứt mùa thu năm 1976.

Một đoàn cán bộ cộng sản Bắc kỳ, tự mệnh danh là "quân giải phóng" của thành phố mới đổi tên "Hồ Chí Minh" bất ngờ đột nhập vô nhà. Tất cả mọi người trong nhà, kể cả mấy chị giúp việc, bị đưa hết vô phòng ăn có mấy tên mang súng AK-47 canh chừng. Mấy tên cán bộ khác lục lạo cùng nhà. Khi chúng không kiếm thấy những gì chúng muốn, tên đứng đầu hỏi bà ngoại Nhuận giấu vàng và tiền bạc ở đâu. Khi bà cho biết không có tiền gì ráo, thì

chúng đẩy bà già bảy chục tuổi té khỏi ghế ngồi, rồi bắt đầu hạch hỏi vợ chồng cậu Châu.

Cuộc xét nhà, lục lạo kéo dài tới tối mà không moi ra được cái gì hết, nên cả đám phát giận, quay lại nạt nộ mọi người rồi kéo bà ngoại Nhuận ra khỏi nhà dẫn đi. Những người còn lại bị đuổi ra khỏi biệt thự, dọn vô một căn nhà ngang dành cho những người giúp việc ở. Bọn cán bộ nói với cậu Châu rằng biệt thự sẽ bị niêm phong để điều tra thêm, cấm mọi người không được vô nhà, trừ các cán bộ "giải phóng". Tới nửa đêm, đứa nhỏ nhứt của cậu Châu khóc đòi sữa, ông Châu năn nỉ cán bộ gác cửa cho phép vô nhà lấy sữa, bị người lính từ chối dù đứa nhỏ đang khóc vì khát sữa.

Suốt một tuần, cậu Châu không biết tin tức gì của mẹ, nên rất nóng lòng. Trong khi đó, đồ cổ và mọi

thứ khác trong biệt thự bị bọn cán bộ cộng sản khuân đi hết. Khi nhà đã trống trơn, mọi người người mới được phép vô biệt thự trở lại. Nhưng chỉ mấy bữa sau "quân giải phóng" gởi cho cậu Châu một là thơ rất quan trọng "đề nghị" cậu "hiến" căn biệt thự cho chánh phủ cách mạng. Tất nhiên, ông không thể từ chối.

Vậy mà ông cũng vẫn không biết tin tức gì của mẹ. Ông cầu cứu chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, từng là bạn cũ của cha ông. Chủ tịch Thọ phải cho người kiếm mãi mới biết bà ngoại Nhuận bị giam ở Cần Thơ. Như vậy sau một tháng trời, ông mới được tin mẹ. Ông chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ đích thân xuống Cần Thơ xin cho bà ra khỏi tù, rồi đưa bà về Sài gòn. Khi được gặp mẹ, ông Châu mới biết "Giải phóng" đã ép bà hiến hết tài sản cho họ, gồm có ruộng đất trong vùng đồng bằng sông Cửu Long,

những nhà cho mướn ở Bạc Liêu, nhà máy xay gạo ở Cần Thơ… Bây giờ tài sản của bà đã thuộc về của "nhân dân".

Cậu Châu nói với giọng tức giận:

- Mất hết tài sản, cậu cũng chịu được, vì dù sao bà ngoại cũng đã phải ký để "dâng hiến" cho Chánh phủ. Nhưng cậu không thể nào quên được sự tủi nhục khi bọn cán bộ hành hạ bà ngoại trước mặt các con của cậu. Tụi nó la ó với bà ngoại. Tụi nó vô lễ với mợ Hai, không cho vô nhà lấy sữa cho đứa nhỏ. Mấy đứa con cậu sẽ không bao giờ quên được hình ảnh đó.

Mắt tôi cay, miệng tôi đắng, ngồi nghe cậu Châu kể lại chuyện nước nhà sau ngày cộng sản vô Nam. Tôi lau nước mắt bằng hai lòng bàn tay, mà không

dám nhìn cậu. Không hiểu tôi mắc cỡ vì ba tôi là một trong những người cộng sản đó, hay tôi cảm thấy thấy tội lỗi vì gia đình tôi chạy thoát nạn trước gia đình cậu Hai.

Lúc đó, cậu mới thú thật với tôi về một chuyện cũ, vào tháng 4 năm 1975, khi đã sẵn sàng rời khỏi Sài gòn, má tôi đến gặp cậu và bà ngoại để hỏi xem gia đình có muốn ra đi không. Cậu nói với gia đình cậu rằng:

- Bà để cho con lấy kẻ thù, nên bây giờ phải bỏ chạy là đúng rồi, mình phải ở lại với dân tộc và đất nước chớ.

Bây giờ thì cậu đã hiểu thế nào là "giải phóng". Nhưng ông nói rằng việc ở lại cũng có ích, vì các con ông sẽ không bị cộng sản lừa gạt nữa.

Đến đây chúng tôi tạm bỏ qua những buồn phiền đau khổ của riêng ông, mà nói tới cuộc sống mới ở Việt Nam; tiền đổi không kịp trở tay; giá vàng, giá gạo, giá thịt, giá vật dụng, v.v… Tất cả mọi thứ đều tăng giá vùn vụt chỉ trong có mấy tháng trời. Tôi hỏi ông, tôi có thể ghi lại những gì ông vừa nói với tôi không? Ông không những không ngăn cản mà con khuyến khích tôi nên cho Chánh phủ Mỹ hoặc báo chí rõ mọi điều. Đã đến lúc phải cho người Tây phương biết họ ngu ngốc và ngây thơ đến mức nào trong cuộc chiến ở Việt Nam. Henry Kissinger nên mắc cỡ vì đã bị bọn cộng sản qua mặt và lợi dụng trong hội nghị đình chiến ở Paris. Hà Nội đã điều khiển 85% trong thời gian hội nghị.

Sắp đến giờ ăn trưa, tôi đề nghị tôi chạy ra chợ mua thức ăn về làm cơm, những cậu Châu khoát tay, vừa cười vừa nói:

- Cậu gần chết rồi, nên cậu muốn đến một tiệm ăn ở St. Michel mà cậu vẫn thích để được ngồi cùng với người của cậu.

Nói xong, ông ra khỏi giường, kéo tấm màn che lại để thay đồ bên trong. Tôi phải buộc dây giầy cho cậu vì bụng cậu vừa mới rút chỉ còn đau, cậu không thể cúi xuống được. Tôi giúp cậu mặc cái áo choàng ngoài khá nặng. Sau đó, chúng tôi đi bộ tới một tiệm ăn nhỏ ấm cúng. Cậu phải vịn chặt cánh tay tôi để đi cho vững.

Cậu Châu kêu một chai rượu Côte du Rhône. Chúng tôi nhâm nhi ly rượu mà không muốn thời gian đi qua. Tiệm ăn này ở gần khu Sorbonne, khiến cậu nhớ lại quá khứ. Cậu cho biết, nơi đây ngày xưa cậu bắt đầu làm quen với chủ nghĩa cộng sản, mà ba má cậu cũng đã là cảm tình viên rồi.

Sau đó cậu Châu cưới một người vợ cũng có cùng một chí hướng với cậu. Mợ Châu cũng đã bị công an thời ông Thiệu bắt bỏ tù, vì bà ủng hộ Mặt trận giải phóng miền Nam.

Với một tâm hồn đau khổ trong một thể xác bịnh hoạn, cậu Châu lết gót đi bên cạnh tôi để trở về đường Savoie với căn phòng hẩm hiu cậu đang tá túc. Trên đường về, chúng tôi ghé qua một tiệm sách, một tiệm bán đĩa hát và một tiệm bán tranh vẽ. Trời âm u nhiều mây ảm đạm, khiến tôi nghĩ đến nỗi đau khổ mà đồng bào của tôi đang chịu đựng ở trong nước. Tôi muốn về khách sạn, đóng kín cửa để cách biệt với thế giới bên ngoài quên đi nỗi buồn xót xa trong lòng.

Với sự giúp đỡ tận tình của ông Nguyễn Hữu Thọ, mẹ và vợ con cậu Châu được phép rời khỏi nước

Việt Nam để sang đoàn tụ với cậu. Gần một năm sau, cậu Châu từ trần.

***

Tôi mở tung của phòng khách sạn, làm nó đập vô tường, dội trở ra, gây nên một tiếng động lớn. Tôi làm như vậy với mục đích doạ kẻ nào đang ở trong phòng tôi. Nhưng mọi sự đều bình thường, va-li của tôi vẫn ở vị thế khi tôi ra đi. Tuy vậy, tôi vẫn cẩn thận bước vô phòng.

Một bình bông thật lớn, thật đẹp để trên bàn nước ở phòng khách. Ủa! Hôm nay đâu có phải là sinh nhứt tôi! Sinh nhựt Hồ Chí Minh còn những ba tháng nữa mà. Bên cạnh bình bông bằng pha lê, có một tấm thiệp của ông quản lý khách sạn Andre Francois Charriére, viết cho tôi bằng chữ Pháp như

sau: “Avec compliments, nous souhaitons de continuer très agreablement wire séjour au Paris Hilton”.

Đó không phải là cử chỉ xin lỗi chân thành. Hay ông quản lý đã cộng tác với kẻ lục xét đồ đạc của tôi? Tôi không biết nó là cái gì?

Trong khi tôi đang suy nghĩ vẩn vơ, thì Rob bỗng ghé qua. Sau khi tôi chỉ cho Rob bình bông, anh ra dấu cho tôi giữ im lặng,. Rồi anh xem xét kỹ các bông hoa, từ cánh xuống cành. Khi xem hết hoa, ông đổ nước trong bình vô bồn rửa tay để coi bình. Lúc đầu tôi nín thở, chờ xem ông kiếm thấy vật gì trong bình bông. Nhưng đến bông thứ tư thì tôi cười bò ra, vì tôi thấy hài hước quá. Nếu thằng Tây nó có muốn gài máy nghe, thì trong phòng này có cả ngàn chỗ cho nó gài, chớ làm gì mà phải tặng

hoa mới có phương tiện gài máy nghe lén? Khi ông đã xem xét xong xuôi, tôi hỏi:

- Anh kiếm cái gì vậy?

Ông đáp nhỏ:

- Tôi nghĩ có thể người ta gài máy nghe lén.

Tôi lắc đầu mà cười ông trùm CIA. Tôi đổ nước vô bình rồi cắm bông trở lại. Tôi hy vọng không có gì thay đổi, để người rình rập không biết. Vừa lúc đó, lại có tiếng gõ của. Thì ra ông Rob vì mải kiếm máy nghe lén nên cũng không cho tôi biết ông xếp của ông ở Paris muốn gặp tôi. Mấy tháng nay ở trong toà đại sứ Mỹ, trong một góc phòng của CIA, người ta hay nhắc tới "ngôi sao" của gián điệp, nên hôm nay ông xếp của ông tại gặp "ngôi sao".

Cuộc gặp gỡ của chúng tôi ngắn ngủi, ông Andrew muốn biết thêm về Phan Thanh Nam. Mấy ngày trước, Rob đã đem cho một bản kiểm kê nhiều câu hỏi về Phan Thanh Nam, gồm những đặc điểm về thể chất, cá tánh, thói quen, những hoạt động, sinh hoạt hàng ngày. Cái gì có thể làm ông sa ngã. Cái gì làm cho ông phản đảng.

Chương 41

Tôi suy nghĩ nhiều đến câu nhắn nhủ của đại sứ Đinh Bá Thi đến Trương Đình Hùng: gởi "những thứ đồ" lên New York. Đến lúc này thì chúng tôi biết, Trương Đình Hùng chuyển tài liệu của Mỹ cho cộng sản Hà Nội bằng hai con đường ngoại giao. Một là qua tay của Phan Thanh Nam ở Paris;

bây giờ qua tay phái đoàn Việt Nam ở Liên hợp quốc.

Tôi phải biết rõ Trương Đình Hùng hơn, mới dám khẳng định anh ta là gián điệp. Vì vậy, tôi phải tích cực hơn, khi anh cần đến tôi trong công tác của anh. Tôi cũng nhớ lại lời đề nghị của Huỳnh Trung Đồng ở Paris. Anh khuyên tôi nên thành lập Chi hội Washington, D.C của Hội Việt kiều yêu nước ở Mỹ. Muốn lập, tôi cần tìm hiểu cơ cấu và nội quy của Hội Việt kiều yêu nước đang hoạt động ở Mỹ, mà chủ tịch toàn quốc là Nguyễn Văn Luỹ. Như vậy, tôi phải gia nhập Chi Hội Việt kiều yêu nước Washington. D.C; sau đó Huỳnh Trung Đồng sẽ cử tôi làm chủ tịch Chi hội. Dĩ nhiên đó là chuyện hoang đường. Làm gì mà tôi có đủ kiên nhẫn lập hội. Cũng không có cái mặt nạ nào mà tôi mang được, để đứng ra đóng vai mình là “Việt kiều yêu nước.

Khi tôi cho Hùng biết ý kiến của Huỳnh Trung Đồng để dò phản ứng của anh, thì anh không đồng ý ngay. Với tư cách của một cán bộ có nhiều kinh nghiệm, Hùng nói:

- Nếu chị muốn tiến thân trên con đường này, chị đừng dính líu với những hội viên của Hội Việt kiều yêu nước. Họ chỉ là những người cơ hội chủ nghĩa và gây rối thôi.

Hùng không hoạt động với hội. Anh còn cho biết anh bất hoà với ông chủ tịch Nguyễn Văn Luỹ, nhưng anh không quan tâm chuyện “nhỏ nhặt” này, vì anh giao thiệp thẳng những người cấp trên. Tuy nhiên, anh vẫn giữ một số bạn là hội viên, và những người này sẽ cho anh biết chuyện bên trong của hội. Nhiều lần Hùng khuyên tôi không nên dính líu với hội, chỉ nên làm những việc mà Nam

đã giao phó. Tôi nghĩ, Hùng tưởng tôi là mật vụ của Nam đang dò xét và kiểm soát những hoạt động của anh ta.

Tôi cứ trà trộn với các hội viên của chi hội trong vùng Washington. Tôi gặp họ trong những ngày cuối tuần và cả những buổi hội họp ngày thường của họ nữa. Ông chủ tịch Nguyễn Văn Luỹ bên San Francisco lại bắt đầu tỏ vẻ bực mình, vì ông không kiểm soát được tôi. Nhiều lần ông Nguyễn Văn Luỹ gởi cho tôi đơn gia nhập hội, nhưng lần nào tôi cũng từ chối. Tôi viết thơ cho ông, nói cho ông rõ tôi ủng hộ ông, và sẽ tham dự buổi họp ông khi nào thuận tiện. Như vậy sẽ an toàn cho hội cũng như cho tôi, hơn là tôi trở thành một hội viên chánh thức, vì tôi tiếp xúc thẳng với những nhân vật của Chánh phủ Hà Nội và những cán bộ ngoại vận.

Huỳnh Trung Đồng khéo léo khuyên ông Luỹ không nên thắc mắc nhiều về tính cách độc lập của tôi. Sau đó ông Luỹ mới tha cho tôi nói rằng bây giờ ông đã hiểu địa vị của tôi với “đất nước”. Không những thế, ông còn viết thêm: “Sự liên lạc của chị với chúng tôi rất quan trọng. Xin cứ tiếp tục liên lạc với chúng tôi và chúng tôi hy vọng được gặp chị ở bờ biển phía Tây.

Ông Luỹ tưởng rằng nhiệm vụ của tôi là báo cáo cho chủ tịch Huỳnh Trung Đồng biết mọi hoạt động của Việt kiều yêu nước ở Mỹ, nên được ông đón tiếp gần như một thượng khách khi tôi bay qua San Francisco gặp ông. Ngay cả khi tham dự buổi họp của địa phương, tôi cũng được mọi người trọng vọng và các hội viên đều nghĩ rằng tôi là người được Paris cử tới thanh tra và dò xét hội đoàn.

Mùa thu năm 1976, tôi tới San Francisco, ông Luỹ mời tôi dự buổi họp tại nhà ông với Ban chấp hành của Hội Việt kiều yêu nước. Họ cố gắng kéo tôi vô cuộc tranh chấp giữa họ với chi hội vùng Washington. Tôi phải nói mấy lời nhận xét vô thưởng vô phạt chẳng hạn như:

- Họ đang chờ đợi sự chỉ dẫn của quý vị. Lính tráng cần cấp chỉ huy.

Hội Việt kiều yêu nước tại Mỹ là cây cầu cho hội viên gia nhập các hội ái hữu của Mỹ. Họ là những cán bộ yểm trợ cho ban ngoại vận của chính quyền Hà Nội. Lúc đó họ đã bắt đầu tuyển mộ các khoa học gia Mỹ và những chuyên viên khác rất có ích cho nền kỹ thuật tồi tệ của Việt Nam, cùng một số lợi ích khác nữa. Ông Luỹ tin rằng tôi nhận chỉ thị của đại sứ Võ Văn Sung và chủ tịch Huỳnh Trung

Đồng ở Paris, nên ông cố gắng trình bày và báo cáo mọi chuyện mỗi khi gặp tôi, hay nói chuyện trên điện thoại với tôi. Ông cho lời biết tên của những người tham gia tổ chức chống chiến tranh trước đó, và hiện tại họ liên hệ với nhiều chương trình khác nhau, có sự yểm trợ của một số kỹ sư Mỹ, nhằm ăn cắp kỹ thuật của Mỹ cho Việt Nam.

Trong một chuyến đi San Francisco, có Bill Fleshman của FBI và Rob Hall của CIA cũng đi, tôi có dịp được thấy một kết quả của hội Việt kiều yêu nước này. Ông Luỹ tổ chức một buổi họp tại gia để chào mừng Tiến sĩ Edward Cooperman, một nhà vật lý học ở đại học Fullerton, tiểu bang California. Ông cùng Việt kiều yêu nước đứng ra tổ chức một "Uỷ ban khoa học kỹ thuật Việt-Mỹ" gồm bảy mươi người, nhằm bảo trợ những ai muốn

đi Việt Nam làm việc trong ngành nghiên cứu y khoa và các cơ quan giáo dục.

Cooperman vừa đi Việt Nam về. Trong buổi họp, ông loan báo sẽ mời mọi người xem hình ảnh cuộc viễn du ấy tại một địa điểm không được tiết lộ. Tôi muốn báo cho ông Bill Fleshman, nhân viên FBI, biết ngày cuộc họp bí mật này. Tôi đang nghĩ cách để có thể tiếp xúc với ông, thì từ trong nhà, một thanh niên người Việt Nam đi ra. Anh ta loay hoay mở cửa một chiếc xe classic, mui trần, mầu đỏ, hiệu Thunderbird. Tôi trầm trồ khen chiếc xe của anh ta đẹp, tỏ ý muốn lên xe đi một vòng. Chuyện thấy người ta có chiếc xe đẹp, xin đi một vòng, là chuyện trẻ con.

Hình như đứa bé nghịch ngợm đó trong tôi không chịu rời tôi dù lúc đó tôi đã ba mươi tuổi rồi. Anh

ta vui vẻ nhận lời ngay. Khi anh lái xe dọc theo bờ biển, tôi nhờ anh ghé vô một nhà thuốc tây để mua kem đánh răng. Vì xe mui trần, chỗ lạ, nên tôi biết thể nào anh ta cũng muốn ngồi chờ tôi để giữ chiếc xe quý. Đúng như vậy. Tôi vô tiệm một mình, mua cây kem đánh răng, trả thêm một đồng cho người bán hàng để được xài điện thoại của tiệm. Tôi cho Bill biết chuyện đang xảy ra, nhưng chưa biết địa điểm chiếu film ở đâu. Tôi đề nghị FBI nên theo dõi bằng trục thăng. Bill trả lời gọn khô:

- Đừng lo!

Anh cho biết hiện đã có người đang theo dõi buổi họp. Họ ngồi trong một xe "van" đậu bên kia đường nhà ông Luỹ. Do đó, họ cũng có thể biết mọi người đi đâu.

Tôi trở ra với cây kem đánh răng, rồi chúng tôi chạy trở lại nhà của ông Luỹ.

Chín giờ rưỡi, ông Luỹ bảo mọi người lên mấy chiếc xe "van" và xe hơi được chỉ định để đến địa điểm xem hình chiếu về Việt Nam. Không ai được đi xe riêng. Tôi leo lên phía trước xe "van", thấy tiến sĩ Cooperman đã ngồi sẵn ở đó với người Việt Nam trẻ, có lẽ là đồng chí, vì hai người nói chuyện có vẻ thân mật. Tôi liếc thấy xe "van" của FBI chạy theo, những một một lát sau tôi không thấy xe đó đâu nữa. Rồi tôi thấy trên trời một trực thăng bay theo đoàn xe của chúng tôi. Đoàn xe tới một trường học. Chúng tôi vô phòng hội lớn của trường để xem phim.

Từ hồi sớm tới buổi chiếu film, những sinh hoạt có vẻ hứng thú cho điệp viên, nhưng buổi tối bắt đầu

chán ngắt. Tối hôm đó tôi phải ngồi "chịu trận" cố gắng coi cho hết những hình ảnh Cooperman chụp ở Việt Nam. Tôi đoán, ông chỉ được phép đến những nơi nào có lợi cho giải phóng mà thôi. Tôi được xem nước Việt Nam toàn một mầu xanh mướt với những nụ cười của mọi người được "giải phóng". Cờ đỏ đầy đường, hình ảnh Hồ Chí Minh chen chúc trong thành phố, cổng làng, trong nhà người dân. Có một em sinh viên trong nhóm, chắc là cảm tình viên của Việt kiều yêu nước, khều người bạn trai, nói nhỏ:

- Có hình bác Hồ trong nhà vào thời điểm này như có bùa hộ mạng hả anh?

Tôi thầm nghĩ, con bé nhỏ mà khôn ghê.

Tiến sĩ Cooperman nói sơ qua về các buổi họp với

các khoa học gia ở Hà Nội, và hứa sẽ cố gắng giúp đỡ Việt Nam và kêu gọi sự yểm trợ của những thân hữu của ông.

Khi mọi người ra khỏi phòng hội, tôi ngạc nhiên thấy sáu "đồng chí" người Ba Tư đứng gác ở bên ngoài cửa. Ông Luỹ giải thích rằng, nếu không có người canh cửa, buổi họp thường bị "bọn phản động" phá rối, có khi gây ẩu đả. Bọn phản động là các sinh viên miền Nam Việt Nam và những người tỵ nạn.

Về chuyện ẩu đả này, tôi đã chứng kiến một lần. Hôm đó chúng tôi ở phòng hội của một trường đại học ở San Jose xem phim tuyên truyền của cộng sản Hà Nội. Đó là phim "Đại thắng mùa Xuân" do chính tôi đem từ Paris về, theo đề nghị của chủ tịch Huỳnh Trung Đồng. Một người tỵ nạn cộng sản

Việt Nam ném một trái lựu đạn khói vô phòng họp. Khi mọi người hốt hoảng bỏ chạy, một người Ba Tư cao lớn được ông Luỹ chỉ định hộ vệ tôi đã nắm lấy tôi đưa tôi chạy ra phía sau trường. Nơi đây, tôi trông thấy cả một nhóm người Ba Tư. Sau đó, tôi được biết sự kết hợp chặt chẽ giữa những người Việt thân Cộng với người Ba Tư ở Mỹ. Người hộ vệ tôi hôm đó nói với tôi:

- Các bạn giúp chúng tôi về vấn đề di trú, thì chúng tôi bảo vệ các bạn khỏi bị bọn vô lại tấn công.

Nói chung. Luỹ thù ghét "đế quốc Mỹ", không ưa người Mỹ, dấn thân và hy sinh cuộc đời, phục vụ cộng sản. Tôi nghĩ hồi còn nhỏ ông cũng đã được cha mẹ yêu thương. Tình yêu đó vẫn nằm trong một góc của trái tim ông. Để tưởng nhớ người mẹ đã già mà ông tin vẫn còn sống ở Hà Nội, ông mở

nhà dưỡng lão ở Montana, California. Ông chăm sóc cho các ông bà già như họ là cha mẹ ruột của ông. Các bữa ăn đều được ông nghiên cứu và nấu nướng cẩn thận cho hợp với người già. Ông còn quan tâm đến cả những khó khăn của họ, để tìm mọi cách cố gắng giải quyết giùm họ.

Ông Luỹ rất ghét và không tin Trương Đình Hùng, đến cái độ ông chụp mũ Trương Đình Hùng đang hoạt động tình báo cho Mỹ; nên ông phải đề phòng để khỏi bị lôi thôi vì Hùng.

Tôi cười và nói thầm:
- Đúng là Hùng đang hoạt động tình báo, nhưng cho Chánh phủ cộng sản ở Hà Nội, chớ đâu phải bên kia. Tôi mới là người hoạt động cho "bên kia", ông ơi!

Sau khi bị loại ra khỏi cấp chỉ huy mới của phe Giải phóng, Nguyễn Thị Ngọc Thoa dọn về Santa Monica ở với chồng. Trương Đình Hùng và tôi bắt đầu gặp nhau thường xuyên. Anh tò mò về việc xuất nhập cảng của tôi, một việc làm để che giấu hoạt động tình báo. Rồi có một lần Hùng đòi tôi phải cho hắn biết tôi buôn bán gì, và lấy vốn ở đâu? Tôi cho anh ta biết việc mua bán của tôi cần rất nhiều vốn, vì đồ sứ và pha lê rất mắc tiền. Bà nội của chồng tôi đã để lại cho đứa cháu duy nhứt rất nhiều tiền khi bà mất. Nhờ vậy, chúng tôi có đủ khả năng tài chánh để buôn bán.

Sau khi nói cho Hùng biết như vậy, tôi cười thầm và ước gì bà nội chồng của tôi giầu thiệt! Không biết Hùng có nghi ngờ gì tôi, hay đó chỉ là tánh tò mò của anh ta, nhưng Hùng hay hỏi đời tư và những hoạt động của tôi. Đó cũng là một điểm lợi

cho tôi, vì tôi có thể hỏi ngược lại Hùng những điều như anh muốn biết về tôi. Một hôm, tôi thử dò anh để biết anh muốn gì trong tương lai. Nếu hai chánh phủ Hà Nội và Mỹ thiết lập bang giao, anh có muốn trở thành trưởng ban tình báo của toà đại sứ không? Tôi biết, anh đang cố gắng tìm một địa vị quan trọng trong chính quyền mới.

Hùng sốt sắng trả lời:

- Về hoạt động tình báo ở nước này, tôi là người xứng đáng nhất.

Hùng còn tử tế nhắc nhở tôi:

- Đó là lý do mà chị và tôi không nên dính líu với Việt kiều yêu nước nữa.

Vào mùa Xuân năm 1976, tôi giữ liên lạc chặt chẽ với Trương Đình Hùng hơn. Anh còn có cái tên là David Trường. Năm ngoái, sau khi chuyển một số sách lớn và tài liệu của Hùng cho Huỳnh Trung Đồng, rồi lại chuyển thơ của Đồng cho Hùng, tôi thành một cán bộ giao liên tin cẩn của cả hai người. Vào giữa tháng Ba năm 1976, Huỳnh Trung Đồng viết cho tôi một lá thơ với nhiều tin vui. Anh vừa mới từ "thành phố Hồ Chí Minh" trở lại Paris. Anh có đến thăm ba tôi. Anh cho biết anh được thẻ đảng viên của đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thơ, tôi nghe được niềm vui, sự phần khởi và hãnh diện của ông chủ tịch.

- "Trong lịch sử của đảng Cộng sản Việt Nam, cho đến nay, tôi là cán bộ đầu tiên và duy nhất đang lãnh đạo hội Ái hữu người Việt ở hải ngoại được cái vinh hạnh này.

Tin Đồng trở thành một đảng viên cộng sản Việt Nam sẽ khiến các nhân viên CIA ở Paris và các chuyên viên phân tích ở Langley quan tâm đặc biệt. Nó không phải là một sự kiện đơn giản chỉ có ý nghĩa tầm thường rằng Huỳnh Trung Đồng đã được mang thẻ đảng viên. Địa vị và nhiệm vụ của anh phải quan trọng đến thế nào đối với nhà nước Việt Nam trước và sau năm 1975.

Cũng trong lá thơ này, Đồng yêu cầu tôi ráng hết sức bay qua Paris vào tháng Năm để gặp các đại biểu của các tổ chức Việt kiều hải ngoại khắp nơi, gồm có: London, Rome, West Germany và Mỹ. Còn một điều hấp dẫn nữa, theo ông, thì thủ tướng Phạm Văn Đồng có thể sẽ nói chuyện với các đại biểu trong hội nghị này. Lạ một điểm, là anh biểu tôi cho Trương Đình Hùng biết, nếu tôi có thể đi được.

Tôi không phải nói tới lần thứ hai, cả Rob lần Bill đều nghĩ rằng tôi nên đi Paris, vì có lợi cho cả CIA và FBI. Thế là tôi phải sửa soạn đi Paris ngày 22 tháng Tư.

Cũng ngày hôm đó, tôi cho hai ông biết tôi đã gặp David Trường để báo cho hắn biết tin tức qua lá thơ của Đồng. Tôi chăm chú nhìn Hùng để dò xét phản ứng của anh ta, nhưng dường như Hùng đã biết tin đó trước tôi rồi. Anh cũng biết cả tin thủ tướng Phạm Văn Đồng sẽ sang Paris. Nhưng điều quan trọng hơn hết, là Hùng cho tôi biết sắp có buổi họp giữa một phái đoàn ngoại giao Hoa Kỳ với một nhóm từ Hà Nội qua. Tôi tỏ vẻ tự nhiên, nhưng sự thật tôi chưa biết tin này; mà tôi chưa biết thì CIA cũng chưa biết.

Trong bữa ăn trưa hôm đó. Hùng nói với tôi, anh sẽ

nhờ tôi mang một số tài liệu sang Pháp. Kỳ này anh nhắc đi nhắc lại cẩn thận dặn tôi là trao tài liệu cho Huỳnh Trung Đồng, đừng trao cho Phan Thanh Nam. Hùng còn khoe với tôi là ở Washington, hoạt động tình báo rất dễ dàng, nếu mình biết tiếp xúc đúng người. Hùng có biết một người Mỹ "có thể lên lầu bảy của Bộ ngoại giao và muốn lấy gì cũng được".

Đây là cái tin có thể làm cho ông Giám đốc FBI Clarence Kelley và ông thứ trưởng ngoại giao Warren Christopher chạy vắt giò lên cổ trong những tháng sắp tới. Cái tin này cũng đưa nghề phản gián của tôi đi qua một khúc quanh thật chông gai.

Hai ngày trước khi tôi bay qua Paris, tôi lái chiếc xe Bronco ra ngoài Washington để lấy "đồ" mà

Hùng nhờ tôi đem qua Paris. Tôi ghé ngay trước cửa sổ của anh ở đường K; ba chiếc xe chạy sau tôi là xe của FBI theo dõi. Hùng đưa cho tôi một bao thơ lớn mầu vàng, thật nặng; bao thơ này Hùng dặn đưa cho Huỳnh Trung Đồng; và một bao thơ nhỏ dài, đưa cho Phan Thanh Nam. Bữa sau, Hùng lại gọi tôi, muốn tôi trở ra phố gặp anh "cùng chỗ, cùng giờ" để lấy thêm một món nữa. Hùng nói lý do làm tôi đi lại nhiều lần, vì anh thận trọng, không muốn tôi giữ trong xe nhiều tài liệu trong một chuyến; trong bao thơ kỳ này, anh không muốn tôi giữ quá lâu trước ngày tôi lên đường đi Paris.

Thì thôi. 12 giờ 15 ngày 21 tháng 4 tôi trở lại đường K, lần này tôi đi bằng chiếc xe khác. Tới phiên tôi cẩn thận, vì tôi nghe có lần Hùng nói, anh có gặp một thằng Liên Xô trên bậc thang đi lên quốc hội, và "mấy thằng Liên Xô đòi hỏi quá

nhiều”. Tôi nghĩ, trong kiếp làm gián điệp Hùng có đổi chác với một thằng gián điệp Liên Xô, còn trong những bao thơ Hùng trao cho tôi là những tài liệu mật của an ninh quốc gia Hoa Kỳ.

Tôi vừa đưa cho Bill Fleshman những bao thơ của Hùng, nói:

- Anh đừng hỏi tại sao tôi biết nó là tài liệu mật; giác quan thứ sáu của tôi hay lắm.

Bill bắt đầu xúc tiến mọi thủ tục để xin Bộ tư pháp cho FBI mở thơ của Trương Đình Hùng chuyển cho cộng sản ở Paris. Sáng 22 tháng 4, tôi thất vọng vô cùng khi Bill Flesh đem tất cả bao thơ trả lại cho tôi, vẫn còn dán kỹ như hồi Hùng đưa cho tôi. Anh cho biết bánh xe hành chánh chạy chậm không kịp trước khi cho tôi lên đường đi Paris.

- Thì tôi đổi chuyến đi này. Có ai nói tôi phải đi tối nay đâu?

Không biết FBI nghĩ sao, mà Bill khuyên tôi nên đi theo lộ trình. Hai giờ chiều đó, tôi có mặt tại phi trường Dulles, trong khi ngồi chờ máy bay, tôi nghe máy phóng thanh kêu tôi, yêu cầu tôi đến quầy bàn giấy của Pan Am. Tôi đi lại thì thấy Rob đứng sắp hàng, tay không có xách va-li nhưng cầm tờ báo. Tôi bước vô đứng xếp hàng sau lưng anh. Anh đưa xem đồng hồ và lẩm nhẩm nói: “Bỏ chuyến bay này. Đi về nhà nhanh lên!”

Về tới nhà, thì mấy phút sau Rob và Bill ghé qua, lấy cả ba bao thơ, rồi dặn tôi ở nhà chờ lịnh trên. 4 giờ 45, Rob cho biết anh và Bill sẽ đem “đồ” trả lại cho tôi. Anh kêu tôi gọi về máy bay Pan Am để đi TWA vào 6 giờ 20 tối đó.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, tôi học được nhiều bài học của má tôi và của người tỵ nạn. Một trong những bài học quý giá đó, là học được tánh thích ứng trong mọi hoàn cảnh. Tôi trả lời Rob "Đi thì đi", trong khi Rob xin lỗi luôn miệng, vì suốt ngày đó họ đã quay tôi như cái chong chóng.

Tôi đến Paris, trời sáng còn lạnh thấu xương. Đây là lần thứ hai trong đời, tôi có mặc cảm như người phạm pháp, khi đứng chờ hải quan xét va-li. Lần thứ nhứt, là từ Sài gòn về Mỹ năm 1974, tôi lén đem qua Mỹ cây Lá Cẩm; kỳ đó qua lọt, nhờ vậy mà sau này nhiều người Việt Nam ở Hawaii trồng Lá Cẩm, xôi Cẩm bắt đầu xuất hiện trong bếp của những chị bạn khéo tay tôi ở Hawaii. Hôm đó tại phi trường Orly, hầu như tất cả mọi người, trừ mấy ông bà già, đều phải mở hành lý cho nhân viên quan thuế kiểm soát. Trong khi loay hoay mở cái

va-li lớn và nặng trĩu trước mặt nhân viên quan thuế, tôi suy nghĩ lung tung kiếm một lý do giải thích về hai bao thơ đầy những bí mật quốc gia. Tôi sẽ khai, tôi là sinh viên về khoa học chánh trị, nghiên cứu về nhân chủng học và Việt Nam là môn chánh của tôi. Nếu không tin, họ có thể làm khó dễ tôi. Lúc đó, tôi phải kêu điện thoại khẩn cấp cho CIA; chúng tôi chưa bao giờ đề cập tới chuyện khẩn cấp này.

Bao nhiêu lo lắng từ nãy giờ uổng sức, vì nhân viên hải quan chỉ hỏi biên lai của cây thuốc lá Black Russian tôi mua cho đại sứ Võ Văn Sung; tôi nghe anh Thái nói ông thích thuốc lá hiệu đặc biệt này. Một tiếng đồng hồ sau, taxi đậu ngay trước cửa khách sạn Intercontinental. Người gác cửa mau mắn tới mở cửa taxi cho tôi ra phía sau đón lấy va-li của tôi từ tay người tài xế. Tôi mệt lả người,

nhưng phải ghé qua cái quầy để ghi tên, lấy phòng. Mùi thơm từ phòng ăn bay ra làm tôi đói bụng. Ăn thì tôi chờ được, nhưng bây giờ tôi cần đi ngủ, vì suốt 24 tiếng đồng hồ tôi làm việc không ngưng. Gián điệp cần ngủ kỹ mới tỉnh táo để chuẩn bị tinh thần. Trước mặt những cán bộ cộng sản, tôi là "phe ta" của họ, tôi phải suy nghĩ như họ để nói bằng ngôn ngữ của họ. Như con cắc ké, tôi chuyển từ một người con gái Việt Nam da vàng ngạo nghễ qua một người đầy tớ của đảng và nhà nước.

Một giờ trưa, Rob gọi điện thoại. Anh hỏi:

- Tôi có đánh thức bà không vậy?

- Có chớ sao không!

Tôi trả lời quạu đeo. Hồi con ở nhà, má và chị em,

ai cũng biết cái tánh xấu của tôi, nên một lần tôi nhờ bất cứ ai trong nhà đánh thức giùm, không ai thèm nhận việc đó. Má tôi hay nói “đứa nào dại lắm mới đánh thức cọp”.

Nhưng rồi tôi thức dậy, sửa soạn để bắt đầu công tác. Theo quy tắc, Rob luôn luôn gặp tôi xem có gì thay đổi bất thường trong chương trình của tôi không. Hai mươi phút sau đó, tôi gặp anh vài ba phút rồi tôi bắt đầu chuyến đi Paris bằng một bữa ăn trưa trong một quán café xinh xắn ở Rue de Rivoli; sau đó đi taxi thẳng tới gặp Phan Thanh Nam.

Trước khi ra khỏi phòng, tôi đã tìm nơi an toàn để giấu ba cái bao thơ. Cái duyên, là nhờ khách sạn đang sửa chữa, máng quần áo có một lỗ trống nhỏ đủ để người thợ điện bò vào mở miếng ván tạm đậy

lỗ trống trong bức tường, thì phía trong tối như đêm, dây điện chẳng chịt. Tôi nghĩ, hôm nay là ngày Chúa Nhựt không có thợ nào làm việc. Tôi để ba cái bao thư trong đó, đậy lỗ trống lại, rồi đem quần áo trong va-li máng đầy lên.

Tôi cố ý chớ không phải vô tình mà không báo cho Phan Thanh Nam biết giờ nào tôi đến gặp ông. Ông chỉ được báo khoảng thời gian từ 20 tới 25 tháng Tư tôi sẽ tới Paris. Tôi muốn biết Nam làm gì trong một buổi chiều Chúa Nhựt. Nếu ông vẫn ở nhà, thì tôi có thể gặp bất cứ ai trong cơ quan đó. Bây giờ, ai sống trong cơ quan này cũng đã biết tôi rồi; may ra ghé vô đó để nghe chuyện thâm cung bí sử trong lúc đợi ông về. Nhưng cái duyên chưa tới, mà tôi chỉ làm Nam giựt mình khi tôi nhấn chuông, ông ra mở cửa thấy tôi. Trong tay ông còn quyển "Cộng sản học".

Chắc ông cũng như tôi, bỏ qua những lịch sự trong cách giao thiệp hàng ngày: tôi không gọi ông trước khi tôi tới, thì ông cũng không hỏi qua loa về sức khoẻ gia đình tôi, mà ông rối rít hỏi tôi có làm những công tác ông giao phó không?

Tối hôm đó, tôi gọi Huỳnh Trung Đồng, cho anh biết tôi đã tới Paris. Không như Phan Thanh Nam, Huỳnh Trung Đồng luôn luôn lịch sự, hoà nhã. Anh hỏi thăm sức khoẻ má tôi, gia đình tôi. Anh hỏi tôi đi đường xa có mệt lắm không. Sau đó anh mới hỏi chừng nào tôi đến gặp anh. Tôi cho anh biết, sáng hôm sau tôi sẽ ghé qua hội quán gặp anh. Anh ngập ngừng hỏi tôi:

- Cô tới sáng sớm. Vì … vì chúng tôi cần tài liệu đó lắm.

Tôi hẹn gặp anh 10 giờ sáng.

Sáng hôm sau tôi sửa soạn xong, chui vô cái cửa sau lưng tủ áo, lấy gói tài liệu bỏ vô cái bóp có máy ghi âm.

Nhiều lần vợ chồng tôi đi săn, anh John dậy tôi bí quyết săn nai. Trước hết là phải ăn điểm tâm, phải kiên nhẫn, chú ý tới những thói quen của bầy nai như: nó ra ăn giờ nào, uống nước chỗ nào. Phải ngồi trên cây chờ đợi có khi cả năm, sáu tiếng đồng hồ mà không được nhúc nhích. Hôm nay, tôi không có săn nai, mà săn cán bộ Cộng sản, xem "chúng tôi" của Huỳnh Trung Đồng là những ai. Tôi chờ họ ngồi đâu vào đó, rung đùi chờ tôi, chừng đó tôi mới thấy được hết mặt mấy ông quan cách mạng. Vì thế, tôi chần chờ một lát, ghé qua mua tờ báo, tìm một tiệm cafe, ăn điểm tâm, chuẩn bị tinh thần.

Tôi tự dặn mình rằng, tôi đang làm một công tác cho an ninh quốc gia của Hoa Kỳ, một việc làm nguy hiểm, chứ không phải tôi là du khách ghé qua Paris để tận hưởng mùa Xuân Paris. Việt Cộng, KGB, phản gián Tây có thể theo dõi tôi từng giờ từng phút. Họ có thể chụp hình, họ có thể giả dạng ăn cắp, ăn mày, mà giựt bóp tôi. Dù vậy, tôi luôn luôn đi đứng tự nhiên, không để bị chú ý. Uống cafe xong, tôi thong thả gọi taxi tới hội quán của hội Việt kiều yêu nước.

Sáng nay, trước cửa trụ sở của hội Việt kiều yêu nước vắng hơn mọi khi; không có sinh viên và mấy ông bà già Việt kiều yêu nước, dù trong trụ sở có nhiều người hơn mọi khi. Con chó vàng thường nằm ngủ trước cửa hội quán, hôm nay có vẻ ngồi đứng không yên. Nó đứng chặn cửa nên tôi không

dám bước vào, người quản gia phải đá bên hông nó, nó mới tránh đường cho tôi đi vô.

Huỳnh Trung Đồng dẫn tôi vô phòng học tập, có ba người đàn ông trạc 40, 50 và một người đàn bà cũng trạc tuổi đó. Tất cả mặc đồng phục mầu xám, nhìn vào là biết mầu xã hội chủ nghĩa Hà Nội liền. Tất cả đều đeo hình Hồ Chí Minh trên người. Anh Đồng giới thiệu mọi người, cuối cùng là "chị Vân". Được biết trước kia chị là phụ tá của bà Nguyễn Thị Bình trong thời gian hội đàm Paris. Thì ra, chị này đã phục vụ bà Bình, đã làm việc và sống trong cái villa mà ba má tôi đã đến đó ở một lần. Chị đón bắt tay tôi, và nói:

- Tôi kính trọng bác Năm ba cô lắm. Bác dậy tôi rất nhiều.

Trên vẻ mặt hân hoan của mọi người, tôi biết tất cả đang chờ một điều gì, một cái gì, mà bây giờ nó đã đến. Tôi nghĩ họ chờ tôi; đúng hơn, họ chờ tài liệu của Trương Đình Hùng do tôi mang tới. Tôi trao cho anh Đồng cái bao plastic đựng ba cái bao thơ.

- Em có đem quà cho anh đây!

Vừa nói tôi vừa bấm cái nút “ghi” của máy ghi âm trong bóp của tôi. Anh Đồng nhanh nhẹn nhận lấy bọc plastic. Anh nói: “Cô đến thật là đúng lúc”. Anh liền đưa một trong những cán bộ cái bao thơ dầy nhứt. Ông như một đứa trẻ mở qu à Giáng Sinh, trong khi ba người kia hăm hở chờ. Anh Đồng dẫn tôi qua phòng khác để họ làm việc. Tôi thấy chị Vân trợn mắt rồi kêu lên:

- Trời ơi, chắc chúng ta phải mất ít nhứt năm tiếng

đồng hồ để chuyển ngữ đống tài liệu này!

Tôi vừa nhìn anh Đồng vừa cười thầm:

- Chị có muốn lần sau thông dịch viên của FBI dịch cho chị trước khi tôi đem qua không?

Anh Đồng không ngớt cảm ơn tôi. Anh còn cho biết là anh sẽ báo cáo với "những người có trách nhiệm bên nhà" về những đóng góp "to lớn" của tôi.

- Chừng nào phái đoàn của mình gặp phái đoàn của Mỹ? - Tôi hỏi.

- Sắp sửa. Khi nào thuận lợi cho bên ta thôi. Chúng ta sẽ được báo trước. Cô tới quá kịp thời, đúng lúc". Vừa nói anh vừa quay lưng lại chỉ vào bốn

người cán bộ đang chia nhau tài liệu của Trương Đình Hùng gởi qua cho họ. Tôi chưa bao giờ thấy anh Đồng cười; vậy mà hôm nay anh vui ra mặt.

- Vậy thì bên mình sẽ nói cái gì với họ hả anh Đồng? - Tôi ngây thơ hỏi anh.

- Chung quanh vấn đề Mỹ phải giữ lời hứa của tổng thống Nixon. - Huỳnh Trung Đồng nhắc lại việc bồi thường chiến tranh ba tỷ rưỡi dollars sau khi chiến tranh chấm dứt, anh tiếp tục - để hàn gắn vết thương của chiến tranh gây nên!

Tôi nhủ thầm:

- Vết thương chiến tranh trên xứ mình gây tổn thất gấp trăm ngàn lần ba tỷ rưỡi dollars là do cộng sản gây ra, chớ Nixon nào gây ra mà đi đòi tiền Mỹ?

Mỗi lần Cộng sản và những người phản chiến nhắc đến những đổ vỡ, những thiệt hại do chiến tranh gây nên, họ đều có lập luận giống nhau. Tất cả đều đổ lỗi cho “đế quốc Mỹ”. Đã một lần tôi nói với ba tôi, là suốt thời gian chiến tranh, miền Nam ở trong thế thủ để bảo vệ mảnh đất tự do, trong khi Hà Nội ở thế tấn công. Liên Xô và Trung Cộng viện trợ cho Hà Nội nhuộm đỏ miền Nam. Vậy thì ai là người gây thiệt hại trong cuộc chiến này? Ba tôi chỉ nói:

- Con không hiểu.

Tôi trả lời ba tôi:

- Con là con nhà họ Đặng, nhưng được họ Trần nuôi dậy, chớ đâu phải cháu ngoan của bác Hồ, nên con hiểu nhiều lắm, ba à!

Tôi biết ba tôi thương tôi lắm, và tôi là người làm rắc rối cho ông hơn "đế quốc Mỹ".

Phan Thanh Nam muốn xài tôi như người ta xài trái chanh, trong khi Huỳnh Trung Đồng thì cư xử với tôi như người ta vun vén cây chanh. Ở anh Đồng, cái thiện nó có trong tâm anh, nhưng cái lẹ nó ở trong hành động của anh. Má tôi biết, sau khi trở về Việt Nam nhận thẻ đảng viên của đảng Cộng sản, anh trở lại Paris hai vai mang nặng nợ nước nhiều hơn thời kỳ "chống Mỹ cứu nước". Huỳnh Trung Đồng chưa sống dưới chế độ Cộng sản một ngày nào trước 75. Suốt thời gian chiến tranh, anh phục vụ Mặt trận giải phóng tại Paris; về Việt Nam một tháng, khi trở qua Paris, anh như người bị mất hồn. Anh kể cho tôi nghe, anh xuất thân từ một gia đình khá giả ở Nam, nên anh được du học. Chị của anh là một quả phụ, tháng 4-1975, chị phải "dâng hiến"

tài sản cho nhà nước, không còn nơi nương tựa, nên dọn về ở với ba của chị. Cũng là dịp ông đau nặng không còn tiền, không đủ "tiêu chuẩn" đi nằm nhà thương. Khi về nhà, thấy tình cảnh gia đình thê thảm quá, anh tôi gặp ba tôi, nhờ ông giới thiệu với chính quyền thành phố, nâng cao tiêu chuẩn của ba anh lên bậc "có công với cách mạng" (có công vì ông là ba của Huỳnh Trung Đồng). Ngay sau đó, ba của anh Đồng được đưa vào nhà thương chữa trị. Anh không ngớt nhắc đến sự giúp đỡ của ba tôi. Trong khi tôi chỉ trích nhà nước, anh Đồng khéo léo: "Rồi đâu sẽ vào đó!".

Hôm đó, anh Đồng cho tôi cái giấy mời để được đi xe cùng với Việt kiều ra phi trường đón thủ tướng Phạm Văn Đồng. Chuyến công du này, trước tiên là thiết lập tình hữu nghị với nước Pháp. Ông cũng sẽ gặp các đại biểu của tất cả hội Việt kiều yêu nước ở

mọi nơi, để mở đầu cho chiến dịch ngoại vận. Những hội viên, những đại biểu nào mà trước đó không được về Việt Nam một lượt với Huỳnh Trung Đồng, vì lý do chưa có đủ giấy tờ để du lịch - trường hợp những người tỵ nạn mới, chưa có thẻ xanh, trong đó có những sinh viên du học, được gặp thủ tướng trong chuyến công du này.

Tôi nhận cái giấy của anh Đồng, nhưng tôi không có leo lên xe bus ra phi trường phất cờ đỏ sao vàng đón ông, mà tôi cần thấy sắc thái của ông thủ tướng già để báo cáo với CIA thôi. Có giấy mời đó, tôi được đi vào toà đại sứ để dự buổi tiếp tân, nhưng tôi lại đứng sắp hàng với mấy trăm người trước toà đại sứ. Ông Phạm Văn Đồng ra trước cửa toà đại sứ nói mấy câu chào mừng Việt kiều, hai tay nắm vào nhau đưa lên mặt không có thần, mặt nặng như chì, không nhếch mép cười với những tiếng vỗ tay của

đám người chờ sắp hàng hơn một tiếng đồng hồ, trong đó có tôi, có Việt kiều đã sinh sống trên đất Pháp suốt đời, có lính Lê dương, có mấy người Corsican với mấy bà vợ Việt Nam, ông Phạm Văn Đồng nói tình bạn giữa hai quốc gia rất quan trọng cho hai dân tộc Việt-Pháp, vì vậy chuyện cũ bỏ qua, lỗi lầm tha thứ hết. Tôi thầm trong bụng "Tây nó bắn, nó giết, nó đâm nó dầm dân tộc Việt Nam, nó không hề hấn gì, ông bới bỏ lịch sử đó để đi ăn mày được, chớ Việt Nam của tôi không tha thứ, cũng không quên tội lỗi của đồ thực dân này đâu!". Phạm Văn Đồng xuất hiện có mấy phút rồi trở vào trong toà đại sứ.

Chuyến công tác này, tôi ở Paris 18 ngày. Mười tám ngày Xuân đẹp hơn trong những tác phẩm đã ca ngợi mùa xuân ở Paris, nhưng tôi chỉ được hưởng khi tôi biết cách làm cho ngày dài hơn 24

tiếng đồng hồ, vì tôi làm việc từ 10 giờ sáng tới 12 giờ khuya. Tôi tìm gặp người tỵ nạn, tâm tình với người Sài gòn vừa chạy qua Paris. Tôi gặp Cộng sản Hà Nội, tôi thăm dò tình ý người của Mặt trận giải phóng miền Nam. Tôi được tới nhà những người Việt Nam đã sinh sống ở Paris, đã nhiệt tình ủng hộ Mặt trận giải phóng qua nhiều giai đoạn, nhưng sau 1975 họ mới thấy rõ bộ mặt thật của cộng sản Hà Nội. Những anh chị em này lập thành một nhóm để cùng nhau tẩy chay chế độ mới. Trong khi đó, hàng ngày tôi phải liên lạc, báo cáo với CIA. Nhưng không vì vậy mà Paris không mùa xuân.

***

Trong thời gian tôi công tác ở Paris, ở nhà, FBI điều tra rối rít để tìm ra danh tánh người bạn Mỹ

của Trương Đình Hùng, người mà anh đã một lần khoe với tôi là ông ấy có thể lên lầu 7 Bộ ngoại giao lấy tài liệu mật cho anh ta.

Thời điểm đó Bộ tư pháp không được phép mở thơ, không được nghe lén, không được đặt máy ghi âm người bị điều tra, nếu người đó là công dân Mỹ hay thường trú nhân. Chỉ khi nào cơ quan điều tra có đủ bằng cớ, thì cuộc điều tra mới được tiến hành đến giai đoạn này.

Trường hợp của Trương Đình Hùng, FBI và Bộ tư pháp đã ra toà xin phép điều tra anh bằng cách nghe lén điện thoại của anh, những toà không cho. Sau đó, ông bộ trưởng Bộ tư pháp là ông Griffin Bell trình lên tổng thống Jimmy Carter. Hai ông cùng là người xuất thân từ tiểu bang Georgia. Ông Griffin Bell lớn tuổi hơn tổng thống Carter, là một

vị luật sư nổi tiếng thế giới, giầu kinh nghiệm. Ông đã từng phục vụ nhiều tổng thống nước Mỹ trong thời gian ông Carter còn là sĩ quan hải quân. Tổng thống Carter đã mời ông Griffin Bell giữ chức bộ trưởng Bộ tư pháp khi ông đắc cử tổng thống. Ông Griffin Bell đích thân đến Toà Bạch ốc gặp tổng thống Carter để trình bày một vấn đề có liên quan đến an ninh quốc gia. Tổng thống Carter lắng nghe và cho phép Bộ tư pháp mở cuộc điều tra Trương Đình Hùng với những kỹ thuật của ngành phản gián. Đây là lần đầu tiên Toà Bạch ốc cho phép ban phản gián dùng máy móc và nhân lực để điều tra thường trú nhân và người có quốc tịch Mỹ.

Bill Fleshman cho biết Trương Đình Hùng xài điện thoại liên miên, cho nên người thông dịch viên của FBI phải làm việc ngày đêm. Chỉ có mấy ngày nghe điện thoại của Trương Đình Hùng, FBI lấy

được tên của người bạn Mỹ của Hùng. Ông ta tên là Ron. Một hôm, Hùng biểu Ron tới gặp anh ở chung cư anh đang ở. Tên Mỹ là tên Ron cũng như người Việt Nam tên Hồng, tên Hùng, tên Dũng… bây giờ FBI phải biết Ron họ gì mới tiếp tục điều tra xem người bạn đó của Hùng là ai?

Tối 13 tháng Năm, nhân viên FBI ngồi trong xe "van" ngang cửa chung cư của Hùng ở, thì thấy có một người Mỹ đi vô. Một lát sau ông đi ra và đi bộ. Những chiếc xe của FBI đổ xua ra một cách kín đáo, theo gót ông đi thẳng vô Bộ ngoại giao. Nhân viên ra vào Bộ ngoại giao phải ký tên vào sổ ngoài cổng có lính gác. Khi ông Mỹ ký tên vào, thì một chiếc xe khác trờ tới, cũng đưa thẻ, cũng ký tên vào sổ, nhưng thẻ đó là thẻ của nhân viên FBI. Người này yêu cầu người gác cho xem tên của người vừa ký để vô cửa. Đó là Ronald Louis Humphrey, nhân

viên của U.S. Information Agency, ghi là ông lên văn phòng trên lầu 7. Bingo!

Sau đó, Bộ tư pháp cho phép ban phản gián của FBI gắn máy chụp hình trong văn phòng làm việc của ông. Gắn máy ghi âm luôn trong apartment của Trương Đình Hùng.

Cuộc điều tra bắt đầu diễn ra trong khi tôi vắng mặt. Tôi chỉ biết được sau ngày tôi trở về Mỹ. Họ còn cho tôi biết người bạn của Trương Đình Hùng là một nhân viên cao cấp Bộ ngoại giao, cấp bực GS-14, ông có "top secret clearance".

Trước khi tôi rời Paris, Phan Thanh Nam đưa cho tôi một bì thơ dán kín. Ông bộ trưởng Bộ tư pháp được tổng thống Carter cho phép mở thơ đó. Phan Thanh Nam viết: "Tôi hoan nghinh cách anh sắp

đặt công việc làm ăn… Đôi khi chúng ta cũng phải dùng tới sự lừa đảo và dối trá nhau”. Chúng tôi không hiểu Nam khuyến khích Hùng lừa đảo ai, dối trá với ai, nhưng khi Hùng mở thư, anh vừa đọc vừa mỉm cười.

Hùng cười tươi hơn, khi tôi cho anh biết là sự đóng góp của anh tối quan trọng; anh đưa tài liệu cho tôi đem qua Paris, vừa kịp thời, vừa giúp ích cho cuộc hội nghị giữa Mỹ và Hà Nội. Tôi nói lại cho anh biết, anh Huỳnh Trung Đồng nhắn với anh, là anh nên tiếp tục công tác hăng say. Anh Đồng cũng dặn anh “phải giữ sức khoẻ”.

Khi tôi nhắc đến “giữ gìn sức khoẻ”. Hùng liền hỏi tôi có luật sư không? Khi tôi trả lời là không, thì anh khuyên tôi nên có sẵn một luật sư giỏi. Anh

còn nói là trong “nghề nghiệp” của tôi và anh, nên có một luật sư phòng khi hữu sự.

Một hôm, anh mời tôi đến nhà anh vào ngày Chúa Nhựt uống trà. Chúa nhựt đó là Father's Day, John dẫn Lance đi câu cá, nên rỗi rảnh. Nhà của Hùng ở đường F ngoại ô Washington, D.C, phòng anh ở sạch sẽ, yên tĩnh. Trong phòng không có cây, không có hình, không bông hoa, mà chỉ có sách và báo chí. Thế giới của anh ở không có mầu, không có sự sống, không có tiếng động, chỉ trừ một lát sau, tiếng nước sôi trên cái ấm nước anh nấu để pha trà là tiếng kêu quen thuộc.

Tôi nhìn quanh căn phòng của một người sống đời sống bóng tối, chờ đời sống hào quang, đời sống của một điệp viên cộng sản. Tôi nghĩ đến Hải Vân em tôi, và cuộc sống đầy ý nghĩa của em trước khi

em tử nạn. Trong giây phút đó, cái thiện của con người tôi muốn bước ra nắm tay Hùng, biểu anh hãy bỏ tất cả. Hãy rước ba má của anh ra khỏi Việt Nam. Tôi muốn nói, anh nên ra khỏi cái thư phòng, đi tìm việc làm xứng hơn với học vấn của anh. Cha mẹ anh đã nuôi anh khôn lớn, cho anh du học, tổn hao biết bao nhiêu tiền, nuôi biết bao là hy vọng. Tỉnh dậy đi Hùng, không thôi anh sẽ thức với cơn ác mộng!

Chúng tôi ngồi uống trà. Tôi cố không khơi chuyện về việc làm của anh, bởi vì tôi biết phòng anh đang ở bây giờ đã có gắn máy ghi âm. Nhiều đêm tôi nằm nghĩ, làm gián điệp không phải là nghề của tôi, mà là cái nghiệp, bởi vì tôi cứ bị cái thiện và cái ác vật lộn với nhau trong lương tâm hoài, làm cho tôi mất trí quá.

Tôi báo cho Hùng biết là chồng tôi vừa được sự vụ lịnh đi qua London. Tôi không đọc được ý nghĩ trên mặt Hùng về việc tôi sẽ rời Washington, mà anh lại dặn tôi trước khi rời Washington, anh nhờ tôi lấy thêm tài liệu đem qua Paris giùm anh.

Hùng gặp tôi vào buổi tối sau giờ làm việc để đưa cho tôi tài liệu. Ban đêm một mình ra Washington rất nguy hiểm, nên anh vô Virginia gặp tôi. Chúng tôi gặp nhau tại bãi đậu xe trước cửa The Hetch Company trong Landmark Shopping Center. Hùng bưng ra một bọc loại bọc giấy ở chợ, đầy giấy tờ trong đó.

Sau khi nhận gói hồ sơ rồi, tôi định chia tay Hùng, thì anh đề nghị ghé vô một quán nước uống café và nói chuyện trước khi chia tay. Khi chia tay, Hùng bắt tay tôi và chúc tôi bình an. Giòng máu Con

Rồng Cháu Tiên trong cơ thể làm cho tôi trắc ẩn trong lòng. Hùng là người Việt Nam dù anh làm gián điệp cho cộng sản, anh cũng mang giống máu da vàng. Tôi thương hại Trương Đình Hùng vô cùng, vội choàng tay lên với Hùng, rồi nghẹn nói:

- Hùng giữ gìn sức khoẻ nhen. Hết giặc rồi, hứa với tôi là Hùng nghỉ ngơi. Lên Boston thăm anh Ngô Vĩnh Long như Hùng mơ ước đi hoài mà chưa đi được đó.

Tôi chạy ra xe của tôi trong khi Hùng đứng nhìn theo.

Tôi cảm thấy tội lỗi với một người vừa chia tay tôi, người đứng nhìn cho tôi lên xe an toàn, rồi anh mới lên xe anh. Trong khi đó, tôi liếc thấy có vài ba chiếc xe của toán FBI gần đó. Tôi cố tình chạy hết

tốc độ để không phải suy nghĩ hoàn cảnh éo le, để lương tâm không cắn rút, để thương hại Hùng.

Như đã hẹn trước với FBI, tôi chạy về Springfield, Virginia, đậu sau lưng khách sạn Holiday Inn. Bill Fleshman và toán nhân viên FBI mở cửa bốn chiếc xe, đi đến gặp tôi. Tôi đưa gói đồ Bill rồi nói:

- Mấy anh và Mme Ly làm gì thì làm với mấy hồ sơ này! Tôi không muốn thấy mặt nó nữa.

Tôi lái xe về nhà. Trời không mưa, nhưng mắt tôi ướt.

Chương 42

Hải quân và CIA đã hợp tác với nhau, với sự đồng ý của chồng tôi, đổi anh qua Luân Đôn làm việc, vì những hoạt động giữa tôi và CIA tại nước Mỹ trái nguyên tắc. Trong thời gian qua, cứ ba tháng CIA phải xin gia hạn với Bộ tư pháp, cho phép CIA và tôi hoạt động trong nước Mỹ. Gửi tôi ra nước ngoài để hoạt động là thượng sách.

Tháng 7 năm 1977, má tôi và Minh Tâm về Atlanta, Georgia với chị tôi. Xe tải tới dọn nhà, đóng thùng bàn ghế, 90% đồ trong nhà đem gởi trong kho; khi nào chúng tôi đổi về Mỹ sẽ lấy ra. Khi qua Luân Đôn, Hải quân sẽ cho chúng tôi mướn bàn ghế xài trong thời gian ở đó. Con chó Moon Joe của Lance tạm thời gởi cho vợ chồng của

một người bạn nuôi giùm trong thời gian chúng tôi đi vắng. Tội nghiệp con tôi, khóc một trận lúc chia tay con chó. Nhưng rồi Lance cũng tạm quên con chó, khi nó biết ở Luân Đôn có tiệm bán đồ chơi Hamleys lớn nhứt thế giới; vậy là từ ngày đó Lance cứ theo hỏi "chừng nào mình đi Luân Đôn?"

Hải quân đã đưa chúng tôi đi nhiều nơi, sống nhiều chỗ, nơi nào cũng là nhà, nơi nào cũng sống gần gũi với những gia đình hải quân những người đặt tổ quốc trên hết, sống với nhau trong tinh thần phục vụ và bảo vệ đất nước. Nhưng chuyến công du ở Luân Đôn lần này để lại nhiều kỷ niệm cho gia đình tôi, mà tới chết cũng không quên được. Đây cũng là nơi một lần nữa thử thách lòng yêu nước, yêu tự do và chung thuỷ của gia đình tôi. Nơi đây, tôi đã trưởng thành qua những chông gai, thử

thách, ngoài sức tưởng tượng của một người con gái lớn lên trong vùng giải phóng.

Một tuần sau khi chúng tôi dọn vào một cái nhà xinh đẹp ở số 8 Regal Lane vùng Regent Park, nhà của một sĩ quan không quân người Anh đang làm việc tại toà đại sứ Anh ở Washington, chồng tôi dẫn Lance ghi tên để Lance đi học lớp ba ở American School of London. Một đêm, tôi chiêm bao thấy Rob và Bill tới nhà hỏi tôi có chịu ra toà làm chứng khi Bộ tư pháp truy tố Trương Đình Hùng không? Sáng thức dậy, tôi kể cho John nghe; anh cười tôi, vì tôi làm gián điệp từ ban ngày cho đến giấc ngủ.

Một tuần sau. Bill Fleshman và Rob Hall đến gõ cửa nhà tôi. Vừa thấy Bill, tôi nói:

- Anh đừng có nói với tôi là người ta muốn bắt David Trường" (tên Mỹ của Trương Đình Hùng).

Tôi mở cửa, không chào hai người.

Cả hai cùng sửng sốt.

- Trời ơi, tôi thức hết nửa đêm để lựa lời tới đây nói chuyện với bà. Bà làm cho công việc của tôi dễ dàng quá! Tôi tới đây chính là với sứ mạng đó.

Chúng tôi mời Rob và Bill vào nhà. Tôi chưa muốn nghe hung tin này, nên chần chờ làm cafe. Khi mọi người ai nấy đã có ly café của mình rồi, thì Bill tằng hắng, bắt đầu cho biết là Bộ tư pháp gởi hai anh cùng hai luật sư của CIA và Bộ tư pháp tới gặp tôi, nói rõ cho tôi biết họ cần tôi hợp tác trong việc

truy tố Trương Đình Hùng và Ronald Louis Humphrey, nhân viên cơ quan USIA.

Cuộc gặp gỡ chỉ kéo dài không hơn 20 phút. Rob và Hill hẹn sẽ gặp lại chiều đó ở một cái nhà bí mật của CIA; khi đó tôi sẽ gặp hai người luật sư của CIA và FBI. Tôi muốn có thì giờ để suy nghĩ và chuẩn bị tinh thần, nên tôi dời lại đến sáng hôm sau. Bill đồng ý.

Đêm đó tôi thao thức đến 2 giờ sáng. Sự lựa chọn nó lớn hơn tôi bằng nhiều hình thức. Nó không giản dị nnhư đứng giữa thiện và ác, giữa tự do và cộng sản, hay giữa thuỷ chung và phản bội. Tôi biết, nếu tôi hợp tác với Bộ tư pháp thì từ đây về sau bí mật về tôi sẽ bật mí. Nhưng điều tôi lo nhứt, là an ninh của bà con ruột thịt của tôi ở bên nhà. Ba tôi và anh Khôi ở trong tay của Cộng sản. Rồi

chuyện gì sẽ xảy ra cho họ? Trằn trọc hoài cái gối nóng hổi, tôi trở nó không biết bao nhiêu lần nhưng không ngủ được. Sợ ngày mai không đủ sức đi họp, tôi uống thuốc ngủ, nằm chờ giấc ngủ, mà cũng không biết nên làm được gì đây.

Sáng hôm sau, chúng tôi tới căn nhà bí mật của CIA có tên là Reeve House, như những villa xinh xắn có tên. Chúng tôi được giới thiệu với luật sư Tony Lapham, cố vấn luật pháp cho CIA, ông John Martin, luật sư của Bộ tư pháp. Tới giờ này tôi mới biết giới luật sư thường hay nhiều lời. Hai ông nói vòng vo, chung quy cho tôi biết là Bộ tư pháp cần sự hợp tác của tôi. Ông Tony Lapham nói câu thòng để tôi hiểu ý của CIA, là mọi quốc gia ở trong tay tôi; họ không bắt buộc tôi. Nhưng ông John Martin của Bộ tư pháp lại cho tôi biết rằng,

không có tôi làm chứng thì họ không thể đưa hai tên phạm tội này ra toà được.

Làm sao mà tôi quyết định tại chỗ được dù tôi biết bốn người này nóng lòng chờ tôi quyết định. Hai người luật sư cho biết, họ chỉ ở Luân Đôn hai ngày nữa thôi. Tôi nghĩ đây là mánh lới của hai người, muốn dồn tôi vào ngõ bí, để vội trả lời mà không kịp suy nghĩ. Họ nóng như lửa, nhưng tôi nguội như tro tàn. Chuyện họ công tác ở Luân Đôn hai ngày nữa hay một tháng nữa, không phải là vấn đề của tôi. Tôi cáo từ và hẹn hôm sau gặp lại.

Hồi nhỏ, mỗi lần gặp khó khăn, tôi thường hỏi ý kiến của ông ngoại. Ông tôi hay trả lời:

- Làm sao mà lương tâm cho phép thì làm.

Sau khi rời Reeve House. John đưa tôi đi ăn trưa trong toà đại sứ Mỹ. Đó cũng là nơi anh làm việc. Tôi hỏi John tôi nên làm gì, nên hay không nên ra toà làm chứng cho Bộ tư pháp. John cố làm cho tôi vui với giọng nói nửa đùa nửa nghiêm nghị:

- Cô ơi, phải sống với sự quyết định của cô cho tới già. Vì vậy, nếu để anh quyết định giùm thì không công bằng. Những hãy nhớ, em đi đến quyết định nào thì chồng của em cũng ủng hộ em 100%.

Tôi nhìn John mà không cười nổi.

Nhớ có một lần hồi còn ở Mỹ, Bill Heshman có hỏi, nếu phải đưa Trương Đình Hùng ra toà, tôi có dám đứng ra làm chứng không?

Tôi trả lời gọn lỏn:

- Không, nhất định là không.

Phải chi bây giờ tôi cũng có thể trả lời bốn người này như vậy thì dễ quá. Nếu tôi không hợp tác để đưa Trương Đình Hùng ra toà, tôi còn triển vọng gặp lại ba tôi sau này, và có thể một ngày không xa má tôi sẽ được gặp lại anh Khôi; hơn nữa, thằng Cộng sản gian ác cũng không biết gì đến việc tôi muốn tiêu diệt chế độ cộng sản.

Lại một đêm trằn trọc, tôi trở cái gối không biết mấy chục lần. Sợ đánh thức John nên tôi lén qua nằm chung giường với Lance. Nếu ngày mai tôi trả lời với họ là "Không, nhứt định không", thì hai người gián điệp này có thể tiếp tục làm nguy hại cho an ninh quốc gia của nước Mỹ. Những người hoạt động cho CIA ở hải ngoại sẽ bị lộ diện. Riêng những điệp viên của CIA ở Việt Nam trong thời

chiến còn bị kẹt lại Việt Nam sau 1975, họ bị bắt, bị tra khảo, đánh đập tàn nhẫn. Tôi rừng mình khi nghĩ điều này. Ronald Humphrey đã cung cấp cho Cộng sản Hà Nội danh sách của những người này qua tài liệu mà Trương Đình Hùng đã đưa cho tôi và đã được FBI chặn lại. Luật sư của Bộ tư pháp đã lặp đi lặp lại cho tôi biết, chỉ có tôi làm chứng Trương Đình Hùng là người trao cho tôi những hồ sơ tối mật thì hai người gián điệp mới bị kết án; còn nếu tôi từ chối thì hai người không có tội vạ gì hết.

Biết được trách nhiệm của mình nặng nề như vậy, liệu tôi có thể trốn được bổn phận được không? Lớn lên trong một gia đình mà người lớn ai cũng biết làm người, ai cũng có trách nhiệm, ai cũng làm tròn bổn phận: bổn phận với đất nước, với dân tộc, với gia đình, với người chung quanh; tôi không biết

hành động gì khác hơn những tấm gương sáng đó. Đến khi đi lấy chồng, lại gặp người đàn ông có trách nhiệm; anh làm tròn bổn phận công dân, bổn phận làm chồng, làm con, làm cha.

Tôi quyết định là sẽ hợp tác với Bộ tư pháp cho tới cùng, nhưng nhứt thời, tôi không cho chồng tôi, FBI, và CIA biết quyết định này. Tôi cần thêm thì giờ, chớ không thể nào trả lời dứt khoát với Bộ tư pháp bây giờ được. Không phải cần thì giờ để suy nghĩ, mà cần thì giờ để hoạt động. Tôi cần gặp ba tôi một lần nữa để hỏi ba tôi, có khi nào ông nghĩ tới việc hưu trí, rời Việt Nam, tìm một nơi dưỡng già với má tôi? Tôi muốn tranh luận lần nữa, tìm cách cho gia đình tôi đoàn tụ. Còn anh Khôi, tôi phải biết anh Khôi có được an toàn không, một khi cả thế giới biết em của anh là gián điệp của CIA.

Nếu anh sẽ bị liên luỵ, thì tôi phải tìm cách đưa anh ra khỏi Việt Nam trước đó.

Tôi gặp ông John Martin hôm sau, tha thiết nói cho ông biết nguyện vọng của tôi là gặp ba tôi một lần nữa; hay ít ra cho anh Khôi trốn qua Mỹ đã, sau đó tôi sẽ sẵn sàng ra làm chứng. Tôi nghĩ, dù sao ba tôi cũng sẽ không gặp khó khăn, vì ông được sự tin tưởng từ cấp trên xuống cấp dưới; ông còn là người hữu dụng của đảng: có thể ông không bị liên luỵ vì tôi. Phần anh Khôi, tôi phải bảo vệ anh tới cùng.

Cuối cùng, tôi quyết định cho FBI và CIA biết nguyện vọng của tôi: cứu ba tôi và anh tôi trước khi bắt Trương Đình Hùng và Ronald Humphrey. Họ gởi điện văn về Washington báo tin mừng này, nhưng họ cho đó là "điều kiện" chớ không phải là sự hợp tác. Riêng đối với tôi, họ muốn dùng danh

từ gì cũng được; tôi không quan tâm và cũng không giận họ. Tôi là người đã đòi hỏi họ phải có bổn phận "quét dọn sạch sẽ sân sau nhà". Bây giờ họ lại than phiền là tôi đặt điều kiện để gây khó khăn cho họ. Tôi nhớ câu danh ngôn ông ngoại bắt chúng tôi thuộc lòng: "Đường đi khó, không phải khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông". Để giữ cho ba tôi và anh tôi an toàn, giờ phút này không có núi nào mà tôi không dám trèo, cũng không có một sông nào mà tôi không dám qua.

Tôi không ra điều kiện nào với FBI, nhưng tôi cần sự yểm trợ của họ, để ba và anh tôi được an toàn thôi. Tôi yêu cầu CIA hãy tìm cách gởi tiền về Việt Nam cho anh Khôi tìm đường vượt biên. Khi FBI đồng ý, thì CIA giành phần đó, bởi vì khi anh Khôi đào thoát được, họ sẽ khai thác anh Khôi. Một sĩ

quan tên lửa, một người cựu sinh viên du học ở Liên Xô, khó khăn bao nhiêu cũng giúp anh đào thoát, CIA cũng hỗ trợ, để sau này khai thác nguồn tin đó. Bây giờ tới phiên tôi bối rối, vì không biết gởi tiền cho anh Khôi bằng cách nào đây? CIA cho biết, vì Sài gòn mới mất, đường đây liên lạc với Việt Nam bị gián đoạn hết, người của họ bị kẹt mà họ còn không tìm được, thì vấn đề này họ chỉ trông cậy vào tôi thôi.

FBI và CIA gởi điện văn cho Bộ trưởng Bộ tư pháp, ông Martin Bell, và ông giám đốc của CIA là ông Stanfield Turner về diễn tiến này.

Tuần trước, anh Huỳnh Trung Đồng có nói là anh sẽ đi công tác Sài gòn trong vòng một hai tuần. Vì thế, anh cứ gọi hối thúc tôi đem gói đồ của Trương

Đình Hùng nhờ tôi đem qua chỗ anh, để lâu sẽ "mất thời gian tính".

Gói tài liệu còn giữ lại tại Bộ tư pháp, sau khi họ được phép mở tất cả những bao thơ của Hùng đưa cho tôi. Tôi không biết và cũng không muốn biết trong đó có những tài liệu gì, chỉ biết đó là những tài liệu tối mật của Chánh phủ Mỹ mà thôi.

FBI ở Washington chuyển gói tài liệu của Hùng đưa cho tôi, những tài liệu có tên tuổi những gián điệp Việt Nam của CIA còn kẹt lại Việt Nam, và gián điệp của CIA hoạt động ở hải ngoại.

Rob yêu cầu chồng con tôi tháp tùng với tôi đi Paris kỳ này để che giấu hoạt động tình báo, làm như chúng tôi là một gia đình làm ăn bình thường,

chồng con rảnh rang đi xem viện bảo tàng của Paris.

Sau khi John, tôi và Lance ăn điểm tâm, chúng tôi chia tay hẹn nhau trưa đó hai cha con đi xem Louvre, còn tôi thì vào đại sứ Hà Nội để gặp đại sứ Võ Văn Sung, nhờ ông thuyết phục chánh phủ của ông cho ba tôi qua Luân Đôn thăm má tôi, vì bà đau nặng. Đại sứ Võ Văn Sung hứa là sẽ chuyển tin về cho người cao nhứt trong chính quyền Hà Nội. Tôi rời toà đại sứ với hy vọng tràn trề.

Trở về khách sạn, người concierge đưa cho tôi cái note. Thì ra Phan Thanh Nam cần gặp tôi gấp. Lên phòng thì John và Lance đi chơi chưa về, tôi vội viết giấy để lại cho hai cha con biết, tôi phải đi gặp Phan Thanh Nam.

Phan Thanh Nam cần gặp tôi gấp, là muốn nhờ tôi đưa thơ về cho Trương Đình Hùng. Ngoài bao thơ, Nam chỉ ghi một chữ “Tâm”, một tên giả khác, như những lần ông đi ghi trên bao thơ trao cho Hùng. Sau khi tôi cho Nam biết tôi sẽ về Luân Đôn trước khi về Mỹ, thì Nam lấy thơ lại, xé bỏ bao thơ, đề địa chỉ của một người đàn bà Mỹ ở đường S tại Washington. Tôi nhìn qua địa chỉ này, rồi cho Nam biết tôi rành vùng đó, tôi có thể đem thơ đưa cho người đàn bà đó, nhưng Nam giựt mình và nói rằng:

- Cháu dán con tem Mỹ rồi bỏ vô thùng thơ giùm cho là xong.

- Bà ta có biết sẽ làm gì khi nhận được thơ này không?

Ông gật đầu. Tôi lại nói:

- Cháu đoán thơ này lá thơ quan trọng.

- Thơ nào của chú cũng quan trọng hết.

Tôi nói để dò xét ông:

- Nếu vậy để cháu trao tận tay bà cho chú?

- Không, không! Đừng làm vậy!

Ông nói mà nhìn tôi như muốn lấy lại cái bao thơ:

- Theo chú, cháu không cần trao tận tay bà, chỉ cần dán tem rồi bỏ vô thùng thơ là được rồi.

Mấy giây sau như đã qua cơn khích động, Phan

Thanh Nam giải thích:

- Cháu không nên gặp cô này. Cháu đừng hỏi tại sao, nhưng chú có lý do của chú.

Vừa nói ông vừa nhìn cái bóp mà tôi vừa mới cất lá thơ vô, như có ý muốn lấy lại.

Một sự im lặng khó thở trong căn phòng rộng, trong đó chỉ tôi và Phan Thanh Nam. Trên vách tường, “Bác Hồ” nhìn tôi.

- Chiến tranh tại trên đất nước mình là chiến tranh gì hả chú Nam? - Tôi hỏi.

Chiến tranh đã chấm dứt rồi Mỹ Dung à. Bây giờ là đến giai đoạn xây dựng lại đất nước. Những người như cháu là tài sản của tổ quốc.

- Cháu sẽ cố gắng hết lòng.

Tôi nói mà sợ con thằn lằn trên vách nó nghe, nó xấu hổ. Nam tiễn tôi ra cửa, chúng tôi bắt tay từ giã. Khi cánh cổng gỗ khép lại, tôi vội bước nhanh ra cửa.

***

Thời gian ở Paris, tôi luôn luôn nghĩ đến cách nào gởi tiền ở anh Khôi vượt biên. Lúc đầu, khi CIA hỏi cần chẳng bao nhiêu để vượt biên, tôi nói nhiều lắm là 3.000 dollars, đó là trường hợp có vài ba chuyến vượt biên bị bể. CIA thì nói họ nghĩ anh Khôi cần nhiều tiền hơn để hối lộ chính quyền; họ ra lịnh gởi 10.000 dollars. Tôi cãi lại: nếu được nhiều tiền quá, anh Khôi mua hết công an tại Việt

Nam, chớ anh không đi nữa vì anh thương ba tôi lắm.

Nhưng CIA thắng, và họ cho biết họ sẽ đưa 10.000 dollars. Bổn phận của tôi là tìm cách gởi về cho anh. Vậy mà hồi còn ở Việt Nam, từ Việt Cộng tới Quốc gia, nhiều người cho rằng CIA đi trên nước, bước trên mây; từ trên máy bay phi công Air America của CIA nhìn xuống biết được con rắn đực hay rắn cái nữa mà! Mà thôi, Việt Nam của tôi có biết bao nhiêu chuyện hoang đường. Biết vậy cho nên khi lớn lên tôi không tin những gì qua “nghe nói”. Trong thực tế, đây là Paris, đây là vấn đề sanh tử của anh tôi, thì nó là bổn phận của tôi, chớ không phải của CIA.

Khi Rob tới khách sạn tối đó để gặp chúng tôi, tôi ngồi xuống vẽ ra một khuôn hình 8x10, dầy 1 inch.

Tôi trình bày với Rob và John là khuôn hình làm bằng gỗ đẹp, cưa làm đôi theo bề đọc; cưa xong khoét để vừa đúng 100 tờ giấy 100 dollars, trong giấy nylon, sau đó dán kín lại, mà không thấy đường nào trên bốn bề của khuôn hình. Sau đó dán một bên hình của ba, bên nọ hình của má. Xong đâu đó, phết lên chừng mười lớp vernis, vừa bóng, vừa chắc khuôn hình. Khi anh Khôi nhận được khuôn hình, thể nào anh cũng rủa con em vô duyên: tại sao khuôn hình như vậy, vì chưng lên, thấy hình ba thì không thấy hình má. Rồi lậy trời cho anh lanh trí như con em của anh, biết cái khuôn hình này ngụ ý gì. Tôi sẽ nói với anh Huỳnh Trung Đồng: đây cũng là ngụ ý sự ngăn cách của ba má.

Trước khi gởi hình đi đóng khung và giấu tiền bên trong, CIA yêu cầu tôi viết cho anh Khôi một câu ngắn: "Hãy trốn khỏi Việt Nam ngay."

Trước khi vợ chồng tôi rời Paris về Luân Đôn, tôi ghé qua trụ sở Hội Việt kiều yêu nước giao cho anh Đồng khuôn hình của má tôi gởi tặng anh Khôi, một bộ pyjama má tôi may và 4 chai thuốc bổ cho ba tôi.

Đó là lần cuối cùng CIA và tôi liên lạc với anh Khôi. Ba năm sau đó chúng tôi cũng không biết anh Khôi có lanh trí mà tìm ra số tiền trong cái khuôn hình đó không? Nhưng một hôm, má tôi được thơ từ Paris gởi qua, tên người gởi là Xuân Mai. Xuân Mai là người con gái yêu anh hồi hai người trên dưới 16 tuổi. Khôi giả dạng là chị Xuân Mai. Chị viết: “Cảm ơn em đã gởi chị khuôn hình đẹp, nhưng lỡ tay, chị đã làm nó bể làm đôi."

Tôi mừng không thể tả, những tức mình là, tại sao có một số tiền khổng lồ trong thời buổi đó mà

không trốn! Cho tới 11 năm sau, năm 1986, gia đình tôi mới được gặp lại anh Khôi sau 32 năm xa cách.

***

Mùa thu tới, nhưng chúng tôi vẫn chưa được tin tức gì vì việc ba tôi được phép qua Luân Đôn thăm má tôi. May mắn là tôi còn bận dẫn Lance ghi tên nhập học vào ngày 8 tháng 9. Chỉ hai ngày sau, thì FBI và CIA gọi tôi về Washington. D.C, để hội họp với Bộ tư pháp, chuẩn bị cho cuộc ra toà sau khi FBI bắt Trương Đình Hùng và Ronald Humphrey. John phải thay đổi giờ làm việc để đưa rước Lance từ nhà tới trường, tội nghiệp thằng con tôi, ngày tựu trường lo sợ, hồi hộp chưa dứt, thì mẹ vắng nhà; hai tuần lễ, hai cha con đi ăn nhà hàng đủ hai tuần. Nhưng cũng nhờ dịp này mà Lance học cách thức

cầm nĩa, cầm dao cho lịch sự. Khi tôi về, Lance kể lại là Lance nợ ba nó 2 dollars, vì cứ mỗi lần làm rớt khăn ăn xuống đất thì bị phạt 10 cents. Cuối cùng thằng nhỏ biết khôn, nên ngồi trên nửa cái khăn suốt bữa ăn, thì khăn không rớt xuống đất nữa.

Trong những cuộc hội họp, bàn thảo với CIA và FBI, chúng tôi đi đến quyết định phải cho má tôi biết sự thật, là khi tôi làm cho FBI, tôi làm nhiều việc khác, ngoài việc thông dịch thơ từ cho họ. Tôi đã nghĩ đến vấn đề này từ lâu, bởi vì má tôi đẻ tôi ra, má tôi nuôi tôi, má tôi đùm bọc, che chở tôi, từ mới lọt lòng, làm sao mà má tôi không nghi ngờ việc làm của tôi. Những bà không hỏi, thì tôi không nói.

Từ Washington. D.C, bay xuống Atlanta chỉ mất

khoảng hơn hai tiếng đồng hồ, nhưng cầm giấy đứng chờ lên máy bay mà ngao ngán không muốn đi, vì ngại núi e sông. Ngại núi, vì phải gan dạ lắm để nói hết sự thật với má tôi. E sông, vì e rằng sự việc làm cho má tôi buồn, má tôi lo sợ cho sự an toàn của ba tôi. Éo le thay, một bà già tỵ nạn Cộng sản lại lo lắng cho an ninh của người chồng là đảng viên cao cấp của cộng sản. Nhưng chúng tôi biết, má tôi không có lo sợ vẩn vơ. Mối lo sợ của má tôi có tên, có tuổi, có lịch sử, có bằng chứng trong sách vở của đảng cộng sản Việt Nam: một khi họ không tin tưởng người của họ, thì họ thủ tiêu.

Khi tôi và má tôi vừa tới nhà ở Luân Đôn, chưa kịp mở va-li, thì nhận được điện thoại của đại sứ Võ Văn Sung. Ông ân cần cho biết, Hà Nội đã trả lời là họ cho ba tôi tới Paris, rồi má bay qua thăm ba tôi, chớ họ không cho ba tôi sang Luân Đôn. Ông hỏi

chúng tôi có khả năng đưa má qua Paris không? Ông chỉ là người đưa tin, nên tôi không có phép trách móc ông, nhưng ước sức tôi muốn nói: “Chỉ có Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới có việc người đau đi gặp người mạnh để được thăm hỏi”. Nhưng tôi cắn răng không dám nặng lời, chỉ nói cho biết là tôi phải hỏi bác sĩ của má tôi, xem bà có đủ sức đi xa vậy không? Trước khi dứt cuộc điện đàm, đại sứ Võ Văn Sung rất tử tế với tôi, khi ông nảy ra một ý kiến rất hay: ông khuyên tôi nên viết thơ cho Bộ ngoại giao Hà Nội, kèm theo một cái thơ của bác sĩ cho biết má tôi không thể bay qua Paris.

Tôi trân quý lời chỉ dẫn của đại sứ Võ Văn Sung, nhưng viết thơ cho Bộ ngoại giao Hà Nội là chuyện đại sự. Rồi đây, mười tám cái tai, 200 con mắt sẽ biết, sẽ nghe chuyện của đồng chí Đặng Văn

Quang, rồi đồng chí này phê bình, đồng chí kia soi mói, thì phiền cho ba tôi lắm. Lại tới phiên tôi bảo vệ ba tôi. Thay vì, viết cho Bộ ngoại giao, sao tôi không viết thơ cho bạn chí thân, cho đồng chí của ba tôi, lại là người lớn nhứt nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam lúc bấy giờ.

Đêm đó, chờ cho mọi người an giấc, nhón gót trở xuống nhà dưới, tôi viết thơ. Thơ viết bằng viết mực trên giấy pelure.

"Kính gởi bác Lê Duẩn, bác Nguyễn Cơ Thạch và ba kính yêu,
Sức khoẻ của má cháu càng ngày càng tệ vì thận bị nhiễm trùng như cháu đã cho ba cháu hay trong thơ trước. Cháu đã thức nhiều đêm suy nghĩ và rất lo rằng rủi ba cháu qua gặp má cháu quá trễ thì làm sao đây?

Cháu mong rằng những ngày cuối đời của má cháu phải là những ngày đẹp nhứt trong đoạn đời này của bà, có nghĩa là má cháu được ở cạnh ba của cháu. Cháu mong hai bác tạo cơ hội cho ba cháu gặp má cháu càng sớm càng tốt.

Thưa ba, kể từ ngày ba cưới má con cho đến ngày ba tập kết ra Hà Nội năm 1954, chắc ba cũng nhớ là má con không bao giờ hỏi một điều gì ngoài khả năng của ba. Nhưng lần này, thay mặt má con, con xin cấp trên của ba một đặc ân. Trong thâm tâm, con tin tưởng rằng má con xứng đáng được gần ba và anh Khôi.

Ba với bác Ba Duẩn đã cùng nhau có những hy vọng lẫn thất vọng, cùng ước mơ cho đất nước thanh bình, cùng đau buồn vì những giấc mộng lớn cho dân tộc không thành: cũng như hai vị đã sát

cánh nhau trong những tháng năm đen tối nhứt của đất nước, rồi cũng cùng nhau vui mừng trong thắng lợi vẻ vang. Từ đáy lòng cháu, cháu tin rằng bác Ba sẽ không từ chối người bạn chí thân về gia đình của một đồng chí, động tâm một khi bác biết được tình cảnh của gia đình này và vì vậy mà cháu viết thơ này cho bác.
Thưa ba,
Con gởi thơ này cho hai bác và cho ba mỗi người một bản. Con mong sẽ được gặp ba thật sớm. Chúng con đã chuẩn bị tiền vé máy bay khứ hồi cho ba. Xin cho con biết con gởi tiền mua vé máy bay về đâu.
Con gái của ba.
Đặng Mỹ Dung"

Tôi suy nghĩ rất kỹ, không nhờ anh Đồng chuyển thơ này vô Hà Nội, vì anh Đồng không dám "làm

phiền” các ông lớn. Tôi không nhờ đại sứ Võ Văn Sung, vì đại sứ đã khuyên tôi viết thơ cho Bộ ngoại giao; tôi không nghĩ đó là thượng sách. Tôi không dám nhờ ông chuyển thơ, vì tôi làm trái với nghi thức của Bộ ngoại giao. Mà nghĩ cho cùng, tôi làm trái nghi thức của cả cái đảng và cái nhóm Cộng hoà xã hội chủ nghĩa rồi.

Tôi quyết định gởi thơ đó qua New York, kèm theo một cái thư ngắn mà tôi viết cho đại sứ Thi, cảm ơn ông và nhờ ông chuyển thơ về Hà Nội hộ chúng tôi, với nguyện vọng của má, là được thấy mặt anh Khôi.

Sau đó, ngày 13 tháng 11, tôi được thư của anh Huỳnh Trung Đồng báo cho biết anh vừa công tác ở Sài gòn vê. Anh có đến thăm ba tôi, nhưng ông không có tin tức gì từ Hà Nội về chuyến đi thăm

má tôi ở Luân Đôn. Anh nhỏ nhẹ khuyên tôi nên nhớ là trong lịch sử của đảng Cộng sản Việt Nam, chưa có ai đi ra ngoại quốc thăm vợ con. Anh viết:

"Thơ của má cô đã tới tay người tối cao trong đảng rồi. Dĩ nhiên, sự quyết định là do chủ tịch nhà nước và ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch. Theo tôi hiểu thì nhà nước cho phép má cô về Việt Nam và bác có thể ở đó bao lâu cũng được".

Đọc xong thư anh Đồng, má tôi hứ một cái rồi nói:
- Tao không có bước chân về Việt Nam, một khi Cộng sản còn. Đừng có nghĩ tới chuyện chôn tao bên ba mày như tụi con tính hồi đó tới giờ. - Má tôi giận hậm hực.

Thơ anh Đồng tiếp:

"... bây giờ thì những người có trách nhiệm đang bàn tính về chuyến đi của ba cô. Trong thơ, tôi được nói có bấy nhiêu thôi, mong cô hiểu cho tôi. Ba của cô lo lắng về bịnh tình của má cô lắm. Cô cũng nên biết rằng, nếu ba cô thăm má cô được, thì bác chỉ đi một mình mà không có anh Khôi cùng đi. Nhứt định là đảng và nhà nước không cho phép rồi. Tôi phải nói trước với cô, ba cô biết luật lệ của đảng, chỉ ngại là cô và má cô không hiểu luật, rồi buồn ba cô; bác lo ngại về vấn đề này lắm cô Dung à..."

***

Đời sống ở Luân Đôn của những gia đình người Mỹ làm trong toà đại sứ Mỹ như một cuộc du lịch nước Anh dài hạn. Gia đình tôi thì cứ bị hai cái bóng ma FBI và CIA đi tới đi lui làm bất an. Giữa

tháng 11 thì Rob và Bill trở lại Luân Đôn gặp chúng tôi. Kỳ này họ không có mục đích rõ ràng, nên khi hai người bất ngờ tới gõ cửa, mở cửa ra, không chào hỏi, tôi cười chua chát nói:

- Tôi không có chỗ nào trốn hết, bởi vì một là Liên Xô hai là Mỹ quốc.

Bill cười gượng như anh bị tôi nói trúng tim đen. Trong chuyến đi này, hai ông không có việc gì làm, vì tất cả đứng khựng lại để chờ tin từ Hà Nội. Họ đi chơi, đi ăn, đi nhậu, đi xem thắng cảnh, mua sắm quà Giáng Sinh cho vợ con, cho ngày giờ qua mau. Chúng tôi cùng nhau đi ăn vài lần, rồi hai người trở về Washington tay không.

Rồi việc gì tới phải tới. Mọi buổi sáng, tôi được cú điện thoại của đại sứ Võ Văn Sung, gọi tôi từ Paris,

kêu tôi liên lạc với toà đại sứ Cộng sản Việt Nam tại Luân Đôn.

Đã nhiều lần Rob dặn tôi, khi nào bắt liên lạc với một đảng viên mới của Cộng sản Hà Nội, tôi phải báo trước cho anh biết. Nhưng sáng đó, tôi chỉ có số điện thoại để gọi Rob khi khẩn cấp; mà gọi điện thoại cho toà đại sứ cộng sản Việt Nam đâu phải là trường hợp khẩn cấp, nên tôi không báo tin cho Rob hay trước, tự tiện gọi thẳng tới toà đại sứ Việt Nam ở đường Victoria.

Chắc nhân viên trong toà đại sứ này nhàn nhã lắm. Vừa mới nghe tên Mỹ Dung thì người đàn ông trả lời điện thoại biết ngay tôi là ai và tôi gọi có việc gì. Ông mời tôi đến văn phòng của ông để nói đến “vấn đề khá quan trọng này”.

Tại toà đại sứ, người đàn ông tiếp tôi trong điện thoại cũng là người đón tôi tại cửa, ông tên là Lại Xuân Chiểu, một “sĩ quan thông tin”. Bắt tay ông mà tôi không giữ được nụ cười, khi nhìn ông và so sánh ông với cái tên cải lương của ông.

Ông Lại Xuân Chiểu cho tôi biết là ông đã nhận được điện văn từ Hà Nội về việc ba tôi sẽ qua London thăm má tôi sau công vụ ở Moscow. Tôi không dám thổ lộ sự mừng rỡ vô hạn, cũng như thất vọng, vì ông không có nhắc đến tên anh Khôi.

- Cơ quan của chúng tôi rất hồ hởi được giúp đỡ gia đình chị theo khả năng của anh em chúng tôi.

Rồi ông nhìn thẳng vào mắt tôi, hỏi:

- Chị sẽ trả tiền vé máy bay cho chuyến đi của

đồng chí Minh bao nhiêu? Có thể, chị cũng nên biết trước, Chánh phủ sẽ không thể trả tiền vé máy bay.

- Có thể có một sự hiểu lầm lớn. Tôi chỉ yêu cầu ông chủ tịch nhà nước và ông bộ trưởng Bộ ngoại giao khuyến khích ba tôi đi, và cho phép ba tôi đi. Tôi không có xin nhà nước trả tiền cho chuyến đi của ba tôi. Đây là xin phép, chớ tôi không có xin lòng từ thiện của các ông ấy.

- Thế thì chúng ta không có vấn đề gì… vì chúng tôi không phải lo đến vấn đề tiền bạc. - Lại Xuân Chiểu nói.

- Tôi cũng nghĩ, chúng ta không có vấn đề gì lo lắng. - Tôi lặp lại câu nói của anh ta mà giận trong bụng.

- Tôi xin báo với chị là sứ quán của chúng tôi đây sẽ tiếp đón, phục vụ đồng chí Minh khi ông đến London. - Lại Xuân Chiểu trịnh trọng nói.

- Anh Chiểu, cảm ơn sự rộng rãi của anh, nhưng vợ chồng tôi sẽ tiếp đón, lo hết cho ba tôi. Chúng tôi muốn xử sự như đây là chuyện gia đình. - Tôi nói.

- Chị không hiểu, sự an ninh của đồng chí Minh tại Luân Đôn là trách nhiệm của chúng tôi. Chúng tôi đã được lệnh giúp đỡ gia đình chị mọi điều. Về tiền vé máy bay của ba chị, thì tính thế nào đây?

Tôi muốn hỏi anh ta: "hỏi gì mà hỏi lãng xẹt vậy", nhưng tôi uốn lưỡi bảy lần rồi trả lời:

- Tiền thì tôi có sẵn sàng.
- Chúng tôi biết cách mua vé máy bay rẻ nhứt!

Vẻ mặt của đồng chí Lại Xuân Chiểu thay đổi từ một cán bộ cộng sản nghiêm chỉnh thành một anh mua bán dollar vụng về.

- Tôi không nên làm phiền anh trong việc nhỏ nhặt này. Tôi đã hỏi qua tiền vé máy bay với hãng Acroflot. Chừng 900 pounds đi từ Moscow tới Luân Đôn. Tôi có thể mua vé từ đây, rồi ba tôi lấy vé từ Moscow, khi ba tôi tới đó.

Chiểu không chịu thua:

- Chị đưa tiền cho tôi, tốt nhứt là dollar Mỹ. Tôi sẽ báo cho Bộ ngoại giao, và bên ấy có người mua vé máy bay tại Hà Nội, trả bằng tiền Việt Nam. Làm như thế, chúng ta không mất một đồng ngoại tệ nào.

Nghe anh nói, tôi mắc cỡ cho một đại diện của cái chánh phủ mà ba tôi phục vụ, đứng đây kèn cựa với tôi về lãi lời vài ba trăm dollar cho đảng của họ. Tôi muốn chấm dứt cuộc gặp gỡ này ngay đó, nên tôi đáp:

- Sao cũng được, thưa anh.

Vậy mà trước khi ra khỏi cửa, cán bộ Lại Xuân Chiểu còn nói với thêm:

- Chị đem dollar Mỹ, chị nhé!

Tuần sau, tôi gọi cán bộ Lại Xuân Chiểu, cho hay tôi sẽ đem tiền đến cho ông. Tôi có đủ 2.000 dollas Mỹ, nhưng tôi đi theo John ra toà đại sứ Mỹ đổi ra tiền Bảng Anh của Anh quốc. John hỏi tôi làm chi cho mất thì giờ vậy? Tôi làm cho bõ ghét, vì không

muốn Việt Cộng bên nhà mua bán dollar một cách hạ tiện như vậy. Dĩ nhiên, cán bộ Lại Xuân Chiểu nhận số tiền đó với vẻ thất vọng, nhưng không nói lời nào.

***

Vào thời gian này thì Rob và Bill đã trở về Washington, nên tôi viết thơ báo tin cho họ biết mọi việc được sắp xếp theo chương trình; bây giờ chỉ chờ đợi biết ngày nào ba tôi tới Moscow thôi. Tôi cũng có viết thêm cho Rob và Bill, nhờ hai anh đến gặp tận mặt ông Griffin Bell, xin với ông làm mọi thủ tục dễ dàng để sẵn sàng rước ba tôi sang Mỹ cư ngụ, trong trường hợp má tôi và con cái thuyết phục được ba tôi hưu trí, ở lại dưỡng già với vợ con. CIA cho biết là họ sẽ có máy bay sẵn sàng đưa ba tôi qua Mỹ khi ba tôi bằng lòng.

Suốt đời, tôi muốn ba má tôi được sống trong một mái nhà, như ông ngoại bà ngoại của tôi ngày xưa ở với nhau đến đầu bạc, răng long, như cha mẹ của bạn bè tôi, như người bình thường. Mấy tuần nay, mọi sắp đặt được diễn tiến nhanh chóng và gần như việc gì cũng theo ý muốn của tôi, cho nên tôi yêu đời một cách lạ thường. Tôi lên giường nằm kề bên má, rồi hai mẹ con mơ ước căn nhà nhỏ, yên tĩnh của ba má. Tôi không biết ba có chịu ở với con cái không, hay là ba chỉ muốn ở với má và Minh Tâm, đứa con mà ba chỉ biết mặt khi nó vừa mới ba tháng thì ba đi tập kết rồi. Chúng tôi nằm tính sắm sửa cái gì trong căn nhà đó, từ cái bàn cái ghế, cho tới cái bình trà với mấy cái chung nhỏ cho ba tôi uống trà quạu. Tôi còn nghĩ tới mùa đông phải mua cái mền điện cho ba.

Tình thương cho ba không phai đi với thời gian và

không gian trong suốt hai mươi năm, chỉ sợ mỗi người thờ phượng một lý tưởng, đó mới ngăn cách sâu hơn con sông Bến Hải. Ba tôi yêu thương hết bảy đứa con; thương mỗi đứa mỗi cách khác nhau. Anh Khôi là đứa con trai đầu lòng; anh là kết quả của những tháng năm trăng mật. Chị Kim giống tánh ba nhiều; như là, chị dễ bị xúc động, chị tế nhị, chị giầu tình cảm. Chị Cương tánh cương quyết, nói là làm, trọng kỷ luật, trong sạch, ngay thẳng, Tôi giống ba từ gương mặt tới tánh tình. Tôi nghĩ đến người chung quanh và đất nước, nhưng ba cũng biết, tôi với ba thờ hai ông trời khác nhau. Ba tôi không những thương yêu Hải Vân mà còn thán phục nó; nhưng ba cũng chưa biết nghĩ thế nào về sự chọn lựa của em khi nó trở thành phi công của Quân lực Việt Nam Cộng hoà. Hoà Bình được ngự trị ở một chỗ đặc biệt trong trái tim của ba tôi từ lúc nó còn bé. Khi tôi nhắc đến Hoà Bình, mặt ba tôi

rạng rỡ; lắng nghe như để biết và thấy hết đứa con yêu của ông trước mặt. Ba tôi ví tình thương của ba cho Hoà Bình như "một giòng sông dài vô tận, có bầu trời xanh, có hoa nở tươi thắm triền miên". Ba chỉ biết Minh Tâm có ba tháng, mà ba tháng đó ba bận rộn chuẩn bị đi tập kết, khi ra Hà Nội, ba đổi tên Đặng Văn Quang thành Đặng Quang Minh. Tôi nghĩ rằng ông đổi tên như vậy với ý tạ lỗi vì ông không ở bên cạnh để dậy dỗ Minh Tâm.

Chương 43

Ngày 9 tháng 12, 1977 Lance lên 7 tuổi. Sáng này tôi dậy sớm, để kem lên mấy cái bánh ngọt cho Lance đem đến trường chia với bạn trong lớp. Còn tôi đâu có biết nó là vị cứu tinh của tôi trong những

giờ phút rối beng này. Tôi còn dẫn Lance ra công viên Regent Park gần nhà liệng banh, thảy Frisbee, đi cầu tuột khi rỗi rảnh. Tội nghiệp má tôi: bà không tìm được một thứ tiêu khiển nào. Má tôi ngồi trong nhà may cái áo, cái khăn, nấu nồi cơm. Suốt ngày chỉ có bây nhiêu việc làm, trong khi thêu dệt tương lai với ba tôi ở một nơi nào tự do, không có bóng hình Cộng sản đe doạ. Chúng tôi chắc chắn 99% là ba tôi sẽ qua Luân Đôn, nhưng không biết chừng nào. Đó là câu hỏi mà Bộ tư pháp hỏi Bill ngày một, vì họ phải bắt Trương Đình Hùng và Ronald Humphrey càng sớm càng tốt, phòng khi động tĩnh, hai tên gián điệp này chuồn đi mất.

Đại sứ Võ Văn Sung gọi cho tôi biết là ba tôi đã rời Hà Nội tối hôm qua để bay qua Moscow. John và tôi gặp Rob và Bill, cho họ hay ngay để họ chuẩn bị. Điều này chứng tỏ toà đại sứ Hà Nội tại Luân

Đôn chỉ là văn phòng đại diện cho Hà Nội chớ chưa có đại sứ. Mọi tin tức quan trọng về chuyến đi của ba tôi đều được thông qua đại sứ Võ Văn Sung. Đây cũng là một chi tiết quan trọng cho CIA. Toà đại sứ chưa có đại sứ, thì vấn đề canh gác an ninh cũng chưa được hoàn hảo, nhờ vậy CIA có thể cho chuyên viên của CIA "bảo trì" toà đại sứ với những máy móc tối tân của ngành gián điệp.

Một hôm, sau khi họp xong với FBI và CIA, trên đường về nhà, tôi đi ngang tiệm Selfridge's, cửa tiệm đã chưng bày hàng hoá Giáng Sinh. Tôi sực nhớ, lễ lộc năm nào cũng là những dịp buồn im lặng trong đời tôi. Ngày chúng tôi theo ba tôi vô vùng kháng chiến, trong khu không có Tết, chỉ có mừng sinh nhật Hồ Chí Minh, mừng thắng trận, mừng đồng chí của ba tôi từ ngoài Bắc vô Nam mà thôi. Rồi năm 1954, ba tôi đi tập kết, hẹn "Tết ba

sẽ về”. Mười chín năm sau, Tết đến rồi Tết đi, hứa hẹn rồi lỗi hẹn. Tóc của má tôi thay mầu; bướm không bay trong bụng mỗi lần tôi nghe Tết đến nữa. Mai vẫn nở. Tôi lớn lên rồi, đám con trai vẫn rủ chúng tôi ra vườn hái mai đem về lấy hên cho năm mới. Nhưng gần hai mươi năm, không có cành mai nào đem may mắn tới. Tết Mậu Thân, tôi và má tôi mua hai chậu mai để trước cửa thềm nhà, thì đem giao thừa súng nổ, đạn bay, Việt Cộng tấn công. Tôi nhớ hoài, đêm đó nằm dưới sàn mà má tôi nói: “Mình có trồng một vườn mai cũng không may mắn nổi với Việt Cộng đâu”. Lâu lắm rồi, với tôi, lễ Tết là biểu tượng của thất vọng và phản bội.

Giáng Sinh tới, thành phố tập nập người đi mua sắm; xe taxi không có, còn xe bus thì chật cứng, nên tôi đi bộ về nhà. Nhưng đúng hơn, tôi chưa muốn về nhà, hay là không dám về nhà gặp má tôi. Biết nói gì đây, khi tôi biết trong bụng má tôi vừa

mừng vừa trách, tại sao tôi đồng ý hợp tác với FBI. Làm con, tôi đâu dám ngồi xuống nói cái câu "Tự do nó có cái giá của nó". Má tôi đã sống nhiều, đã qua biết bao nhiêu thử thách, khỏi cần nhắc, má tôi cũng biết giá trị của tự do. Tôi đi bộ về phía nhà thờ St. Marks. Đêm nào tôi cũng cầu trời, xin Chúa cho tôi sức mạnh, cho tôi trí tuệ để vượt qua những khó khăn. Vì vậy, tôi không gì tốt bằng vô ngay nhà của Chúa cần nguyện; tôi là khách, chắc Chúa sẽ sẵn sàng giúp tôi. Bốn mươi lăm phút tôi rời nhà thờ, đi thẳng về nhà, vừa đi vừa nhớ lại đôi mắt dịu hiền của đức mẹ Maria lúc nãy trong nhà thờ nhìn tôi.

Chiều hôm đó tôi gọi "đồng chí" Lại Xuân Chiểu, cho ông biết là ba tôi sẽ rời Sài gòn sáng thứ Bảy. Ông sửng sốt vì tại sao tôi biết lịch trình của ba tôi

trước ông. Lợi dụng lúc ông đang lúng túng, tôi cho ông biết là vợ chồng tôi sẽ ra phi trường đón ba tôi.

Nhưng ông không đồng ý, nói liền:

- Không. Đó là bổn phận chúng tôi phải ra phi trường đón khách của toà đại sứ. Ngay bây giờ, chúng tôi không có phương tiện chuyên chở, nhưng chúng tôi sẽ đi mượn xe.

- Sao làm rắc rồi như vậy? Chúng tôi sẵn có xe nhà, anh để chúng tôi rước ông cụ! - Tôi nói.

Tôi không muốn làm phiền anh đồng chí này, nhưng theo kinh nghiệm mấy tháng nay với cán bộ cộng sản, chuyện gì tôi cũng phải tranh đấu dù nhỏ nhặt, chớ không thì sẽ bị nắm đầu nắm thóp khi có đại sự. Tôi không để Lại Xuân Chiểu xỏ mũi bắt tôi

theo họ “cho đúng lệ nhà nước. Bên kia đầu dây, không nghe “đồng chí” Chiểu trả lời, nhưng tôi kiên nhẫn đợi.

- Như vậy không đúng luật của chúng tôi, nhưng tôi không biết tính sao cho ổn. - Chiểu nói.

- Tôi xin hứa sẽ đưa ông đại sứ của anh về nhà an toàn. Tôi hứa khi rước ông đại sứ về tới nhà, tôi sẽ gọi cho anh hay. Nhờ anh cho tôi số điện thoại của toà đại sứ Việt Nam ở Mạc Tư Khoa đi?

Tôi đổi sang chuyện khác thật nhanh, để ông không kèn cựa vấn đề ai rước ba tôi ở phi trường. Mắc mưu tôi, “đồng chí” Chiểu hỏi:

- Chị không có số đó sao?

- Để không mất thì giờ đi tìm, anh cho tôi số điện thoại bên đó đi, để tôi hỏi cho chắc chắn giờ chuyến bay của ba tôi.

***

Tối hôm sau, Rob và Bill lại tới nhà tôi nữa, mặc dầu hai bên là thoả thuận trước, là kể từ ngày biết ba tôi rời Sài gòn, CIA và FBI tuyệt nhiên không được lui tới nhà tôi. Sở dĩ chúng tôi đi đến quyết định đó, là vì chúng tôi tin rằng nhân viên của toà đại sứ Hà Nội tại Luân Đôn sẽ cho người thăm dò khu nhà tôi ở và có thể luôn cả nhà tôi, để giữ an ninh, để bảo vệ ông đại sứ của họ. Tôi cũng nói với Rob và Bill rằng, theo kinh nghiệm của tôi, các nhân viên tình báo của Việt Nam có một đặc điểm khá hơn tình báo Mỹ, là họ không bị lệ thuộc vào phép tắc và khuôn khổ. Họ chơi theo luật rừng. Khi

ba tôi đến ở với chúng tôi, họ sẽ có thể chợt đến nhà tôi bất cứ lúc nào. Vì vậy, hai ông không nên lảng vảng gần nhà tôi.

Mọi người đều đồng ý như vậy, những bỗng một hôm có tiếng gõ cửa. Lance ra mở cửa, rồi kêu lớn:

- Daddy, Rob và Bill muốn gặp ba nè!

Tôi giận tái mặt, hỏi Rob:

- Nếu có người của Hà Nội đang ở đây thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Hai người nhìn nhau mà không trả lời. Sau đó ông cho biết ông không bằng lòng khi bị “cấm cửa” không được gặp tôi hàng ngày trong thời gian có nhiều chuyện quan trọng đang xảy ra. Ông muốn,

hàng ngày tôi phải trực tiếp báo cáo với ông, cho tới khi ba tôi rời khỏi Luân Đôn. Tôi cho đó là một đòi hỏi hầu như không thể thức hiện được, vì tôi sẽ còn phải tiếp đãi ba tôi, mấy người trong gia đình tôi, và có thể cả những nhân viên của toà đại sứ Việt Nam nữa. Làm sao tôi có thể lén mọi người để gặp Rob mà "trực tiếp báo cáo". Như vậy, không những có hại cho công tác mà còn nguy hiểm cho gia đình tôi nữa. Tôi đề nghị một giải pháp, là hàng ngày chồng tôi đi làm sẽ gặp hai ông Rob và Bill để tường trình mọi chuyện.

Rob cực lực phản đối ý kiến đó, viện lẽ tôi là người làm việc với ông, không phải John. Tôi biết rằng ông tha thiết mong được cùng bay về Mỹ với người đào thoát quan trọng. Tôi cho ông biết, tôi cũng mong như vậy. Nhưng ông không thể chầu chực ở nhà tôi hàng ngày, như một đứa con nít ngồi chờ

ngoài cửa, mong ông già Noel trong ngày lễ Giáng Sinh. Đó là điều phi lý và ngây thơ. Nhưng Rob không phải là người dễ thuyết phục, khăng khăng không chịu nghe, mà còn lớn tiếng với tôi.

- Rob, - tôi nói với một giọng bực mình - tôi nhường anh một mét thì anh lấn một dặm. Khi ba tôi ở đây, anh không thể tìm tôi hàng ngày được. Tôi sẽ ráng thu xếp để thông báo cho anh và Bill biết kịp thời những chuyện đang xảy ra. Anh không nên ra tối hậu thơ cho tôi. Từ giờ phút này, tôi lo hết mọi chuyện và sẵn sàng chịu mọi trách nhiệm.

Rob chửi thề, rồi lớn tiếng với tôi:

- Đây là lệnh của người chỉ huy công tác. Lệnh của tôi!
John mời Rob ra khỏi nhà.

Rồi hai người bỏ đi dù công việc chưa giải quyết xong.

Tối hôm đó, sau cuộc tranh luận, tôi nghĩ rằng tôi đã làm việc suôn sẻ với hai người trong thời gian qua; đối với tôi không ai là cấp trên, mà ba người là đồng nghiệp. Tôi hiểu rõ địa vị của tôi và của họ. Sau khi họ bỏ đi, tôi hỏi chồng tôi:

- Sao hồi nãy anh không binh em?

- Anh kêu Rob và Bill ra khỏi nhà, suy nghĩ rồi mai nói chuyện với anh. Em đâu cần anh binh vực. Rob nó giận run, nó bị cà lăm. Em là "rồng Việt Nam", ai ăn hiếp được mà đòi binh.

- Nếu em muốn liên lạc thẳng với xếp của hai thằng khỉ đột này ở Washington thì phải làm sao?

John đáp:

- Em phải viết "thơ trần tình" cho họ.

- Nhưng làm thế nào để gởi cho đúng người mình muốn gởi.

- Em cứ viết đi, rồi kêu hai thằng đó chuyển.

Tôi nghĩ ngợi hỏi:

- Viết thơ méc họ mà kêu họ gởi là cái gì? Họ có giấu đi không?

John trấn an tôi:

- Họ không dám đâu.

Vậy là tôi ngồi xuống, viết một "thơ trần tình", ghi rõ là gởi hai ông Rob và Bill "để tường", và nhờ hai ông chuyển cho đô đốc Stanfield Turnerr, giám đốc cơ quan CIA.

"Vì sắp tới là ngày ba tôi sang đây, sự căng thẳng mỗi lúc một tăng thêm đối với những người liên hệ, cả ở London lẫn Washington. Tôi hiểu rằng việc thông tin cấp thời và đầy đủ cho những nhân vật ở Washington là quan trọng. Chúng ta đều có cùng một mục đích và lợi ích chung nên cũng mong muốn chương trình của chúng ta thành công tốt đẹp. Cho tới lúc này, chúng ta có thể hãnh diện là kế hoạch và sự thực hiện đã sắp đạt tới mục đích mong muốn.

Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Bộ tư pháp đã dành nhiều thời gian cho phép ba tôi, có thể có anh tôi,

có cơ may được xa nước Việt Nam cộng sản. Chúng tôi cũng không quên cảm tạ Cơ quan tình báo đã hết lòng giúp đỡ và quan tâm tới những lúc dễ dàng và khó khăn trong công tác.

Thơ này có hai mục đích. Thứ nhứt vô cùng quan *trọng hơn hết là cám ơn tất cả những người có trách nhiệm vì đã hết sức trong công tác mới đây, đó là việc ba tôi sắp tới London. Mục đích thứ hai. xin quý vị lưu ý tới sự ép buộc của hai đại diện của của quý vị ở London đối với tôi và gia đình tôi, đó là hai ông Robert Hall và William Fleshman.*

Trong buổi họp mặt tại nhà tôi ngày 10 tháng Chạp vừa qua, chúng tôi đã phải lớn tiếng với nhau khi hai ông ép tôi phải trực tiếp báo cáo hàng ngày trong thời gian ba tôi đang ở đây.

Sau khi tôi cho họ biết rằng tôi không thể bỏ ba tôi để đi báo cáo hàng ngày với họ được, thì họ nói rằng họ muốn nghe tất cả những gì ba tôi nói và phải chính tôi trình lại với họ mới được, chớ họ không muốn chồng tôi giúp tôi trong việc này. Ông Hall đã nặng lời với tôi. Ông cho biết ông không muốn nghe chồng tôi báo cáo vì có thể sai lầm do sự thông dịch. Lý do đó không xác đáng đối với tôi và cuộc tranh luận trở nên tồi tệ với những lời nói nặng nề. Xin hiểu cho rằng những ngày ba tôi mới tới rất quan trọng đối với tôi. Chồng tôi hoàn toàn có đủ khả năng thay thế tôi chuyển tin tức cho hai ông vì chúng tôi là một…"

Rồi tôi để cập tới chuyện Rob và Bill đột ngột tới nhà tôi khi chúng tôi thoả thuận rằng hai ông sẽ không nên tới nữa, viết:

“Nếu ba má tôi và con tôi đang ở nhà mà hai ông tới bất ngờ thì sẽ có thể gây nên một biến cố tai hại. Con trai tôi sẽ chạy ra cửa và sẽ nói lớn: “Ông Rob má ơi!”. Điều này sẽ làm cho người trong nhà vừa bực mình vừa ngạc nhiên. Vậy xin quý vị hãy ra lệnh cho hai ông nên bình tĩnh và kiên nhẫn. Ông Hall dùng áp lực với tôi, bình thường thì tôi chịu được và chấp nhận. Nhưng bây giờ tôi nghĩ rằng áp lực đó sẽ có phản ứng ngược. Tôi xin các vị cao cấp cho tôi được “tự do hoạt động, đừng kiểm soát tôi nhiều quá!”.

Cuối cùng, tôi khen hai ông Roll và Bill là “những người tốt và cho tới lúc này chúng tôi vẫn là bạn”. Tôi nghĩ rằng áp lực của hai ông đối với tôi chính là áp lực mà quý vị ở Washington đòi hỏi. Vậy xin quý vị hãy kiên nhẫn và tôi đoán chắc rằng kết quả của việc làm của tôi vẫn tốt đẹp như hai năm rưỡi

vừa qua. Sự tính toán sai lầm sẽ có thể làm tôi hối tiếc suốt đời. Xin quý vị hãy tin tưởng ở tôi và chồng tôi như quý vị đã tin tưởng chúng tôi trong quá khứ. Câu chuyện thần tiên này có thể kết thúc tuyệt vời.

***

Nhờ số điện thoại mà Lại Xuân Chiểu đã cho, tôi kêu sang Moscow. Một phụ nữ Nga trả lời tại toà đại sứ Việt Nam. Khi tôi nói bằng tiếng Việt, ngỏ ý muốn nói chuyện với một nhân viên người Việt của toà đại sứ, thì bà ta nói bằng tiếng Nga một câu gì đó. Tôi nhắc lại lời yêu cầu bằng tiếng Anh, thì bà ta nói "Không". Tôi hỏi thêm bà có biết tiếng Anh không, thì bà cúp điện thoại.

Tôi lập tức kêu lại số đó; vẫn tiếng bà ta trả lời. Tôi

nói bằng tiếng Pháp:

- Xin bà cho tôi nói chuyện với một người Việt Nam.

Bà hiểu, nên cho tôi số của “Uỷ ban tiếp tân”. Lần này thì một người Việt Nam trả lời. Tôi cho biết tôi kêu từ Luân Đôn. Ông ta hỏi lại:

- Luân Đôn là ở đâu?

Khi biết tôi đang ở Anh Quốc, ông ta có vẻ thích thú lắm, không hỏi tôi là ai, mà hỏi kêu có chuyện chi. Tôi nói, tôi muốn biết Đại sứ Đặng Quang Minh hiện ở đâu, ông liền trả lời:

- Đại sứ đang đi trượt băng với các bạn. Bà có thể nói chuyện với ông ở “nhà khách” chiều này ạ.

Sau đó ông cho tôi số điện thoại ở “nhà khách”. Mới đầu ông không hỏi tôi là ai. Sau khi cho số điện thoại của “nhà khách”, ông mới thắc mắc. Tôi ngập ngừng không muốn trả lời, nhưng tôi thầm nghĩ, tại sao phải giấu? Cả hai chục năm này, tôi vẫn muốn cho mọi người biết tôi là con của ai, nhưng không dám nói, sợ bị bắt, sợ bị mất việc, sợ bị đủ thứ. Trong những năm học trung học, tủi cho thân phận không có cha, buồn buồn tôi hay ngó lên mái ngói đỏ của phòng hiệu trường, muốn leo lên đó để la lớn cho cả tỉnh Cần Thơ biết tôi con nhà ai. Muốn lắm, nhưng ai mà dám làm như vậy, vì năm phút sau đó Công an sẽ bắt giam tôi trong khám liền, và không còn ai nghe được tiếng tôi nữa. Những bây giờ thì tôi đã có thể nói ngay với tổng thống Hoa Kỳ ba tôi là ai. Vì vậy, tôi mau mắn trả lời nhân viên toà đại sứ:

- Thưa ông, tôi là con gái của ông Minh.

Nói xong, tôi sung sướng vô cùng tận!

Lát sau, tôi lại kêu cho Uỷ ban tiếp tân để hỏi coi bao giờ ba tôi tới Luân Đôn. Một người khác trả lời. Ông ta có vẻ thận trọng, lịch sự hơn:

- Thưa bà, bà có thì cho tôi biết tôi đang được nói chuyện ai không?

Tôi lại phải hãnh điện giới thiệu:

- Thưa ông, tôi là con gái của ông Minh.

Người ở đầu dây bên kia im lặng một hồi lâu, nhưng tôi biết ông ta vẫn còn đó. Một lát sau mới có tiếng hỏi:

- Bà nói bà là con gái của ông Minh? Và bà kêu từ Luân Đôn?

Tôi xác nhận là đúng như vậy, thì ông ta lại hỏi:

- Con thật của ông Minh à?

Tôi cười sung sướng, rồi đáp:

- Dạ, đúng là con thật. Không phải con giả. - Tôi cười như đã quen nhau rồi.

Bây giờ thì ông ta tin tôi, nên nói:

- Tôi là bạn học cùng lớp của anh Khôi ở Mạc Tư Khoa. Chúng tôi rất thân nhau. Tôi sắp về Việt Nam và sẽ gặp anh của chị.

- Anh may mắn hơn tôi, vì anh sắp được gặp anh tôi, còn tôi thì không được!

Ông hỏi tên tôi, tôi cho biết ngay. Ông liền reo lên:

- A, chị là “cô em nghịch như con trai”.

Tôi nghe được tiếng reo vui của anh ta bên kia đầu dây.

Đến đây thì anh chợt nhớ ra rằng hiện tôi đang ở xa, nên vội nói:

- Mình đang nói chuyện qua đường dây viễn liên, tôi không nên dài dòng. Ông cụ hiện đi chơi trượt băng với mấy người Nga. Lúc khác xin chị gọi lại cho bác.
- Tôi muốn biết chừng nào ba tôi sang đây?

- Tôi không nhớ số chuyến bay của ông, chỉ biết trưa thứ Hai ông sẽ rời Mạc Tư Khoa, chị à.

- Tôi biết bấy nhiêu cũng đủ rồi.

Tôi cảm ơn anh ta và chúc anh được hạnh phúc khi về Việt Nam.

Nhân viên văn phòng của hàng máy bay Aeroflot ở Luân Đôn cho biết mỗi ngày chỉ có một chuyến bay từ Mạc Tư Khoa tới Luân Đôn vào xế trưa và hạ cánh ở phi trường Heathrow lúc 9 giờ tối. Tôi nghĩ rằng tôi đã kêu hai cú điện thoại, có thể làm cơ quan KGB lén nghe đã rồi, nên không muốn kêu thêm nữa. Vợ chồng tôi quyết định tối thứ Hai sẽ ra phi trường để đón ba tôi. Nếu tối hôm đó ông chưa tới, thì chúng tôi sẽ tiếp tục đi đón ông tối hôm sau. Chừng nào gặp ông mới thôi.

Sáng thứ Hai, John vẫn đi làm như thường lệ. Rồi sau bữa cơm tối, tôi để Lance ở nhà với bà ngoại, vợ chồng tôi lấy taxi ra phi trường. Chúng tôi phải đợi rất lâu, vì máy bay từ Mạc Tư Khoa tới trễ hai giờ năm mươi phút. Rồi thêm nữa giờ nữa mới thấy hành khách đi ra. Nhưng không có ba tôi.

Tối thứ Ba, 13 tháng Chạp, chúng tôi lại ra phi trường một lần nữa. Chuyến bay từ Mạc Tư Khoa lại tới trễ hai tiếng. John và tôi nhìn đám khách của hãng Aeroflot lẻ tẻ đi về phía các nhân viên quan thuế. Tôi bắt đầu thất vọng khi đám hành khách ra đã gần hết. Bỗng tôi nhận thấy một dáng người quen thuộc, một người mặc bộ đồ xanh, đội nón nỉ mà tôi đã tung thấy ở Paris năm rồi. Ba tôi là người cuối cùng ra khỏi máy bay.

Khi đã thấy ba tôi, những gì chung quanh tôi tan

biến đi hết. Tôi chỉ chăm chú vô ba tôi và khả năng có thể thuyết phục ba tôi bỏ cộng sản để sống hạnh phúc với má tôi.

Bỗng ba tôi đứng dừng lại, đưa mắt nhìn quanh phi trường đông nghẹt khách. Tôi nắm lấy tay John rồi kéo anh đi theo tôi. Vừa nhìn thấy tôi, ba tôi buông cái xách tay bằng da xuống đất, dang hai tay để đón tiếp tôi. Ông ôm tôi thật chặt, rồi quay sang ôm người con rể mà ông chưa từng gặp. Ông thốt kêu bằng tiếng Viết:

- Con!

Sau đó, ông quay sang tôi hỏi:

- Người của ba đâu con?

Tôi hiểu rõ ông muốn nói gì, liền chỉ John và tôi nói:

- Người của ba đây chứ còn ai nữa?

Ông nói rõ hơn:

- Anh tài xế và mấy nhân viên toà đại sứ đâu?

- Con biểu họ đừng tới đón ba, vì con đã nhận trách nhiệm lo cho ông đại sứ rồi.

Tôi cũng hơi buồn, vì ba tôi chỉ quan tâm tới nhân viên toà đại sứ thôi.

Ông tỏ vẻ bực mình, nói:

- Đáng lẽ con không nên làm như vậy. Ba đã báo

toà đại sứ ở Mạc Tư Khoa phải báo cho Luân Đôn biết. Họ phải ra phi trường đón ba, con à.

- Ba ơi, ba đâu có đi công tác, ba đi thăm gia đình mà.

Tôi ráng làm ba tôi vui, nên ôm ngang lưng ông, kéo ông về khu lấy hành lý, vui vẻ nói giỡn:

- Thưa đồng chí, bây giờ đồng chí là thượng khách của con!

Ba tôi nói với John bằng tiếng Việt, như một nhà ngoài giao thích nói tiếng mẹ đẻ với người ngoại quốc:
- Ba cám ơn con đã thương yêu con gái của ba và cháu ngoại của ba; và ba cũng xin đặc biệt cảm ơn con đã săn sóc má của Dung giùm ba.

Ông nói chậm chạp và rành mạch.

John nói với tôi bằng tiếng Anh:

- Em thưa với ba rằng anh rất hãnh diện được làm một phần tử của gia đình em.

Ba tôi lắng nghe từng tiếng John rồi mỉm cười với anh. Nhưng hình như ông đang suy nghĩ khác.

Ông nhíu mày, hỏi tôi:

- Chắc má sẽ buồn khi không thấy anh Khôi con đi cùng ba?

Tôi xiết chặt tay ba tôi, rồi đáp:
- Má sẽ mừng lắm khi gặp ba, nhưng con hy vọng ba đã đặt sẵn câu trả lời về chuyện này với má.

Ông gật đầu:

- Ba sẽ giải thích cho má biết tại sao anh Khôi không cùng đi với ba được.

Tôi chọc ba tôi:

- Ba cần có đồng minh ba ơi. Ba có muốn con có mặt khi nói chuyện với má không?

- Không, con không cần phải giúp ba, vì má con là người hiểu ba nhứt trên đời này.

Đôi mắt ba tôi dường như đang nhìn về một nơi xa xăm, có thể là ngôi làng mà ông đã sống cùng má tôi và hoạt động cách mạng. Cũng có thể là ba nhớ Việt Nam rồi. Tôi liền nói:

- Ba à, ba có thể thực hiện điều mong ước đó nếu ba từ bỏ đảng của ba.

Tôi đã vi phạm lời hứa với John là chỉ để cập tới vấn đề này khi nào đúng lúc. Những quả thiệt, tôi bỗng cảm thấy lúc này là đúng lúc, vì tôi nghĩ rằng tôi sẽ có ít thời gian riêng với ba tôi, chỉ có lúc này là thuận tiện nhứt.

Có thể tôi dự tính sai.

Đôi mắt của ba tôi tức thì trở nên nghiêm nghị. Ông tằng hắng, rồi gằn giọng nói:

- Con à, chuyện này không phải là chuyện để con nói giỡn.

Tôi biết mình đi quá xa không còn chỗ nào trở lại,

nên tôi lấy hết can đảm nói luôn:

- Con đâu có nói giỡn. Con nói thiệt mà ba! Con hết lòng mong muốn ba về hưu, để có thể sống với má cho trọn những năm tháng còn lại của cuộc đời. Con có ý định này ngay lần gặp ba lần đầu tiên ở bên Nhựt kia. Rồi khi gặp ba ở Paris, con cũng có ý định y như vậy. Nhưng lúc đó không thuận tiện, vì ba đang háo hức về thăm Việt Nam sau ngày giải phóng. Bây giờ ba đã hưởng niềm vui thắng lợi của ba, và ba đã vui mừng cho Việt Nam, cũng như đã thất vọng khi thấy cuộc giải phóng đi lạc đường, lạc lối.

Ông nhìn tôi bằng đôi mắt đầy thất vọng, nói:

- Con à, sẽ không bao giờ thuận tiện để con nói tới

chuyện này đâu. Ba yêu cầu con từ nay đừng nhắc tới nữa.

Tôi buồn bã nói:

- Nghĩa là ba không bao giờ thương con, và cũng không muốn ở gần con, phải không?

Ba tôi hôn lên lên trán tôi, rồi dịu giọng:

- Như vậy là con không thương ba mới đúng. Con nên biết chuyến đi của ba như thế này rất đặc biệt. Trong lịch sử của đảng, trước ba chưa có ai được phép đi như thế này. Ba đã được đảng tin cậy. Các đồng chí ở Hà Nội đã cho phép ba đi ngay cho kịp, vì con đã làm cho mọi người tin rằng có tình trạng cấp bách. Gia đình mình ở trong một hoàn cảnh không đơn giản. Vậy con không nên toan tính làm

chuyện gì để người ta phải thất vọng vì gia đình mình. Ba rất cảm động và vui sướng khi biết con yêu thương ba, con muốn được sống bên cạnh ba. Nhưng ba yêu cầu con đừng bao giờ đòi ba từ bỏ đảng, điều đó khiến ba đau lòng, vì con đã coi ba tầm thường như những người khác.

Tôi vẫn chưa chịu, nên nói thêm:

- Ba không thể chọn lựa cả hai được. Hoặc ba về ở với má, hoặc ba theo đảng, bỏ rơi má. Ba đã hy sinh cả cuộc đời ba cho đảng. Trong khi đó, má cũng đã hy sinh cả một thời xuân sắc để chờ đợi ba. Bây giờ đã đến lúc ba nghĩ tới má và gia đình thân yêu của ba. Bốn mươi sáu năm, nửa thế kỷ, ba sống với đảng, xây dựng đảng vững mạnh như ngày nay. Bây giờ gia đình này cần ba để chúng con được

trọn vẹn có mẹ có cha, mấy đứa cháu có đủ ông bà. Chắc ba thất vọng về con, vì thấy con ích kỷ?

- Nói chung thì chúng ta đều ích kỷ. Chúng ta được quyền ích kỷ, con à.

John vừa chạy đi kiếm va-li của ba tôi nhưng chưa có. Anh khuyên chúng tôi nên ngồi nghỉ, vì họ chậm trễ trong việc chuyển hành lý. Chúng tôi ngồi xuống mấy cái ghế trống. Tôi trở lại chuyện bỏ đảng về với gia đình, y như một người bán hàng rong vẫn lải nhải mời mọc dù chủ nhà đã đóng sập cửa lại rồi.

- Mấy năm sau khi ba đi rồi, con đã đủ trí khôn để nhận ra rằng lý thuyết cộng sản hay như chuyện thần tiên, nhưng khi đưa vô thực tế thì lý thuyết đi một đàng, thực tế đi một nẻo. Con rất buồn khi hiểu

được điều đó, và, con cũng buồn cho ba lắm. Con biết ba của con. Trước khi ba là Cộng sản, ba là người Việt Nam, ba là Việt Minh. Con biết từ đáy lòng ba, ba thành thật mơ ước một nền hòa bình và thịnh vượng cho dân tộc Việt Nam. Bạn hữu của ba, bạn của má con, các cô, các dì, các chị con, đã cho con hiểu rất rõ về ba. Vì vậy, con biết ba đã dâng hiến cả cuộc đời ba cho dân tộc, không phải chỉ riêng cho đảng. Trong một bức thơ ba viết cho con sau ngày thống nhứt đất nước, có câu: "Một con én không thể đem mùa xuân trở lại được". Chắc ba còn nhớ?

Hồi đó ba tôi tỏ vẻ thất vọng vì Giải phóng đã làm cho người dân miền Nam buồn chán, nhưng ông quyết định cố gắng hết sức để thay đổi cho tốt đẹp hơn, ông thừa nhận, ông không có đủ quyền hành

trong tay: ông cần các đồng chí có cùng chung sự suy nghĩ mà hành động như ông.

Ba tôi ngồi im lặng nghe tôi say sưa nói.

Mắt ông tỏ vẻ tức giận dù ông vẫn giữ im lặng. Rất may, lúc đó John trở lại, làm cho tình hình căng thẳng giữa ba tôi và tôi dịu xuống. Anh đã lấy được hành lý của ba tôi. Chúng tôi đi ra ngoài ngay, đón taxi về nhà.

Khi xe rời khỏi phi trường, ba tôi nhìn thẳng phía trước, rồi gỡ kiếng ra cầm tay mân mê. Đó là dấu hiệu ông đang tức giận vì lời đề nghị và chỉ trích thẳng thắn của tôi. Ông giữ im lặng một lúc, rồi hỏi tôi:

- Con nói hết chưa?

Tôi gật đầu. Ông nói bằng một giọng bình tĩnh và ôn tồn:

- Trước hết ba cảm ơn con đã rộng lượng đề nghị ba về ở với con. Thứ hai, ba muốn con ghi nhớ điều này suốt đời, là ba rất yêu anh Khôi và em Hoà Bình của con, nhưng con là niềm hãnh diện của ba. Ba rất vui khi được con lo lắng, săn sóc. Ba cũng rất hãnh diện khi biết con quan tâm nhiều đến dân tộc ta. Con cởi mở và cứng rắn, đồng thời con cũng dịu dàng. Con là một người đàn bà đặc biệt. Ba thương con vì con vẫn có nhiều tình thương cho đồng bào ta, dù con đã có quốc tịch Mỹ và là vợ của một sĩ quan Mỹ, mẹ của một đứa bé Mỹ. Nhưng ba biết được con vẫn yêu nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam. Ba sung sướng về con lắm. Ba không muốn thay đổi con dù theo phương hướng nào.

Ngưng một chút, ba tôi nhìn tôi với một vẻ bằng lòng, rồi tiếp:

- Ba chỉ muốn con ghi nhớ tận đáy lòng con một điều, là con hãy vui mừng khi thấy ba của con vẫn có nghị lực và ý chí, quyết đem lại hòa bình vĩnh cửu cho đất nước của chúng ta.

John ngồi cạnh tôi cũng lắng nghe cuộc nói chuyện, nhưng chắc chỉ hiểu được phân nữa thôi. Anh bỗng lên tiếng:

- Hãy từ tốn với ba, nghe Nhà (tiếng lóng chi có John gọi tôi). Nên nói chuyện về má, về anh Khôi. Hỏi ba coi mấy ngày ở Moscow có dễ chịu không. Hỏi ba cuối tuần rồi đi trượt băng với các bạn có vui không? Hỏi ba có mong gặp má không. Đừng nói về chuyện Việt Nam, cũng đừng nhắc chuyện

chánh trị. Bây giờ không phải là lúc nói mấy cái chuyện đó.

Tất nhiên là John nói đúng, tôi hối hận đã không đủ kiên nhẫn chờ dịp khác để nói. Những cũng chỉ vì tôi cảm thấy thời gian dành cho tôi có thể nói chuyện riêng với ba tôi ít quá. Lúc nào cũng có một ông già râu ria vô hình quay cho đồng hồ chạy lẹ hơn cả nhịp đập của tim tôi. Vì vậy, nếu tôi không nói ra những điều ấp ủ trong lòng, e sẽ chẳng bao giờ có dịp nói với ba tôi.

- Con đã cào, đã cấu, đã tìm mọi cách, đã vượt Thái Bình Dương, rồi vượt luôn Đai Tây Dương mà vẫn không được có ba. Có lẽ, cuối cùng con phải bắt cóc ba, ba ơi.

Ba tôi sửng sốt vì câu nói đó, ông xích ra xa tôi, rồi

nhìn đường, ông hỏi:

- Còn bao lâu nữa thì tới nhà?

- Dạ, chừng hai mươi phút nữa, thưa ba! - Tôi đáp.

- Vậy thì muộn quá.

- Má sẽ đợi suốt đêm để chờ mình ba à.

Ba tôi giữ im lặng chừng năm phút, hai tay vẫn mân mê cái kiếng, tỏ vẻ suy nghĩ. Cuối cùng ông lại lên tiếng:

- Con à, ba hy vọng con hiểu vị thế của ba hiện nay. Tối nay, sau khi tới nhà, gặp má con, ôm hôn thằng cháu ngoại của ba một cái, rồi ba sẽ ra đi ngay.

Tôi hốt hoảng kêu lên:

- Con không hiểu ba nói gì!

Tôi quay sang John, dịch lại lời ba tôi vừa nói cho anh biết. Anh xua tay cho biết anh vẫn theo dõi câu chuyện và khuyên tôi nên nghe lời ba tôi.

- Nếu con chịu nghe ba nói, con sẽ hiểu.

Ba tôi nói tiếp, là một nhà ngoại giao thâm niên, ba cũng là một trong những người đặt ra nguyên tắc này. Nếu ba không sống theo nguyên tắc thì ba không có quyền đòi hỏi nhân viên dưới quyền của ba đúng nguyên tắc. Rất giản dị là ba phải về ngủ ở nhà của toà đại sứ sau một ngày công tác. Theo nguyên tắc, ban ngày với má con và các con, rồi ban đêm ba phải về ngủ ở nhà của toà đại sứ.

Ông nói một cách thản nhiên, coi đó như một luật thiên nhiên trong trái đất. Tôi hiểu rõ ràng những lời ông nói, những vẫn giận cành hông.

- Ba có biết tại sao các Chánh phủ cộng sản trên thế giới phải đặt ra nguyên tắc gắt gao cho đảng viên của họ không? Vì họ không tin tưởng ngay cả chế độ của họ, giống như một anh chồng có tánh ghen tuông, nhốt vợ trong tủ áo, sợ thả lỏng thì con vợ sẽ trốn đi mất tiêu.

Ba tôi chỉ cười. Ông hiểu ý tôi, nhưng tôi biết ông giữ vững lập trường của ông.

Chúng tôi về tới nhà khoảng mười một giờ rưỡi khuya. Chưa kịp gõ cửa thì má tôi đã mở ra và bật đèn cửa sáng choang. Với vẻ mặt rạng rỡ, bà bước

ra ngoài đón chúng tôi. Bà mặc áo bà ba mới, trong bà trẻ hẳn ra và đầy sức sống.

Khi chúng tôi vô nhà. John và tôi đi thẳng vô bếp, nhường phòng khách cho ba má tôi. John nói nhỏ với tôi:

- Đang lé má phải ra dáng bịnh hoạn, chớ không nên ra ngoài đón ba như vậy, rủi VC nó thấy thì sao!

Tôi nghe thấy mùi cháo thơm, nên mấy phút sau quay trở ra phòng khách để mời ba tôi vô bếp. Tôi yêu cầu ông nhắm mặt lại. Ông hít một hơi rồi reo lên vui vẻ:

- A, đây là món cháo anh rất thích. Có mùi gan gà và hành lá nữa.

Tôi dọn cháo ra bàn ăn trong khi ba tôi lên lầu rửa mặt. Tôi bỗng nghe giọng ngái ngủ của Lance từ trên lầu vọng xuống:

- Ông ngoại. Sao ông tới trễ quá vậy?

- Ôm hôn ông ngoại, rồi đi ngủ đi, nghe. Mai ông sẽ tới!

Ba tôi hôn túi bụi lên mặt lên tóc của Lance.

Sau khi ăn cháo gà, ba tôi mở va-li, nói:

- Ba đem cho con mấy thứ lặt vặt hương vị Cần Thơ mà con thích.

Nói xong, ông mỉm cười. Tôi vồ ngay lấy mọi thứ: bánh tráng ngọt, bánh phồng, mứt me, kẹo dừa, kẹo

chuối. Ba tôi khoe với má tôi mấy hộp trái cây; đó là sản phẩm của hãng làm đồ hộp mà chị Thuỷ Xinh người con nuôi của ba tôi làm giám đốc. Trong khi chúng tôi đang vui vẻ, tôi thấy đồng hồ đã chỉ một giờ ba mươi sáng. Tôi hơi bối rối cho má. Tôi biết ba tôi không thể ngủ đêm ở nhà chúng tôi được, mà phải về nhà riêng của toà đại sứ. Phản ứng của má tôi không như tôi lúc này. Bà bình tĩnh sắp xếp lại túi xách cho ba tôi, rồi đề nghị chúng tôi đưa ba tôi đi ngay kéo quá trễ. Bà chỉ muốn cho ba tôi có một đêm ngủ ngon sau cuộc hành trình mệt mỏi. Như vậy, có phải chứng tỏ vợ hiểu chồng hơn con hiểu cha không? Tôi tự hỏi mà bối rối.

Sau khi ba tôi kêu điện thoại cho nhân viên toà đại sứ để báo cho họ biết ba tôi sắp tới, John và tôi chuyển hết hành lý của ba tôi lên xe, rồi cùng nhau đi trong đêm tối. Đường đi không xa, chỉ chừng

năm phút là tới. John ngồi đợi ngoài xe, tôi mang xách tay của ba tôi vô nhà. Đồng chí Chiểu ngái ngủ ra mở cửa, mặc bộ pyjama.

Trong nhà nóng một cách ngột ngạt; có lẽ máy sưởi mở đến 80 độ. Sau khi dẫn chúng tôi tới phòng ngủ của khách, "đồng chí" Chiểu chúc ba tôi ngủ ngon, rồi trở về phòng của ông. Ba tôi sai tôi mở cửa sổ cho thoáng và mát. Trên giường có hai tấm mền, ông cất đi một. Tôi liền nói giỡn:

- Ba thấy chưa? Nếu ba ngủ ở nhà con, không ai dám nướng ba nóng như ở đây.

- Ba quen với khí hậu lạnh ở Mạc Tư Khoa rồi, dù mùa đông ở đó rất khắc nghiệt. Thôi, con về đi, đừng bắt chồng con đợi lâu quá. Sáng mai, sau khi ăn điểm tâm, đến đón ba nghe. Ba cần thảo luận

một vài vấn đề với mấy anh em ở đây trong bữa điểm tâm.

Khi tôi định đi ra của, ba tôi nói:

- Trước khi con về, ba muốn nói với con là ba mừng cho con, vì chồng con rất tốt.

- Cảm ơn ba.

Nói xong, tôi ôm hôn ông rồi đi ra ngoài trời đêm giá lạnh, để ba tôi ở lại với những người bạn cộng sản của ông.

Trên đường về, tôi nhìn lên bầu trời tối đen, cảm ơn đấng thiêng liêng nào đó ẩn sau đám mây đen. Tôi thất vọng vì ba tôi không chịu ngủ trong nhà tôi,

nhưng tôi cũng mừng vì ông đã được ra khỏi nước để gặp chúng tôi. Đó là diễm phúc trời cho rồi.

Tôi đã lớn lên trong một hoàn cảnh mà tôi không mong muốn bất cứ người nào khác phải chịu đựng như mình. Nhưng qua biết bao khó khăn, tôi cũng hãnh diện vì đã vượt được hết, cho đến ngày hôm nay. Tôi đã thừa hưởng được ý chí mạnh từ ông ngoại, và tôi đã tranh đấu cho những nguyên tắc riêng của mình, cho quyền lợi và cho chính cuộc đời mình, trong một xã hội mà tôi tin rằng nó là của tôi. Đồng thời, ông ngoại tôi cũng dậy tôi phải chấp nhận nhu cầu và quyền lợi của người khác, nghèo cũng như giầu. Nhưng ông tôi không dậy tôi phải chấp nhận tình trạng của hai người yêu nhau tha thiết, mà phải sống xa nhau vì lý tưởng, như ba má tôi. Tôi không thể chấp nhận điều này được.

Đêm hôm đó, tôi muốn nói chuyện với má tôi về những khó khăn trong dĩ vãng, về những giấc mộng dở dang hiện tại và về tương lai bất trắc. Nhưng khi chúng tôi về tới nhà thì bà đã đi ngủ. Tôi rón rén đi tới phòng ngủ của má tôi, thấy bà nằm quay lưng ra ngoài và ngủ ngon lành. Dù sao tôi cũng cảm thấy yên tâm, vì bà không muốn đợi tôi về để bàn tới chuyện mà bà không thích.

Tôi có cảm tưởng tôi như một con cá nhỏ lội ngược dòng. Những biến cố ào tới như thác lũ, khiến tôi không sao đối phó kịp. Ý nghĩ ba tôi sẽ trở về Việt Nam làm tôi hoảng sợ.

Mấy ngày sau, ba má tôi có nhiều thời gian sống bên nhau. Má tôi đi đâu ba tôi đi theo đó: lúc vô nhà bếp, lúc lên lầu, lúc xuống nhà. Hai ông bà nói chuyện với nhau không ngừng, hầu hết nói về bạn

cũ trong vùng giải phóng. Có lúc hai ông bà cười vui vẻ với nhau. Lại có lúc ngồi im lặng, không biết hai người nghĩ gì? Nghĩ gì cũng được, miễn hai người ngồi nghỉ bên nhau là tôi sung sướng lắm rồi. Những ngày này, ba má tôi vui tươi, hạnh phúc lắm.

Tôi nghĩ rằng ba tôi đã rất tế nhị, không nhắc tới sự kiện má tôi chẳng có vẻ gì là đau ốm dù rằng, tôi viết trong thơ gởi ông Lê Duẩn, là má tôi đau nặng có thể chết.

Hai ngày sau khi ba tôi tới, tôi để ba má tôi ở nhà một mình, dắt Lance "đi shopping". Đúng hơn là tôi đi gặp Rob và Bill. Tôi biết hai ông rất nóng lòng, như ngồi trên đống lửa, muốn biết những chuyện gì đang xảy ra ở trong căn nhà nhỏ của chúng tôi. Tất nhiên là không có gì nhiều để báo

cáo, vì cho tới lúc này chỉ có chuyện cá nhân, không có một dấu hiệu nào về việc ba tôi sẽ đào thoát.

Cũng như tôi, họ đều tỏ vẻ thất vọng, vì anh Khởi tôi không được đi. Bây giờ thì bầu không khí giữa họ và tôi không còn căng thẳng như trước nữa. Có thể lý do mà họ bớt gây gổ với tôi họ sắp được gặp những người thân yêu của họ. Hai cơ quan và CIA đều cho họ biết vợ con họ sẽ có thể sang Luân Đôn đón lễ Giáng Sinh với họ. Cảm ơn Thượng đế đã cấu tạo ra người ngay từ thuở khai thiên lập địa. John cho Lance được nghỉ học để cháu ở nhà chơi với ông ngoại, dù ngày nghỉ lễ Giáng Sinh cũng sắp tới. Tôi cũng lấy làm lạ khi thấy Lance thích được ông ngoại ôm vào lòng. Thường thường Lance không thể ngồi yên được hai phút, vậy mà bây giờ Lance ngồi hàng giờ bên cạnh ông bà trong

khi ông bà chuyện với nhau. Lúc thì Lance bầy đồ chơi ra, lúc thì vẽ hình cho ông ngoại xem. Thỉnh thoảng ba tôi kéo cháu lại gần để hôn. Thứ Năm cháu có thể dẫn ông ngoại tới trường để khoe với bạn không? Mỗi tuần, ngày thứ Năm nào Lance cũng đem đồ chơi vô khoe với lớp. Má tôi hỏi:

- Cháu sẽ nói về ông như thế nào?

Lance đáp:

- Cháu sẽ nói với mọi người ông làm việc cho chánh phủ Việt Nam, và ông là ba của má cháu.

Ba tôi lại hỏi:
- Nếu ông không đi, cháu đem cái gì để khoe với các bạn?
- Cháu sẽ mang tôi trường cái máy bay trực thăng.

Vừa nói Lance vừa khoe với mọi người máy bay trực thăng làm lấy bằng những miếng cây trong hộp đồ chơi.

Tôi nói:

- Con hãy đem máy bay trực thăng đi. Trời lạnh quá không đi với con được.

Sau đó tôi nói với ba tôi, khi được gặp ông ngoại ở trường, cháu khoe với một bà ở toà đại sứ Mỹ, ông nó là "cộng sản tốt ở Việt Nam".

Ba tôi thích lắm.

Tôi không thể diễn tả được cảm giác kỳ diệu của tôi khi được cùng ba má tôi chuyện trò vui vẻ. Tôi

nhìn tôi trên kiếng, sợ lên mặt, rồi thầm nói với mình: “Đây là thật, không phải chiêm bao”.

Ba má tôi nói đủ mọi thứ chuyện, rồi nhắc đến sự ra đi của những người thân yêu. Ba tôi nhắc đến ông nội, bà nội. Tôi đã thấy ba tôi chùi nước mắt cho má tôi, khi ông bà nhắc tới Hải Vân, em tôi. Nhưng hai người cũng có lúc cãi lộn, đề tài tranh luận bao giờ cũng là chánh trị. Cả hai cùng giữ vững lập trường của mình, một thì tích cực bênh vực cộng sản, còn một thì chống cộng kịch liệt. Đó là lý do đã khiến hai người phải xa cách bấy lâu nay. Tôi nghĩ rằng các cuộc tranh luận ấy đều có lợi cho cả hai. Má tôi thì cần nói ra nỗi niềm riêng bà đã ôm ấp hai chục năm nay. Còn ba tôi cũng nên biết nỗi lòng của một người đã bị mất nước và mất tất cả vì cộng sản.

Má tôi hỏi ba tôi về số phận của miền Nam. Ông trả lời rằng:

- Thời gian xây dựng lâu dài hơn là thời gian phá hoại. Nước Việt Nam cần có nhiều thời gian để hàn gắn.

Má tôi không thoả mãn với những lời hứa hẹn như vậy. Bà nói:

- Làm sao anh có thể đem lại hoà bình, khi mà đảng cộng sản của anh mở chiến dịch chống lại nhân dân? Dân của tôi no ấm, miền Nam của tôi phồn thịnh, rồi đảng của mấy ông cáng xã hội chủ nghĩa vô họng người ta, dân của tui mới đói, mới rách.

Ba tôi đáp:

- Anh công nhận là miền Nam phong phú, nhưng chỉ một số nhỏ được đặc ân mà giầu có, còn đa số thì trắng tay.

- Cả ngàn năm nay, thời nào cũng có người giầu, kẻ nghèo. Tôi bảo đảm đảng của anh sẽ làm nên lịch sử, bằng cách tước đoạt hết của cải của mọi người, san bằng mọi "bất công" trong xã hội, quay lại đảng viên ai nấy giầu có như nhau.

Ba tôi nhẹ nhàng đưa tay lên che miệng má tôi, rồi ông lắc đầu nhìn bà bằng đôi mắt van xin bà hãy ngưng cuộc tranh luận, vì lập trường của hai người hoàn toàn khác biệt; hãy tận hưởng những giây phút quý báu bên nhau.

Bên nhau, ba má tôi cũng có những giờ phút êm đẹp. Ông ngồi yên lặng bên cạnh bà để xem bà vá

áo sơ mi cho ông, may quần áo ngủ mới, và đơm lại mấy nút áo không giống nhau. Những lúc thấy má tôi vui và nụ cười rạng rỡ trên mặt ba tôi, tôi thầm tự nhủ: "Nếu chẳng may hôm nay mình chết, chắc mình sẽ biến thành một thiên thần sung sướng nhứt."

Chương 44

Ngày Chúa Nhựt 18 tháng Chạp, chúng tôi đề nghị cả gia đình đi picnic ở vùng quê ngoại ô thành phố Luân Đôn để ba má tôi có dịp thay đổi không khí. Nhưng tôi ngạc nhiên khi ba tôi từ chối. Ông đề nghị cứ đưa Lance đi chơi vui vẻ, ông thích ở nhà hơn.

Tôi không hiểu tại sao ba tôi lại từ chối cuộc đi chơi để cùng sinh hoạt chung với gia đình. Cuối cùng, má tôi kéo tôi vô phòng riêng của bà để giải thích cho tôi biết. Buổi tối đi đón ba tôi ở phi trường, trên đường về, tôi đã nói giỡn với ba tôi là tôi "bắt cóc" ông nếu ông không chịu ở lại với má. Ông đã hốt hoảng, và từ hôm đó tới nay, ba tôi không biết tôi nói thật hay nói chơi. Bây giờ chúng tôi nói tới chuyện đi về miền đồng quê, xa toà đại sứ Việt Nam, thì ông sợ tôi làm thiệt.

Tôi hối hận vô cùng vì đã làm ba tôi bất an trong mấy ngày này. Nhưng tôi vẫn nuôi dưỡng cái ước mong tách ba tôi khỏi nước Việt Nam. Mỗi lần nghĩ tới chuyện đó thì tâm tư tôi rộn ràng, tim tôi đập tứ tung. Nhưng tôi không có ý đồ gì trong chuyến đi picnic này. Má tôi đã phải năn nỉ ba tôi

nhiều lần như vậy; cuối cùng cũng thuyết phục được ông đi với chúng tôi.

Ba tôi miễn cưỡng đi, nhưng ông không thoải mái chút nào trong suốt buổi đi chơi. Khi chúng tôi ngưng lại bên một cánh đồng, ông không muốn ra khỏi xe, và có thể ông cũng không muốn nhúc nhích, nếu Lance không nắm tay ông năn nỉ:

- Ông ngoại. Lance muốn chơi với ông?

Mắt ông không ngừng ngó quanh cánh đồng suốt buổi picnic đó, như có ý đề phòng một nhóm người bất thình lình xuất hiện từ bờ cây bụi cỏ để bắt cóc ông. Phải chi tôi đừng nói tới hai chữ “bắt cóc”, rồi chờ khi có dịp thuận tiện ở một địa điểm tốt, sẽ thực hiện điều đó. Tôi tâm sự với má tôi thì bà la tôi liền:

- Con à, không bao giờ có dịp nào thuận tiện hay địa điểm nào tốt để làm chuyện đó với ba con nghe chưa.

Chúng tôi phải rút ngắn buổi đi chơi ngoài trời, vì ba tôi tỏ ra quá lo lắng. Sự căng thẳng tinh thần đã làm ông mệt mỏi, nên khi vừa về tới nhà, ông lên phòng Lance nằm nghỉ.

Tôi hối hận vô cùng. Không ngờ lời nói của tôi đã ảnh hưởng mạnh tới tinh thần ba tôi như vậy. Có thể suốt những ngày thăm viếng gia đình tôi, ông đã lo lắng, chứ không phải chỉ buổi picnic hôm nay. Tôi nói với má tôi là tôi biết mình có lỗi với ba nhiều quá. Bà khuyên tôi nên xin lỗi ba tôi.

Tôi bước vô phòng của Lance, thấy ba tôi nằm bất

động trên giường, nhìn tôi mà không nói gì. Tôi lên tiếng:

- Ba à, tại con quá tuyệt vọng nên đã nói bậy. Có lẽ vì ngu mới nuôi ảo tưởng, mới xây nhà lầu trên cát; và cũng chỉ vì con thương ba má quá. Vậy con xin ba tha lỗi cho con. Con phát ngôn bừa bãi để ba phải lo lắng!

Ông nằm lấy tôi siết mạnh, rồi nói:

- Ba tha lỗi cho con rồi.

Ông không muốn nhắc lại chuyện cũ nữa, ông lật gối qua mặt kia, rồi nằm xuống lại, như muốn ngủ tiếp. Tôi ra khỏi phòng, nói với John, tôi cần đi bộ một lát.

Gió tháng Chạp thổi vô mặt tôi lạnh buốt khi tôi đứng trên cây cầu ở công viên Regent. Hai ông bà già người Anh nắm tay nhau đi qua cầu. Bà già phải chống gậy. Ông già nhắc nón lên chào, khi hai ông bà đi qua tôi. Tôi hình dung ba má tôi được sống bên nhau như hai ông bà này, nhưng tôi đã biết không còn hy vọng gì nữa. Tôi thèm thuồng nhìn theo họ cho tới lúc họ quẹo sang đường khác.
Trên đường về nhà, tôi dừng lại trước nhà thờ St. Marks, nhìn lên khung cửa kiếng nhiều mầu và cứ hỏi:

- Tại sao thương yêu mà đau quá vậy?

Khi tôi về tới nhà, ba tôi đã dậy và đang đọc cuốn Solar Energy (Năng lượng mặt trời) của John. Thấy tôi, ông cười nhưng nụ cười không tươi như trước đó.

Có lần ba tôi tâm sự:

- Ba thèm địa vị của má, vì má may mắn được nuôi dậy con. Ba chỉ có được thấy các con lớn lên trong tưởng tượng mà thôi. Ba đã vẽ hình tất cả các con, tuyệt đẹp trong sự tưởng tượng của ba.

Nói gì bây giờ. Tốt hơn là nghe ba tôi tâm sự, để ông trút hết nỗi lòng hai chục năm nay không thổ lộ được với ai.

Đêm hôm đó, khi tôi đưa ba về nhà, tôi nấn ná trong phòng ngủ của ông lâu hơn mọi khi. Tôi ước mong có một điều gì đó có thể khiến tôi làm, hoặc nói để ông đổi ý, hoặc có một phép lạ nào trong đêm Giáng Sinh làm việc đó thay tôi. Nhưng cuộc đời với ba tôi không có phép lạ, không có nhiệm mầu. Chỉ có tình yêu, chỉ có bổn phận, chỉ có tổ

quốc, và chỉ có kẻ thù. Đời của ba tôi có chiến tranh, có hoà bình, hy vọng, đau thương, vui tươi và buồn phiền, nhưng không có nhiệm mầu. Tôi làm giường cho ông, lấy quần áo dơ mang về nhà giặt, và cứ lăng xăng bên cạnh ông mà không làm gì, nói gì hết. Cuối cùng ông hỏi:

- Con đang nghĩ gì vậy?

Tôi lắc đầu rồi vội hôn ba tôi, chào từ biệt.

Đường về nhà lúc sau nửa đêm trông như một cảnh trong một phim huyền bí. Sương mù bao phủ cây cối, và lác đác mấy ngọn đèn đường toả ánh sáng mờ ảo vô những toà nhà vách đá. Trong khi lái xe, tôi bỗng cảm thấy tức giận. Giận chính tôi, giận thế giới, giận hoàn cảnh đã đưa gia đình tôi vô thế kẹt này. Mấy tháng trước, má tôi hỏi tôi sẽ làm gì, nếu

ba tôi từ chối trở về sống với gia đình? Tôi không thể trả lời câu hỏi đó. Tôi đã nói với bà như sau:

- Con không trả lời câu hỏi đó được đâu. Cũng như con không trả lời khi ai hỏi con sẽ có cảm giác gì, nếu con rớt từ từng lầu thứ 25 xuống đất.

Đáng lẽ tôi nên nói với má tôi: "Con xin phó thác mọi việc cho ông Trời". Không biết lúc này tôi có được ở trong bàn tay yêu thương của ông Trời không nữa? Tôi muốn tin là có.

Về tới nhà, tôi ăn mấy cái bánh và uống ly sữa mà tôi và Lance đã để trên bàn mời ông già Noel rồi đi ngủ. Tôi nghĩ rằng nhiệm mầu của Giáng Sinh đã ban cho gia đình tôi được xum họp vui vẻ dưới một mái nhà ở Luân Đôn. Nhưng ước mơng khác có được thì tuỳ thuộc ở ba tôi, và cần thêm nhiều phép

lạ bùa mê lắm mới khắc phục được lý tưởng mà ông đang theo, và sự trung thành tuyệt đối với sự nghiệp đó.

***

Một buổi trưa, tôi và má tôi ngồi nói chuyện, má nói:

- Ba thương con, ba thương hết tụi mình, đừng bao giờ nghi ngờ điều đó nhưng ông phải đeo đuổi sự nghiệp của ông.

- Má à, con muốn thử thời vận mình một lần nữa, xin ba nghĩ kỹ lại.

Má tôi nói:

- Ba con hãnh diện về việc cuộc đời của một người tiên phong đi làm cách mạng. Ba tin là người ta còn cần tới ông. Ở Mỹ sung sướng với ai kia, chớ không phải với ba. Ba sẽ khổ lắm, rồi ba sẽ chết héo chết mòn khi ông trở thành một người không có quê hương, xứ sở. Mình cũng như nhiều người khác, sống ở đâu cũng được. Còn ba con thì không làm sao sống xa cái khuôn khổ của ông. Thôi, để yên cho ba con.

Tối hôm đó, sau bữa ăn, ba tôi và tôi nói chuyện riêng rất lâu. Chúng tôi ngồi xếp bằng trên giường của Lance. Tôi nắm lấy hai bàn tay ba tôi như muốn trút hết tâm tư của mình. Tôi nói:

- Ba à, con muốn ba biết là ba đã đem tới cho chúng con cái lễ Giáng Sinh tuyệt vời chưa bao giờ có trong đời chúng con. Ba đã làm cho má con vui.

Con cảm ơn ba đã chung vui với chúng con và cho Lance được cái diễm phúc được biết ông ngoại. Cám ơn ba chấp nhận thằng rể của ba vô trong gia đình mình!

Ba tôi lắng nghe rồi nói:

- Ba cũng cám ơn gia đình con cho ba có mặt ở đây. Ước gì cảnh xum họp này kéo dài vô tận để nghe má con cười, để má con vui.

Ba tôi nhìn ra một nơi xa xăm, rồi ông nói một câu ngắn gọn:

- Ba phải trở về nước của ba.

- Ba à, ba đã theo lý tưởng của ba quá lâu rồi; ba hiến đời ba cho đảng cộng sản, cho dân tộc và đất

nước. Bây giờ ba không thể sống cho gia đình của ba được sao? Tình thương của ba cho má, ba phải giấu mấy chục năm nay, thì bây giờ ba đâu còn phải giấu nữa.

Ông nói bằng một giọng chắc nịch:

- Ba cũng muốn những điều như con muốn. Nhu cầu của chúng ta không khác nhau; của má con cũng vậy. Ba thương con, ba chung thuỷ với má con. Nhưng điều con đòi hỏi ba, thì ba không thể chiều con được.

Đôi mắt ông như có lửa giận, vì một lần nữa tôi nhắc lại chuyện hưu trí, ở lại với má tôi. Ông nói tiếp:

- Ba đã dậy con của ba phải trung thành, phải là

người có tín nhiệm. Ba muốn làm gương cho những điều giáo huấn đó.

Tôi ra giọng năn nỉ:

- Con đâu có đòi ba phải phản bội họ. Con chỉ muốn ba chia sẻ cuộc sống với tụi con, sống với má cho tới già, bỏ qua chính trị, bỏ qua đảng cộng sản luôn.

Ba tôi bình tĩnh nói:

- Con yêu cầu ba bỏ nước mình đi, rồi tới ở một nước đã từng là thù địch của ba. Con nghĩ lại coi như vậy có được không, con gái của ba?

Tôi đáp ngay:
- Ba à, con đã nghĩ về chuyện này lâu lắm rồi; con

nghĩ kỹ lắm. Con đâu có đòi ba phải sống ở Mỹ. Ba lựa một nước nào khác. Một nước trung lập, hay bất cứ một nơi nào mà ba được quyền thương yêu gia đình của ba, nơi nào mà ba được tự chủ, tự do.

Ông ngắt lời tôi:

- Ba là người Việt Nam, sanh trưởng tại Việt Nam và ba sẽ chết ở Việt Nam với đồng bào của ba.

- Thưa ba, con đâu có nói tới chuyện chết chóc. Con chỉ nói tới chuyện sống, tới chuyện chia ngọt sẽ bùi với những người thân yêu của ba. Ai cũng muốn có ba bên cạnh, như đất cần mưa, như cá cần nước.

Ba tôi có vẻ dịu đi một chút, cúi xuống hôn lên tóc tôi, rồi nói:

- Được con của ba thương ba, là danh dự lắm.

- Ước gì trong một giây phút ba biến thành con, để ba có thể hiểu tại sao con mong mỏi ba trở về xum họp với gia đình.

- Ba không cần là con. ba cũng có thể hiểu tấm lòng của con. Có nhiều lần ba cần các con, cần má con lắm… Đó là những lúc ba ráng tưởng tượng các con khôn lớn như thế nào, các con đang làm gì, các con ra sao, đời có tử tế với con của ba không? Đó là những lúc khó khăn nhứt cho ba. Nhung bổn phận của ba đối với đất nước vẫn trên hết!

- Làm con của ba là niềm hãnh diện, nhưng làm con của ba khó quá, vì tụi con không sống nổi theo sự đòi hỏi của con nhà cách mạng. Con nghĩ chiến tranh đã chấm dứt, đã trở thành dĩ vãng. Bây giờ

chúng con có quyền đòi lại ba, đòi lại những gì của riêng chúng con đã bị mất.

Tôi vừa nói vừa cố gượng cười.

Ba tôi cũng mỉm cười, rồi nói:

- Mình có thể làm cho tình gia đình mình phong phú mạnh mẽ hơn với thái độ không vị kỷ. Hãy giúp đỡ nhau đối phó với hoàn cảnh hiện tại của gia đình, đi tới một sự hiểu biết rộng rãi hơn.

Chúng tôi ngồi trong im lặng một lát.

Ba tôi có vẻ đăm chiêu khi nhắc tới chuyện về miền Nam sau tháng 4-1975. Ông nói:

- Ba về nhà sau khi Sài gòn được giải phóng, không

một người bạn nào cho ba biết vợ con ba đã di Mỹ. Rồi ba về Cần Thơ. Khi tới giữa chợ Bang Thạch, bạn hữu của gia đình ra chào mừng ba, nhưng không một ai nhắc tới má con. Cuối cùng về nhà của ông ngoại bà ngoại, dì Bảy mới cho biết má con đã đi Mỹ, các con đã yêu cầu má đi. Trong mấy ngày liền, ba đau đớn lắm. Ba rất hổ thẹn mà thú nhận rằng ba không đáp ứng sự mong mỏi của vợ con. Nhung rồi ba cũng mừng, là ba không mất hẳn gia đình của ba.

Nói tới đây thì má tôi bước vô phòng. Ba tôi ngồi xích một bên để nhường chỗ cho má. Rồi ông nói tiếp:

- Khi ba mười sáu tuổi, là một người trẻ trung làm cách mạng, ba đã hiểu rằng bảo vệ tổ quốc không phải là một việc làm hay một nghề nghiệp mà là

một bổn phận và danh dự của người dân. Trong lúc đất nước lâm vào nguy biến, làm cách mạng là một điều quan trong hơn bất kỳ việc gì khác trong đời ba. Người làm cách mạng tin vào lý tưởng mình đang theo, tinh thần phải vững mạnh, vì vậy gia đình là chủ yếu cho người làm cách mạng. Người làm cách mạng cần có một gia đình vững chắc bên cạnh để yểm trợ cho mình về mọi phương diện. Ba đã tin tưởng như vậy và ba quyết định rằng người vợ tương lai của ba cũng là một người bạn đời của ba, người có thể làm cho tinh thần mình lên cao và ý chí mình luôn luôn vững mạnh. Người vợ của ba sẽ sanh con cho ba và nuôi dưỡng chúng nên người, dạy con ba yêu nước, yêu dân tộc. Ba để tâm tìm kiếm người đàn bà đó. Ba đã tưởng ba sẽ phải sống cô đơn tới già. Nhưng rồi, năm hai mươi sáu tuổi ba gặp cô em gái của một đồng chí. Ba yêu cô đó ngay. Và, như một phép lạ, cô có đủ mọi đức

tánh của một người vợ mà ba mơ ước. Ba thưa với ông bà nội rằng với giòng giống của hai gia đình như vậy, ba tin rằng sau này ba sẽ có những đứa con tuyệt vời. Ông nội bèn chánh thứ hỏi cô gái đó cho ba.

Tôi thấy niềm vui trong đôi mắt sáng long lanh của ba tôi khi người hồi tưởng lại thời trai trẻ của mình. Ba tôi mỉm cười rồi tiếp tục kể:

- Hoàn cảnh đất nước chúng ta hồi đó không cho phép ba được sống bên cạnh má con, nhưng má con lúc nào, kể cả bây giờ cũng là người gần gũi với ba, hiểu ba nhứt. Ba có thể hiểu được tình yêu và lòng chung thuỷ của má con. Những năm xa nhà, ba nhìn ảnh phản chiếu của một giòng sông im lặng và biết rằng ba không cô đơn. Khi bọn Pháp bắt giam nhiều người làm cách mạng, mối lo sợ lớn nhứt của

các đồng chí của ba là con cái sẽ bơ vơ và gia đình sẽ tan nát. Nhưng trong tận đáy lòng ba, ba biết gia đình ta vẫn yên lành và con của ba vẫn được má chăm lo, nuôi dạy. Như vậy, các con thấy rõ là các con rất may mắn mới có bà mẹ như má.

Buổi trưa đó má tôi rầy cho tôi một mẻ:

- Con đã làm ba buồn. má không thích như vậy. Mình không có giúp ích gì được cho bên nhà cũng như người ở lại bằng cách chửi cộng sản trước mặt ba mày. Đừng có hành hạ ba. Đừng có giận cá chém thớt. Cái chế độ đó ra đời không phải để đem hạnh phúc cho dân, mà họ làm giầu làm mạnh cho đảng thôi. Không còn ai cứu nước Việt Nam được, luôn thằng Mỹ cũng chịu thua. Con không được lớn lên với ba, nên cứ tưởng ba còn trẻ. Trong trí nhớ của con, ba trẻ trung, ba là Việt Minh chống

Pháp những bây giờ ba con không còn trẻ nữa. Thôi, để ba về Việt Nam cho ông đem theo những kỷ niệm vui của cuộc viếng thăm này. Đây là lần cuối cùng mình gặp ba. Má yêu cầu con lên xin lỗi ba.

Trong gia đình, ai cũng biết tôi là đứa bướng bỉnh, cứng đầu; vậy mà sau khi má tôi dứt lời, tôi ngồi xuống đất khóc. Má tôi khóc.

Má tôi nhìn ra cửa sổ rồi nói thêm:

- Má biết con đau đớn lắm, nhưng con còn trẻ, thời gian sẽ làm cho con khuây khoả. Trong khi đó, ba con già rồi, ba không có thời gian để hàn gắn vết thương nào. Đừng để ba mày khổ, tội nghiệp ba.

Trong phòng của Lance, ba tôi nằm nghiêng, lưng

quay ra cửa. Tôi ngắm kỹ ông, thấy rõ xương vai dưới lớp áo trắng mỏng. Tôi nghĩ rằng má tôi nói đúng về cảm nghĩ của chúng tôi với ông. Tôi chưa bao giờ trông thấy ba tôi già như lúc này. Đối với tôi, ông luôn luôn là một người Việt Minh cương nghị, đầy nhiệt huyết của một nhà cách mạng chống Pháp. Bây giờ ba tôi già ốm yếu, với mái tóc hoa râm. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ba tôi già. Nhưng tuổi già của ông lại khiến tôi không đồng ý với má tôi, là để ông trở về Việt Nam: tôi càng muốn giữ ông ở lại với chúng tôi.

Hồi còn nhỏ, tôi thường nghe má tôi ao ước sớm được săn sóc ba tôi, muốn làm những món ăn ngon cho ông, muốn may quần áo, muốn nâng khăn sửa túi cho ba. Bà muốn cùng ông hưởng những giây phút sung sướng khi Hải Vân được khen thưởng mỗi cuối năm học. Bà muốn ông đi gặp ông hay bà

hiệu trưởng khi ba nhận được giấy khiển trách về tội Hải Vân nghịch phá trong trường. Tôi thì lúc nào cũng chỉ mong ba tôi trở về gia đình, để tôi không bị mang tiếng là đứa con không có cha. Khi lớn lên, tôi vẫn cần có ba tôi. Những lúc này, khi bước vô phòng, tôi chỉ muốn săn sóc ông.

Tôi bỗng cảm thấy bầu không khí bao bọc chung quanh ba tôi và tôi trở nên mong manh quá, chỉ một bước hụt là tất cả sẽ đổ vỡ tan tành.

Tôi rụt rè để nhẹ tay lên cánh tay ông. Ông quay lại ngay. Ông nhìn tôi bằng đôi mắt hiền lành, bao dung như giữa chúng tôi chưa hề tranh luận gây gổ. Ông bình tĩnh, trìu mến nhìn tôi.

- Ba ơi, con xin lỗi đã làm ba buồn.

Ông trả lời ngay:

- Ba đã tha thứ cho con rồi, nhưng từ nay con đừng nhắc lại chuyện đó trước mặt má nữa. Con chỉ làm má buồn thôi.

Ngưng một chút, ông tiếp:

- Con à, mình chỉ nên nói chuyện vui với nhau thôi. Trước khi thay đổi đề tài, ba muốn con biết rằng ba rất hãnh diện về cách giáo dục của má trong việc nuôi dậy con của ba, dầu rằng ba đã từng mong mỏi các con hiểu cho lý tưởng của ba.

Ba tôi đổi đề tài:

- Thôi, mình xuống nhà xem đồ chơi mới của

Lance đi. Không biết ông già Noel đêm hôm qua cho nó cái gì.

Ông sửa lại quần áo cho ngay ngắn, rồi đi xuống phòng khách ở dưới nhà để gặp mọi người trong gia đình.

Tôi còn nán lại trong phòng và nằm lên đúng chỗ ba tôi vừa nằm lúc nãy để nghe hơi ấm của ba tôi. Rồi tôi thầm hỏi:

- Không được gần ba hai mươi lăm năm trước, mà bây giờ cũng không; vậy lúc nào, hả ba? Ba ra đi khi con quá nhỏ để hiểu tại sao, mà bây giờ con già rồi, con vẫn còn mập mờ về mục đích và sứ mệnh ngày ra đi của ba.

Lần đầu tiên tôi muốn buông xuôi hết mối thù, và

không hiểu sao ý nghĩ này làm tâm hồn tôi nhẹ như bay. Kệ FBI, CIA, Bộ tư pháp. Kệ luôn ông Griffin Bell bộ trưởng Bộ tư pháp, dù ông đã trông cậy tôi làm nhân chứng trong vụ án Trương Đình Hùng. Tôi mệt mỏi làm người đáng tin cậy. Tôi cảm thấy cô đơn trong sự lựa chọn này. Tôi cũng mệt mỏi, chán nản chuyện nài nỉ, thuyết phục ba tôi làm nhiệm vụ của ông với vợ con và gia đình.

Trên vách tường trong căn phòng tôi đang nằm, má tôi có treo một bức tranh của Đức Mẹ Maria bồng chúa hài đồng. Đức Mẹ nhìn tôi. Tôi vội ngoảnh đi chỗ khác để tránh đôi mắt nhắc nhở của ba, trong khi vẫn nhớ lời hứa của tôi mấy tháng trước. Đó là lời hứa với hai người đại diện của FBI và CIA ngay tại nhà tôi:

- Tôi sẽ ra toà làm chứng, nếu và khi nào Bộ tư

pháp cần tới tôi, nhưng chỉ khi việc làm của tôi không phương hại tới địa vị và sự an ninh của ba tôi và anh tôi thôi. Tôi xin long trọng hứa với hai anh như vậy. Đó là bổn phận công dân của tôi. Tôi đã nêu ra kế hoạch này, và tôi sẽ chấm dứt nó một cách trọn vẹn.

Đó là lời hứa của mấy tháng trước, còn bây giờ thì sao? Dường như cũng chẳng có gì quan trọng hết. Nếu ngay đêm nay tôi kêu điện thoại cho Rob và Bill để cho hai ông biết rằng tôi đã thay đổi ý kiến, thì lịch sử có gì khác không? Có ai quan tâm không? Tôi thầm nghĩ như vậy, khi tôi nằm trên giường.

Tôi nhìn tôi trong kiếng treo trên vách tường một hồi lâu. Đó là khuôn mặt của một người đàn bà đang tự thuyết phục mình nên bỏ cuộc. Tôi chống

cự với người đàn bà trong kiếng, vì tôi biết tôi phải sống với sự quyết định này, từ đây cho đến ngày tôi nhắm mắt.

***

Đêm hôm đó, đêm 25 tháng Chạp, tôi lái xe đưa ba tôi về cư xá của toà đại sứ. Về nhà thì John và Lance đã lên giường nhưng chưa ngủ. Tôi nghe hai cha con kèn cựa với nhau về chuyện gãi lưng. Lance đề nghị:

- Nếu Daddy viết chữ từ A đến Z trên lưng con, con sẽ đi trên lưng ba hai phút.

John đáp lại ngay:
- Không, con đi lên lưng ba trước, ba sẽ viết chữ sau.

- Nhưng Daddy luôn luôn ngủ mất tiêu khi con đi lên lưng, rồi Mommy nói “Để Daddy ngủ đi, Lance“. Lance nhại giọng của tôi.

John nài nỉ:

- Đi lên lưng ba đi, con.

Lance hỏi:

- Daddy muốn con đi lên lưng bao lâu?

- Càng lâu càng tốt.

- OK. Xong rồi đó.

Tiếng cười của hai cha con từ trên lầu vọng xuống nhắc cho biết tôi may mắn vô cùng. Từ ngày Lance

ra đời, tôi ao ước sao tôi có thể đem niềm vui lại cho ba má tôi như niềm vui Lance mang tới cho vợ chồng tôi. Chúng tôi có nhiều chị em quá, nên má tôi quá vất vả mới nuôi nổi chúng tôi. Bà đã cố gắng không ngừng, đầu tắt mặt tối để lo cho chúng tôi nên người.

Má tôi ngồi trên giường nhìn ra cửa sổ, phía đường Regent Park; ánh sáng từ Camden Town chiếu lên mái những toà nhà xưa bên kia đường. Bà cầm trong tay một tấm hình nhỏ, đó là hình mới nhứt của anh Khôi, ba tôi mới đem qua. Anh tôi mặc áo sơ mi dài tay và quần mầu xám. Ảnh chụp tại phi trường Tân Sơn Nhứt; anh đứng trước một máy bay lớn của Mỹ C-130. Trông anh khoẻ mạnh và đẹp trai như thuở nào.

- Má không biết thằng Khôi nó sống ra làm sao?

Mình có còn quan trọng đối với nó không? Hay nó là con bác, con đảng rồi? - Má tôi lau nước mắt bằng tay áo bà ba - Má thắc mắc về anh Khôi quá. Không biết tụi cộng sản có làm gì nó không? Họ có hại gì tới tinh thần nó không?

Tôi an ủi má tôi:

- Má à, anh sống với mình mười bảy năm trời, anh là người tốt. Con nghĩ cộng sản không thể huỷ hoại con cái trong gia đình mình được đâu, trừ khi người đó muốn như vậy.

Má tôi ăn tỏ vẻ lo lắng:

- Muốn sống còn, con người ta phải ngả theo trào lưu của xã hội, rồi quên hết phải quấy con ơi.

Má tôi nhìn hình ảnh Khôi một lần nữa, rồi luồn vô cái khuôn hình nhỏ.

Căn phòng nhỏ bé trở nên im lặng một cách khó chịu. Tôi nghe như trận bão trong lòng tôi bắt đầu trở lại. Ước gì đêm nay tôi nằm chiêm bao thấy được ông ngoại, để ông chỉ cho tôi gỡ cái rắc rối này.

Tôi tin rằng nếu tình thương của ba tôi dành cho chúng tôi không tăng thêm thì cũng không tàn lụi. Tình yêu của cha mẹ là bất diệt và vô điều kiện. Tôi đã từng nói với tôi rằng, làm con của ba má tôi không phải dễ, vì mọi người phải thấy rõ sự phức tạp trong mối liên hệ của mọi người trong gia đình. Chúng tôi phải hiểu và chấp nhận tình trạng hiện tại, nếu không, mình sẽ tự xây những bức tường

ngăn cách giữa mình với những người ruột thịt, máu mủ.

Đêm hôm đó, sau khi hai cha con John ngủ, má và tôi xuống dưới nhà để tiếp tục nói chuyện. Tôi ngạc nhiên, thấy thái độ của má tôi đã thay đổi. Bà đứng về phe ba tôi và yêu cầu tôi đừng nói gì làm ông buồn.

Suy nghĩ một lát, rồi, lần đầu tiên, kể từ ngày ba tôi tới Luân Đôn, tôi nói tới chuyện tôi làm việc cho hai cơ quan tình báo và phản gián:

- CIA sẵn sàng đưa ba sang Mỹ ngay nếu mình bằng lòng. Rob nói với con như vậy.

Má tôi liền cảnh cáo:
- Ba con sẽ tự tử, nếu con làm như vậy.

Tôi lại nói ngay:

- Con nghĩ con nên nói cho ba biết con đang hoạt động cho CIA.

Má tôi lắc đầu, khoát tay hốt hoảng.

Tôi giải thích:

- Con thì nghĩ, ba nên biết như vậy trước khi ba trở về Việt Nam. Con không muốn giấu ba một điều gì. Mà ba cũng cần biết để đề phòng.

Má tôi chậm rãi nói:

- Con cứ làm điều gì mà con thấy cần phải làm, cũng như ba con vậy. Con đừng có nghĩ con có tội vì con chống cái đảng của ba. Con dính líu với CIA

cũng không làm mất uy tín của ba con đâu, nhưng liên hệ giữa ba con và con sẽ chấm dứt kể từ đây.

- Con không biết xử sự làm sao má à? - Tôi nói yếu xỉu.

- Má biết. Cái gì ba không biết thì không ai hại được. Má biết, má không thể cấm con làm việc cho CIA, cũng như mà không thể đòi ba con bỏ cộng sản được. Con hiểu lòng trung thành nó ảnh hưởng con người đến mức độ nào rồi.

Má tôi nhìn tôi trách móc. Bà chỉ tay vô mặt tôi, nói tiếp:

- Con là người hiểu điều đó hơn ai hết.

Tôi biết má tôi phiền tôi làm về việc hợp tác với

CIA và Bộ tư pháp.

- Con cảm ơn sự tháng thắn của má, nhưng mà con vẫn nghĩ con phải cho ba biết việc làm của con.

- Biết sự thật?

- Dạ.

Ba nghiêm giọng nói với tôi:

- Con đã ráng hết sức của con. Con đổ mồ hôi, nước mắt vô việc này với họ. Còn con muốn tự tay con bắt hai thằng gián điệp, bây giờ sắp thành công. Con không muốn để nó lọt lưới, phải không?

- Dạ phải.

- Vậy thì con đừng nói gì với ba hết. Ông không kiếm cách cứu thằng Hùng, nhưng ba mày phải cứu chú Thi. Ông sẽ cố gắng che chở, báo về cho Bộ ngoại giao khỏi bị mất mặt, ông cũng sẽ bảo vệ quyền lợi của chánh phủ Việt Nam. Như vậy thì con với mấy người bạn FBI, CIA của con chỉ còn nước nhìn nhau mà khóc thôi!

Má tôi nói câu nào rõ câu đó.

Tôi cãi bướng:

- Con nghĩ nếu con cho ba biết sự thật, có thể ba thay đổi ý, rồi ba ở lại đây luôn.

Trong khi nói, tôi phải giữ vẻ mặt bình tĩnh, vì chính tôi cũng nghĩ "ngu ơi là ngu". Má tôi khuyên:

- Con phải giữ kín chuyện của con, tránh cho ba con khỏi che đậy, khỏi nói láo với đảng của ông về con gái cưng của ông. Ba con phải ở trong địa vị của một người vô tư, vô tội, một người bị con gạt, không biết gì hết, để yên thân ba. Con hiểu không?
Bà nghiêm giọng nói tiếp:

- Con không thấy ba con cẩn thận sao con? Ông không bao giờ hỏi mấy thằng rể làm gì, không bao giờ muốn biết cấp bậc của thằng John. Ba có hỏi má về chồng của chị Kim, chồng của chị Cương, nhưng ba chỉ muốn biết hai người đó có tốt với con gái của ông không thôi? Ba con không bao giờ hỏi tụi nó làm nghề gì hoặc giầu hay nghèo. Như một người tù binh, tốt hơn hết ba chỉ cần biết tên của con, tuổi của con, ngoài ra ba không nên biết gì về con hết.

Má tôi nhìn tôi một hồi lâu rồi cười, nụ cười vị tha, trìu mến. Bà có vẻ hài lòng. Tôi phục má tôi, trong hoàn cảnh này mà bà vẫn giữ được tính hài hước. Tôi nhìn bà, rồi hứa:

- Dạ, con nghe lời má. Con hy vọng má đúng.

Bà tỏ vẻ bằng lòng, tin tưởng lời hứa của tôi, rồi đi ngủ.

***

Ba tôi sẽ rời Luân Đôn ngày thứ Ba, hai mươi bảy. Vì vậy, ngày cuối cùng, ông muốn tôi đưa ông tới toà đại sứ Việt Nam. Ông muốn cám ơn các nhân viên toà đại sứ đã tiếp đãi ông tử tế. Nhưng ông cũng muốn tôi đi theo để gặp những người đã từng

làm việc dưới quyền ông khi ông là đại sứ lưu động ở các nước vùng Bắc Âu những năm 1970.

Toà đại sứ chưa có đại sứ chánh thức. Ông Trần Hoàn mới được chỉ định, nhưng theo lời “đồng chí Chiểu” thì Bộ ngoại giao sẽ cử ông ta làm đại sứ.
Khi chúng tôi tới toà đại sứ, ba tôi gặp riêng ông Thi bốn mươi lăm phút để thảo luận về chuyện hành chánh. Ông Thi là người tạm thời lãnh đạo toà đại sứ, chờ Bộ ngoại giao chính thức bổ nhiệm một đại sứ.

Trong bữa ăn điểm tâm, hai vị còn nói tới thời gian cùng làm việc ở Oslo và Copenhagen, nhắc lại những đồng chí cũ hiện này giữ chức vụ gì và ở đâu, ở Việt Nam hay hải ngoại. Tôi mừng là ông Thi đã không hỏi nhiều về tình trạng sức khoẻ của

má tôi, chắc chắn ông cũng được thông báo là má tôi “bịnh nặng”.

Cả ông Thi lẫn ba tôi đều khuyến khích tôi nên liên lạc thường xuyên với toà đại sứ để quen biết các nhân viên sau khi ba tôi đã về nước, ông Thi vui vẻ nói:

- Chúng tôi là gia đình của chị.

Gần trưa, ba tôi và tôi rời toà đại sứ để các nhân viên có thể về chung cư ăn cơm trưa. Chúng tôi vừa bắt đầu đi bộ dưới bầu trời xám ngắt của Luân Đôn, thì mưa lác đác rồi với những cơn gió lạnh buốt. Chúng tôi phải kiếm taxi để đi. Trong khi đứng chờ ở một góc đường, nhìn những xe taxi có khách chạy vụt qua, tôi nắm tay ba tôi. Vì tôi siết mạnh quá, ba tôi bị đau ngón cái; đó là ngón tay bị gẫy

khi mật thám Tây tra tấn ba tôi mấy chục năm về trước. Để thử lòng ba tôi một lần nữa, tôi nói:

- Ba à, con chưa bao giờ nói với ai chuyện này: năm con mười hai tuổi, con hay nghĩ tới Thượng đế, rồi con coi ba như Thượng đế của con. Nhiều lần con tự trấn an rằng “dù ba không ở gần con, nhưng ba vẫn ở bên con, như Thượng đế luôn luôn ở bên cạnh mọi người”. Con khắc phục được con sông Bến Hải, 1.600 cây số cũng không làm cho ba xa con được.

Ba tôi mỉm cười và tỏ vẻ bằng lòng.

- Ba muốn con hiểu điều này - ông nói - Ba con có trách nhiệm với nhiều người ở Việt Nam, trong đó có anh Khôi của con. Nếu con giữ ba ở lại đây, ba

sẽ chết dần, chết mòn. Như vậy, ba cũng không ích lợi gì cho con của ba nữa.

Một lần nữa, trong khi nói với tôi, mắt ông nhìn về một nơi xa vắng.

Tôi giận ba tôi, vì ông một mực từ chối tôi. Bỗng tôi có ý định xúc phạm ông cho đã nư, đã giận. Tôi nói:

- Có thể ba không bao giờ muốn sống gần tụi con; sao ba không nói thẳng cho rồi!

Ba tôi cãi lại liền:

- Ba không nói vì điều đó không đúng sự thật. Con hãy nhìn thẳng mắt ba để nghe ba nói, rồi ghi nhớ suốt đời. Con cũng nên nói lại cho chị em con và

con cháu con cũng biết. Ba của con rất yêu con, yêu má con và các anh chị em con. Ba đã yêu như vậy trong quá khứ, và ba còn yêu mãi mãi trong tương lai. Ba đã phục vụ đất nước hơn bốn mươi sáu năm; ba vẫn tiếp tục phục vụ cho tới ngày đất nước không còn cần ba nữa. Nếu ba không trở về Việt Nam, ba sẽ chỉ là một người bỏ cuộc, một người đào ngũ. Lúc đó con có còn hãnh diện về ba nữa không?

Ba tôi nhìn tôi chằm chặp để chờ câu trả lời của tôi. Tôi mạnh dạn đáp:

- Con đâu có xúi ba đào ngũ. Con chỉ muốn ba về hưu để ở với gia đình. Để cho những người khác làm chánh trị trên sân khấu của Việt Nam.

- Bây giờ ba hỏi ngược lại con. Ba đã nghĩ vợ

chồng con và Lance về sống ở Việt Nam. Ba sẽ không ép các con vô đảng cộng sản. Ba muốn các con về làm việc cho chánh phủ Việt Nam thôi. Chuyên môn của John về năng lượng mặt trời rất cần cho nước ta ngày nay. John sẽ được trả lương cao, và các con sẽ có một biệt thự riêng để ở, có kẻ hầu người hạ. Con nghĩ sao?

Tôi ớn lạnh vì đề nghị khủng khiếp của ba tôi, và ông biết ông đã thắng cuộc. Ông nói:

- Nào, bây giờ thì con hiểu tâm can của ba rồi. Mình đâu có khác gì nhau. Mình là con nhà họ Đặng, và mình sống theo nguyên tắc đạo đức riêng của từng người.

Ông nhìn tôi, nét giận hờn biến mất rồi nói tiếp:
- Con hãy cười vui khi ba trở về Việt Nam, và tin

rằng ba của con lúc nào cũng xứng đáng với sự tin cậy của con. Ba sẽ hết lòng phục vụ dân tộc của chúng ta.

Tôi vùi mặt tôi vô vai ông để chùi nước mắt bắt đầu chảy xuống má. Tôi nghẹn ngào nói:

- Những hy vọng, những lo sợ kinh hoàng, những tuyệt vọng của người dân miền Nam Việt Nam là những hy vọng, những lo sợ kinh hoàng và những tuyệt vọng của chính con, ba à.

Trời lạnh run, tôi vừa nói vừa đánh bò cạp.

Ba tôi đã quen cái lạnh ở Liên Xô, cho nên cái lạnh của Luân Đôn không làm cho ba tôi khó chịu. Ông bình tĩnh nói:
- Ba hiểu ý con.

Đúng lúc đó, khi mưa nặng hạt, một xe taxi trống trờ tới. Chúng tôi vội vàng vô xe để về nhà. Ba tôi lau những hạt nước mưa đóng trên tóc bằng cái khăn tay má tôi mới tặng ba trong ngày Giáng Sinh.

***

Trong buổi họp mặt gia đình tôi hôm đó, má tôi bắt tôi không được nói tới chuyện chánh trị, Việt Nam, cộng sản, tư bản… hay bất cứ vấn đề gì có thể gây tranh luận. Suốt buổi chiều, tôi nấu nướng những món ba tôi thích. Trong khi đó, ba tôi chơi với Lance ở phòng khách, gần lò sưởi. Ông dậy cháu ông vẽ, rồi ông còn ngồi cho cháu vẽ chân dung ông. Khi Lance vẽ xong, John nhìn bức hình, nói:
- Con có hoa tay như ông ngoại.

Ba tôi có ý định ở chơi lâu với gia đình buổi tối cuối cùng, nên đã kêu cho người quản gia để báo tin ông sẽ về trễ. Ông đã vui với chúng tôi tới quá nửa đêm. Tôi nghĩ rằng "lệnh cấm" của má tôi đã khiến cho bầu không khí của buổi tối đó êm ấm. Ba và John nói chuyện về nhiên liệu mặt trời sẽ được sử dụng nhiều trong tương lai; ba tôi cũng hiểu rất nhiều về địa hạt này.

Tuy nhiên, đêm hôm đó cũng có một chút buồn, khi ba tôi kể lại chuyện gặp cô tôi, em ruột của ba. Sau ngày "giải phóng", ba tôi tạm trú trong khách sạn Majestic ở Sài gòn. Một hôm, nhân viên trực ở quầy phía trước báo cho ba tôi biết có người muốn gặp ba tôi. Ông xuống ngay và thấy một người đàn bà lạ hoắc, ông tự hỏi: "Bà già này là ai đây?"

Vừa thấy ba tôi, người đàn bà đứng dậy đưa hai tay

chờ ôm lấy ông. Ông giựt mình hỏi:

- Xin lỗi, chị là ai?

Người đàn bà oà tên khóc, ôm lấy ông, sụt sùi nói:

- Anh ơi, em, em là em… của anh đây!

Lúc đó ba tôi mới nhận ra cô Sáu Trong, em của ba, từ Ba Càng lên Sài gòn tìm anh. Ba tôi thứ Năm, cô thứ sáu, cô nhỏ hơn ba tôi khoảng mười tuổi.

Lúc tôi rửa chén, ba đi theo nói chuyện. Đây là lần đầu tiên ba tôi nhắc tới những vấn đề rắc rối của anh Khôi với chính quyền Hà Nội mấy năm về trước.

Ba tôi lúc nào cũng quan tâm tới anh, nhưng chính anh lại gây cho ba tôi nhiều chuyện khó khăn, phiền phức. Khi ở Hà Nội, theo lời ba tôi kể, anh quan hệ với nhiều phụ nữ, khiến các đồng chí cao cấp của ba tôi chau mày. Có người đã cố gắng thuyết phục anh sửa đổi, học tập để trở thành một người có hạnh kiểm tốt, ngõ hầu có thể được thu nhận vô đảng cộng sản, nhưng anh làm ngơ. Điều này đưa ba tôi vô cái thế rất khó xử.

Trong thời còn chiến tranh, một nữ mật vụ của công an ngầm được lịnh điều tra anh Khôi, giả bộ làm người tình của anh. Một đêm, sau khi anh ngủ thiếp đi, cô mật vụ gắn máy nghe lén dưới giường và bàn viết của anh. Bất chợt anh thức giấc, bắt quả tang nên nổi nóng đánh cô ta. Anh bị đưa ra toà về tôi "nhục mạ một nhân viên nhà nước". May mắn cho anh, ông chánh án lại là bạn của ba tôi và ông

tin lời của anh Khôi, khai không biết tình nhân là "nhân viên nhà nước". Nhờ vậy, anh không bị kết tội về hành vi chánh trị.

Ba tôi tiếp tục:

- Anh của con đã lớn, ba không thể bắt buộc nó phải nghe lời ba. Nó có làm gì, thì vẫn là con của ba; ba không thể giận nó lâu được.

Ba tôi thương anh Khôi quá, nên đã tha thứ mọi lỗi lầm của anh dù những lỗi lầm ấy làm ông mắc cỡ. Tôi lại phân tách rằng, cũng có thể trong tâm thức của ba, anh Khôi là hiện thân của một người dân muốn sống tự do; anh như một luồng gió sạch, lành mạnh trong đời sống của ông. Anh Khôi là cái gì thật, rất bình thường, trong cái thế giới giả tạo của xã hội chủ nghĩa. Anh như con cá cần nước, con hổ

nhớ rừng; nếu mất anh Khôi, ai nhắc nhở ba ngoài kia người dân cũng muốn sống.

Đêm hôm đó, chúng tôi không khóc khi ba tôi từ biệt. Ba má tôi đã nói chuyện riêng với nhau thật lâu trước khi ba tôi ra đi. Ba tôi ôm chặt từng người từ trong bếp, rồi ra phòng khách ông còn ôm má tôi lần nữa, ông hôn Lance và ôm ghì thằng cháu của ông lâu thật là lâu. Ông bắt tay John, rồi ôm anh và nói:

- Cám ơn con của ba. Khi nào tình thế giữa hai nước thuận tiện hơn, ba sẽ mời con về thăm Việt Nam.

- Anh ráng kiếm cách cho Khôi qua đây nhen! - Má tôi câu cuối cùng.

Ba tôi im lặng, đội nón lên, rồi cầm lấy cái túi xách từ tay bà, đi ra cửa mà không ngoảnh lại nhìn.

Tôi lái xe chầm chậm về nhà trọ của toà đại sứ, mà muốn đường dài hơn chút nữa.

Đường xa vắng vẻ và yên lặng trong đêm khuya. Lúc đó gần một giờ sáng. Cái túi xách để dưới chân ông. Trong túi có hai bộ quần áo ngủ mới, hai áo sơ mi và mấy cái quần xà lỏn má tôi mới may cho ông. Ngoài ra còn hai cái sơ mi mới của anh Khôi nữa.

Chúng tôi đánh thức ông quản gia dậy, ông mở cửa cho chúng tôi vào, rồi lặng lẽ đi ngủ lại ngay. Tôi muốn giúp ba tôi thu xếp hành trang, nhưng ông từ chối và nói:

- Ba quen xếp hành lý một mình, vì xếp lấy ba mới dễ tìm đồ ba cần.

Cuộc sống của ông đã khiến ông quen làm như vậy. Mọi thứ phải theo khuôn khổ, hạn chế trong một giới hạn nào đó. Cái trật tự ấy khiến ông thoải mái trong bất cứ hoàn cảnh nào. Tôi thắc mắc, ba tôi sống với những thói quen và trật tự đó quá lâu, không biết ba tôi còn có thể hoạt động bình thường không, nếu được tự do. Ông có sẵn sàng tìm tự do nếu không bị cộng sản kiềm chế không? Tôi cần tìm hiểu ba tôi một chút nữa. Tôi ngồi xuống mép giường rồi nắm lấy tay ông, hỏi:

- Ba, bây giờ không đúng lúc, cũng không đúng chỗ, nhưng con muốn hỏi ba một điều.

- Cứ hỏi đi.

Tôi hít vô một hơi dài, rồi đánh liều như người chơi thể thao phóng từ đỉnh núi xuống một giòng sông. Hên thì sống, mống thì chết, tôi hỏi:

- Nếu con công khai chống lại chánh phủ của ba thì ba có bị ảnh hưởng gì không?

Ông có vẻ bực mình, nuốt nước miếng, rồi đáp:

- Ba là một thành phần của Chánh phủ mà con vừa nói tới.

Tôi nhấn mạnh:

- Con chống Chánh phủ, chớ không phải chống ba!

Ông nói bằng một giọng lạnh lùng:
- Con là con, ba là ba. Ba không chịu trách nhiệm

những hành động của con.

- Nói một cách khác, nếu con công khai chống Hà Nội, ba có bị khiển trách gì không? Con muốn biết rõ điều này.

Ông có vẻ giận dữ, lắc đầu, nói sang chuyện khác:

- Bây giờ trễ rồi, sáng mai ba phải dậy sớm vì ba phải tham dự một buổi họp ở toà đại sứ.

Chương Kết

Vậy là cuộc viếng thăm chấm dứt!

Chúng tôi đã được gặp ba tôi và đã hỏi bằng nhiều cách muốn ông trở về sống với gia đình và đã bị

ông từ chối. Má tôi đã yêu cầu được gặp con trai của ba, và lời yêu cầu cũng đã bị bác bỏ. Không còn gì để làm hay để nói nữa.

Bill Fleshman hăm hở sửa soạn về Washington với vẻ mặt của một người thắng cuộc khi từ biệt chúng tôi. Trong khi đó, lần đầu tiên Rob và tôi cảm thấy cùng một phe với nhau - những dự tính, những mục đích của tôi và CIA sắp sửa bị huỷ bỏ hết, khi bị đưa ra công khai trước toà án. Tôi muốn chia sẻ với Rob cái cảm giác của người bị thất bại, nhưng không có lời nào nói lên được cảm tưởng đó. Một bầu không khí trống rỗng bao phủ chúng tôi khi tôi gặp Rob lần chót tại Reeve Mouse.

Trên xe taxi về nhà, tôi cố gắng quên chuyện đã qua. Trước mắt là chuyện bây giờ, hôm nay và ngày mai. Tôi nghĩ tới Trương Đình Hùng. Từ đây

về sau, cơ quan truyền thông sẽ biết đến anh với cái tên David Trường. Tôi hình dung vẻ mặt sửng sốt của anh khi bị bắt, rồi tưởng tượng ra cảnh anh bị giải từ nhà tù ra toà án. Hùng sẽ nở nụ cười gượng trước những ống kính của các phóng viên nhà báo và đài truyền hình, nụ cười của một kẻ tự cho mình là đã hy sinh cho một lý tưởng, và tôi cũng nghĩ tới phản ứng của ba tôi ở Sài gòn, khi ông hay tin động trời về đứa con gái của ông. Ông sẽ nghỉ một ngày ở nhà để sống biệt lập trong căn biệt thự của ông, ông sẽ thiền, sẽ nằm bất động như vài lần ông đã nằm ở tư thế đó tại nhà tôi.

Chúng tôi rời Luân Đôn ngày 12 tháng Giêng năm 1978. Bây giờ nghĩ lại, đó là ngày lý tưởng để từ giã Luân Đôn. Hôm đó, lò sưởi căn nhà mướn của tôi bị hư, nhà lạnh cóng, trong khi tuyết bao phủ khắp nơi và mặt trời ẩn trốn sau những đám mây u

ám từ nhiều ngày đó. Trời lạnh lẽo cũng như sự lạnh lùng của má tôi. Tuyết rơi suốt dọc đường đưa gia đình tôi ra phi trường Heathrow. Từ đây, nước Mỹ là nhà…

***

Với tâm hồn của người du mục, John và tôi đã chịu đựng được những cuộc di chuyển và thay đổi liên tục của gia đình hải quân. Khi trở về Washington, chúng tôi ở tạm trong một khách sạn gần hai tuần lễ để tìm nhà ở vùng Springfield, Virginia. Bộ tư pháp khuyên chúng tôi không nên lấy đồ trong kho về xài, vì có thể sau phiên toà, chúng tôi sẽ phải di chuyển tới một nơi an toàn hơn. Khi kiếm được một ngôi nhà để mướn, chúng tôi phải mướn đồ đạc, bàn ghế. Chúng tôi đi PX của quân đội để mua nồi niêu xoong chảo và các thứ lính tinh cần thiết

khác. Má về ở với em tôi ở Alexandria, Virginia. Trong khi John đi làm, Lance về học lớp Ba, trường gần nhà, đi bộ tới được. Trong khi đó, ngày ngày tôi phải ra Alexandria, để thảo luận với luật sư của Bộ tư pháp và CIA, chuẩn bị cho ngày ra toà.

Trong thâm tâm, má tôi vẫn tin rằng anh Khôi sẽ không trốn khỏi Việt Nam khi mà ba tôi còn ở đó. Bà mong Bộ tư pháp trì hoãn cuộc khởi tố càng lâu càng tốt: biết đâu có một phép lạ nào đưa tới.

Những chả có phép lạ nào hết. Cuối cùng, Bill Fleshman cho tôi biết người ta sẽ bắt David Trương và Ronald Humphrey vào ngày 31 tháng Giêng, 1978. Buổi tối 30, tôi rước má tôi về nhà tôi ngủ để có nhau.

Khi tôi sửa soạn cho Lance đi ngủ, má tôi gỡ nút áo cho cháu xong thì ngước lên nhìn tôi, má nói:

- Con có một ngày nữa thôi, rồi con sẽ hối hận.

Tôi đáp:

- Con sẽ không có gì để hối hận, má à. Như má, con cũng đâu có muốn chuyện này xảy ra. Con đã làm việc với thằng Hùng, giả bộ là đồng chí của nó, đóng kịch là đồng loã với nó suốt gần một năm trời. Con đã ăn sáng, ăn trưa với nó, con đã uống trà trên nhà của nó. Có một lần nó hết tiền, con cho nó năm đồng bạc để đi xe bus. Con tội nghiệp nó như con tội nghiệp những người tù tội khác.

Má tôi vẫn lạnh lùng, không nhìn tôi.

- Má, đây là nhà của mình, quê hương mới của mình. Con tin tưởng một cách mãnh liệt là con có bổn phận phải bảo vệ nước này. Hồi đó, mình sống trên đất Việt Nam mình không có làm gì để bảo vệ đất nước, giỏi nhứt là không làm Việt Cộng thôi. Việt Nam như cái cây bị người ta bẻ hết trái mà không ai vun xới, nên mình mới mất miền Nam. Bây giờ…

Má tôi có vẻ giận, bà cắt lời tôi:

- Con không nên dạy đời má như vậy.

- Má đừng làm khó con nữa. Mấy tháng nay con như người sống dưới địa ngục kể từ ngày Bộ tư pháp đưa chưn vô nhà tụi con.

Bà nói:

- Con có dịp từ chối họ mà.

Tôi không tin má tôi muốn nói như vậy. Tôi chưa kịp nói gì, thì bà tiếp:

- Má thấy má vô dụng trong cái nhà này rồi. Hay là con để má đi Atlanta ở với chị Kim và Minh Tâm đi.

Thú thật, nghe má tôi nói vậy, tôi nhẹ trong lòng vô cùng. Thật ra, ở Washington má tôi không giúp gì được cho tôi, ngày nào hai mẹ con gặp nhau rồi cùng bàn đi bàn lại: tôi bị la rầy, má trách đúng lắm. Tôi muốn tránh mặt má tôi, những trốn đâu trong căn nhà mướn chỉ có ba cái phòng ngủ, ngoài sân thì tuyết phủ đầy đường. Xa nhau sáu trăm dặm, may ra tránh làm khổ nhau. Ý định này tôi

cũng nghĩ từ trước đó, những không dám đề nghị, sợ má giận là tôi “đuổi” má.

Nhớ lời ông ngoại tôi dậy: “Làm người khó, làm chó thì dễ”. Làm người Việt Nam càng khó hơn ngoại ơi!

- Dạ, con sẽ mua vé máy bay cho má đi xuống chị Kim. Nhưng con muốn má biết là má đã nghĩ không đúng khi má nói: mà vô dụng ở đây. Lúc nào con cũng cần má, má à. Con dệt chiếc chiếu này cho con thì con nằm lên nó; nó êm thì con nhờ, nó có gai có góc thì con chịu. Con đâu có mượn ai nằm lên giùm con được.

Má tôi hôn Lance, chúc cháu ngủ ngon, rồi tắt đèn. Lance hỏi nhỏ:
- Má cãi lộn với bà ngoại hả?

- Không, bà với má bàn công chuyện.

Lance nói bằng một giọng nghiêm trang:

- Con nghĩ bà ngoại giận má đó.

- Không, bà không có giận má đâu.

- Tốt.

Rồi Lance đổi giọng nhõng nhẽo nói:

- Má xoa lưng cho con đi, rồi viết chữ từ A tới Z cho con ngủ.

***

Tôi thức trắng đêm, nghĩ hoài đến những thử thách,

gay go sắp tới. Khoảng sáu giờ rưỡi sáng, tôi nhón gót ra khỏi giường rồi đi vô bếp pha cafe. Ngoài sân, có một lớp tuyết mỏng mới rơi đêm đó. Tuyết phủ lên những mảng băng từ nhiều ngày trước. Bốn bề yên lặng, tôi nghe nhịp đập của tim tôi. Một vài miếng tuyết dầy rơi từ nóc nhà xuống cái bàn ngoài sân và trên nắp thùng rác, làm tôi giựt mình.

Ý kiến má tôi đi Atlanta là ý kiến hay. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy bức bối, hồi hộp một cách kỳ lạ khi tôi tới gần má tôi. Tôi hoảng sợ khi nghe tiếng chân của bà đi xuống nhà bếp. Tôi làm bộ chăm chú vô việc pha cafe và thay giấy lọc để khỏi phải nói chuyện với bà. Nhưng rồi bà lên tiếng trước:

- Tối hôm qua má ngủ không được.

- Con cũng vậy, suốt đêm con nghĩ hoài tới Trương Đình Hùng.

Bà hỏi:

- Nếu chuyện đó làm con khổ tâm, tại sao con lại làm?

Tôi miễn cưỡng trả lời:

- Tại con phải làm.

Sau khi Lance đi học, John đi làm, má tôi về phòng, kéo màn cửa sổ che lại rồi đi nằm. Tôi mở va-li, lấy ra mấy bộ đồ để ủi, giết thì giờ.

Khoảng mười giờ rưỡi, John về nhà. Tôi hơi ngạc nhiên thấy anh về sớm, những mừng quá, vì tôi sợ

cái yên lặng ngộp thở trong căn nhà này rồi. John rủ tôi đi chợ mua vài thứ lặt vặt.

Chúng tôi mời má tôi đi cùng, nhưng bà từ chối, viện cớ là trời lạnh. Quá trưa một chút, trên đường về nhà, tôi mở radio nghe im tức, thì ngay lúc đó người xướng ngôn viên đọc bản tin Trương Đình Hùng và Ronald Louis Humphrey vừa bị bắt. Tôi chưa bao giờ gặp Humphrey. Hùng chỉ cho tôi biết ông ta là "một người có thẻ đặc biệt để lên từng lầu thứ bảy của Bộ ngoại giao và có thể lấy bất cứ tài liệu nào chúng ta muốn".

Thay vì thấy lòng nhẹ nhõm và vui mừng vì thành công, tâm tư tôi tràn trề sự thương xót cho Hùng. Tôi nhướng to hai con mắt để nước mắt khỏi trào ra. John đưa khăn tay cho tôi. John biết tôi sẽ xúc động hơn, vì vậy anh mới bỏ sở về nhà với tôi. Nếu

không có người chồng hiểu tôi, bao bọc tôi như John, ai cứu má và hai em tôi trước ngày cộng sản cướp miền Nam? Ai nâng tôi khi ngã, ai cười tôi khi tôi không biết kể chuyện cười?

- Dễ nhứt là mình tránh làm những việc phải! - Tôi than thở.

- Không, không phải vậy. Làm sao sống được với lương tâm của em, nếu em từ chối Bộ tư pháp bây giờ? Em sẽ cảm thấy như một con lừa.

Tôi mỉm cười trong nước mắt:

- Trên thế gian này không thiếu gì con lừa; có thêm một con nữa cũng chẳng chết ai.

Chồng tôi nghiêm giọng:

- Đừng có nói bậy như vậy. Em đã tự hạ giá em. Việc em làm là một việc trọng đại. Thời gian sẽ cho em hiểu việc em làm cho đất nước này.

- Nghe cổ lỗ sĩ quá! Em có cảm tưởng mình là một người non dại đang làm một việc cũ rích cho Chánh phủ.

Anh nói:

- Tốt nhất là em nên im lặng, đừng nói gì nữa, nếu không muốn anh nổi giận.

Nghe giọng anh, tôi biết anh đã nổi giận rồi.

Sáu giờ chiều hôm đó, má tôi coi tin tức dài truyền hình, bà giữ im lặng, không thèm nói với tôi một lời. Tôi không coi truyền hình, bỏ lên lầu đọc

chuyện cho Lance nghe. Tôi thầm tự hỏi, tôi sẽ phải nói gì với con tôi, nếu thằng nhỏ nghe tin tức về chuyện tôi dính dấp vô, hoặc thấy hình tôi trên báo trong buổi xử án!

Cho tới giờ phút này. Lance vẫn tưởng má nó là một người "buôn bán đồ sứ" bên Paris. Chuyện gì khó qua mà John thế tôi được, tôi đùn cho anh. Thôi thì để chừng nào cần cho Lance biết, bà nó nói chuyện với nó giùm tôi vậy.

Tin tức báo chí và truyền hình cho biết David Trường bị bắt tại một sở lựa thơ trên đường K vùng Tây Bắc, Washington. Có lần Hùng nói với tôi rằng anh chọn việc làm trong một sở nhỏ. Việc lựa thơ là việc rất tầm thường, để che mắt mọi người cho anh làm "việc lớn". Còn ông Humphrey bị bắt ở một công sở quan trọng hơn, đó là trụ sở của cơ

quan Thông tin Hoa Kỳ. Người ta cũng nêu tên một số đồng loã nhưng không bị bắt, như: Huỳnh Trung Đồng, chủ tịch Hội Việt kiều yêu nước tại Paris; Phan Thanh Nam của toà đại sứ Mặt trận giải phóng miền Nam tại Paris, và đại sứ Đinh Bá Thi, trưởng phái đoàn Việt Nam cộng sản tại Liên hợp quốc ở New York.

Cho đến lúc này, Bộ tư pháp chưa tiết lộ danh tánh của những người hoặc những nhân viên mật vụ tham dự cuộc điều tra, kể cả tôi. Không một ai thuộc phe cộng sản nghi ngờ tôi. Sự che giấu lý lịch của tôi có thể coi như hoàn hảo đến độ Nguyễn Thị Ngọc Thoa, đồng chí của David Trương vội gởi thơ khẩn cấp qua Luân Đôn cho tôi để báo động, khuyên tôi không nên về Mỹ và nên có một luật sư để che thân. Chị cũng khuyên tôi nên đốt hết mọi giấy tờ liên lạc giữa tôi và Hùng, cũng như với chị

và những hội đoàn Việt Nam. Cuối thơ, chị nhấn mạnh: “Đừng về Mỹ!”

Huỳnh Trung Đồng cũng gởi một buu thiệp bí mật bắt tôi huỷ mọi giấy tờ hoặc tài liệu “liên hệ giữa cô và chúng tôi”, ông ra lịnh cho tôi “không được tới gần toà đại sứ và các nhân viên. Đừng để cho bất cứ ai biết cô là con gái của ông ấy”.

Là một điệp viên, tôi coi những lời cảnh cáo đó như mội lời khen cho thành tích của mình. Điều đó chứng tỏ rằng tôi không để lại một dấu vết nào chứng tỏ tôi theo phe “tư bản” hoặc tôi là một tên “phản động”.

Mãi tới ngày 17 tháng Ba, báo chí mới biết “Keyseat” là ai, khi luật sư của David Trương đệ trình toà án một bản yêu sách, hỏi về lập trường và

động cơ của tôi. Trong bản yêu sách, ông ghi địa chỉ của tôi ở số 8 Regal Lane, Regent Park, London. Đó là địa chỉ cuối cùng của tôi mà Hùng biết.

Hôm sau Lance đi học về, nói với tôi rằng cô giáo của Lance đưa hình tôi trong tờ báo, hỏi có phải người làm chứng trong vụ án là má của Lance không. Lance trả lời cô giáo: “Chắc là đúng vì chỉ có một Dung Krall đã ở nhà số 8 Regal Lane. London thôi”. Vợ chồng tôi đã mất nguyên một buổi tối để giải thích đứa nhỏ mới bảy tuổi hiểu về những hoạt động của má nó trong hai năm qua. Nó lắng nghe cẩn thận, rồi cuối cùng nói:

- Vậy là má làm cho FBI! Con thấy Bill Fleshman có bộ dáng của FBI.
Tôi và John nín cười muốn bể bụng.

Tôi không rõ con tôi hiểu việc này tới mức nào, nhưng chúng tôi cố gắng cho Lance biết rằng, từ nay trở đi, cẩn thận giữ mình là điều quan trọng. Chúng tôi dặn Lance không bao giờ ra khỏi sân trường trong giờ học, không được đi theo người lạ. Sau buổi nói chuyện đó mấy ngày, có kẻ cạy cửa lén vô nhà tôi khi chúng tôi đi vắng. Khi về, tôi thấy đèn treo trên nóc trên bàn ăn bị bẻ, mảnh thuỷ tinh văng tứ tung trong phòng. Trên bàn ăn có chữ "phản bội" viết nguệch ngoạc bằng mực đen trên tấm giấy có gạch hàng.

Tôi giận hơn là sợ, liền gọi cho John biết. Sau đó tôi gọi ông Don Marsland, người giám sát của chiến dịch "Magic Dragon". Chỉ trong vòng có mấy phút, John về tới nhà: nhân viên FBI cũng tới ngay sau đó. Cả xe cảnh sát cũng hú kèn chạy tới. Nhà biến thành một nơi công cộng. Các điều tra

viên lấy dấu tay trên nắm cửa, mặt bàn, tủ lạnh, bếp. Tôi phải trả lời liên tục những câu hỏi mà tôi biết chẳng có liên quan gì cho cuộc điều tra. Điều mà tôi lo ngại hơn hết là con tôi. Vì vậy, tôi yêu cầu mọi người cố gắng làm cho xong việc trước khi con tôi đi học về. Tôi không muốn Lance lo sợ. Tôi muốn con tôi sống một cách vô tư, bình thường như những đứa con có cha mẹ bình thường hơn tôi.

Chiều hôm đó, tôi nói dối với Lance là tôi đã vô ý làm bị vỡ đèn khi tôi cuốn sợi dây điện cho ngắn lại để ba cháu không bị đụng đầu mỗi khi ngồi xuống đứng lên tại bàn ăn, vì trước đó John cũng đã bị đụng đầu vô cái choá đèn mấy lần rồi. Lance tin tôi ngay và còn chọc tôi:

- Vậy thì má phải để dành tiền để mua cái đèn khác, thường cho chủ nhà.

Thằng nhỏ nói đúng, vì đây là nhà mướn; làm hư đồ trong nhà thì phải thường cho chủ. Tôi gật đầu đồng ý với con.

Don Marsland cho chồng tôi biết chung quanh nhà tôi sẽ có người canh chừng suốt ngày đêm, ông ta đoán rằng kẻ xâm phạm có thể trở lại. Một người khác được biệt phái tới để coi chừng Lance ở sân trường vào giờ ra chơi.

Hai ngày sau đó, tôi đi bộ với Lance tới trường. Trường chỉ cách nhà có vài đoạn đường ngắn. Nhưng tới ngày thứ ba, Lance phản đối:

- Con lớn rồi, con đi học một mình được mà.

Tôi đành để Lance đi một mình. Tôi biết mình đã vô tình truyền sự lo sợ của mình qua thằng nhỏ. Tôi

không thích nó cứ phải lo sợ nhìn trước nhìn sau, lúc đi tới trường.

Một tuần sau, một việc kinh hoàng xảy tới cho gia đình tôi. Tan học rồi mà mười phút sau Lance không về nhà như thường lệ.

Tôi ráng chờ thêm năm phút nữa, rồi lao mình ra khỏi nhà, chạy dọc theo con đường quen thuộc mọi khi. Tới trường, tôi chạy vô sản chơi kiếm Lance, phòng vệ sinh của con trai thì vắng lặng, văn phòng hiệu trưởng cũng vắng. Người gác dan cũng giúp tôi kiếm cháu. Không có một vết tích nào của Lance, kể cả hộp đựng cơm trưa có vẽ hình người Nhện. Tôi như người mất trí.

Tôi lại chạy về nhà, hy vọng trong tuyệt vọng sẽ thấy con mình ngồi trên ghế dài ở phòng khách, coi

hí hoạ trong truyền hình. Nhưng căn nhà vẫn trống trơn. Tôi kêu điện thoại cho hai bà mẹ của hai đứa bạn của Lance, nhưng cả hai đều cho biết họ không thấy Lance. Lúc đó là đúng một giờ mười lăm phút sau giờ tan học. Tôi cố lấy lại bình tĩnh để kêu cho chồng tôi. Anh cho biết anh sẽ về nhà ngay. Tôi trở lại trường kiếm Lance một lần nữa.

Giờ đó, sân chơi vắng vẻ. Tôi đi vòng quanh sân, trong khi tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực và đầu tôi quay cuồng. Người gác dan thấy tôi, hỏi:

- Bà vẫn chưa kiếm được thằng nhỏ a? Sao bà không báo cảnh sát?

Tôi rất sợ phương pháp điều tra của cảnh sát. Họ có thể hỏi tôi Lance có phải là một đứa nhỏ hư không?

Nó có hay bỏ trốn đi không? Nó có hay bị cha mẹ đánh không?

Tôi không biết làm gì nữa, đành trở về nhà. Trên máy truyền hình trong phòng khách, có một bức hình Lance chụp ở trường học bên Luân Đôn. Đó là một tấm hình Lance sún răng cửa như tất cả mấy cậu bé bảy tuổi. Tôi cầm lấy tấm hình rồi quỳ xuống sàn, ôn lại giây phút cuối cùng hồi sáng nay trước khi Lance đi học. Lance đòi ăn bánh mì nướng, nhưng nhà đã hết bánh mì, Lance muốn nước cam, nhưng tôi cho cháu nước chocolat nóng để "con được ấm", tôi nói với Lance như vậy. Lúc tôi đánh thức cháu dậy đi học, Lance xin ngủ thêm năm phút nữa, nhưng tôi không cho. Tôi ôn lại những điều tôi đã làm con tôi thất vọng sáng nay. Tôi bật khóc, rồi nói lớn:

- Lance ơi, về nhà với má đi. Má sẽ cho con bánh mì nướng, cho con nước cam và tất cả những gì con thích!

Thình lình cửa cái mở tung ra. Lance xuất hiện ngày giữa cửa, như nó vừa nhảy ra khỏi bức hình mà tôi đang ôm. Vẫn cái áo jacket mầu kem bằng nhung kẻ, vẫn cái áo chemise trắng, vẫn nụ cười răng sún. Lance hớn hở nói lớn:

- Hi Mom!

Trong giây khắc, tôi giận điếng lên. Nhưng tôi vội nuốt vô bụng, chạy ra cửa. Chắc Lance không hiểu tại sao tôi bồng nó lên, ôm ghì lấy nó, rồi vừa khóc vừa cười, vừa ngạc nhiên. Lance cho biết lý do về trễ:

- Con có một thằng bạn mới, ba nó là không quân mới dọn tới. Nhà nó ở ngay sau nhà mình. Má có thấy căn nhà mầu xám kia không? Nhà nó đó. Hôm nay xe chở đồ tới, họ mở đồ ra. Tụi con được coi đồ chơi của nó. Vui lắm, má ơi!

Tôi chẳng vui chút nào! Mặt mày hớn hở, Lance vừa nói vừa lôi tay tôi, chỉ cho biết nhà thằng bạn mới.

Tôi hoàn hồn, đi hâm soup cho Lance ăn. Ráng bình tĩnh, nhỏ nhẹ mà dặn Lance rằng, từ nay trở đi, khi tan học nó phải về thẳng nhà, nó phải xin phép mới được đi chơi nhà bạn. Bạn là ai? Ở đâu? Tôi cố gắng giấu nỗi lo sợ của tôi, để đầu óc non nớt của con tôi không bị xáo trộn. Nhưng tôi cũng không giấu nổi thằng nhỏ nhậy cảm này.

- Chuyện gì xảy ra vậy? - Lance hỏi hai ba lần.

Cuối cùng tôi đành phải nói thật, là suốt hơn một tiếng đồng hồ vừa qua, tôi đã tưởng tôi có thể chết, vì nó không về nhà đúng giờ. Thấy con buồn hiu, tôi lại hối hận. Tự do cũng quan trọng với mấy đứa con nít. Tôi không muốn tước đoạt những quyền đó của con tôi. Tôi làm điệp viên cho CIA, tôi phải chịu nghịch cảnh, chớ con tôi vô tư, vô tội.

Khi John bỏ sở từ ngoài Pentagon hấp tấp chạy về mấy phút sau đó. Lance ngồi ở phòng khách coi TV một cách vô tư. Như tôi lúc này, anh cũng nổi giận, tắt TV và la con một trận. Lance bối rối khóc, vì cũng như những đứa trẻ khác, Lance đã quên chuyện vừa xảy ra, nhưng Lance cũng hứa với ba nó là từ nay nó sẽ đi thẳng về nhà sau khi tan học, trở thành thói quen. Lance đã giữ dùng lời hứa đó

cho tới năm ra trường trung học. Đi thưa về trình, và luôn luôn giữ đúng giờ. Cũng như Lance, tôi giữ lời hứa: Lance muốn ăn món gì là có món đó. Bây giờ con tôi sống xa nhà, vài tháng gọi về cho biết: “Con hết chả giò, con hết thịt nướng”.

***

Giữa tháng Tư, tôi nhận được một lá thơ, ngoài bao thơ đề tên tôi. Tôi mở ra đọc ngay:

“Gửi Mỹ Dung
Tôi nhờ một người bạn gởi thơ này cho cô. Rất tiếc là tôi không thể đích thân gặp cô để thảo luận sâu xa hơn để cô hiểu về lập trường của chúng tôi những người có trách nhiệm ở trong nước.
Làm con của ba cô, ít nhứt cô phải biết điều đó. Danh dự và quyền lợi của quê cha đất tổ phải được

đặt lên trên tất cả mọi thứ. Khi ra toà làm chứng, cô trở thành kẻ phản quốc. Cô đã đọc sử nên biết rằng chúng ta xử tử kẻ phản quốc để trừng phạt. Không phải chỉ một tên phản quốc bị trừng phạt mà cả ba đời nhà nó.

Cô có mẹ, có chú bác, cô dì, có anh chị em, tất cả mọi người đều là nạn nhân của tội ác ngu dại của cô.

Tuy nhiên cô còn đủ thời gian ngưng lại việc tai hại đó. Tôi sẽ không liên lạc với cô nữa. Cô không được trình thơ này vho người Mỹ coi. Tôi hy vọng cô có suy nghĩ kỹ để ngẫm lại.
Cuối thơ, chỉ ghi *"một người bạn của ba cô"*.

Tôi đưa lá thơ cho một nhân viên FBI và dịch sang tiếng Mỹ cho ông ta.

Bây giờ chúng tôi phải kiếm cách bảo vệ Lance cẩn thận hơn trước. Giúp nước không có nghĩa là để mặc cho con gặp nguy hiểm. John và tôi quyết định gởi cháu tới ở nhà chị thứ tư của tôi là chị Cương. Anh Wray, chồng chị, hiện đang trú đóng tại căn cứ Fort Huachuca, tiểu bang Arizona, và tôi nghĩ rằng nhà ở trong căn cứ quân sự là nơi an toàn nhứt có thể an toàn hơn toà Bạch ốc.

Tôi cầu cứu với chị Cương thì chị mừng lắm. Tôi nghe đám cháu của tôi reo hò khi má nó cho biết Lance sẽ xuống Arizona ở đi học.

Chồng tôi gọi ông chỉ huy trưởng của Fort Huachuca, trình bày trường hợp của gia đình tôi, và nhờ ông chú ý con của chúng tôi về việc nhập học cũng như an ninh của nó. Sau khi họ sẵn sàng nhận công tác đó, chúng tôi giải thích cho Lance biết,

rằng tôi sẽ rất bận rộn khi ra toà làm chứng và ba cháu vẫn phải đi làm, nên chúng tôi nghĩ rằng đây là dịp tốt để Lance chơi với mấy người anh chị bà con.

Kenneth bằng tuổi Lance. Hai chị của nó là Therese và Christina lớn hơn Lance bốn năm tuổi. Lance hớn hở nhận lời ngay. Hai ông Bill Fleshman và Don Maryland đều ủng hộ ý kiến đó. Không những vậy, họ còn thu xếp cho một nhân viên FBI gặp chúng tôi ở phi trường Tucson để lái xe đưa chúng tôi tới tới Fort Huachuca, cách phi trường chừng hai tiếng lái xe.

Rời mùa đông lạnh lẽo ở Virginia, Lance có vẻ thích thú khi thấy trời nắng của Arizona. Ngồi trên xe do một thám tử của FBI lái, Lance xin quay cửa kiếng xuống để được hưởng nắng ấm, rồi kêu lên:

- Trời nắng tuyệt vời quá! Ấm quá! Đẹp quá? Goodbye London, goodbye Washington, D.C, goodbye Virginia!

Ông thám tử của FBI chắc cũng mệt vì những câu hỏi của Lance:

- Có rắn độc ở sa mạc không? Ông có dám ăn xương rồng nếu bị lạc trong sa mạc không có nước uống?

Ấy là chưa kể tại những thắc mắc về chính ông ta, như:

- Ông có phải là nhân viên FBI không? Tại sao ông không đeo súng? Ông Bill Fleshman, bạn của má, lúc nào cũng đeo súng, chỉ khi sang London thì Bill không đeo súng.

Nhưng may quá, mới đi được nữa đường thì Lance ngã ra ngủ.

Chị Cương, anh Wray và ba đứa con của chị tôi vui mừng khi Lance tới tỵ nạn nhà anh chị. Lance hoà nhập một cách tự nhiên với mọi người. Sáng hôm sau, chúng tôi dẫn Lance tới trường xin đi học, và Lance có một nhận xét:

- Đây là trường thứ ba trong năm nay của con, nhưng con vẫn thích lắm.

Chị Cương và tôi nhìn nhau. Chị ứa nước mắt.

- Tội nghiệp cháu tôi quá! - chị nói.

- Đừng lo chị Cương. Lance thích Arizona lắm.

Tôi cho Lance biết tôi sẽ phải trở về Washington, Lance tỏ vẻ bình tĩnh, chỉ dặn tôi nhớ kêu điện thoại cho cháu mỗi tuần một lần vào chiều thứ sáu, sau khi đi học về. Lance còn nhấn mạnh:

- Con không có tiền để kêu ba má, mà con nghĩ rằng con cũng không có quyền xài điện thoại của uncle Wray kêu đi xa. Vậy má phải kêu con đó nhen.

Tôi long trọng hứa chắc với Lance, tôi sẽ kêu Lance mỗi chiều thứ sáu.

Lance chợt hỏi:

- Mommy, có phải má cũng đi xa ba má của má hồi má bảy tuổi không?

- Không, tới chín tuổi má mới đi xa.

- Má có khóc không?

- Má quen rồi. Nhưng nếu con khóc cũng không sao. - Tôi nuốt nước mắt trả lời con tôi.

- Má đừng lo.

Tôi cho Lance biết bà ngoại sẽ xuống đây thăm gia đình dì Cương. Nghe vậy. Lance mừng lắm, vì lúc nhỏ, Lance đã quen hơi quen tiếng của má tôi, qua nhiều dịp được ở chung với bà ngoại.

Mười mấy năm sau, nhờ chị Cương nói, tôi mới biết má tôi không có ý xuống thăm gia đình chị Cương mà má nóng ruột cho Lance, tội nghiệp nó, nên mới xuống Arizona ở ba tháng với nó.



Ronal Humphrey, nhân viên cao cấp cơ quan thông tin Mỹ (USIA) bị giải tới phòng xử án

Cuộc xử án bắt đầu ngày 1 tháng Năm, 1978. Lúc đó chúng tôi đã dọn ra khỏi căn nhà mướn và sang khách sạn Ramada Inn trên đường Seminary, nơi tạm trú của chúng tôi. Chiều thứ sáu nào tôi cũng kêu điện thoại cho Lance như đã hứa, rồi khóc cả tiếng đồng hồ sau khi nghe tiếng của con. Má tôi đã

tới Arizona và kêu tôi đừng gọi Lance thường, vì mỗi lần nói chuyện với tôi xong, cháu lại kiếm cớ lạnh lánh mặt mọi người, như vô phòng tắm khoá cửa lại, hay làm bộ đi ngủ. Còn nói giọng người lớn với chị bà con của nó:

- Đừng ai làm phiền tôi. Tôi cảm nặng rồi.

Ngày Mother's Day, tôi điện thoại cho má tôi, rồi nói chuyện với Lance sau đó. Lần này thì Lance than là nhớ nhà. Rồi vừa nói vừa khóc trong điện thoại:

- Mother's Day là ngày ngu lắm tại vì Mommy không có đây.

Trong khách sạn Ramada chúng tôi tạm ở để chờ ngày ra toà, một hôm, khi John đã đi làm, tôi nằm

trên giường, nhìn loanh quanh trên trần nhà. Cách trang trí trong phòng tẻ nhạt. Mấy tranh đóng chặt vô tường. Đèn cũng đóng dính trên mặt bàn. Máy truyền hình cũng khoá chặt xuống sàn… như tôi cũng bị đóng dính, kết cứng với Bộ tư pháp. Tôi nghe rõ nhịp đập của tim tôi, nghe được cả mạch máu rần rần trên gối. Tôi thấy vẻ mặt không bằng lòng của má tôi. Tôi thấy đôi vai xương xẩu của ba tôi, mái tóc hoa râm đi theo cuộc đời của người làm cách mạng.



David Trường (Trương Đình Hùng) được nhân viên FBI giải tới phòng xử án

Tôi tự hỏi không biết ông có sự thanh thản nơi ông không, để hiểu tại sao tôi làm những việc này không? Tôi mong đảng của ông không bóp méo việc tôi làm, như họ đã bóp méo sự thật về cái chết của em tôi. Ba tôi vẫn tin Hải Vân bị "Mỹ giết". Tôi mong rằng, sau khi gặp tôi kỳ rồi ba tôi đã biết,

tôi cũng như ông, lý tưởng là động cơ thúc đẩy những hành động trong đời sống của ba tôi. Ba tôi thương tôi và đã yêu cầu tôi làm theo “tinh thần và danh dự của một người Việt Nam”. Tôi cảm thấy tôi không còn là người Việt Nam nữa. Ngày mai tôi sẽ bước vô phòng xử của toà án, tôi sẽ phải nói tất cả sự thật: đường dây gián điệp Việt Nam sẽ bị tiết lộ. Tôi sẽ làm tất cả để bảo vệ quyền lợi của nước thù địch lớn nhứt của ông. Tôi sẽ làm theo tinh thần của một công dân Mỹ.

Tôi không muốn bị làm rộn, nên đi ra cửa máng tấm bảng “Xin đừng làm rộn” vô nắm cửa bên ngoài, rồi trở lại giường nằm.

Tôi nghĩ tới cuộc viếng thăm của Bill Fleshman ngày hôm qua. Ông mời tôi đi ăn trưa. Dù ông không nói gì nhiều, tôi cũng hiểu ông được lịnh của

ông Griffin Bell, bộ trưởng Bộ tư pháp tới thăm dò coi thái độ của tôi ra sao. Khi ông đưa tôi trở về khách sạn, trước khi chia tay, tôi nói:

- Anh về nói với ông chánh án Bell là “Keyseat” vẫn còn ở đây. Tôi không có trốn đi đâu đâu.

Bill cười gượng gạo, có vẻ mắc cỡ, vì tôi biết được ý nghĩ của ông.

Chị Cương của tôi có lẽ là người đã nâng đỡ tinh thần tôi nhiều nhứt trong giai đoạn thử thách này. Hôm tôi từ giã chị và Lance, chị kéo tôi ra riêng mà nói:

- Cưng cứ làm cái gì mà tim cưng cho là đúng. Đừng vì FBI, cũng đừng làm cho ba đau lòng vì cưng giận ba. Chỉ có một mình cưng sẽ phải sống

suốt đời với sự quyết định của cưng mà thôi. Chị không thể nào biểu cưng làm hay đừng làm.

Tôi không biết chị tôi đồng ý hay bất đồng ý với việc làm của tôi. Chị xử sự rất đúng; quyết định này của tôi và do tôi mà thôi.

Tôi nhớ hồi còn ở Luân Đôn, Rob cho biết sẽ giữ an ninh cho gia đình tôi bằng một khẩu súng máy. Bây giờ ở đây, trong căn phòng của khách sạn, tôi có cây súng của James Bond-Walther PPK với hai bì đạn, tổng cộng là mười viên. Một bì đã nằm sẵn trong cây súng. Tôi nghĩ tôi không cần súng lục hay súng máy. Nhờ có sự yểm trợ tích cực của các nhân viên KBI tham dự chiến dịch “Magic Dragon”, từ ngày trở về Mỹ, tôi cảm thấy hoàn toàn an ninh. Tôi biết CIA không vui gì khi tôi đã nhận lời ra toà làm chứng. Như vậy là tôi không

còn giúp ích gì cho họ được nữa, mà ngược lại tôi đã làm gián đoạn nhiều kế hoạch của họ. Khi tôi vừa trở lại Washington từ Luân Đôn, văn phòng của đô đốc Standfield Turner, Giám đốc CIA, cho biết đến giờ phút chót này cũng chưa trễ, nếu tôi muốn từ chối ra toà làm chứng.

Sự "lựa chọn" mà họ đề nghị cùng với vẻ chán nản của Rob, khiến tôi có cảm tưởng tôi phản bội CIA. Nhưng mối quan tâm ấy không thể sánh với mối lo sợ cao hơn cái núi của tôi, khi nghĩ tới ba tôi. Họ sẽ làm gì để trừng phạt ông vì đứa con gái "lạc đường"? Cảm tưởng của ông ra sao khi tin tức về tới Việt Nam? Tôi biết hành động của tôi sẽ huỷ bỏ mọi cơ hội của bất cứ ai trong gia đình muốn gặp lại ba tôi và anh Khôi tôi trong tương lai. Má tôi đã trách tôi đưa cuộc đời anh Khôi vô vòng nguy hiểm, và đẩy tuổi già của ba tôi vô vòng tăm tối.

Tôi lấy một tấm hình nhỏ của ba tôi từ trong bóp ra, nhưng tôi không đủ can đảm để nhìn. Tôi không khóc được, mà tôi ráng quên đi cái điều tai hại tôi có thể gây cho ông. Tôi nhớ có lần ông đã nói:

- Con là con, ba là ba.

Lớn lên, không ai trách tôi về những tội ác mà Mặt trận giải phóng miền Nam và cộng sản Hà Nội đã gây nên trên đất nước tôi. Vì vậy, tôi hy vọng rằng chánh phủ mà ba tôi đang phục vụ cũng sẽ coi tôi như người khác biệt với ông, không bắt ông chịu trách nhiệm về hành động của tôi.

Nghĩ vậy cho đỡ sự, đỡ lo tạm thời, chứ làm sao mà so sánh con gái của một gia đình yêu nước với một lũ cộng nô.

Tôi nằm vật lộn với những ý nghĩ dồn nén trong tôi, mà cảm thấy mình cô đơn. Cô đơn như hai tên gián điệp đang nằm trong khám chờ ngày hầu toà.
Tôi chưa bao giờ gặp Ron Humphrey. Lần đầu tiên tôi thấy mặt ông là một bức hình trên mặt báo khi bị bắt, hai tay bị còng và các nhân viên FBI bao quanh, trong đó có mấy anh nhân viên FBI là bạn tôi.

Tôi tội nghiệp cho Humphrey, như một con vật mắc bẫy. Là nhân viên của toà đại sứ Mỹ tại Sài gòn, ông gian díu với một người đàn bà Việt Nam, lúc vợ chồng ông ở Sài gòn. Ông là một viên chức cao cấp của Bộ ngoại giao Mỹ. Ông chỉ là một người dính dấp vô một việc vượt quá sức của ông. Qua cuộc điều tra, được biết, sau tháng Tư năm 1975, ông tìm đủ mọi cách để đưa người đàn bà ấy ra khỏi Sài gòn. Cuối cùng, ông liên lạc với toà đại

sứ Hà Nội tại Đông Đức, và tại đó cái giá chuộc tự do cho người tình vụng trộm của ông, là phản quốc. Lúc tôi gặp Trương Đình Hùng, thì Cộng sản đã cho người đàn bà đó và hai đứa con qua Mỹ, nhưng họ giữ lại đứa con trai làm con tin để đòi thêm tài liệu mật.

Tôi tội nghiệp cho người ngu dại, chỉ mong ông được an bình trong tay Thượng đế, vì tôi biết rằng chỉ có Thượng đế mới có thể cứu rỗi ông sau khi tôi ra toà làm chứng.

Tôi tội nghiệp cho David Trương hơn, vì tôi nghĩ rằng quá uổng cho một người trai trẻ, con nhà giầu, học giỏi, vì tham vọng mà phải ngồi tù. Anh cống hiến tuổi trẻ của anh cho lý tưởng. Hùng sanh trưởng trong một gia đình thượng lưu ở Sài gòn. Có lần Hùng nói gia đình anh là gia đình đầu tiên lái

chiếc xe Mercedes. Trong thời gian hoạt động cho cộng sản, mê theo lý tưởng của mình, nên bộ đồ tốt nhứt của Hùng cũng do các bạn ở Paris mua tặng để Hùng có một bộ đồ cho xứng hầu có thể trà trộn vô khu Quốc Hội Mỹ lấy tin tức.



Luật sư Trương Đình Dzu (cha của Trương Đình Hùng) trong cuộc họp báo ở Sài gòn, 1968

Hùng là một người lạnh lùng, tính toán và tàn nhẫn. Tôi không bao giờ quên sự lãnh đạm của anh đối với cha mẹ anh. Ông Trương Đình Dzu đã viết thơ cho Hùng do anh Huỳnh Trung Đồng đưa cho tôi đem về cho Hùng. Ông yêu cầu Hùng xin cấp trên của anh ta cho ông bà được xuất ngoại chữa bịnh. Nhưng Hùng đã từ chối mà không cần suy nghĩ trước mặt tôi, như đó là việc anh đã dự tính trước. Rồi anh giải thích lý do từ chối đó:

- Các ông ấy (giới chức cộng sản) sẽ nghĩ gì về tôi, nếu lời xin cho ba má tôi rời khỏi Việt Nam? Nước nhà đã được giải phóng, thì những người Việt Nam yêu nước phải ở lại để cùng xây dựng đất nước.

Nghe Hùng nói, tôi toát mồ hôi. Khi lấy lại bình tĩnh, tôi đề nghị Hùng nên nghĩ lại; tôi sẵn sàng nói chuyện với Phan Thanh Nam, nếu anh ta bằng lòng

nhờ Phan Thanh Nam giúp đỡ. Nhưng Hùng nhấn mạnh rằng, ngoài tôi ra, không ai được biết lại yêu cầu của ba má anh ta. Trương Đình Hùng đặt sự tin nhiệm và thể diện của anh ta trước con mắt của cộng sản cao hơn sự sống còn của cha mẹ.

Có quá nhiều người bị ảnh hưởng bởi sự quyết định của tôi. Trước hết là đại gia đình của tôi: rồi tới anh chàng người Mỹ phản quốc để lấy một người đàn bà; một anh chàng tham vọng, sẵn sàng hy sinh người khác để đạt tới mục đích riêng của mình.

Nằm trên giường, tôi bỗng có ý nghĩ điên rồ. Tôi vùng dậy, mở bóp ra coi. Trong đó có bốn mươi lăm Mỹ kim, bảy mươi lăm đồng Phật lăng Pháp, một nắm tiền lẻ của Anh, và một thẻ tín dụng American Express. Nếu tôi muốn trốn, với số tiền này tôi đi được tới đâu? Tôi không thể lái chiếc xe

Thunderbird mà chúng tôi đang chạy, vì đó là xe mướn; người ta có thể kiếm ra chiếc xe trong vòng năm phút. Tôi không có thể đi taxi tới Vienna ở tiểu bang Virginia để trốn trong khách sạn Wolf Trap, nơi mà không ai có thể kiếm ra tôi. Những tiền đi xe taxi tới đó cũng đã hết bốn mười lăm Mỹ kim rồi. À, mà tôi cũng có thể dùng thẻ tín dụng của tôi để trốn trong một phòng khác ngay trong khách sạn này mà không ai biết. Tôi có một cái tên giả, thẻ giả, tên là John Hopkins để ghi tên vô khách sạn này!

Trong một cơn bốc đồng, tôi lấy một túi xách ra và bắt đầu liệng vô đó một đôi giầy, quần áo lót, hai bộ đồ. Trong cơn hối hả chuẩn bị đi trốn, bỗng có tiếng gõ cửa. Năm tiếng, rồi ngưng, thêm hai tiếng nữa. Tôi biết đó là chồng tôi vì dùng "mật hiệu".
Tôi lẩm bẩm:

- Nè, chưa trốn mà bị phát giác rồi!

Tôi mở cửa cho anh vô. Khi nhìn thấy cái túi xách trên giường, anh ngạc nhiên hỏi:

- Em làm gì vậy?

- … Cất quần áo vô tủ.

- Vậy ha!

Anh thản nhiên nói và không hề có một chút nghi ngờ gì về cơn rối loạn lầm than của tôi mà anh đã tình cờ cứu tôi. Anh vui vẻ nói:

- Thay đồ đi cô! Mình xuống dưới nhà uống nước. Tôi nhìn khinh bỉ cái túi xách, rồi vô phòng tắm để thay đồ. Tôi nghĩ về người đàn ông mà tôi kết hôn.

Có người đeo bùa hộ mạng. Tôi không có bùa mà có John. Anh luôn luôn đem may mắn lại cho tôi, sẵn sàng bảo vệ và ủng hộ tôi. Tôi hiểu rằng một mình tôi không thể thành công. John luôn luôn ở cạnh tôi khi tôi cần đôi vai vững mạnh để nương tựa. Không những vậy, anh còn cho tôi quyền tự do khi tôi muốn quyết định lấy một mình.

Tôi mắc cỡ, không dám cho anh biết sự thật tôi đang làm gì khi anh tình cờ về nhà buổi trưa đó.

Tôi cũng đã học "thân ở đâu thì tâm ở đó", những trong giờ phút kinh hoàng ấy, tâm trí của tôi cứ nghĩ tới ngày ra toà, mong tới ngày chót của cuộc xử án này, để được sống một đời sống bình thường với gia đình. Chừng đó tôi mới cho John biết anh đã cứu tôi ra khỏi cơn kinh hoàng trước một ngày

tôi ra toà làm chứng trong tâm thức của một người Hoa Kỳ.

HẾT

Chị lập gia đình với một sĩ quan cao cấp người Mỹ và rời khỏi VN trước ngày mất nước. Sau 1975, cha chị là Đặng Quang Minh lúc đó là đại sứ của CSVN tại Moscow gặp lại gia đình lần đầu sau hơn 20 năm chia cắt tại Paris . CSVN nghĩ là có thể dùng lợi dụng chị qua tình cảm cha con để xây dựng một mạn lưới gián điệp tại Hoa Kỳ. Chị Đặng Mỹ Dung hành xử trong trong cương vị là một công dân Hoa Kỳ có trách nhiệm bảo vệ quê hương thứ hai. Chính chị đã giúp cơ quan tình báo Mỹ phá vỡ mạn lưới gián điệp của CSVN tại Mỹ.

Tất cả những chi tiết đó và cuộc đời của mình đều được chị kể lại trong cuốn tự truyện “ Ngàn Giọt Lệ Rơi ” sẽ xuất bản bằng tiếng Việt trong năm nay.

Nhân dịp chị Đặng Mỹ Dung qua Úc để thăm bạn bè và thăm lại những người từng là trẻ mồ côi trong Cô Nhi Viện Minh Trí tại Sàigòn trước đây và hiện đang sống tại Úc , Việt Luận có buổi tâm tình với chị hầu có thể giúp cho độc giả biết thêm về người phụ nữ bản lãnh này

Việt Luận (VL) : Tuổi thơ ấu của chị trải qua gần 10 năm trong mật khu chống Pháp, chị có thể nói thêm về tuổi thơ của mình được không ?

Chị Đặng Mỹ Dung (ĐMD) :

Tôi sanh ra trong một gia đình đi làm cách mạng chống thực dân Pháp. Hai người anh và một người em trai của má tôi là bạn thân của ba tôi thuở còn đi học, gia đình bên nội các chú các bác đều là Việt Minh. Cuối năm 1939 đàn ông trong đại gia đình của chúng tôi bị Tây bắt đày ra Côn Đảo, đến năm 1945 cùng với muôn ngàn người tù khác ba tôi được trả tự do. Năm 1946 tôi ra đời tại tỉnh lỵ Cần Thơ nhưng chưa đầy một tuổi thì ba tôi dẫn vợ con vô vùng giải phóng.

Tôi rất thích khi VL hỏi đến tuổi thơ của tôi, bởi vì nó như một cuốn film trắng đen vẫn còn mới trong tâm khảm của tôi, nó vẫn còn linh động, vẫn còn âm thanh quen thuộc dù đã qua 50 năm rồi. Hình ảnh trong tuổi thơ của tôi là những năm tản cư,

chạy giặc, bom đạn trên máy bay của Tây từ trên máy bay bắn xuống nhưng tôi nhớ hoài mỗi lần Tây bắn xong người trong làng xúm tìm nhau coi ai còn ai chết.

Người sống tiếp tục đấu tranh không có ai bỏ cuộc. Được nuôi dưỡng trong cái nôi cách mạng, tiếng hát ru em là những anh hùng ca nặng tình nhà, tình dân tộc. Gương sáng là những người yêu nước ở mọi từng lớp trong xã hội Việt Nam sánh vai nhau phục vụ cho một lý tưởng. Họ vào trong vùng giải phóng từ thành thị đến thôn quê, họ là những người dân chày, những anh nông dân, những thiếu nữ tóc còn xanh.

Họ là những bác sĩ, kỹ sư, luật sư, giáo sư, thầy giáo. Có người du học bên Pháp vừa về tới Việt Nam là đi thẳng vô trong khu theo cách mạng, có

người thoát ly gia đình bỏ lại mẹ già, cha bịnh mà đi theo cách mạng chống thực dân Pháp. Anh chị em chúng tôi là những người bạn tí hon của các anh các chị bộ đội và cán bộ, khi họ nhớ nhà, nhớ bữa cơm gia đình họ tìm đến với chúng tôi.

Tôi còn nhớ những buổi chiều vàng thật đẹp trên sông trước cửa nhà tôi, anh em tôi ngồi nghe má kể chuyện đời xưa, còn ba tôi thì chờ đêm tối không trăng kể chuyện ma.

Lúc tôi lên 9 tưởi, Việt Minh thắng trận, Tây về Tây. Đất nước thanh bình chỉ được một thời gian ngắn, nhưng hoà bình trong nhà tôi chỉ được có mấy tháng thôi vì ba tôi cho vợ con biết Hiệp Định Geneve đã ký, còn nhỏ quá tôi chỉ biết cái tên xa lạ đó nhưng không biết Geneve ở đâu, chỉ biết ở đó đã định đoạt cho cảnh phân ly của gia đình tôi. Ba tôi

đi tập kết ra Bắc, má tôi và 6 chị em ở lại miền Nam.

Tôi may mắn được nuôi dưỡng trong cái nôi cách mạng để lớn lên tôi biết yêu nước, may mắn hơn nửa là được làm công dân ở miền Nam để tôi có tự do yêu nước với người dân. Nếu má tôi không can đảm nuôi con một mình thì chúng tôi sẽ thành những dụng cụ yêu nước cho CSVN rồi.

VL : Sau khi ba chị tập kết ra Bắc vào năm 1954 yếu tố nào đã nung đúc chị có một tinh thần chống cộng rõ ràng, chớ không giống như phần đông những gia đình có cha theo Cộng sản khác?

Đang My Dung :

Má tôi làm vợ của một nhà cách mạng chống Pháp, dù chị không có gia nhập hội Phụ Nữ như những người vợ cách mạng khác nhưng má tôi sát cánh bên chồng, bên con cho nên má tôi hiểu khi Việt Minh ló đuôi Cộng Sản. Anh chị em chúng tôi lớn lên với thăng trầm của đất nước, qua tình yêu nước của ba tôi mà anh chị em chúng tôi biết yêu nước .

Sau khi ba tôi đi tập kết chúng tôi tản cư về ở với ông ngoại chị ngoại, ông lại là người yêu nước thuần túy hơn, ông chống Cộng Sản, ông chống Hồ Chí Minh, nhưng ông yêu thương những người con, người rể của ông, nhờ ông ngoại cho tôi thấy phân biệt rõ ràng nầy mà tôi không đi lạc đường mà tôi vẫn không thấy mình tội lỗi khi tôi từ chối không nối gót ba tôi.

VL: Làm sao chị tạo được mối quan hệ với

những nhân viên ngoại giao và gián điệp của CSVN sau năm 1975? Và chị có thể kể lại cho độc giả biết về vụ án Trương Đình Hùng có liên hệ trực tiếp đến chị ?

Đang My Dung :

Tháng 5 năm 1975, ba tôi trở về miền Nam trong chiến thắng của Hà Nội nhưng cá nhân của ông là chiến bại vì vợ con sợ Cộng sản quá nên đã bỏ chạy qua Mỹ trước đó 2 tuần. Trời thương gia đình tôi cho nên đưa đẩy cho ba má tôi gặp nhau trên nước Pháp do ông Lê Duẩn bạn chí thân của ba tôi đứng sau lưng giúp đở. Trong bộ Ngoại Giao của Hà Nội lúc đó ai cũng biết là ông Lê Duẩn tin tưởng ba tôi lắm.

Được biết trong lịch sử của đảng Cộng Sản ba tôi là

đảng viên lần đầu được nhà nước cho phép gặp vợ con ở nước ngoài, cho nên khi tôi gặp ba tôi ở Paris thì những cán bộ của hai toà đại sứ Hà Nội và MTGPMN đều đón tiếp con gái của ba tôi một cách nồng nhiệt. Phải thành thật mà nói có những đồng chí của ba tôi cũng ở cùng hoàn cảnh xa vợ xa con suốt thời kỳ chiến tranh cho nên họ hết lòng giúp cho cuộc hội ngộ nầy trọn vẹn cho ba má tôi và tôi.

Nhưng khi tới Paris, gặp một vài ông cán bộ tình báo thì mới biết họ đã làm " home work " kỹ càng về tôi , biết chồng tôi là sĩ quan tình báo của Hải Quân Mỹ làm việc tại Ngũ Giác Đài , là phi công của Hải Quân , họ muốn làm thân với tôi vì con mồi lớn kia cùng một lúc Hà Nội bắt đầu củng cố lại nội bộ của Việt Kiều Yêu Nước . Bất đắc dĩ tôi nhận lời làm tai mắt cho ông chủ tịch của Việt Kiều

Yêu Nước , trụ sở tại Paris . Trùm gián điệp Cộng Sản Việt Nam cũng cho tôi công tác để móc nối với gián điệp của họ ở Mỹ.

Mọi liên hệ giữa tôi và cán bộ Cộng Sản Việt Nam tại Paris , Mỹ và các nước khác đều được báo cáo vói CIA trong những\báo cáo tôi trình lên cho sở nầy.

Nói tóm lại, nhân viên Bộ Ngoại Giao và gián điệp của CSVN lợi dụng con của ba tôi chớ tôi không có rình nhà họ trước.
Vụ án của Trương Đình Hùng đã có nhiều báo chí, sách vở nói đến, trong A Thousand Tears Falling tôi cũng có ghi chép lại những chi tiết từ ngày đầu tôi được tình báo CSVN giới thiệu tôi với Trương Đình Hùng cho đến ngày ông ấy bị FBI bắt.

VL: Xin lỗi cho hỏi một câu riêng tư: Sau khi giúp chính phủ Mỹ phá vỡ được mạn lưới gián điệp lớn CSVN tại Mỹ, thì mối liên hệ giữa chị và cha chị ra sao? Chị có bao giờ thuyết phục ba chị bỏ lý tưởng cộng sản?

Đang My Dung :

Cộng sản chia đôi đất nước, làm cho con xa cha, vợ xa chồng chúng tôi không được lớn lên bên cạnh ba tôi, rồi khi ba tôi già yếu chúng tôi cũng không được chăm sóc ông, nhưng gia đình tôi được cái phước là dù xa nhau trên 20 năm nhưng chúng tôi thương yêu nhau, kính trọng nhau trong tinh thần của những người Việt Nam yêu nước.

Một khi anh yêu nước thật sự, hành động và việc làm của anh nói lên tình yêu đó. Ba tôi biết tôi yêu

nước, ba tôi biết tôi không chấp nhận sự có mặt của Cộng Sản tại miền nam Việt Nam. Chúng tôi vẫn yêu thương kính trọng nhau sau khi biết tôi giúp cơ quan tình báo Mỹ phá vỡ mạn lưới gián điệp của CSVN tại Mỹ.

Sau 30 tháng 4 năm 75 tôi được gặp ba tôi ba lần, lần nào tôi cũng nói khéo khuyên ba tôi hưu trí tìm một quốc gia nào khác ở dưỡng già với má tôi, dĩ nhiên không phải là tỵ nạn Cộng Sản ở nước Mỹ . Ba lần tôi mời ba tôi ở lại, ba lần tôi làm cho ba tôi thất vọng vô cùng vì ba tôi cho đó là một ý nghĩ vô cùng ích kỷ. Ông muốn tiếp tục phục vụ đất nước và dân tộc dù biết Đảng của ông đã phản bội ông rồi.

Tình cha con của chúng tôi không sứt mẻ, chỉ buồn cho gia đình tôi là ngày ba tôi qua đời CSVN

không cho chúng tôi về dự đám tang . Gia đình bên ngoại “ đánh dây thép ” cho chúng tôi biết tin ba tôi qua đời .

VL: Yếu tố nào đã thúc đẩy chị viết tác phẩm “ Ngàn Giọt Lệ Rơi ” ?

Đang My Dung :

Câu chuyện của những người đi tập kết đâu có giấy mực nào ghi chép hết. Phần tôi, tôi viết để thế hệ con cháu của tôi nó biết gia đình Việt Nam của nó, hy vọng như vậy. Tôi viết để ghi ơn ông chị cha mẹ anh chị em của tôi và những người đi qua trong đời tôi đã giúp cho tôi thành người. Trăm ngàn gia đình có thân nhân đi tập kết cũng muốn kể lại khoảng đời nầy của họ, nhưng phần đông không viết được vì họ đang ở tại Việt Nam, có những người sống ở

hải ngoại nhưng họ không dám ra mặt sợ thân nhân của họ bị phiền phức với nhà nước ở Việt Nam .

Lần cuối cùng gặp ba tôi ở Luân Đôn, tôi có cho ba tôi biết là mấy chục năm qua tôi viết nhựt ký, ba tôi có vẻ ưu tư rồi khuyên tôi nên viết thành sách cho con cháu trong gia đình biết về tổ tiên ông chị của chúng nó.

Tôi nhớ hoài câu nói ngắn ngủi nhưng thành thật vô cùng của một đảng viên Cộng Sản : “ Con viết dùm cho ba, hoàn cảnh chưa cho phép những người như ba viết hồi ký , chỉ có chánh phủ CS mới được viết hồi ký thôi con à . ”

VL: Được biết chị đang dịch tác phẩm này sang tiếng Việt, xin chị cho biết khi nào thì hoàn thành ?

Đang My Dung :

Tôi cám ơn chồng con, bè bạn và VL đã hỏi thăm tới đứa con tinh thần của tôi . Cho phép tôi trả lời rất dài dòng để tất cả biết tại sao 10 năm sau khi bản Anh ngữ A Thousand Tears Falling xuất bản rồi mà tôi chưa hoàn thành bản Việt ngữ . VL là người thứ mấy chục hỏi tôi câu nầy , nhưng VL là người đầu tiên tôi trả lời rõ ràng. Vợ chồng tôi chỉ có một đứa con, nó lớn nhanh quá làm cho tôi luống cuống, viết lại quyển sách nầy bằng Việt ngữ cũng gần giống như nhìn con tôi trưởng thành, đủ lông đủ cánh nó bay đi. Nó là một đứa con tuyệt vời của vợ chồng tôi, khi nó trưởng thành nó có bổn phận với đời , với xã hội của nó . Cũng như con của tôi , cuốn sách nầy sẽ được vô nhà in, được đến tới tay của đọc giả xa gần, cho tôi bồng bế nó cho đến cuối năm nay.

VL: Trong đời chị, chị đã làm được nhiều “chuyện lớn”, nhưng điều gì làm chị hãnh diện nhất và chị có điều gì hối tiếc không?

ĐMD: Chuyện lớn nhứt là có con, thương con và được nó thương lại. Điều tôi mong ước thầm kính nhứt nhưng ít khi nào nhắc đến trước công chúng đó là được cùng với ba tôi viết một quyển sách. Thôi thì kiếp sau vậy.

Nhân dịp tác phẩm "Ngàn Giọt Lệ Rơi", bản Việt Ngữ của tập hồi ký "A thousand tears falling" của tác giả Đặng Mỹ Dung (Yung Krall) ra mắt tại San Jose, chúng tôi xin giới thiệu bài viết của Ông Lâm

Lễ Trinh về tác phẩm này *"Một câu chuyện thật nhưng ly kỳ như trinh thám về cuộc đời của nữ điệp viên CIA Đặng Mỹ Dung được bà kể lại trong 412 trang sách của cuốn tự truyện A Thousand Tears Falling (Ngàn giọt lệ rơi)"*

Cuối năm 1995, nhà xuất bản Longstreet Press, Atlanta, Georgia, cho phát hành ấn phẩm " Một Ngàn Giọt Lệ Rơi, A Thousand Tears Falling " của một phụ nử Việt khác tên Yung Krall tự Đặng Mỹ Dung, với lời giới thiệu nồng nhiệt của Griffin B. Bell, nguyên Bộ trưởng Tư pháp thời Tổng thống Carter. Quyển tự thuật này, dày 412 trang, khác với tác phẩm "When Heaven And Earth" về nhiều khía cạnh; tác giả là một phụ nử thuộc giới trung lưu gốc Cầnthơ, trình độ trên trung học, sinh năm 1946, hoạt động trong ngành tình báo CIA, đồng thời là nhân viên của FBI. Điểm đáng lưu ý: Thân phụ của

Yung Krall là Đặng Quang Minh, một thành viên cấp cao trong Đảng CSVN và Đại sứ của Chính phủ Giải Phóng Miền Nam tại Bắc Âu và Liên Sô. Năm 1968, tác giả lập gia đình với Trung úy phi công Hải quân Mỹ John J. Krall. Sau khi bất chấp hiểm nguy giúp chính quyền Hoa kỳ phá vỡ năm 1978 mạn lưới tình báo Việt cộng tại Mỹ gồm có Đinh Bá Thi, Trương Đình Hùng và đồng bọn, tác giả từ nhiệm và về sinh sống tại Atlanta. Đương sự đã phãi viết thơ khiếu nại thẳng với Đề đốc Stansfield Turner, Giám Đốc CIA, và mặt khác, nhờ Văn phòng Luật sư Quinlan J. Shea Jr, Columbia, Maryland, căn cứ vào Luật Thông tin Tự do, quyết liệt tranh đấu nhiều tháng mới được phép thực hiện quyển hồi ký MNGLR. Cả hai, Griffin Bell và Quinlan Shea, nơi trang 8 và 142 trong sách, đều đề cao Yung Krall như " truly a great American …a genuine American hero". Phê

bình về các tác phẩm tả thực bi kịch VN, Gs Douglas Pike, thuộc Đại học Berkeley, viết " Yung Krall's A Thousand Tears Falling is one of the best of this genre, if not the best ". Ngày 19. 4. 1996, tại buổi lễ ở Kennesaw State College, GA, Ủy ban Georgia Author of the Year Committee đã bầu Đặng Mỹ Dung một trong 45 tác giả đặc sắc nhứt trong năm. Ngày 18 tháng 4 sắp đến, Đại hội toàn quốc Society Daughters of The American Revolution, Hoa kỳ, sẽ tặng cho đương sự tại Hoa Thịnh Đốn huy chương danh dự về thành quả phục vụ cộng đồng và đất nước. Giới Lập pháp và các hội đoàn cựu chiến binh Mỹ củng thường mời Yung Krall trình bày về vấn đề VN. Để giúp đọc giả Việt nhận định về mối nguy nan do hoạt động tình báo của CS Hànội tạo ra tại Hoa kỳ, nhứt là đối với cộng đồng di cư chúng ta, tác giả bài này đã phỏng vấn Yung Krall về quyển sách của cô và

nhiều chi tiết bên lề. Xin tóm lược sau đây các điểm chính yếu.

Tình phụ tử sâu đậm không hàn gắn nổi những dị biệt chính trị giữa cha con.

17 chương đầu của hồi ký MNGLR dành để trình bày cuộc sống của gia đình tác giả từ 1945 đến 1954 trong chiến khu Nam bộ và từ 1954 đến 1975 trong vùng quốc gia. Thân phụ của Yung Krall xuất thân là một giáo viên, tên thật Đặng Văn Quang, sau đổi thành Đặng Quang Minh, sinh năm 1909 tại Vỉnh Long, tham gia hoạt động cho CS từ lúc 18 tuổi, bị Pháp bắt giam năm 1930 và sau 1940, đày ra Côn đảo cho đến 1945. Thân mẩu của Yung Krall là bà Trần Thị Phàm, có 7 người con, hai trai và năm gái. Yung Krall là người con thứ tư trong gia đình. Trước Hiệp định Genève, Đăng Quang

Minh đắc cử Dân biểu Cần thơ trong Quốc hội CS và năm 1954, rút về Bắc Việt để làm việc trong ngành ngoại giao.

Trong 10 năm chống Pháp và Chính phủ quốc gia, Đặng Quang Minh cùng gia đình đổi vùng thường xuyên, từ Ông Dẹo, Ba Ngọn (Cần thơ) qua Kim Quy, Cảng Chú Hàng (Chương Thiện) để tổ chức kháng chiến. Yung Krall kể lại rằng cha cô lắm lúc vắng mặt nhiều tháng, có lẻ qua Thái lan mua võ khí, và khi về nhà thì thường phãi cải trang ẩn núp để tránh Mật thám Pháp truy lùng. Tại Ông Dẹo, Lê Đức Mai, sau này đổi tên thành Mai Chí Thọ, em ruột của Lê Đức Thọ, thường lui tới với gia đình cô. Cuối 1953, Lê Đức Thọ, từ Hànội vào, có đến chủ tọa một phiên nhóm cán bộ tại Cảng Chú Hàng.

Sau Hiệp ước Genève, Đặng Quang Minh tập kết ra Bắc với Khôi, đứa con trai đầu lòng 18 tuổi. Đặng Mỹ Dung - lúc đó vừa lên chín -cùng với mẹ và chị em về tá túc tại nhà ông ngoại ở Long Thạnh, Cầnthơ. Trong gia đình của Dung, các chú và cô đều hoạt động cho CS nhưng mẹ và ông ngoại, thủ cựu, thì lại không chấp nhận xã hội chủ nghĩa bất nhân. Sự dị biệt về lý tưởng, tuy nhiên, không làm sứt mẻ tình thương kính lẩn nhau. Vì biết không thuyết phục nổi vợ con thay đổi lập trường, Đặng Quang Minh không tìm cách gây áp lực quá đáng. Trong suốt cuộc chiến VN, mổi gia tộc là một thảm cảnh phân chia -hình ảnh chung của đất nước!- với những thân nhân sanh Bắc tử Nam hay trái lại. Gia đình của tác giả MNGLR không phãi là một biệt lệ. Trước khi tập kết, Đặng Quang Minh thận trọng cho thủ tiêu tất cả hình ảnh chụp chung với y, lập khai sanh khác cho các con, ghi cha "vô danh" và

sửa tờ khai gia đình. Y hứa hai năm sẽ trở lại. Không ngờ hai mươi mốt năm sau, về nơi sinh quán thì gia đình đã bỏ "thiên đường CS" và vỉnh viển ra đi.

Từ 1954 cho đến ngày Miền Nam sụp đổ, Đặng mỹ Dung và gia quyến sống lang bạt, hụp lặn trong mọi thử thách vât chất, an ninh và tinh thần. Dung lớn lên như cỏ dại, với mặc cảm ray rứt của một người con không cha, "cha vô danh" mặc dù biết rỏ cha còn đó, bên kia vỉ tuyến. Xong Trung học tại trường Phan Thanh Giản Cầnthơ năm 1964, lúc 18 tuổi , Dung liền tìm việc làm để giúp đở gia đình . Nhờ xông xáo, xốc vác , kiên nhẩn - và cả may mắn - Dung được Phòng 5 Tâm lý chiến Quân đội VNCH của Đại úy Nguyễn Đạt Thịnh, Vùng 4 Chiến thuật , tuyển vào chân phóng viên . Nơi đây, Dung tập viết lách và thu thập kinh nghiệm về

chiến tranh tâm lý . Có một lúc , Dung bị An ninh Quân đội điều tra nhưng mọi việc không đi đến đâu. Thân mẩu của Dung phãi dẹp tiệm may và dời về Sàigòn sinh sống sau một cơn bịnh nặng,. Dung tim ra được một job kế toán - điện thọai viên tại Đông Nam Á Ấn quán trả lương chết đói. Dung thất vọng , một mình trở lại Cầnthơ xin tái phục vụ tại Phòng Tâm lý chiến cũ. Không đầy một năm sau, Dung nhớ gia đình và thấy tương lai không có triển vọng nên trở lên Sàigòn , nhờ hai người chị , sẳn làm cho Mỹ , giới thiệu vào giúp việc tại Trung tâm BOQ , Bachelor Officers' Quarter. Tại đây, Dung gặp Trung úy Hải quân John James Krall và sau vụ tấn công Tết Mậu thân 1968, cả hai rời VN về Monterey , California để làm đám cưới. Lúc đó, hai người chị của Dung đang sống tại Mỹ vả ba chị em đã trở thành công giáo . Hãi Vân, người em trai của Dung, 21 tuổi , tình nguyện gia nhập Không

quân và được Bộ Quốc phòng VNCH gởi tu nghiệp tại Lacland, Texas. Đầu tháng giêng 1971, Hải Vân tử nạn trong một chuyến bay tập dượt gần Savannah, Georgia. Năm 1973, Yung Krall về thăm gia đình tại Sàigòn và nhân dịp này, nhận góp phần bảo trợ Cô nhi viện Minh Trí tại Gòvấp . Đầu 1975, John Krall đổi qua Fleet Weather Central , Hawai .Bất thần một buổi sáng , Yung Krall nhận một cú điện thoại từ Paris của một người Pháp xưng tên Jean Sagan, bạn thân của Đặng Quang Minh , báo tin Miền Nam VN sắp sụp đổ và thúc Yung Krall di tản gấp mẹ và em ra khỏi xứ. Yung Krall sực nhớ lại ba năm trước, có nhận được củng của kẻ trung gian bí mật này một bao thơ (không ghi tên người gởi) , củng từ Pháp, chuyển một số hình của Đại sứ Đặng Quang Minh chụp ở Hànội chung với Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh… và tại Mạc tư khoa và Mông cổ 3.

Tình nguyện làm gián điệp để di tản gia đình. Tái ngộ với cha để chia tay vỉnh viễn .

Tình thế nguy kịch sau ngày Ban Mê Thuột và Quảng Trị thất thủ . Chị của Yung Krall , kết hôn với một sĩ quan Hoa kỳ tên Wray Allan Hall , không chịu tiết lộ cho chồng biết lai lịch của cha . Thiếu tá John Krall xin nghỉ phép 30 hôm , liều bay cấp bách về Sàigòn vận động đem nhạc mẩu và em vợ qua Hoa kỳ. Trên nguyên tắc, chuyến ra đi này bất hợp pháp vì lúc đó, Ngũ Giác Đài cấm ngặt sỉ quan Mỹ vào VN nếu không có công vụ lệnh của cấp chỉ huy trực tiếp .Yung Krall sốt ruột vì không biết việc gì xảy ra cho chồng và gia đình tại VN nên nghỉ ra giải pháp táo bạo : điện thoại cầu cứu thẳng vói Đề đốc Gaylor, Tư lệnh Hạm đội Thái Bình Dương .Sau nhiều khó khăn, Dung được nói

chuyện, xác nhận chức vụ của cha, trình bày nguy cơ của mẹ và luôn cả cuộc điện đàm với Jean Sagan. Đề đốc Gaylor liền cho Thiếu tá Hải quân Dave Smith tiếp Dung hỏi thêm chi tiết. Trong lần gặp gở này, để chắc ăn, Dung đánh lá bài chót : cô tình nguyện " cộng tác với chính phủ (HK) nếu và khi nào cần đến " . Đề nghị có hiệu quả mau chóng. Không đầy 24 giờ sau, một nhân viên CIA mặc thường phục, tên Bob Jantzen, đến tận nhà , sốt sắng ghi đầy đủ lý lịch của thân nhân của Yung Krall. Bob củng hứa thông báo cho Tòa Đại sứ HK tại Sàigon biết sự hiện diện của John Krall ở VN. Tham vụ ngoại giao Grant Ichikawa , nhờ thế, liên lạc được với John để sắp xếp mọi việc . Ngày 10.4.1975, John Krall yên tâm , trở về Mỹ trước. Vài hôm sau, mẹ và hai em vợ đến an toàn tại phi trường Honolulu .

Đầu tháng 6.1975, Bob Jantzen cho Yung Krall gặp sĩ quan đặc trách , case officer Robert Hall (hay Rob) là người có phận sự trong hệ thống CIA theo dỏi công tác , ra chỉ thị và nhận báo cáo . Rob lập một hồ sơ đầy đủ về Yung và đề nghị Yung theo học một khóa huấn luyện tại trung tâm Langley ở Washington . Ngày 20 .7.1975, tại Hickam, Yung vui mừng đọc trong báo Japan Times một tin ngắn cho biết ngày 5 tháng 8 , hai phái đoàn Hànội và Mặt trận giải phóng Miền Nam do Đổ Xuân Oánh và Đặng Quang Minh hướng dẩn sẽ tham dự Hộâi nghị quốc tế chống bom nguyên tử và khinh khí tại Tokyo . Yung , mừng tủi lẩn lộn , liền bay qua Nhựt với đứa con trai Lance , 5 tuổi, để gặp lại cha sau trên 20 năm xa cách . Có 2 diểm đáng ghi trong cuộc tái ngộ này : 1) ĐQMInh nghi quyết đế quốc Mỹ đã âm mưu sát hại con trai là phi công Hải Vân trong phi vụ tại Georgia để trả thù Minh theo CS.

Minh không tin lời cải chính của Yung đây chỉ là tai nạn . 2) Trước mặt nhân viên CS, Đ.Q.Minh không dám công nhận con và cháu ngoại. Y giới thiệu họ là " người cùng làng ! ".Yung buộc lòng phãi đóng trò xưng hô " Bác, Cháu " với cha . Trong những lần nói chuyện riêng với thân sinh về một số vấn đề chính trị, Yung khổ tâm nhận thấy một thế giới chia cách hai người và thổ lộ sự thất vọng . Đ.Q. Minh an ủi khi chia tay : " Ba không tìm cách thay đổi con nhưng xin con đừng dày xéo những xác tín của Ba …Nếu con thoải mái với điều con tin tưởng thì Ba củng mừng thấy con hài lòng !".(trang 247, 254, hồi ký).

Trung tuần tháng 9.1975, Yung làm thủ tục đem mẹ qua Paris gặp thân phụ trong dịp ông công tác tại Pháp. Trước ngày khởi hành, xếp Xịa Jerry Parker tiếp Yung tại một nông trại Virginia và ngỏ

ý muốn giúp sỉ quan VC Đặng Văn Khôi. đào thoát khỏi Bắc Việt . Khôi là anh cả của Yung, chuyên về tên lữa , guided missiles, từng được huấn luyện tại Trung quốc và Liên Sô . Rob được lịnh qua Paris theo dỏi việc làm của Yung . Phan Thanh Nam, xử lý thường vụ Tòa Đại sứ GPMN đặt ở 44 Đại lộ Madrid, Neuilly -sur- Seine, chỉ định "sinh viên " Phạm Gia Thái lái xe đưa mẹ con Yung về ngụ tại một ngôi nhà ở Verrières-la- Buisson. Đồng thời , Thái có phận sự làm hướng đạo cho hai người khách. Vì không muốn Thái dò xét hành tung của mình, Yung từ chối , viện lẻ đã thuê phòng tại khách sạn . Nam được Bắc bộ phủ gài trong MTGPMN . Không để mất thời giờ, vài hôm sau, Nam gặp riêng Yung để tìm hiểu về chức vụ và khả năng chuyên môn của John Krall trong Quân đội HK, đề nghị Krall giúp Hànội, khuyến dụ Yung về Mỹ vận động dư luận quần chúng đòi Hoa Thịnh

Đốn bồi thường 3,5 tỳ đô cho VN và yêu cầu mẹ Yung - nếu không về Việt Nam - thì ít nửa củng theo Đs Minh qua Moscou vì Chính phủ Sô viết " hiến cho vé máy bay Aéroflot miễn phí " . Nam không thuyết phục được thân mẩu của Yung vì bà dư biết chính quyền CS không tha thứ vợ một cán bộ cao cấp từ chối tập kết, bỏ nước ra đi và hơn nửa , gã hai con gái cho " Mỹ ngụy". Vả chăng, Đs Minh không ngại cho vợ biết điểm này. Những ngày vui mừng tái ngộ qua mau. Mẹ Yung quyết định cho Nam biết dứt khoát bà phãi trở về Hoa kỳ để săn sóc gia đình và thoái thác dự buổi cơm do Vỏ Văn Sung, Đại sứ Bắc Việt, khoản đải . Bà cảm thấy nhẹ nhỏm khi lên máy bay về HK vì những hôm chót , nhiều kẻ lạ mặt lui tới nơi địa chỉ cư ngụ , làm bà lo sợ bị bắt cóc.

Vỏ Văn Sung mời Yung đến sứ quán, tỏ ý muốn

Thiếu tá John Krall " tiếp một tay với cha vợ " , cho biết Việt cộng có một số " cảm tình viên " tại Honolulu và đề nghị Yung tiếp xúc làm việc với người cầm đầu Hội Việt Kiều Yêu Nướcï tại San Francisco . Trở về Hawai, Yung Krall được CIA chỉ thị dời cùng chồng lên thủ đô Washington. Hướng công tác không còn chú trọng đến nạn nhân của CSVN và từ nay, nhắm vào hệ thống chỉ huy CS ở nước ngoài. Yung được bố trí đóng vai trò " gián điệp nhị trùng " để lấy tin. Môt vai trò tế nhị và nguy hiểm mà Yung chấp nhận .Yung trở qua Paris vài tháng sau để bắt liên lạc với Huỳnh Trung Đồng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Việt kiều . Trong nhiều tuần lễ , Đồng dẫn Yung viếng trụ sở và thư viện chứa đầy tài liệu tuyên truyền ; tham dự những buổi học tập của cán bộ và gặp các phần tử thiên tả Việt - Pháp ; và trao cho Yung nhiều ấn phẩm Anh - Việt để phổ biến tại Hoa kỳ . Đặc biệt, Đồng dặn

Yung tiếp xúc với cán bộ Nguyễn Thị Ngọc Thoa, người cầm đầu một hệ thống tình báo CS tại Hoa Thịnh Đốn. Sỉ quan đặc trách Rob Hall - khi được thông báo mọi việc - ngăn Yung gặp Thoa vì cho rằng công tác phản gián là phần vụ cảnh sát của FBI , không liên hệ đến CIA chỉ chú trọng về chính trị . Y hăm sẽ bãi nhiệm Yung nếu bất tuân lịnh: Không một ai được phép làm việc cùng một lúc với CIA và FBI. Yung bướng bỉnh cải lại rằng cô làm việc không lương cho CIA từ 9 tháng nay, vỉ thế không bị ràng buộc bởi hợp đồng nào và cô sẽ nhờ chồng tường trình lên Đề đốc Bobby Inman , Giám đốc Cục Tình báo Hải quân . Lúc đó, John Krall là nhân viên Phòng Liên lạc Quốc ngoại trong cơ quan này. Vài hôm sau. Đề đốc Inman tiếp Yung . Cô trình bày nhu cầu cấp thiết phá vỡ lưới tình báo VC tại HK. Inman hứa sẽ thảo luận với Clarence Kelly, Giám đốc FBI. Tháng 6.1976, nhân viên FBI

Bill Fleshman và sĩ quan đặc trách CIA Bill Reardon được chỉ định làm việc với Yung Krall , từ nay một gián điệp có hợp đồng .

Vụ án Đinh Bá Thi , Trương đình Hùng và đồng bọn.

Bức thơ giới thiệu của Huỳnh Trung Đồng giúp Yung Krall gặp Nguyễn Thị Ngọc Thoa dễ dàng tại một căn gác nhỏ ở 18th street N.W. thủ đô Washington . Địa chỉ này là trung tâm phát hành nhiều tài liệu tuyên truyền CS và nguyệt san Người Việt Đoàn Kết mỗi tháng in 5000 số, với sự giúp đở của LM Trần Tam Tĩnh, Gia Nã Đại . Thoa rất kín đáo , sống kham khổ và có một người chồng Mỹ thiên tả nhưng không ở tại đây. Hệ thống của đương sự gồm có Việt kiều thân Cộng, không đông, có căn bản học thức, phản chiến trong những

thập niên 60 / 70 và hoạt động khá hăng hái . Sinh viên Trương Đình Hùng , con của Ls Trương Đình Dzu, nguyên ứng cử viên Tổng thống chống Thiệu năm 1967, là một trong các người này. Thoa và Hùng thường nhờ Yung chuyển nhiều bao thơ mật cho Hùynh Trung Đồng và Nguyễn Ngọc Giao ở Paris. Mỗi lần, FBI và CIA được Tòa án cho phép chụp ảnh tài liệu để lưu trử . Tháng 4. 1976, nhờ Vỏ Văn Sung giới thiệu ,Yung bắt liên lạc được với Nguyễn Văn Lũy ,Chủ tịch Hội Việt kiều Yêu nước tại San Francisco và Lũy cho Yung gặp hai " đồng chí đắc lực" học tại Virginia Tech , Christianburg, VA . Sĩ quan đặc trách Rob Hall được tái chỉ định trở về cọng tác với Yung . Cuối 1976, Yung điên thoại xin đến thăm Đinh Bá Thi, Đại sứ CS tại Liên Hiệp Quốc ở New York với một bao thơ tài liệu của Trường Đình Hùng. Thi vui vẻ nhận lời vì quen thân với Đs Đặng Quang Minh. Chẳng những thế,

Thi còn mời Yung Krall đến ở tại Sứ quán . Vì xông vào hang cọp, Yung thông báo trước cho CIA / FBI biết : nếu quá 3 ngày, không nhận được tin , là có chuyện nguy . Nhân viên sứ quán vỏn vẹn gồm có Phạm Ngạc, Tham vụ phụ tá ; Phạm Dương, chuyên viên kinh tế ; Hưng, gác dan kiêm đầu bếp ; và Vân, tài xế kiêm vệ sĩ . Tất cả sống chung với nhau , nhịn ăn điểm tâm " để tiết kiệm ", thường xuyên nghe ngóng thời sự trên 3 máy truyền hình và không được phép rời Nữu ước quá 25 dặm . Theo Yung, Đinh Bá Thi tánh tình cởi mở và không quá khích. Y than vợ đang bịnh nặng ở VN và không được Chính phủ cho xuất ngoại. Nhân viên ngoại giao không có quyền đem theo gia đình để tránh nạn đào ngũ . Thi thông cảm nỗi khó khăn thân mẫu của Yung gặp phãi nếu trở về VN. Thi buồn rầu nhận định : " Một khi chế độ không đem lại hạnh phúc cho dân và không đưa đất nước

tiến tới một tương lai hưa hẹn thì phãi thối lui và tự đặt câu hỏi : Vì sao ? " (trang 312, hồi kỳ).

Sau khi CIA trắc nghiệm bằng máy dò sự thật, polygraph test , theo thủ tục định kỳ, Yung Krall trở lại Paris, tổng hành dinh tỉnh báo VC ở hải ngoại. Mổi chuyến đều có Rob Hall đi kèm, để bảo vệ an ninh và vì lý do nghề nghiệp . Tuy đại diện cho MTGPMN, Phan Thanh Nam thiên hẳn về chủ trương của Hànội xúc tiến thống nhứt gắp VN. Nam khuyên Yung không nên lộ diện với Việt kiều cánh tả để dể làm việc mật với y. Nam còn xúi Yung bề ngoài vung vít chống Cộng, để đánh lạc hướng . Yung củng bị Phòng Nhì Pháp theo dỏi. Phòng thuê của cô tại khách sạn bị lục soát , điện thoại bị ghi âm . Yung phản đối , viên Giám đốc xin lổi , nói rằng có sự hiểu lầm . Vì tính cách hệ trọng của kỳ công tác này, Yung được gặp Dan

Andrew, chỉ huy khu vực của CIA . Huỳnh Trung Đồng đề nghị Yung đứng ra thành lập một Hội Việt - Mỹ tại HK vì các nhóm Việt kiều Yêu nước ở Hoa Thịnh Đốn, San Francisco và nới khác chống đối lẩn nhau. Chính Trương Đình Hùng (tự David Trương) nhiều lần khuyên Yung không nên liên hệ với những nhóm " ăn hại " vừa kể. Dù sao, theo Yung, những tổ chức này đã thu được vài kết quả : móc nối với một số trí thức và khoa học gia HK hô hào giúp chính quyền Hànội. Gs Edward Cooperman, thuộc Đại học Fullerton, Californie, sáng lập viên của Ủy ban US - VN Science & Technology Committee, là một thí dụ. Yung xâm nhập vào hoạt động của Ủy ban . Một thời gian sau, xãy ra hai vụ 1 -Trần Văn Bé Tư mưu sát hụt KS Trần Khánh Vân, thành viên của Ủy ban nói trên và 2 - sinh viên Lâm Văn Minh hạ sát Cooperman . Cộng đồng người Việt rất xao động về chuyện

thanh toán này . Mặt khác, lúc ở Paris, Yung củng đã lui tới với vài phần tử trước hợp tác với MTGP, nay bất mản : Ký giả Cao Minh Chiếm và kỷ sư Huỳnh Ngọc Châu , rể và con của cố Huỳnh Ngọc Nhuận, một triệu phú ở Giađịnh từng chứa chấp tại nhà dược sĩ Hồ Thu và nhiều nhân vật kháng chiến. Sau 1975, bà Nhuận bị CS giam cầm và tịch thu tài sản .

Kể từ mùa xuân 1977, Yung bám sát hoạt động của Trương Đình Hùng . Hùng nghịch với Nguyễn Văn Lũy và làm việc thẳng với Phan Thanh Nam (Paris) vả Đinh Bá Thi (New York), đồng thời liên lạc trực tiếp với Hànội. Hùng tâm tình với Yung rằng , với khả năng sẵn có và giao thiệp rộng , y mơ ước ngày kia , được " Trung Ương " giao cho trách nhiệm điều khiển " hệ thống thông tin quốc ngoại CS " ở Hoa Kỳ , tương đương với vai trò giám đốc

CIA Việt Nam (!) . Mộng xa vời , chưa đạt thì xộ khám . Đúng vậy, Yung liền thông báo cho Clarence Kelley, Giám đốc FBI và Thứ trưởng Ngoại giao Warren Christopher hay khi David Trương khoe với cô rằng y " có thể có những gì y muốn ", nhờ nắm được một nhân vật (HK)" vô ra ở tầng thứ 7 của Bộ Ngoại giao "(trang 336, hồi ký). Cuối tháng 4.1977, Huỳnh Trung Đồng , vừa được thu nạp vào đảng CS sau một cuộc viếng thăm Hànội , mời Yung Krall qua Paris " để chào " Thủ tướng Phạm Văn Đồng công du tại Pháp. David Trương nhờ Yung trao cho Phan Thanh Nam hai bao thơ " tối mật / tối khẩn " . Tất nhiên, FBI chụp ảnh tất cả tài liệu bên trong. Huỳnh Trung Đồng niềm nở chào đón Yung ở Paris và giới thiệu với 4 cán bộ VC, trong đó có một phụ nử tên Vân, nguyên phụ tá của Ngoại trưởng Nguyễn Thị Bình tại Hội nghị Paris. Tất cả tỏ vẻ vui mừng nhận

được tài liệu của T.Đ. Hùng để cho phái đoàn CS Việt nhóm hôm sau với đại diện của Washington về " vấn đề bồi thường chiến tranh " . Giờ chót, không rỏ lý do , H .T. Đồng xin Yung đừng đến phi trường Orly đón Thủ tướng Đồng và dự buổi tiếp tân . Tại HK, chiến dịch " Operation Magic Dragon " xúc tiến để tóm trọn gói tổ chức tình báo Việt Cộng. FBI ghi âm được đầy đủ điện đàm giữa T.Đ.Hùng và Ronald Louis Humphrey , một nhân viên của USIA, US Information Agency . Với sự đồng ý của Tổng thống Carter và giấy phép của Bộ trưởng Tư pháp Griffin Bell, FBI đặt máy thu hình bí mật trong văn phòng của Humphrey và bắt quả tang đương sự trộm tài liệu bí mật quốc gia để chuyển cho Hùng. Trong bức thơ riêng do Phan Thanh Nam nhờ Yung đưa cho Hùng, Nam viết : "Hoan nghinh chương trình làm việc của anh…Có những cố gắng lừa đảo và bịp lẩn nhau ". Hùng

sống thanh bạch trong một căn phố nhỏ, đầy sách và báo , ở đường F. Street và làm việc trong một tiệm gởi thư tín , đường M Street, Hoa Thịnh Đốn . Khi Yung đến từ giả Hùng để đi Luân Đôn , nhiệm sở mới của chồng chuyển về Bộ Tư lịnh Hải quân HK tại Âu châu , Hùng đưa cho Yung một bì thơ đựng tài liệu " lấy từ Quốc hội " để nhờ trao cho Huỳnh Trung Đồng . Hùng nói : " I ran over to the Congress to get a package of that stuff " . Đây là bao thơ cuối cùng , trước ngày Hùng bị bắt .

Yung Krall thử thi hành một kế hoạch chót trước khi thôi việc với CIA - FBI : thuyết phục thân sinh từ nhiệm và giúp người anh cả là sĩ quan VC Đặng Văn Khôi trốn khỏi VN. CIA tặng cho Khôi 10.000 đô để trang trải chi phí. Yung qua Paris nhờ Đs Vỏ Văn Sung can thiệp với Bộ Ngoại giao CS cho Đặng Quang Minh đến Pháp gặp vợ , khai đang

đau nặng . Sung cho biết đến nay, chính phủ Hànội không cho cán bộ nào, dù cao cấp, xuất ngoại vì vấn đề riêng tư . Yung đánh liều gởi hai bức thơ thỉnh nguyện cho Tổng Bí thơ Lê Duẫn và Ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh , kèm theo giấy chứng bịnh (giả) của mẹ .Bất ngờ, một thời gian sau, Lai Xuân Chiêu , xữ lý thường vụ Tòa Đại sứ VC tại Anh quốc , cho Yung hay Đs Đặng Quang Minh, trong dịp công du tại Moscou, sẽ ghé Luân Đôn. Được thông báo, Rob (CIA) và Bill (FBI) đề nghị Yung hãy khuyên cha xin về hưu và di cư qua Hoa kỳ . Nếu Đặng Quang Minh cương quyết từ chối, họ sẳn sàng giúp tay để tổ chức bắt cóc . Ngày 13.12. 1977, Đs Minh đến phi trường Heathrow. Ban ngày , Đs Minh ở tại nhà Yung , chuyện trò và ăn uống với vợ con nhưng ban đêm lại nhứt quyết đòi về ngủ tại phòng của sứ quán dành riêng cho khách. Nói là tuân hành quy tắc chung (của CS !).

Khi nghe Yung năn nỉ về vấn đề xin về hưu để đoàn tụ với gia đình , Đs Minh lắc đầu , trả lời : " Đảng còn cần , không thể trốn nhiệm vụ ! ". Đs Minh có vẻ lo sợ. hoảng hốt khi Yung - quá thất vọng - nói đùa :" Con sẽ bắt cóc Ba ! ". Cuối cùng , Yung bỏ qua ý định bắt cóc vì biết giải pháp này sẽ vỉnh viển đốt cháy cuộc đời của cha , chỉ biết có Đảng. Nơi trang 382 , Yung Krall chán nản kết luận : " Phãi có gì hơn phép mầu mới thắng nổi sự mê tín lý tưởng vaû lòng chung thủy vô biên của cha tôi đối với chủ trương của ông ! ".Mẹ Yung thấy con khổ sở bèn vổ về :" Không thể thay đổi đất nước và dân Việt bằng cách tố khổ suông CS trước mặt Ba . Đừng hành hạ Ba vì kinh nghiệm đau đớn của con. Không phãi chỉ Ba con mà là cả chế độ đã không làm được gì tốt cho dân tộc ..Mẹ biết con khổ, Con còn trẻ , rồi mọi vết thương sẽ hàn gắn . Ba con không còn thời gian như con ".

Khi tiễn cha lên máy bay, Yung cảm động bắt tay từ giả , với lời thú :" Con chống Chính phủ CS. Con không chống Ba ! ". Đặng Quang Minh trã lời , lạnh lùng : " Con là con , Ba là Ba. Ba không chịu trách nhiệm về những gì con làm ! ". (trang 385. 395. Hồi ký).

Đây là cuộc hội ngộ chót . Yung Krall quyết định giải nghệ mặc dù về thành quả công tác, Yung được thượng cấp đánh giá như một spy catcher, super spook , superstar spy… CIA tăng nguyệt phí lên 1, 200 đô , một giá rẻ mạt , sánh với bao nhiêu công sức và hy sinh ! . Tiền không phãi là mục tiêu . Yung không thiết tha gì nữa . Cô trã lòi Tony Lapham, Cố vấn CIA, và John Martin, Luật sư của Bộ Tư pháp, rằng cô sẵn sàng làm chứng (nhân chứng chính, key witness) khi Tòa xữ vụ án gián điệp VC . Quyết định này gây nguy hiểm cho cô và

gia đình. Mặt khác, sẽ chấm dứt liên hệ từ nay với CIA và FBI vì cô lộ diện . Nhưng không sao ! .Ngày 31.1.1978, FBI bũa lưới bắt Ronald Humphrey, Trương Đình Hùng và đồng bọn . Một số can phạm khác bị truy tố nhưng không bị bắt : Huỳnh Trung Đồng, Phan Thanh Nam , Nguyễn Ngọc Giao và Đinh Bá Thi . Trong hồ sơ , Yung cung khai dưới bí danh Keyseat , ngụ tại 8 Regal Lane, Regent Park, London. Giới truyền thông HK ầm ỉ tung tin về vụ án này. Hùynh Trung Đồng gởi cho Yung Krall một tấm thiệp căn dặn " hãy đề phòng " vì tới giờ chót, y vẫn không ngờ Yung là gián điệp nhị trùng. Mãi đến ngày 17.3.1978, công chúng mới biết được lý lịch thiệt của Keyseat . Yung liền nhận được nhiều thơ nặc danh hăm dọa và sỉ vả là " kẻ phản bội ". CIA củng không hài lòng vì mất một cọng tác viên đắc lực. Nổi khổ tâm của Yung là không biết hậu quả gì xãy ra tại VN

cho cha và anh ?. Tuy nhiên , cô không hối tiếc đã giúp lật tẩy CS phá hoại tại Hoa kỳ, đất dung thân của gia đình cô. Những tâm tư này được gởi gấm trong một hồi ký đầy kỷ niệm và nước mắt : " Một Ngàn Giọt Lệ Rơi " . Yung Krall đã biến các dày xéo của bản thân và đất nước thành môt hành động tích cực để đấu tranh cho dân chủ .

Trong những lần tiếp xúc riêng , tác giả Yung Krall đã trã lời như sau vài câu hỏi của chúng tôi : 1) - Ngày 8.7.1978, Humphrey và Trương Đình Hùng bị Tòa phạt mỗi người 15 năm tù ở về tội làm gián điệp. Humphrey có vợ Việt . cưới khi y phục vụ tại VN. Hùng có vợ Mỹ và định cư tại Aâu châu sau khi thụ án ï Đs Đinh Bá Thi bị trục xuất khỏi HK, chết trong một tai nạn xe hơi (hình như do CS tổ chức vì nghi Thi " chệch hướng "). 2) Đs Đ.Q. Minh là người của Trung ương đảng bộ gài trong

MTGPMN nên vẩn tại chức đến ngày qua đời tại Sàigòn năm 1986, vì bịnh đau tim. Chức vụ chót là Cố vấn Bộ Ngoại Giao CS. Có liên lạc với gia đình nhưng tuyệt nhiên không hề đề cập đến vụ án . 3) Sau khi Tòa HK tuyên xử, để đánh lạc hướng dư luận , báo chí CS viết rằng " con của một đảng viên cao cấp CS bị CIA buộc gài bẩy Đs Đinh Bá Thi và con trai của một luật sư trong vụ gián điệp " . 4) Tháng 6. 1986 , hai tháng trước khi cha qua đời, Đặng Văn Khôi , sau nhiều lần vượt biên thất bại, đến định cư tại HK . Hiện sinh sống tại New York bằng nghề dạy guitar. 5) Tháng 4. 1986 , thôi việc với CIA, tác giả Yung Krall, với tư cách riêng, qua Bắc Kinh 2 tuần để viếng Hoàng Văn Hoan, bạn nối khố của Hồ Chí Minh , tị nạn tại Trung Hoa và bị Lê Duẫn xử tử hình khiếm diện. Yung Krall sẽ viết bài tường thuật vụ tiếp xúc hi hữu này. 6) Một sô tài liệu về vụ án Đinh Bá Thi - Trương Đình

Hùng đến nay chưa được giải mật nên không thể ghi vào hồi ký MNGLR .

*

Hoa kỳ lập bang giao với Việt Nam là tạo cơ hội cho Hànội mở rộng lưới gián điệp tình báo tại Mỹ trong mọi lảnh vực : văn hóa, kinh tế và chính trị . Cách đây một năm, FBI đả phãi lên tiếng báo động và kêu gọi cộng đồng Việt giúp tay chận đứng sự xâm nhập . Trên 3 thập niên chiến tranh , xã hội chủ nghĩa tại VN là chất bạch phiến đã ru ngủ và mê hoặc dân chúng nhẹ dạ. Lòng yêu nước thiết tha và mù quáng của họ bị lợi dụng bỉ ổi . Đối với nhiều lớp người, chủ thuyết Mác Lê là một tôn giáo trên mọi tín ngưởng , luôn luôn chủ trương " tử vì đạo " , chà đạp lý trí và lô gíc . Chỉ thắc mắc mà thôi , đủ xem như phản bội . Con người CS quy hóa

không khác đứa trẻ con bị đóng hộp, lớn lên và chết mòn giữa bốn bức tường thành khóa chặt. Lần hồi , trong tim phổi và linh hồn ï, Mác Lê đã thay thế tổ tiên và quê cha đất nước.

Ngày nay, xã hội chủ nghĩa chỉ còn là một lý thuyết rổng tuếch, mất hết hấp lực, hào khí và linh nghiệm. Nhóm cầm quyền tại Bắc bộ phủ bôn chôn và xuýt xoa tìm cách bôi đỏ dậm vá một món đồ cổ đã phai màu và tróc sơn. Tái xích hóa không phãi là lối thoát khôn ngoan . Lối thoát là mở mắt nhận thức Dân chủ, Nhân quyền và Kinh tế thị trường đang tiến trong thế giới đổi khác hằng ngày. Sự thực - chỉ có sự thực ! - mới giải thoát. Vì ù lì lẩn tránh sự thực, CS không bao giờ tự giải thoát nổi. Cho đến ngày cuồng phong cách mạng giải thoát và đào thải chúng.

Đọc qua ba bài chỉ trích xã hội chủ nghĩa của Phan Đình Diệu, Trần Độ và Hoàng Hữu Nhơn sẽ thấy ngay những khác biệt giữa một chiến sĩ dân chủ, một thành viên CS hối cải và một cán bộ chưa gột sạch chất nhựa mạc xít .Điều đáng tiếc là trong cả ba , không một ai đặt thẳng vấn đề với Trung ương đảng bộ : tẩy khỏi Hiến pháp điều 4 đề cao độc quyền đàng trị . Chừng nào họ mới dám bước thêm bước quyết định này?

Yeltsin , một cựu thành viên CS biết quá nhiều, đã khẳng định :" CS không bao giờ thay đổi . Chúng chỉ có thể bị thay thế " .Jean Francois Revel quả quyết dứt khoát hơn :" Cách duy nhứt để cải lương xã hội chủ nghĩa là xóa bỏ nó đi "5 .

1. Đọc Duyên Anh (La Colline Fanta), Dương

Thu Hương (Les Paradis Aveugles 1991 và Roman Sans Titre 1992, dịch giả Phan Huy Dương, Arles), Phạm Thị Hoài (La messagère de cristal,1990, dịch giả Phan Huy Dương, Arles), Nguyễn Chí Thiện (Hoa Địa Ngục, The flowers of Hell " ,dịch giả Nguyễn Ngọc Bích, 1996, Tổ hợp xuất bản Miền Đông HK.

2. "Le Chagrin de la Guerre " , BẢO NINH, dịch giả Phan Huy Dương,Editions Philippe Picquier, Arles, Pháp, 1994 và " The Sorrow Of War ", BẢO NINH, dịch giả Phan Thanh Hao,Riverhead Books, NY, 1996. "Nổi Buồn Chiến Tranh" của Bảo Ninh được Hội Nhà Văn Hànội xuất bản năm 1991 , lần đầu tiên dưới tên " Thân Phận Của Tình Yêu ". Giới truyền thông HK đã so sánh tác phẩm này với " All quiet on the Western Front " của đại văn hào Eric Maria Remarque.

3. Đọc trang 207 - 209 hồi ký MNGLR . Các hình vừa nêu có in nơi trang 213, 214 và 215 của sách ..
4. " Commander Smith, I want my mother out of VN ! I will cooperate with the government if and when I am needed" (trang 221 . hồi ký MNGLR).
5. Đọc " De la réversibilité du communisme " của học giả Pháp Jean Francois Revel đăng trong tạp chí Politique Internationale, số 41 , phát hành năm 1988 , Paris.

LÂM LỄ TRINH

Việt Luận Phỏng vấn Chị Đặng Mỹ Dung.

Lời toà soạn:

Cuộc chiến Bắc Nam kéo dài hơn 20 năm đã làm cho hầu hết những gia đình VN đều phải chịu cảnh con xa cha, vợ xa chồng, gây ra những mất mát quá lớn về cả vật chất lẫn tinh thần và sau cuộc chiến chấm dứt vẫn còn để lại biết bao vết thương, thù hận, lòng người chia cắt... kéo dài đến hôm nay. Gia đình chị Đặng Mỹ Dung là một trường hợp khá tiêu biểu của những gia đình ở Miền Nam VN. Sau 1954, cha chị tập kết ra Bắc, còn chị em chị cùng mẹ ở lại trong Nam được nuôi dưỡng trong môi trường biết quý trọng giá trị của tự do và

hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa CS. Chị lập gia đình với một sĩ quan cao cấp người Mỹ và rời khỏi VN trước ngày mất nước. Sau 1975, cha chị là Đặng Quang Minh lúc đó là đại sứ của CSVN tại Moscow gặp lại gia đình lần đầu sau hơn 20 năm chia cắt tại Paris. CSVN nghĩ là có thể dùng lợi dụng chị qua tình cảm cha con để xây dựng một mạn lưới gián điệp tại Hoa Kỳ. Chị Đặng Mỹ Dung hành xử trong trong cương vị là một công dân Hoa Kỳ có trách nhiệm bảo vệ quê hương thứ hai. Chính chị đã giúp cơ quan tình báo Mỹ phá vỡ mạn lưới gián điệp của CSVN tại Mỹ. Tất cả những chi tiết đó và cuộc đời của mình đều được chị kể lại trong cuốn tự truyện "Ngàn Giọt Lệ Rơi" sẽ xuất bản bằng tiếng Việt trong năm nay. Nhân dịp chị Đặng Mỹ Dung qua Úc để thăm bạn bè và thăm lại những người từng là trẻ mồ côi trong Cô Nhi Viện Minh Trí tại Sàigòn trước đây và hiện đang sống

tại Úc, Việt Luận có buổi tâm tình với chị hầu có thể giúp cho độc giả biết thêm về người phụ nữ bản lãnh này

----

Việt Luận : Tuổi thơ ấu của chị trải qua gần 10 năm trong mật khu chống Pháp, chị có thể nói thêm về tuổi thơ của mình được không?

Chị Đặng Mỹ Dung : Tôi sanh ra trong một gia đình đi làm cách mạng chống thực dân Pháp. Hai người anh và một người em trai của má tôi là bạn thân của ba tôi thuở còn đi học, gia đình bên nội các chú các bác đều là Việt Minh. Cuối năm 1939 đàn ông trong đại gia đình của chúng tôi bị Tây bắt đày ra Côn Đảo, đến năm 1945 cùng với muôn ngàn người tù khác ba tôi được trả tự do. Năm

1946 tôi ra đời tại tỉnh lỵ Cần Thơ nhưng chưa đầy một tuổi thì ba tôi dẫn vợ con vô vùng giải phóng. Tôi rất thích khi VL hỏi đến tuổi thơ của tôi, bởi vì nó như một cuốn film trắng đen vẫn còn mới trong tâm khảm của tôi, nó vẫn còn linh động, vẫn còn âm thanh quen thuộc dù đã qua 50 năm rồi. Hình ảnh trong tuổi thơ của tôi là những năm tản cư, chạy giặc, bom đạn trên máy bay củaTây từ trên máy bay bắn xuống nhưng tôi nhớ hoài mỗi lần Tây bắn xong người trong làng xúm tìm nhau coi ai còn ai chết. Người sống tiếp tục đấu tranh không có ai bỏ cuộc. Được nuôi dưỡng trong cái nôi cách mạng, tiếng hát ru em là những chịi hùng ca nặng tình nhà, tình dân tộc. Gương sáng là những người yêu nước ở mọi từng lớp trong xã hội Việt Nam sánh vai nhau phục vụ cho một lý tưởng. Họ vào trong vùng giải phóng từ thành thị đến thôn quê, họ là những người dân chài, những anh nông dân,

những thiếu nữ tóc còn xanh. Họ là những bác sĩ, kỹ sư, luật sư, giáo sư, thầy giáo. Có người du học bên Pháp vừa về tới Việt Nam là đi thẳng vô trong khu theo cách mạng, có người thoát ly gia đình bỏ lại mẹ già, cha bịnh mà đi theo cách mạng chống thực dân Pháp. Anh chị em chúng tôi là những người bạn tí hon của các anh các chị bộ đội và cán bộ, khi họ nhớ nhà, nhớ bữa cơm gia đình họ tìm đến với chúng tôi.
Tôi còn nhớ những buổi chiều vàng thật đẹp trên sông trước cửa nhà tôi, anh em tôi ngồi nghe má kể chuyện đời xưa, còn ba tôi thì chờ đêm tối không trăng kể chuyện ma.
Lúc tôi lên 9 tuổi, Việt Minh thắng trận, Tây về Tây. Đất nước thanh bình chỉ được một thời gian ngắn, nhưng hoà bình trong nhà tôi chỉ được có mấy tháng thôi vì ba tôi cho vợ con biết Hiệp Định Geneve đã ký, còn nhỏ quá tôi chỉ biết cái tên xa lạ

đó nhưng không biết Geneve ở đâu, chỉ biết ở đó đã định đoạt cho cảnh phân ly của gia đình tôi. Ba tôi đi tập kết ra Bắc, má tôi và 6 chị em ở lại miền Nam.
Tôi may mắn được nuôi dưỡng trong cái nôi cách mạng để lớn lên tôi biết yêu nước, may mắn hơn nửa là được làm công dân ở Miền Nam để tôi có tự do yêu nước với người dân. Nếu má tôi không can đảm nuôi con một mình thì chúng tôi sẽ thành những dụng cụ yêu nước cho CSVN rồi.

Việt Luận : Sau khi ba chị tập kết ra Bắc vào năm 1954 yếu tố nào đã nung đúc chị có một tinh thần chống cộng rõ ràng, chớ không giống như phần đông những gia đình có cha theo Cộng sản khác?

Chị Đặng Mỹ Dung : Má tôi làm vợ của một nhà cách mạng chống Pháp, dù bà không có gia nhập

hội Phụ Nữ như những người vợ cách mạng khác nhưng má tôi sát cánh bên chồng, bên con cho nên má tôi hiểu khi Việt Minh ló đuôi Cộng Sản. Anh chị em chúng tôi lớn lên với thăng trầm của đất nước, qua tình yêu nước của ba tôi mà anh chị em chúng tôi biết yêu nước. Sau khi ba tôi đi tập kết chúng tôi tản cư về ở với ông ngoại chị ngoại, ông lại là người yêu nước thuần túy hơn, ông chống Cộng Sản, ông chống Hồ Chí Minh, nhưng ông yêu thương những người con, người rể của ông, nhờ ông ngoại cho tôi thấy phân biệt rõ ràng nầy mà tôi không đi lạc đường mà tôi vẫn không thấy mình tội lỗi khi tôi từ chối không nối gót ba tôi.

Việt Luận : Làm sao chị tạo được mối quan hệ với những nhân viên ngoại giao và gián điệp của CSVN sau năm 1975? Và chị có thể kể lại cho độc giả biết về vụ án Trương Đình Hùng có liên hệ trực

tiếp đến chị?

Chị Đặng Mỹ Dung : Tháng 5 năm 1975, ba tôi trở về Miền Nam trong chiến thắng của Hà Nội nhưng cá nhân của ông là chiến bại vì vợ con sợ Cộng sản quá nên đã bỏ chạy qua Mỹ trước đó 2 tuần. Trời thương gia đình tôi cho nên đưa đẩy cho ba má tôi gặp nhau trên nước Pháp do ông Lê Duẩn bạn chí thân của ba tôi đứng sau lưng giúp đở. Trong Bộ Ngoại Giao của Hà Nội lúc đó ai cũng biết là ông Lê Duẩn tin tưởng ba tôi lắm. Được biết trong lịch sử của đảng Cộng Sản ba tôi là đảng viên lần đầu được nhà nước cho phép gặp vợ con ở nước ngoài, cho nên khi tôi gặp ba tôi ở Paris thì những cán bộ của hai toà đại sứ Hà Nội và MTGPMN đều đón tiếp con gái của ba tôi một cách nồng nhiệt. Phải thành thật mà nói có những đồng chí của ba tôi cũng ở cùng hoàn cảnh xa vợ xa con suốt thời

kỳ chiến tranh cho nên họ hết lòng giúp cho cuộc hội ngộ nầy trọn vẹn cho ba má tôi và tôi. Nhưng khi tới Paris, gặp một vài ông cán bộ tình báo thì mới biết họ đã làm "home work" kỹ càng về tôi, biết chồng tôi là sĩ quan tình báo của Hải Quân Mỹ làm việc tại Ngũ Giác Đài, là phi công của Hải Quân, họ muốn làm thân với tôi vì con mồi lớn kia cùng một lúc Hà Nội bắt đầu củng cố lại nội bộ của Việt Kiều Yêu Nước. Bất đắc dĩ tôi nhận lời làm tai mắt cho ông chủ tịch của Việt Kiều Yêu Nước, trụ sở tại Paris. Trùm gián điệp Cộng Sản Việt Nam cũng cho tôi công tác để móc nối với gián điệp của họ ở Mỹ. Mọi liên hệ giữa tôi và cán bộ Cộng Sản Việt Nam tại Paris, Mỹ và các nước khác đều được báo cáo vói CIA trong những chịi báo cáo tôi trình lên cho sở nầy. Nói tóm lại, nhân viên Bộ Ngoại Giao và gián điệp của CSVN lợi dụng con của ba tôi chớ tôi không có rình nhà họ trước. Vụ án của

Trương Đình Hùng đã có nhiều báo chí, sách vở nói đến, trong A Thousand Tears Falling tôi cũng có ghi chép lại những chi tiết từ ngày đầu tôi được tình báo CSVN giới thiệu tôi với Trương Đình Hùng cho đến ngày ông ấy bị FBI bắt.

Việt Luận : Xin lỗi cho hỏi một câu riêng tư: Sau khi giúp chính phủ Mỹ phá vỡ được mạn lưới gián điệp lớn CSVN tại Mỹ, thì mối liên hệ giữa chị và cha chị ra sao? Chị có bao giờ thuyết phục ba chị bỏ lý tưởng cộng sản?

Chị Đặng Mỹ Dung : Cộng sản chia đôi đất nước, làm cho con xa cha, vợ xa chồng chúng tôi không được lớn lên bên cạnh ba tôi, rồi khi ba tôi già yếu chúng tôi cũng không được chăm sóc ông, nhưng gia đình tôi được cái phước là dù xa nhau trên 20 năm nhưng chúng tôi thương yêu nhau, kính trọng

nhau trong tinh thần của những người Việt Nam yêu nước. Một khi anh yêu nước thật sự, hành động và việc làm của anh nói lên tình yêu đó. Ba tôi biết tôi yêu nước, ba tôi biết tôi không chấp nhận sự có mặt của Cộng Sản tại Miền Nam Việt Nam. Chúng tôi vẫn yêu thương kính trọng nhau sau khi biết tôi giúp cơ quan tình báo Mỹ phá vỡ mạn lưới gián điệp của CSVN tại Mỹ.Sau 30 tháng 4 năm 75 tôi được gặp ba tôi 3 lần, lần nào tôi cũng nói khéo khuyên ba tôi hưu trí tìm một quốc gia nào khác ở dưỡng già với má tôi, dĩ nhiên không phải là tỵ nạn Cộng Sản ở nước Mỹ. Ba lần tôi mời ba tôi ở lại, ba lần tôi làm cho ba tôi thất vọng vô cùng vì ba tôi cho đó là một ý nghĩ vô cùng ích kỷ. Ông muốn tiếp tục phục vụ đất nước và dân tộc dù biết Đảng của ông đã phản bội ông rồi. Tình cha con của chúng tôi không sứt mẻ, chỉ buồn cho gia đình tôi là ngày ba tôi qua đời CSVN không cho chúng tôi

về dự đám tang. Gia đình bên ngoại “đánh dây thép” cho chúng tôi biết tin ba tôi qua đời.

Việt Luận : Yếu tố nào đã thúc đẩy chị viết tác phẩm “Ngàn Giọt Lệ Rơi”?

Chị Đặng Mỹ Dung : Câu chuyện của những người đi tập kết đâu có giấy mực nào ghi chép hết. Phần tôi, tôi viết để thế hệ con cháu của tôi nó biết gia đình Việt Nam của nó, hy vọng như vậy. Tôi viết để ghi ơn ông bà cha mẹ anh chị em của tôi và những người đi qua trong đời tôi đã giúp cho tôi thành người. Trăm ngàn gia đình có thân nhân đi tập kết cũng muốn kể lại khoảng đời nầy của họ, nhưng phần đông không viết được vì họ đang ở tại Việt Nam, có những người sống ở hải ngoại nhưng họ không dám ra mặt sợ thân nhân của họ bị phiền phức với nhà nước ở Việt Nam. Lần cuối cùng gặp

ba tôi ở Luân Đôn, tôi có cho ba tôi biết là mấy chục năm qua tôi viết nhựt ký, ba tôi có vẻ ưu tư rồi khuyên tôi nên viết thành sách cho con cháu trong gia đình biết về tổ tiên ông bà của chúng nó. Tôi nhớ hoài câu nói ngắn ngủi nhưng thành thật vô cùng của một đảng viên Cộng Sản: "Con viết dùm cho ba, hoàn cảnh chưa cho phép những người như ba viết hồi ký, chỉ có chánh phủ mới được viết hồi ký thôi con à."

Việt Luận : Được biết chị đang dịch tác phẩm này sang tiếng Việt, xin chị cho biết khi nào thì hoàn thành?

Chị Đặng Mỹ Dung : Tôi cám ơn chồng con, bè bạn và VL đã hỏi thăm tới đứa con tinh thần của tôi. Cho phép tôi trả lời rất dài dòng để tất cả biết tại sao 10 năm sau khi bản Anh ngữ A Thousand

Tears Falling xuất bản rồi mà tôi chưa hoàn thành bản Việt ngữ. VL là người thứ mấy chục hỏi tôi câu nầy, nhưng VL là người đầu tiên tôi trả lời rõ ràng. Vợ chồng tôi chỉ có một đứa con, nó lớn nhanh quá làm cho tôi luống cuống, viết lại quyển sách nầy bằng Việt ngữ cũng gần giống như nhìn con tôi trưởng thành, đủ lông đủ cánh nó bay đi. Nó là một đứa con tuyệt vời của vợ chồng tôi, khi nó trưởng thành nó có bổn phận với đời, với xã hội của nó. Cũng như con của tôi, cuốn sách nầy sẽ được vô nhà in, được đến tới tay của độc giả xa gần, cho tôi bồng bế nó cho đến cuối năm nay.

Việt Luận : Trong đời chị, chị đã làm được nhiều "chuyện lớn", nhưng điều gì làm chị hãnh diện nhất và chị có điều gì hối tiếc không?

Chị Đặng Mỹ Dung : Chuyện lớn nhứt là có con,

thương con và được nó thương lại. Điều tôi mong ước thầm kín nhứt nhưng ít khi nào nhắc đến trước công chúng đó là được cùng với ba tôi viết một quyển sách. Thôi thì kiếp sau vậy.





Ông Đặng Văn Quang tại phi trường Moscow trong ngày nhậm chức đại sứ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tại Liên Xô



Đại sứ Đặng Văn Quang trong một cuộc họp
với các đại biểu các nước.



Đại sứ Đặng Văn Quang tại Liên Xô



Đại sứ Đặng Văn Quang tại Liên Xô